LÝ TÔN NGÔ

HẮC HẤU HỌC

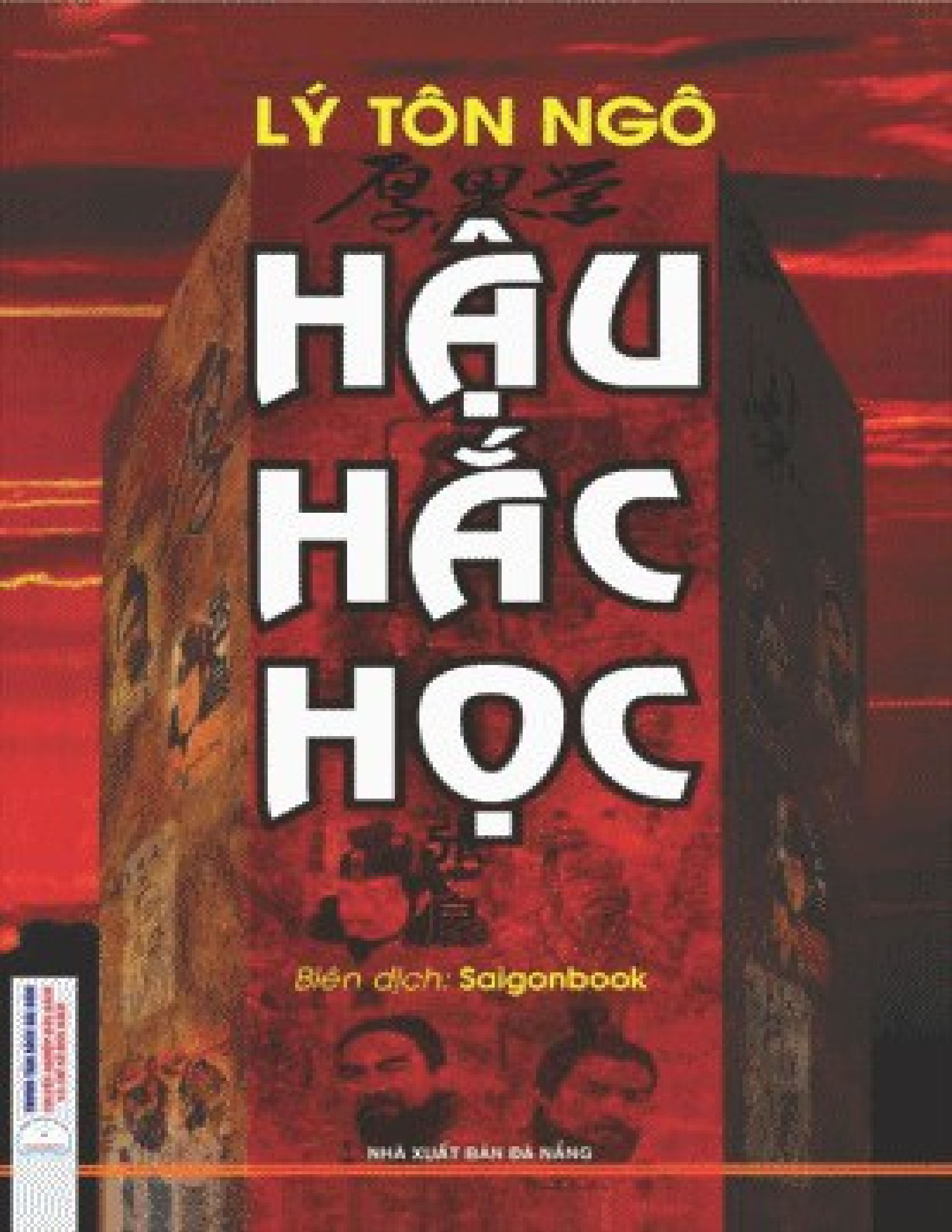

Biên dịch: Saigonbook

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Hậu Hắc Học --
Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách : Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google :http://bit.ly/downloadsach

厚 黑 學

Lý Tôn Ngô

*Lý Tôn Ngô, tác giả của **"Hậu Hắc Học"**, sinh ở Thành Đô năm 1879, năm thứ 5 đời Quang Tự (triều đình nhà Thanh), mất năm 1944 (trước cách mạng Trung Quốc thành công 5 năm). Lúc mới sinh, cha mẹ đặt cho ông cái tên là Thế Toàn, ông cho rằng tên đó không hay, nên tự đặt tên là Thế Giai, tự là Tôn Nho, muốn biểu lộ ý chí theo Khổng Tử; về sau ông không vừa ý với đạo Nho của Khổng Tử, cho nên đổi tên và lấy biệt hiệu là Tôn Ngô. Theo ông "hai chữ Tôn Ngô là ngọn cờ độc lập tư tưởng của tôi"*

Sau cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc, ông đã từng đảm nhận một vài chức quan nhỏ ở cấp Tỉnh của Chính phủ Dân quốc do Tôn Trung Sơn lãnh đạo, làm giáo sư đại học ở Tứ Xuyên, về sau ông từ chức và dành thời gian nghiên cứu và viết.

Lý Tôn Ngô đã từng nghiên cứu, đọc kỹ lưỡng 24 pho sử lớn của Trung Quốc,

*các sách của Bách gia Chư tử và nhiều sách khác nữa, nhằm khám phá sự nhận thức của lịch sử, cũng như các học thuyết khác nhau từng tồn tại lâu đời ở Trung Quốc như Đạo Khổng, Đạo Lão, Đạo Phật và cả những học thuyết khác trên thế giới đã được truyền bá vào Trung Quốc. Khi sinh thời, ông đã tìm tòi, suy nghĩ rất nhiều về những người từ thời xưa đến thời ông, họ có "**bí quyết**"gì? Ông đem nhận thức của mình chỉnh thành lý luận **"Hậu Hắc Học"**.*

*Chữ **"Hậu"** có nghĩa là **"Dày"** và được viết rõ là **"Mặt dày"**; Chữ **"Hắc"** là **"Đen"**, cũng được viết rõ là **"Tâm đen"** hay **"Tâm can đen tối"**. Theo ông đây là một triết lý rất đặc biệt, vì vậy trong khi dịch, chúng tôi phải viết hoa ở đầu các chữ **"Hậu Hắc Học"** với ý định nhấn mạnh ý nghĩa của từ ngữ mới lạ này.*

***"Hậu Hắc Học"** chế giễu một cách sâu cay sự đen tối của một số chế độ chính trị với những bệnh tật, thói hư tật xấu trong chốn quan trường của xã hội Trung Quốc cũ. **"Hậu Hắc Học"** lần đầu tiên được công bố trên "Công luận nhật báo" ở thành đô năm Dân quốc nguyên niên, nhưng vì nội dung châm biếm rất sâu cay của nó về thói hư tật xấu trong chốn quan trường nên đã dấy nên sự đố kỵ và bị công kích dữ dội. Qua nhiều năm sau, năm 1934 mới chính thức xuất bản thành sách và được giới học giả cùng với nhiều học giả của Trung Quốc hưởng ứng, bình luận rất tốt. Trong mấy chục năm sau cách mạng Tân Hợi, xã hội Trung Quốc bị rối loạn, do đó tác giả ũng khắc họa và phân tích những hiện tượng xã hội và các "Chính trị gia" thời đó trong **"Hậu Hắc Học"**. Do đó có nhiều học giả nổi tiếng ở Trung Quốc đã bình luận và đánh giá: **"Hậu Hắc Học"** là một kỳ thư hiếm có. Để chứng minh cho lập luận **"Hậu Hắc Học"** của mình, ông đã đi sâu nghiên cứu tâm lý học và viết tiếp **"Tâm lý và lực học"**, **"Tính linh và điện từ"**, đó là những công trình nghiên cứu mà ông rất tâm đắc.*

*Theo nhà xuất bản "Cầu Thực" ở Bắc Kinh Trung Quốc. **"Hậu Hắc Học"** đã được truyền bá rộng rãi ở nước ngoài nhưng ở lục địa Trung Quốc lại hiếm thấy, vì vậy nhà xuất bản "Cầu Thực" cho rằng không thể để một cuốn sách hay như vậy bị mai một, cho nên đã sưu tầm, chỉnh lý lại và xuất bản. Từ tháng 1/1989 đến tháng 5/1990 đã in lại 8 lần với tổng số lượng 300.000 bản.*

Toàn bộ cuốn sách được viết vào những năm 20, 30 và 40 của thế kỷ XX, vì vậy các từ ngữ, câu văn phần lớn viết theo kiểu cổ văn (Văn bác cổ) của Trung Quốc, nên khi dịch không dễ dàng. Chúng tôi cố gắng dịch thoát ý, nhưng lại bảo đảm đúng, lời lẽ gọn. Do đó chắc không tránh khỏi những thiếu sót, mong các độc giả thông cảm.

*Ngoài ra, chúng tôi muốn nói thêm, toàn bộ cuốn sách có ý nghĩa rất sâu xa, rất đáng để học giả Việt Nam nghiên cứu. Nhưng tác giả có bàn thêm một số vấn đề viết vào thời kỳ đầu của thế kỷ XX, như: **"Tôn Ngô bàn về chính trị"**, **"Tôn Ngô bàn về kinh tế"**...Chúng tôi cho rằng đó chỉ là ý kiến riêng của một học giả, cũng như bản*

*thân Lý Tôn Ngô cho rằng: ông chủ trương **"độc lập tư tưởng"**, nên các độc giả đều có quyền bình luận, đánh giá và phê phán.*

*Để bạn đọc thuận tiện theo dõi và tập trung nghiên cứu, chúng tôi sắp xếp lại mục lục và lược bỏ vài phần xét thấy không cần thiết như **"Hậu Hắc Học"** thể cổ văn, những câu đối viếng Tôn Ngô, vài đoạn phiếm đàm khác, mong bạn đọc thông cảm.*

Chúng tôi xin được cảm ơn nhà xuất bản Văn hóa thông tin đã góp ý và hỗ trợ công tác biên tập để tài liệu tham khảo này được góp phần nhỏ bé vào việc tiếp thu có phê phán và chọn lọc những tinh hoa văn hóa Đông – Tây trong quá trình hội nhập và phát triển vì một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của chúng ta

Những người dịch

Mục lục

Lời tựa 1
Lời tựa 2
Lời tựa 3
Phần Một
HẬU HẮC HỌC
HẬU HẮC KINH
TẠP LỤC HẬU HẮC TRUYỆN
SÁU CHỮ "CHÂN NGÔN" CẦU LÀM QUAN
SÁU CHỮ "CHÂN NGÔN" CỦA NGƯỜI LÀM QUAN
HAI CÁCH LÀM VIỆC KHÉO
Kết luận
Phần Hai
HẬU HẮC TÙNG THOẠI
Phần Ba
TÔI HOÀI NGHI CÁC THÁNH NHÂN
Phần Bốn
TÂM LÝ VÀ LỰC HỌC
TÍNH LINH VÀ ĐIỆN TỪ
"TUYẾN QUAY VỀ GỐC"
BÀI VĂN HAY Ở TUỔI SÁU MƯƠI
GHI CHÉP VỀ KHỔNG TỬ MỞ TRƯỜNG HỌC
CHỦ TRƯƠNG KHẢO THI BỊ ĐÁNH
TRIẾT HỌC SỢ VỢ
ĐÙA VỚI ĐÁC – UYN
XÉT LẠI HỌC THUYẾT CỦA CƠRUPOTXKIN
LỜI TỰA CUỐN THỰC PHẢ
TÔN NGÔ BÀN KINH TẾ
TÔN NGÔ BÀN CHÍNH TRỊ
CHÂM BIẾM TRUNG Y

TỰ SÁNG TẠO RA “VÔ CỰC QUYỀN”
CHIẾN THIÊN GIÁO CHỦ
BẠC BẠCH HỌC
CÂU ĐỐI VIẾNG NGƯỜI CHẾT NGÔ TÔN
TÔN NGÔ TRẢ LỜI PHỎNG VẤN
HẬU HẮC GIÁO CHỦ TRUYỆN
GIA THẾ TÔN NGÔ
Phần Năm
TÁC GIẢ TỰ TRUYỆN

Lời tựa 1

Tôi viết **"Hậu Hắc Học"** vào cuối triều đại Mãn thanh, chia làm 3 tập: *Tập đầu*: **Hậu Hắc Học;** *Tập giữa***: Hậu Hắc kinh**; *tập cuối*: **Tạp lục Hậu Hắc truyện.** Năm đầu của thời Dân Quốc đã đăng tải trên "*Công luận nhật báo*" ở Thành Đô. Độc giả có nhiều dư luận xôn xao, tôi cũng nhận được lời khuyên của bạn bè, tập giữa mới in nữa chừng đành phải dừng lại vậy. Trong thời gian ấy, tôi còn viết một bài: **"Tôi hoài nghi các thánh nhân"**, nhưng không tiện đăng lên báo chí. Về sau không biết bản thảo quăng đâu mất. Năm Dân Quốc thứ 16, theo ký ức mới viết lại cả hai bài, đưa vào tập sách. Năm Dân Quốc 23, một người bạn quên biết ở Bắc Kinh, theo ý chủ quan, đem ba tập tách ra in từng tập lẻ. Năm Dân Quốc 25 theo ý muốn của nhiều độc giả nên đã tái bản lần nữa. Năm Dân Quốc thứ 26, nhà xuất bản Quốc Dân báo Thành Đô đã đem tập đầu in thành một cuốn sách nhỏ và phát hành, do ***Đường Chu Phong*** và ***Trung Giang Tạ Thụ Thanh*** viết lời bạt.

Khi tôi còn đi học tính thích hoài nghi. Trong lòng tôi lúc nào cũng có điều hoài nghi ấy, tiếp tục nghiên cứu thêm nữa, cho tới nay trải qua hơn 30 năm vẫn rút ra một kết luận như nhau. Gần đây viết một tập sách: **"Tâm lý và lực học"**, nhằm coi đó là lời giải đáp cho sự hoài nghi ấy. Phàm những việc ở ngoài đời có phá mới có xây: **"Hậu Hắc Học"** và **"Tôi hoài nghi các thánh nhân"**, có thể gọi là phá; **"Tâm lý và lực học"** được gọi là xây. **"Tôi hoài nghi các thánh nhân"** và **"Hậu Hắc Học"** là những tập viết trong cùng một thời kỳ, sau đọc hết những bài trong đó sẽ thấy quá trình tư tưởng của tôi.

Thế giới luôn luôn tiến hóa, có thể chia **"Hậu Hắc Học"** ra thành ba thời kỳ:

Nhân dân thượng cổ còn mông muội, không phân biệt cái gì là **Hậu** (dày) và cái gì là **Hắc** (đen), quả là một thứ lãng mạn chân chất. Học thuyết của Khổng tử đề xướng đạo đức, mộng tưởng về Nghiêu Thuấn và mong muốn trở lại phong thái cổ xưa, ***là Thời kỳ thứ nhất***

Về sau, tri thức của nhân dân được nâng lên, diễn ra hàng trăm cơ mưu biến hóa, có những loại tâm đen tối như Tào Tháo, mặt dày như Lưu Bị được sinh ra và vận dụng, thời này dẫu Khổng, mạnh có sống lại cũng phải thất bại mà thôi, ***đó là thời kỳ thứ hai***.

Nay đã bước vào ***thời kỳ thứ ba***, những kẻ tâm đen tối như Tào Tháo, mặt dày như Lưu Bị, xuất hiện ngày càng nhiều, người thành công lại ít. Những người gặp vận may mà thành công, hoặc những kẻ không biết quay gót đành chịu thất bại, là nguyên cớ thế nào? Này nay là thời kỳ thứ ba nên Tào, Lưu đã trở thành những nhân vật quá khứ rồi, những người ở thời kỳ này tất phải kham khảo và vận dụng đạo đức của

Khổng, Mạnh, dường như phục hồi thời kỳ thứ nhất, thực tế thì giống như hồi phục mà không phải là hồi phục, mà là sự tiến hóa kiểu xoáy tròn như con ốc. Nói cách khác, phải có tấm lòng của Khổng, Mạnh; thực hành theo thuật của Tào, Lưu mới hợp với thời kỳ thứ ba; ngày nay, Khổng, Mạnh có sống lại, tất chịu là kẻ thất bại mà thôi, nếu không có những thuật của Tào, Lưu; Nếu Tào, Lưu có sống lại chăng nữa cũng là kẻ thất bại, vì họ không có tấm lòng Khổng, Mạnh.

Hiện nay chúng ta đang sống là thời kỳ thứ hai, mở đầu thời kỳ thứ ba, nếu vận dụng theo **"Hậu Hắc Học"** mà thành công thì cũng là vật tàn dư của thời kỳ thứ hai, tuy thành công song vẫn là kẻ thất bại và bị đào thải tự nhiên của thời kỳ thứ ba.

Nghiêu, Thuấn là những nhân vật của Thời kỳ thứ nhất, sách của Khổng, Mạnh là học thuyết của Thời kỳ thứ nhất. Tào, Lưu là nhân vật của thời kỳ thứ hai; **"Hậu Hắc Học"** là do tôi viết, là học thuyết của thời kỳ thứ hai. **"Tâm lý và lực học"** mà tôi viết gần đây nhất là học thuyết của thời kỳ thứ ba. Hy vọng sẽ có những nhân vật của thời kỳ thứ ba xuất hiện, cho nên đọc **"Hậu Hắc Học"** của tôi, không thể không đọc **"Tâm lý và lực học"**.

Vật mà ít thì quý, phong cách của người dân lúc sơ khai hồn nhiên, chân chất, không có bộ mặt dày, đen tối. Bỗng nhiên có người tâm địa vừa đen và có bộ mặt dày, tất sẽ khống chế được dân chúng, độc chiếm ưu thế. Dân chúng thấy thế sẽ bắt chước, anh không thể chế ngự được tôi, tôi không thể chế ngự được anh, chỉ độc có một người không có bộ mặt dày, tâm địa đen tối thì người ấy ắt được mọi người tín ngưỡng, thế là độc chiếm ưu thế. Thí dụ trong thương trường người buôn bán hồi sơ khai nhất có hàng tốt với giá thực, bỗng có một người làm hàng giả kiếm được nhiều tiền. Mọi người biết thế, tranh nhau làm như vậy, thế là cả thị trường điều là hàng giả. Chỉ độc có một nhà làm hàng thật đúng giá trị thì sẽ được khách, người ấy lại kiếm được nhiều tiền. Cho nên tình hình thương trường cũng có thể chia thành ba thời kỳ: Thời kỳ thứ nhất nội dung tốt, hình dáng không đẹp; thời kỳ thứ hai hình dáng đẹp, nội dung không tốt; thời kỳ thứ ba hình dáng đẹp, nội dung tốt.

"Hậu Hắc Học" của tôi là sản phẩm của thời kỳ thứ hai. Những độc giả **"Hậu Hắc Học"** của tôi, cứ làm theo sách sẽ bị thất bại, điều đó tôi không chịu trách nhiệm.Chỉ trách bản thân người ấy đã sinh sau đẻ muộn hơn nhiều năm nên không thấy tình hình xã hội đã thay đổi. Rồi lại hỏi: ***Làm thế nào không thất bại***? Hãy đọc **"Tâm lý và lực học"**

Ngày 26 tháng 02 năm Dân Quốc thứ 27
Phú Thuận, Lý Tôn Ngô,Viết ở Thành Đô

Lời tựa 2

Toàn văn **"Hậu Hắc Học"** vốn được dùng trong "***Tôn Ngô luận Đàm***", trên báo: "*Thượng Hải luận ngữ bán nguyệt san*" đăng lại, báo này cũng đã chuyển in thành một tập sách, ban đầu xuất bản ở Bắc Kinh. Lại tái bản ba lần ở Thành Đô, ủy thác cho Thành Đô Hoa Tây nhật báo xã và Trùng Khánh tiêu thụ và bán hết sạch. Năm nay tôi ở chỗ quê cũ, các nơi đều gởi thư yêu cầu tái bản. Tôi cho rằng sách viết của tôi như vậy dễ gây cho người ta hiểu lầm, nên không muốn nói gì thêm nữa. Một người bạn tôi là Vương Quân Yêm Mặc Hàm nói: "*Ba chứ* **"Hậu Hắc Học"** *đã được truyền bá trong miệng của mọi người, không tài gì thu hồi lại được, tôi đã từng đọc kỹ toàn bộ tác phẩm của anh,* **"Hậu Hắc Học"** *là một căn bệnh xã hội, các tác phẩm của anh chính là thuốc chữa bệnh. Tôi xin gợi ý, anh tốt nhất nên hệ thống lại toàn bộ tư tưởng, những điểm quan trọng của tác phẩm viết lại một cách tỷ mỷ, tường tận, thành bản phát minh của* **"Hậu Hắc Học"***, cùng một lúc nói lên cả căn bệnh và phương thuốc chữa trị, khiến các nhân sỹ xã hội hiểu được dụng ý của anh, nếu không chỉ lưu truyền cho đời sau ba chữ* **"Hậu Hắc Học"** *mà thôi, nếu như vậy anh sẽ chịu tội trước xã hội*". Tôi cảm động sâu sắc những lời của Vương Quân, viết một bài "**Hệ thống tư tưởng của tôi**", gửi cho Vương Quân in, ai hiểu tôi và trách tôi cũng không có cách nào khác

Ngày 06 tháng 02 năm Dân Quốc thứ 29 ở Tạ Lưu Tỉnh

Lời tựa 3

Dân Quốc thứ 20, trong tác phẩm "Hậu Hắc tùng thoại" mà tôi viết ở Thành Đô có đoạn sau: Năm xưa, khi Ngô Trĩ Huy ở Trùng Khánh, các ký giả và Mao Quân cùng hẹn nhau đến thăm viếng ông ta, tôi nói: *"Sao tôi phải đi thăm ông ta chứ? Ông ta đã đọc tất cả kỳ thư trong và ngoài nước, nhưng chưa hề đọc qua Hậu Hắc Học, tự xưng là Lưu Lão lão trong Đại quán viên, lần này khởi hành từ Trùng Khánh, đến Thành Đô lên núi Nga Mi, du ngoạn Gia Định, thưởng thức phong cảnh ở Đại quán viên, chỉ duy nhất một con sư tử đá nằm bên ngoài Đại quán viên là ông ta không nhìn thấy; tôi cũng từng có lần đến chào đón Ngô tiên sinh, tôi cũng đã nghe qua bài diễn thuyết của ông ấy, sư tử đá nhìn thấy Lưu lão lão đi ra đi vào Đại quán viên, Lưu lão lão không biết có sư tử đá ở đó, tôi không đi gặp ông ta, cảm thấy rất đáng tiếc. "* Sau đó, Mao Quân lấy một tập Hậu Hắc Học, ba tập Hậu Hắc Học tùng thoại mang tặng cho Ngô Trĩ Huy, ông ta không cho như vậy là ngỗ ngược, bèn viết thư trả lời, Mao Quân làm thành bản kẽm, đăng lên báo chí và tặng cho tôi một bản. Thiển ý của tôi là: vạch trần trò lừa bịp, mọi vẻ kỳ quái cuối cùng cũng sáng tỏ, kẻ phải chịu hy sinh vì Hậu Hắc ắt giảm, kẻ thực hành theo Hậu Hắc sẽ không dễ dàng suy đoán được thực chất là như thế nào.

Tháng 3 năm Dân Quốc thứ 28
Tôn Ngô ở Thành Đô

Phần Một

HẬU HẮC HỌC

Kể từ khi tôi đi học biết chứ đến nay luôn nghĩ mình muốn làm một anh hùng hào kiệt, tìm học Tứ Thư, Ngũ Kinh đều thấy hoang mang, lại tìm đọc các tác phẩm của Bách Gia Chư Tử, cả 24 pho sử nữa, vẫn không đạt được gì, cho rằng các vị anh hùng hào kiệt xưa tất phải có một bí quyết nào đó không truyền lại , có lẽ tôi là kẻ dốt nát, không sao tìm được . Cùng quẫn không tài gì hiểu được, nhiều khi quên ăn quên ngủ, cứ thế trong nhiều năm trời. Một hôm bỗng nghĩ tới những nhân vật thời Tam Quốc, không ngờ lại bừng tỉnh nhận ra rằng: "*Thấy rồi! Thấy rồi! các vị anh hùng hào kiệt xưa kia chẳng qua chỉ là những kẻ mặt dày tâm địa đen tối mà thôi*"

Những vị anh hùng thời Tam Quốc, trước hết phải nêu lên Tào Tháo, sở trường đặc biệt của ông, tất cả đều ở tâm địa đen tối: Ông giết Lữ Bá Sa, giết Khổng Dung, giết Dương Tu, giết Đổng Thừa Phục Hoàn, giết Hoàng Hậu, Hoàng tử, ngang nhiên làm tất cả, hơn nữa còn trắng trợn nói: "***Thà phụ người, không để người phụ ta***". Quả là tâm địa đen tối đến cực điểm, đã có những việc làm như vậy, đương nhiên gọi là anh hùng cái thế rồi

Tiếp đến phải kể đến Lưu Bị, sở trường đặc biệt của ông ta đều tất cả trên bộ mặt dày. Ông ta dựa vào Tào Tháo, dựa vào Lã Bố, dựa vào Lưu Biểu, dựa vào Tôn Quyền, dựa vào Viên Thiệu, chạy khắp đông tây, dựa dẫm vào người ta rồi lại bỏ, thật là vô liêm sỉ. Hơn nữa suốt cuộc đời chỉ giỏi khóc, người viết Tam Quốc Chí đã mô tả ông ta thật khéo tài tình, hễ gặp việc gì không thể giải quyết được là khóc một hồi trước mặt người đối thoại, lập tức chuyển bại thành thắng. Cho nên tục ngữ có nói: ***"Giang sơn Lưu Bị là nhờ có khóc mà được!"***. Đó cũng là một anh hùng có bản lĩnh. Ông ta và Tào Tháo có thể nói là một cặp tuyệt vời. Khi họ hâm nóng rượu luận bàn anh hùng trong thiên, một kẻ có tâm địa đen tối, mặt kẻ mặt dày mặt dạn, tôi không thể làm gì được anh, đều xoay quanh chuyện bọn viên Bản sơ bỉ ổi vô cùng, cho nên Tào Tháo nói: *"Anh hùng trong thiên hạ, chỉ duy có sứ quân và Tào này mà thôi!"*

Ngoài ra còn có Tôn Quyền, ông ta với Lưu Bị là đồng minh, hơn nữa còn là chỗ anh vợ thân tình, bỗng nhiên lại cướp đoạt kinh châu, giết chết Quan Vũ, tâm địa đen tối phảng phất như Tào Tháo, cái tâm địa đen tối ấy khôn cùng tiếp đó lại cầu hòa với Thục. Mức độ đen tối của Tôn Quyền kém một chút so với Tào Tháo, Tôn Quyền đã cũng Tào Tháo sánh vai xưng anh hùng đã từng chống lại không chịu thua, bỗng nhiên lại xưng thần với Tào, thế là mặt dày mặt dạn phảng phất giống Lưu Bị, dày đến mức độ lại tuyệt giao với Ngụy, bộ mặt dày cũng chỉ kém Lưu Bị một chút mà thôi.

Tôn Quyền tuy không đen tối như Tào, nhưng lại có đủ cả hai thứ cũng không thể không coi là một anh hùng. Cả ba người nếu mổ xẻ việc làm của từng người một thì đều là câu chuyện **"Anh không thể chinh phục được tôi, tôi không thể chinh phục được anh"** cho nên thiên hạ thời đó không thể không chia làm ba vậy

Về sau Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền nối tiếp nhau chết cả, cha con họ Tư mã thừa cơ nổi lên. Ông thâu tóm cả sự tham lam của Tào, Lưu, đã thành công lớn nhờ nắm được môn **"Hậu Hắc Học"**, ông ta lừa dối những người vợ góa con côi, tâm địa đen tối như Tào Tháo vậy; có thể chịu mọi nhẫn nhục, mặt dày mặt dạn còn hơn cả Lưu Bị. Tôi đọc lịch sử một đoạn Tư Mã Ý chịu nhẫn nhục, khi nhận bộ quần áo đàn bà rồi, bỗng đập bàn lớn tiếng: *"Thiên hạ phải thuộc về họ Tư Mã!"* cho nên khi có thời cơ ấy, thiên hạ không thể không thống nhất. Đây là *"Việc đến tất phải đến, lẽ đời cố nhiên là như vậy"*

Võ Hầu Gia Cát là bậc kỳ tài trong thiên hạ, một người giỏi nhất trong thời Tam Quốc. Khi gặp Tư Mã Ý cũng không làm gì nổi, ông ta quyết tâm *"Phải cúc cung tận tụy cho đến chết thì thôi"*, cuối cùng không dành được tấc đất nào ở Trung Nguyên nữa, rút cục hộc máu mà chết. Có thể thấy cái tài phò tá nhà vua cũng không phải là địch thủ của những kẻ nổi tiếng "**Hậu Hắc**"

Tôi lấy những việc làm của mấy người, nghiên cứu đi nghiên cứu lại, mới phát hiện được bí quyết không hề truyền lại của thời xưa này. Cả 24 bộ sử điều nhất quán họ là "***Hậu Hắc*** *cả mà thôi*". Bây giờ lại đem những sự việc của nhà Hán để chứng minh thêm.

Hạng Vũ là một anh hùng bạt sơn cái thế. Tiếng quát của ông vang động làm hàng ngàn người bạt vía, tại sao phải chịu chết ở Đông Thành, làm trò cười cho thiên hạ? Nguyên nhân thất bại của ông ta đã được Hàn Tín nói lên bằng hai câu: *"Lòng nhân ái của người vợ, sự dũng cảm của người chồng"*, đã bao quát đủ rồi. Lòng nhân ái của người vợ là trong lòng không có sự bất nhẫn, căn bệnh ấy là do tâm can không đen tối; sự dũng cảm của người chồng là không chịu nín nhịn, căn bệnh ấy không phải ở bộ mặt dày. Bữa tiệc ở Hồng Môn, Hạng Vũ và Lưu Bang cùng ngồi một chiếu, Hạng Vũ đã rút kiếm ra, chỉ cần kề vào cổ Lưu Bang thì cái chiếu bài *"Thái Cao Hoàng Đề"* sẽ về ông ta ngay. Hạng Vũ vẫn cứ loanh quanh không nỡ nhẫn tâm, thế rồi Lưu Bang trốn thoát. Sự thất bại của Hạng vũ ở Cai Hạ, nếu vượt được Ô Giang, khuấy đảo lại giang sơn chưa biết ai sẽ chết. Ông ta lại nói: *"Mượn tám ngàn người con cháu đất Giang Đông, vượt sông sang phía tây, nay không còn một ai trở về được, giả sử anh, em, bố, mẹ họ ở bên kia sông vẫn thương nhớ ta, còn mặt mũi nào mà gặp họ. Giả sử họ không nói thì lòng ta tránh sao hổ thẹn được!?"*. Câu nói ấy vô cùng sai lầm. Ông nói: *"Mặt mũi nào mà gặp họ"*. Lại nói rằng: *"Lòng ta biết hổ thẹn!"* rút cục bộ mặt thật của một con người cao cả là sao sống được, rồi không suy nghĩ thêm rằng, lại than rằng: *"Trời quên ta rồi, không phải tội là không đánh"*. E

rằng có lên trời cũng không sao thoát được!

Chúng ta nghiên cứu một chút những việc làm của Lưu Bang. Lịch sử đã ghi: Hạng Vũ hỏi Hán Vương rằng: *"Thiên hạ đồn đại đã nhiều năm, quanh quẩn vẫn là những chuyện về hai ta, tôi quyết đánh một trận thư hùng với Hán vương". Hán vương cười nói rằng: "Ta thà đấu trí, chứ không đấu lực"*. Xin hỏi hai chữ ***"cười tạ"*** từ đâu ra vậy! Khi Lưu Bang gặp Lang Sinh vào lúc hai hầu gái đang rửa chân cho Lưu Bang, Lang Sinh trách ông là kẻ bề trên, ông ta lập tức không rửa chân nữa mà đứng dậy tạ lỗi. Thử hỏi hai chữ ***"Tạ Lỗi"*** từ đâu ra vậy? Còn bố đẻ ông ta, ông ta đứng bên bàn thờ đặt một cốc nước cặn, còn đối với con gái thì ông ta lại rất thô lỗ, khi quân Sở truy đuổi đến, ông ta có thể đẩy con gái con gái xuống xe, về sau lại giết Hàn Tín, giết Bành Việt ***"được sung quên ná, được vả bỏ sung"***, thử hỏi tâm địa của Lưu Bang là trạng thái gì vậy, đâu được như Hạng Vũ *"Lòng nhân ái của người vợ, sự dũng cảm của người chồng"*, quả là không phải là hạng hiếm thấy sao? Trong sách của Thái Sử Công có ghi: *Chỉ có Lưu Bang có tướng mạo Hoàng Đế, Hạng Vũ thì mắt hai tròng, mà không một chữ nói đến, bộ mặt dày, tâm địa đen tối của hai người, viết sử như vậy không đáng hổ thẹn sao?*

Mặt dày của Lưu Bang, tâm địa của Lưu Bang, so với những người khác biệt rõ ràng, có thể coi là tài trí, cao đạo. Chữ **"Hắc"** ở đây quả là ***"Sống hòa nhã, làm êm ả, không vượt quá giới hạn những gì mong muốn trong lòng"***. Về chữ **"Hậu"** thì còn phải thêm quá trình học tập thầy học của ông ta là Trương Lương là cụ Dĩ Thượng. Tài đức cao rộng của họ vô cùng trong sáng đáng phải noi theo. Việc dạy học của Cụ Dĩ Thượng có biết bao tác dụng, không phải không dạy cho Trương Lương biết về những bộ mặt trơ trẽn, những kẻ không biết hổ thẹn. Đạo lý này đã được Tô Đông Pha nói rất rõ ràng trong *"Lưu Hầu Luận"*. Trương Lương là người sớm có chí hướng tìm hiểu mọi lý lẽ đến nơi đến chốn, hễ nói lời nào là giác ngộ người khác, cho nên các bậc lão thành coi là người thầy của Vua chúa. Những diệu kế của ông, những người nông cạn thì không thể hiểu nổi cho nên trong sử ký nói: *"Lời nói của Trương Lương,người thường không thể hiểu nổi, chỉ có Bái Công biết dùng thôi. Lương nói, Bái công được trời phú cho"*. Đủ thấy học vấn như vậy tỏ rõ tư chất con người, những bậc thầy giỏi khó mà đạt được, những đồ đệ tốt cũng không dễ tìm ra. Khi Hàn Tín xin phong tước Tề Vương, Lưu Bang dường như hiểu lầm, xưa nay toàn dựa vào thầy mình, đứng lên mớm lời cho, na ná giống như các thầy giáo sửa bài tập cho học sinh trong nhà trường. Cái tư chất trời phú cho Lưu Bị có khi còn có sai lầm, sự tinh thông học vấn ở đây có thể thấy được

Tư chất trời phú của Lưu Bang khá tốt, học lực lại sâu, đả phá tất tật năm đạo luân thường từ xưa truyền lại: ***Vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bạn bè rồi quét sạch những điều lễ nghĩa, liêm sỉ cho nên có thể thu phục được đám anh hùng khác, thống nhất đất nước, xây dựng nhà Hán kéo dài tới bốn trăm mấy chục năm sau.***

Cho đến khi bộ mặt dày, tâm địa đen tối của ông ta bị tiêu hủy thì hệ thống nhà Hán mới tiêu vong.

Thời kỳ Hán Sở tranh hùng, có một người mặt rất dày, tâm địa không đen tối, cung quy lại thất bại, người đó là ai? Đó là Hàn Tín mà ai nấy đều đã biết. Đã chịu cái nhục là chui qua háng người ta, ông ta có thể nhẫn nhục chịu đựng, mức độ trơ trẽn không kém gì Lưu Bang. Song ông ta lại thiếu chứ **"Hắc"** (*tâm địa đen tối*), khi ông ta làm Tề vương, nếu ông ta nghe lời Băng Thông , thì quý hóa biết bao, nhưng ông ta lại khăng khăng nhớ tới ân huệ nhường cơm sẻ áo của Lưu Bang nên nói rằng: *"Mặc áo của người ta, phải nghĩ tới người cho mình ăn cơm của người ta cho, thì phải làm việc gì cho người ta dù có chết"*. Về sau chuyện xẩy ra ở nhà Trường Lạc Chung khiến ông ta đầu lìa khỏi cổ, di hại tới cả chín họ. Thật là mình làm mình chịu. Ông ta nói về Hạng Vũ là nhờ lòng nhân ái của người vợ, đủ thấy tâm địa ông ta không đen tối, thế mà làm việc vẫn chịu thất bại. Bản thân ông ta biết nguyên tắc lớn ấy, nên cũng không đáng trách Hàn Tín.

Đồng thời lại có một người nữa, tâm địa đen tối mà bộ mặt thì không dày nên cũng chịu thất bại. Người này thì ai nấy cũng biết, họ Phạm, tên Tăng. Lưu Bang công phá Hàm Dương, đem theo cả con nhỏ, vẫn thúc đẩy quân tiến đánh, nhưng không hề xâm phạm vơ vét sợi tơ sợi tóc nào cả. Phạm Tăng thì tâm địa đen tối cũng từa tựa như Lưu Bang, tìm trăm phương ngàn kế, chỉ mong dồn Lưu Bang vào chỗ chết, chỉ có bộ mặt là không trơ trẽn nhưng lại nóng tính. Hán vương dùng kế của Trần Bình , bị ly gián với vua Sở, Phạm Tăng đùng đùng nổi giận tìm cách bỏ đi, về đến Bành Thành, bị ung nhọt sau lưng rồi chết. Phàm những người làm việc lớn lại có cái tình khùng nóng nẩy như vậy? *"Phạm Tăng mà không ra đi, Hạng Vũ mà không chết"*, nếu họ có thể nhẫn nại một chút, những sơ hở của Lưu Bang vốn có rất nhiều và có thể tiến công dễ dàng. Phạm Tăng phẫn chí bỏ cuộc, vứt đi tất cả sinh mệnh của mình, cả giang sơn của Hạng Vũ, vì không nhẫn nại được việc nhỏ, đã làm hỏng việc lớn. Tô Đông Pha còn coi ông là nhân vật anh kiệt, liệu có phải là một vinh dự quá đáng lắm không?!

Nghiên cứu những sự việc nói trên, học vấn về **"Hậu Hắc Học"** là như vậy, phương pháp rất đơn giản, dùng đến lại rất thần diệu, dùng ít hiệu quả nhỏ, dùng nhiều hiệu quả lớn. Lưu Bang, Tư Mã Ý đã học được hết mới thống nhất Trung Quốc được sao? Tôi nói: "**Sách Trung Dung của Đạo nho gia phải nói đến "*Vô thanh vô Xú*" (*không tiếng vang, không thối*) mới đạt được"**.

Tóm lại từ thời tam đại cho tới ngày nay, các vương hầu, tướng soái, các hào kiệt, thánh hiền, nhiều đến nỗi không sao kể xiết, cứ xem việc làm của họ thì khắc biết, không có gì nằm ngoài những điều ấy. Sách có ghi chép đầy đủ cả, sự thật cũng khó nói sai. Các độc giả có thể theo con đường mà tôi đã chỉ và tự đi tìm lấy, tự nhiên sẽ thấy ngọn nghành phải trái, đạo lý rõ ràng

Chöông Hai

HẬU HẮC KINH

Lý Tôn Ngô nói: ***"Không mỏng gọi là dày, không trắng gọi là đen. Người mặt dày trong thiên hạ là kẻ tàn nhẫn".*** Bài viết này là tâm pháp (*phương pháp tâm lý học*) của người xưa truyền thụ cho Tôn Ngô e rằng để lâu sẽ sai lạc đi, nên viết thành kinh sách để người đời sau tiếp thụ. Sách này mở đầu nói đến hai chữ "**Hậu Hắc**", nó tản mát trong hàng ngàn hàng vạn sự việc, cuối cùng hợp lại thành **Hậu Hắc**. Nếu đặt riêng thành nguyên tắc thì có nhiều, nếu vo tròn lại thì ẩn giấu ngay ở bộ mặt và tâm can, nó vô cùng kỳ thú, đều là học thuyết thực dụng cả. Ai thích đọc choi cho vui cũng được, có nhiều người áp dụng suốt đời cũng không hết.

Nói **Hậu Hắc** là mệnh trời, nói **Hậu Hắc** một cách đại thể là Đạo, nói **Hậu Hắc** được một cách chỉn chu, **Hậu Hắc** là giáo, **Hậu Hắc** là như vậy, không xa rời nó được, nếu xa rời thì không còn là **Hậu Hắc** nữa. Cho nên quân tử giữ gìn cản thận sao không ***"Hắc"***, nguy nhất là mỏng, là trắng, là quân tử phải có **Hậu Hắc**. Gọi là ***"Hậu"***, tức là không để lộ những nỗi vui mừng, giận, buồn. Nếu để lộ ra mà không e ngại thì gọi là Hắc. Trong thiên hạ có vô khối loại Hậu như vậy, trong thiên hạ cũng rất nhiều người đạt như vậy, trong thiên hạ cũng rát nhiều người đạt được Hắc như vậy. Đạt được **Hậu Hắc** thì thiên hạ sợ, quỷ thần cũng kiêng nể.

Một chương của Hữu kinh: *Tôn Ngô đặt ra những lời thuật lại bí quyết của người xưa không truyền lại. Lời thuật đầu tiên thì nguồn gốc của* **Hậu Hắc** *do trời sinh ra không thể thay đổi được, thật ra* **Hậu Hắc** *là thứ mình muốn có không thể tách rời. Bí quyết dạy dỗ* **Hậu Hắc** *là phải công phu đẩy lên thật cao, muốn học nó phải tự mình gạt bỏ nhân nghĩa bên ngoài.* **Hậu Hắc** *giữ cái tự nhiên vốn có của nó. Đó là điều chủ yếu của bài viết này, những lời lẽ dưới đây do Tôn Ngô nêu ra nhằm làm rõ nghĩa của chương này.*

Tôn Ngô nói: *Đạo của* ***Hậu Hắc*** *dễ mà lại khó, ân nghĩa vợ chồng có thể biết được và nó cũng đến thế mà thôi. Có những cái chưa biết về Tào, Lưu như những điều bất cập của đạo vợ chồng. Đạo* ***Hậu Hắc*** *cũng vậy, Tào Lưu cảm nhận nhiều điều lớn lao của* ***Hậu Hắc****, còn tiếc chưa hiểu biết hết, huống hồ người đời.*

Tôn ngô nói: *Người ta nói về* ***Hắc*** *(đen), nếu vội vàng quy nạp cả than vì chỉ là một màu. Người ta nói về* ***Hậu*** *(dày), nếu gặp đạn pháo bắn vào không thể vỡ nổi*

Tôn Ngô nói: *Đạo của Hậu Hắc là gốc của mình có thể chinh phục được chúng dân, khảo xét các vua chúa đều không sai, kiểm định lại trời đất không hề trái ngược, quỷ thần không nghi ngờ gì bản chất của nó; các vương hầu , các thánh nhân cả trăm đời cũng không nghi hoặc gì*

Tôn Ngô nói: *Vua nhờ ở gốc, vững ở Đạo mới lập nên được, Đạo* ***Hậu Hắc***

cũng vậy, sao không phải là gốc của con người?

Tôn Ngô nói: *Trời sinh Hậu Hắc ở ta, người đời không như ta sao?*

Tôn Ngô nói: *Ta không được thấy Lưu Bang thì nay được thấy Tào Tháo, ta không được thấy Tào Tháo, mà nay được thấy Lưu Bị, Tôn Quyền là được rồi.*

Tôn Ngô nói: *Một ấp có mười nhà tất có* ***Hậu Hắc*** *như Tôn Ngô, song lại không có thuyết minh của Tôn Ngô.*

Tôn Ngô nói: *Khi ta chưa ăn hết phần cơm bước vào* ***Hậu Hắc****, quả là gấp rút, tất phải đổ ngã*

Tôn Ngô nói: *Nếu có tài đẹp như Hạng Vũ, lại biết* ***Hậu Hắc*** *nữa, Lưu Bang không đủ sức địch nổi.*

Tôn Ngô nói: *Trồng ngũ cốc là đẹp lắm, nếu như không thành thạo thì chẳng khác gì cỏ. Người* ***Hậu Hắc*** *cũng phải thạo thạo như vậy đấy.*

Tôn Ngô nói: *các bậc Đạo học coi* ***Hậu Hắc*** *là giặc sống phải trung tín. Làm phải liêm khuyết, ai nấy đều mừng, tự cho là thế, chứ không thể nào là đạo của Tào, Lưu. Nên nói:* ***Hậu Hắc*** *là giặc vậy*

Tôn Ngô nói: *Sao lại không hoài nghi những người không* ***Hậu Hắc****! vạn vật tuy dễ sinh ra dưới gầm trời, một ngày nóng, mười ngày lạnh, cũng có những vật chưa ra đời. Ta thấy người ta nói về* ***Hậu Hắc*** *không phải là hiếm, ta đành lui và tìm đến thầy học đạo vậy! Làm sao có được thấy học Đạo như thế? Không chuyên tâm dồn chí mà học thì không đắc đạo được. Tôn Ngô là người phát minh* ***"Hậu Hắc Học"****, phải để cho Tôn Ngô thu hút thêm hai người* ***Hậu Hắc*** *mới được. Một người chuyên tâm dồn chí, chỉ nghe lời Tôn Ngô nói. Một người dồn hết tấm lòng nghe nhằm đạt tới người thầy học đạo, suy nghĩ, đứng tên cùng các vị thánh hiền, được học như vậy thế đâu phải không gian khổ! Có được tư chất ấy chẳng phải là khổ luyện lắm ru?! Nói: không phải thế*

Tôn Ngô nói: *Việc thất bại ở đây, người quân tử tất là làm ngược lại, Ngô này không phải là Hậu, làm ngược lại Hậu tất nhiên thất bại, người quân tử cũng tự làm ngược lại. Ngô này không phải là Hắc nữa, tự phản ngược lại là Hắc, là chịu thất bại? Quân tử nói: người phản tôi thì cũng là người loạn trí vậy thôi! Như thế chẳng khác gì cầm thú! Dùng* ***Hậu Hắc*** *để giết cầm thú cũng là khó làm sao*

Tôn Ngô nói: *Đạo* ***Hậu Hắc*** *vừa ác vừa thiện, tựa như sức leo núi gian khổ, chưa thử qua thì không thể tới được. Ví dụ, đi xa tự tất thấy xa, leo cao tự thấy rằng bản thân không* ***Hậu Hắc*** *không làm gì được cho vợ con ta, không biết dùng* ***Hậu Hắc*** *thì sẽ không thể làm được gì cho vợ con cả.*

Tôi viết **Hậu Hắc kinh** ý muốn giúp cho người mới học, tiện cho việc đọc thành lời để tránh khỏi quên mất. Chẳng qua là có một vài đạo lý sâu xa quá, nên tôi phải thuyết minh thêm trong những lời văn của kinh sách thôi

Tôn Ngô nói: *Không dày ư, có mài cũng không mỏng được; không đen ư, có rửa*

cũng không sáng được. Về sau tôi đổi thành: Không dày ư, càng mài càng dày; không đen ư, càng rửa càng đen. Có người hỏi tôi: "Thế giới làm gì có loại ấy?". Tôi nói: "Vết sẹo ở chân tay, nếu càng mài càng dày; đã dính than bùn nếu càng rửa bụi than càng đen". Da mặt con người rất mỏng, nếu mài xát từ từ thì dần dần sẽ dày thêm. Tâm con người mới sinh ra đã đen, gặp được người giảng giải về nhân quả, người nói về đạo lý, nắm được một vài đạo đức nhân nghĩa, phủ lên mặt mới thấy không đen được. Giả dụ đem rửa sạch những chỗ che phủ ấy, thì cái bản chất của đen lại tự nhiên xuất hiện

Tôn Ngô nói: ***Cái Hậu Hắc không phải do từ bên ngoài đào luyện, ta vốn có nó rồi. Dân được trời sinh ra có Hậu Hắc. Điều này có thể thí nghiệm: Có thể tìm một bà mẹ, nói bà bế con mình cho nó ăn cơm, đứa bé thấy mẹ cầm bát trong tay, nó sẽ giơ tay ra để kéo, nếu không đề phòng nó sẽ đập vỡ bát. Người mẹ cầm trong tay một cái bánh nướng đưa lên miệng, nó có thể với tay giật cái bánh trong miệng mẹ, nhét ngay vào mồm nó. Lại như đứa bé ngồi trong lòng mẹ uống sữa hay khi ăn bánh, thằng anh đến trước mặt nó, nó sẽ giơ tay đẩy thằng anh, đánh thằng anh. Những sự việc ấy đều không học mà có thể làm được, không phải suy tính mà biết được đấy, tức là "Biết giỏi làm giỏi" (Lương tri lương năng) vậy. Đem những điều biết giỏi làm giỏi ấy mở rộng thêm nữa, thì có thể làm nên sự việc kinh thiên động địa được, Đường Thái Tông giết Kiến Thành là người anh ruột, giết Nguyên Cát là em ruột, lại còn đem con cái của Kiến Thành và Nguyên Cát giết sạch cả, đem vợ Nguyên Cát nhốt vào hậu cung, lại bức bách bố phải nhường Thiên hạ lại cho ông ta. Những hành vi ấy của ông ta thật giống khi còn nhỏ giật miếng bánh trong miệng mẹ và đẩy thằng anh ra. Cái thứ biết giỏi làm giỏi ấy như kiểu đánh anh ruột đã được mở rộng ra vậy. Những người bình thường đã biết giỏi làm giỏi mà không biết cái đạo mở rộng thêm ra, duy chỉ có Đường Thái Tông đã mở rộng nó ra được, nên ông ta trở thành một anh hùng thiên cổ. Nên Tôn Ngô nói: Mùi vị ở mồm quên rồi, màu sắc hàng ngày đã quen với vẻ đẹp rồi, nó sẽ hiện lên mặt và in sâu vào trong lòng, sao lại quen thế nhỉ? Mặt và lòng dạ có cùng như nhau không? Gọi là Hậu cũng được, là Hắc cũng được, là người anh hùng đặc biệt biết những cái tai đã quen được biểu hiện trên mặt và lòng dạ của mình.***

Đạo lý này của **Hậu Hắc** đã bày ra rất rõ ràng. Trước mắt, bất cứ người nào cũng thấy được. Chẳng qua, bởi thoạt nhìn thấy đã bị những lời văn kinh điển mê hoặc, hoặc học thuyết ccủa một tiên sinh giảng đạo dìm xuống che lấp đi mà thôi. Nên Tôn Ngô nói: Cây ở núi Ngưu Sơn đẹp lắm, lại đem trâu bò đến chăn ở đấy. Còn có những người như vậy, sao lại không có Hậu và Hắc vậy thay! Con người làm tản mất **Hậu Hắc** đi, cũng như người thợ đối với cây vậy, ngày nào cũng chặt, thì **Hậu Hắc** của anh ta không còn nữa. **Hậu Hắc** không còn, mà muốn làm anh hùng thật khó lắm thay! Người chưa thể trở thành anh hùng vì chưa trải qua **Hậu Hắc**. Vậy tính con

người là ở đâu? Nếu không thể bỏ được bữa ăn, ngày càng dài càng thấm sâu **Hậu Hắc**, nếu buông lơi việc nuôi dưỡng **Hậu Hắc** thì **Hậu Hắc** sẽ kém sút từng ngày đấy.

Tôn Ngô nói: *đứa bé thày có bánh nướng trong miệng mẹ đều biết cướp đoạt bằng được. Con người ta vốn có lòng dạ cướp miếng bánh trong miệng mẹ, nên có thể đem ra dùng vậy, rồi sau đó mở rộng ra để trở thành anh hùng, trở thành hào kiệt. Thấy như vậy nên nói: Người lớn không để mất lòng ham muốn của trẻ con. Nếu buông lơi không bổ sung cho đủ bảo vệ thân thể có thể coi như là vứt thân phận mình đó*

Có một loại người thiên tư vô cùng cao đẹp, họ tự biết rõ cái đạo lý này, đều mang hết sức lực ra làm, rất bí mật không để ai biết. Nên Tôn Ngô nói: hành động mà không đọc sách, tập luyện mà không chịu khó, suốt đời sẽ không biết những kẻ **Hậu Hắc** nhan nhản đầy ra đấy.

Những học thuyết thế gian điều bị người ta hiểu lầm, duy chỉ có **Hậu Hắc** thì tuyệt nhiên không thể có ai hiểu lầm được. Dù có đi tới sơn cùng thủy tận, khi làm kẻ hành khuất xin miếng cơm ăn, cũng còn hứng thú hơn nhiều so với người khác, nên Tôn Ngô nói: Lớn thì từ Hoàng đế, nhỏ đến kẻ hành khuất, cũng đều lấy **Hậu Hắc** làm cái gốc cho mình

"Hậu Hắc Học" rất rộng lớn, uyên thâm. Người sở hữu nó sẽ trở thành người đắc đạo, cần phải chuyên tâm dồn chí học qua một năm, mới có thể ứng dụng. Học qua ba năm mới có thể thành công to được. nên Tôn Ngô nói: "Nếu như là người Hậu Hắc, thì cố gắng hết tuần hết tháng ắt được. Ba năm sẽ thành công"

TẠP LỤC HẬU HẮC TRUYỆN

Có người hỏi tôi rằng: *" Ông phát minh ra **"Hậu Hắc Học"**, tại sao ông làm việc gì cũng đều thất bại? Tại sao bản lĩnh học trò của ông cao hơn ông, việc nào ông cũng đều thua chúng cả?"*

Tôi nói: *"Ông nói thế sai rồi. Phàm những nhà phát minh đều không đủ sức leo lên tận đỉnh cao được. Đạo giáo là do Khổng tử phát minh, Khổng Tử đã leo lên tận đỉnh cao rồi, học vấn của Nhan, Tăng,Tử, Mạnh còn thấp hơn một bậc, học vấn của các vị sau này như Châu, Trình, Chu, Trương còn thấp hơn một bậc nữa. Càn theo thầy kiểu đó càng thấp, nguyên nhân của nó là vì bản lĩnh của giáo chủ quá lớn. Đại loại học vấn của những người phương Đông đều như thế cả. Lão tử trong Đạo giáo, Thích ca trong Đạo phật đều có cùng hiện tượng như vậy. Duy chỉ có khoa học phương tây lại không như thế, khi phát minh còn rất thô thiển, càng nghiên cứu càng tinh vi sâu sắc hơn. Người phát minh ra hơi nước chỉ biết cái lý của hơi nước sôi bốc lên làm bật nắp đậy nồi. Người phát minh ra điện chỉ biết được cái sự vận động của con ếch chết, những người đi sau tiếp tục nghiên cứu, chế ra các loại máy móc có biết bao tác dụng mà người phát minh ra điện và hơi nước, trước đó không có thể ngờ được. Đủ thấy rằng khoa học của phương Tây là người sau hơn hẳn người trước, học trò đã vượt hon thầy dạy. **"Hậu Hắc Học"** của tôi giống như khoa học của phương Tây, tôi chỉ có thể nói lên hơi nước bốc lên làm bật cái vung nồi, sự vận động của con ếch chết. Trong đó có biết bao đạo lý, rồi mong chờ người sau nghiên cứu nữa, bản lĩnh của tôi kém hơn các học trò, gặp họ tất nhiên sẽ thất bại. Bản thân họ lại bị các học sinh họ dạy cho sau này đánh bại. Đời sau sẽ thắng đời trước, tự nhiên **"Hậu Hắc Học"** sẽ sáng lạn lên nhiều!"*

Lại có người hỏi: *"Ông nói **"Hậu Hắc Học"** thần diệu như vậy, tại sao không thấy ông làm được một số việc thật oanh liệt?"*

Tôi nói rằng: *"Tôi xin hỏi, Khổng Phu Tử của chúng ta rốt cục làm được bao nhiêu việc oanh liệt cơ chứ? Những điều mà ông ta nói là để làm chính trị, xây dựng các vương quốc, một nước có dư ngàn đạo lý, rút cục thực hiện được mấy việc cho một nước có nền chính trị tốt đẹp?*

Bộ sách đại học do Tăng Tử viết chuyên nói về trị quốc bình thiên hạ, xin hỏi sự trị quốc của ông ta ở nơi nào? Thiên hạ thái bình ở đâu? Bộ sách Trung Dung của Từ Tư đã viết về "Trung hòa vị dục" (là chủ nghĩa trung dung, không thiên về một bên nào cả, hoặc không thiên vè một bên nào thái quá hoặc thiên về sự bất cập), xin hỏi chủ trương "Trung hòa vị dục" của ông được áp dụng ở đâu vậy? Ông không đi hỏi các vị ấy, mà quay lại chất vấn tôi. Khi gặp được những người thầy sáng suốt,

còn đạo lý thì khó nghe, những phương pháp tinh vi sâu sắc và khéo léo chưa từng có ấy có tới hàng nghìn hàng vạn nhưng khó gặp. Ông đã nghe mà vẫn hoài nghi, thế thì sao tránh khỏi tự mình đã lầm?"

Năm Dân Quốc thứ nhất, khi tôi công bố **"Hậu Hắc Học"**, gặp người bạn họ La, mới làm việc ở huyện X, đã từng xem xét biết bao công việc nói một cách rất vui mừng rằng, phải chỉnh đốn như thế nào. Lại nói: Vì một việc nào đó, đã bị thất thố, vứt bỏ chức quan rồi, vụ án đến nay vẫn chưa kết thúc được, rồi thấy vô cùng chán nản. Tiếp đó lại bàn đến **"Hậu Hắc Học"**, tôi nói cho ông ấy biết tất cả nguyên văn, ông ấy được nghe tỏ ra rất thích thú vị; nhân lúc ông ta say sưa nghe, tôi đứng phắt dậy, đập bàn, đanh giọng lại nói: *"Ông La! Ông làm việc cả đời, lúc thắng lúc bại, rút cục nguyên nhân thành công của ông ở đâu? Nguyên nhân thất bại ở chỗ nào? Tóm lại ông có thể bỏ sót hai chữ **Hậu Hắc** được không? Nhanh lên! Nhanh lên! Không được phép chậm trễ, hoài nghi nữa"*

Ông ta nghe lời tôi nói, như tiếng sét bên tai, ngây ra một lúc lâu mới than thở rằng *"Quả không thể rời hai chữ ấy ra được"*. Ông bạn họ La ấy, cuối cùng có thể nói là một thằng ngốc.

Tôi công bố **"Hậu Hắc Học"** đã dùng hai chữ biệt hiệu là "Độc Tôn" với ý muốn nói: *"Trong thiên hạ có tôi là Độc tôn mà thôi". Viết thư cho bạn bè cũng dùng biệt hiệu, cuối cùng tôi lại viết là Thục Tù. Có người hỏi: "Giải thích hai chữ Thục Tù là như thế nào?"*

Tôi trả lời: *"Tôi công bố **"Hậu Hắc Học"**, có người nói tôi là điên rồ, xa rời kinh sách, phản lại Đạo không thể không nhốt vào trại những người điên". Thế thì tôi đã trở thành kẻ tù tội ở đất Thục rồi, vì thế biệt danh là Thục Tù*

Sau khi tôi công bố **"Hậu Hắc Học"**, rất nhiều người ra sức thực hành, làm cho Tứ Xuyên thành một vương quốc **Hậu Hắc**. Có người hỏi tôi: "*Thủ lĩnh Trung Quốc không phải ông thì còn ai nữa?*". Tôi nói: "*Thế thì tôi đã trở thành Tù trưởng ở đất Thục rồi*". Vì vậy mới lấy tên là Thục tù. Tôi giảng giải **"Hậu Hắc Học"**, lại có người trở thành đệ tử chăm chỉ của tôi, mặc áo, dùng bát kiểu của tôi. Nhưng cuộc sống của tôi là đến các nhà đưa bát xin cơm. Cái bát ấy phải giữ lại để dùng, chỉ còn cái áo da chó của tôi cho anh ta mặc, cho nên chữ chữ Độc đã mất theo con chó, thành chữ Thục. Những đệ tử cao thủ của tôi có rất là nhiều, đệ tử tốt là cao thủ (tác giả viết cao túc, là chân cao) còn thầy dạy là loại thấp kém. Chân của đệ tử cao tới một trượng, còn chân của Thầy dạy chỉ ngắn một tấc, cho nên chữ Tôn lược bỏ chữ *"Thốn"* (**nghĩa là 1 tấc**) thành ra chữ "Tù", vì nguyên nhân ấy tôi đành gọi là *"Thục Tù"* vậy

Tôi phát biểu về **"Hậu Hắc Học"**, nói chung những người đã đọc, nói rằng: " Học vấn của ông về bộ môn này uyên thâm rộng lớn, chúng tôi đã đọc cuốn sách đó, tựa như đọc Trung Dung, Đại học nói chung, không rời khỏi tay được, xin hãy vì cái thân phận thấp hèn mọn của chúng sinh, hãy nói lên tất cả những cách thực hiện,

truyền thụ tất cả những cách thực dụng nữa, chúng tôi mới có thể theo đó để làm cho tốt được"

Tôi trả lời: *"Các vị muốn làm cái gì cơ?"*. Đáp rằng: *"Tôi muốn làm quan, hơn nữa còn muốn làm sao rất oanh liệt, nói chung mọi người đều muốn làm đại chính trị gia cả"*. **Vì thế tôi đã truyền cho họ, "Sáu chân ngôn cầu làm quan", "Sáu chữ chân ngôn để làm quan" và "Hai cách làm việc khéo"**

SÁU CHỮ "CHÂN NGÔN" CẦU LÀM QUAN

Sáu chữ "Chân ngôn" cầu làm quan: "KHỐNG, CỐNG, XUNG, PHỦNG, KHỦNG, RỖNG". Ý nghĩa của sáu chữ này rất nổi tiếng như sau**:**

1. Khống:

Tức là rỗi rãi, chia làm hai loại: Một là, nói về công việc, người cầu làm quan phải bỏ mọi công việc ra ngoài đã, không làm thợ, không buôn bán, không nghĩ đến việc cày bừa, cấy hái, cũng không học hành, người làm quan phải kiên nhẫn, không thể vội vàng, hôm nay không được thì ngày mai lại tới, năm này không được thì sang năm lại tới

2. Cống:

Chữ cống này mượn trong tục ngữ của Tứ Xuyên. Ý nghĩa của nó tương tự như xiên thủng *"Xiên vào rồi lại xiên ra",* có thể nói là *"Cống nạp vào lại rút lấy ra được"*. Cầu làm quan thì phải xiên thủng, đó là điều ai nấy đều biết, những định nghĩa thật không dễ, có người nói: "*Định nghĩa của chữ Cống là có lỗ thủng thì phải xiên vào*". Tôi nói: "*Thế thì sai! Nói như vậy mới được một nữa, có lỗ thủng phải xiên, không có lỗ thủng làm sao xiên vào được*". Định nghĩa của tôi là: "*Có lỗ thủng phải xiên, không có lỗ thủng cũng phải xiên. Có lỗ thủng rồi phải khoan rộng ra, không có lỗ thủng thì phải lấy cái dùi xiên một lỗ thủng mới"*

3. Xung:

Lời nói phổ thông là: *"Huyênh hoang, khoác lác"*, ngôn ngữ của tứ xuyên là: *"Bỏ đi cái đội đầu"*, vứt bỏ trong lời nói và trên cả chữ nghĩa. Trong lời nói lại chia thành nói với dân thường và đứng trước mặt *"cụ lớn"*, trên chữ nghĩa cũng lại chia thành hai loại: báo, tạp chí và các thiếp trần

4. Phủng:

Tức là nịnh, có dáng điệu nịnh nọt, giống như Hoa Hâm khúm núm trước Ngụy công trên sân khấu là một điển hình

5. Khủng:

Có nghĩa là làm cho sợ hãi, là một động từ cập vật. Đạo lý của chữ này rất tinh vi, sâu sắc, tôi không dám nhiều lời. Chức quan là một vật cao quý nhường nào, làm sao có thể cho người khác một cách dễ dàng được? Có người chia chữ **"Phủng"** thành 12 vạn phần mà vẫn không đạt hiệu quả, vì không hiểu hết ý nghĩa của chữ **"Phủng".**

Phàm là vị quyền cao chức trọng đều có chỗ yếu kém, chỉ cần tìm ra được điểm yếu của vị ấy, điểm nhẹ một huyệt, vị ấy sẽ hoảng hốt sợ hãi, lúc ấy lập tức đem chức quan ra tặng anh. Người học cần phải biết **"Khủng"** và **"Phủng"** có tác dụng tượng hỗ. Người giỏi chữ "Phủng" thì trong nịnh có **"Khủng"**, người ngoài nghe những lời anh ta nói trước mặt "cụ lớn" thì câu nào cũng thấy đón đưa, vâng dạ, thực ra họ lại

ngầm đánh vào điểm yếu. "Cụ Lớn" nghe rồi toát mồ hôi hột. người giỏi chữ "Phủng", trong "Khủng" có nịnh, người ngoài coi anh ta là ngạo mạn, câu nói nào cũng trách cứ "cụ Lớn" thật ra người được nghe thì hài lòng, hân hoan và gân cốt lại "*rã rời*", "*trời mà sáng suốt, người khác được nhờ*", "*người thợ giỏi cho người quy cách, không thể cho người tay nghề giỏi*". Người cầu làm quan phải hiểu từng ly từng tý là điều rất cần thiết, khi dùng chữ **"Khủng"** phải hết sức thận trọng, suy xét kỹ, nếu dùng quá mức, những bậc bề trên sẽ từ chỗ bị sỉ nhục thành phẫn nộ, làm như thế không phải là phản lại cái tôn chỉ lớn của việc cầu làm quan hay sao? Đó là điều khó xiết bao, khi hoặc cần đến mới dùng, không thể dùng chữ **"Khủng"** một cách nông cạn

6. Tống:

Tức là biếu quà, có thể chia làm 2 loại lớn nhỏ:

Biếu lớn: đem những bọc tiền, ngân phiếu đưa đi; biếu nhỏ: thực hiện tặng quà tết, chân giò thui và mời đến quán ăn. Chia người được biếu làm hai loại: một là người có chức vụ thao túng quyền lực, hai là người chưa nắm quyền lực, nhưng lại có thể là trợ thủ của ta.

Thực hiện được 6 chữ trên, chắc chắn mỗi chữ đều đem lại những hiệu quả kỳ diệu. Các vị tai to mặt lớn khi ngồi một mình thường nghĩ và tự nói: "Anh X muốn làm quan, đã nói nhiều lần (đó là tác dụng hiệu quả của chữ "Không"). Hắn và ta có quan hệ gì? (đó là tác dụng của chữ "Cống"). Anh X có nhiều tài trí (đó là tác dụng hiệu quả của chữ "Xung"), hắn đối với ta rất tốt (đó là hiệu quả của chữ "Phủng"), nhưng người này có lắm mưu mẹo, nếu không bố trí, sẽ xảy ra rắc rối (đó là hiệu quả của chữ "Khủng"), nghĩ đến đây, quay đầu lại nhìn những đống đen sì hoặc sáng long lanh đầy ắp trên bàn (đó là tác dụng hiệu quả của chữ "Tống"), không có gì phải nói thêm nữa, treo bài ngà lên, khuyết điểm nào đó là do anh X đưa lại. Cầu làm quan đến đây coi là mọi việc đã làm viên mãn. Vì thế cứ việc lên ngựa nhận chức, rồi thực hành chân ngôn 6 chữ của người làm quan

SÁU CHỮ "CHÂN NGÔN" CỦA NGƯỜI LÀM QUAN

Chân ngôn sáu chữ của người làm quan: "KHÔNG, CUNG, BĂNG, HUNG, LUNG, LỘNG". Ý nghĩa của sáu chữ này như sau:

1.Không:

Có nghĩa là rỗng tuyếch. Một là trên văn tự: phàm những văn bản trình báo cấp trên, ra thông báo, đều chỉ là những lời lẽ chung chung, trống rỗng, trong đó kỹ năng viết rất khéo; tôi khó có thể nói kỹ, nếu tới các cơ quan quân chính, đọc hết các chữ văn bản dán trên tường sẽ hiểu hết thôi. Hai là, khi làm việc đều linh hoạt sống động, nghiêng sang tây cũng được, ngả sang đông cũng xong, có khi làm như sấm vang bão táp, thật ra bên trong lại lén lút tìm đường tháo lui, nếu thấy tình thế không lợi thì có thể quay người đi theo con đường khác, quyết không thể trói buộc bản thân mình.

2. Cung:

Có nghĩa là cung kính, khép nép, so vai, rụt cổ chia làm 2 loại trực tiếp và gián tiếp. Trực tiếp là nói với cấp trên, gián tiếp là nói với bạn bè thân thích, lính của cấp trên và các ông nọ bà kia.

3. Băng:

Tục ngữ gọi là bệ vệ, một chữ trái nghĩa với chữ "Cung": Nếu nói với cấp trên và dân chúng thì chia làm hai cấp: Một là, biểu hiện bề ngoài tỏ ra là một nhân vật oai nghiêm, không ai xúc phạm được; hai là, trong trò chuyện tỏ ra đầy kinh sách, thông hiểu đại tài. Nói về chữ **"Cung"** đối với bát cơm trên mặt đất thì bất tất phải coi là trên mặt đất, nói về chữ **"Băng"** khi không có bát cơm trên mặt đất thì bất tất phải coi nhất định là cấp dưới và dân chúng. Khi quyền của bát cơm không thuộc về cấp trên; khi quyền cái bát cơm thuộc cấp dưới hoặc dân chúng, lại đổi "Băng" thành "Cung". Đạo lý của ta phải tỏ ra linh hoạt, vận dụng khéo léo và chỉ nằm trong suy nghĩ mình biết mà thôi.

4. Hung:

Chỉ có thể đạt được mục đích của ta khi bắt người khác quy phục, dù phải bán vợ đợ con cũng không được oán ghét nhưng phải chú ý một lớp vỏ nhân nghĩa đạo đức, phải phủ trên chữ "Hung"

5. Lung:

Tức là tai điếc: "*Ai chê cười chửi mắng cũng mặc, làm quan ta cứ làm*" nhưng trong người điếc còn hàm nghĩa người mù nữa, nếu trên văn bản, đơn từ có tỏ ra bực tức thì nhắm mắt không cần xem.

6. Lộng:

Tức là làm Tiền. Rồng bay đến đây kết huyệt, mười một chữ đặt ra ở trên đều phải nhằm vào chữ này. Chữ **"Lộng**" và chữ **"Tống"** trong cầu làm quan là hai mặt đối

chiếu nhau, có biếu thì có móc. Phải hết sức chú ý chữ **"Lộng"** này là trong công việc làm sao phải chạy việc mới thành công, có khi không được việc dù phải móc túi ra cũng không sao; nếu được việc móc bao nhiêu cũng không cần khách khí làm gì.

Tôi chẳng qua mới hiểu thô thiển mười hai chữ trên đây, còn nhiều nghĩa tinh vi của nó chưa thể phát huy được. Những bậc làm quan có chí, có thể theo đó tìm ra bí quyết, xin tự nghiên cứu lấy.

HAI CÁCH LÀM VIỆC KHÉO

1. Cưa mũi tên:

Có một người bị tên bắn trúng mời thầy thuốc ngoại khoa đến chữa. Thầy thuốc cưa cán mũi tên, rồi đòi lễ tạ. Hỏi ông ấy tại sao ông ấy không rút đầu mũi tên ra. Thầy thuốc nói: đó là việc của khoa nội. Ông hãy tìm thầy thuốc khoa nội thì hơn. Đây chỉ là một mẫu chuyện xưa truyền tụng lại.

Sự làm việc của các cơ quan và các ông lớn đều dùng cách làm việc như thế cả: Ví dụ phê một đơn từ: "*Căn cứ đơn từ được đề trình lên, không thuộc cấp tôi giải quyết, sẽ gửi về quan huyện điều tra xem xét, xử lý nghiêm minh*". "*Không thuộc cấp tôi*", mấy chữ này là cách cưa đứt cán mũi tên "*việc của quan huyện*" là thuộc về khoa nội. Lại có người cầu cạnh tôi làm một việc, tôi nói: "Tôi rất tán thành việc này, thế nhưng, còn phải thương lượng với một người nữa". Ba chữ "*Rất tán thành*" là " *cắt cán mũi tên*", "*Một người nữa*" là khoa nội; hoặc lại nói: "*Tôi sẽ làm trước một phần việc*, "sau đó" là thuộc "khoa nội". Có người chỉ cắt mũi tên, chứ không phải bảo người ta tìm khoa nội, cũng có khi không thèm cắt mũi tên, đã bảo người ta đi khoa nội, thật là đủ mọi cách xoay. Cứ suy xét kỹ khắc hiểu được

2. Cách hàn nồi:

Nồi nấu cơm bị dò, mời thợ hàn nồi đến hàn nồi, người thợ hàn dùng một mảnh sắt cạo nhọ dưới đích nồi, một mặt nói với chủ nhà: "*Xin ông nhóm lửa để tôi đốt bụi than nhọ nồi*"; khi chủ nhà quay người đi nhóm lửa, anh ta lấy búa gõ nhẹ mấy cái vào đít nồi, vết nứt ấy đã rộng ra nhiều, và khi chủ nhà quay lại, anh ta chỉ cho chủ nhà xem, và nói: "*Vết nứt trong đáy nồi này của ông rất dài, mỡ bên trên phủ kín, không nhìn thấy được, tôi cạo nhọ than thì đã hiện rõ lên rồi, nếu không chèn mấy cái đinh vào thì không được*". Chủ nhà cúi đầu xuống xem: "*Giỏi, Giỏi! hôm nay không gặp được anh, thì e rằng cái nồi này không dùng được nữa*". Sau khi hàn xong, chủ nhà và thợ hàn nồi đều rất vui mừng và anh thợ hàn ra đi.

Trịnh Trang Công dung túng Công Thúc Đoạn khiến hắn làm nhiều điều bất nghĩa, nên mới cất công trừng trị, đó là một cách hàn nồi. Trong lịch sử có rất nhiều loại này. Có người nói: " *Ở Trung Quốc đổi nhiều cách làm, có rất nhiều nơi làm cả việc cắt thịt ra để chữa bệnh*". Đó chính là các quan lớn thay đổi cách làm, dùng theo cách hàn nồi mà thôi. Trong chốn quan trường nhà Thanh trước kia đại để đều dùng cách cưa cán tên và hàn nồi hỗ trợ nhau.

Hai cách làm khéo nói trên đây là những ví dụ chung của cách làm việc, vô luận là xưa hay nay, trong hay ngoài nước, nếu hợp với những ví dụ chung ấy thì đều thành công. Làm ngược với ví dụ chung ấy sẽ thất bại. Quản Trọng là nhà chính trị lớn của Trung Quốc, ông ta làm việc đều dùng hai cách đó. Người Địch (**dân tộc ít người ở**

miền Bắc Trung Quốc, xưa kia gọi là dân man rợ) đánh nước Vệ, nước Tề án binh bất động, chờ đến khi người Địch đánh tan nước Vệ, mới ra tay nghĩa cử "*Hưng binh để cứu nước bị diệt*", đó là cách hàn nồi. Không nên trách nước Sở tiếm xưng Vương miện với chiến dịch Triệu Lăng, mà trách vua nước Sở chiếm đoạt tất cả mà không chịu cống nạp, đó là cách cưa cán mũi tên vậy. Thời ấy thực lực nước Sở thắng nước Tề không khó lắm, song Quản Trọng dám khuyên Tề Hoàn Công cử binh đánh Sở, có thể nói là đập nát đáy nồi để hàn lại. Đến khi nước Sở tỏ rõ thái chống lại, ông ta lập tức làm cái việc kiểu như cưa cán mũi tên. Chiến dịch Triệu Lăng là kiểu lúc đầu dùng cách hàn nồi, cuối cùng dùng cách cưa cán mũi tên, Quản Trọng gõ đáy nồi nát ra rồi lại có thể hàn lại được. Cho nên gọi là bậc kỳ tài trong thiên hạ.

Viên quan Võ Minh Quý đã mang quân vây chặt bọn giặc cỏ, lại cố ý cho chúng chạy ra. Đó là dùng cách hàn nồi. Sau đó không chặn được chúng đến nỗi đất nước bị tàn phá, vua bị giết. Đập nát nồi khiến không hàn được nữa cho nên gọi là "*kẻ bầy tôi ngu xuẩn phạm tội với quốc gia*". Nhạc Phi muốn khôi phục Trung Nguyên đã đón Nhị Đế trở về, ông ta chỉ mới vừa có ý đồ rút mũi tên ra đã bị rước lấy tai họa bị giết. Minh Anh Tông trước đó cũng bị bắt, Vu Khiêm đưa vua trở về, ý đồ là rút hẳn mũi tên ra, nhưng vẫn chuốc lấy tai họa bị giết. Vậy, nguyên do ra sao? Vì đã vi phạm những ví dụ chung

Tể tướng Vương Đạo của triều đình nhà Tấn khi có một tên phản tặc, không cất quân đi đánh. Đài Khản trách tể tướng, ông ta viết thư trả lời: Ta luôn mong mỏi ngày đêm chờ túc hạ. Khản xem bức thư này cười và nói: "*Ông ta chẳng mong mỏi ngày đêm*" gì đâu. Vương Đạo "*mong mỏi ngày đêm*" để chờ Đào Khản, tức là đẩy đầu mũi tên chờ thầy thuốc khoa nội. Các quan khóc lóc ở triều đình, Vương Đạo biến sắc mặt nói: "*Đương lúc hợp sức cứu Vương Thất, khắc phục thần châu, làm gì đến nỗi làm tù nhân cho Sở mà phải khóc*". Ông ta ra mặt bất bình nghiễm nhiên trừng mắt… ra điều sẽ đi hàn nồi, thực ra chỉ nói vài câu lời lẽ đẹp, rồi coi thế là xong. Tưởng nhớ Nhị đế đang bị giam cầm ở miền Bắc, suốt đời không thể trở về, mũi tên vẫn chưa rút ra được, hành động đó của Vương Đạo, có vài chỗ giống như Quản Trọng, vì vậy trong lịch sử gọi ông ta là "*Giang tả di Ngô*" (**Kẻ thích ở ngoài vùng Giang Tả - Ý nói là kẻ phản bộ**i). Nếu độc giả thực hành theo những cách làm mà tôi đã nói, đảm bảo sẽ trở thành con cháu Quản Trọng,một nhà chính trị lớn bậc nhất.

Kết luận

Tôi đã nói hết **"Hậu Hắc Học"** rồi, đặc biệt muốn nói với các độc giả một bí quyết, phàm khi sử dụng **Hậu Hắc**, thì nhất định phải thoa lên mặt một lớp nhân nghĩa đạo đức, chớ không để nó biểu hiện ra một cách lộ liễu. Sự thất bại của Vương Mãn là do cái nguyên cớ để lộ ra hết cả. Nếu Vương Mãn suốt đời không để lộ thì e đến nay trong miếu của Khổng Tử còn có thể viết "Bài vị bậc tiên nho Vương Mãn" được ăn quá nhiều thịt lợn nguội (***Tác giả dùng chữ "thịt lợn nguội" là những vật mang đến lễ ở đền, miếu, ý châm chọc cay độc***).

Trong bài "**Khó nói**" của Hàn Phi Tử có nói: "Hãy dấu kín lời anh nói, và chỉ lộ cái gì biểu lộ trên người anh". Phàm là học trò của tôi nhất định phải hiểu được cung cách đó. Giả dụ có người hỏi anh: "*Có thừa nhận Lý Tôn Ngô không*?". Bạn hãy dùng sắc mặt rất nghiêm trang và nói rằng: "*Người đó cực kỳ xấu, hắn nói về* ***"Hậu Hắc Học"****, tôi không thừa nhận hắn được*". Mồm tuy nói như thế, còn trong lòng lại rất cung kính, cung kính coi như: "**Lý Tôn Ngô là một vị đại thánh, là tổ sư của thánh**". Nếu có thể làm được như vậy, thì bảo đảm bạn sẽ làm nên rất nhiều sự nghiệp kinh thiên động địa, được người đời ngưỡng mộ. Sau khi chết còn được đưa vào miếu của Khổng Tử ăn thịt lợn nguội nữa. Cho nên mỗi khi tôi nghe người ta chửi tôi, tôi rất vui mừng, nói rằng: "***Đạo của ta được thực hiện nhiều đấy***"

Tôi nói: "*Phải bôi một lớp nhân nghĩa đạo đức bên ngoài* ***Hậu Hắc***". Đó là chỉ nói khi gặp các Thầy giảng dạy về đạo đức. Giả dụ khi gặp những bạn bè mà nói đạo đức, bạn cũng cùng hắn nói nhân nghĩa đạo đức, thế chẳng thú vị hay sao? Lúc ấy phải bôi lên bốn chữ "Thần thánh kính yêu". Chẳng lẽ hắn không gọi bạn là "*đồng chí*" hay sao? Tóm lại, ngoài mặt phải bôi thêm một lớp gì, để người học tâm thần tỉnh táo, tùy thời ứng xử, nhưng không bỏ rơi tôn chỉ mục đích mà phụng sự hai chữ **Hậu Hắc**, có chí thì nên

Phần Hai

HẬU HẮC TÙNG THOẠI

SỬ QUAN VỀ HẬU HẮC, TRIẾT LÝ HẬU HẮC, ỨNG DỤNG HẬU HẮC HỌC, LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN HẬU HẮC HỌC

Tác giả phát minh **"Hậu Hắc Học"** vào những năm cuối thời Mãn Thanh, chú yếu nói về những anh hùng hào kiệt trong 24 bộ sử, những bí quyết thành công của họ, không ngoài 4 chữ: "**Mặt dày, tâm đen**", nêu ra những sự thật của lịch sử để dẫn chứng. Năm Dân Quốc nguyên niên đưa đăng tải trong Công luận nhật báo ở thành đô. Bài này viết ra để đùa vui, nào ngờ từ đó về sau, ba chữ **"Hậu Hắc Học"** lại tràn ngập ở Tứ Xuyên, trở thành một danh từ phổ thông, tôi cũng không hiểu ra sao. Mỗi khi gặp những người bạn không quen biết, người khác giới thiệu, nói rằng: "*Đây là ông Lý, người phát minh ra* ***"Hậu Hắc Học"***". Thế là ba chữ Lý Tôn Ngô và ba chữ **"Hậu Hắc Học"** được hợp thành một, giống như Thích Ca Mâu Ni hợp làm một với Phật giáo, Khổng Tử hợp làm một với Nho giáo vậy

Có một lần ngồi trong bàn làm việc, một ông chỉ vào tôi và nói với mọi người: "*Ông này họ Lý, tên Tôn Ngô, là người tiên tiến của* ***"Hậu Hắc Học"***".Tôi vội vàng lên tiếng thanh minh: "*Ông nói sai rồi, tôi là tổ sư của* ***"Hậu Hắc Học"****, các ông mới là những người tiên tiến của* ***"Hậu Hắc Học"****. vị trí của tôi ngang hàng với Thích Ca Mâu Ni trong Phật giáo, Khổng Tử trong Nho giáo*". Đương nhiên tôi xưng là Tổ sư , các bạn tự liệt mình vào những người đứng bên cạnh, ngang hàng với 12 người đứng bên cạnh của Thích Ca Mâu Ni, Tứ khoa thập triết (***là những học trò giỏi của Khổng Tử được chia thành 4 khoa: Đức hạnh có Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung; Khoa chính sự có Trọng Hữu, Quý Lộ; Khoa văn học có Tử Du, Tử Hạ; Khoa ngôn ngữ có Tử Cống, Tể Ngả và Thập triết: trong số môn đồ của Khổng Tử có 10 nhà hiền triết:Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung, Trọng Hữu, Quý Lộ, Tử Du, Tử Hạ, Tử Cống, Tể Ngả***) của Khổng Tử, đối với những người bình thường khác, đương nhiên được xưng là những phần tử tiên tiến.

"Hậu Hắc Học" là bí quyết từ thiên cổ không truyền lại, tôi đã khám phá được ra, có thể gọi là một công lớn như ở thời Ngu Công vậy. Mỗi khi đến một nơi nào đều có người mời tôi nói về **"Hậu Hắc Học"**, đời tôi ôm ấp cái học thuyết không được truyền lại, không dám nhận là của riêng, dành phải chịu nhẫn nại học tập nghiền ngẫm rồi theo đó viết ra, cho nên đặt tiêu đề là **Hậu Hắc Tùng Thoại**

Có người phản bác tôi rằng: "*Từ xưa đến nay đâu có hiếm những kẻ mặt dày mặt*

dạn, tâm địa đen tối! đó là việc cực kỳ phổ biến, sao ông lại dám mạo xưng là người phát minh?" Tôi nói: "*Cái gọi là nhà phát minh cũng giống như một kỹ sư khoáng sản tìm những khoáng vật như than đá, sắt thép. Đâu có phải là kỹ sư khoáng vật bỗng nhiên lấy được những khoáng chất chôn sâu dưới đất, trong đất vốn vốn đã có than đá, sắt thép, kỹ sư khoáng sản đào bỏ đi lớp đất đá trên mặt đất, các khoáng vật than đá, sắt thép tự nhiên xuất hiện, như thế được gọi là phát minh rồi.* ***Hậu Hắc*** *là cái vốn có của con người, nhưng bị che lấp bởi Tứ Thư, Ngũ Kinh, Tong nho ngữ lục và Cảm ứng thiên (*những luận văn viết về sự cảm ứng của trời đất*), Âm chất văn (*những luận văn viết về sự phúc đức mà chỉ có quỷ thần mới biết được*), Giác tể chân kinh (*một loại kinh nhà phật giác ngộ người đời*). Tôi quét sạch bụi, khiến* ***Hậu Hắc*** *đều hiện ra cả, có thể gọi là nhà phát minh vậy*"

Niu – tơn phát minh ra sức hút, sức hút này cũng không phải Niu – tơn mang lại, từ khi khai thiên lập địa , lòng đất đã có sức hút, đã trải qua hàng triệu năm mà không ai biết, đến khi Niu – tơn ra đời mới phát hiện ra ra được. Học vấn về môn học **Hậu Hắc** này, từ thời xưa đến nay chưa có ai nghiên cứu. Đã không làm thì không viết được, học tập mà không mài rũa cho rõ, cho đến khi Lý Tôn Ngô ra đời, mới phát hiện ra được nó. Niu – tơn có thể là nhà phát minh sức hút, Lý Tôn Ngô đương nhiên có thể gọi là nhà phát minh **"Hậu Hắc Học"**

Có người nói với tôi: "*Nước ta năm này qua năm khác không ngừng rối loạn, chính là do kẻ này người khác thực hành hậu hắc học nên mới gây ra sự đổ bể như vậy, nay lại bị nước láng giềng hùng mạnh chèn ép, chính vì thế mà nạn vong quốc đang ở trước mắt, ông còn đề xướng ra* ***"Hậu Hắc Học"*** *làm gì?*". Tôi nói: "*Chính vị họa mất nước đang ở trước mắt nên cần đề xướng* ***"Hậu Hắc Học"****. Có nghiên cứu kỹ môn học này mới có thể bình định được tình hình rối loạn trong nước, mới có thể đối ngoại được,* ***Hậu Hắc*** *là thứ kỹ thuật để giải quyết công việc, giống như dùng quyền thuật đánh người vậy. Các ông đều đã biết: Phàm những nhà thuật quyền đều phải đóng cửa luyện tập mấy năm, sau đó mới có thể đấm đá với người khác được. Từ Tân Hợi đến nay đã có biết bao kẻ nổi lên làm loạn đều là những đệ tử môn học này của tôi cả, còn có cả đệ tử của các trường tư thục nữa, thực tập ngay ở thực địa. Các sư huynh sư đệ của họ, cọ xát đấm dá lẫn nhau, đến nay đã 24 năm rồi, coi như là đã tập luyện xong. Họ mở cửa xong ra, đấm đá với người khác, có thể gọi là: "Lấy mình chế ngự kẻ địch, kẻ địch nào không lui; lấy cái đó để lập công, trận đánh nào mà không thắng". Tôi dựa vào kiến giải này, đặc biệt nêu ra một khẩu hiệu: "****Hậu Hắc cứu quốc****". Xin hỏi những người đang sống, muốn chống lại các nước mạnh có cách nào khác ngoài* ***"Hậu Hắc Học"****? cho nên không thể không viết* ***"Hậu Hắc Học"*** *vậy*".

Chống lại các nước mạnh phải có lực lượng, những người trong nước đều nghiên cứu sâu sắc **"Hậu Hắc Học"**, mới có thể coi là có năng lực. Ví dụ, bắn tên thì tên

phải bắn ra thật trúng. Xưa kia người ta ra khỏi cửa thì bà con và anh em bắn lẫn nhau, anh bắn tôi và tôi bắn anh. Còn ngày nay lấy các nước mạnh làm mục tiêu để bắn mũi tên nào cũng hướng vào bia ấy mà bắn, sở dĩ tôi gọi **"Hậu Hắc cứu quốc"** là như thế đấy

Người xưa đã từng làm "**Hậu Hắc cứu quốc**", như Việt vương Câu Tiễn. Sau khi ở Cối kê thất bại, Câu Tiễn tự mình xin làm bầy tôi cho Ngô vương, đưa vợ vào làm tỳ thiếp trong cung Ngô vương, đó là bí quyết của "**Hậu**". Về sau cử binh đánh Ngô, Phù Sai sai người đến khóc lóc xin tha, cam chịu xin làm bầy tôi, đưa vợ ra xin làm tỳ thiếp, Câu Tiễn không buông tha, không giết Phù Sai không được, đó là bí quyết của "**Hắc**" vậy. Do đó thấy rằng: "**Hậu Hắc cứu quốc**" trình tự của nó trước hết dùng "**Hậu**", tiếp đó dùng "**Hắc**". Việc làm của Câu Tiễn đáng để chúng ta kham khảo

Hạng Vũ là một anh hùng bạt sơn cái thế, nguyên nhân thất bại của ông ta được Hàn Tín nói bằng hai câu: "*Dũng khí của kẻ thất phu, lòng nhân ái của đàn bà*", đã đoán định cả rồi. Dũng khí của kẻ thất phu là không chịu nổi nóng giận, căn bệnh đó không phải là "**Hậu**", lòng nhân từ của đàn bà, trong lòng không có gì là bất nhân, căn bệnh ấy không phải là "**Hắc**". Cho nên tôi giảng giải **"Hậu Hắc Học"**, cũng lấy cái không "*Hậu*" không "**Hắc**", không phải tất cả đều không **Hậu Hắc**, nếu dùng ngược lại **Hậu Hắc**, đáng "**Hậu**" mà lại dùng "**Hắc"**, đáng "**Hắc**" mà dùng "**Hậu**" thì sẽ thất bại thôi. Xin lấy ví dụ ở Triều đại nhà Minh, không tự lượng sức mình, đã khinh thường đem quân đánh Mãn Châu, tức là dùng cái dũng khí của kẻ thất phu. Không biết giặc dã man, khó thuần phục, quyết chí chống lại, tức là lòng nhân ái của đàn bà. Do đó triều đại nhà Minh phải mất nước, căn bệnh này là phản lại hai chữ **Hậu Hắc**. Những người có chí cứu quốc không thể không đem tâm huyết nghiên cứu kỹ lưỡng sâu sắc.

Hôm qua tôi trở về nơi ở, thấy một người bạn quen ngồi trong phòng khách, vừa mới gặp đã nói ngay rằng: "*Tại sao anh lại đăng **"Hậu Hắc Học"** lên báo? Lòng người bây giờ hiểm độc, dối trá, đã đại loạn rồi, đáng ra phải bàn về đạo đức, để mong cứu vãn, anh lại ném ra nghị luận kỳ quặc ấy, tránh sao không khiến lòng người ngày càng hư hỏng?*". Tôi nói: "*Anh quá lo đấy*", tôi kể hết tư tưởng, đầy đủ ngọn ngành cho bạn nghe, nghe đến canh hai, ông bạn lại thấy hứng thú, nói rằng: "*Nói như vậy thì anh quả đã là tín đồ của Khổng Tử, **"Hậu Hắc Học"** là liều thuốc tuyệt diệu cứu chữa lòng người trên đời này. Từ nay về sau, tôi xin làm một tín đồ dưới trướng của **Giáo chủ Hậu Hắc***"

Tôi sáng tác **"Hậu Hắc Học"**, toàn chỉ dùng theo thư pháp của xuân thu, không cần phân biệt: Thiện, ác; dựa vào sự việc ở trong sách, tự sẽ thấy thiện ác. Với môn **Hậu Hắc** này, dùng với ý đồ tư lợi một chút thôi, là hành vi rất bỉ ổi, nhưng nếu lại là ý đồ vì lợi ích chung cho chúng dân, là đạo đức cao thượng chưa từng có, cho nên những kẻ không hiểu thư pháp Xuân Thu, thì không thể đọc **Hậu Hắc** được.

Năm Dân Quốc thứ sáu, nhà xuất bản Công báo Thành Đô in **"Hậu Hắc Học"** thành một cuốn sách. Nghi Tân Đường Chu Phong đề tựa, Trung Giang Tạ Thụ Thanh viết lời bạt. Thụ Thanh viết rằng: *"**"Hậu Hắc Học"** như là một con dao sắc, dùng để trừ phản nghịch là thiện, dùng để hại lương dân là ác. Thiện và ác có quan hệ gì đến con dao. Nếu dùng **Hậu Hắc** làm việc thiện sẽ là người thiện, nếu dùng **Hậu Hắc** để làm việc ác sẽ là kẻ ác*" cách nói ấy của Thụ Thanh là rất đúng.

Lời của Chu Phong nói rằng: "*Cuốn sách này là của Tôn Ngô không quy tụ hết cả một bầy đại gian đại trá từ thiên cổ đến nay, mà định tội trạng của từng tên, ta đọc thuộc sách này thì sẽ nhìn rõ những kẻ **Hậu Hắc**, đều như thế cả, ngõ hầu ứng phó với đời được, không đến nỗi ngu dại như đã xảy ra bao đời nay*". Câu nói này của Chu Phong có lý của nó, không được đầy đủ như Thụ Thanh nói

Trang tử nói: "***Không quy vào một mối, hoặc phong bế lại, hoặc không tránh khỏi giải tỏa***". Ô hô! Phải chăng Trang Tử là người khởi đầu nói **Hậu Hắc** vậy thay. Đem ngôi vua nhường cho người khác, Thuấn làm như vậy thì thành thánh nhân, Tào Thừa, Lưu Dụ làm thế thì thành nghịch thần. Tôn Ngô nói: "*Việc làm của Thuấn, Ngu nếu gọi là **Hậu Hắc**, liệu có thật thế không, còn quá nhiều nghi hoặc. Chu Phong cầm sách Trang Tử không rời tay nhưng chưa đạt tới **"Hậu Hắc Học"**, tiếc thay, cuối đời Chu Phong từ chỗ sáng láng đến cùng quẫn, chỉ nói về học thức, trở về Thành Đô chết vì bệnh nghèo. Hạ Phủ đưa câu đối viếng có nói: "Có tiền mua sách, không tiền mua gạo*". Giá như chỉ dùng miền mua một bộ **"Hậu Hắc Học"**, tiền còn là thì mua gạo, thì đến nay vẫn sinh tồn được, thế nhưng Chu Phong vẫn chưa tỉnh ngộ, buồn thay!buồn thay!

Tôi viết **"Hậu Hắc Học"** có hai ý:

A. ***Như Chu Phong nói: "….Thâu tóm hết cả một bầy đại gian đại trá, định nghĩa tội ác của từng tên". "Hậu Hắc Học" được công bố năm Dân Quốc thứ nhất và thêm tạp lục truyện còn có: Sáu chữ chân ngôn để cầu làm quan, Sáu chữ chân ngôn của người làm quan và hai cách làm việc khéo, tất cả đều thuộc loại A"***

B. ***Như Thụ Thanh nói: "Dùng Hậu Hắc để làm việc thiện", những chuyện được nói ở Hậu Hắc tùng thoại là thứ loại B"***

Các độc giả nếu nghiên cứu kỹ học vấn của tôi, hễ sau nếu có người làm theo **"Hậu Hắc Học"**, các vị chỉ nhắm mắt là rõ, có thể nói thẳng rằng: " *Bạn là học sinh lớp A của Lý Tôn Ngô, tôi và anh cùng tốt nghiệp một lớp, anh hãy bớt dở cái trò đó* ra". Do đó, sự tương kiến thành thực giữa bạn học với bạn học, thì từ nay thiên hạ thái bình vậy, đó là sự thành công của **"Hậu Hắc Học"**. Có người bảo, Lão Tử nói: "*Không thể nói cho người khác hết lợi khí của một nước*". Ông mang **"Hậu Hắc Học"** nói công khai, vạn nhất mà bọn Hán gian của Trung Quốc dịch sang các tiếng nước ngoài như Anh, Pháp, Đức , Nga, Nhật truyền lan cho tất cả cả các giới, các nước mạnh nắm được bí quyết này, lại dùng các phương pháp khoa học để chỉnh lý, sẽ tác

động phản ngược lại với ta, khác nào thuốc nổ do ta phát minh , cải tiến thêm một chút lại bắn vào ta, thế thì được gì cơ chứ? Tôi nói: "*Chỉ sợ người ta không dịch, càng dịch được nhiều càng tốt, Tống Triều đã dùng Tư Mã Quang làm Tể tướng, nhiều người nước Liêu nghe tin đã khuyên răn các quan ở biên giới rằng:"Trung Quốc dùng Ông Tư Mã thì ta chớ sinh sự". Các nước mạnh nghe nói Trung Quốc đã xuất hiện* ***giáo chủ Hậu Hắc*** *lại không sợ mất mất sao?"* Khổng Tử nói: "*Lời thì trung tín, làm thì thành thực, kính trọng, dù cho các nước lân bang ngang ngược thì vẫn ta vẫn có thể làm được*", chính sách đối ngoại của nước ta xưa nay vẫn xây dựng trên chữ "**Thành**". Nay có thể bảo thẳng thắn rõ ràng cho họ biết: "*Nước ta hiện hiện đang lập những trường* ***"Hậu Hắc Học"*** *ở khắp nơi, thần vị cũng lễ trong trường là: "Việt Vương, Câu Tiễn – người đã trở thành đại thánh tiên sư".* ***Giáo chủ Hậu Hắc*** *đã mở trường dạy hàm thụ, mỗi ngày đều có bài giảng công bố trên báo, xác định kế hoạch làm chìm đắm nước Ngô trong 10 năm. Trong 10 năm ấy, họ đòi điều kiện gì, nước ta sẽ đáp ứng điều kiện đó, chờ sau 10 năm coi như tính xong món nợ là được". Miệng chúng ta nói như vậy, trong thực tế sẽ làm như thế, dứt khoát không thèm lựa bịp họ. Nhưng phải cảnh cáo các vị Hán gian phiên dịch khi dịch* ***"Hậu Hắc Học"*** *phải phụ chú thêm một đoạn: "Lúc ban đầu thân phận Câu Tiễn chỉ là bầy tôi đối với Ngô Vương, còn vợ là tỳ thiếp, Câu Tiễn không nghe, không giết Ngô Vương không được".Họ còn được thêm những món tiền lãi lớn gấp mấy lần. Đó là những điều dạy bảo của các vị tiên sư xưa kia để lại cho chúng ta, vậy xin mời các nước mạnh, ngoài số tiền nộp ban đầu, hãy chuẩn bị thêm số tiền lãi nữa là được*". Xưa kia Vương Đức Dụng phòng giữ biên cương, Khiết Đan (tộc người Đông Hồ, một vùng ở đông bắc Trung Quốc ngày nay, thời ngũ đại nhà Tấn đổi quốc hiệu là Liêu, thời nhà Tống bị nước Kim tiêu diệt) sai người đến trinh sát, các tướng sỹ đề nghị bắt, Đức Dụng nói "Không cần". Ngày mai tổ chức cuộc duyệt binh lớn, thật ra là đem thực tình quân ngũ cho người ta thấy, trinh sát trở về báo cáo. Khiết đan lập tức sai người đến nghị hòa. Giả dụ người nước ngoài biết trên dưới chính phủ tới người dân nước ta điều nhất trí nghiên cứu **"Hậu Hắc Học"**, tự lượng sức mình không thể địch nỗi, vì thế dã tâm của chúng phải rụt lại thôi. Mười năm sau không xẩy ra giặc dã chém giết lớn, thế là **"Hậu Hắc Học"** tạo phúc cho nhân loại, hỏi có gì đáng ngại

Sự phiên dịch của các ngài Hán gian cũng coi là công đấy. Người ta lớn tiếng bàn về đạo đức, song nào có hiểu hết được đâu. Chuyện xưa nói: "*Dân nhìn lửa bốc mạnh thì sợ, nên ít có người chết. Nước lặng yếu, dân nhờn hay đùa nghịch, nên nhiều người chết*". Các ngài **Hậu Hắc** hãy cùng tôi thu mình lại như sự hóa thân của Phật như lai

Ông bạn Lôi Dân Tâm đã sáng tạo một thứ học thuyết vô cùng tinh túy, nói rằng: "*Những việc trên đời được chia làm hai loại, một loại làm được mà không nói được, một loại nói được mà không làm được. Ví dụ, việc vợ chồng cùng sống chung phòng,*

dù có làm gì, nếu đem chuyện ấy ra nói cho mọi người biết sẽ thành trò cười, đó là làm được mà không nói được. Lại như hai người bạn lấy những lời đùa nghịch chơi trò đóng kịch chẳng hạn như đóng vai người mẹ và các chị em chửi mắng, ai nghe thấy sẽ không trách, nếu thực hiện trong thực tế đúng như vậy, thì người ta quở trách nhiều đấy, có thể là nói được mà không làm được. Những người của giới chính trị, giới học thuật đều không thể không lưu ý học thuyết này của Dân Tâm, chư vị độc giả không thể không biết đến ***"Hậu Hắc Học"*** *là thứ làm được mà không nói được"*

Câu "*Làm được mà không nói được*" được cước chú trong sách Luận ngữ "*Có thể nói cho dân làm, không nói cho dân biết*"; Câu "*nói được mà không làm được*" đã được Mạnh Tử cước chú ở chương Tỉnh Điền và Chu Lễ. Giả dụ nay Vương Mãn, Vương An Thạch, kể cả Dân Tâm được đưa lên hàng cố vấn cao cấp, chắc không thể để thiên hạ gây nên những chuyện tồi tệ như thế

Ngày 18 tháng 10 năm Tân Hợi xảy ra cuộc binh biến ở Thành Đô, trật tự toàn thành phố vô cùng rối loạn, Dương Tân Hữu ra đảm nhiệm tổng đốc tuần cảnh bắt những người gây rối loạn để trị an, xử phạt ngay tại chỗ, rồi ra bản cáo thị, mô phỏng giọng văn yết thị bảy tội chém của Trương Hiến Trung, toàn là những chữ chém, chém, chém, rất được hoan nghênh của nhiều người. Già gái trai khắp thành phố, hễ đề cập đến tên của tổng đều hết lời ca tụng. Về sau trật tự ổn định một chút, ông ta đã có một bài tuyên ngôn rằng: "*Từ nay về sau bắt đầu thực hiện chế độ chuyên chế*". Vì thế lời đề dị nghị sôi lên sùng sục, trên báo chí chỉ trích ông ta, hội nghị của tỉnh cũng lên án ông ta rằng: "*Này là thời đại dân chủ, làm sao có thể dùng thủ đoạn chuyên chế*". Những thủ đoạn trước đó của Tân Hữu, thuần túy thực hiện chế độ chuyên chế một cách ngang nhiên, về sau công khai nói thẳng đổi thành chế độ chuyên chế với Tân Hợi là tiến hóa, chỉ vì nói rõ ra hai chữ chuyên chế cho nên phải chịu cái vạ dị nghị. Dân tâm nói: "*Việc trong thiên hạ, có việc làm được mà nói thì không được*". Việc của Tân Hữu là một dẫn chứng rất hay đã được Khổng Tử chú giải như những việc kiểu Tân Hữu: "*Có thể nói dân làm, không thể nói cho dân biết*"

Tôi định ra một lệ chung: "***Dùng "Hậu Hắc Học" để mưu đồ riêng tư lợi riêng mình là hành động thấp hèn, bỉ ổi; dùng "Hậu Hắc Học" để mưu đồ lợi ích chung của chúng dân là đạo đức cao thượng không gì sánh được***". Tân Hữu chuyên chế dã man ngang ngược, tam can hắn đen tối, mà người ta không ngớt lời ca tụng, nguyên do là vì mưu lợi chung

Câu nói **Hậu Hắc** là cứu quốc, làm cũng làm được, nói cũng nói được, chẳng qua những người học thức quá kém, thì không thể nói với họ được mà thôi. Lần này tôi công khai giảng giải **"Hậu Hắc Học"**, tức là biến nó trở thành khoa học.

Hồ Tâm Dực đã từng nói: "*Nếu có lợi cho nước thì tôi sẽ làm tất cả cho dù là những việc đen tối vô sỉ chăng nữa*". Tương truyền Lâm Dực khi làm tuần phủ ở Hồ

Bắc, Một viên quan làm tổng đốc phu nhân, Hiên Đài đến chúc thọ, mang theo cả lời chúc, sau đó mới biết là ngày sinh nhật của phu nhân, lại mang lời chúc cất đi rồi quay về. Các quan khách khác cũng làm theo đó bỏ đi. Một lúc sau Lâm Dực đến, có người bảo cho ông biết, ông nghe rõ, dơ ngón tay cái lên nói rằng: "*Phiên Đài giỏi! Phiên Đài giỏi*". Nói xong, rút tờ lời chúc mừng cao lên với bộ mặt rạng rỡ đi chúc thọ. Các quan nghe nói tuần phủ đã đến, lại tấp nập quay lại. Ngày hôm sau, vợ chồng tổng đốc quỳ lạy mẹ Hồ Lâm Dực xin làm con gái nuôi, Lâm Dực là anh trai. Từ đó về sau trong những việc về quân sự phải cùng hội bàn với tổng đốc, đều mời cả em gái nuôi tới dự. Viên quan văn ấy hơi trù trừ, nghi ngờ. Vợ ông ta nói nhỏ bên tai rằng: "*Việc của ông sánh sao được với ông anh họ Hồ của chúng ta, ông cứ làm theo lời anh ấy là được*". Vì thế Lâm Dực làm việc vô cùng thuận lợi. Sự thân thiện của viên quan họ Hồ có quan hệ cực lớn với thời trung hưng Mãn Thanh. Lâm Dực làm việc ấy có thể coi là mặt dày mặt dạn vậy, dân chúng không nói ông ta là đê tiện, ngược lại nêu ra là một hành vi đẹp nữa, tại sao thế? Đó là tấm lòng vì nước

Nghiêm Thế Phan là tên quan đại gian của triều đình nhà Minh. Điều đó chúng dân đều biết, về sau vua bắt hắn ném vào trong ngục. Các quan cùng họp lại với nhau viết sớ kể tội trạng của hắn như đã giết Tiêu Sơn Thẩm, đã can gián vua, rồi đưa bản thảo đệ trình lên tể tướng Tử Giai xem. Tử Giai xem rồi nói: "*Bản tâu trình này đưa lên thì Hoàng thượng lập tức tha hắn ngay, đó là vì cớ làm sao? Thế Phan giết những người ấy đều là những cách làm dựa theo ý kiến trên, khiến Hoàng thượng phải tự ra lệnh giết họ. Nếu bản tấu trình này đưa lên, Hoàng thượng có thể sẽ nói: "Rõ ràng là ý trẫm giết những người ấy, làm sao lại đổ tội cho Thế Phan được*". Làm sao hắn lại không được tha? Mọi người hỏi làm như thế nào? Tử giai nói: "*Hoàng thượng rất căm ghét giặc Ngụy, nói hắn tư thông với giặc Ngụy là được*". Tử Giai đóng cửa sửa lại bản tấu trình rồi đệ lên. Thế Phan ở trong ngục nghe ngóng được bản tấu trình của các quan, nói với người thân tín: "*Các ông bất tất phải lo lắng, không mấy ngày nữa ta sẽ ra khỏi đây*". Sau đó có lệnh phát ra, nói hắn tư thông với giặc Ngụy, hắn thét kinh kêu lên: "*Hết rồi! Hết rồi*". Quả nhiên hắn đã bị giết. Thế Phan có tội cực lớn, cực ác, đáng ra phải giết, nếu không kể tội tư thông với giặc Ngụy, làm sao có thể bắt hắn chịu tội chết. Từ Giai đã lập ra kế độc ác này, tấm lòng của ông không phải là đen tối, mà người ta sau này nói ông là người mưu trí, không ai nói tới mưu độc của ông, vì sao vậy? vì trừ hại cho quốc gia.

Lý Thứ Thanh là môn sinh rất được vừa lòng của Tăng Quốc Phiên, Quốc Phiên bị bại trận ở Tinh Cảng Kỳ Môn. Thứ Thanh là người chung hoạn nạn với ông, về sau Thứ Thanh thua trận mặt đất, Quốc phiên nghĩ đến kế của Khổng Minh chém Mã Tốc, gọi tướng sỹ trong phủ căn dặn để nghiêm trị Thứ Thanh, tướng sỹ không đồng tình, lại gọi Lý Hồng Chương dặn dò, Lý Hồng Chương nói: "*Thấy muốn trị Thứ Thanh, môn sinh này xin đi cứu*"; Quốc phiên nói rằng: "*Ngươi phải đi, rất có thể ta tự tâu*

lên cũng được!". Hôm sau cho người mang bốn trăm lạng bạc đến gặp Hồng Chương "*Mời Lý đại nhân thu nhận*". Hồng Chương ở hàng tướng sỹ trong trướng phủ, có công tích nhiều năm, vì việc ấy bị đuổi đi. Sớ tâu lên nhà vua, Thứ Thanh bị xử tội nặng, Hồng Chương ra đi không có việc gì làm, đành phải nhờ người nói giúp, lại được trở về trướng phủ. Thủ đoạn dùng ở đây của Quốc phiên rất cay nghiệt, nên không tránh khỏi chữ Hắc, thế nhưng Thứ Thanh lại vẫn cảm ơn tri ngộ, Quốc Phiên chết, đã làm thơ để khóc, vô cùng thành khẩn. Cuối đời của Hồng Chương được phong tước đưa lên hàng tướng, nói đến Quốc Phiên thì cảm ơn mãi không ngớt. Vì cớ gì vậy? Chỉ vì không có chút tư tâm

Trên đây kể lại ba việc của Hồ, Từ, Tăng. Nếu dùng vào mưu đồ tư lợi, thì tránh sao khỏi những việc làm thô bỉ? còn nếu chuyển sang mưu đồ vì lợi ích chúng sẽ trở thành đạo đức cao thượng nhất. Quan sát những sự việc như vậy sẽ tìm ra được bí quyết của những người đương sự, cũng có thể tìm ra sách lược cứu quốc được nữa. Hiện nay thiên hạ đại loạn, nói chung người ta nói trong tương lai muốn thu phục được đại cục, nhất định phải là những người như Tăng Quốc Phiên, Hồ Lâm Dực, song phải học Tăng, Hồ thì bắt tay từ đâu được? Chẳng lẽ mang toàn tập của Tăng, Hồ đọc từng chữ, học từng câu hay sao? Cũng không cần phải làm điều đó, có một cách giản đơn nhất: Mang hết tinh thần tập trung vào việc chống lại các nước mạnh, mắt khỏi nhìn gì khác, tai khỏi nghe gì khác, chỉ cần nắm thật vững hai chữ **Hậu Hắc**, cứ ra tay làm tới, chắc chắn có hiệu quả, chắc cũng được như Tăng, Hồ không kém. Nếu ngại hai chữ **Hậu Hắc** không lọt tai nghe, thì bề ngoài bạn đổi hai chữ khác dễ nghe hơn. Song chớ học theo Dương Tân Hữu nói rõ hai chữ chuyên chế. Nếu bạn can đảm hãy học Hồ Tâm Dực, nói toạc ra rằng: "*Tôi là kẻ vô sỉ*". Các nước mạnh thấy thế cũng chẳng sao cả! thế mới gọi là "**Hậu Hắc cứu quốc**"

Tôi đã nghiên cứu nhiều năm lịch sử ngoại giao thế giới, cuối cùng đã phát hiện những bí quyết ngoại giao của các nước mạnh. Các phương thức của họ không làm hai loại: Một là kẻ ăn cướp, một nữa là đĩ điếm; ***khi hoành hành không dựa vào lý được thì dùng vũ khí để cướp đoạt, tức là dùng súng ống gây hấn cướp đoạt tức là ngoại giao kiểu ăn cướp; khi thì dùng những lời nói đường mật, nhằm đưa đẩy bằng những lời ca tâm tình, giống như bọn đĩ điếm liếc mắt đưa tình với khách, hẹn được liên minh với nhau, nếu chưa thấy hiệu quả, lại dùng những lời thề non hẹn biển của bọn đĩ điếm, thế là ngoại giao kiểu đĩ điếm***

Có người hỏi Nhật Bản dùng kiểu gì lập quốc? xin đáp rằng: "*Lập quốc bằng **Hậu Hắc***". ***Bộ mặt đĩ điếm rất dày, tâm can cướp đoạt rất đen. Đại để những hành động quân phiệt của Nhật Bản là kiểu ăn cướp, ngôn ngữ của các quan chức ngoại giao là kiểu đĩ điếm; sau kiểu đĩ điếm, tiếp đó là kiểu ăn cướp. Cả hai thứ ấy có tác dụng tương hỗ hoàn toàn, và nước ta đã thiệt thòi không ít. Bộ mặt đĩ điếm rất dày, nếu bóc vỏ lời thề, thì thấy được Hắc trong Hậu. Cái dã tâm ăn cướp đâu có thèm***

biết đến những lời chửi mắng nguyền rủa, tức là Hắc có Hậu. Một mặt dùng vũ lực cướp đoạt đất đai của nước ta, một mặt lên giọng nói về sự thân thiệp Trung – Nhật, rõ là dĩ điếm và ăn cướp hợp lại làm một.

Có người hỏi: "Nước ta lấy gì để cứu quốc". Xin trả lời "Hậu Hắc cứu quốc". Nhật Bản dùng chữ "Hậu" đến đây, ta dùng chữ "Hắc" đáp lại. Đĩ điếm tốc ngược váy áo, đẩy cửa xông vào, nhưng lại đem quần hết lên đầu, không sao ra được, tống ra khỏi cửa, thế gọi là dùng chữ "Hắc" phá chữ "Hậu". Nhật Bản hoàng hành không đếm xỉa đến lý, dùng vũ lực áp bức, chúng ta dùng cánh cửa Trương Lương để đối phó với Nhật Bản, Trương Lương đọc sách của Dĩ Thượng, có biết bao tác dụng, không ngoài việc duy nhất cho ông biết rõ về mặt dày mặt dạn mà thôi. Cuộc chiến tranh Hán – Sở, Cao Tổ dùng những kế sách của Trương Lương, đã bị chiến bại ở Huy Thủy, chính đốn binh mã, lại đến, Vĩnh Dương đã bị thất bại nhục nhã, rồi vẫn chỉnh đốn binh mã nữa, thế mà bức được Hạng Vũ ở Ô Giang. Chúng ta dùng cách đó đối phó với Nhật Bản, tức là dùng chữ "Hậu" phá chữ "Hắc" vậy. Hậu Hắc và cứu quốc được kết hợp làm một, là hồn của Trung Quốc vậy

Sử ký chép: Hạng Vũ nói với Hán vương rằng: "*Thiên hạ lộn xộn mấy năm, nhưng chỉ có ông và tôi đã được người ta nói tới, tôi xin cùng Hán vương quyết một trận thư hùng*". Hán vương cười tạ trả lời rằng: "*Tôi thà đấu trí chứ không đấu lực*". Hai chữ "***cười tạ***" không phải là "**Hậu**" thì là gì nữa? về sau cắt đất Hồng Câu để giảng hòa giữa Hán và sở. Hạng Vũ đã đem Lã Hậu, Thái Công trả lại, dẫn quân quay về phía đông. Hán vương bỗng nhiên vứt bỏ lời thề, đem đại quân đuổi theo sau Hạng Vũ, bức tử Hạng Vũ ở Ô Giang, không phải là "**Hắc**" thì còn là gì? Cho nên người dùng "**Hậu Hắc cứu quốc**" thì điều duy nhất là phải có những phương pháp khéo, đã có những gương trước kia như Việt Vương Câu Tiễn, lại như Lưu Bang nữa rồi

Có người hỏi tôi rằng: "*"**Hậu Hắc Học"** của ông, tôi mang ra thực hành, đâu đâu cũng thất bại cả?*", tôi hỏi lại: "*Ông đã xem những chuyện **Hậu Hắc tùng thoại** của tôi chưa?*", đáp: "*Chưa*", tôi hỏi thêm: "*Riêng cái bản **"Hậu Hắc Học"** đã phát hành, ông đã xem chưa?*", đáp: "*Chưa, tôi chỉ nghe người ta nói khi làm việc thì không thể tách rời mặt dày mặt dạn, tâm can đen tối, tôi cứ thế mà làm*". Tôi nói: "*Gan của ông quả là to thật mới nghe nói ba chữ **"Hậu Hắc Học"** lại mang ra thực hành, thì chỉ có thất bại mà thôi, chưa thể nói tới bảo toàn tính mệnh được, còn nói chi đến sự sáng tạo của ông nữa. Tôi viết **"Hậu Hắc Học"** là dùng hai chữ **Hậu Hắc**, đưa cả 24 pho sử vào đấy, gọi là "**Sử quan về Hậu Hắc**". Tôi viết **"Tâm lý và lực học"**, định ra một điều chung là: "Tâm lý thay đổi, thuận theo sự biến đổi của lực học". Còn như "**Triết lý Hậu Hắc** là dựa vào triết lý của **Hậu Hắc** để sửa cho tốt chế độ chính trị, kinh tế, ngoại giao và chế độ học tập... là ứng dụng triết lý của **Hậu Hắc**". Còn như ông chưa xem sách lại mang ra thực hành, quả là to gan thật"*

"Hậu Hắc Học", cái môn học này cũng giống như học quyền thuật, muốn học

thì phải học thật tinh thông, nếu không thì chẳng thà đừng học, hãy an phận giữ mình, tránh khỏi bị đòn. Nếu chỉ học một vài cách đấm đá, thậm chí dù có đến bái cửa võ sư, có thể học được một vài cách đấm đá, đứng từ xa thấy người ta học quyền thuật, tự mình múa tay dơ cẳng đánh người, làm sao tránh khỏi người ta đánh bị thương. Ông hãy nghĩ: Hạng Vũ chôn sống hai mươi vạn binh sĩ đầu hàng, cái tam của ông có thể gọi là đen, thế mà trong sách của tôi còn nói ông ta thiếu nghiên cứu chữ "Hắc", nên ông ta thất bại. Lã Hậu tư thông với Thẩm Thực Cộng, Lưu Bang giả như không biết, người sau có thơ rằng: "Quả nhiên Hán vương rộng lượng, tha thứ cho Bích vương hầu. Ông ta mặt dày mày dạn đến như vậy, thế mà vẫn còn thiếu nghiên cứu chữ "Hậu" nữa đấy. Hàn Tín xin phong vương nước Tề, giả sử không có người bên cạnh chỉ ra một điều, thì hầu như thất bại. **"Hậu Hắc Học"** tinh thâm nhường ấy, chỉ mới nghe nói danh từ ấy đã vội thực hành, tôi có thể nói càng **Hậu Hắc** càng thất bại thôi

Có người hỏi: "*Phải làm thế nào mới khỏi thất bại*?", tôi nói: "*Bạn trước hết phải hiểu triệt để **sử quan về Hậu Hắc, triết lý Hậu Hắc** và có công phu **ứng dụng Hậu Hắc**, biết ứng phó mọi việc, mới có thể tránh khỏi thất bại"*

Binh pháp viết: "Trước hết phải đứng vững trên mãnh đất không bị đánh bại", lại viết: "Trước hết phải làm địch không thể thắng, chờ đến lúc có thể thắng được địch". **"Hậu Hắc Học"** cũng như vậy đấy

Khổng Tử nói: "*Thế trận có kỳ binh (*trận đánh được dàn quân với nhiều thay đổi hoặc dùng rất nhiều mưu mẹo*) và chính binh (*trận đánh được dàn quân điều ở mặt chính, tức là đối diện với nhau*), biết thay đổi kỳ và chính, cuối cùng giành thắng lợi*". Xử thế không ngoài **Hậu Hắc**, biết thay đổi **Hậu Hắc** mới có thể chiến thắng cuối cùng được. Dùng binh có kỳ và chính, trong kỳ có chính, tỏng chính có kỳ, kỳ chính tương sinh, như là sự tuần hoàn không đầu mối. **"Hậu Hắc Học"** và 13 thiên của Tôn tử - *tên thật là Tôn Vũ, ở thời nhà Chu, đã biên soạn bộ binh thư, được ca ngợi đến ngày nay*- vốn là hai mà lại là một, là một mà lại là hai. Không biết binh mà dùng binh, tất làm cho binh bại, nước mất. Không hiểu triết lý **Hậu Hắc** mà đi thực hành **Hậu Hắc**, tất dẫn đến nhà cửa nát tan, thân mình cũng mất nốt. Người nghe nói rằng: "*Học vấn môn này của ông sâu sắc quá, còn có cách nào đơn giản nữa hay không?"*, tôi đáp rằng: "*Có*". Tôi có định ra hai điều chung, bạn hãy thực hành theo đó, không cần nghiên cứu sử quan về **Hậu Hắc** và triết lý **Hậu Hắc**, cũng sẽ có thể trở thành anh hùng, thành thánh hiền; nếu muốn đạt được học hàm hàng đầu của một bác học **Hậu Hắc** thì không thể không nghiên cứu năm này tháng khác những tác phẩm mà tôi đã viết

Để làm cách ngôn cho mọi người, chúng ta có thể nêu ra một điểm chung: "*Dùng 2 để mưu lợi ích chung của chúng dân, thì càng **Hậu Hắc** nhân cách càng cao thượng*". Nếu nói về sự thành bại, chúng ta có thể nêu ra một điều chung: "*Dùng **Hậu***

***Hắc** để mưu đồ tư lợi riêng cho mình, thì càng **Hậu Hắc** càng thất bại; dùng **Hậu Hắc** để mưu lợi ích chung của chúng dân, thì càng **Hậu Hắc** càng thành công*". Sao lại như thế? Phàm là con người thường đều lấy mình là chủ thể, làm cái tâm của riêng mình, dựa vào cái gốc bẩm sinh, dùng **Hậu Hắc** để mưu đồ tư lợi của riêng mình, thế tất gây trở ngại đối với tư lợi người khác, cho nên càng **Hậu Hắc** thì hại người khác càng nhiều; chỉ thấy riêng mình thôi sẽ có hàng ngàn hàng vạn người khác chống lại, ta lấy **Hậu Hắc** để mưu đồ lợi ích chung tức là điều hành **Hậu Hắc** thay cho hàng ngàn vạn người mà họ mưu đồ tư lợi, đương nhiên sẽ được hàng ngàn hạng vạn người tán thành và hỗ trợ, đương nhiên sẽ thành công. Ta là một phần tử trong chúng dân, chúng dân có được tư lợi, ta đương nhiên được lợi, không nói đến tư lợi mà tư lợi ở trong cái chung ấy, về sau thành công được. Ví dụ ông Tăng, Hồ dùng **Hậu Hắc** để mưu lợi ích chung của quốc gia, không hề thấy chút tư lợi nào trong lòng họ cả, về sau thành công được, họ hưởng tiếng tăm rộng lớn, được thưởng rất hậu, chẳng những cái lợi riêng mà họ giành được còn bé nhỏ sao? Cho nên dùng **Hậu Hắc** để mưu lợi cho quốc gia, sẽ được báo đáp lại khi thành công, nếu thất bại cũng được danh thơm, tầm nhìn đâu đến nỗi như hạt đậu, không sao thấy nỗi điều ấy được. Xét từ mặt đạo đức: cướp lợi người khác làm của mình, là hành vị trộm cướp nên càng **Hậu Hắc** thì nhân cách càng bỉ ổi. Dùng **Hậu Hắc** để mưu lợi ích chung của chúng dân là phải huy sinh bộ mặt của mình, hy sinh tấm lòng của mình, ra tay cứu tế người đời, thấy người ta đói coi như mình đói, thấy người ta bị chìm đắm coi như mình bị chìm đắm, tức là muốn nói "*Ta không chui vào địa ngục thì ai chui vào địa ngụ*c", nên càng **Hậu Hắc** thì nhân cách càng cao thượng

Có người hỏi: "*Thế gian có rất nhiều người dùng **Hậu Hắc** để mưu đồ tư lợi, vẫn thành công được, là đạo lý gì vậy*?". Tôi nói: "*Cái đó gọi là "Thời thế không có anh hùng, khiến những kẻ tiểu tốt đã thành danh*". Những người đối địch với người ấy không ngoài hai loại: *Một loại là người vốn mưu lợi ích chung mà không hiểu kỹ thuật **Hậu Hắc***; *Một loại là người mưu lợi mà **kỹ thuật Hậu Hắc** tương đương với người ấy, thì chắc chắn người ấy thất bại*. Thành ngữ đã nói: "*Hàng ngàn người đã chỉ trích dù không bệnh tật cũng chết*". Bởi vì đã phương hại tới lợi của hàng ngàn vạn người. Trong hàng ngàn vạn người ấy chỉ có một người thấy được sở đoản của hắn, sẽ nhè vào đó đánh hắn. Ví dụ trong sử sách ghi: Hạng vương bảo với Hán vương rằng: "*Thiên hạ có biết bao người nổi tiếng, nhưng hai người ông và tôi được nổi danh hơn cả*". Trăm họ thời ấy, ai ai cũng mong một trong hai người ấy chết đi, cho nên khi Hạng vương lạc đường, hỏi một lão nông, lão nông lừa gạt nói đi về bên trái, bên trái sẽ bị hãm vào những đầm lầy rộng lớn, đến khi quân Hán đuổi kịp thì bị chết. Nếu là đoàn quân cứu dân khỏi nạn nước sôi lửa bỏng, chắc chắn lão nông ấy không nói dối, không lừa gạt Hạng vương? Chúng ta đề xướng **"Hậu Hắc Học"** cứu quốc, đó là dùng **"Hậu Hắc Học"** bạo vệ tư lợi của hàng trăm triệu người, đương

nhiên giành được sự tán thành và sự giúp đỡ của hàng trăm triệu người, đương nhiên thành công

Người xưa nói: "*Văn vương báo đáp quốc gia*", không phải tôi đã biết hết văn chương, cái mà tôi biết được là **Hậu Hắc** mà thôi. Từ nay trở về trước, đều lấy **Hậu Hắc** báo đáp quốc gia. **Hậu Hắc kinh** nói rằng: "*Tôi chẳng phải là người của đạo **Hậu Hắc**, không dám bày đặt ra trước quốc dân, nên chúng dân không biết lòng yêu nước của tôi*". Bảo tôi không nói về **Hậu Hắc** khác gì bảo Khổng, Mạnh không nói về nhân nghĩa. Thử hỏi: "*Có thể thế được hay không?*", tôi tự hỏi: "*Người đời có công sẽ thuộc về người có tấm lòng thay đời hành đạo, phát minh ra **"Hậu Hắc Học"**, mà chỉ giữ khư khư, chẳng bất nhân lắm sao?"* Lý Tôn Ngô nói: *"**"Hậu Hắc Học"** của bỉ nhân cũng vậy, ông trời cũng chưa muốn cho Trung Quốc phục hưng, đời này kẻ hèn này đâu dám nói ai, Ngô nay sao lại không nói về **Hậu Hắc**"*

Thơ người xưa nói rằng: "*Nhát cuốc bổ giữa nắng trưa, mồ hôi thấm ngập đất, nào ai biết cơm trên bàn mỗi hạt đầy những gian khổ*". Chúng dân điều nói cơm ăn ngon, nào mấy ai biết nỗi nhọc nhằn của người làm ruộng; chúng dân điều nói dùng **Hậu Hắc** thích hợp, nào mấy ai biết nỗi gian truân của người phát minh. Bộ sách **"Hậu Hắc Học"** của tôi, có thể nói mỗi chữ đều phải chịu gian truân cả

Học vấn của bộ môn này của tôi, tương lai nhất định phải trở thành một chuyên khoa, hoặc có lẽ còn phải thiết lập một trường đại học chuyên ngành để nghiên cứu. Tôi dự định đem những quá trình phát minh hợp lực với những người cùng tôi nghiên cứu rồi mới viết ra, người sau nếu bắt chước được những sách thời Tống, Nguyên, những sách của các Nho gia thời Minh, sẽ soạn thành một bộ **"Hậu Hắc Học"**, mới tìm được nhiều tài liệu hoặc nếu cùng tôi xây ngôi miếu **Hậu Hắc** thì những nhân vật này cũng được thụ hưởng

Hoàng Kính Lâm, một người bạn cũ, gặp tôi trên đường phố Thành Đô nói rằng: "*Đã nhiều năm rồi tôi nghe nói anh muốn xây ngôi miếu **Hậu Hắc**, tôi đã đến lễ ở cửa trên 10 năm trước rồi, mong anh viết nên một đoạn, sau này cũng được hưởng lây một chút*". Tôi nói: "*Không cần viết nữa, anh xem Lâm Phóng trong sách Luận Ngữ, gặp Khổng Tử chỉ hỏi ba chữ "Lễ chi bản". Cho đến nay vẫn còn chiếm chệ ngồi trong miếu Khổng Tử ăn thịt lợn nguội đấy. Nếu anh có chí theo Đạo này thì chỉ một lần nói chuyện thế này, cũng đủ thừa sức để cùng hưởng rồi*". Kính Lâm lại nói: "*Tôi năm nay đã 62 tuổi rồi, vì kính phục học vấn của anh, nên không ngại đến lễ dưới cửa*". Tôi nói: "*Chẳng lẽ tuổi tôi kém anh, sao lại không đủ tư cách làm thầy anh sao? Tôi thu nạp anh đứng bên tường, sẽ là một may mắn lớn cho anh, sau này anh tự chọn biên chép thêm vào, viết mấy chữ "Tiên sinh Lý Tôn Ngô là thầy của ta", cũng vinh quang hơn nhiều so với "Bản phong tước thời Thanh xưa kia cho một vị đại phu nào đó*"

Năm trước, La Bá Khang ở cùng huyện gửi thư cho tôi nói rằng: "*Nhiều người nói*

anh thiết giảng ***"Hậu Hắc Học"****, khi tôi gặp, người ta biện bạch rằng anh không "****Hậu****", không "****Hắc****"*". Tôi viết thư đáp lại rằng: "*Tôi phát minh* ***"Hậu Hắc Học"****, những đệ tử ngoan ngoãn của riêng tôi đầy khắp thiên hạ, gọi tôi là "****Hậu Hắc*** *Tiên Sinh", và dùng sách tôi đặt lên bậc trên, tôi thì đặt sách xuống bậc dưới, họ tự giác tôn xưng như thế, so với Văn Thành Công, Văn Chính Công, thì đã vinh quang hơn nhiều rồi. So với xưa này thường lấy làm tự hào, không kể túc hạ (*tiếng xưng hô tôn kính người bạn của mình*) gặp người ta nói tôi không "****Hậu****", quả là tôi làm sao lại hỏi tội túc hạ được. thế mà túc hạ lại vẫn báo cho tôi điều đó? Ô hô Bá Khang, biết nhau đã bao năm rồi, sao lại cam chịu bỏ đi những điều xưa, hãy giữ gìn đôi chân của túc hạ, khỏi phải dùng đến cây gậy chống*". Những ngày gần đây nhiều người khuyên tôi không cần giảng giải **"Hậu Hắc Học"** nữa, than ôi! Sự tràn truyền trong thiên hạ hướng theo ý muốn vứt bỏ ấy sao nhiều vậy

Trước kia **Tạp lục Hậu Hắc truyện** được công bố là ghi lại những cuộc trò chuyện của tôi với chúng dân, những chuyện viết ở lần này là để mở rộng **Tạp lục Hậu Hắc truyện**, có lẽ người ngoài cuộc chưa đọc hết các loại văn trước đây của tôi, nay đem toàn bộ nội dung, cùng với những cảm nghĩ mới hiện có hỗn hợp lại viết rộng ra hơn. Những chuyện viết thêm lần này là thể tùy bút, **nội dung gồm có bốn loại:**

1. ***Sử quan về Hậu Hắc;***
2. ***Triết lý Hậu Hắc;***
3. ***Ứng dụng Hậu Hắc Học;***
4. ***Lịch sử phát minh Hậu Hắc Học.***

Tôi chỉ viết theo ý, chưa phân loại mà thôi

Có người hỏi tôi: Nếu đả như vậy, sao ông không phân loại để viết, hà tất phải viết lộn xộn không theo chương như vậy? Tôi đáp: Thể tài của viết sách chia làm hai loại: một là sách giáo khoa, hai là thể ngữ lục (trích lời). Tất cả các loại học vấn chuyên môn khi mới ra đời đều theo thể ngữ lục giống như Luận ngữ của Khổng Tử, Kinh Phật của Thích Ca, Đàn Kinh của Lục Tổ, các ngữ lục của những nhà Nho thời Tống Minh đều là những ghi chép lời dạy của thầy của các môn sinh. Bản chép tay *"Đạo Đức Kinh"* của Lão Tử có thể nói là bản ngữ lục tự viết. Người đời sau nghiên cứu học vấn của ông ấy, sau đó tiến hành chỉnh lý, phân loại, mới trở thành sách giáo khoa. Hậu Hắc Học là môn học vấn chuyên môn mới phát sinh, đương nhiên dùng lối ngữ lục để viết.

Tống Nho tự xưng là: *"Trong lòng chứa đầy sự trắc ẩn."* Còn tôi thì *"Trong lòng chứa đầy Hậu Hắc."* Nếu bảo tôi nói, tôi cũng không biết nó từ đâu, chỉ đành tùy duyên mà thuyết pháp, muốn nói gì thì nói cái đó trong miệng nói như thê nào thì sẽ viết như thế ấy. Hoặc nói chuyện xưa bàn thời cuộc, nói về học thuật, kể lại những chuyện vặt vãnh thường ngày khi vui vẻ thì viết ra, lúc buồn thì không viết. Hoặc viết

một bài dài, hoặc viết vài câu ngắn gọn, hoặc viết một cách khái quát, hoặc viết một cách thể, tóm lại tùy theo hứng mà viết ra, không hề chịu bất cứ bó buộc nào mới có thể viết ra được hết toàn bộ tư tưởng của tôi.

Một lần nọ, tôi trò chuyện cùng với một người bạn, người bạn kết nhắc nhở chúng ta dùng Hậu Hắc sử quan để nhìn nhận xã hội, xã hội sẽ trở thành một thể trong suốt, nếu đã nhìn thấy được chân tưởng của xã hội, thì chúng ta có thế nghĩ ra cách cải tạo xã hội. Đối với các vấn đề kinh tế, chính trị, ngoại giao và các chế độ học tập... tôi đều có chủ trương. Nhưng những chủ trương này đều dựa vào cái mà tôi gọi là Hậu Hắc triết lý. Tùng thoại này của tôi có thế nói là vô cùng lộn xộn, giống như một ngọn núi lớn, khắp ngọn núi tràn ngập những loại côn trùng, chim thú, cây cối, đất đá..., không theo quy luật nào cả. Nhưng nếu không theo quy luật thì nó mới giống với trạng thái của thiên nhiên. Nếu sắp xếp nó theo trật tự đàng hoàng, có quy luật thì sẽ trở thành hình thức của công viên, tốt thì có tốt, nhưng có sự tham gia của nhân tạo, sẽ không khôi phục lại được bộ mặt vốn có của ngọn núi này. Tôi mang những kiến giải xấu hay tốt trong lòng mình đều nói hết ra cả, làm cho toàn bộ ngọn núi đều biểu hiện ra, kẻ có chí với đạo này, hãy chỉnh lý thêm, nếu không đủ thì bổ sung, nếu dư thừa thì lược đi, nếu sai sót thì sửa chừa. Mở mang thành công viên cũng được, sử dụng cây cối đất đá trên núi để xây một ngôi nhà cũng được, hay là bắt vài con chim tước, trồng một ít hoa cỏ, mang về nhà ngắm nghía cũng được. Nếu có thể khai thác khoáng vật với quy mô lớn thì càng tốt. Ngoài ra còn đào một ít thuốc trên núi để chữa bệnh, nhặt một ít phân chó trâu bò đế làm phân bón, như thế cũng chưa chắc là không tốt. Tôi phát minh ra Hậu Hắc Học, cũng giống như Watt phát minh ra hơi nước, người đời sau đem đi kéo sợi dệt vải, điều khiển tàu thuyền, tàu hỏa, xây dựng ngành công nghiệp nào cũng được. Hậu Hắc triết lý của tôi, nhất định phải thực hiện, người thâm thúy thì nhìn kiến giải sâu xa, kẻ nông cạn thì kiến giải thô thiển. Nếu có được sự nhất thể, mở rộng ra thêm thì có thể thành lập một phái riêng. Khổng giáo chia làm nhiều phái, Phật giáo cũng có rất nhiều phái, sau này Hậu Hắc Học của tôi cũng sẽ chia thành nhiều phái như vậy.

Sáng tác hoàn toàn dựa vào cảm hứng, nếu cảm hứng đến thì hạ bút nhanh thoăn thoắt, vừa thoáng qua thì biến mất. Khi tôi viết bài, trích dẫn việc gì hoặc học thuyết nào, nếu trên bàn không có sách này thì dùng cách *"chắc là như vậy"* của Tô Đông Pha, mang máng mơ hồ mà viết ra, để tránh làm cụt hứng. Việc viết loại văn này khác với nói về khảo chứng, chính là trong lòng có một kiến giải, vô căn cứ, không có cách nào để bắt đầu, đành phải mượn một số sự vật để nói, trích dẫn việc gì hoặc thuyết nào đó, giống như sử dụng làm công cụ vậy, lấy của người khác dể dùng một cách ngẫu nhiên, nếu không có điển cố, thì hư cấu nên một chuyện để dùng, cũng chẳng sao cả.

Lời nói ẩn ý của Trang Tử chính là trong lòng ông ta đã có kiến giải, chỉ mượn côn bằng ngựa hoang, dân chày dạo chích để viêt, chỉ mong có thể biểu đạt được hết những thứ trong lòng. Còn về côn bằng, ngựa hoang phải là có vật này không, dân chày đạo chính có phải có người này không đều không cần hỏi. Trong lòng có kiến giải, tự làm chủ vậy. Côn bằng ngựa hoang, dân chày đạo chích đều mang nghĩa hàm ẩn cả. Mạnh Tử *"Người làm thơ, không nên gò bó câu chữ mà lý giải sai ý nghĩa vốn có, nên dùng sự thể nghiệm cùa bản thân mình đề suy đoán ý của tác giả."* Đọc thơ là như vậy, đọc Trang Tử đương nhiên cũng phải như vậy, đọc Hậu Hắc Học cũng phải như vậy.

Người xưa nói rằng: *"Văn Vương Chu Công, nhiều lần xem quẻ, căn cứ vào kết quả trên quẻ bói, thu được hiện tượng bên ngoài, cũng ngẫu nhiên biết được nguyên do thay đổi của vạn vật, nếu như động tác bói toán của ông có thay đổi, thử bói quẻ lại, thỉ nguyền nhân thay đổi của vạn vật so với kết quả ông biết được có thay đổi chút ít, vậy thì hiện tượng bên ngoài mà ông có được thông qua kết quả bói toán cũng có chút khác biệt."* Mưu sĩ chiến quốc, giống như bọn Tô Tần, thường ngày nghiên cứu nhân tình thế thái một cách thành thạo, từ đó xuất hiện người đi du thuyết, tùy tiện trích ra một câu chuyện, hoặc thiết lập nên một giả dụ, thú vị vô cùng, nói làm đâu ra đấy, cách làm của nó và ẩn ý của Trang Công, kết quả xem quẻ không có sự khác biệt. Tống Nho khi mới học Nho thư, sau đó ra vào Phật lão, nghiên cứu kỹ lưỡng, tư tưởng đã có hệ thống, sau đó trở về chú giải cho sách của Khổng Tử, dùng để nói rõ lý lẽ trong lòng của mình, thế là nhiều sách của Khổng Môn đều trở thành côn bằng ngựa hoang và dân chày đạo chích của Tống Nho. Các nhà khảo chứng đời Thanh căn cứ vào những ý nghĩa cơ bản trong sách cổ, từng chữ từng chữ chế nhạo, giải thích ý nghĩa vốn có của nó, đạo lý mà Tống Nho đã nói cũng chưa chắc không phải. Khi Phương Cửu Cao xem ngựa, không quan tâm đến vẻ bề ngoài. Người biết được ý nghĩa này, ban đầu có thể đọc *"Tứ Thư tập chú"* của Chu Tử. Không giống như bọn Mao Tây Hà không chịu tỉnh ngộ, nói luyên thuyên. Than ôi, trong giới Hậu Hắc, những người như Phương Cửu Cao sao lại quá ít, những kẻ như bọn Mao Tây Hà sao lại nhiều như vậy!

Người nghiên cứu Tống học, không thể rời xa được Tống Nho ngữ lục. Ngữ lục là những ghi chép của các môn đồ, có rất nhiều điều không dáng tin cậy. Vương Học đời nhà Minh được mệnh danh là cực thịnh, khi đó những bản viết tay về Âm Dương không nhiều, nên muốn tìm đến học Vương thị, chỉ tìm được Truyện tập lục và bản ghi ghép của nhóm Long Khê, những điều chưa được xác minh về thiên tuyền chính đạo. Tôi thường nói "tứ có tứ vô", nêu Âm Dương có thể tự mình viết ra, sao không ít đi những tranh chấp? Đại Học có 4 chữ *"cách vật chí tri"*[1], có rất nhiều cách giải thích khác nhau. Giả như các tăng tử khi ghi chép lời của Khổng Tử, thêm vào vài cầu

giải thích phía sau, không những sẽ không có các cách giải thích khác nhau này, mà còn sẽ không có sự tranh chấp giữa Chu học và Vương học. Tôi có một người bạn họ Vương sống ở Trùng Khánh, anh ta nói với tôi rằng: *"Anh trò chuyện rất thu hút, ngày nào đó tôi sẽ mời thêm vài người bạn đến cùng trò chuyện với anh, rồi ghi chép lại những gì anh nói."* Tôi nghe xong, giật mình, nếu cứ như vậy, không phải sẽ trở thành ngữ lục của những nhà Nho thời Tống Minh sao? Vạn nhất có một học trò, bắt chước bút pháp của Đại Học, viết ra một cách sơ sài đơn giản, sau này trong Hậu Hắc Học, há chẳng phải sẽ có tranh chấp sao? Thế là tôi vội bắt chước cách làm của *"Đam đại công"*, viết ngữ lục lấy tên là *"Hậu Hắc tùng thoại"*, xin miễn nói chuyện riêng nhằm biểu thị ý đại đạo vô tư. Sau này có người nói: *"Chính tai tôi nghe Hậu Hắc giáo chủ nói như thế"*, các người tuyệt đối không được nhẹ dạ cả tin. Tôi tuyên bố như vậy, tuyệt đối không thể có thiên tuyền chính đạo nữa. Mỗi khi tôi giảng một đạo lý, lúc nào cũng giải thích nhiều lần, thà lặp lại nhiều lần, chứ khổng thể giản lược, người đời sau sẽ không giống như 4 chữ *"cách vật chí tri"*, sinh ra rất nhiều cách giải thích kỳ lạ.

Cò người hỏi tôi: *"Tùng thoại này của ông, ông nói nội dung cửa nó bao gồm Hậu Hắc sử quan, Hậu Hắc triết lý, ứng dụng của Hậu Hắc Học, phép biện chừng của Hậu Hắc Học và lịch sử phát minh Hậu Hắc Học, tổng cộng 5 bộ. Ông không phân loại chúng mà viết ra, thì những người nghiên cứu về môn học này, chẳng phải sẽ lóa mắt không phân biệt nổi sao? Há chẳng phái cố ý làm cho họ tổn hao tinh thần nữa sao?"* Tôi nói: *"Nếu muốn nghiên cứu học vấn chuyên môn này, đương nhiên phải dốc sức đi nghiên cứu Thập tam kinh và Nhị thập Tứ sử của Trung Quốc, nếu học qua loa, chẳng phải là lóa mắt không phân biệt nổi, lộn xộn đó sao? Hơn nữa, học giả chân chinh sẽ tìm ra đầu mối trong đống lộn xộn này. Nếu sợ phải bỏ công sức, thì không nên luyện tập môn học vấn này. Tôi chỉ vạch ra nguyên tắc và dàn ý đại cương, kẻ có chí vời đạo này, đầu tiên nên tìm hiểu thêm, sau đó tiến hành biên soạn, tạo thành một quyển sách giáo khoa, như thế đạo này sẽ dược phổ biến rộng rãi. Vì vậy, việc phân môn chia loại, nói lần lượt từng cái chính là trách nhiệm của những môn đồ đến học và những đệ từ tự nhận mình là học trò, chứ không phải là nhiệm vụ của tôi."*

Trong lòng tôi có rất nhiều kiến giải, không biết rốt cuộc là đúng hay đặc biệt viết ra, xin người đọc phản bác lại, phản bác càng nghiêm, tôi càng hoan nghênh. Tôi sẽ giải thích lại đống nghi hoặc trong lòng mình, hoàn toàn không phải là muốn sáng tạo ra học thuyết khác thuờng. Nếu các vị có bài phản bác, xin hãy đăng lên báo, tôi luôn nghiên cứu một cách tỉ mỉ, nếu thấy phản bác đúng, tôi sẽ tự sửa đổi, nếu thấy không đúng, tôi sẽ không trả lời, để tránh phải biện luận tranh chấp. Tôi là người chủ trương tư tưởng độc lập, tận đáy lòng tôi tuyệt đối không chịu áp lực của bất cứ người nào, đồng thời tôi cũng tôn trọng tư tưởng độc lập của người khác, cho nên, việc vặn hỏi

bài văn của tôi, tôi sẽ không trả lời. Hậu Hắc sử quan và Hậu Hắc triết lý của tôi, nếu bị người khác lật đổ, tôi xin nhường cho người đó làm Hậu Hắc giáo chủ, quỳ bái trước cửa của hắn mà xưng là đệ tử. Sao lại như vậy? Vì tuân theo chân lý mà thôi.

Chân lý của vũ trụ bài ra trước mắt chúng ta một cách rõ ràng, tự chúng ta có thể trực tiếp nghiên cứu, không cần nhờ người khác nghiên cứu thay. Các nhà triết học xưa nay, chính là người giới thiệu trung gian giữa ta và chân lý, những cách nói của họ có sai hay không, chúng ta không thể biết được, mà nên bỏ đỉ cách nói của họ, trực tiếp đi nghiên cứu một phen. Một người bạn nọ, đọc xong bài viết của tôi nói rằng: *"Những vấn dề này, các nhà triết học phương Đông và phương Tây đã bàn luận rất nhiều, chưa thấy anh trích dẫn, hơn nữa, các danh từ chuyên môn dùng trong học thuật anh cũng ít dùng, có thể thấy, thường ngày anh ít nghiên cứu những học thuyết này."* Nghe xong những lời này, tôi xem lại những bài viết của tôi, cố gắng bỏ di tất cả tên của các triết học gia và danh từ chuyên dùng trong học thuật, nếu danh từ không đủ dùng, thì tự tạo ra một cái để sử dụng thổ lộ nỗi lòng, không còn bắt chước nữa. Đôi khi tôi cố trích dẫn học thuyết của người xưa và nay, để so sánh với học thuyết của họ. Tôi đi xét xử các triết gia xưa nay, chứ không phải là các triết gia xưa nay xét xử tôi.

Người đọc sách xưa kia ở Trung Quốc, mở miệng ra là thư nói, kinh nói, Khổng Tử nói, Mạnh Tử nói. Sau chính biến Mậu Tuất, mở miệng là Darwin nói, Rousseau nói; sau này có thêm Dewey nói, Marx nói; đều lấy tư tưởng của họ để làm tư tưởng. Rốt cuộc chân lý vũ trụ là như thế nào, bản thân mình cũng không thò đầu ra nhìn một chút, tránh sao khỏi lười biếng quá độ! Nếu người phản bác tôi, trích dẫn một câu của Khổng Tử nói, tức là xem Khổng Tử là quan thẩm phán, dùng Tứ thư Ngũ kinh làm hình luật mới, gọi Lý Tôn Ngô tôi đến hầu. Nếu trích dẫn câu nói của nhóm Darwin, tức là xem nhóm Darwin là quan thẩm phán, dùng những tác phẩm của họ để làm hình luật mới, gọi Lý Tôn Ngô tôi đến hầu. Xét xử kiểu như vậy, tôi tuyệt đối không đến hầu. Có người hỏi: *"Ai mới có thể xét xử được ông?"* Tôi nói: Anh có thể xét xử tôi, xem tấm lòng của anh là quan thẩm phán, lấy sự thật trước mắt làm hình luật mới. Ví như nói: *"Lý Tôn Ngô, theo như anh nói, sao hôm qua tôi thấy một người làm không giống như vậy, hôm nay nhìn thấy một con chó, cũng không phải như vậy? Có thể thấy, đạo lý của anh là không chính xác."* Nếu có thể xét đoán như vậy, tôi sẽ phải chịu thua thôi, tôi phải cùng anh dựng nên tấm bia đức chính thiết diện vô tư.

Học thuyết của Newton và Einstein, ai cũng hoài nghi, ai cũng công kích, chưa được kẻ mạnh tin theo, kết quả là ai cũng đều tin theo. Người chú thích *"Thái thượng cảm ứng thiên"* nói rằng: *"Có người không tin sách này, ắt sẽ nhận được vô số ác báo."* Trong *"Giác thế chân kinh"* của Quan thánh đế quân nói rằng: *"Không tin*

đạo của ta, hãy thử đao của ta." Đây chính là do những nguyên lý hàm chứa trong hai bộ sách này không được nghiên cứu, không còn cách nào khác, nên đành phải uy hiếp hù dọa vậy. Vị trí của tôi trong giới Hậu Hắc Học cũng giống như Newton và Einstein trong giới khoa học, nếu như không cho mọi người hoài nghi, không cho mọi người công kích, tức sẽ khác thường, nói rằng: "*Hậu Hắc Học do tôi phát minh giống như "Cảm ứng thiên" của Thái thượng lão quân và "Giác thế chân kinh" của Quan thánh đế quân."* Há chẳng phải là tôi tự phỉ báng mình hay sao?

Có người nói: Nếu ai ai đều có tư tưởng độc lập, mỗi người tạo ra một học thuyết riêng, giới tư tưởng chẳng phải sẽ hỗn loạn lên sao? Tôi nói: Điều này không thể có được. Chân lý của thế giới chỉ có một mà thôi, nếu có hai loại hoặc vài loại học thuyết trái ngược nhau, anh cũng không nên ức chế loại nào, nên khuyên họ tiếp tục nghiên cứu một cách triệt để, tự nhiên sẽ phát hiện ra được chân lý. Chân lý tồn tại, ai ai cũng không thể phản đối. Ví như chuyện ăn mặc, bảo mọi người nghiên cứu độc ập, kết quả đạt được đều là đói thì muốn ăn, lạnh thì phải mặc, đều quay về một mối mà thôi. Những học thuyết xung đột lẫn nhau, đều ức chế lẫn nhau. Nếu các loại học thuyết đều tồn tại độc lập, giống như từng cây trong rừng, đứng riêng từng cây từng cây, thì sao có xung đột được? Cây cối sinh trưởng trong rừng, có sử dụng hay không, phải tùy vào người thợ. Tôi công bố thuyết pháp của tôi, có sử dụng hay không, phải tùy vào mọi người, chứ nào có thảnh thơi mà tranh chấp với mọi người. Nếu người cần phải đoạt lấy thiên hạ, cố nói theo mình, quả thật là tự chuốc lấy phiền não. Trình Y Xuyên, Tô Đông Pha không nhìn thấy được điều này, đến nỗi chia thành Lạc Đảng và Thục Đảng, làm cho chính cục nhà Tống càng thêm rối ren; Chu Nguyên Hối và Lục Tượng Sơn không nhìn thấy được điều này, đến nỗi phải chia thành hai phái Chu và Lục; bộ Tống Nguyên học án và Minh Nho học án cũng tranh chấp không thôi. Nhưng tôi thì không như vậy, độc giả muốn học Hậu Hắc Học, tôi đương nhiên sẽ vui ìòng dạy bảo, nếu ai phản đối tôi, ắt đã tự hiểu sai, tôi củng chỉ đành than thở mà thôi.

Tác phẩm *"Tôn Ngô ức đàm"* của kẻ vụng về này, lưu truyền đến Bắc Bình, năm ngoái có người lấy ra một phần Hậu Hắc Học để dịch, bèn trưng cầu ý kiến của cháu trai mình, nói rằng: "*Ta đây, xuất thân từ Bát cổ, nhưng nay mọi chuyện đều được Âu hóa, văn chương của các cụ ấy quả thực không thể sánh kịp. Chúng ta sửa chữa, vẫn giữ nguyên ý nghĩa, chỉ sửa theo bút pháp mới thôi"* Tôi nghe xong, lập tức gửi thư nói rằng: "Tác phẩm "Xuân Thu" của Khổng Tử, người khác có thể sửa một chữ không? Bọn họ chỉ biết văn chương của ta Bát cổ, chẳng biết bộ *"Hậu Hắc Học" của ta có con đường tư tường, tổ chức nội dung, hoàn toàn theo phương thức Bát cổ, chỉ kẻ không theo Bát cổ, mới không nhìn ra thôi. Đời Tống giảng về lý học, chung cuộc có nhóm người Văn Thiền Tường, Lục Tú Phu, mọi người đều nói có thể tăng thêm màu sắc cho lý học. Đời Minh Thanh lấy Bát cổ để chọn kẻ sĩ, chung cuộc có giáo chủ của Hậu Hắc Học, có thể tăng thêm màu sắc cho Bát cổ. Hậu Hắc Học*

triết lý của ta hoàn toàn được rút ra từ trong Bát cổ, xem như là quốc túy thật sự. Tôi hy vọng những người bảo tồn quốc túy hãy ngược dòng thời gian bắt đầu từ Hậu Hắc Học mà tìm về với Bát cổ, ở khía cạnh văn chương chỉ mang một ít màu sắc Bát cổ, các người có tha thứ không? Nếu muốn dịch, phải dựa theo nguyên văn, một chữ cũng không được thay đổi, nếu không thì không cần dịch." Đâu biết được sau này khi sách in xong, vẫn khác tôi một chút. Đặc biệt lên tiếng thanh minh đây rằng, Hậu Hắc Học của nhà xuất bản Bắc Bình chính là bản giả, tránh sai lầm để lại gây ảnh hưởng xấu cho người đời sau học.

Phàm là nếu có một loại học vấn chuyên môn nào đó, thì sẽ có một văn thể chuyên môn, cho nên, thể loại văn của *"Luận Ngữ"* khác với *"Xuân Thu"*, thổ văn của *"Lão Tử"* khác với *"Luận Ngữ",* thể văn của Kinh Phật cũng khác với *"Lão Tử"*. Tư tưởng ở trong tâm, văn tự ở trên giấy, người phát minh ra học vấn chuyên môn thì có tư tưởng khác người, do đó, văn tự cũng khác người. Hậu Hắc Học là học vấn chuyên môn, đương nhiên sẽ có một loại văn thể khác. Người nghe sẽ nói rằng: *"Lý Tôn Ngô không nên khoác lác, loại văn tự đó của ông ai cũng có thể viết ra được."* Tôi nói: *"Đúng vậy! Đúng vậy! Vì Hậu Hắc Học của tôi ai ai cũng có thể làm được cả."*

Tôi viết bài, có ba điều kiện quan trọng chính là nhìn thấy, viết được và xem hiểu. Chỉ cần phù hợp với ba điều kiện này là đủ rồi. Khi tôi chấp bút, chỉ viết ra ý kiến trong lòng tôi, không biết có ngữ pháp, càng không biết có văn ngôn bạch thoại, tùy ý mà dùng. *"Tôn Ngô ức đàm"* xuất bản nâm Dân Quốc thứ 16, *"Những tranh luận về vấn đề xã hội"* xuất bản năm Dân Quốc thứ 18, đều như vậy cả. Có người hỏi tôi: *"Là thể văn gì?"* Tôi nói: *"Chính là thể văn theo hình thức Hậu Hắc."* Gần đây thấy có nhiều văn tự cửa những người nổi tiếng đều mang một chút hình thức của Hậu Hắc, ý rằng Trung Quốc sắp hưng thịnh rồi!

Có người nói: *"Tôi sẽ thay anh dịch "Hậu Hắc Học" của anh thành văn phương Tây, anh phải thay Tào Tháo, Lưu Bị thành những điển cố của phương Tây, thì người nước ngoài mới có thể xem hiểu được."* Tôi nói: *"Hậu Hắc Học của tôi, quyết không thể dịch thành văn phương Tây, cũng không thể thay đổi thành điển cố của phương Tây. Người phương Tây nếu muốn học môn học vấn này, nhất định phải đọc sách Trung Quốc, nghiền cứu một chút về lịch sử Trung Quốc, giống như nếu chúng ta muốn học khoa học của phương Tây, thì nhất định phải học tiếng Anh, tiếng Đức vậy."*

Quyển Hậu Hắc Học giả của nhà xuất bản Đắc Bình có vài chỗ đã sửa giọng văn theo phương thức Bát cổ của tôi thành phong cách theo phương thức Âu hóa, thay đổi cũng không quan trọng, chỉ có hai điểm là đã làm mất đi tinh thần của nguyên văn, nên nhất định phải lên tiếng thanh minh: (1) Tôi phát minh ra Hậu Hắc Học là lần lượt

chứng thực các sự việc trong và ngoài, xưa và nay, cảm thấy đạo lý khá hay, nên mới đưa ra một vài ví dụ mà mọi người đều biết như Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền... Đi ngược dòng lịch sử thêm nữa thì có Lưu Bang, Hạng Võ, ý muốn độc giả từ một việc mà suy ra nhiều việc, dựa vào nguyên tắc của hai triều đại Tam Quốc và Sở Hán để thông hiểu Nhị thập Tứ sử. Nguyên văn có nói: *"Ranh giới Sở Hán, có một người Hậu mà không Hắc, cuối cùng phải chịu thất bại, chính là Hàn Tín vậy. ... Ranh giới Sở Hán, có một người Hắc mà không Hậu, cuối cùng cũng phải chịu thất bại, chính là Phạm Tăng vậy..."* Nguyên tắc này là nhân vật của Sở Hán, chỉ rõ ra ngay sẽ cảm thấy rất gần gũi. Sách giả của Bắc Bình đã lược bỏ những câu này, nói thẳng là Hàn Tín vì không Hắc mà thất bại, Phạm Tăng vì không Hậu mà chịu thất bại. Các vị hãy thử nghĩ xem: các nhân vật trong Nhị thập Tứ sử, vì không Hậu không Hắc mà phải chịu thất bại, không ít đâu! Bỉ nhân chỉ đưa ra hai ví dụ là Hàn Tín và Phạm Tăng mà thôi. Sách giả của Bắc Bình, khó tránh làm mất đi ý vốn có của tôi. (2) Trong *"Hậu Hắc truyện tập lục"*, sáu chữ chân ngôn cầu làm quan gồm: *"không, cống, xung, bổng, khủng, tống"*. Chú giải sáu chữ này đều là thanh trắc. Sáu chữ chân ngôn làm quan *"không, cung, băng, hung, lung, lộng"*, chú thích sáu chữ này đều là thanh bằng, sau đây lần lượt tiến hành phân chia. Sáu chữ này dều có lấy vần, đọc lên âm vận nghe réo rắt, người muốn làm quan sớm tối đọc thành tiếng, dùng để thay thế cho sáu chữ *"ân ma ni bát mê hồng"* trong sách Phật, hoặc sáu chữ *"Nam mô a di đà Phật"*. Nếu có thể thành kính đọc thành tiếng, lập tức có thể đến thế giới cực lạc, khác với việc đọc kinh niệm thần chú hoặc Phật hiệu, vẫn phải đợi kiếp sau. Đây vốn là tấm lòng dốc sức cứu thế của tôi. Bản sách giả của Bắc Bình lược bỏ đi phần viết gộp lại, lại trực tiếp phân chia từng chữ ra mà nói, làm cho độc giả chỉ biết vùi đầu vào công việc, không thể đọc thành tiếng một cách thành kính sáu chữ thần chú hoặc Phật hiệu, hiệu quả thu được ắt không nhiều.

Đạo của tôi chia thành ba bước. Bước thứ nhất là *"Hậu như tường thành, Hắc như than củi"*; bước thứ hai là *"Hậu mà cứng, Hắc mà sáng"*; bước thứ ba là *"Hậu mà vô hình, Hắc mà vô sắc"*, ba bước này cũng có thể nói là lúc sáng, trưa và chiều. Như trước đã nói, bước thứ nhất là lúc chiều, bước thứ hai là lúc trưa, bước thứ ba là lúc sáng. Tôi tùy duyên mà thuyết pháp, nên có lúc nói lúc chiều, có lúc lại nói lúc trưa, lúc sáng, có lúc lại nói cả ba. Người nghe luôn cảm thấy lời nói của tôi mâu thuẫn lẫn nhau, thực ra trước sau đều nhất quán, chỉ cần biết đạo của tôi chia làm ba bước sáng, trưa và tối, thì tự nhiên sẽ không mâu thuẫn nữa. Tôi giảng Hậu Hắc Học tuy là muôn hình vạn trạng, nói chuyện tào lao, chính là từng bước quay về, giống như muôn cành vạn lá trên cây, ngàn hoa trăm quả, có mầm non nhú ra, ngoài cành là hoa quả lại có thêm một sinh mệnh khác vậy. *"Kim Cang Kinh"* nói: *"Nếu dùng sức để nhìn thấy tôi, nếu dùng âm thanh để nhìn thấy tôi, là nhân hành tà đạo, không thể gặp được Như Lai."* Nếu các vị muốn học Hậu Hắc Học, nhất định phải nghiên

cứu lĩnh hội Phật môn, hãy đến nghe giảng.

Tôi phát biểu Hậu Hắc Học vào năm Dân Quốc, chăm chỉ cẩn thận, ngôn ngữ càng tỉ mỉ càng tốt, nhưng người lĩnh hội được cũng rất ít. Sau này đọc *"Ngũ đăng hội nguyên"* và những sách của Mạnh Tử..., nhìn thấy Thiền tông dạy người lấy cách *"nói toạc ra"* để làm điều răn; Khổng Tử *"lấy một góc làm 1 ví dụ, nhưng lại không suy ra được ba góc kia như thế nào, thì không cần phải dạy nữa"*; *Mạnh Tử "chuẩn bị sẵn sàng, chờ thời cơ mà hành động"*; sau đó biết được thuyết thịnh hành của Thiền học và Khổng Mạnh là không có căn cứ. Tôi tự ăn năn vì cách truyền dạy sai lầm, do đó *"Tôn Ngô ức đàm"* được ấn hành năm Dân Quốc 16, Hậu Hắc Học chỉ tóm tắt đại ý, lời lẽ cô đọng, mong mỏi sâu sắc. Ôi! *"Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bách thiên vạn kiếp nan tương ngộ."* [2]Thế Tôn thuyết pháp 49 năm. Hậu Hắc Học là học thuyết nội thánh ngoại vương, tôi đã giảng 24 năm, ước tính nói đi nói lại 26 lần, tập hợp tròn 50 năm, giảng nhiều hơn Thế Tôn một năm.

Có người khuyên tôi rằng: *"Anh bớt nói những lời vớ vẩn đó đi! Bên ngoài có nhiều người đang chỉ trich anh, anh cũng nên yêu lấy danh dự của mình."* Ông nói: *"Tôi yêu danh dự, tôi càng yêu chân lý. Lòng tôi quyết định tại tâm, khi chưa đặt bút viết, suy xét thận trọng; vừa nói ra, lại nghe mọi người công kích, tôi hoàn toàn không biện hộ. Nhưng những lời của kẻ công kích nói tôi vẫn thể nghiệm một cách tỉ mì, nếu có thể làm cho tôi cảm phục, tự tôi sẽ sửa đổi."*

Trung Quốc có diện tích lãnh thổ rộng lớn, khí hậu nam bắc khác nhau, sản vật khác biệt, do đó tính chất của con người cũng khác nhau. Thế là về văn hóa học thuật, cũng có sự phân chia nam bắc. Ví như: bắc có Khổng Mạnh, nam có Lão Trang, hai phái khác nhau rõ ràng, về khúc nhạc thì phân thành nhạc nam và nhạc bắc, chữ thì phân thành thiếp miền nam và bi miền bắc, quyền thuật thì chia thành hai phái nam bắc, Thiền tông chia thành nam Năng bắc Tú [3],... Hậu Hắc Học là loại học vấn lớn, đương nhiên cũng chia thành hai phái nam bắc. Học trò hỏi Hậu Hắc, Tôn Ngổ nói rằng: *"Hậu Hắc của phương Nam ư? Hậu Hắc của phương Bắc ư? Mặc giáp cầm gươm xông pha đánh giết, đến chết củng không chán, đó là Hậu Hắc của phương Bắc vậy, quân nhân bán nước ở đó. Sau cách mạng, không theo quỹ đạo, Hậu Hắc của phương Nam vậy, phần tử đầu cơ cư ngụ nhiều."* Có người hỏi: *"Rốt cuộc học theo Nam phái tốt, hay học theo Bắc phái tốt?"* Tôi nói: *"Sao anh hồ đồ như thế! Khi nói Nam phái, thì nói Nam phái; khi nói Bắc phái, thì nói Bắc phái. Miệng nói Nam phái mà thực hành Bắc phái, cũng có thể. Miệng nói Bác phái mà thực hành Nam phái, củng có thể được, chỉ là tùy cơ ứng biến thôi, sao có thể mang thành kiến Nam Bắc chứ. Những nhân vật từ thời Dân Quốc đến nay, có kẻ từ Nam ra Bắc, có kẻ từ Bắc vô Nam, lặp đi lặp lại, đã có không biết bao nhiêu lần, chi có anh là vẫn*

còn lưỡng lự chọn lựa, hỏi người khác Nam phái tốt hay Bắc phái tốt. Tôi quả thật không thể trả lời được."

Trên thế gian có rất nhiều học vấn tôi không giảng đến, chỉ muốn nói về Hậu Hắc Học, rất nhiều người kinh ngạc. Tôi có thể nói rõ ngọn ngành:

Tôi vốn là tín đồ của Khổng Tử, thuở nhỏ, cha đặt tên cho tôi, tôi chê nó không hay, nhìn thấy trong *"Lễ Ký"* của Khổng Tử nói rằng: *"Nho giả, tuy sống cùng với mọi người cùng thời đại, nhưng chí hướng lại tương hợp với người xưa, hành vi tác phong của họ ở thời đại ngày nay, có thể trò thành tấm gương của hậu thế."* Bèn tự mình sửa tên thành Thế Khải, tự là Tôn Nho, biểu thị ý tin phục Khổng Tử. Mùa đông năm Quang Tự (Quý Mão), Đại học Tứ Xuyên khai giảng, tôi từ Tự Lưu Tỉnh lôn Thành Đô, cùng đi với người bạn tên là Lôi Lung, mỗi ngày đi bộ được trăm dặm, trên đường đi không gặp chuyện gì, tha hồ bàn luận thời cuộc, đồng thời tìm một số kinh sử để thảo luận, hễ Lung có cảm tưởng riêng của minh, liền thay dổi chữ. Tôi cảm thấy Nho học không thể làm hài lòng tôi, bèn nghĩ thà rằng theo Khổng Tử, chi bằng theo đạo của mình, do đó, tôi đổi tên thành Tôn Ngô. Hai chữ *"Tôn Ngô"* này là ngọn cờ tư tưởng độc lập của tôi. Năm nay là năm Ất Hợi, bất giác đã tròn 32 năm rồi. Từ sau khi đổi tên thành Ngô, tôi đã đọc rất nhiều kinh sử, cảm thấy có rất nhiều sơ hở, là khởi điểm để tôi phát minh Hậu Hắc Học.

Đến trường, lần đầu tiên lên giảng đường, thầy Ikenaga người Nhật Bản diễn thuyết rằng: *"Rèn luyện học vấn, hoàn toàn dựa vào bản thân, không thể dựa dẫm vào giáo sư. Hai chữ 'giáo dục', tiếng Anh viết là Education, ý nghĩa trên mặt chữ là 'dẫn ra'. Mọi học vấn trên thế gian này đều có trong đầu óc của chúng ta, giáo sư chẳng qua chỉ là 'dẫn dắt làm cho nó xuất hiện' mà thôi, hoàn toàn không phải là đem một loại học vấn lại nhét vào trong đầu óc của học sinh. Nếu học vấn là giáo sư dạy cho học sinh, thì cũng giống như đem nước trong thùng này đổ vào thùng kia mà thôi, chi có điều càng đổ càng ít, học sinh chi có kém xa giáo sư. Nhưng ở mỗi học sinh đều có thể vượt qua giáo sư, tức do học vấn là cái vốn có trong đầu óc của mỗi người. Não giống như một cái túi, cất giữ rất nhiều thứ trong đó, giáo sư chỉ mở miệng túi, học sinh tự mình đưa tay ra để lấy học vấn ra thôi."* Diễn thuyết này của ông ấy, không ngờ lại ăn khớp với ý nghĩa của hai chữ Tôn Ngô, nên tôi có ấn tượng vô cùng sâu sắc, cảm thấy cách nói này còn tinh thâm hơn nhiều so với câu nói *"Muốn học theo thánh hiền trước tiên cần phải bắt chước"*, về sau tôi học tiếng Anh, tra từ căn, quả nhiên không sai. Diễn thuyết này của ông ấy, có ảnh hưởng rất lớn đến việc phát minh ra Hậu Hắc Học của tôi. Gần đây tôi đọc báo chí, thấy hai chữ Nhật Bản là chướng mắt, phàm là tên của người Nhật Bản là cảm thấy ghét, chỉ có thầy Ikenaga là trước sau tôi đều kính phục. Dáng vẻ hòa nhã dễ gần của ông ấy đến nay vẫn thường xuất hiện trong tâm trí tôi.

Khi ở trên học đường, tôi ghi chép lại lời giảng của giáo viên vào một quyển vở phụ, trên đó viết hai chữ *"cố nang"*. Rất nhiều bạn học không hiểu được, hôi tôi nó có ý nghĩa gì? Tôi nói: Hoàn toàn không có nghĩa gì cả, tùy tiện viết ra thôi. Hai chữ *"cố nang"* này, nếu tôi không giải thích thì e rằng các nhà khảo cổ sau này, cho dù có tỉm kiếm 100 năm đi nữa cũng không thể tìm ra được, về hai chữ *"cố nang"*, não là một túi nang, viết trên quyển vở phụ, là vật vốn có trong nang. Chỉ để làm điều tự răn mình thôi.

Thầy Ikenaga dạy Toán, Lý và Hóa. Ban đầu giảng về Hydrogen và Oxygen, tôi bèn dùng cách *"dẫn ra",* tìm tòi trong đầu, đi bộ, ăn cơm, đi ngủ tôi đều suy nghĩ xem còn có thể dẫn ra được một thứ gì mới mẻ hay không. Sau này, hễ gặp vấn đề mà thầy đã giảng, tôi đều làm như vậy. Nào ngờ cách làm này cũng giống như việc làm không phù hợp thực tế của Vương Dương Minh, làm rất lâu rất lâu, mà chẳng thu được gì cả. Thế là thất vọng suy nghĩ lại, thở dài nói rằng: *"Kiếp này đã qua đi, xin được hẹn lại kiếp sau."* Trước bị nề nếp Bát cổ trói buộc quá lâu, vừa nghe nói bãi bỏ khoa cử, đã rất thích học đường, đem Tứ thư Ngũ kinh và các tập thơ... có trong nhà mang đi đốt sạch. Sống trong học đường cũng lâu, tôi cảm thấy vô cùng thất vọng. Một chủ nhật nọ, trên đường Học Đạo ở Thành Đô, tôi mua quyển *"Trang Tử"*. Lôi Dân Tâm nhìn thấy kỳ lạ bèn hỏi: *"Anh mua những thử này để làm gì?"* Tôi nói: *"Lôi Dân Tâm à, cái thứ khoa học nảy, anh và tôi còn có hy vọng sao? Nó như biển cả mênh mông, chính là trong lòng tôi nghĩ ra rất nhiều đạo lý, cũng không có được máy móc để thí nghiệm, còn không phải giống như không tưởng ư. Ở học đường, cùng lắm cũng chỉ là tiếp thu được một ít tri thức bảo sao hay vậy trong sách vở, có ích lợi gì chứ? Đành phải chờ con cháu sau này nghiên cứu, đời này của chúng ta xem như xong rồi. Do đó, tôi định tìm con dường khác để đi từ trong sách cổ Trung Quốc."* Anh ta nghe những lời này, cũng đồng thanh mà than thở.

Khi tôi học ở trường Đại học, có rất nhiều bạn học đồng hương đều gia nhập hội đồng minh, có người bạn tên Trương Liệt Ngũ từng nói với tôi rằng: *"Sau này chúng ta khởi sự, nhất định sẽ phái anh dẫn đầu một cánh quân."* Nghe xong tôi rất vui mừng, nghĩ rằng anh hùng hào kiệt xưa nay nhất định phải có bí quyết, do đó, tôi tiến hành thu thập những việc trong lịch sử, dùng phương pháp quy nạp để tìm kiếm bí quyết của họ. Trải qua rất lâu, cũng không thu hoạch được gì. Năm thứ hai Tuyên Thống, tôi làm giám sát học đường ở Phú Thuận. Một đêm nọ, khi tôi ngủ trong phòng hiệu trưởng, chợt nghĩ tới Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền, bất giác đập xuống giường ngồi dậy mà nói rằng: *"Tìm thấy rồi! Tìm thấy rồi! Các anh hùng hào kiệt xưa kia, không ngoài mặt dày tâm đen!"* Từ đó suy một cách rõ ràng rành mạch thì bộ Nhị thập Tứ sử đều có thể thấu rồi. Đêm đó, tôi thức suốt đêm, trong lòng vỏ cùng vui mừng, giống như Vương Dương Minh hiểu rõ hoàn toàn nguyên lý *"cách vật tri*

tri” ở trạm dịch Long Trường.

Tôi đã phát minh Hậu Hắc Học rồi, bản thân cũng không biết đạo lý này có đúng hay không. Một người bạn học đồng hương của tôi, nói đến làm việc, cho rằng đứng đầu là Vương Giản Hằng, Lôi Dân Tâm thì thường nói *“người làm việc lớn”*. Đúng dịp Giản Hằng đến Phú Thuận, tôi liền đem đạo lý phát minh nói cho ông ấy nghe, nhờ ông ấy phê bình. Ông ấy nghe xong nói rằng: *“Lý Tôn Ngô, đạo lý mà anh nói, không sai gì cả. Nhưng thật lòng nói với anh, những lời này, tuyệt đối không nên nói ra cũng không thể in thành sách. Nếu anh vùi đầu vào nghiên cứu đạo lý của mình anh sẽ trở thành nhân vật vĩ đại. Nếu anh phát biểu hoặc in thành sách, thì không những cả đời anh không đạt được thành tựu gì, mà ngược lại sẽ gặp muôn vàn bất lợi.”* Tôi không nghe lời khuyên của bạn hiền, lại tự mình phát biểu nó, kết quả là không ngoài dự liệu của Giản Hăng. Các vị! Các vị! Hãy vừa đọc *“Hậu Hắc Học”*, vừa phải ghi nhớ kỹ lời châm ngôn cùa Giản Hằng.

Ngày trước tôi thường rất tự hào, từ khi phát minh ra Hậu Hắc Học lai nản lòng nhụt chí, không muốn làm anh hùng hào kiệt nữa. Sau đó tôi lai phát minh *“Sáu chữ chân ngôn cầu làm quan”, “Sáu chữ chân ngôn để làm quan”, “Hai cách làm việc khéo léo”*. Đây điều là các bài của năm Dân Quốc thứ nhất. Dù sao thì sau này có rất nhiều người bạn, khi nhìn thấy dáng vẻ sa sút của tôi, khác xa so với trước đây nên rất lấy làm lạ. Bản thân tôi cũng không hiểu vì sao. Giả sử tôi không nói về Hậu Hắc Học, chỉ vùi đầu nghiên cứu, thì thế giới của tôi có lẽ sẽ không giống như bây giờ. Không biết Hậu Hắc Học đã lầm tôi, hay tôi đã lầm Hậu Hắc Học nữa.

Có một số người đọc xong Hậu Hắc Học, ngậm ngùi thở dài, do đó làm ít đi rất nhiều anh hùng hào kiệt. Lại có một số người, hưng phấn hăng hái, do đó lại làm xuất hiện rất nhiều anh hùng hào kiệt. Tôi phát minh ra Hậu Hắc Học, rốt cuộc là công hay là tội, đành phải nhờ vào Ngũ điện Diêm La Vương phán xét.

Khi tôi phát minh Hậu Hắc Học, nghĩ lại lời nói của Giản Hằng nên đã do dự rất lâu. Về sau, nghĩ đến Chu Trúc Xá từng nói: *“Ta thà không ăn thịt lợn thơm, bài thơ ‘Phong Hoài’ tuyệt không thể bỏ.” Nói một cách phấn khởi rằng: “Anh hùng hào kiệt có thể không làm, nhưng bài văn này không thể không phát biểu”*. Bèn kiên quyết dứt khoác, nhấc bút viết ra, hy vọng làm anh hùng của tôi, từ đó cũng chấm dứt, độc giả chi biết Hậu Hắc Học có dùng được, đâu biêt rằng tôi đã hy sinh *“anh hùng hào kiệt”* để đổi lại, cái giá phải trả cũng không quá đắc.

Thực ra, nếu Chu Trúc Xá có bỏ đi bài thơ Phong Hoài thì cũng chưa chắc có thể *“ăn thịt lợn thơm”*, tôi đem bí quyết của Hậu Hắc Học làm cho đặc biệt vô cùng, cũng chưa chắc tôi có thể trở thành anh hùng hào kiệt. Căn cứ vào đâu? Lấy Vương Giản Hằng mà bàn luận, dạo của tôi được xem là duy nhất, với tài năng như ông ấy mà có được thành tựu là đương nhiên, dù sao, khi ông ấy đến Thành Đô, Trương Liệt Ngũ

giao cho ông ấy làm tri huyện, ông ấy đã không làm, quay về Tự Lưu Tỉnh. Năm Dân Quốc thứ 3, cuộc cách mạng lần thứ hai, Hùng Dương giành độc lập ở Trùng Khánh, Phú Thuận hưởng ứng, Tự Lưu Tỉnh tiến cử Giản Hằng làm trưởng ban hành chính. Sự việc thất bại, Liêu Thu Hoa, Quách Tập Thành, Điêu Quảng phù ở Phú Thuận bị bắt đưa đến Lô Châu, Liêu Thu Hoa bị tử hình, còn Quách Tập Thành và Điêu Quảng Phù được miễn tội, Giản Hằng chạy trốn khắp nơi, ngày đêm ẩn náu, chịu sương chịu gió nên mắc bệnh nặng, kéo dài đến năm sau cũng qua đời, sau khi chết vô cùng thảm hại. Tấm lòng và tài năng của Giản Hằng nhận được kết quả như vậy, nên người đọc Hậu Hắc Học của tôi, tuyệt đối không được tự coi mình là có được sự chỉ bảo của người quang minh chính đại mà tự mãn.

Năm Dân Quốc thứ nhất, tôi đến Thành Đô, ở trong tòa soạn của tờ Công luận nhật báo trên đường Đồng Tử cùng với Liêu Tự Sơ, Tạ Thụ Thanh, Dương Tử Vân, bọn họ nhiều lần xúi giục tôi viết Hậu Hắc Học. Tự Sơ nói rằng: *"Nếu anh viết ra, tôi sẽ cùng anh viết lời tựa."* Tôi nghĩ: Tự Sơ là người nói về học thuyết Trình Chu, chính khí mực thước, bạn bè đều gọi là *"Liêu đại thánh nhân"*, anh ta đã nói có thể phát biểu, đương nhiên có thể phát biểu, tôi lần lượt viết ra, biệt hiệu mà tôi dùng là độc nhất vô nhị, với ý nghĩa là *"trên trời dưới đất, chỉ có tôi là độc tôn"*, Tự Sơ dùng biệt hiệu là Đàm Nhiên để viết lời tựa rằng: *"Ngô hữu độc tôn tiên sinh, phát minh ra Hậu Hắc Học, bao gồm 3 quyển, quyển 1 là Hậu Hắc Học, quyển 2 là Hậu Hắc Kinh, quyển 3 là Hậu Hắc truyện tập lục, vui cười mắng chửi, củng nói rườm rà, nhưng xem xét trong ngoài xưa nay, cùng với các đại nhân đương thời, không ai khác cả, đặc biệt khuyên tiên sinh đăng tải trên các báo, để truyền lại cho hậu thế học tập, phổ độ chúng sinh, cùng nhau bước đến bến bờ lý tưởng, bản chất của độc tôn là như thê nào? Đàm Nhiên, ngày tháng, năm Dân Quốc thử nhất."* Nào ngờ, vừa mới phát biểu, độc giả đã xôn xao. Nói cũng lạ, tôi và Tự Sơ cùng dùng biệt hiệu, chính là tên gọi Liêu đại thánh nhân, vẫn như xưn, tôi giành được danh hiệu Lý Hậu Hắc.

Tự Sơ làm việc rất có nghị lực, bất chấp chuyện khen chê. Năm Dân Quốc thứ 8, ông ấy giữ chức trưởng khoa Giáo dục, cục trưởng Giáo dục lúc đó có quyển bổ nhiệm và miễn nhiệm, điều khiển khoa Giáo dục. Dương tỉnh trường đối với Tự Sơ rất tin tưởng và ân cần chu đáo, Tự Sơ ký trình lên người có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm, đều dựa theo nguyèn tắc. Đôi khi, tỉnh trường ra một công văn bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm người nào đó, Tự Sơ cho rằng không hợp lý, liền dem trả lại, Dương tỉnh trưởng không cho rằng như vậy là ngỗ ngược, mà còn tín nhiệm hơn. Kỳ lạ nhất chính là lúc đó tôi giữ chức phó khoa, phàm là người có được chỗ tốt đều ca tụng rằng: *"Đây là món quà của Liêu thánh nhân."* Nếu bị đổ cái nồi, bị phê kỷ luật, yêu cầu không được toại nguyện, dự tính bị xét giảm, thì luôn nói ràng: *"Đó là do Lý Hậu Hắc làm."* Dần dần trở thành câu nói *"tốt thì quy về Liêu Tự Sơ, xấu thì quy cho Lý*

Tôn Ngô". Tự Sơ đến nay tuy đã chết, những người đồng sự của ông trong khoa Giáo dục ngày xưa như Hầu Khắc Minh, Hoàng Trị Điền... thì vẫn còn sống, hỏi họ nói ngày hôm đó rốt cuộc những chuyện này có phải là do tôi làm hay không? Rốt cuộc Tự Sơ làm việc có thể bị người khác chi phối hay không? Hôm nay tôi nói những lời này, hoàn toàn không phải là đổ trách nhiệm cho người bạn đã chết, mà chính là lấy những sự thực mà tôi đã trải qua để chứng minh những lời nói cửa Giản Hằng là lý lẽ bất di bất dịch, *"ba chữ Hậu Hắc Học, tuyệt dối không thể nói ra bằng miệng."*

Có chắc Tự Sơ đem những việc đắc tội với mọi người rồi đổ trách nhiệm cho tôi không? Không thể như vậy được. Có người nói với ông ấy về tôi, Tự Sơ liền nói: *"Chuyện đó là tôi làm, ai trách Lý Tôn Ngô, anh có thể kêu người đó đến, tôi trực tiếp nói với họ là Tôn Ngô không có làm."* Tiếc rằng, Tự Sơ càng giải thích thì mọi người đều nói ông ta là thánh nhân, những việc mà Lý Tôn Ngô làm, ông ấy còn chịu thay tôi, không phải thánh nhân nữa sao? Lý Tôn Ngô có thể khiến cho Tự Sơ làm như vậy, vậy không phải là đại Hậu Hắc sao? Lôi Dân Tâm nói: *"Hậu Hắc Học làm được nhưng nói không được"*, quả thật là tuyệt thế danh ngôn! Sau này tôi cũng đạt được danh hiệu là thánh nhân, nhưng trên cả thánh nhân, còn có thêm hai chữ Hậu Hắc nữa.

Thánh nhân, Hậu Hắc, tuy hai mà một, tuy một mà hai vậy. Trang Tử nói: *"Thánh nhân bất tử, đại đạo không ngừng."* Trang Tử đã nhìn rõ được chân tướng của thánh nhân và đại đạo. Thánh, dũng, nghĩa, trí, nhân vốn là những điều mà thánh nhân làm, kẻ cắp có thể trộm dùng, thì trở thành đại đạo. Ngược lại, hai chữ Hậu Hắc là những việc của kẻ đại gian làm, con người có thể dễ dàng sử dụng, thì trở thành đại thánh đại hiền. Thử lấy một ví dụ để nói, Hồ Lâm Dực từng nói: *"Chỉ cần làm lợi cho mọi người, cho dù làm ngu ngốc vô sỉ, tôi cũng làm."* Lại nói: *"Làm việc phải bao gồm nắm giữ."* Cái gọi là ngu ngốc vô sỉ, bao gồm nắm giữ, chẳng phải là kỹ thuật mà Hậu Hắc gia dùng sao? Lâm Dực có thể sử dụng tốt, nên trở thành danh thần vậy.

Vương Giản Hằng và Liêu Tự Sơ đều là người tôi rất khâm phục. Tự Sơ là người chỉ biết hai chữ *"vì công"*, chịu được bất cứ nỗi nhục nào, hơi giống với *"ngu dốt vô sỉ"* của Hồ Lâm Dực. Giản Hằng làm việc, độc đoán làm theo ý riêng, có hơi giống với *"bao gồm nắm giữ"* của Hồ Lâm Dực. Một hôm tôi nói với hai người đó: *"Tự Sơ có được bi quyết của chữ Hậu, Giản Hàng có được bí quyết của chữ Hắc, có thể gọi là tín đồ theo đảng của Ngô."* Dẫn ra những việc ấy để chứng minh vậy. Hai người họ vui vẻ nói: *"Nếu như vậy, hai người chúng tôi có thể gọi là mỗi người đều có được một phần của thánh nhân."* Tôi nói: *"Trăm năm sau, có người xây Hậu Hắc miếu, hai người có hy vọng sẽ được thơm lây."*

Dân Quốc năm thứ nhất, tôi viết Hậu Hắc Học trên Công luận nhật báo Thành Đô, một hôm, Tự Sơ đến chỗ tôi, nhìn thấy trên bàn dài có viết đoạn văn sau *"Biên giới*

Sở Hán, có một người Hậu mà không Hắc, rốt cuộc phải chịu thất bại, chính là Hàn Tín vậy. Nỗi nhục quỳ gối, có thể nhịn được, mặt dày vô cùng." Trong những người bằng tuổi, kẻ có tư chất thiên về chữ Hắc rất nhiều. Điển hình nhất là Tự Sơ. Kẻ có thể nói được chữ Hắc, chỉ có một người là Giản Hằng. Gần đây thường có người nói: *"Anh gọi tôi là da mặt dày, tôi còn có thể làm được; còn gọi tôi là tâm đen, thì tôi quả thực không làm được, chẳng trách tôi làm việc không được thành công."* Tôi nói: *"Chỉ sợ anh Hậu không triệt để, nếu không thì đâu đâu cùng thành công. Anh thấy sự Hậu của Tự Sơ, lại có thể đánh bại sự Hắc của Giản Hằng. Trên thế gian, người có tư chất thiên về chữ Hậu, tuyệt đối không dược thiếu chí tiến thủ."*

Tương truyền, trên cổ của người phàm đều có một đường, đao phủ giết người thường chém theo đường đó, hai đao là có thể chặt đứt đầu. Cho nên, khi đao phủ nhàn rỗi, cùng trò chuyện với người khác, họ sẽ chú ý xem đường trên cổ bạn. Ban đầu khi tôi phát minh Hậu Hắc Học, nếu gặp vấn đề cần nghiên cứu, liền đem bạn bè qua lại của tôi để làm vật thí nghiệm, dùng cách nhìn đường trên cổ của đao phủ, nên đã phát hiện được một vài học lý quan trọng. Thiên hạ xôn xao, đều là chuyện Hậu Hắc. Nhân dịp các vị và bạn bè lui tới, hãy nghiên cứu cách làm mà tôi nói, bảo đảm sẽ có rất nhiều thú vị, thu được nhiều lợi ích hơn đọc Tứ thư Ngũ kinh, Nhị thập Tứ sử. Lão Tử nói: *"Vũ khí sắc bén của một nước, không được để cho mọi người biết."*

Tôi gặp người dùng Hậu Hắc Học dưới danh nghĩa của tôi, lải nhải nói mãi không thôi. Tôi trợn mắt lên nhìn chằm chằm vào anh ta, không nói lời nào. Anh ta đột nhiên đỏ mặt, than thở cười nói rằng: *"Thật ra không giấu gì anh, tôi là một sinh viên, quả thật hết cách rồi. Chỉ sử dụng một tí Hậu Hắc Học dưới danh nghĩa của thầy thôi."* Tôi nói: *"Có thể! Có thể! Tôi tác thành cho anh!"* Thường nói: *"Trong ngành không phân phối hàng."* Giao thương rất biết cách lừa người, chỉ khi đứng trước người cùng ngành mới không dám bán hàng giả. Tôi khuyên bảo mọi nhẽ, bảo mọi người nghiên cứu Hậu Hắc Học, ý muốn mọi người đều trở thành bạn cùng ngành, nếu có người muốn dùng một ít Hậu Hắc Học, nhất định nói rõ hãy làm, mọi người đều an tâm.

Quả nhiên, trong Khoái tùng thuyết, đáng quý vô cùng, chỉ tiếc là có tư tình nhường cơm sẻ áo, tùy tiện nói rằng: *"Mặc áo của người, thì phải nhớ đến người cho mình; ăn cơm của người cho mình thì dù có chết cũng phải làm việc cho họ. Rốt cuộc vì chuyện của nhà Trường Lạc mà đầu lìa khỏi cổ, tru di tam tộc, quả thật là tự chuốc họa vào thân! Ranh giới Sở Hán có một người Hậu mà không Hắc, rốt cuộc phải chịu thất bại, chính là Phạm Tăng vậy. ..."* Tự Sơ đọc qua bản thảo của tôi một lượt, quay lại đọc đi dọc lại đoan viết về Hàn Tín, im lặng không nói, thở dài rồi đi. Tôi muốn nói: *"Đó chính là sự kỳ lạ, Hàn Tín có thừa Hậu nhưng lại thiếu Hắc, Phạm Tăng có thừa Hắc nhưng lại thiếu Hậu, tôi vốn lấy hai người họ ra làm ví dụ,*

sao ông ấy chỉ xem đoạn nói về Hàn Tín?" Tôi suy nghĩ thật kỹ mới biết rằng, Tự Sơ đang là người có thừa Hậu nhưng lại thiếu Hắc. Ông ấy là phu tử của Thịnh Đức, bảo ông ấy nhẫn nhịn thì có thể làm được, nhưng bảo ông ấy làm việc vong ân bội nghĩa thì không thể làm được. Người bị nhiễm lạnh, uống một ít nước nóng vào sẽ cảm thấy dễ chịu; người bị nhiệt chứng, uống một ít nước lạnh vào sẽ cảm thấy rất thoải mái. Cái mà Tự Sơ thiếu chính là chữ Hắc, đoạn viết về Hàn Tín chính là phương thuốc tốt cho bệnh của ông ấy, do đó, bất giác mà cảm xúc sâu dậm.

Năm Quang Tự thứ 33, tôi tốt nghiệp Đại học. Năm sau tôi làm giáo viên tại một trường Trung học ở Phú Thuận, Giản Hằng là hiệu trưởng, tuần sau huyện lập hiệu trưởng trường cao đẳng tiểu học, Khương Tuyển Thần vì việc này mà từ chức, huyện ra lệnh cho Vương Diễm, Bị Văn mời Giản Hằng kiêm nhiệm. Tự Sơ thích hợp giữ chức đốc học của huyện Phú Thuận. Một hôm, Giản Hằng cười nói với tôi rằng: *"Dạo này tôi nghèo rớt mồng tơi luôn, lương của hiệu trưởng trưởng cao đẳng tiểu học, tôi rất cần được thanh toán. Theo lý mà nói, thì không thành vấn đề, nhưng đám người cửa Tượng Thuận muốn công kích tôi, ngược lại tôi không hề ngó ngàng đến chúng, sợ nhất là Liêu thánh nhân nói rằng: 'Khoản tiên này dường như có thể không cần trả' Anh nói xem, tôi còn mặt mũi nào nữa chứ? Chỉ đành chịu dựng thôi."* Tôi thường hay nói với mọi người: *"Ở đây tuy đôi lúc cười nói, nhưng việc làm cho mọi người kính sợ của Tự Sơ, sự dũng cảm không lùi bước của Giản Hằng, là đủ có thể nhìn thấy."* Sau này tôi phát minh ra Hậu Hắc Học, mới biết được bài nói chuyện này của Giản Hằng, là việc làm quan trọng nhất trong Hậu Hắc Học.

Sau khi tôi phát minh ra Hậu Hắc Học, tất cả nhân tình ấm lạnh, mọi oán thù, tôi đều thẳng thắn nói ra. Có người nói với tôi: *"Người nào đó có lỗi với anh, anh ta sẽ thế nào?"* Tỏi nói: *"Nếu là bạn bè tôi, đương nhiên anh ấy làm như vậy. Nếu anh ấy không làm như vậy, Hậu Hắc Học của tôi còn có thể giảng nữa không? Hậu Hắc Học mà tôi phát minh là nguyên tắc lớn của nhân loại, bạn bè của tôi đương nhiên không thể ra khỏi nguyên tắc này."*

Tháng 10 năm Tân Hợi, Trùng Khánh độc lập, Trương Liệt Ngũ giữ chức đô đốc chính phủ quân thục, Thành Du sáp nhập, giữ chức phó đô đốc Tứ Xuyên, tiếp tục cải tổ dân chính. Ông ấy xây dựng một viện kiểm tra, chỉ định cho Tự Sơ làm viện trưởng. Tự Sơ nhiều lần từ chối, nên cho Doãn Trọng Tích làm viện trưởng. Tự Sơ làm thứ trưởng, tôi làm trưởng khoa khoa thứ ba. Lúc đó Dân Quốc mới hình thành, tôi cho rằng mọi việc đều phải cách tân, nên xuất hiện một học thuyết mới, chính là phát biểu Hậu Hắc Học của tôi. Khi tôi làm trưởng khoa, mọi người đều nói: *"Hậu Hắc Học quả nhiên ứng dụng, anh xem, Lý Tôn Ngô có thể làm trưởng khoa rồi."* Bạn thân của tôi khuyên tôi không nên tiếp tục đăng. Thế là tôi không đăng nữa. Mọi người lại nói: *"Anh xem, Lý Tôn Ngô làm trưởng khoa, Hậu Hắc Học. cũng không*

đăng nữa." Tôi vô cùng tức giận, nói với mọi người rằng: *"Các người chỉ ngưỡng mộ tôi làm quan, phải biết rằng chạy vạy nơi chốn quan trường, là một bi quyết."* Tôi sẽ phát minh ra sáu chữ chân ngôn cầu làm quan và sáu chữ chân ngôn để làm quan. Mỗi lần gặp bạn thân, đều hết lòng truyền thụ. Tiếc là những người bạn đó có tư chất quá ngu dốt, sử dụng không hiệu nghiệm, vận làm quan đều không hanh thông, ngược lại người bên cạnh nghe lén và gián tiếp nghe được lại rất thành công.

Khi làm việc tại viện kiểm tra. phòng ngủ cúa tôi và Tự Sơ nằm kế nhau, một ngày nọ, tôi nghe Tự Sơ vỗ bàn chửi mắng trong phòng, mạnh mẽ vang dội, tôi ra khỏi phòng để xem, nhìn thấy Quân Thương Hoàng chạy đi Tự Sơ đuổi theo và chửi: *"Mày là thằng chó! Khốn nạn!..."* Đuổi theo tới cửa chính mới dừng lại. Tự Sơ quay lại, nhìn thấy tôi, nhân tiện vào phòng tôi ngồi, phẫn nộ nói: *"Tên đó, sao có thể như thế được chử!"* Tôi hỏi sự tình, Tự Sơ nói rằng: *"Ban đầu hắn nói với tôi: Người nào đó có thể làm tri huyện, nhờ tôi giới thiệu cho Liệt Ngũ. Tôi nhất định không đồng ý. Anh ta nói: 'Nếu sự việc thành công, sẽ tặng cho thầy 400 lượng bạc.' Tôi vỗ tay xuống bàn nói: 'Xằng bậy! Những lời này mà cùng dám nói với tôi sao?" Hắn ta đứng dậy ra về, nói rằng: 'Được rồi! Được rồi! Không nói nữa là được rồi chứ gì.' Tôi vô cùng tức giận, đuổi theo chửi hắn cho một trận."* Tôi nói: *"Anh không nói giúp cho hắn là được rồi, hà tất phải tức giận như vậy."* Tự Sơ nói: *"Loại người này, nếu anh không làm mất mặt hắn, thi sau này không biết còn làm đến chuyện gì nữa, tôi nhất định phải nói cho Liệt ngũ biết, để tránh dùng loại người này đi hại người."* Việc này tuy là chuyện nhỏ bình thường, nhưng trong Hậu Hắc Học, lại hàm chứa triết lý sâu xa. Tôi phê bình Tự Sơ là người *"Hậu có thừa nhưng lại thiếu Hắc, kêu ông ta nhẫn nhịn thì có thể làm được, bảo ông ta làm chuyện vô lương tâm thì ông ta không thể làm được."* Sao lại tức giận vì việc như vậy chứ? Đối đãi với người nào đó, khó tránh khỏi quá nhẫn tâm, lại tự chui vào phạm vi của chữ Hắc, đây là đạo lý gì chứ? Tôi đã nhiều lần nghiên cứu, phát hiện một quy luật chung vô cùng quan trọng. Quy luật chung đó là gì? Hai chữ Hậu Hắc là hai mặt của một vật thể, phàm là kẻ Hắc đến cực điểm thi không phải không thể Hậu, kẻ Hậu đến cực điểm thì không phải không thể Hắc. Lấy ví dụ: Tâm của Tào Tháo cực đen, Trần Lâm làm bài hịch, lại có thể khoan dung rất nhiều, thì không phải không thể Hắc; mặt của Lưu Bị cực dày, Lưu Chương chân thành đối đãi với nhau, đột nhiên khởi binh tiêu diệt, thì không phải không thể Hắc. Các bạn cùng trang lứa với chúng tôi nói đến chữ Hậu là nhắc đến Tự Sơ trước tiên, nên ông ta không thoát khỏi quy luật chung này.

Người xưa nói: *"Đạo chỉ có một mà thôi."* Hai kẻ Hậu Hắc, vốn quán thông với nhau, chữ Hậu lật trở lại, chính là chữ Hắc; chữ Hắc lật trở lại chính là chữ Hậu vậy. Ngày xưa có một quyền thần, đắc tội mà vong thần. Tòng Giả nói rằng: *"Hắn là bạn cũ của anh, thường ngày đối với anh rất tốt, sao không tìm đến anh ta?"* Đáp rằng: *"Người này quả thật rất tốt với tôi. Tôi ca anh ấy xướng, tôi muốn đeo ngọc, anh ấy*

sẽ cho tôi vòng ngọc. Thường ngày anh ta được coi là tốt với tôi, hôm nay tôi cần phải tốt với người khác, vì nếu đến gặp anh ta, nhất định buộc tôi phải tặng quà cho anh ta." Quả nhiên những người này về sau lại đến, bắt vài người để xin khen thưởng. Đây chính là minh chứng từ mặt dạn mày dày biến thành tâm can đen tối vậy. Có người hỏi: Trên thế gian có người từ tâm can đen tối biến thành mặt dạn mày dày không? Tôi đáp: Có! Chính là Mã Giới Phố trong *"Liêu Trai"*.

Việc Tự Sơ chửi mắng nhục mạ Quân Thương Hoàng, hỏi thăm người khác, vẫn chưa nghe nói, ngoài tôi ra thì không ai biết được, sau này, cùng ông ta sống chung hơn 10 năm nhưng vẫn không nghe ông ta nhắc lại. Tôi thường nói: *"Tự Sơ chửi mắng lăng nhục Quán Thương Hoàng, đủ thấy tính cách kiên cường chính trực của ông, tuy ở chốn không người, cũng không thể tư lợi, sau sự việc tuyệt đối lặng thinh, giấu đi cái xấu của người khác, đủ thấy được đức độ bao la của ông."* Nhưng cách phê bình này là đứng trên lập trường của Nho gia để nói, nếu nghiên cứu theo triết học Hậu Hắc, sẽ có thể thu được một quy luật chung chính là *"Người có sở trường về chữ Hắc, thì Hắc là thứ thường thấy, còn Hậu là thứ tạm thời; còn người có sở trường về chữ Hậu, thì Hậu là thứ thường thấy, còn Hắc là thứ tạm thời."* Tự Sơ là người có sở trường về Hậu, ông ta dùng chữ Hắc để đối đãi với Quân Thương Hoàng, chỉ là hiện tượng tạm thời mà thôi. Sau khi sự việc qua đi, lại trở về với quỹ đạo bình thường của chữ Hậu, cho nên, 10 năm sau vẫn giấu kín mà không nhắc đến nữa. Tôi biết nếu ông ấy làm những việc vô lương tâm, nhất định sẽ không yên, do đó, sau này gặp lại cũng không tiện nhắc đến chuyện này nữa. Khi ông ấy làm việc ở học đường, Nghiệp Sư Vương đến trường để học, vì vi phạm nội quy trường, nên Tự Sơ đã đuổi học. Sau đó tôi đã nhắc đến chuyện này, ông ấy chau mày nói: *"Việc này trong lòng tôi rất áy náy."* Đó là minh chứng của việc làm vô lương tâm, phải quay về quỹ đạo bình thường. Do biết việc mắng chửi lăng nhục Quân Thương Hoàng nhất định sẽ làm cho ông ta áy náy, nên tôi cũng không tiện nhắc lại.

Tự Sơ đã mất hơn mười mấy năm, phẩm hạnh của ông khi còn sống rất trong sáng không chút tì vết. Tất cả bạn bè và học trò của ông đến nay khi nhắc tới ông vẫn khâm phục vô cùng. Năm rồi tôi viết bài *"Liêu Trương Dật Sự"*, kể về sự tích của Tự Sơ và Liệt Ngũ, đã từng đăng trên *"Hoa Tây Nhật Báo"*. Tự Sơ là tín đồ trung thành của Quốc Dân Đảng, chỉ có thể nói Đảng của ông ta quá thâm, đối với tư đức của ông ta thì vẫn hết lời ca tụng. *"Liêu Trương Dật Sự"* mà tôi viết từng trình bày về việc này. Mọi người thường gọi Tự Sơ là Liêu đại thánh nhân, tôi thấy ông ấy có tài đều ở chữ Hậu. Tôi từng nói: *"Dùng Hậu để mưu cầu lợi ích cho mọi người, nhân cách càng Hậu Hắc thi càng cao thượng."* Nhân cách cao thượng cua Tự Sơ được bạn bè chúng tôi công nhận. Bạn bè và học trò của ông ấy rất nhiều, có thể chứng minh lời tôi nói là không sai, tức có thể chứng minh quy luật chung mà tôi đưa ra là hoàn toàn đúng.

Mọi việc trên thế gian này, có những việc biết khó nhưng làm dễ, biết dễ nhưng làm khó, duy chỉ có Hậu Hắc Học là đặc biệt nhất, biết cũng khó mà làm cũng khó. Sự huyền diệu của đạo này cũng giông như khẩu quyết ngộ đạo dể tu dưỡng thành tiên. Xưa nay vốn là truyền thụ bí mật, Hoàng Thạch lão nhân vì Trương Lương vốn có tiên cốt, nên truyền thụ cho anh ta vào canh ba nửa đêm, Trương Lương đã đốn ngộ, lão nhân trông chở làm thầy của bậc vương giả. Tiếc rằng, môn học vấn này quá tinh thâm, nên trong *"Sử Ký"* nói rằng: *"Lời nói của Trương Lương người khác không thể hiểu nổi, chỉ có Bái Công là biết dùng thôi. Lương nói: Bái Công được trời phú cho vậy."* Từ đó có thể thấy, môn học vấn này không những thầy giỏi khó gặp, mà nếu có gặp được củng khó mà lĩnh hội. Tô Đông Phá nói: *"Hạng Vũ tuy bách chiến bách thắng, nhưng không biết nhẫn. Cao Tố có thể nhẫn, nên kiên nhẫn và tập hợp lực lượng đọ sức cùng Hạng Vũ, đợi thời cơ tốt nhất để tiêu diệt địch, nên cuối cùng giành được toàn thắng."* Y Bát chân truyền, rành rành có thể tham khảo. Tôi định làm quyển *"Hậu Hắc Học sư thừa ký"*, nói rõ nguồn gốc cho mọi người biết môn học vấn này, cần phải giống như nhóm người Hoàng Thạch Công mời có thể truyền thụ, phải như Trương Lương, Lưu Bang mới có thể lĩnh hội. Gần đây tôi đi xướng thuyết *"Hậu Hắc cứu quốc"*, rất nhiều người nói họ không thể hiểu, đây cũng là điều không phải lạ, chính là biết khó vậy.

Lưu Bang có thể chia bát canh súp, có thể đẩy Hiếu Huệ và Lỗ Nguyên xuống xe, tâm địa của ông ấy đen đến mức nào? Hàn Tín xin phong tước Tề Vương, Lưu Bang không thế kìm chế, nổi giận chửi mắng, nếu không có Trương Lương bên cạnh chỉ điểm, thì cơ hồ sẽ thất bại. Câu Tiễn sang Ngô, xin làm bầy tôi của Ngô Vương, đưa vợ vào cung làm thiếp, mặt của ông ấy dày đến mức nào? Sau này khởi binh đánh Ngô, Phù Sai phái người đến khóc lóc xỉn tha, Câu Tiễn trong lòng bất nhẫn, quyết không buông tha. Phạm Lãi Hậu Hắc bất chấp tất cả, mới đưa Phù Sai vào chỗ chết. Bọn người Lưu Bang, Câu Tiễn, khi sự việc đổ ập xuống đầu, vẫn cần người giúp đỡ ra trận chỉ huy thống lĩnh mới có thể thành công, đó chính là làm khó vậy.

Có người đọc *"Hậu Hắc Học"*, đọc đến đoạn *"người muốn học nó phải quay về hỏi mình và tự thấy bằng lòng, gạt bỏ nhân nghĩa bên ngoài mà giữ lại cái tự nhiên vốn có của nó"* đã nghi ngờ và hỏi rằng: *"Lý Tôn Ngô, những lời này của anh e rằng không đúng. Mạnh Tử nói: 'Nhân nghĩa lễ trí không phải được rèn luyện từ bên ngoài, mà vốn có trong bản thân.' Có thể thấy rằng, nhân nghĩa lá cái gốc vậy. Sao anh lại nói Hậu Hắc là cái gốc, nói nhân nghĩa là cái bên ngoài?"* Tôi nói: *"Tôi không hề nói sai, chỉ e rằng Mạnh Tử của các người sai thôi."* Mạnh Tử nói: *"Trẻ con đều biết yêu thương cha mẹ nó, khi trưởng thành thì biết kinh trọng anh em nó."* Những lời này rốt cuộc đúng không? Chúng ta cần phải tiến hành thí nghiệm thực địa. Bảo phu nhân của Mạnh Tử bế đứa con vừa mới chào đời của ông ấy ra. Bảo bà bế

con mình và cho nó ăn, đứa bé liền giơ tay ra để kéo, nếu không đề phòng cái bát sẽ rơi xuống đất vỡ vụn. Xin hỏi Mạnh Tử, hiện tượng này có phải là yêu thương cha mẹ không? Trong tay người mẹ dang cầm một chiếc bánh, đứa bé liền giơ tay ra lấy, người mẹ không cho nó mà bỏ chiếc bánh vào trong miệng của mình, đứa bé sẽ giơ tay ra lấy chiếc bánh đang nằm trong miệng người mẹ và bỏ vào miệng của mình. Xin hỏi Mạnh Tử, hiện tượng này có phải là yêu thương cha mẹ không? Đứa bé đang bú và nằm trong lòng mẹ, ăn bánh, người anh đi đến trước mặt, nó liền dùng tay đẩy người anh ra và đánh người anh. Xin hỏi Mạnh Tử, hiện tượng này có kính trọng anh em không? Chỉ cần trên thế giới có thể tìm được một đứa bé không có hiện tượng này, thì Hậu Hắc Học của tôi sẽ lập tức không giảng nữa, tất cả trẻ con trên toàn thế giới đều không ngoại lệ, có thể thấy, Hậu Hắc là thứ vốn có bẩm sinh trong con người, Hậu Hắc Học của tôi đương nhiên được đứng vững.

Mạnh Tử nói: *"Con người có thể chưa học qua nhưng có thể làm được, đó là lương năng; cái mà không qua suy nghĩ mà biết được, chính là lương tri vậy."* Đứa bé nhìn thấy trong miệng mẹ có chiếc bánh, liền giơ tay ra giật lấy; nằm trong lòng mẹ bú sữa, ăn bánh mà người anh đi đến trước mặt, liền đẩy đánh người anh, đều là những thứ chưa học đã biết làm, không suy nghĩ mà biết được. Theo định nghĩa của Mạnh Tử thì đều cho rằng đó là lương tri lương năng. Mạnh Tử dạy người mở rộng và phát triển lương tri lương năng, hiện nay có rất nhiều quan chức bòn rút tiền bạc của dân chúng, tức là mở rộng và phát triển *"lương tri lương năng"* giật lấy chiếc bánh trong miệng người mẹ khi còn bé. Rất nhiều kẻ lại chèn ép gạt bỏ những người trung thành, không từ một thủ đoạn nào cả, tức là đã mở rộng và phát triển *"lương tri lương năng"* đẩy đánh người anh ra. Mạnh Tử nói: *"Mọi người sinh ra đều là trẻ sơ sinh, tại sao cuối cùng vẫn có kẻ tiểu nhân? Đó là do học thói xấu vậy. Cho nên chúng ta cần phải tăng cường tu dưỡng đạo đức, không học thói xấu. Chỉ cần mọi người có thể giữ được tấm lòng của trẻ thơ, thì đều có thể là Nghiêu Thuấn."* Các vĩ nhân ngày nay, tâm lý lúc nhỏ vẫn không hề biến mất, có thể thấy Trung Quốc lộn xộn đến mức này, hoàn toàn là do các tín đồ của Mạnh Tử làm ra chứ không phải là do các tín đồ của tôi làm.

Tôi phát biểu *"Hậu Hắc Học"* vào năm Dân Quốc thứ nhất, chỉ định Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền, Lưu Bang... là nhân vật điển hình. Đến nay đã 24 năm, mà không người nào học được. Giả như có một người giống như Bị, thì Tứ Xuyên ngày xưa, đâu trở thành sào huyệt? Nếu có người giống như Tôn Quyền thì Nam Kinh, Quảng Đông xưa kia, đâu bị rạn nứt? Nếu có một người giống như Tào Tháo thì Ngụy Mãn có thể độc lập không? Nếu có một người giống như Lưu Bang thì Trung Quốc có chia năm xẻ bảy không? Tôi thường nói: *"Ta không thấy được Lưu Bang, mà có thể thấy được Tào Tháo là được rồi; nếu ta không thấy được Tào Tháo mà có thể thấy được Lưu Bị Tôn Quyền là được rồi."* Cho nên, nói rằng Trung Quốc rối loạn đến như vậy là

không phải do tín đổ của tôi làm.

Hán Cao Tổ chia bát canh súp là đã mở rộng và phát triển lương tri lương năng giật lấy chiếc bánh từ trong miệng của người mẹ. Đường Thái Tông giết Kiến Thành, Nguyên Cát, là đã mở rộng và phát triển lương tri lương năng đẩy đánh người anh khi đang bú sữa và ăn bánh của trẻ. Đây chính là điều được nói đến trong Hậu Hắc Kinh: *"Giữ lại cái tự nhiên vốn có của nó."* Hán Cao Tổ quét sạch cái mà mọi người thường gọi là Ngũ Luân và Lễ nghĩa liêm sỉ, đây chính là *"gạt bỏ mọi thứ nhân nghĩa ra bên ngoài"* mà Hậu Hắc Kinh đã nói.

Tôi chủ trương nghiên cứu rõ ràng nhân tính và thường trò chuyện cùng bạn bè. Bạn tôi nói: *"Gần đây phương Tây xuất hiện rất nhiều sách về Tâm lý học, tuy anh không hiểu tiếng nước ngoài, cũng có thể mua một số sách dịch về xem."* Tôi nói: *"Anh nói thật kỳ lạ! Tôi kể anh nghe một câu chuyện cười: Ngày xưa có một Thanh tra viên đến thị sát một trường nào đó, anh ta nói với hiệu trưởng rằng: 'Trường của ông ánh sảng không đủ.' Hiệu trưởng liền nói: 'Tôi đã sai người đến Thượng Hải mua rồi.' Ai ai cũng có một trái tim, tự mình có thể trực tiếp nghiên cứu, bản thân chính là thiết bị đo dạc tiêu biểu, mọi lúc mọi nơi đều có thể thí nghiệm, những người sớm tối lui tới với tôi chính là vật thí nghiệm của tôi, anh bảo tôi xem sách Tâm lý học của người nước ngoài, chẳng phải giống như đến Thượng Hải mua ánh sáng sao?"* Anh ấy im lặng.

Nhân tính vốn là thứ không ác không thiện, cũng có thể nói: có thể lả tốt, cũng có thể là xấu. Mạnh Tử cắt ra nửa phần nhân tính để lập thuyết, trở thành thuyết tính thiện. Nửa phần còn lại, Tuân Tử dùng để lập luận, trở thành thuyết tính ác. Vì mỗi người đều có một nửa chân lý, nên hai thuyết có thể song song tồn tại. Lại vì chỉ chiếm một nửa chân lý, nên hai thuyết cũng công kích lẫn nhau.

Có thuyết tính thiện của Mạnh Tử, thì có thuyết tính ác của Tuân Tử, chúng đối kháng lẫn nhau. Có thuyết Chí lương tri của Vương Dương Minh, thì sẽ có thuyết Hậu Hắc Học của Lý Tôn Ngô, chúng cũng cùng nhau đối kháng. Vương Dương Minh nói: *"Nhìn thấy cha, tự nhiên biết hiếu; nhìn thấy anh trai, tự nhiên biết đễ."* Đem hai chữ *"lương tri"* nói rõ ràng rành mạch. Lý Tôn Ngô nói: *"Đứa bé nhìn thấy chiếc bánh trong miệng của người mẹ, tự nhiên sẽ lấy và cho vào miệng của mình. Khi đang nằm bú sữa và ăn bánh trong lòng mẹ, thấy người anh tới gần ở phía trước, tự nhiên sẽ dùng tay đẩy đánh người anh."* Tôi dùng hai chữ Hậu Hắc để giải thích rõ ràng rành mạch. Có người gọi tôi là giáo chủ, tôi dám làm không? Trong giới học thuật, tôi chỉ ngang hàng với Dương Minh mà thôi. Nhưng Dương Minh được ở trong Khổng Miếu mà hưởng thụ, ăn thịt lợn nguội, còn tôi sau này đành phải xây Hậu Hắc miếu, để cùng hưởng thụ với những người như Liêu đại thánh nhân, Vương Giản Hằng, Lôi Dân Tâm.

Hậu Hắc Học của tôi vốn có giá trị ngang bằng với *"chí lương tri"* của Vương Dương Minh, tại sao Vương Dương Minh được mọi người coi trọng, còn tôi thì lại bị mọi người chê bai? Vì từ xưa đến nay, trong xã hội có một bức màn đen tối công cộng, bức màn đen tối này chỉ cho phép anh tôi biết rõ nhau, chứ không được vén nó lên. Nếu vén nó lên, sẽ bị xã hội chế tài. Đây đều là những quy luật chung. Tôi giảng Hậu Hắc Học cho mọi người, chỉ cần giảng liên tục 2-3 giờ, hầu hết người nghe đều cảm thấy hứng thú dạt dào, nói rằng: *"Hàng ngày tôi cũng nghĩ như vậy, nhưng chưa từng nói ra."* Xin hỏi: Trong lòng đã nghĩ như vậy, tại sao không đem nó nói ra? Đây chính là nguyên do ẩn giấu bên trong làm cho quy luật chung này bị chi phối. Tôi vạch trần nó ra tức là vi phạm quy luật chung, đương nhiên xã hội sẽ không cho phép.

Tại sao có quy luật này trong xã hội? Tục ngữ có câu: *"Phùng nhân đoản mệnh, ngộ hóa thiêm tiền."*[4]. Các vị đều muốn biết, nếu anh gặp một người, anh hỏi anh ta bao nhiêu tuổi? Đáp rằng: *"Năm nay tôi 50 tuổi."* Anh nói: *"Nhìn anh chỉ giống người hơn 30 tuổi, quá lắm là 40 tuổi thôi."* Anh ta nghe vậy, nhất định sẽ rất thích, cái đó gọi là *"phùng nhân đoản mệnh"*. Hay ví như anh đến nhà một người bạn, nhìn thấy một chiếc bàn liền hỏi anh ta mua nó bao nhiêu tiền, anh ta trả lời: *"Mua 4 đồng."* Anh nói: *"Chiếc bàn này bình thường giá phải 8 đồng, nếu mua được cũng phải 6 đồng, anh thật biết mua đó."* Anh ta nghe xong nhất định sẽ rất thích, đó chính là *"ngộ hóa thiêm tiền"* vậy. Tập tính của con người vốn là như thế, nên tự nhiên sẽ xuất hiện quy luật chung như vậy. Những người chủ trương thuyết tính thiện đều nói: *"Thế giới đều là người tốt, anh là người tốt, tôi cũng là người tốt."* Người nói câu này, tại sao không được hoan nghênh? Người chủ trương thuyết tính ác đều nói: *"Thế gian này đều là kẻ xấu, anh là kẻ xấu, tôi cũng là kẻ xấu."* Người nói những lời này tại sao không bị bài xích? Tuân Tử vốn đã gia nhập vào Khổng miếu, sau này vì ông ta nói thuyết tính ác, nên đã mời ông ta ra khỏi, không được ăn món thịt lợn nguội nữa, chính là do chịu sự chế tài của quy luật chung này. Thế là người của phái Trình Chu sẽ ngồi cao trong Khổng miếu, ăn nhiều món thịt lợn nguội.

Trong sách của Mạnh Tử có câu rằng *"hoạn quan lấy lòng thế tục"*, có thể nói Mạnh Tử và tội án của bọn Nho gia Tống Minh đặt ra cũng chính là tội án mà Mạnh Tử tự định ra. Vì sao lại như vậy? Thuyết tính ác là khuyên răn thế tục, thuyết tính thiện là lấy lòng thế tục. Người theo thuyết tính thiện nói: Anh là người tốt, tôi cũng là người tốt, đó là lời nói nịnh bợ của kẻ thê thiếp. Người theo thuyết tính ác nói: Anh là người xấu, tôi cũng là người xấu, đó là lời khuyên răn của người chí sĩ. Trong thiên hạ, thê thiếp nhiều hơn chí sĩ, lời khuyên răn khắp thế gian ai cũng ghét nghe, Tuân Tử bị ra khỏi Khổng miếu cũng nên thôi. Hỡi ôi! Lý Hậu Hắc, quả là danh giáo tội nhân!

"Lịch sử triết học gần 300 năm của Trung Quốc" của Tưởng Duy Kiều nói rằng: *"Vào cuối đời Chu, Tuân Tử đi xướng thuyết tính ác, về sau không ai bênh vực, trải qua hơn 1900 năm, chỉ có Du Khúc Viên kiên quyết tán dồng... Tôi tán đồng chủ trương thuyết tính ác, xưa nay chỉ có hai người là Tuân và Du."* ... Du Khúc Viên là bậc thầy về Kinh học, thông thường người ta chỉ nghiên cứu Kinh học của ông, tính thuyết của ông gồm hai quyển thượng và hạ, khi mờ khi tỏ, có thể nói, sách nói về thiện ác của Trung Quốc, ngoài Tuân Tử ra, dường như không có ai nữa cả. Lời khuyên răn khắp thế gian ai cũng ghét nghe, do đó, người dám nói thuyết này chỉ có một mà thôi.

Thiên hạ xôn xao đều là người giấu lỗi không chịu sửa, nên người dám nói thiện ác, nhất định là bậc dại dũng trong thiên hạ, nhất định phải chịu hy sinh. Tuân Tử hi sinh không ăn thịt lợn nguội trong Khổng miếu, mới dám nói đến tính ác. Lý Tôn Ngô hi sinh không làm anh hùng hào kiệt, mới dám giảng Hậu Hắc Học. Sau này khỉ xây dựng Hậu Hắc miếu, nhất định phải tu sửa một thánh điện phía sau để mỗi dịp Xuân và Thu, ông ấy cũng được ăn thịt lợn nguội nhờ vào bóng mát của Hậu Hắc giáo chủ.

Thường hay có người hỏi tôi: *"Cách nói của ông khó tránh khỏi quá thiên lệch"* Tôi nói: Tất nhiên, chỉ có thiên lệch mới có thể trị khỏi bệnh, mang tiêu và đại hoàng, lát gừng và quế, đặc tính của chúng thiên lệch nhau, danh y khởi tử hồi sinh, đều dùng các loại thuốc này vậy. Loại không thiên lệch nhất trong thuốc chẳng loại nào bằng bao sâm và cam thảo, xin hỏi các bệnh nặng trên thế gian, có mấy người được bao sâm cam thảo trị khỏi bệnh? Từ sau Mạnh Tử, thuyết tính thiện tràn ngập thiên hạ, làm cho xã hội nuỏi dưỡng một loại bệnh phù không ngứa không đau, cần phải tiêm vài mũi thuốc và nấu vài cây ngải cứu. Trị hàn chứng dùng nhiệt dược, trị nhiệt chứng dùng hàn dược. Cho nên, người nghe tôi giảng Hậu Hắc Học thường nói rằng : *"Lời đánh giá của anh rất thẳng thắn."* Vì khi mắc bệnh tê liệt, chỉ có châm cứu mới cảm thấy đau; sau khi châm cứu mới cảm thấy dễ chịu.

Có người đọc *"Hậu Hắc tùng thoại"* nói rằng: *"Anh hà tất ngày nào cũng nói những lời vớ vẩn này?"* Tôi nói: Tôi gặp người thì nói tiếng người, gặp quỷ thì nói tiếng quỷ, xin hỏi, thế gian này nếu không nói tiếng quỷ, thì nói tiếng gì chứ? Quyển Hậu Hắc tùng thoại của tôi, người xem thì là tiếng người, quỷ xem thì là tiếng quỷ.

Tôi không biết kiếp này có oan nghiệt gì với Khổng Tử không, ông ta nói nhân nghĩa, nhưng lại gặp Hậu Hắc của tôi; tôi giảng Hậu Hắc của tôi, nhưng lại gặp nhân nghĩa của ông ấy. Học thuyết của chúng tôi, cực kỳ tương phản, muôn đời xung đột nhau. Tôi nghĩ: *"Oan gia nên giải không nên kết."* Tôi và Khổng Tử đã giảng hòa rồi. Tôi nghĩ cách chiết trung điều hòa, đề ra hai câu khẩu hiệu: *"Hậu Hắc là bên trong, Nhân nghĩa là bên ngoài."* Nói cách khác, tức là trên gối nằm để một bộ Hậu Hắc Học, trên bàn để một bộ Tứ thư Ngũ kinh; trong lòng dành để thần vị Đại thành

chí thánh tiên sư Lý Tôn Ngô, thì trên tường dành để thần vị Đại thành chí thánh tiên sư Khổng Tử. Từ nay về sau, tín đồ của tôi, cũng tức là tín đồ của Khổng Tử; tín đồ của Khổng Tử, cũng tức là tín đồ của tôi, học thuyết của hai chúng tôi, muôn đời không còn xung đột nữa. Ngàn năm sau, có người viết cuốn *"Trọng Ni Lý Tôn Ngô truyện"* nhất định sẽ nói: *"Nhân gần với Hậu, Nghĩa gần với Hắc, Tôn Ngô khuôn phép mực thước, tất cả sự tình, sai sót của nhân nghĩa, rơi vào tê liệt, Tôn Ngô cao sâu vậy."*

Giấu bệnh sợ thầy là chuyện thường của bệnh nhân, vì vậy nó trở thành quy luật chung của giới Y học. Tuân Tử châm cứu cho bệnh nhân một chút thì giới Y học liền ầm ĩ, nói ông ta vi phạm quy luật chung, đuổi ông ta ra khỏi công hội ngành Y, tháo dỡ bảng hiệu của ông ấy xuống, đóng cửa tiệm thuốc cửa ông ấy. Lý Tôn Ngô giảng về Hậu Hắc Học, bảo người khác cởi y phục, trần trụi để sử dụng dao châm. Đây chính là phương pháp từ sau Tuân Tử đến hơn 2000 năm vẫn chưa ai dùng để điều trị, sở dĩ vậy mà Lý Hậu Hắc được mệnh danh là Lý điên.

Hôm qua có người bạn đến thăm, nhìn thấy trên bàn của tôi có một đống sách nào là Tống Nguyên học án, Minh Nho học án..., cảm thấy kỳ lạ nói: *"Sao anh lại xem những loại sách này?"* Tôi đáp: *"Sao tôi lại không được xem các loại sách này? Tương truyền rằng ở nước nọ có một cái giếng, người uống nước của nó vào, lập tức phát điên. Dân chúng cả nước đều uống nước của giếng này, nên cả nước đều bị điên. Chỉ có một người, tự đào một cái giếng để uống, nên không bị điên. Dân chúng cả nước đều nói anh ta mắc bệnh điên, bắt anh ta lại, châm cứu, sử dụng rất nhiều cách trị liệu, người này không chịu đựng nổi, đành phải tự múc nước lên uống. Thế là cả nước đều vui mừng phấn khởi, nói rằng: 'Ở nước chúng ta, từ đây sẽ không có người điên nào cả.' Tôi sợ có người giúp tôi trị bệnh, châm cứu nên đành phải đọc sách của chư Nho Tống Minh, tự mình điều trị vậy."*

Nhân tính là toàn vẹn. Nó giống như thành trì lớn, Vương Dương Minh tấn công vào Đông môn, tôi tấn công vào Tây môn, sau khi tấn công vào chân tướng sự thật bên trong mà tôi nhìn thấy được hai bên là như nhau. Như Cáo Tử đã nói, nhân tính có thể thiện hoặc không thiện là cực kỳ chính xác. Vương Dương Minh đề xướng thuyết Chí lương tri, chủ trương tính thiện, ông ta dạy người đưa ra những lời như: *"Bản tính vốn không thiện không ác, hành động có thiện có ác"*,... Xin hỏi, cách nói này có chỗ nào khác với Cáo Tử? Tôi phát biểu Hậu Hắc Học vào năm Dân Quốc thứ nhất, là cách nói của thuyết tính ác. Năm Dân Quốc thứ 9, tôi sáng tạo ra một quy luật chung: *"Tâm lý thay đổi vận hành theo quy luật chung của lực học"*, đây cũng là cách nói của Cáo Tử. Cáo Tử nói: *"Bản tính giống như dòng nước chảy xiết vậy"*, tức là nói *"tâm lý thay đổi vận hành theo quy luật chung của lực học vậy."*

Mạnh Tử và Tuân Tử đều lấy một nửa nhân tính của con người để lập luận nên

nếu đem thuyết tính thiện của Mạnh Từ và thuyết tính ác của Tuân Tử hợp thành một, thì lý luận sẽ được đầy đủ. Hai thuyết này hợp lại tức sẽ trở thành thuyết bản tính không thiện không ác của Cáo Tử. Có người hỏi: *"Học thuyết của Mạnh Tử, sao có thể tương hợp với học thyết của Tuân Tử được?"* Tôi nói: Mạnh Từ nói: *"Lúc nhỏ thì nhờ cha mẹ, khi biết yêu đương thì ưa thích phụ nữ trẻ đẹp."* Tuân Tử nói: *"Có vợ rồi thì không còn hiếu thuận với song thân như trước nữa."* Xin hỏi, học thuyết của họ chẳng phải là giống nhau sao? Mạnh Tử nói: *"Đại hiếu thuận thì cả đời đều yêu thương cha mẹ, đến 50 tuổi vẫn còn yêu thương, tôi đã nhìn thấy ở vua Thuấn vĩ đại vậy."* Theo như Mạnh Tử nói: Người đến 50 tuổi vẫn còn yêu thương cha mẹ, thì ông ấy chỉ nhìn thấy có một người là vua Thuấn vĩ dại. Xin hỏi, chân tướng của nhân tính rốt cuộc là như thế nào? Lẽ nào học thuyết của Mạnh Tuân không thể tương hợp sao?

Thuyết tính thiện và thuyết tính ác nếu có thể hợp nhất thì Chí lương tri của Vương Dương Minh và Hậu Hắc Học của Lý Tôn Ngô cũng có thể hợp nhất. Có người hỏi: Sao cổ thể hợp nhất được? Tòi nói: Mạnh Tử nói: *"Đại hiếu thuận thì suốt đời đều yêu thương cha mẹ."* Hậu Hắc Kinh nói: *"Đại hiếu sắc thì suốt đời vẫn ưa thích phụ nữ trẻ đẹp."* Mạnh Tử nói: *"Đến 50 tuổi vẫn còn yêu thương, tôi đã nhìn thấy ở vua Thuấn vĩ đại vậy."* Hậu Hắc Kinh nói: *"Đến 80 tuổi vẫn ưa thích phụ nữ trẻ đẹp, tồi đã nhìn thấy ở Bành Tố vậy."* Yêu thương cha mẹ không học cũng biết, không suy nghĩ cùng hiểu được; háo sắc cũng như vậy. Dùng cách Chí lương tri có thể làm bộc lộ thiên tính yêu thương cha mẹ của trẻ, đạt đến cảnh giới yêu thương cha mẹ suốt đời. Đồng thời cũng có thể làm bộc lộ thiên tính háo sắc của nam giới, đạt đến cảnh giới ưa thích phụ nữ đẹp suốt đời. Người xưa nói rằng: *"Vương học suy đồi, đến nỗi hành vi phóng đãng, bất tuân lễ, pháp."* Đó chính là dùng phương pháp Chí lương tri, bộc lộ Hậu Hắc Học vậy.

Theo ý của Tống Nho, trẻ con yêu thương cha mẹ là chủ yếu của tính mệnh; nam giới háo sắc là việc riêng của hình khí. Theo cách nói này, thì quả thật ỉà gán ép gượng gạo. Kỳ thực, trẻ con sinh ra, nếu giao cho vú nuôi chàm sóc, thì nó chỉ thương vú nuôi chứ không yêu mẹ ruột, đây là một minh chứng. Yêu thương vú nuôi và ưa thích phụ nữ đẹp, yêu thương vợ, thì tâm lý là nhất quán, chỉ là vì bản thân mình mà thôi. Vì người khác, vì nhân loại, thì không thể nói anh ta là thiện, cũng không thể nói anh ta là ác, vì vậy, thuyết bản tính không thiện không ác của Cáo Tử là hợp lý nhất. Cáo Tử nói: *"Nhu cầu ăn uống và tính dục là bản tính của con người."* Trẻ con yêu thương cha mẹ là nhu cầu ăn uống; nam giới ưa thích phụ nữ trẻ đẹp là nhu cầu tính dục. Ăn uống và tính dục là nhu cầu thiết yếu của nhân loại sinh tồn, là thiên tính của nhân loại.

Vương Dương Minh lĩnh hội từ thuyết tính thiện, tôi lĩnh hội từ thuyết tính ác, cùng đạt đến cảnh giới không thiện không ác thì dừng lại. Tôi giảng Hậu Hắc Học cho

mọi người, giống như dùng tay chỉ trăng, mọi người có thể nhìn theo ngón tay là có thể nhìn thấy vầng trăng của thiên hạ, người có thể nghiên cứu theo Hậu Hắc Học là có thể nhìn thấy chân tướng của nhân tính. Hay có người dùng hai chữ Hậu Hắc để nói chuyện huyên thuyên, giống như tìm kiếm vầng trăng trên tay tôi vậy, thật đúng là kẻ ngu ngốc nhất thiên hạ. Hậu Hắc Học của tôi mà đem cho loại người đó đọc, đúng thật là sai lầm.

Mạnh Tử nói: *"Lúc nhỏ thì nhờ cha mẹ, khi biết yêu đương thì ưa thích phụ nữ trẻ đẹp, khi có vợ rồi thì yêu thương vợ, làm quan rồi thì nhớ đến vua chúa."* Tất cả đều sinh ra từ nhu cầu. Trẻ con có nhu cầu ăn uống, nên yêu thương cha mẹ đã cho nó ăn; nam giới có nhu cầu về sắc, nên yêu thương phụ nữ trẻ đẹp và người vợ là những người có thể đáp ứng nhu cầu sắc dục của họ, làm quan cần có công danh, mà vua chúa là người tạo ra công danh, nên họ sẽ nhớ đến. Nếu đã xác định mục tiêu thì chỉ nên biết hướng về mục tiêu đó, không quan tâm đến những việc xung quanh. Mục tiêu là công danh, thì Ngô Khởi có thể giết vợ, Hán Cao Tổ có thể cùng chia bát canh súp của cha, Lạc Dương Tử có thể ăn canh súp nấu thịt con. Nếu mục tiêu là cha mẹ thì Quách Thần có thể chôn sống con, Khương Thi có thể cống nạp thiếp, Ngũ Tử Tư có thể đánh thi thể của Bình Vương. Nếu mục tiêu là sắc dục thì Tề Tương Công có thể thông dâm với em gái, Vệ Tuyên Công giành vợ của con, Tấn Hiến Công tư thông với tiểu thiếp của cha. Người viết cho rằng: Thiên tính của con người là giống nhau, cho nên vấn đề tính thiện hay tính ác, chúng ta không cần phải tranh luận nhiều, những người có trách nhiệm lãnh đạo đất nước, chỉ cần xác định rõ mục tiêu, sửa chữa mục tiêu của người dân là được rồi. Đại họa của nước tôi bây giờ là bị Nhật Bản áp bức, vì vậy, đề ra mục tiêu là Nhật Bản, tay có thể chỉ, dùng để chỉ Nhật Bản, mắt có thể nhìn thấy, nhìn thấy bọn Nhật Bản, miệng có lời nói, nói bọn Nhật Bản, tim có suy nghĩ, nghĩ đến Nhật Bản, làm cho tầm nhìn của toàn bộ dân chúng đều tập trung tại điểm này. Thế là gọi Ngô Khởi, Hán Cao Tổ, Lạc Dương Tử, Quách Thần, Khương Thi, Ngũ Tử Tư, Tề Tương Công, Vệ Tuyên Công, Tấn Hiến Công, nhất tề hướng đến mục tiêu. Đạo cứu quốc chỉ là như vậy thôi. 400 triệu dân thì cổ 400 triệu sức mạnh, từng sức mạnh xông thẳng đến Nhật Bản. Chủ nghĩa này gọi là *"chủ nghĩa hợp lực"*.

Có người hỏi tôi: *"Anh tự xưng mình lá Hậu Hắc giáo chủ, đương nhiên hiểu rõ mọi chuyện. Theo anh nói: Anh không hiểu tiếng nước ngoái, có người khuyên anh nên xem sách dịch về Tâm lý học của phương Tây, anh cũng không xem, hiểu biết nông cạn giống như anh, sao có thể xứng đáng làm giáo chủ?"* Tôi nói: Tôi thử hỏi, Khổng Phu Tử của các người, chẳng những chưa từng đọc qua sách dịch nào của phương Tây, ngay cả danh từ phương Tây này cũng chưa từng nghe qua, sao gọi ông ta là Chí thánh tiên sư? Nếu anh vào Văn miếu đốt bài vị của ông ta thì danh xưng Hậu Hắc giáo chủ của tôi sẽ lập tức đăng báo hủy bỏ. Tôi lại hỏi: Tam triết của Hy Lạp (Socrates, Plato, Aristotle) chẳng những chưa từng đọc qua quyển sách nào của nhà

triết học vĩ dại Immanuel Kant, hơn nữa e rằng ngay cả những chữ tiếng Anh Pháp Đúc Mỹ... thì một chữ cũng không biết, sao có thể xưng là thánh nhân phương Tây chứ? Càng kỳ lạ hơn là: Phật Thích Ca, một chữ Trung Quốc hay tiếng nước ngoài cũng khống biết, tên họ người Trung Quốc và người phương Tây cũng không hề biết, kiến thức nông cạn của ông ta thua kém gấp vạn lần Hậu Hắc giáo chủ tôi đây, lại có thể làm đại thánh nhân bậc nhất ở năm châu vạn quốc, đó là đạo lý gì chứ? Suỵt! Các vị dừng lại đi! Tối đang vạch ra khu vực Hậu Hắc, xây dựng triết học Hậu Hắc, tôi làm theo ý tôi, nên không rỗi bàn cãi ầm ĩ với các vị.

Tôi là tu nghiệp sinh của trường Bát cổ học, bình thường chỉ biết có Bát cổ mà thôi. Thường có người nói với tôi rằng: *"Tiếc là anh không biết khoa học, nên những cách nói của anh, không phù hợp với quy luật khoa học."* Tôi nói: Tôi nói Bát cổ, sao anh lại nói khoa học với tôi? Tối rất hận những nhà khoa học phương Tây không hiểu Bát cổ, tất cả các tác phẩm đều không phù hợp với ý nghĩa và phương pháp Bát cổ. Tôi tiến hành bình luận các quyển *"'Nguồn gốc muôn loài"* của Darwin, *"Nguồn gốc của cải các quốc gia"* của Smith, *"Tinh thần pháp luật"* của Montesquieu bằng phương pháp bình luận Bát cổ, trên mỗi quyển sách, đều phê hai chữ: *"Khống hiểu"*. Chủ nghĩa Cộng sản của Marx thì phê thêm một chữ: *"Chết không hiểu"*. Có người hỏi: 'Rốt cuộc không hiểu chỗ nào? Sao anh cứ nói bừa thế?" Tôi nói: *"Anh đọc xong Hậu Hắc tùng thoại của tôi, tự nhiên sẽ hiểu thôi."*

Không hiểu văn chương trong thiên hạ, đạt đến Bát cổ có thể gọi là rất giỏi, không gì giỏi hơn nữa, chứ không gọi việc không hiểu văn chương cùa các nhà khoa học phương Tây là giỏi hơn gấp trâm lần Bát cổ của Trung Quốc. Cả thế giới hiện nay đang xôn xao ầm ĩ, chính là do mấy bộ *"chết không hiểu"* này gây ra. Vì không hiểu văn chương của Darwin và Smith nên thế giới mới xảy ra cuộc dại chiến lần thứ nhất, cuộc dại chiến lần thứ hai. Vì không hiểu văn chương của Marx, nên Giang Tây, Tứ Xuyên... của nước tôi mới chia năm xẻ bảy, chính phủ trung ương mới tổ chức được kiện toàn, có người hỏi: *"Bộ sách này không hiểu, bộ sách kia cũng không hiểu, vậy phải sách nào mới hiểu đây?"* Tôi nói: *"Chì có Hậu Hắc Học là vô cùng dễ hiểu."*

May thay! Tôi chỉ hiểu Bát cổ mà không hiểu khoa học! Nếu tôi hiểu khoa học, e rằng ngày nay vẫn sớm tối hét rằng: *"Darwin, Smith, Montesquieu, Mussolini, Hitler, đều là thánh nhân."* Như vậy làm sao có thể viết *"Hậu Hắc tùng thoại"* được chứ! Nếu muốn thế giới được thái bình, trừ phi dùng *"Hậu Hắc tùng thoại"* của tôi làm thành hình luật mới, đem đi xử bắn Darwin, Smith, Montesquieu thời cổ và Mussolini, Hitler, sau này trén các phương diện quốc tế, kỉnh tế, chính trị sẽ có điều tốt đẹp đáng dược nói đến.

Nghiên cứu Bát cổ của Trung Quốc, lại trở thành người thủ cựu bất kham, giống như Lý Tôn Ngô vậy. Nếu nghiên cứu học thuyết của những nhà khoa học phương

Tây như Darwin... thì lập tức *"Hài cốt thành núi, máu huyết thành sông"*. Xưa nay tôi rất hoài nghi các thánh nhân Trung Quốc, ngày đêm nghiên cứu mới biết rằng các thánh nhân phương Tây càng đáng hoài nghi hơn.

Sở dĩ tôi trở thành Hậu Hắc giáo chủ, kiên quyết không chịu đọc sách, chẳng những không thích đọc sách dịch của phương Tây, mà sách của Trung Quốc cũng không chăm chỉ đọc. Bạn bè thân thiết của tôi đều biết rõ tính khí này của tôi, bất luận là sách gì, cầm được là đọc, trước tiên đọc phần lời tựa, hoặc chỉ xem vài trang, hoặc đọc từ phần cuối sách, hoặc tùy tiện lật giữa sách để đọc, hoặc bỏ qua vài trang, biết được đại ý của quyển sách là được rồi. Nếu thấy hứng thú với vài câu nào đó, tôi sẽ nghiền ngẫm kỹ lưỡng, thế là một thành hai, hai thành ba, sẽ nghĩ tới được những mặt khác. Bất luận là sách triết học cao thâm hay hí khúc tiểu thuyết thô thiển nhất, trong mắt tôi đều như nhau, đều có cách đọc như vậy.

Tôi cho rằng, sách trên thế giới được chia làm 3 loại, một là sách về tự nhiên vũ trụ, hai là sách vốn có trong đầu chúng ta, ba là sách của tác giả xưa nay viết ra. Tôi dung hòa loại một và hai lại để đọc, còn loại thứ ba, dùng để dẫn dắt lý luận ẩn tàng trong đầu của tôi mà thôi, hoặc kiểm chứng cho tôi mà thôi. Tôi cần loại thứ ba chẳng qua là như vậy thôi. Sách Trung Quốc đã đủ cho tôi dùng và có thể dư rồi, sao phải hao mòn tinh thần mà đi đọc những sách dịch của phương Tây chứ?

Bí quyết đọc sách của tôi nằm trong bốn chữ *"cưỡi ngựa xem hoa"*, thậm chí có đôi lúc *"cưỡi ngựa"* mà *"không xem hoa"*. Vườn hoa của Trung Quốc, ngựa con không chạy hết được, sao có thể nói ra ngoài nước? Có người hỏi: *"Anh đọc sách theo kiểu cưỡi ngựa xem hoa, sao trong 'Hậu Hắc tùng thoại' của anh đôi lúc lại kể một cách tỉ mỉ những chuyện nhỏ nhặt trong sách ?"* Tôi nói: *"Nói lạ! Những chuyện nhỏ nhặt này, vừa nhìn thấy là đã chói mắt. Khi tôi đánh ngựa chạy nhanh, nhác thấy một đóa hoa xinh đẹp, liền xuống ngựa ngắm nhìn một cách kỹ lưỡng. Đôi lúc cảm thấy bông hoa cải to lại có hứng thú hơn là đóa mẫu đơn, nên những chuyện nhỏ nhặt trong sách, cũng sẽ đi vào trong Hậu Hắc tùng thoại."*

Tôi là một kẻ lười nhác, lười tức là không chăm chỉ đọc sách, nhưng tôi có triết học về kẻ lười của tôi. Xưa nay, kẻ giỏi dùng binh, không ai bằng Hạng Vũ, hơn 70 cuộc chiến đều bách chiến bách thắng, đến sông Ô Giang bên mình chỉ còn 28 kị bỉnh, mà vẫn bách chiến bách thắng. Ông ta học binh pháp, nhưng chỉ biết được chút ít ý nghĩa của nó thôi. Các chính trị gia xưa nay, tôn Chư Cát Vũ Hầu là số một, ông ta đọc sách cũng chỉ xem đại khái. Đào Uyên Minh trong thi giới, có thể được xem là bậc nhất, ông ta là người thích đọc sách chỉ cốt nắm tinh thần, đại khái không cần đi sâu. Ngược lại, người quen đọc binh thư không ai bằng Triệt Quát, cuộc chiến Trường Bình, thất bại thảm hại. Người đọc sách nhiều nhất, không ai bằng Lưu Hân, phò tá Vương Mãn, dùng Chu Lễ để trị thiên hạ, gây náo loạn đến nỗi thiên hạ đều căm giận.

Lý Thiện chú thích *"Triệu Minh Văn tuyển"*, được mệnh danh là thư lộc[5], nên văn chương viết ra không ai hiểu được. Sách giống như thức ăn vậy, nên thức ăn có thể trị được đói, sách có thể trị được ngu. Thức ăn ăn nhiều mà không tiêu hóa sẽ sinh bệnh, đọc sách nhiều mà không tiêu hóa, cũng sẽ tác quái, người càng đọc nhiều thì càng ngu đần, chính là con mọt sách mà xưa nay chúng ta thường gọi vậy. Vương An Thạch đọc sách mà không tiêu hóa, nên Tân pháp mới không thực hiện được, Trình Y Xuyên đọc sách mà không tiêu hóa nên xảy ra chiến tranh Lạc Thục, Chu Nguyên Hối đọc sách mà không tiêu hóa nên mới có vụ án Khánh Nguyên, mới có cuộc chiến Chu Lăng. Nước tôi rối ren như vậy, đều do những sai lầm của bọn mọt sách phương Tây.

Thế giới đang tiến hóa, người đọc sách trước kia miệt mài học tập, tiến hóa đến như Hạng Vũ và Gia Cát Võ Hầu, phát minh ra cách đọc sơ lược nắm đại ý, tức là chi cần hiểu rõ đại ý vậy. Tiến hóa đến như Đào Uyên Minh, đọc sách không cần phải hiểu, tức là cũng không cần nắm được đại ý. Tiến hóa hơn nữa tức là giống như Hậu Hắc giáo chủ, không cần hiểu, hơn nữaa cũng không cần chăm chỉ đọc sách. Sau này tiến hóa lên cao hơn, tức là không cần đọc sách, một chữ cũng không biết. Hỡi ôi! Thế gian không cỏ Huệ Năng, những lời này ai có thể xác minh được.

Tôi viết *"Hậu Hắc tùng thoại"*, gặp trường hợp không có đủ điển cố để dùng, bèn hư cấu ra để dùng. Có người hỏi: *"Hà tất anh phải làm vậy?"* Tôi nói: *"Từ khi vũ trụ hình thành đến nay; thì nên có điển cố này, nếu không có những điển cố này xuất hiện, thì tất nhiên là tội lỗi của vũ trụ, vì vậy tôi hư cấu ra để bổ sung vào khiếm khuyết của tạo hóa."* Có người nói: *"Loại điển cố này, vốn có trong cổ thư, sách của anh ít, nên đương nhiên là không tìm thấy."* Tôi nói: *"Đó chinh là lỗi của điển cố, chứ không phải lỗi của tôi, điển cố lâu đời nhất chinh lá nhật nguyệt trên trời, ngày đêm bày ra trước mắt, ngước mắt lên là nhin thấy. Khi tôi viết Hậu Hắc tùng thoại, tại sao cứ núp trong đống sách vở mà không nhảy ra ngoái? Nếu không chịu nhảy ra, tức là thứ bỏ đi, loại điền cố bỏ đi này phải dùng nó như thể nào?"*

Gần đây có người nói với tôi: *"Anh chủ trương tư tưởng độc lập, nói tới nói lui, rốt cuộc cũng không thoát khỏi phạm vi tư tưởng của Khổng Tử."* Tòi nói: Chẳng những Khổng Tử, tôi phát minh Hậu Hắc Học, còn không thoát khỏi phạm vi thuyết tính ác của Tuân Tử; tôi nói: *"Tâm lý thay đổi vận hành theo quy luật chung của lực học"*, không thoát khỏi phạm vi *"nhân tính như dòng nước chảy xiết"* của Cáo Tử vậy; tôi có viết một bài về *"Xu thế của học thuật Trung Quốc"*, cũng không thoát khỏi phạm vi của Lão Đam nước tôi; đặc biệt còn không thể vượt khỏi phạm vi của một vị thuyết pháp đã 49 năm.

Chân lý của vũ trụ, hiện ra rõ ràng trước mắt chúng ta, bất kỳ ai chỉ cần quan sát

kỹ lưỡng, thì kết quả thu được đều là như nhau. Tôi chủ trương tư tưởng độc lập, phơi bày hai chữ tôn ngô, lấy nó làm tiêu chí, mọi đạo lý tôi đều đã xem xét qua, nếu cho là đúng thì mới nói ra, cho dù đã từng bị mọi người chê bai. Nếu tự mình đã cho là đúng, do cổ nhân đã từng nói, nên tôi tạo ra học thuyết khác, mong muốn thoát khỏi phạm vi của người xưa, tức là: tự lập ra cái khác, chính là lấy cái tôi phản lại cái tôi, thì không được gọi là tôn ngô. Khổng Tử, Tuân Tử, Cáo Tử, Lão Tử, Thích Ca, thậm chí tục ngữ dân gian... hợp nhất lại, không phân chia ranh giới, không phe cánh, tất cả đều lấy cái tôi làm trung tâm, đó gọi là tôn ngô vậy. Tôn ngô chính là chủ kiến vậy. Tôi cho rằng như vậy thì tức là như vậy, tôi cho rằng không như vậy thì không phải vậy. Hôm qua tôi cho rằng như vậy, hôm nay tôi cho rằng không phải như vậy, tức là lấy tôi của ngày hôm nay làm chủ. Nếu bênh vực cho tôi của ngày hôm qua, tức là tôi của ngày hôm nay là nô lệ của tôi cùa ngày hôm qua, là ý kiến lệ thuộc, không phải là chù kiến, tức không được gọi là tôn ngô.

Lão Tử nói: *"Muốn học chữ Đạo, cần phải chăm chỉ thực hành. Chia kẻ sĩ ra làm ba loại thượng sĩ, trung sĩ và hạ sĩ. Thượng sĩ nghe nói Đạo, bèn nỗ lực cố gắng thực hiện. Trung sĩ nghe nói Đạo thì lức nhớ lúc quên, nửa tin nửa ngờ. Hạ sĩ nghe nói Đạo thì phỉ báng cười nhạo. Nếu không cười thì Đạo này không phải là Đạo chân chính."* Thiên hạ xôn xao đều là các tín đồ của Chu Trình Châu Trương, Darwin, Marx, vừa nghe thấy ba chữ Hậu Hắc Học, liền chửi lấy chửi để, Ngô tôi xin được tiếp theo lời của Lão Tử: *"Kẻ hạ sĩ nghe nói Đạo bèn ngoác miệng ra chửi, không chừi bới thì không là chính đạo."*

Trước đây, tôi có nói chuyện với một người bạn và dẫn ra vài câu nói của Khổng Tử. Người đó nói: *"Anh giảng Hậu Hắc Học, sao lại nói đi học thuyết của Khổng Tử?"* Tôi nói: Ngày xưa, khi Khổng Tử đi chu du, ngựa của ông ăn mạ non của nông dân, họ bèn cột ngựa lại. Khổng Tử lệnh cho Tử Cống đến nói chuyện, nói hết lời rồi mà họ cũng không chịu trả lại ngựa. Quay về gặp Khổng Tử, Khổng Tử bèn sai Mã Phu đi, chỉ vài câu nói đã làm cho họ vui vẻ, nên lập tức mang ngựa về. Anh nghĩ: Trong Khổng môn, Tử Cống là người ăn nói hay nhất, trước đây khi Tề phạt Lã, Khổng Tử lệnh cho Tử Cống đi du thuyết, Tử Cống vừa ra tay là dẩy lui Tề, bảo tồn Lỗ, phá Ngô xưng bá Việt. Người ăn nói giỏi như vậy, chỉ đáng tiếc là không làm gì dược người nông dân. Nguyên nhân là do trí thức của Tử Cống quá cao thâm, nên khi nói chuyện, người nông dân nghe không lọt tai, trí thức của Mã Phu cũng ngang hàng với Tử Cống, nói dễ lọt tai hơn. Quan Thế Âm nói: Nên dùng thân phận tể tướng quan lại để dược đắc độ, Quan Thế Âm xuất hiện cũng dùng thân phận tể tướng quan lại để thuyết pháp cho họ. Nên dùng thân phận của Bà La Môn để được đắc độ, xuất hiện cũng dùng thân phận của Bà La Môn dể thuyết pháp cho họ. Anh từng làm trưởng ti, nay tôi sẽ dùng thân phận là trưởng ti để thuyết pháp. Anh thuộc lòng lời nói của Khổng Tử, tôi sẽ dùng thân phận của Khổng Tử để thuyết pháp cho

anh. Mọi người thường nói: *"Con người hiện nay, kém xa ba đời trước."* Quả nhiên không sai. Bỉ nhân tuy bất tài, nhưng tự hỏi có thể làm Mã Phu của Khổng Tử, còn trưởng ti của thời Dân Quốc, lại kém xa nông dân của thời đại Khổng Tử.

Một lần nọ, tôi trò chuyện cùng với một người bạn, người bạn kế bên nhắc nhở anh ta rằng: *"Anh nên ít trò chuyện với Lý Tôn Ngô đi! Kẻo ông ta đem anh viết vào Hậu Hắc tùng thoại đấy."* Tôi nói: *"Anh hãy yên tâm, các nhân vật trong Hậu Hắc tùng thoại này của tôi là những người sau này sẽ cùng được thờ cúng trong Hậu Hắc miếu, hai người tự hỏi xem, có công đức gì mà có thể được thơm lây chứ? Anh sợ tôi viết anh vào Hậu Hắcc tùng thoại, tôi thì đang sợ các anh sau này trà trộn vào Hậu Hắc miếu."* Do đó tôi viết đoạn này nhằm ghi chép lại sự việc đó nhưng không ghi tẻn của họ.

Tôi vốn sợ rằng, đủ loại người sẽ chui vào trong Hậu Hắc miếu của tôi, gây rối loạn giống như Khổng miếu. Tôi biên soạn một chương "Kính Lâm Thực Phổ tự" để biểu thị ý này, ghi chép như sau:

Tôi có một học trò già đã 62 tuổi tên là Hoàng Kính Lâm, ông ta yêu cầu được thờ cùng trong Hậu Hắc miếu, tôi đã đồng ý và viết vào quyển Hậu Hắc tùng thoại. Độc giả vẫn còn nhớ, ông ta tổ chức một bữa tiệc bên bờ đầm Bách Hoa tại Thành Đô. Bữa tiệc có đủ các món ăn tinh xảo đẹp mắt, thu hút mọi người, độc giả có lẽ cùng rất quan tâm. Tối qua đến công quán của ông ta, nhìn thấy ông ta đang tập trung tịnh khí để viết *"Tư Trị Thông Giám"*. Tôi thấy lạ bèn hỏi: *"Sao ông lại làm việc này?"* Ông ta đáp: *"Từ năm 48 tuổi trở đi, tôi thề quyết chí viết sách, dã viết được một bài Thập Tam Kinh, bổ sung thêm Tân Cựu Đường Thi, Lý Thiện Chú Vân tuyển, Tương Đài lễ ký, Pha Môn xưởng họa tập, bây giờ tôi định viết bài "Tư Trị Thông Giám" đề hoàn thành tâm nguyện ôm ấp bấy lâu nay."* Tôi nói: *"Chủ ý này của ông rất hay. Trước đây ông từng giữ chức tri huyện của các tỉnh như Xạ Hồng, Vu Khê, Huỳnh Kinh... Tôi truy tìm cội rễ tìm đến đây hỏi thăm dân chúng, tiếng tăm của ông rất tốt, cho rằng ông nỗ lực trong chốn quan trường nhất định lập nên sự nghiệp đáng nể. Nào ngờ tôi về đây hỏi ra mới biết ông lui về làm đầu bếp, tự lực cánh sinh, bất giác khen rằng: "Thật đúng là học trò của Ngô!" Đặc biệt cho phép ông cho vào thờ cúng ở Hậu Hắc miếu, nào ngờ ông lại làm cái trò này. Phải biết rằng xưa nay người làm việc này nhiều không kể xiết, có chỗ cho ông chen chân vào không? Nấu nướng là sờ trường của ông, sao ông lại vứt bỏ đi sở trường của mình mà tranh giành với người khác chứ? Bỉ nhân có sở trường là Hậu Hắc Học, do đó chỉ chuyên giảng Hậu Hắc Học, ông có sở trường là nấu nướng, chi bằng hãy mang đốt sạch đi những quyển mà ông đã viết như Thập Tam Kinh, Tư Trị Thông Giám... mà biên soạn một quyển thực phổ để tạo nên sự nghiệp bất hủ."*

Kính Lâm nghe nói xong, cũng cho là như vậy, nói rằng: *"Trước kia, tôi có thành*

lập trường sư phạm nữ ở Thành Đô, tôi phụ trách dạy nấu ăn, chia thành 10 môn học để dạy cho học sinh gồm: hầm, chưng, nướng, quay, sấy, rán, ninh, hấp, rang, thui để dạy cho học trò. Nay tôi định phân tích từng môn này, để viết thành sách giáo khoa. Nhưng nay thấy việc lớn quá, nếu không có thời gian rỗi rảnh sao được chứ?" Tôi nói: *"Ông quá câu thúc rồi, làm sao một lần là có thể hoàn thiện ngay. Tôi xin mách nước cho ông, hàng ngày những lúc ông vui vẻ, thì viết một vài đoạn, viết theo thể loại tùy bút, tích cóp lâu ngày, nếu có thời gian thì phân loại chúng ra, nếu không rảnh thì cũng có được bản gốc, sau này sẽ có người giúp ông chỉnh lý. Nếu không sớm viết ra, sau này già yếu bệnh tật, có muốn viết cũng không còn sức nữa, hối cũng không kịp!"* Kính Lâm cảm nhận sâu sắc lời nói của tôi, bèn bắt tay vào viết.

Phương pháp nấu nướng của Kính Lâm vốn là bí quyết gia truyền. Tổ phụ của ông từ Giang Tây bôn tẩu đến Tứ Xuyên để làm quan, tinh thông về nấu nướng, khi chọn vợ cho con trai, nếu không giỏi nấu nướng thì không được chọn. Nghe nói, Trần Thị có thể chế biến hơn 300 loại món ăn khác nhau, nên được hỏi làm con dâu, tức là mẹ của Kính Lâm. Thế là phương pháp nấu nướng của hai nhà Hoàng - Trần được dung hòa với nhau. Cuối đời Thanh, Kính Lâm bôn ba đến Bắc Kinh làm quan, Từ Hy thái hậu ban thưởng cho ông hàm Tứ phẩm, ba năm giữ chức Quang Lộc tự, khôi phục lại khẩu vị của Thiên Trù, dung hòa hương vị của hai miền Nam Bắc, nên phương pháp nấu nướng của Kính Lâm, quả thật có thể gọi là bộ sưu tập hoàn chỉnh. Có được tuyệt kỹ nấu nướng này, bản thân vẫn không biết coi trọng, nếu không đem bí quyết mình có được truyền lại cho hậu thế, chẳng phải là rất đáng tiếc sao?

Người xưa có công đức với nhân dân, ắt được dân cúng tế. Tôi thường nói đùa rằng: Trong Khổng miếu có các tín đồ của 70 đệ tử, gian giữa có vài chục người đáng được nhắc đến, chiếm đa số là những danh tính, chúng cũng khi tỏ khi mờ trong đó, nói gì đến công đức? Đồ đệ dựa theo ánh sáng của Khổng Tử, ngồi trên cao mà ăn thịt lợn nguội, cũng gọi là tiếm lạm vậy. Kính Lâm biên soạn thực phổ nhằm để lại cho đời sau, có được công đức ấy cũng đủ tư cách ăn thức ăn trong miếu muôn đời. Lúc sinh thời thì làm món ăn ngon cho mọi người ăn, lúc chết đi mọi người sẽ mang món ngon đến dâng cúng. Cách báo đáp đó cũng hết sức công bằng, không cần phải dựa vào Hậu Hắc giáo chủ mới có thể bất hủ. Con người quý ở tự lập, Kính Lâm đáng khen thay!

Hàng ngày việc ăn uống của Khổng Tử, hậu nhân không nói là món ăn ngon, đến nay mọi người dâng cúng thịt lợn nguội, mùi tanh hôi không thể đến gần. Sau này trong Hậu Hắc miếu, có Kính Lâm cùng thờ cùng, hậu nhân không dám không dâng món ngon, Ngô có thể tự hào nói với mọi người rằng: Nhà Ngô có Kính Lâm, có thể không ăn được món ngon sao! Đây chính là lời tựa, Lý Tôn Ngô ở Thành Đô, ngày 6

tháng 12 năm Dân Quốc thứ 24.

Độc giả chỉ biết tôi biết giảng Hậu Hắc Học, nhưng không biết tôi có thể viết tản văn. Nếu các vị muốn viết các bài ca ngợi tiên đức, truyền lại công trạng trên mộ chí,... Hãy mời tôi viết, bảo đảm sẽ yên ổn dưới suối vàng. Còn về viết thọ văn, đặc biệt là sở trường của tôi, Thọ tinh đọc xong, nhất định cho sống thêm được vài năm. Nếu các vị không tin, thì có Tạ Huệ Sinh thọ văn làm chứng.

Tháng 3 năm Dân Quốc thứ nhất, tôi phát biểu Hậu Hắc Học trên tờ báo Thành Đô. Lúc đó Trương Quân và Liệt Ngũ giữ chức phó đô đốc tỉnh Tứ Xuyên, một hôm gặp tôi, nói rằng: *"Anh điên à! Hậu Hắc Học gì chứ? Ngày nào cũng đăng tải trên báo, gần đây Thành Đô có một lũ điên khùng tổng giám tuần cảnh Dương Sằn Hữu, tri huyện Thành Đô phủ Đán Nộ Cương, những người khác như Lô Tích Khanh, Phương Trác Trương... ngày đêm chạy đến cãi nhau với tôi, tôi sẽ xây một khu người điên, bắt chúng nhốt lại. Vị đại tiên nói năng bừa bãi anh đây, nhất định phải bắt nhốt vào khu nhà điên đó."* Tôi nói: *"Ôi! Tôi là đại Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, anh cho rằng Bồ Tát là kẻ điên, tôi rất lo lắng cho nồi cơm của anh đấy"*. Sau này, Liệt Ngũ nhận chức Dân chính trưởng, Viên Thế Khải đều đến Bắc Kinh, anh ta phải giao nộp ấn quan. Ngày hôm sau gặp tôi nói rằng: *"Đêm qua Tạ Huệ Sinh nói: Nghĩ kỹ lại, những lời Tôn Ngô nói, quả thật là có lý."* Tôi đập bàn nói rằng: *" Điền xá nô (kẻ làm vườn), tôi chẳng bị điên! Lời của kẻ điên thì có nghe không? Tốt rồi, chỉ là nồi cơm bị đổ thôi."* Lúc sắp chia tay, tôi tặng cho ông ấy hai câu: *"Việc qua rồi thì không thể can ngăn, việc đang đến thì vẫn có thể bổ cứu."* Nào biết ông ấy tín đạo mà không thành tâm, sau này hành nghề đan vớ ở Thiên Tân, bị Viên Thế Khải bắt giải đến Bắc Kinh xử bắn. Mấy tháng ngồi trong thiên lao, không biết ông ta có tỉnh mộng mà nghĩ đến học thuyết của Lý điên ở Tứ Xuyên hay không? Khi tuyên bố tử hình, Liệt Ngũ không chút biến sắc, tay trái đặt bên cạnh, chỉ hơi mỉm cười. Người cùng bị xử tử với ông, vật vã kêu trời. Liệt Ngũ nói rằng: *"Anh kia! Đừng than nữa! Sự việc hôm nay,anh vẫn còn đang nằm mộng."* Đoán rằng lúc này Liệt Ngũ đã tỉnh mộng, biết được hôm nay sẽ chết, chính là do đã đi ngược lại với những gì mà học thuyết của kẻ điên này muốn bày tỏ.

Lôi Quân Thiết Nha là bạn học của tôi, đi du học ở Nhật Bản, sống bằng nghề bán sách, nhưng không hợp thời, cuối đời Mãn Thanh chạy đến Bạch Vân tự ở Tây Hồ để làm hòa thượng. Lúc đó, giữ chức thư ký của tổng thống Tôn Trung Sơn, chẳng bao lâu nữa sẽ từ chức. Làm thơ nói rằng: *"Nụ cười nhẹ lướt qua, sương gió lạnh thấu xương. Ba năm cách mạng Đảng, nửa tháng làm thư ký. Tắc hạ vu phương lạm, Hán Đan mộng đã tàn. Tây Hồ sơn sắc đẹp, chẳng cho lão tăng xem"*. Ông ấy rất căm tức những chuyện lúc đó, ở Thượng Hải từng nói với một người rằng: *"Anh về nói với Lý Tôn Ngô, bảo hắn ta nên ít nói Hậu Hắc Học đi."* Mắc bệnh điên, suốt ngày ôm bình rượu, gặp người là nói bậy, hay chỉ có một mình, ngã nằm dưới đường,

bất tỉnh nhân sự. Cảnh sát nhìn thấy, tìm cách lay tỉnh, lúc khỏe lúc mệt cuối cùng mất vào năm Dân Quốc thứ 9. Học thuyết này của tôi chính là phương thuốc kỳ diệu chuyên trị những bệnh như ông ấy, ông ấy chẳng những không uống thuốc theo toa mà ngược lại chửi thậm tệ bác sĩ. Ông ta chết cũng đáng lắm!

Liệt Ngũ, Tích Nha đều là bạn thân của Huệ Sinh huynh, hai người họ phản đối học thuyết của tôi, nên kết quả như vậy đấy. Chỉ có Huệ Sinh biết rằng, học thuyết của kẻ điên là có thể dùng được, vì vậy mà sống được 60 tuổi. Giả như cứ đi theo con đường này, rất có thể sẽ sống thêm được 60 tuổi nữa. Tôi phát minh Hậu Hắc Học đã hơn 20 năm, đệ tử tự bái làm thầy có khắp thiên hạ, ai ai cũng lẫy lừng vang dội, tạo ra vô số sự nghiệp kinh thiên động địa, riêng chỉ có vài người bạn như Liệt Ngũ, Tích Nha ra, thì những người bạn khác như Liêu Tự Sơ, Dương Quân Trạch Phổ, Vương Quân Giản Hằng, Tạ Quân Lệ Đơn, đối với đạo của tôi đều mù mịt không biết gì, cuối cùng cũng tiều tụy mà chết. Huệ Sinh dường như hiểu rõ đạo của tôi, chỉ không hiểu là tại sao ẩn cư nơi biển cả, quạnh vắng hiu quạnh? Đủ chứng tỏ đạo của Ngô cao lớn, cách dùng vô cùng kỳ diệu, tiến thêm thì có thể tạo nên sự nghiệp kinh thiên động địa, còn lui về cũng có thể được hưởng tuổi thọ dài lâu, tôi chứng minh đạo của tôi là vô cùng to lớn, sử dụng sẽ thấy được sự kỳ diệu của nó. Người thời nay cách xa vạn lý, không đăng đàng cầu phúc, kính cẩn dâng lên bài văn này, để chúc thọ Huệ Sinh huynh và khuyến khích đảng của tôi. Nghĩ tới việc Huệ Sinh huynh đọc xong, sẽ vuốt râu cười lớn, ăn uống no say. Đệ tử Tôn Ngô chúc mừng, tháng giêng năm Dân Quốc thứ 24.

Về sau, tại Trùng Khánh tôi gặp cháu trai của Huệ Sinh và Hoa Tân vừa từ Thượng Hải trở về, nói rằng: *"Gia nô nhìn thấy bài văn này, vui mừng khôn xiết, nói: Lý tiên sinh nói ta còn có thể sống thêm 60 tuổi nữa, đến lúc đó, các người đã 80, 90 tuổi rồi, e rằng vẫn không thọ bằng ta!"* Tử Chương không qua khỏi bệnh sốt rét, Trần Lâm hịch văn không qua được bệnh đầu phong, học thuyết của tôi luôn có thể kéo dài tuổi thọ. Các vị hãy thử mua một quyển về đọc, công hiệu của nó đâu chỉ gấp vạn lần so với uống thuốc bổ, sâm nhung vệ sinh hoàn [6]!

Năm Dân Quốc thứ 2, sau khi thảo phạt Viên bị thất bại, tôi có gặp một người ở Thành Đô, người này có thân hình cao ráo nhưng ốm, hỏi tên họ mới biết anh ta là Hoàng Dung Cửu quê ở Long Xương. Anh ta hỏi tên họ tôi, kinh ngạc nói: *"Ông có phải là người nói về Hậu Hắc Học không?"* Tôi đáp: *"Đúng vậy, sao anh biết được?"* Anh ta nói: *"Tôi nghe Liệt Ngũ nhắc tới khi ở Bắc Kinh."* Tôi nghĩ: Liệt Ngũ ở Bắc Kinh tuyên truyền cho đạo của tôi, nhất định sẽ nghiên cứu rất kỹ, vô cùng vui mừng. Nửa năm cuối năm Dân Quốc thứ 3, tôi xây dựng trường trung học thứ hai tại tỉnh Trung Bá, Liệt Ngũ từ Thiên Tân gửi cho tôi một bức thư kể về tình hình hiện nay và công việc đan vớ, đồng thời nói nhà cầm quyền làm khó ông ta như thế nào, trong đó có đoạn viết: *"Xin rủ lòng thương kẻ có lòng hướng về!"* Tôi đọc xong, thất kinh

nói rằng: *"Ôi! Liệt Ngũ chết rồi, biết mà không thực hiện, đáng tiếc! đáng tiếc!"*. Không lâu sau, lại nghe ông ta bị bắt giải tới Bắc Kinh. Bức thư này tôi đã dán làm bức tranh, mời danh nhân đề bạt để làm điều răn cho kẻ không thành tâm tín ngưỡng.

Liệt Ngũ bị bắt tại Thiên Tân vào ngày 7 tháng 1 năm Dân Quốc thứ 4, bị tử hình vào ngày 4 tháng 7, tính đến nay đã tròn 21 năm. Huy hiệu kẻ điên này của tôi do ông ta khởi xướng đầu tiên. Các vị bàng quan sẽ nhìn thấy rõ ràng, xin hãy bình luận một chút: *"Rốt cuộc tôi là kẻ điên, hay ông ta là kẻ điên?"* Mễ Phất đời Tống, mọi người cũng gọi là Mễ điên. Một ngày nọ, Tô Đông Pha đãi khách, rượu say, Mễ Phất nói rằng *"Mọi người gọi tôi là Mễ điên, tôi có điên hay không?"* Đông Pha cười nói: *"Tôi theo số đông"*. Tôi mời các vị phê bình, tôi có phải là kẻ điên không? Các vị nhất định nói: *"Tôi theo số đông"*. Nếu đã như vậy, tôi sẽ nguy hiểm cho các vị rồi! Hơn nữa còn nguy hại cho Trung Hoa Dân Quốc! Sao lại như vậy? Nói rằng: Có tiền lệ của Trương Liệt Ngũ, có lịch sử 24 năm của Dân Quốc.

Tết Nguyên Đán năm ngoái (năm 24), trên đặc san Nguyên Đán của Hoa Tây báo, tôi có viết một bài, đề mục là *"Nguyên Đán dự ngôn*". Lời tiên đoán của tôi bao gồm trong 8 chữ *"Trung Quốc hưng thịnh, Nhật Bản suy bại"*, đây chính là điều được suy luận ra từ trong Hậu Hắc sử quán, kết quả tất yếu, nhưng trong đó chưa đề cập rõ đến hai chữ Hậu Hắc. Năm nay Hoa Tây báo phát hành đặc san Nguyên Đán, tổng biên tập Tiên Sổ Nhật mời tôi viết một bài. Tôi nói: Viết thì chắc viết, nhưng tôi viết rồi, thì anh nhất định phải đăng, đề mục của tôi là ba chữ Hậu Hắc Học. Ông ấy nghe xong im lặng không nói, nên trên đặc san Nguyên Đán của Hoa Tây báo năm 25 các nhân sĩ nổi tiếng đều có bài viết, chỉ không có bài viết của Hậu Hắc giáo chủ, chính là nguyên nhân này, tôi cho rằng năm Dân Quốc thứ 25 là năm Hậu Hắc của Trung Quốc, cũng tức là năm 1936 là năm Hậu Hắc của toàn thế giới. Nếu các vị không tin, hãy tìm hiểu sự thật.

Người xưa nói: *"Trượng phu không thể để lại tiếng thơm muôn đời, cũng để lại tiếng xấu muôn đời."* Tôi phát bieur Hậu Hắc Học vào năm Dân Quốc thứ nhất, đến nay đã 25 năm, việc để lại tiếng xấu muôn đời coi như đã làm được 1/4, cúi đầu trước thiên cổ, thường lấy làm tự hào. Vì vậy, năm Dân Quốc thứ 25, về phương diện cá nhân tôi, cũng có thể nói là năm Hậu Hắc, là nên mở tiệc chúc mừng. Tôi nghĩ tín đồ của tôi, sau này nhất định sẽ bắt trước cách ghi niên đại Giê-su, lấy niên đại Hậu Hắc, làm cho ba chữ Hậu Hắc Học vui vầy cùng bá tánh, cứ đến năm 25 thì mở tiệc chúc mừng một lần, từ nay về sau, sẽ tổ chức 399 lần nữa, đó chính là Dân Quốc vạn niên. Tôi viết đến đây, bất giác hét to: Trung Hoa Dân Quốc vạn tuế! Hậu Hắc Học vạn tuế!

Năm ngoái, khi Ngô Trĩ Huy ở Trùng Khánh, người bạn làm nghề ký giả Mao Sướng Hi, hẹn tôi cùng đi thăm ông ấy. Tôi nói: *"Sao tôi phải đi thăm ông ấy chứ? Ông ta đọc tất cả kỳ thư trong và ngoài nước, nhưng chưa đọc Hậu Hắc Học. Ông ta tự xưng mình là Lưu lão lão trong Đại quán viên, lần này khở hành từ Trùng*

Khánh, đến Thành Đô, lên Nga Mi, du ngoạn Gia Định, phong cảnh và nhân vật trong Đại quán viên đều nhìn thấy cả, chỉ có con sư tử rõ ràng nhất ở bên ngoài Đại quán viên là ông ta không nhìn thấy. Một lần nọ tôi cũng đến đón chào Ngô tiên sinh, diễn thuyết của ông ấy, tôi cũng đã nghe qua, con sư tử đá nhìn thấy Lưu lão lão đi ra đi vào Đại quán viên, nhưng ông ta vẫn không nhìn thấy nó! Tôi không đi gặp ông ta, cảm thấy rất đáng tiếc."

Có người nghe thấy ba chữ Hậu Hắc Học liền chửi mắng: *"Lý Tôn Ngô là kẻ xấu!"* Tôi mắng lại rằng: *"Anh là Tống Nho."* Nếu nói là kẻ xấu, thì Lý Tôn Ngô và bọn Tống Nho đều là kẻ xấu; nếu nói là người tốt thì Lý Tôn Ngô và Tống Nho đều là thánh nhân. Tống học nói rằng, Tống Nho là thánh nhân, Lý Tôn Ngô là kẻ xấu; Hậu Hắc Học nói rằng, Lý Tôn Ngô là thánh nhân, Tống Nho là kẻ xấu. Do đó, nếu mắng tôi là kẻ xấu thì các người cũng là kẻ xấu, vì sao lại như vậy? Vì Tống Nho vậy. Điều mà tôi không hiểu nhất chính là học thuyết loại bỏ việc riêng của Tống Nho. Trình Y Xuyên vốn là thủ lĩnh Lạc Đảng, gây ra cuộc chiến Lạc Thục, gieo rắc tai họa cho bờ Nam, tôi không biết chữ *"tư"* của ông ấy có bị mất đi không? Tống Nho giảng về tính thiện, trong mắt của chúng, nhân tính của con người đều thiện, Lạc Đảng chúng tôi đều là người tốt, chỉ có Tô Đông Pha, do tính cách khác người, nên là kẻ xấu. Vương Dương Minh nói về Chí lương tri, khắp nơi đều là thánh nhân, vừa thay đổi liền trở thành Đông Lâm đảng. Đảng của tôi đều là người tốt, duy chỉ có Hùng Đình Bật chống lại Mãn Thanh là kẻ xấu, nên đem ra chém đầu. Hoàng đế nhà Thanh, đọc di sớ của Đình Bật, cho rằng kế hoạch thực hiện của ông ta Mãn Thanh tuyệt đối không được tham gia, thương xót thay cho bậc trung thành phải nhận thấy cái chết, hạ chiếu hỏi han tìm kiếm hậu nhân của ông ấy, đãi ngộ an ủi. Lúc đó thế lực mạnh nhất chèn áp Đình Bật và dâng sớ xin giết ông ta, không ai khác chính là bọn Dương Liên, Tả Quang Đấu... mà ngày nay chúng ta vẫn cho rằng là công thần nghĩa sĩ. Đạo lý này nói như thế nào đây? Than ôi Lạc Đảng! Than ôi Đông Lâm đảng! Tôi không biết Thương Hiệt phu tử, lúc đó đã khó khăn như thế nào để tạo ra chữ viết, đem cho các hiền nhân quân tử như Trình Y Xuyên, Dương Liên, Tả Quang Đấu... sử dụng như vậy! Xin có lời khuyên quý tộc giả đi nghiên cứu Tống học, chi bằng hãy nghiên cứu Hậu Hắc Học.

Lòng người giống như đá nam châm vậy. Chúng ta đã học qua vật lý, đều biết rằng: Phàm là sắt thép đều sẽ có chứa lực từ, vì các phân tử hỗn loạn bên trong, cực Nam và cực Bắc triệt tiêu nhau, mới không thể hiện lực từ ra ngoài. Nếu dùng nam châm dẫn dắt trên sắt thép, các phân tử bên trong sẽ sắp xếp theo cự Nam Bắc, lập tức phát ra lực từ. Dân chúng nước tôi, vốn có sức mạnh to lớn, chỉ vì nội bộ hỗn loạn, nên phải chịu sự hà hiếp của cường quốc. Chúng tôi chỉ muốn sắp xếp lại sợi lực bên trong theo trật tự, tâm lý của dân chúng đều nằm trên một đường thống nhất, thì sức mạnh được phát ra có thể hình dung được không? Hỏi rằng: Làm thế nào mới có thể

sắp xếp các phân tử bên trong theo trật tự được? Tôi nói: Anh chỉ có nghiên cứu Hậu Hắc Học và Hậu Hắc tùng thoại của tôi, tức là dùng đá nam châm dẫn dắt cho sắt thép vậy.

Bá tánh nước tôi chỉ cần có thể đồng tâm hiệp lực thì giống như liên kết được mười mấy nước châu Âu vậy. Hiện nay chúng ta đang bị Nhật Bản đàn áp, thà ngồi than khóc tỉ tê, chi bằng nên quỳ xin Liên minh quốc tế giúp đỡ, cầu xin các nước như Anh Mỹ giúp đỡ, chi bằng ngồi khóc ỉ ôi, hãy cầu xin bá tánh, xóa bỏ thành kiến, hiệp trợ cho chính phủ trung ương, trước tiên đuổi bọn Nhật Bản ra khỏi bờ cõi, sau đó mới tính tiếp. Có người hỏi: Ý kiến trong nước, sao có thể xóa bỏ được? Tôi nói: Anh hãy tuyên truyền Hậu Hắc Học rộng rãi, làm cho những người dân bình thường hiểu được tinh túy của Hậu Hắc và cách sử dụng Hậu Hắc, tự nhiên sẽ làm được.

Tôi phát minh Hậu Hắc Học, người bình thường khó tránh khỏi dùng ngược lại, đối với các cường quốc thì dùng chữ Hậu, vẫy đuôi xoắn xuýt, không từ một thủ đoạn nào cả; đối với dân chúng trong nước thì dùng chữ Hắc, chèn ép đấu đá, không từ một thủ đoạn nào cả; đối với dân chúng trong nước thì dùng chữ Hắc, chèn ép đấu đá, không từ một thủ đoạn nào, đến nỗi làm cho Trung Quốc náo loạn đến như vậy. Tôi chủ trương dùng ngược lại, đối với dân chúng trong nước thì dùng chữ Hậu, mọi việc đều nhượng bộ, kìm nén mọi tức giận, bất cứ nợ nần cũ nào cũng không tính toán; đối với các cường quốc thì dùng chữ Hắc, phàm là có thể phá hoại đế quốc chủ nghĩa, thì không từ bất kỳ một thủ đoạn nào cả, không chút nhượng bộ, không được chịu nhục, mọi món nợ đều phải tính toán kỹ càng. Nhưng điều này không phải nói suông là có thể làm được, cách thức thực hiện là điều chỉnh nội bộ, sắp xếp sức mạnh của dân chúng theo trật rự, mọi sức mạnh đều nhằm thẳng vào các cường quốc, đây chính là *"Hậu Hắc cứu quốc"* mà tôi đã nói.

Chúng ta học vật lý hóa học, có thể thí nghiệm trong phòng học. Duy chỉ có quốc gia là không thể tiến hành thí nghiệm trong phòng được. Theo tôi, vẫn còn có thể tiến hành thí nghiệm, trong Ngũ châu hiện nay, các nước mọc lên như nấm, các cường quốc lớn cùng nahu cạnh tranh, giống như thời Xuân Thu chiến quốc vậy. Chúng ta có thể nói: Ngũ châu vạn quốc ngày nay là hình ảnh phóng to của Xuân Thu chiến quốc, Xuân Thu chiến quốc ngày ấy là vật thí nghiệm của chúng ta.

Thời Xuân Thu, Châu thiên tử mất khả năng thống lĩnh, chư hầu công phạt lẫn nhau, bọn ngoại Di thừa cơ thâm nhập vào, quốc gia nhỏ yếu bị giày xéo, cũng giống như tình hình hiện nay. Nước Sở tiêu diệt hết các chư hầu ở Hán Dương, còn muốn mưu toan cướp Trung Nguyên, phối hợp với Nhật Bản diệt trừ Lưu Cầu, Cao Ly, tấn công chiếm cứ bốn tỉnh Đông Bắc, chiếm Bình Tân. Lúc đó, dân chúng không tìm ra được lối thoát, đột nhiên nhảy vào Hậu Hắc gia, danh tiếng như Quản Trọng, sét đánh một tiếng, xé toạc bức màn che của *"tôn Chu trừ Di"*. Lấy danh nghĩa của Chu Thiên Tử để xua đuổi bọn ngoại Di, bảo toàn lãnh thổ của nước nhỏ yếu, nhận được sự đồng

tình của người dân. Cách làm của ông ta là liên minh các chư hầu, tập trung toàn bộ sức mạnh của dân tộc nhỏ yếu lại, đánh thẳng vào bọn ngoại Di, phạt Sơn Tuất để cứu Yên, phạt Địch để cứu Vệ Hình. Đây chính là dùng chính sách hợp lực, đánh bại mọi tốp quân ngoại Di. Luận tình hình quốc tế lúc ấy, nước ấy, nước Sở là cường quốc mạnh nhất, Tề tuy đường đường là một nước lớn, nhưng sau khi trải qua Tương Công hoang dâm, thì trong nước đại loạn. Thời gian đầu Hoàm Công tại vị, xảy ra chiến tranh ở Trường Thược, ngay cả nước Lỗ nhỏ yếu cũng không thắng nổi, thì có thể thấy được tình trạng suy yếu của nó lúc bấy giờ. Chiến dịch Triệu Lăng lại làm cho nước Sở khuất phục, hoàn toàn là nhờ vào chính sách thích hợp của Quản Trọng. Trong các dân tộc nhỏ yếu trên thế giới, nước tôi có yếu, có nhỏ, rất giống nước Tề thời Xuân thu. Lúc ấy, *"Quản Hậu Hắc"* phục sinh, chính sách của ông ta là *"Ủng hộ chính phủ trung ương, tập trung toàn bộ sức lực của cả nước, sau đó tiến hành liên minh các dân tộc nhỏ yếu, tập trung toàn bộ sức mạnh của thế giới, để đánh các cường quốc lớn."* Theo nghiên cứu này, nước tôi sau khi trải qua biến cố 918, đã thực hiện theo Hậu Hắc Học, đẩy lùi liên minh quốc tế, ngoiaf ra còn tập hợp một "Liên minh các dân tộc yếu và nhỏ trên thế giới", hình thành một hình thể đối kháng với liên minh quốc tế của các tập đoàn ngồi một chỗ mà chia của phi pháp, nước tôi có một Tề Hoàn Công, lãnh đạo tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới, đấu tranh với các cường quốc lớn.

Đến giai đoạn chiến quốc, tình hình quốc tế lại thay đổi, thất hùng gồm Tề, Sở, Yên, Triệt, Hàn, Ngụy, Tần được thành lập. Chu Tiên Tử đã không cứu giúp nổi, Chỉ Lão Hổ trở thành vật vô dụng, hai chữ *"tôn Chu"* nói không được nữa rồi. Vào thời Xuân Thu, Tần Sở là nước của Di Địch, đến lúc này, hai chữ *"trừ Di"* càng không thích hợp sử dụng. Trong 7 nước, Tần là nước mạnh nhất, có khả năng thôn tính 6 nước còn lại, thế là Hậu Hắc gia lớn thứ hai Tô Tần đứng lên để xướng liên minh 6 nước, nhằm chống lại nước Tần, tức là liên minh các nước yếu lại, cùng đánh một cường quốc, vẫn là một chính sách hợp lực, có thể nói đây là *"biến hình của chính sách Quản Hậu Hắc"*. Theo nghiên cứu này, chúng ta có thể xem các nước Nhật, Anh, Mỹ, Pháp, Ý, Đức hợp lại thành nước Tần, và xem ác dân tộc yếu à nhỏ trên toàn thế giới là 6 nước còn lại, đương nhiên tổ chức *"liên minh các dân tộc yếu và nhỏ"* sẽ quay vòng các cường quốc.

Các vị đã xem thường cách làm của Tô Tần rồi, ông ta đã trải qua quá trình học tập chăm chỉ khắc khổ, nghiền ngẫm trong một năm, mới nghiên cứu ra được. Cách làm này của ông ta có chứa học lý sâu sắc. Ông ta đọc Thái Công âm phù, âm phù là sách của Đạo gia. Âm phù ngày xưa không truyền thụ lại, âm phù hiện hành là ngụy thư. Chúng ta dã biết nó là sáh của Đạo gia, thì có thể mượn *"Đạo Đức Kinh"* của Lão Tử để nói rõ. Quyển *"Lão Tử"* bao hàm rất nhiều nguyên lý Hậu Hắc tinh thâm. Thời chiến quốc có các nhà Hậu Hắc lớn như Văn Chủng, Phạm Lãi; thời kỳ đầu nhà

Hán có Trương Lương, Trần Bình... đều là các phái của Nho gia. Sách của Quân Tử, *"Hán Thư – Nghệ Văn Chi"* cũng liệt vào Đạo gia, nên chính sách ngoại giao nội chính của Quản Trọng đều ngấm ngầm lấy hai chữ Hậu Hắc để làm căn cứ. Bỉ nhân phát minh Hậu Hắc Học, tiến hành nghiên cứu thêm, sáng tạo ra một định lý: *"Tâm lý thay đổi vận hành theo quy luật chung của lực học."* Còn đọc sách của Lão Tử, thì cảm thấy chỗ nào cũng có thể dùng quy luật chung của lực học để giải thích, sau này khi tôi nói về *"Trung Quốc học thuật"*, mới từ từ nói rõ hơn. Bây giờ nói Hậu Hắc ngoại giao, nói đến Tô Tần, tôi chỉ có thể nói rằng, chính sách cảu nhà Hậu Hắc họ Tô, tương hợp với học thuyết của Lão Tử, tổ hợp thành chỉnh thể với quy luật chung của lực học.

Lão Tử nói: *"Thiên đạo, giống như giương cung, nếu quá cao thì phải hạ thấp xuống một chút, nếu quá thấp thì phải đưa cao lên một chút, nếu quá dư thừa thì nên giảm đi, nếu không đủ thì phải bổ sung.*" Điều này rõ ràng là quy về chữ bình. Quy luật chung của lực học, hai lực cân bằng mới có thể ổn định. Nước không đứng yên ắt chảy đi, người bất bình ắt kêu la. Tô Tần nhìn thấy được đạo lý này, du thuyết sáu nước xoay quanh chữ bình mà lập luận, tương hợp với học thuyết Tôn Trung Sơn thời cận đại. Ông ta thuyết pháp sáu nước, dùng những lời như *"thà làm miệng gà chứ không làm đít trâu"* [7] và *"thuộc địa phương Đông, xây đế cung"* [8], nhận quan đới [9], dâng xuân thu [10], kích thích khí thế bất bình đẳng của mọi người. Tôn Trung Sơn nói: Người Trung Quốc đều không bằng người của các nước vong quốc như Cao Ly, An Nam... chiếm vị trí dưới *"thuộc địa*", gọi là *"thứ thuộc địa"*. Luận điệu cũng giống nhau, không ngoài việc mong muốn quay về sự bình an. Cách đối phó nước Tần của Tô Tần chính là liên minh sáu nước lại, sức mạnh ắt sẽ mạnh hơn nước Tần, phù hợp với thuyết *"đấu tranh sinh tồn"* của Darwin. Ông ta gọi chính sách của mình là *"hợp tung"*, rất đáng để nghiền ngẫm. Sáu nước Tề Sở Yên Triệu Hàn Ngụy, phát ra sáu tia sức mạnh, chọn hướng dọc, công kích nước Tần, rõ ràng là cách hợp lực trong lực học. Cách làm này của ông ta, so với chính sách của Quản trọng , có hàm ý càng sâu xa hơn, nên cần phải nghiền ngẫm trong một năm mới có thể nghiên cứu được, tự mình khẳng định không chút nghi ngờ rằng: *"Đây quả thật có thể nói là đứng đầu thời đó."* Quả nhiên hễ nói là thực hành, vua của sáu nước, đều nghe theo lời của ông. *"Chiến Quốc Sách"* nói: *"Lúc đó, thiên hạ rộng lớn như vậy, bách tính đông đúc như vậy, uy thế của vương hầu và quyền lực của mưu thần đều được quyết định bởi chính sách cảu Tô Tần."* Lại nói: *"Du thuyết cho các chư hầu, bịt miệng trên dưới, thiên hạ không ai có thể chống lại ông ta."* Anh thử nghĩ xem: Thời Chiến quốc, trăm nành đua tiếng, là thời kỳ học thuật phát triển nhất, nhưng chính sách của Tô Hậu Hắc có thể phổ biến khắp nơi, há chẳng phải là chân lý sao?

Chính sách ngoại giao mà hai nhà Hậu Hắc Quản và Tô đưa ra có hình thức khác

nhau, nhưng bản chất vẫn giống nhau, đều là hợp sức các nước yếu để chống lại nước mạnh, đều là chính sách hợp lực, nhưng chính sách của Quản Trọng thì thành công, còn chính sách của Tô Tần thì bị thất bại, cuối cùng phải giải tán, nguyên nhân tại sao? Quản Trọng và Tô Tần đều khởi xướng liên quân, phàm là liên quân, đều cần phải có thủ lĩnh có trách nhiệm. Sự thất bại của Cửu Tiết Độ nhà Đường ở Tương Châu, trong có các danh tướng như Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật... nhưng cuối cùng cũng tan tác, chính là do không có được thủ lĩnh có trách nhiệm. Nước Tề là các phần tử trung kiên liên quân, chiến đấu có trách nhiệm, kề vai sát cánh cùng nahu gánh vác, giữ vị trí hiệp trợ cho các nước khác. Sáu nước đều giữ địa vị như nhau, chỉ huy ngang nhau, nên thiếu tính trung tâm. Tô Tần giữ chức Tung ước trưởng, vốn là trung tâm của sáu nước, đáng tiếc là người này không có lòng tạo dựng sự nghiệp, ban đầu chỉ vì vợ không rời khỏi máy dệt để đón chào ông, chị dâu không chịu thổi lửa làm cơm, mới phẫn nộ mà đọc sáh, đeo ấn tướng của sáu nước, có thể làm cho người thân tự hào, kiêu căng tự đắc, không tiếp tục cố gắng. Ông ta muốn làm thủ lĩnh, mà có thái độ như vậy, sao có thể thành công chứ? Nếu Quản Hậu Hắc làm Tung ước trưởng của sáu nước, thì nhất định thành công vậy.

Nếu nghiên cứu từ góc độ nguyên tắc khoa học, chính sách của Tô Tần, hậu nhân có cách nhìn khác với bỉ nhân, sao lại như vậy? Chỉ lạ là ông ta sinh ra cách đây hơn 2000 năm mà vẫn chưa lĩnh giáo học thuyết của Lý Tôn Ngô. Sách cũ của ông ta có đến vài chục hòm, trong đó lại thiếu đi một bộ *"Hậu Hắc tùng thoại"*, không biết *"Hậu Hắc là cái bên trong, nhân nghĩa là cái bên ngoài"*, ông ta đi du thuyết sáu nước chỉ lập luận ở hai mặt lợi và hại, biểu hiện một cách rõ ràng hai chữ Hậu Hắc, quên bôi trên bề mặt nó một lớp nhân nghĩa đạo đức, nên học thuyết của ông ấy đã trở thành tà thuyết không ai nghiên cứu, đây là một việc rất đáng tiếc. Chúng ta hãy dùng đôi mắt của Hậu Hắc sử quan để xem xét, ông ta là người có thừa học thức, nhưng thiếu thực hành, những sự tích của ông khi còn sống có thể chia làm hai giai đoạn để xem xét: giai đoạn 1 là từ lúc đâm dùi vào đùi cho đến khi giữ chức Tùng ước trưởng, đây là giai đoạn thành công về mặt học lý; giai đoạn 2 là từ sau khi làm Tùng ước trưởng, là giai đoạn thất bại về mặt thực tế. Giai đoạn 1 chúng ta tôn làm thầy, giai đoạn sau lấy làm điều răn.

Chúng tôi nghiên cứu kỹ chính sách đối ngoại của thời Xuân Thu chiến quốc, sau đó tiến hành nghiên cứu chính sách đối ngoại của ba nước Ngụy, Thục, Ngô: trong ba nước thì Ngụy là nước mạnh nhất, Thục và Ngô là hai nước yếu. Gia Cát Vũ Hầu đã cùng Lưu Bị định ra phương châm đại chính tại Long Trung, chính là Đông liên kết với Tôn Ngô, Bắc đánh Tào Ngụy, hợp sức của hai nước yếu để chống lại nước mạnh, chính là cách làm của Tô Hậu Hắc. Lịch sử gọi: Khổng Minh tự so sánh với Quản, Lạc. Tôi xin hỏi độc giả: Khổng Minh trị Thục, hơi giống với Quản Trọng trị Tề, tự so sánh mình với Quản Trọng, nếu nói xứng đáng, thành tích khi còn sống

của ông ta không có điểm nào giống với Lạc Nghị, sao lại so sánh với họ, đó là đạo lý gì? Điều này rất đáng được nghiên cứu. Xem *"Chiến Quốc Sách"*: Yên Triệu Vương muốn phạt Tề, Lạc Nghị hiến kế rằng: *"Nước Tề, công tích lưu lại của bá quốc là trước kia đã nhiều lần chiến thắng, giỏi sử dụng áo giáp binh khí, thường lập chiến công, đức vua nếu muốn tấn công, nhất định cả thiên hạ đều phải cùng mưu tính."* Do đó chủ trương liên hợp Triệu Sở Ngụy Tống lại để cùng tấn công. Khổng Minh ở Long Trung, nói với Lưu tiên đế rằng: *"Tào Tháo đã có trăm vạn tướng sĩ hùng binh, hơn nữa còn khống chế thiên tử, mượn danh nghĩa thiên tử để bắt chư hầu phục tùng, do đó hành động khôn khéo vẫn là không nên tranh đấu với chúng."* Do đó chủ chương: Tây nghị hòa với Triệu, Nam che chở Di Việt, Đông liên kết với Tôn Quyền, sau đó Bắc phạt Tào Ngụy, chính sách này hoàn toàn giống với chính sách của Lạc Nghị. Lạc Nghị từng phục mệnh Triệu Vương, đích thân đến Triệu, liên binh với Triệu, sau đó tập hợp binh lực của Sở Ngụy Tống, mới có thể đánh bại được Tề. Khổng Minh phụng mệnh đến Ngô, thuyết hòa với Tôn Quyền, hợp sức cùng đánh Tào Tháo tại Xích Bích, hành động của họ đều giống nhau, do đó, Khổng Minh tự so sánh mình với Lạc Nghị vậy. Còn về Quản Trọng, tập hợp các nước yếu để thảo phạt nước Sở hùng mạnh nhất, chính sách giống với Khổng Minh, thì càng không cần phải nói. Từ đó có thể biết được chủ trương liên Ngô phạt Ngụy của Khổng Minh cũng giống như chính sách của Quản Trọng, Lạc Nghị ngày xưa.

Thời cuối Đông Hán, thiên tử mất đi quyền thống lĩnh, quần hùng dấy lên, cũng giống như thời Xuân Thu chiến quốc, lúc Khổng Minh ẩn cư ở Nam Dương, đã cùng các danh sĩ thảo luận thời thế thiện hạ, mọi người cho rằng: Tào Tháo có thế lực mạnh nhất, nếu không liên hiệp sức mạnh trong thiên hạ, sẽ không thể tiêu diệt được, hy vọng sẽ xuất hiện những nhân tài như Quản Trọng thời Xuân Thu và Lạc Nghị thời Chiến Quốc. Khổng Minh tự hào rằng: Ta vốn có bản lĩnh của Quản Trọng và Lạc Nghị, có thể liên kết thiên hạ quần hùng, tấn công Tào Ngụy. Đó chính là cái gọi là *"tự so sánh với Quản Lạc"*. Nhưng trong sử xưa giản lược, chỉ ghi câu *"tự so sánh với Quản Trọng, Lạc Nghị"*, đã đồng loạt xóa bỏ những nghị luận của Khổng Minh với các danh sĩ. Đến khi Lưu tiên đế *"tam cố thảo lư"* [11], thì những tên như Viên Thiệu, Viên Thuật, Lã Bố, Lưu Biểu... lần lượt bị tiêu diệt , chỉ còn lại một Tôn Quyền, nên chính sách định ra ở Long Trung là Đông liên kết Tôn Ngô, Bắc tấn công Tào Ngụy. Chính sách này là đã được bàn bạc kỹ lưỡng với các danh sĩ, do đó cả đời dựa theo chính sách này mà thực hiện.

Chính sách *"liên minh các nước nhỏ yếu lại để đánh nước mạnh"* là do Tô Tần nghiền ngẫm trong suốt một năm mới nghiên cứu ra, đây là chính sách mà Khổng Minh đã cùng các danh sĩ luận bàn được khi ẩn cư ở Nam Dương, trong đó hàm chứa đạo lý vô cùng sâu sắc. Mọi người gọi Khổng Minh là tài năng bên cạnh đế vương, chẳng biết rằng: Khổng Minh không chịu yên ổn, rất gần Đạo gia, những sách mà ông

đọc khi còn sống chỉ là hai bộ Hậu Hắc giáo khoa thô thiển nhất, bộ thứ nhất là Hàn Phi Tử, bộ thứ hai là Chiến Quốc Sách, kỹ thuật trị quốc của ông ấy, chỉ học theo Thân Hàn [12], từng viết Thân Hàn để dạy hậu chúa, sách của Thân Tử không truyền lại, đợi đến khi tôi giảng về Hậu Hắc chính trị sẽ bàn luận sau. Chính sách ngoại giao của ông chỉ làm theo Tô Tần. Trong Chiến Quốc Sách, Tô Tần nói với Hàn Vương rằng: *"Thần nghe Bỉ ngạn nói rằng: 'Thà làm miệng gà chứ không làm đít trâu.' Nay đại vương đã chắp tay ở phía Tây, dùng đạo bề tôi để phục dịch nước Tần, khác gì vớt đít trâu chứ?"* Hàn Vương tức giận biến sắc, xắn tay vịn kiếm, ngửa lên trời than rằng: *"Quả nhân tuy chết, cũng không thể phục tùng nước Tần." "Tam Quốc Chí"* ghi rằng: Khổng Minh nói với Tôn Quyền, bảo ông ta bỏ vũ khí đầu hàng, phía Bắc hàng Tào, Tông Quyền giận dữ nói rằng: Ta không thể mang toàn bộ lãnh thổ của nước Ngô và mười vạn đại quân cho kẻ khác điều khiển! Chúng ta đối chiếu quan điểm của họ, chính sách của Khổng Minh, há chẳng phải là giống với Tô Hậu Hắc sao?

Chính sách *"liên minh các nước yếu lại để đánh nước mạnh"*, nếu không quy hoạch chung toàn cục mà xem xét từ góc độ lớn sẽ không thể nhìn thấy được. Chính sách này ở Thục chỉ có một mình Khổng Minh có thể hiểu được, ở Ngô chỉ có một mình Lỗ Túc là có thể hiểu rõ. Lỗ Túc chủ trương thâu tóm Kinh Châu, liên hợp với Lưu bị, tầm nhìn xa trông rộng của ông ấy, cơ hồ muốn trên cả Khổng Minh. Quan Vũ nước Thục, Chu Du nước Ngô, Lã Mông, Lục Tốn đều xưng là anh hùng hào kiệt, nhưng chỉ nhìn thấy lợi hại nhỏ trước mắt, không hiểu gì về chính sách lớn này cả. Lưu Bị Tôn Quyền có hiểu chút ít, nhưng đáng tiếc là không hiểu rõ ràng, nên không nắm vững, lúc thì liên kết, lúc thì tan rã, sau khi tan rã, thì lại liên kết. Người hiểu rõ nhất chính là Tào Tháo. ông ta nghe nói Tôn Quyền đem Kinh Châu cậy nhờ Lưu Bị, hai người liên hợp lại, bút đang cầm trong tay cũng rơi xuống. Thực ra, Tôn Lưu liên kết, chẳng qua là sao chép lại bản cũ của Tô Hậu Hắc, Tào Tháo là kẻ gian hùng thiên cổ, nghe xong cũng kinh hồng bạt vía, cho thấy sự lộ hại của cách làm này.

Từ sự nghiên cứu trên, có được kết luận sau: *"Ngày nay, nếu Gia Cát Vũ Hầu phục sinh, chính sách của ông ấy nhất định là: Đẩy lui liên hiệp quốc tế, tổ chức liên minh các dân tộc nhỏ yếu trên thế giới để chống lại các đại cường quốc."*

Khổng Mạnh nói đạo đức, mưu sĩ thời Chiến Quốc, ắt nói đến sự lợi hại, người bình thường biết được có lợi hại, nhưng không biết có đạo đức, do đó suốt đời của Khổng Mạnh vẫn không gặp được cơ may, còn các mưu sinh ắt sẽ cùng bàn bạc và đạt được vẻ vang của khanh tướng. Tô Tần nói sáu nước răm rắp làm theo. Xin hỏi, cùng một sự việc, tại sao dùng hai thuyết cực đoan tương phản và có thể rung động lòng người? Rốt cuộc hai thuyết của Nghi và Tần thì cái nào có chân lý hơn? Cái nào không phải là chân lý? Chúng ta nên hiểu rõ vấn đề này, trước tiên nên hiểu rõ con người trong xã hội đều có một quy luật chung, quy luật chung đó như thế nào? Chính

là "lợi hại nhỏ trước mắt và lợi hại lớn sau này, luôn luôn tương phản nhau". Chẳng hạn như, nhịn thèm khát, lao động gân cốt, chính là cái hại nhỏ trước mắt, nhưng sau này sẽ có vô vàn hạnh phúc, tức là cái lợi lớn vậy. Tham tài sắc, ham mê yên vui, đây chính là cái lợi nhỏ trước mắt, nhưng sau này sẽ có rất nhiều họa tai, tức là cái hại lớn vậy. Tô Tần nói sáu nước liên minh, được lập luận từ cái lợi hại to lớn sau này. Trương Nghi giải phóng liên minh, được lập luận từ cái lợi hại nhỏ trước mắt, người bình thường có cách nhìn thiển cận, tuy xem Quan Vũ, Chu Du, Lã Mông, Lục Tốn là những bậc tài trí, còn khó tránh bị mê hoặc bởi những cái lợi hại nhỏ trước mắt, huống hồ các bậc hôn quân của sáu nước, nên lời nói của Trương Nghi, vừa nói là đã lọt tai.

Chúng tôi đề xướng *"liên minh các dân tộc nhỏ yếu"*, người nghe ắt rất kinh ngạc, cho rằng thế lực của chủ nghĩa đế quốc lớn mạnh như vậy, chúng ta tổ chức liên minh các dân tộc nhỏ yếu lại, chẳng phải là sẽ trêu tức chúng và chuốc lấy diệt vong sao? Mối lo ngại này, người dân bình thường ai cũng có, các vị vua của sáu nước lúc đó, cũng có nỗi lo ngại này, Trương Nghi biết họ nhát gan, bèn hù dọa rằng: *"Nếu các người làm như vậy, nước Tần sẽ đánh các người như thế nào. Tôi khuyên các người nên hướng về phía Tây mà phục dịch nước Tần, sau này sẽ có lợi ích."* Sáu nước nghe theo lời của ông ta, lần lượt từng nước bị Tần tiêu diệt. Các vị hãy thử lấy Chiến Quốc Sách đọc kỹ một lần là biết được những lời mà Trương Nghị nói với sáu nước, hoàn toàn giống với việc hù dọa các dân tộc nhỏ yếu của chủ nghĩa đế quốc hiện nay. Dùng sự thật lịch sử để chứng minh, nếu nghe theo lời của Trương Nghi ắt sẽ diệt vong, có thể thấy rằng, chủ trương của Tô Tầm là đúng. Luận giả ngày nay sợ trêu tức chủ nghĩa đế quốc, nên không dám tổ chức liên minh các dân tộc nhỏ yếu, vừa hay lại đi vào con đường của Trương Nghi.

Tô Tần tự cho mình không sánh kịp với bạn học Trương Nghi, sau này trở về nhà, dùng dùi đâm vào đùi, nghiền ngẫm một năm trời, lại thêm một phen khổ công rèn luyện, nên lực học của ông ngày càng vượt xa Trương Nghi, lời nói ra quả thật có chân lý. Mạnh Tử nói với Tề Tuyên Vương rằng: *"Đất đai trong tứ hải, bao la ngàn dặm và được chia thành Cửu Châu (9 khu vực), tập trung lại có 1/9, anh lấy 1/9 để chinh phục 8/9 còn lại, chẳng phải giống với lấy Trâu địch Sở sao?"* Cách nói này, dường như là khẩu khí của hợp tung. Mạnh Tử chế nhạo Công Tôn Diễn, Trương Nghi lấy phục tùng làm nguyên tắc, là đạo của người vợ, chỉ chưa nói đến Tô Tần thôi. Chúng tôi nghiên cứu kỹ lưỡng, việc Công Tôn Diễn, Trương Nghi phục tùng nước Tần giống như người vợ phục tùng người chồng, lấy phục tùng làm nguyên tắc, như Tô Tần phản kháng lại nước Tần, chính là bậc đại trượng phu *"uy võ không thể khuất phục"* mà Mạnh Tử đã nói.

Học thuyết của Mạnh Tử mang nhiều tính độc lập. Chúng ta đọc Mạnh Tử đáp lại câu hỏi *"phục tùng Tề hay Sở"* của Đằng Văn Công, đáp lại cậu hỏi *"nước Tề*

muốn xây dựng thành Tiết", đáp lại câu hỏi *"phục tùng nước lớn ắt không thể tránh khỏi"*, tinh thần độc lập, bừng lên sống động trên trang giấy. Giả như Mạnh Tử sinh ra trong thời đại ngày nay, tuyệt đối không sống nhờ vào người khác, tuyệt đối không chấp nhận điều kiện mất quyền nhục nước.

Chân lý của vũ trụ, chỉ cần có thể nghiên cứu một cách triệt để, thì kết quả thu được, đều giống như nahu, cho nên chính sách *"tôn Chu trờ Di"* của Quản Trọng có quy tắc phù hợp với Xuân Thu của Khổng Tử; chính sách *"tập hợp các nước yếu để chống lại cường quốc"* của Tô Tần có quy tắc phù hợp với học thuyết của Mạnh Tử; *"Tư Trị Thông Giám"* của Tư Mã Quang cũng nói hợp tung là lợi ích của sáu nước, đủ chứng minh chính sách của Tô Tần là đúng đắn. Tôi giảng Hậu Hắc Học có hai câu bí quyết: *"Hậu Hắc ở bên trong, nhân nghĩa ở bên ngoài."* Giả như chúng ta công bố rõ ràng với mọi người rằng: *"Chúng ta nên bắt chước theo cách liên minh sáu nước của Tô Tần, kết hợp các dân tộc nhỏ yếu trên thế giới."* Mọi người sẽ ngạc nhiên nói rằng: *"Tô Tần nói về Hậu Hắc, là nhân vật hàng đầu Lý điên, lời nói của hắn ta có thể tin được không? Tin rồi sẽ mất nước ngay."* Chúng tôi cãi lại rằng: *"Đây chính là di ý của Khổng Mạnh, là chính sách của Gia Cát Vũ Hầu, là chủ trương của Tư Mã Ôn Công."* Người nghe ắt sẽ nhiệt liệt đón nhận.

Đại trượng phu thà làm miệng gà chứ không làm đít trâu, thà là ngọc vỡ chứ không làm ngói lành. Chúng tôi chọn ra người tài giỏi nhất để làm thống lĩnh những người cừ nhất nước tôi nhưng vẫn không tìm được, mọi việc đều do các nước mạnh chỉ đâu đánh đó, tai họa mất nước gần ngay trước mặt. Nếu ngồi đó mà chờ chết, chi bằng hãy đứng lên tấn công; nếu nương nhờ người khác, chịu sự thả sức xâu xé của nước mạnh, chỉ bằng lùi lại và làm minh chủ của các dân tộc nhỏ yếu, sau đó đọ sức ngang nhau với các nước mạnh? Ý nghĩa của Xuân Thu, tuy thất bại nhưng vẫn quang vinh hơn là không ngừng chiến thắng.

Lý Đặc đời Tấn vào đất Ngô, ngắm nhìn hình thế sông núi, than rằng: *"Lưu Thiện có sông núi như vậy mà đầu hàng kẻ khác, chẳng phaỉ là kẻ bất tài sao?"* Nước đôi có đất đai dân cư như vậy, bị Tam Đảo giáp phía Đông quản chế, sau ngàn năm vạn tuế, người học sử sẽ gọi như thế nào? Ta đâu giỏi nói về Hậu Hắc, ta bất đắc dĩ thôi, phàm là dân chúng nước tôi, hãy mau đứng lên, tấn công bọn cường quốc!

Có hình thế cục diện của Xuân Thu Chiến Quốc, chính sách cảu Quản Trọng Tô Tần lần lượt sinh ra gặp thời, có hình thế cục diện ngày nay, chính sách của Wilson cũng là sinh ra đúng dịp, chủ trương liên minh quốc tế của Wilson đại loại cũng giống với chính sách của Quản và Tô, chủ trương của ông tuy đúng, nhưng rốt cuộc không thể thành công, cũng giống như Tô Tần vậy. Tuy nhiên chúng ta hãy suy luận từ góc độ nguyên lý khoa học, nếu muốn toàn thế giới hòa bình vĩnh cửu, thì nhất định phải đi theo con đường của Quản Trọng và Tô Tần, nhất định phải đi theo con đường của Wilson. Liên minh quốc tế hiện nay đã lâu đời không còn thích hợp sử dụng nữa, nên

tiêu hủy chúng đi, nước tôi đã phát động thành lập một tổ chức *"liên minh các dân tộc nhỏ yếu"* riêng.

Wilson đề ra khẩu hiệu *"dân tộc tự quyết"*, nhận được sự hoan nghênh của các dân tộc nhỏ yếu. Chúng tôi tổ chức liên minh các nước nhỏ yếu, nằm ngoài *"dân tộc tự quyết"*, lại thêm khẩu hiệu *"hỗ trợ các dân tộc nhỏ yếu"*, đối nội tự quyết, đối ngoại hỗ trợ, đương nhiên càng được hoan nghênh. Hơn nữa, Wilson chẳng qua chỉ hô khẩu hiệu, còn chúng tôi tổ chức liên minh các dân tộc nhỏ yếu là có cơ quan đặc biệt dẫn dắt, càng dễ dàng thành công.

Chủ trương *"dân tộc tự quyết"* của Wilson, sở dĩ thất bại là vì bản thân nó có mẫu thuẫn. Họ là những dân tộc bị áp bức, Wilson là đại biểu nước Mỹ, mà nước Mỹ là một trong các cường quốc, là đứng trên lập trường của kẻ áp bức. Cá nhân Wlison tuy có chủ trương này, ông ấy làm sao không giống lập trường của nước Mỹ chứ? Nước tôi và các dân tộc nhỏ yếu cùng đứng trên một lập trường, nên đề xướng dân tộc tự quyết và thành lập liên minh các dân tộc nhỏ yếu, cùng nhau tương trợ nên đã quyết định thành công vậy.

Còn về việc sở dĩ Wilson thất bại trong hội nghị hòa bình là do ông ấy xuất thân không thoát khỏi bản sắc thư sinh, chưa từng nghiên cứu Hậu Hắc Học. Thời gian đầu Mỹ tham chiến, đề ra 14 nguyên tắc, chủ trương dân tộc tự quyết. Hội nghị hòa bình Pari sơ khai, các dân tộc nhỏ yếu trên toàn thế giới đều xem Wilson như vị cứu thế, cho rằng những đau khổ của họ có thể giải trờ ở hội nghị hòa bình. Chẳng ngờ Georges – Louis của Anh, Kley Monthir của Pháp là người nghiên cứu rất kỹ Hậu Hắc Học. Kley Monthir có biệt danh là *"sau mẹ lớn"* cực kỳ hung hãn, mới nghe Wilson danh tiếng lừng lẫy nhưng sau khi gặp mặt, mới biết là tài hèn sức mọn, luôn luôn nhạo báng, thậm chí nói rằng: *"Thượng đế chỉ có 10 điều răn, ông đề ra 14 nguyên tắc, còn nhiều hơn thượng đế 4 điều, chỉ dành đem đi thi hành ở thiên quốc."* Wilson đành phải nhẫn nhịn. Về sau, đại biểu toàn quyền Ý hạ cờ về nước, đại biểu toàn quyên Nhật Bản cũng phải hạ cờ lui về nước, làm cho Wilson vô cùng sợ hãi, cúi đầu nghe theo, tiếp nhận yêu cầu của chúng, còn bốn chữ *"dân tộc tự quyết"* cũng dần vỡ tan.

Ví như tôi là Wilson, tôi sẽ giả điên giả dại, mặc kệ sự nhạo báng của chúng, ngồi trên ghế hội nghị hòa bình, không nói lời nào, đợi đến khi Ý hạ cờ về nước, Nhật Bản hạ cờ về nước, chúng đã cút ra khỏi bờ cõi, mới bất ngờ đứng dậy, vỗ bàn nói rằng: *"Các ngươi muốn làm như thế sao? Ban đầu tôi đề ra 14 nguyên tắc, chủ trương dân tộc tự quyết, các người đã đồng ý rồi, nước Mỹ tôi mới tham chiến, nhưng hôm nay các người làm như vậy, làm tôi thất tín với dân chúng nước Mỹ, thất tín với các dân tộc nhỏ yếu trên toàn thế giới, hôm nay đành phải thống lĩnh toàn bộ các dân tộc nhỏ yếu trên toàn thế giới quyết đấu một trận sống chết với bốn nước Anh Pháp Ý Nhật các người, mới có thể thấy nên thông cảm cho hậu thế thiên hạ.*

Ông nói 14 nguyên tắc của tôi nên thi hành ở thiên quốc, ông xem chỉ trong một tuần, tôi sẽ nhuộm đỏ máu tươi trên khắp địa cầu này, trong máu tươi này sẽ xuất hiện một thiên quốc và cùng xem với ông!" Nói xong, rút khỏi hội nghị hòa bình, vận dụng cách hàn nồi của tôi, đập vỡ đít nồi rồi nói, trong 30 phút, thông báo cho toàn thế giới, kêu gọi các dân tộc nhỏ yếu nhất tề đứng lên phản kích lại bọn cường quốc, do nước Mỹ chỉ huy chiến đấu. Cứ như vậy, xin hỏi Anh Pháp dám khai chiến không? Ngày nay sự thật đều hiện diện, chúng ta có thể nghiên cứu một chút, sức chiến đấu của nước Đức hoàn toàn không bị tổn thất, điều đau đớn nhất chính là thức ăn đã bị bọn cường quốc phong tỏa. Đành phải nhận tiếp tế lương thực của chúng, chỉ cần một nước Đức là đủ để đối phó với Anh Pháp. Thời gian đầu của đại chiến, Anh Pháp cho thuộc địa rất nhiều quyền lợi, các dân tộc nhỏ yếu vứt bỏ thù hằn ngày trước, cùng nhau tương trợ. Gandhi của Ấn Độ cũng kêu gọi đồng đảng của mình giúp đỡ nước Anh, mong muốn sau khi chiến thắng, có thể ngẩng đầu lên, nào ngờ trong hội nghị hòa bình, bọn cường quốc nuốt lời, các dân tộc nhỏ yếu đang ngậm máu phun người. Có chủ trương của Wilson, còn không lập tức quay giáo sao? Hơn nữa, nước Mỹ là quân tăng cường , quốc gia lại giàu có, Anh Pháp đã sức tàn lực kiệt, nếu tiến hành khai chiến, có thể khẳng định rằng: Trong vòng một tuần, chắc chắn sẽ đánh cho bọn Anh Pháp tan tác tả tơi. Trận hỏa chiến này, xin hỏi Anh Pháp có dám đánh không? Nếu muốn nước Mỹ tôi không đánh, trừ phi hãy thi hành từng điều trong 14 nguyên tắc của tôi, đồng thời cần phải cho thêm một chút lợi ích, đặc biệt phải thêm vào hai điều. Tại sao lại như vậy? Vì nước Anh Pháp các người, vốn không tín nghĩa, điều kiện rõ ràng đã được đồng ý cũng nuốt lời hứa, cho nên, ngoài 14 điều trên, nhất định phải thêm vào hai điều để bảo đảm hơn. Nếu Wilson quả nhiên làm như vậy, lẽ nào chủ trương dân tộc tự quyết không thể thực hiện sao? Tiếc rằng, Wilson vừa nhìn thấy sứ thần của Ý và Nhật Bản hạ cờ rút quân về nước thì chân tay luống cuống, dùng *"cách cưa mũi tên"* cho xong chuyện, lại làm mất đi cơ hội ngàn năm có một này, tiêc thay! tiếc thay! Không lâu sau, đầu mũi tên ở bên trong lần lượt phát huy tác dụng, bốn tỉnh đông bắc nước tôi, vô cớ mất đi, Ethiopian vô cớ bị Ý tàn phá. Cuộc đại chiến thế giới lần thứ hai sắp bùng nổ. Tất cả những điều này, đều do Wilson trong hội nghị hào bình thiếu đi một cái vỗ bàn. Vì vậy, Hậu Hắc Học không thể không nói!

Cách làm trên, với học thức của Wilson lẽ nào ông ta không nhìn thấy? Nói Wilson là con mọt sách, không hiểu Hậu Hắc Học, những người cùng đi với ông ta đến hội nghị hòa bình có biết bao nhân tài chuyên môn, biết bao nhà ngoại giao, ai ai cũng là người tới lui chốn Hậu Hắc, lẽ nào kỹ thuật Hậu Hắc thô thiển nông cạn này cũng không hiểu được, còn chờ Lý điên này nói sao? Bọn họ hiểu thì có hiểu, nhưng không muốn làm như vậy, nguyên nhân chính là các dân tộc nhỏ yếu là những kẻ bị áp bức, nước Mỹ là một trong những kẻ áp bức.

Wilson đề ra bốn chữ *"dân tộc tự quyết"* đã mâu thuận với lập trường của nước

ông ta. Nhật Bản là nước nghiên cứu rất kỹ Hậu Hắc Học, nhìn thấy được Wilson có nhược diểm này, liền đề ra *"nhân loại bình đẳng"*, đánh thẳng vào nhược điểm của ông ta. Nhưng Wilson là người thông minh thiên bẩm, ông ta chưa hề đọc qua bản dịch của Hậu Hắc Học, lại hiểu được triết lý cảu Hậu Hắc Học, ông ta biết rõ chủ trương dân tộc tự quyết thì các cường quốc sẽ không đồng ý, lại khua chiêng đánh trống ầm ĩ, đến nỗi làm chấn động cả thế gian, đó chính là *"cách hàn nồi"* trong *"hai cách làm việc khéo léo"* của bỉ nhân, gõ vào vết nứt của nồi cho nứt dài thêm, nhân đó mà tự đề cao mình, chờ đến khi đại biểu toàn quyền của Ý và Nhật Bản hạ cờ rút lui về nước, ông ta liền qua loa cho xong chuyện. Wilson có thể nói với thế giới rằng: *"Chủ trương dân tộc tự quyết, sở dĩ không thể quán triệt được, không phải do tôi không tận sức, mà tiếc hoàn cảnh không cho phép! Tiếc rằng Anh Pháp Ý Nhật đều không đồng ý."* Không khác gì bác sĩ ngoại khoa nói với mọi người: *"Tôi chỉ cưa thân mũi tên chứ không lấy đầu mũi tên ra, không phải bác sĩ ngoại khoa không tận lực, mà tiếc rằng bác sĩ nội khoa khoanh tay đứng nhìn."* Ôi, Wilson quả thật là thánh nhân của giới Hậu Hắc ư?

Bát cổ tiên sinh của Trung Quốc có nói: *"Đông Hải có thánh nhân, Tây Hải có thánh nhân, nội tâm của ông ta giống điều này, đạo lý của ông ta cũng giống như vậy."* Tôi phát minh cách làm hàn nồi cưa mũi tên, đây chính là thánh nhân phương Đông tiên tri tiên giác vậy. Wilson thực hành cách hàn nồi, cưa mũi tên, không cần miễn cưỡng xử lý sự hợp lý với người khác, không cần để tâm suy nghĩ tìm tòi ngôn ngữ hành động tỏa đáng, tuy muốn không gọi là Tây phương thánh nhân cũng không thể được.

Tôi rất hoài nghi ngày ấy: Wilson xuất thân từ sách cảu Lão giáo, là một con mọt sách, sao có thể hiểu được cách hàn nồi và cưa mũi tên? Về sau, tôi khảo sát rất nhiều, mới biết rằng đứng phía sau ông ấy có một vị quân sư, ông ta là một nhà âm mưu nổi tiếng, là trí óc của Wilson. Wilson làm tổng thống, ông ta ra sức nhiều nhất. Đa số các thành viên nội các đều do ông ta tiến cử. Các vấn đề như nước Mỹ tuyệt giao tham chiến, vẫn đề Sơn Đông đều là chủ trương của ông ấy. Ông ta chuyên đứng sau điều khiển, Wilson chẳng qua chỉ là bù nhìn mà thôi. Wilson nghe theo và tin tưởng lời nói của ông ta, giống như Lưu Bang nghe và tin Trương Tử Phòng. Nếu chúng ta thừa nhận Lưu Bang là Hậu Hắc thánh nhân, thì có gọi Wilson là Hậu Hắc thánh nhân, cũng không quá khen.

Người bình thường đều cho rằng hội nghị Pari, Wilson Hậu Hắc thất bại, chẳng biết rằng sự thất bại của Wilson cũng tức là sự thành công của Wilson; ông là tổng thống Mỹ thứ 28, thử hỏi: Các vị tổng thống trước đay, các vị độc giả còn nhớ tên được mấy người? Tôi nghĩ, ngoài Washington và Lincoln danh tiếng lừng lẫy ra, người thứ ba e rằng phải kể đến Wilson. Ai phê bình như thế nào đi nữa, thì ông ta vẫn được xem là nhân vật nổi tiếng trong lịch sử. Hỏi rằng ông ta rèn luyện như thế nào mà có

được như vậy, chẳng qua là dùng cách vá nồi và cưa mũi tên mà thôi, giả sử ông ta không hiểu gì về Hậu Hắc Học, thì chỉ trà trộn giữa 27 vị tổng thống trước kia, danh tính khi mờ, khi tỏ, cái tên Wilson sao có thể vang vang bên tai được? Chính là công dụng to lớn của Hậu Hắc đấy! Thành công thì có thể xây dựng sự nghiệp hưng thịnh ngàn năm bất hủ, thất bại thì cũng lưu danh cùng vũ trụ, các vị đọc giả, hãy nhanh chân bái tôi làm thầy, chỉ cần làm cho mặt trở nên dày, tâm trở nên đen, thì khi bước ra vũ đài thế giới bảo đảm sẽ lưu danh thiên cổ, bảo đảm các vị sẽ đánh cho bọn cường quốc trên thế giới phải bỏ gươm giáo binh sĩ mà tháo chạy.

Hội nghị Pari tập hợp các nhà Hậu Hắc trên thế giới tìm cách hất cẳng nhau, giống như một trận so tài trên vũ đài của quyền thuật gia. Chúng ta ở dưới đài, nhìn thấy rất rõ quyền pháp của họ, nên dùng quyền pháp nào mới có thể đánh bại họ thì người ở dưới đài biết rõ nhất, người trên dài ngược lại thản nhiên không nhận ra. Lúc đầu Wilson đề ra chủ trương *"dân tộc tự quyết"* đã nhận được sự hoan nghênh của các dân tộc nhỏ yếu, vô cùng căm ghét bọn Anh Pháp Nhật, từ đó có thể thấy rằng bốn chữ *"dân tộc tự quyết"* có thể đánh vào chỗ hiểm của bọn cường quốc. Sau này Nhật Bản đề ra chủ trương *"nhân loại bình đẳng"*, Wilson liền im phăng phắc, chủ trương *"dân tộc tự quyết"* bị xóa tan một cách vô hình, từ đó có thể thấy bốn chữ *"nhân loại bình đẳng"* có thể đánh trúng vào chỗ hiểm của người Âu Mỹ. Nếu nước tôi đề xướng chủ trương *"liên minh các dân tộc nhỏ yếu"* và kết hợp chủ trương *"dân tộc tự quyết"* của Wilson với chủ trương *"nhân loại bình đẳng"* của Nhật Bản, há chẳng phải hoàn toàn có thể đánh trúng vào chỗ hiểm của bọn chúng sao?

Mỹ và Nhật đều đứng trên lập trường của kẻ đàn áp, chủ trương *"dân tộc tự quyết"* của Wilson và chủ trương *"nhân loại bình đẳng"* của Nhật Bản, chẳng qua chỉ là nói suông, hoàn toàn không có quyết tâm thực hiện, nhưng đã làm kinh động cả thế gian, hù dọa được bọn cường quốc; nước tôi đứng trên lập trường của người bị áp bức, thực hiện theo con đườn này, lời nói như thế nào thì trên thực tế làm như thế đó, đồng thời cố gắng thực hiện, đương nhiên thu được hiệu quả rất lớn.

Chẳng hạn như đánh trận, trước tiên phải thám thính một chút, sau đó dẫn binh đánh thử một chút, mới biết được chỗ nào của địch là hư, chỗ nào là thực, rồi tìm hiểu kỹ lưỡng những cái hư thực đó, sau đó mới tấn công ào ạt vào yếu điểm của chúng. Lục Tốn đánh bại Lưu tiên đế, chính là vì đã sử dụng phương pháp này. Lưu tiên đế liên doanh 700 dặm, Lục Tốn trước tiên tấn công vào một doanh trại yếu, bèn nói với mọi người rằng: *"Chỗ hư của chúng, ta đã biết rồi, ta đã có cách phá nó."* Thế là phóng hỏa thiêu rụi, lần lượt toàn quân của Lưu tiên đế thất bại thảm hại. Wilson đề ra chủ trương *"dân tộc tự quyết"* đã làm chấn động thiên hạ, xem như là dẫn binh đánh thử một chút vào bọn cường địch. Mấy vị Hậu Hắc gia của họ sẽ bộc lộ ra hết những yếu diểm của mình. Chúng ta sẽ tấn công ào ạt vào yếu điểm đó, đế quốc chủ nghĩa của chúng đương nhiên có thể nhất tề bị tiêu diệt.

Sự thất bại của Lưu tiên đế là do liên doanh 700 dặ, chiến tuyến quá rộng. Lục Tốn lệnh cho binh sĩ mỗi người mang theo một bó cỏ, cách một doanh trại thì phóng hỏa đốt một doanh trại, đồng loạt hành động, Lưu tiên đế không còn ngõ chạy, lần lượt toàn quân thất bại thảm hại. Thuộc địa của các cường quốc quá nhiều, giống như Lưu tiên đế liên doanh 700 dặm vậy. Chúng ta tập hợp các dân tộc nhỏ yếu trên toàn thế giới, đồng loạt hành động, giống như Lục Tốn thiêu rụi liên doanh, khắp nơi đỏ rực, các cường quốc không lối thoát, chủ nghĩa đế quốc của chúng đương nhiên sẽ thất bại thảm hại. Nước Anh khoe khoang rằng: Phàm là nơi có mặt trời chiếu rọi, đều có cờ của quốc gia Anh. Chúng ta tổ chức xong *"Hội liên hiệp các dân tộc nhỏ yếu"*, có thể nói: Phàm là nơi có mặt trời chiếu rọi, người Anh quốc đều nên bị đánh.

Lưu tiên đế đã trải qua trăm trận, nên rất tự cao, cho rằng Lục Tốn là thiếu niên, nên rất xem thường. Nào ngờ rằng, Lục Tốn có thể nhẫn nhục để gánh vác việc lớn, là nhân tài mới nổi trong giới Hậu Hắc, bất ngờ nổi lên, xuất kỳ bất ý, đánh cho lão Hậu Hắc thất bại thảm hại. Bọn chủ nghĩa đế quốc khing thường chúng ta, tự cao tự đại, nước ta chịu sự ức hiếp, mọi việc đều nhượng bộ, nhẫn nhục mà gánh vác việc lớn, đã từ rất lâu, đương nhiên phải học Lục Tốn, bất ngờ nổi dậy, ra sức tấn công.

Tôi là tu nghiệp sinh của trường Bát cổ, Bát cổ của Trung Quốc uyên bác tinh thâm, quả thật là vẻ đẹp của tông miếu, sự giàu có của bá quan. Tôi học hành 10 năm, chỉ cso thể gọi là tu nghiệp sinh, không dám nói đã tốt nghiệp. Tôi viết Bát cổ có hai bí quyết: một là sao chép bản cổ, hai là bài văn phiên án. Thầy ra đề bài, tôi tìm một đề văn tượng tự, sửa đổi chữ số một chút, rửa tay đề chữ, gọi là sao chép bản cổ. Tôi chủ trương liên minh các dân tộc nhỏ yếu, đây là sao chép bản cổ của Quản Trọng, Tô Tần và Gia Cát Lượng. Mọi người thường nói, bí đao không làm nên cái nồi, tôi nói, bí đao có thể làm nồi, hơn nữa, nồi được làm từ bí đao sẽ tốt hơn bất cứ nồi nào trên thế giới. Sao lại nói như vậy? Nồi trên thế giới chỉ có thể ăn được những thứ bên trong nồi, còn cái nồi thì không ăn được, chỉ có nồi làm từ bí đao thì ngay cả nồi cũng có thể ăn được. Cách nói này, đây gọi là bài văn phiên án. Tôi nói: Hậu Hắc có thể cứu quốc, giống như bí đao có thể làm nồi, cho nên, học thuyết của tôi có tác dụng thiết thực nhất là có thể làm cơm ăn.

Sao chép bản cổ luôn phải tỏ ra cao siêu, Gia Cát Vũ Hầu trị quốc làm theo Thân Hàn, ngoại giao làm theo Tô Tần, rõ ràng là học hỏi khắp nơi, hậu nhân lại nói ông ta có khí chất Nho giả , rõ ràng là nhân tài bên cạnh cường hào, lại nói là nhân tàu bên cạnh đế vương. Ông ta có thể xem là bậc kỳ tài về sao chép bản cổ.

Người sao chép văn tự chỉ thích sao chép văn có kiểu Trung Quốc, chẳng biết rằng nên sao chép bài chưa được tuyển chọn, bốn chữ "chủ nghĩa nhiệt huyết" là văn được viết theo kiểu Trung Quốc của Bismarck, chúng ta tuyệt đối không được sao chép, bốn chữ *"nhân loại bình đẳng"* là thứ chưa được tuyển chọn của Nhật Bản, nếu rửa tay đề bút nhất định sẽ đỗ cao. Những chuyện như biến cố 918, thà nói với liên

minh quốc tế, nói với các nước Anh Mỹ, chi bằng hãy nói với những nước man di như Phi Châu, Úc Châu, nói với những vong quốc như Cao Ly, Đài Loan, nhìn từ bên ngoài, giống như là viết bài văn phiên án, nhưng thực ra là sao chép bài chưa được tuyển chọn của Wilson, sao chép bài chưa được tuyển chọn cảu Nhật Bản.

Trước kia, khi Tứ Xuyên chưa sửa chữa đường sá, mỗi khi đi đường, nhìn thấy xe đẩy, xe nâng, xe ngựa thồ, gánh nước... đi đi lại lại giống như đàn kiến, chỗ rộng rãi bằng phẳng thì yên ổn đi qua, đến đoạn đường hẹp, liền mắng chửi lẫn nhau ỏm tỏi, anh chửi tôi đi sai đường, tôi chửi anh đi sai đường. Trong lòng tôi thầm nghĩ: Đi sai đường là như thế nào, chẳng qua là vì con đường nhỏ hẹp. Các tổ chức và chính quyền nước tôi tập trung ở phía trên, bất luận anh có hoài bão gì, nếu không nắm được chính quyền thì không thể phát huy được. Thế là, anh nói tôi sai, tôi nói anh sai, thật ra là đúng, trên vũ đài chính trị, địa vị có hạn, nên không thể dung nạp nhiều người, giống như đi đến đoạn đường hẹp vậy. Chẳng trách sao các chí sĩ trong nước cứ cãi nhau không ngừng.

Nói về ngoại giao, chúng ta mở rộng con đường để đi, không được dồn trách nhiệm cho vài nhà lãnh đạo. Đường rộng là như thế nào? Chủ trương đề xướng tổ chức liên minh các dân tộc nhỏ yếu là con đường vô cùng rộng rãi, vũ dài rất lớn, mặc dù có vài người cũng có thể dung nạp được. Đảm nhiệm rất nhiều công việc ở nước ngoài. Mục tiêu của toàn thể nhân dân đều tập trung vào một điểm là liên minh các dân tộc nhỏ yếu, từng tia sức mạnh sẽ không xung đột với nahu, không nói là hợp tác nhưng trong đó đã có sự hợp tác. Có dại lộ rộng rãi bằng phẳng này thì vũ đài chính trị chỉ là một bộ phận nhỏ, không cần tranh giành chính quyền thì công tác cứu quốc cũng có thể biểu hiện được. Trong các dảng cũng không cần cãi vã ầm ĩ nữa.

Ở nước Dân chủ, nhân dân là hoàng đế, đáng tiếc là bá tánh nước tôi không muốn làm hoàng đế anh minh, mọi người đều tự coi mình là A Đẩu [13], hy vọng xuất hiện một Gia Cát Lượng, đánh bại bọn Nhật Bản, đánh bại bọn cường quốc, tất cả A Đẩu đều thích ngồi không hưởng thụ. Tôi không kìm được mà thốt lên rằng: Bệ hạ sai lầm ư! A Đẩu là chủ của vong quốc! Có A Đẩu là sẽ có Hoàng Đạo, Gia Cát Lượng ngàn năm không xuất hiện, hơn nữa ắt tam cố sau này sẽ xuất hiện, Hoàng Đạo có mặt khắp mọi nơi, không mời mà đến. Nước tôi sở dĩ cận kề nguy cơ mất nước, chính là vì bá tánh cả nước đều tự xem mình là A Đẩu. Tôi đành phải trích dẫn nguyên văn một câu trong *"Xuất Sư Biểu"* rằng: *"Bệ hạ không nên không biết tự trọng, coi nhẹ giá trị của bản thân."* Chúng sao không xem mình là một Gia Cát Lượng, là một Lưu tiên đế. Hậu Hắc giáo chủ tôi đây, đánh bạo xem mình là Gia Cát Lượng, tôi viết *"Hậu Hắc tùng thoại"* chính là *"Long Trung đổi"* của tôi. Tôi hy vọng các vị độc giả đều trở thành Gia Cát Lượng, mỗi người đề xướng một chủ trương, bao nhiêu người sẽ có bấy nhiêu bài *"Long Trung đổi."* Đồng thời, chúng ta cũng hóa thân thành Lưu tiên đế, thực hiện công tác liên Ngô phạt Ngụy, nghĩ ra nhiều cách liên kết thống nhất các

nước chậm tiến như Phi Châu, Úc Châu với các vong quốc như Cao Ly, Ấn Độ, An Anm, Miến Điện, tiến đánh chủ nghĩa đế quốc.

Muốn nước nhà độc lập, trước tiên pahir mưu cầu cho bà tánh độc lập, hàng ngàn hàng vạn tai sức mạnh chĩa thẳng về phía cường quốc, nếu muốn nước nhà không độc lập cũng không được. Hỏi rằng: Hàng ngàn hàng vạn tia sức mạnh thì làm thế nào có thể độc lập? Đáp rằng: Trước tiên phải mưu càu tư tưởng độc lập, có thể độc lập chính là có thể hợp tác, sở dĩ dân chúng nước tôi không thể hợp tác, chính là vì họ chưa được độc lập. Không độc lập ắt là nô lệ thì phải chịu sai khiến, sao có độc lập được! sao có hợp tác được!

Kẻ dã man làm việc, thâu tóm quyền lực, xem mọi người như nô lệ, kẻ bị gọi là kháng Nhật, tức là kẻ dẫn dắt nô lệ chống lại bọn Nhật. Nhật Bản ở Đông Á, thâu tóm quyền lực, xem người Trung Quốc như nô lệ, kẻ bị gọi là kháng Nga, tức là kẻ dẫn dắt nô lệ chống lại bọn Nga. Nếu không có khả năng độc lập thì sao cso được khả năng chống cự, cho nên nếu chúng ta muốn kháng Nhật, chống lại cường quốc, gây trồng và nuôi dưỡng tính độc lập của nhân dân thì không nên làm tăng thêm tính chất nô lệ. Tôi viết *"Hậu Hắc tùng thoại"*, ngàn vạn lời nói, chẳng qua chỉ là dạy người phải có tư tưởng độc lập mà thôi. Do đó, chính sách là ngoại giao độc lập, chính sách của nước Hậu Hắc chính là chính sách hợp tác. Hậu Hắc gia của các giới quân đội, thương nghiệp, chính trị, học thuật đều đem bản lĩnh thường ngày của mình trực tiếp thi hành với bọn Nhật Bản, đó chính là Hậu Hắc cứu quốc.

Khổng Tử bảo Tử Hạ rằng: *"Nhữ vi quân tử nho, vo vi tiểu nhân nho."* [14] Tôi dạy các đệ tử rằng: *"Nhữ vi Hậu Hắc, vô vi tiểu Hậu Hắc."* Xin hỏi làm sao để phân biệt đại Hậu Hắc và tiểu Hậu Hắc? Trương Nghi xúi giục sáu nước đánh nhau là tiểu Hậu Hắc. Tôn Quyền và Lưu Bị cùng tranh đoạt Kinh Châu là tiểu Hậu Hắc. Cách làm của Quản Trọng và Tô Tần mới được xem là đại Hậu Hắc. Cường quốc Âu Mỹ tranh giành thuộc địa là tiểu Hậu Hắc. Tôi chủ trương vận động các dân tộc nhỏ yếu trên toàn thế giới phản kháng lại bọn Nhật Bản và chủ nghĩa đế quốc mới được xem là đại Hậu Hắc. Mạnh Tử nói: *"Nhỏ vốn không thể địch lại lớn."* Đại Hậu Hắc của chúng ta thành công, tiểu Hậu Hắc của Nhật Bản và cường quốc đương nhiên sẽ thất bại.

Nước tôi chỉ cần đem liên minh các dân tộc nhỏ yếu định rõ là chính sách đối ngoại, chính phủ và nhân dân kết thành một khối, tổng động viên toàn quốc tiến hành công việc này, ánh mắt cả nước đều tập trung chú ý đến nước ngoài, tạo thành đường hợp lực cùng hướng, không những nội chiến kết thúc mà còn có thể kháng Nhật và cường quốc, cũng giàu có dư dả. Tiếc thay Gia Cát Lượng đã chết, ước gì người ở dưới lòng đất này có thể cùng tôi bàn luận kỹ hơn.

Tôi giảng Hậu Hắc Học, chia làm ba bước, các vị độc giả chắc vẫn còn nhớ. Bước thứ nhất: da mặt dày, dày như thành quách; tâm địa đen, đen như than củi. Bước thứ hai: dày mà cứng, đen mà sáng. Bước thứ ba: dày nhưng vô hình, đen nhưng vô

sắc. Nhật Bản có lúc dùng phương thức ăn cướp đối với nước tôi, dùng vũ lực để xâm chiếm, có lúc dùng phương thức đĩ điếm, cao giọng nói Trung Nhật thân thiện, đều có sự độc ác của loài lang sói và sự nịnh bợ của loài hồ ly. Cái gọi là dày như thành quách, đen như than củi, bọn chúng đã làm được rồi; còn dày mà cứng, cũng đã làm được, duy chỉ có đen mà sáng là chúng chưa đạt đến. Tào Tháo là kẻ nổi tiếng tâm địa đen tối, nhưng dùng chiêu bài sáng nên hào kiệt trong thiên hạ đều chạy đến quy phục, biết rõ ông ta là tên tuyệt thế gian hùng, nhưng mọi mặt đều cảm thấy đáng yêu, làm cho mọi người khâm phục. Nhật Bản có *"tâm địa đen tối mà chiêu bài cũng đen tối"*, nên trở thành kẻ thù chung của thế giới, giống như rắn rết vậy, bất cứ ai nhìn thấy, cũng đều hét lên *"đánh! đánh!"*, cho nên Hậu Hắc Học của người Nhật Bản càng nói càng giỏi, sau này thất bại cũng càng thê thảm, sao lại như vậy? Chính là do đen mà không sáng vậy. Chúng chỉ hiểu được cách làm hạ thừa của Hậu Hắc Học mà không biết được cách làm thượng thừa, chúng cũng không hiểu việc đọ sức người của Hậu Hắc Học, đương nhiên sẽ giành thắng lợi mọi mặt, nếu gặp phải danh thủ, đương nhiên sẽ thất bại thảm hại.

Chúng ta tổ chức liên minh các dân tộc nhỏ yếu và tấn công chủ nghĩa đế quốc, vẫn là dùng bí quyết chữ Hắc, tuy nhiên cách làm này là sao chép lại từ bốn chữ *"dân tộc tự quyết"* của Wilson, toàn thế giới đều hoan nghênh, đó chính là đen mà sáng vậy. Người nghe ắt sẽ đứng lên tranh luận rằng: *"Chủ nghĩa của Wilson là phúc âm của hòa bình, là cơ sở của chủ nghĩa đại đồng, sao lại do người mặt dày tâm đen làm ra? Nếu thực hành chủ nghĩa này thì còn được gọi là Hậu Hắc không?"* Lý điên nghe xong than rằng: *"Đúng thay! Đúng thay! Đó gọi là dày mà vô hình, đen mà vô sắc vậy."*

Tôi giảng Hậu Hắc Học, chẳng phải có cách cưa mũi tên và hàn nòi sao? Chúng ta tiến hành tổ chức liên minh các dân tộc nhỏ yếu xong rồi, liền ứng dụng cách gõ nồi để hàn nồi, tay cầm búa sắt, nói với nước nào đó rằng: *"Tin không? Cái búa này của tôi nện xuống là làm cho cái nồi của anh vỡ tan tành ngay đó, nếu muốn vá lại cũng không vá được đâu!"* Miệng thì nói như vậy nhưng búa sắt trong tay có nện xuống hay không, trong đó có tác dụng kỳ diệu vô cùng. Nếu Nhật Bản và cường quốc muốn làm ngược lại, xâu xé áp bức các dân tộc nhỏ yếu, đáp ứng cho nguyện vọng của chúng, chúng ta sẽ gõ cho vết nứt kéo dài vô hạn, tập trung dân chúng bị áp bức trên toàn thế giới, nhất tề đứng lên làm bạo động, hàng ngàn hàng vạn người bị áp bức đứng lên đấu tranh với hàng ngàn hàng vạn kẻ áp bức. Chủ trương của Tôn Trung Sơn thế là đã được thực hiện. Nhưng khi chúng ta bắt tay vào thực hiện, phải tổ chức được liên minh các dân tộc nhỏ yếu, sao đó dùng búa sắt trong tay, thao tác thành thạo, thì mới có thể tự do bình đẳng trên thế giới.

Gỡ nồi cần phải có kỹ thuật, nhẹ cũng không được, mạnh cũng không xong. Gõ nhẹ thì vết nứt không thể kéo dài, là vô ích; nếu gõ mạnh, thì vết nứt quá dài không

thể hàn lại được. Nếu muốn mạnh nhẹ vừa phải thì nhất định phải nghiên cứu kỹ Hậu Hắc Học. Trong kịch có một vở *"Vá chậu"*, vừa gõ búa xuống, chiếc chậu đã vỡ tan tành. Cách gõ này, phải nói là hết sức tầm thường. Trên thế giới, nếu chúng ta làm như vậy, quả thật là ngoại giao điên rồ, sao đủ tư cách nói Hậu Hắc Học!

Tôi giảng Hậu Hắc Học đã từng nói rằng: *"Quản Trọng khuyên Tề Hoàn Công Phạt Sở, đem nồi của Sở đánh cho nát nồi vá lại."* Cách gõ này của ông ta rất có kỹ thuật. Nước Sở có hai tội danh: một là khi Chu thiên tử còn sống đã không dám xưng vương; hai là các chư hầu ở Hán Dương đều bị Sở tiêu diệt, đây vốn là hai tội danh lớn rành rành. Sở phái người đi hỏi nguyên do xuất binh, Hoàn Công phái Quản Trọng trả lời rằng: *"Bao mao mà các ngươi vốn phải cống nạp đã không mang đến đúng hạn, không dâng vật dụng cúng tế của Chu Vương, không có dụng cụ lọc rượu, quả nhân phải hỏi các ngươi."* Lại nói: *"Chiêu Vương nam chinh chưa trở về, quả nhân phải hỏi các ngươi."* Bỏ đi hai tội lớn, mà chỉ trách hỏi những chuyện vặt vãnh, há chẳng phải là chuyện hài hước trong thiên hạ sao? Chiêu Vương qua Hán Thủy, thuyền lật mà chết, có liên quan gì với Sở? Huống hồ sự việc cũng đã vài trăm năm, càng không có lý do. Quản Trọng là nhân tài trong thiên hạ, đây là lời do chính ông đáp lại, lẽ nào chưa được suy xét sao? Ông ấy là nhà Hậu Hắc nổi tiếng, ban đầu ông đã dùng cách hàn nồi, đã chừa cho cách cưa mũi tên một lối thoát. Giả như công bố tội trạng thật sự của nước Sở, bảo ông ta bỏ đi vương hiệu, đem trả đất đai của các nước chư hầu ở Hán Dương, nước Sở chẳng lẽ không liều mình quyết chiến với Tề sao? Anh nghĩ trận đánh Trường Thược, nước Tề ngay cả một nước yếu như Lỗ cũng không thắng nổi, họ có dám đánh với nước Sở không? Đành phải mượn chiêu bài của Chu Tử, gõ nhe nhẹ vào nước Sở. Sở đường đường là nước lớn, Quản Trọng không dám làm mất mặt họ, trách hỏi chuyện Chiêu Vương không quay về, cố ý làm cho nước Sở có cái mà biện hộ. Sở Vương có thể nói với quần thần rằng: *"Ông ta trách hỏi hai việc, có một chuyện, ta chửi ông ta bỏ về, chửi đến nỗi ông ta câm như hến, bao mao là một loại lau sậy ven sông, Chu thiên tử là bề trên lúc xưa của ta, đốn vài bó mang tặng ông ta là được rồi."* Đây cũng chính là tác dụng kỳ diệu của Quản Trọng, miệng chửi vố cớ, dâng mao là biểu hiện hiện vật, Tề Hoàn Công vác bao mao đến dâng cho Chu thiên tử, đó là minh chứng nước Sở quy phục. Xưa kia, chuyện đị sự quốc gia chỉ có cúng tế và quân sự, khi Chu thiên tử cúng tế, bày bao mao ra, dán lên một miếng giấy màu đỏ, trên đó có chi: *"Đây là bao mao của nước Sở dâng"*. Các chư hầu nhìn thấy, vẻ mặt của Chu thiên tử chẳng phải sẽ rạng rỡ sao? Nước Sở hàng phục, các nước nhỏ dám dị nghị không? Tôi viết *"Hậu Hắc truyện tập lục"* từng nói *"Trận chiến Triệu Lăng, ban đầu dùng cách hàn nồi, sau cùng dùng cách cưa mũi tên."* Tác dụng kỳ diệu của nó chính là như vậy. Chúng ta tổ chức lên chiếc nồi của cường quốc, chờ khi đến thời cơ thích hợp thì dùng cách cưa thân mũi tên nhô ra một đoạn, lại dùng cưa cắt nó đi. Tiếp tục gõ như vậy, không ngừng cưa như thế, đợi đến chung cuộc, đầu

mũi tên sẽ xuất hiện, nhẹ nhàng dùng tay nhặt nó ra, thế là cách cưa mũi tên đã kết thúc, nồi cũng đượ vá xong.

Trên phương diện ngoại giao, vốn là cách sử dụng qua lại giữa cách cưa mũi tên và hàn nồi, giống như hai bánh xe, hai cánh chim, không thể bỏ đi cái nào. Chính sách ngoại giao nước tôi thất bại, nguyên nhân là do chỉ dùng cách cưa mũi tên. Từ khi Ngũ Khẩu thông thương đến nay, các giao dịch nước ngoài đều dùng cách cưa mũi tên. Sau 918, càng được thể hiện rõ. Nên thêm vào cách hàn nồi, mới phù hợp với phương thức ngoại giao. Chúng ta tổ chức liên minh các dân tộc nhỏ yếu, tức là đã vận dụng nguyên lý của cách hàn nồi.

Mánh khóe của bọn Nhật Bản xuất hiện liên tục, đánh phá đến nỗi nước tôi không thể chống đỡ. Chúng ta nên đánh trả lại chúng, giương cao ngọn cờ của *"liên minh các dân tộc nhỏ yếu"*. Anh có thể nói *"chủ nghĩa Đại Á Tế Á"*, muốn nuốt chửng Trung Quốc, sau đó xâm lược các nước châu Á Châu, tiến đến ngấm ngầm đợi dịp thôn tính toàn thế giới, chúng ta tổ chức *"liên minh các dân tộc nhỏ yếu"*, lấy Trung Quốc làm chủ yếu, liên minh với các dân tộc như Đài Loan, Lưu Cầu, Cao Ly, An Nam, Miến Điện, Xiêm La, Ấn Độ, Úc Châu, Phi Châu. Nhật Bản khua chiêng đánh trống ầm ĩ chủ nghĩa Đại Á Tế Á, chúng ta cũng quảng bá ầm ĩ liên minh các dân tộc nhỏ yếu, như vậy mới có thể ngang sức ngang tài, mới có thể bù đắp sự thiếu sót của cách hàn nồi.

Năm Dân Quốc thứ 2, tôi đang làm việc tại một cơ quan, sau này cớ quan này bị loại bỏ, tôi mượn người đồng hương Trần Kiện 50 đồng để tìm cách quay về quê hương. Anh ta hồi âm rằng: *"Hiện nay tôi không có tiền, may mà số lượng không nhiều, đặc biệt cho anh mượn, tích góp đủ 50 đồng sẽ gửi đến cho anh."* Cuối thư còn kèm theo bài thơ: *"Năm mươi đồng không phải là nhiều, mượn hết lần này lại đến lần khác, tôi sẽ sai người mang đến cho anh, đặc biệt gửi đến một bài thơ."* Tôi đọc xong, thi hứng dâng trào, không thể kìm nén, lập tức kính lại một bài: *"Cầm đọc tuyệt tác,thi hứng trào dâng, kính lại một bài, xin được họa vần, ngắn gọn mà thôi, không luận hay dở, nếu anh không tin, có thơ làm chứng. Thơ rằng: 'Hậu Hỗ tiên sinh kỹ thuật cao, dẫu cho nồi cơm lăn xuống dốc. Xin ăn chính là kẻ hành khất, chăn trâu ta hát khúc sơn ca.'"* Bài thơ đã hoàn thành, tôi nêu chưa hết, lại làm thêm một bài: *"Gió to thổi hề nồi lăn xuống dốc, gom hành lý hề quay về tổ ấm, sao bắt dũng sĩ hề giữ nồi đất."* Tôi đi ra cửa Đông, di đến cầu đá bơi thuyền, nhìn thấy sông nước cuồn cuộn, thi hứng lại dâng trào, lại làm một bài thơ: *"Gió hiu hiu hề sông nước lạnh, chiếc nồi trôi hề không quay về."* Người xưa nghe thấy lời hát này, nhất định đồng thanh khóc than.

Gần đây, các cơ quan quân chính thường nổi gió to, hàng loạt chiếc nồi lăn xuống triển dốc, rất nhiều bạn bè than với tôi rằng: *"Sao bắt dũng sĩ giữ nồi đất."* Tôi nói: Học vấn cảu tôi, đến nay đã tiến bộ nhiều rồi, không cần phải giữ nồi đất

nữa, cũng không cần mời dũng sĩ, chỉ cần anh dùng cây gậy mình có gõ vào chiếc nồi của đối phương, chiếc nồi của họ sẽ vỡ nát, còn chiếc nồi của anh sẽ sừng sững tồn tại. Nếu anh không có bản lĩnh đập vỡ chiếc nồi của đối phương, thì chiếc nồi của anh tuyệt đối không thể bảo tồn.

Bốn tỉnh Đông Bắc bị Nhật Bản xâm chiếm, dân chúng đều có cảm tưởng *"chiếc nồi trôi hề không quay về",* nhìn thấy bọn Nhật Bản tích cực tiến hành ở Hoa Bắc Hoa Nam, lại đồng thanh nói: *"Sao bắt dũng sĩ hề giữ nổi đất."* Đây đều là những kiến giải trước kia của tôi, nên sửa chữa thêm. Nhật Bản muốn đập vỡ chiếc nồi của mình, thật là một việc làm ngốc nghếch! Dân chúng nước tôi mỗi người cầm một cây đả cẩu bổng, đánh vào chiếc nồi của bọn Nhật Bản, bảo đảm sẽ xảy ra hiệu quả bất ngờ. Hỏi: *"Cách đánh đả cẩu bổng như thế nào?"* Đáp: Tổ chức liên minh các dân tộc nhỏ yếu.

Chúng ta nên sử dụng thế tấn công với bọn Nhật Bản, không nên sử dụng thế phòng thủ, đối với bọn cường quốc thì áp dụng thế uy hiếp, không nên dùng thế van xin. Chúng ta tổ chức liên minh các dân tộc nhỏ yếu, tức là sử dụng thế tấn công đối với Nhật Bản, áp dụng thế uy hiếp đối với bọn cường quốc. Nhật Bản xâm lược nước tôi, cường quốc ôm nỗi bất bình, biểu thị đồng tình với nước tôi, lẽ nào là có ý tốt sao? Há thật sự đứng trên lập trường công lý sao? Nhật Bản hy vọng có thể độc chiếm, cường quốc hy vọng có thể cúng nhau quản lý, phương thức tuy khác nhau nhưng mục đích lại giống nhau. Vì tiền đồ của nước tôi, nên tích cự liên hiệp các dân tộc nhỏ yếu, cố gắng thúc đẩy đại chiến thế giới, người bị áp bức sẽ chiến đấu với kẻ áp bức, tất cả dân tộc nhỏ yếu trên thế giới nhất tề bạo động, đánh bại chủ nghĩa đế quốc của bọn cường quốc thì chiếc nồi của các dân tộc nhỏ yếu mới có thể bảo tồn được.

Biện pháp dứt khoát nhất chính là do nước tôi rút khỏi *"liên minh quốc tế",* thành lập một *"liên minh các dân tộc nhỏ yếu"* riêng, tuy nhiên, trong điều kiện này của nước tôi thì cách làm này có lẽ sự thực không cho phép, vậy thì, dân chúng và chính phủ có thể phân loại mà giải quyết. Trong liên hiệp quốc tế, chính phủ tuân theo ngoại giao thường quy, đọ sức với cường quốc; còn về dân chúng, tích cực tổ chức liên minh các dân tộc nhỏ yếu. Chính phủ và nhân dân cùng phân công hợp tác, chính phủ dùng cách cưa mũi tên, ứng phó với cường quốc, dân chúng dùng cách hàn nồi, uy hiếp bọn cường quốc, nếu anh không nói chính nghĩa, tôi sẽ dùng búa đập vỡ chiếc nồi, gây ra cuộc đại chiến thế giới thứ hai, nước tôi sẽ thống lĩnh tất cả các dân tộc nhỏ yếu bị áp bức trên toàn thế giới tấn công vào bọn đế quốc chủ nghĩa trên toàn thế giới.

Chiến tranh chia làm ba loại: (1) Chiến tranh vũ lực, (2) Chiến tranh kinh tế, (3) Chiến tranh tâm lý. Chính phủ lãnh đạo bá tánh trong cả nước, quyết chiến với bọn Nhật Bản, đảm nhiệm công tác chiến tranh vũ lực. Đoàn thể "liên minh các nước nhỏ yếu" áp dụng chính sách chế tài với bọn Nhật Bản, lên án về mặt đạo đức, đảm nhiệm

chiến tranh kinh tế và chiến tranh tâm lý. Wilson gieo xuống hạt giống dân tộc tự quyết , ngày một sinh sôi nảy nở, hiện nay đã sắp trưởng thành, nước tôi xuất hiện một Trần Thiệp, vung tay hô lớn, giương cao ngọn cờ của liên minh các dân tộc nhỏ yếu trên thế giới đương nhiên khi nghe tin sẽ lập tức hưởng ứng.

Dân chúng nhìn thấy thế nước ngày càng nguy nan, chủ trương bảo tồn quốc túy, chủ trương đọc kinh, việc làm này được xem như là trị liệu từ căn bản. Bát cổ là thể kết tinh của quốc túy, Hậu Hắc Học của tôi là xuất phát từ Bát cổ, xem như là cái căn bản của cơ bản. Tôi hy vọng các cị sẽ nghiên cứu kỹ lưỡng.

Bát cổ của Trung Quốc có lịch sử lâu đời, văn nhân bình thường chìm đắm trong đó, như cá dưới nước, cho nên, văn tự ngày nay nếu dùng mũi để ngửi thì đa số đều có mùi vị của Bát cổ , hơi chua chua. Văn tự của Chương Thái Viêm, cũng giống với Bát cổ của Hàn Mộ Lư; văn tự của Nghiêm Hựu Lăng, cũng giống với Bát cổ của *"bài thi tham khảo của 18 khoa"* [15]; văn tự của Lương Khởi Siêu, giống với Bát cổ của *"Giang Hán bính linh"*; văn tự của bỉ nhân, giống như dạng giải đề cắt nghĩa trong thi cử; các văn hào đương đại, đều là Giả Phụng Trĩ trong *"Liêu trai"*, được tiên nhân chỉ điểm, dẫn đầu cao trung. *"Các vị chớ cười Bát cổ chua, Bát cổ càng chua thì càng cách mạng."* Hoàng Hưng, Thái Tùng Pha đậu tú tài; Ngô Trĩ Huy, Du Hữu Nhậm đậu cử nhân; Đàm Diên Viên, Thái Nguyên Bội, tiến sĩ hàn lâm. Những người bạn học và đồng hương mà tôi biết, vài chuyên gia cách mạng, Liêu Tự Sơ đậu cử nhân; Lôi Thiết Nhan, Trương Liệt Ngũ, Tạ Huệ Sinh, đậu tú tài, ôi vui thay! Khá khen thay! Công lao của Bat cổ to lớn thật! Cuối đời Mãn Thanh, một bọn Bát cổ tiên sinh đứng lên và tràn đầy tinh thần cách mạng, tôi rất mong muốn những chí sĩ ái quốc hãy đem Bát cổ của bọn Tây Dương đốt sạch đi, quay về nghiên cứu Bát cổ của Trung Quốc, như thế mới có thể đấu tranh đến cùng với kẻ thù chúng ta.

Đường Tống bát gia, tôi thích nhất là Tam Tô, vì cha con Tô thị đều hiểu Hậu Hắc Học. Học thuyết của Lão Tuyền xuất phát từ Thân Hàn. Sách cảu Thân Tử không truyền lại, trong *"Gia Hộ tập"* cảu Lão Tuyền, mọi nghị luận đều rất giống Hàn Phi, ngòi bút vô cùng sắc bén. Lão Tuyền, mọi nghị luận đều rất giống Hàn Phi, ngòi bút vô cùng sắc bén. Lão Tuyền thích nói về binh, ông ta cũng có nghiên cứu về Tôn Tử. Học thuyết của Đông Pha, nghiên cứu sau về nhân tình, hiểu rõ lợi hại, do đó biện luận mạch lạc, vui cười mắng giận, rõ ràng mạch lạc. Văn của ông ta tự do phóng túng cũng giống như Chiến Quốc Sách. Tử Do có quan hệ gắn bó với Lão Tử, có tác phẩm *"Lão Tử giải"*. Lý Trác Ngô nhà Minh nói rằng: *"Hiểu Lão Tử có nhiều người, nhưng chỉ có Tử Do là hiểu nhất."* Văn của Tử Do ít mênh mông, trong bát gia là bình dị nhất. *"Tôn tử", "Hàn Phi Tử"* và *"Chiến Quốc Sách"* có thể nói là sách giáo khoa Hậu Hắc Học cổ đại. Quyển *"Lão Tử"* bao gồm triết lý Hậu Hắc vô cùng phong phú dồi dào. Nếu các vị muốn nghiên cứu học thuyết của Khổng Tử thì nhất định phải đọc kỹ Thi kinh, Thư kinh, Dịch kinh mà Lão Tử đã nghiên cứu học tập; vạn nhất

muốn nghiên cứu Hậu Hắc Học, chỉ đọc tác phẩm của tôi, chẳng qua cũng giống như đọc *"Luận Ngữ"* của Khổng Tử thì càn phải đọc các sách như *"Lão Tử", "Tôn Tử", "Hàn Phi Tử"* và *"Chiến Quốc Sách"*. Giống như phải đọc kỹ các sách như *"Thi", "Thư", "Dịch"* của Nho gia, đi sâu nghiên cứu và dung hòa quán thông bộ Nhị thập Ngũ sử và sự biến Đông Tây ngày nay, như vậy sẽ có được hy vọng thành chuyên gia Hậu Hắc.

Có người hỏi tôi: Ba chữ Hậu Hắc Học, có thể so sánh với ba chữ nào? Tôi nói: So sánh với ba chữ Đạo Đức Kinh. Đạo Đức Kinh của Lý Lão Tử và Hậu Hắc Học của Lý điên không những có thể so sánh về mặt chữ, mà thực chất, chúng tương thông với nhau, bằng chứng gì? Có lời nói của Chu Tử có thể làm bằng chứng. Trong *"Chu Tử toàn tập"* có nói: *"Học thuyết của Lão thị 'nhẫn' nhất, 'nhẫn' với mình, nên khi nhàn rỗi thì giống như kẻ hư vô hèn mọn yếu mềm; 'nhẫn' với người, nên khi nói ra làm anh không thể ủng hộ, giống như Tử Phòng vậy. Như trận Nghiêu Quan, liên minh với Tần, đột nhiên xuất kích. Hòa ước Hồng Câu, giảng hòa với Hạng Vũ, đột nhiên bội ước mang quân đánh úp Hạng Vương. Đây đều là cái ti tiện mềm yếu cẩu ông ấy, đáng sợ thật! Đáng sợ thật! Kế sách cẩu ông ta không cần nhiều, chỉ cần vài ba kế như vậy, thì sự nghiệp của Cao tổ đã thành công rồi."* Theo như Chu Tử nói: Bộ Đạo Đức Kinh của Lão Tử, há chẳng phải rõ ràng là một bộ Hậu Hắc Học sao? Trong phần cuối của *"Hậu Hắc tùng thoại"* tôi đã nói: *"Toàn bộ tác phẩm 'Lưu Hầu Luận' của Tô Đông Pha đều là lấy chữ Hậu làm nền tảng."* Chu Tử vạch rõ chữ Hắc của Tử Phòng, đồng thời tìm rõ căn nguyên, nói rằng có nguồn gốc từ Lão Tử, lý luận này quả thật rất tỉ mỉ chu đáo. Chu Tử cho rằng sự việc Nghiêu Quan, Hồng Câu là nơi xuất phát cẩu thấp hèn yếu kém, đủ biết hai chữ Hậu Hắc vốn là nhất quán với nhau.

Hậu và Hắc là hai mặt của một vật thể, Hậu có thể biến thành Hắc, Hắc cũng có thể biến thành Hậu. Chu Tử nói: "Học thuyết Lão thị 'nhẫn' nhất." Ông ta đã dùng một chữ 'nhẫn' để bao quát hai chữ Hậu Hắc, 'nhẫn' với mình gọi là Hậu, 'nhẫn' với người gọi là Hắc, 'nhẫn' với mình, nên khi nói ra làm anh không thể ủng hộ. Trương Tử Phòng lấy giày cho ông ta, quỳ xuống và mang vào, việc làm đó là nhẫn với mình; Nghiên Quan Hồng Câu liên minh thất bại và bội ước, đưa người vào chỗ chết, đó là nhẫn với người. Quan sát những việc này có thể biết được Hậu Hắc có chung nguồn gốc, chúng có thể biến hóa thay thế cho nhau. Tôi đặc biệt nói với các vị độc giả rằng, nếu có người trước mặt thì nhún vai cười nịnh, mọi việc đều nghe theo, thì anh phải cản trọng đề phòng anh ta sẽ thay đổi và trở nên Hắc. Anh phải chịu thất bại, trước tiên là giậu đổ bìm leo, chính là những loại người này. Lại giả như có người trước mặt anh mặc ý lăng nhục, nhiều người không có cảm tình, anh cũng chớ oán hận, nếu anh cứ một mực đắc chí, anh ta tự nhiên sẽ thay đổi và biến thành Hậu, trước mặt anh, mọi việc đều tốt đẹp. Trong lịch sử những việc như vậy rất nhiều, các vị hãy tự tìm hiểu.

Tôi phát minh Hậu Hắc Học, tiến hành nghiên cứu thêm và rút ra được một định lý như sau: *"Tâm lý thay đổi, vận hành theo quy luật chung của lực học."* Có định lý này, Hậu Hắc Học sẽ có căn cứ về mặt triết học. Sự biến đổi của nước, đơn thuần chỉ là sự thay đổi dựa vào quy luật chung của lực học mà thôi. Đôi khi chảy nhẹ chầm chậm, nhưng nếu có vật chắn ngang phía trước, thì luôn tránh đi và chảy dưới đáy, có thể nói là vật ti tiện mềm yếu trên thế gian này không thứ nào có thể so sánh được với nước. Đôi lúc lại phẫn nộ chảy xiết, thoát ra biển lớn, không vật nào có thể ngăn cản nổi, nếu ngăn cản thì lập tức bị đập nát, lại có thể nói những vật hung hãn nhất trên thế gian này không thứ nào có thể so sánh được với nước. Học thuyết của Lão Tử chính là được sinh ra dựa trên nền tảng của loại học lý này. Nói rằng: *"Khắp thiên hạ không có gì mềm yếu như nước, những thứ công kiên chế mạnh lại không có thứ gì có thể thắng nổi nước."* Các vị có thể học thuộc đạo lý này, thì biết Đạo Đức Kinh của Lý Lão Tử và Hậu Hắc Học của bỉ nhân là chẳng hề có khác biệt gì.

Nhẫn với mình thì gọi là Hậu, nhẫn với người thì gọi là Hắc, ở người như vậy, ở nước cũng như vậy. Nước chảy nhẹ chầm chậm, sẽ tránh vật cản mà chảy, do đó, nói là nhẫn với mình vậy; nước phẫn nộ chảy xiết, nếu có vật cản, lập tức sẽ bị phá tan, do đó, nói là nhẫn với người vậy. Hiện tượng tránh vật để chảy đi và phá tan vật cản đường tuy khác biệt, nhưng lại nhất quán, nhân sự và vật lý tương thông, tâm lý và lực học tương thông, sau này có thể đọc Đạo Đức Kinh của Lý Lão Tử và Hậu Hắc Học của Lý điên sẽ biết rõ điều này.

Học thuyết của Lão Tử đơn thuần chỉ là làm theo thủy, trong Đạo Đức Kinh, nói đến thủy không phải ít, ví như nói: *"Thương thiện* [16] *giống như nước, thủy thiện ở chỗ có lợi cho vạn vật, không tranh lợi ích, ở nơi mà mọi người đều ghét, do đó dường như giống với đại đạo."* Lại nói: *"Sông biển sở dĩ có thể trở thành nơi hội tụ của tất cả các dòng chảy, chính là vì nó nằm ở vị trí hạ du, vì thế mà có thể trở thành nơi hội tụ."* Sự thay đổi của nước, vận hành theo quy luật chung của lực học, Lão Tử rất hòa hợp với nước nên học thuyết của ông ấy quy luật chung của lực học để ràng buộc uốn nắn, tất cả đều nhất nhất ăn khớp với nhau. Chính vì như vậy, muôn sự vạn vật trong vũ trụ không thoát khỏi phạm vi của học thuyết Lão Tử.

Lão Tử nói: *"Lời nói của tôi rất dễ hiểu, rất dễ thực hiện, nhưng thiên hạ không ai có thể hiểu được, không ai có thể thực hành."* Mấy câu này quả thật là lời tán thưởng mà cụ ấy làm thay cho Hậu Hắc Học. Mặt dày tâm đen, cái nào không hiểu? Cái nào không thể làm? Gọi là *"rất dễ hiểu, rất dễ thực hiện."* Tuy nhiên, ba chữ Hậu Hắc Học hoàn toàn không nhìn thấy ghi chép trong các thư tịch, phải đợi Lý điên xuất hiện mới phát minh ra, há chẳng phải minh chứng của *"Thiên hạ không ai có thể hiểu"* sao? Nước tôi chịu sự ức hiếp của bọn Nhật Bản và cường quốc, Quản Hậu Hắc, Tô Hậu Hắc đều có nhưng không dám mang ra thực hành, trước đây vốn có Hậu Hắc thánh nhân Câu Tiễn và Lưu Bang đối phó với bọn địch, cũng không nghiên

cứu đến, há chẳng phải là minh chứng cho *"Thiên hạ không ai có thể thực hiện"* sao?

Hậu Hắc Học mà tôi phát minh chính là một môn khoa học độc lập, hoàn toàn khác với những loại học thuyết của bách gia chư tử, nhưng nếu hiểu thấu triệt, lại có thể nói, học thuyết của bách gia chư tử không có cái nào không tương thông với Hậu Hắc Học, những đạo lý mà tôi nói đều được người khác nói qua, tôi cũng không hề có phát minh mới. Tôi đứng ở vị trí của giới Hậu Hắc, chỉ đành giống như Khổng Tử Nho gia của các người. Khổng Tử noi gương tiên tổ Nghiêu Thuấn, học theo Văn Vũ, chỉ trình bày lại học thuyết của người xưa chứ bản thân không hề sáng tác, tin yêu các sự vật thời xưa, ông ấy cũng không có phát minh mới gì. Nhưng nghiêm khắc mà nói, học thuyết của Nho gia và bách gia chư tử lại hoàn toàn khác nhau, Hậu Hắc Học của tôi cũng như vậy mà thôi. Khổng Tử nói: *"Hiểu tôi chỉ có Xuân Thu; nỗi khổ của tôi chỉ có Xuân Thu mà thôi!* [17]"tôi cũng nói:*"Hiểu tôi, chỉ có Hậu Hắc Học; nỗi khổ của tôi, chỉ có Hậu Hắc Học mà thôi!"*

Lão Tử cũng là người *"chỉ trình bày lại học thuyết của người xưa chứ bản thân không hề sáng tác, tin yêu các sự vật thời xưa"*, những lời nói như *"lời người xưa nói rất đúng"*, *"người dụng binh có cách nói rằng"*, *"người xưa gọi"*..., rõ ràng đều là những trích dẫn từ sách cổ. Theo cách nói của Chu Tử, sách *"Lão Tử"* quả thật là một bộ Hậu Hắc Học, và theo cách nói của Lão Tử, thì lại là của người xưa truyền lại, từ đó có thể thấy, Hậu Hắc Học mà tôi phát minh, quả thật là quán thông xưa nay, có thể hỏi quỷ thần mà không nghi ngờ gì nữa.

Theo khảo chứng của học giả, học thuyết của Chu Tần chư tử, không ai không bắt nguồn từ Lão Tử, do đó, Chu Tần chư tử không ai không mang một chút hương vị của Hậu Hắc. Học thuyết của bách gia chư tử nước tôi, lấy Lão Tử làm địa diện chung. Trước Lão Tử có bọn người như Y Quân, Thái Công, Quản Tử. Trong *"Hán Thư – Nghệ Văn Chí"* đều liệt họ vào Đạo gia, nên những người trước Lão Tử và sau Lão Tử đều không thoát khỏi phạm vi của Lão Tử. Trong các chư tử Chu Tần, người cuối cùng nhất là Hàn Phi Tử. Cùng thời với ông ta, tuy có quyển *"Lữ Lãm"*, nhưng sách này là do tân khách của Lã Bất Vi biên soạn, là một quyển loại thư [18], không tìm ra được tên tác giả, do đó, lấy Hàn Phi là người cuối cùng nhất. Sách của Hàn Phi có hai bộ là *"Giải Lão"* và *"Dụ Lão"*, giải thích từng câu nói vủa Lão Tử, gọi Lão Tử là thánh nhân. Học vấn của ông ta là trực tiếp kế thừa của Lão Tử, nên nói: *"Pháp luật có nguồn gốc từ đạo đức."* Do đó biết được rằng, các chư tử Chu Tần hoàn toàn đều đang nghiên cứu loại học lý Hậu Hắc này, nhưng chưa có phát minh ra danh từ Hậu Hắc thôi.

Sách của Hàn Phi Tử đều có phê bình các nhà học thuyết, đủ thấy ông ta đã nghiên cứu kỹ lưỡng từng học thuyết, sau đó mới tự sáng tạo ra một phái học thuyết. Thương Ưởng nói pháp, Thân Tử nói thuật, Hàn Phi ắt kết hợp pháp và thuật thành

một, là tập đại thành của phái Pháp gia thời Chu Tần. Theo tôi, đó quả thật là một tập đại thành Hậu Hắc Học thời Chu Tần, chẳng qua thời đó chưa có được danh từ Hậu Hắc mà thôi.

Trong chư tử Chu Tần, Lão Tử như Côn Luân Sơn vậy, mọi Sơn mạch đều xuất phát từ đây; Hàn Phi Tử giống như Đông Hải, là nơi hội tụ tất cả các dòng chảy. Lão Tử nói thể của Hậu Hắc, Hàn Phi nói dụng của Hậu Hắc, các chư tử khác thì là một nhánh Sơn mạch hoặc một nhánh sông, thế là Hậu Hắc triết học, đã có phát minh.

Học thuyết của hai nhà Đạo gia và Pháp gia vốn tương thông nhau, ẩn mình là cái thanh tịnh vô vi của Lão Tử, phát ra là sự hung ác thiếu ân của Hàn Phi, trong đó quan trọng là rất nhiều người không nhìn thấy được. Chu Tử là người say mê nghiên cứu, chỉ có ông mới nhìn thấy được điều này. Ông chỉ ra cái đáng sợ của Trương Tử Phòng, chính là nơi phát ra sự ti tiện yếu mềm của ông ta, đây được xem là lời nói thẳng vấn đề. Kẻ thấp hèn mềm yếu, luôn luôn ẩn mình, nên gọi là Hậu; kẻ đáng sợ, luôn luôn bộc lộ, nên gọi là Hắc. Hậu Hắc vốn không thể tách rời nhau.

Đạo gia và Pháp gia vốn là nhất quán, do đó Sử Thiên [19] biên soạn *"Sử Ký"* đã kết hợp Lão Trang Thân Hàn thành một truyện. Hậu thế chỉ biết có một Khổng Tử, còn về nguồn gốc học thuật thì mù mịt không biết, thậm chí có người gọi Lý Nhĩ và Hàn Phi đồng truyện, chẳng ra gì cả, ra sức chửi mắng thất bại của Sử Thiên, đúng là nói mơ. Cha của Sử Thiên là một học giả của phái Đạo gia, từng chữ trong tác phẩm *"Lục Gia Yếu Chi"* đều là lời nói của chuyên gia. Sử Thiên luận đại đạo ắt trước hết nói đến Hoàng Lão đạo, Lão Tử là người ông ta sùng bái nhất. Ông ta đưa Lão Tử và Hàn Phi vào cùng một truyện, há là không có đạo lý sao? Ngay ả mối quan hệ giữa Lão Tử và Hàn Phi thế nhân cũng không hiểu rõ, thì sao có thể ngó đến Hậu Hắc Học được? Vì vậy mà gọi Lý Hậu Hắc là Lý điên vậy.

Danh từ Hậu Hắc này, thời cổ đại chưa xuất hiện, nhưng loại học lý này thì trong ngoài xưa nay mọi người đều nhìn thấy. Có người nhìn thấy toàn thể, có người nhìn thấy bộ phận, có người nhìn thấy một cách rõ ràng, có người nhìn thấy mơ hồ, hình thái mà mọi người nhìn thấy cũng muôn hình vạn trạng. Danh từ được đặt ra, cũng muốn hình muôn vẻ. Cái Lão Tử nhìn thấy thì ông gọi là đạo đức, cái Khổng Tử nhìn thấy thì gọi là miếu toán, cái Hàn Phi nhìn thấy thì gọi là pháp thuật, cái Darwin nhìn thấy thì gọi là cạnh tranh, cái Bismarck nhìn thấy thì gọi là thiết huyết, cái Marx nhìn thấy thì gọi là duy vật, tín đồ của ông ta là William nhìn thấy thì gọi là sinh tồn, các nhà triết học khác đều nhìn thấy, mỗi người đặt cho một tên riêng, quả thật là "Lô Sơn nhìn từ chính diện vô cùng hùng vĩ đặc biệt, nhìn từ phía bên lại là đỉnh núi cao vời sừng sững, bất luận là nhìn xa, nhìn gần, nhìn từ trên cao, nhìn từ dưới thấp, thì dáng vẻ của Lô Sơn vẫn khác nhau. Không biết được chân tướng thật sự của Lô Sơn, chỉ vì đứng trên nó nên tầm mắt bị giới hạn mà thôi."

Có người hỏi: *"Chủ trương liên minh các dân tộc nhỏ yếu để chống lại cường*

quốc là chính nghĩa, hà tất anh phải gọi là Hậu Hắc?" Tôi nói: Điều này không cần tranh luận, nếu trên trời có hai vầng trăng, từ Đông trôi sang Tây, từ Tây trôi về Đông, chạy đi chạy lại, ngày đêm không nghỉ. Hai thứ này dân nước tôi gọi là nhật nguyệt, người Anh gọi là Sun và Moon, danh từ tuy khác nhau, nhưng đều cùng chỉ một vật. Chúng ta nhìn thấy hai chữ Sun và Moon trong tiếng Anh, liền dịch thành *"nhật nguyệt"* . Độc giả nhìn thấy hai chữ Hậu Hắc, liền dịch thành hai chữ *"chính nghĩa"*, cũng có thể dịch thành *"đạo đức"* hoặc *"nhân nghĩa"*.

Các chư tử thời Chu Tần đều không ai nghiên cứu Hậu Hắc học lý, duy chỉ có Lão Tử là nghiên cứu sâu thôi, do đó, lời nói của ông ấy vô cùng huyền diệu. Nếu không có những người say mê nghiên cứu như Chu Tử, thì sẽ không nhìn thấy được học vấn của Lão Tử. Không có những người thân có tiên cốt như Trương Tử Phòng, lại được tiên nhân chỉ điểm, thì cũng không thể sử dụng học vấn của Lão Tử một cách thành thạo như vậy.

Các chư tử Chu Tần ngoài mặt thì tranh nhau đau tiếng, nhưng bên trong lại nghiên cứu triết lý Hậu Hắc, học thuyết này có thích hợp sử dụng hay không, hãy lấy thành phần Hậu Hắc được hàm chứa nhiều hay ít để phán đoán. Hai quyển sách *"Lão Tử"* và *"Hàn Phi"* đều nói về Hậu Hắc Học, nên Hán Văn thực hành theo thuật của Hoàng Lão, Vũ Hầu dùng thuật Thân Hàn để trị Thục, tướng nghiệp xưa nay vẫn được ngưỡng mộ. Tôn Ngô Tô Trương đều có nghiên cứu triết lý Hậu Hắc và đạt được thành tựu, do đó, binh sĩ của Tôn Ngô bách chiến bách thắng. Tô Tần, Trương Nghi đi du thuyết, thịnh hành trong thiên hạ. Từ đó có thể thấy: Tất cả các học thuyết đều có chứa triết lý Hậu Hắc, nếu đem thực hiện thì xã hội lập tức sẽ phát sinh ảnh hưởng to lớn. Nho gia lớn tiếng nói nhân nghĩa, nhân gần với Hậu, nghĩa gần với Hắc, cái có được chỉ gần giống mà thôi. Do đó, dùng Nho thuật để trị quốc, không ngứa không đau, xã hội nuôi dưỡng thành căn bệnh sưng phù nặng, Nho gia giải thích rằng: *"Vương đạo không vội thành công."* Xin hỏi khi Hán Văn đế tại vị, không quá 23 năm, Vũ Hầu trị Thục, cũng chỉ 20 năm, trong thời gian ngắn như vậy mà gặt hái được thành công to lớn, vì lẽ gì có thể đạt được như vậy? Lẽ nào Hán Văn đế dùng bá thuật sao? Gia Cát Vũ Hầu há chẳng phải hậu Nho đều gọi là nhân tài bên cạnh hoàng đế sao? Rốt cuộc là đạo lý gì? Hậu Hắc là vật vốn có trong thiên tính, các chư tử Chu Tần đều không nghiên cứu điểm này, tôi cũng không thể nói Nho gia không thể nhận ra, viện cớ là nhìn thấy quá ít, nên *"học thức phong phú nhưng không có điểm nhấn, bỏ ra nhiều công sức nhưng thu hoạch chẳng bao nhiêu."* Vì vậy nên *"viển vông không thực tế"* vậy.

Hoàng Lão Trang Thân Hàn là dòng chính của Hậu Hắc Học. Khổng Mạnh là phái phản đối. Nước tôi hơn hai ngàn năm trở lại đây, ngoài Văn Cảnh đời Hán, Gia Cát Vũ Hầu của nước Thục, Trương Giang Lăng nhà Minh ra, đều là phái phản đối chấp chính, chẳng trách trị quốc thì ít mà làm loạn thì nhiều.

Tôi căm hận những kẻ không hiểu rõ Hậu Hắc, làm cho một đất nước tươi đẹp rối loạn đến như vậy, nên hăm hở vùng dậy, lớn tiếng kêu gào, dùng thời gian thức tỉnh thế giới. Viết một vài đoạn Hậu Hắc tùng thoại trên báo chí hàng ngày, giống như mở một lớp giảng dạy Hậu Hắc Học. Trải qua sự cố gắng như vậy của tôi, quả nhiên cũng có kết quả. Rất nhiều người hỏi tôi: *"Tôi mang tất cả những đạo lý mà anh nói, chứng minh cho những việc mà bản thân tôi trải qua, quả nhiên không sai."* Lại có một người bạn nói rằng: *"Tôi lấy nguyên tắc mà anh phát minh, đi học 'Tư Trị Thông Giám', đọc mấy quyển, cảm thấy đều phù hợp."* Tôi nghe những lời này, biết rằng người bình thường đã có Hậu Hắc thường thức, mức độ dần dần tăng lên, học lý mà tôi giảng không thể không thêm một chút sâu sắc, cho nên mới bàn đến các chư tử Chu Tần, nhìn thấy Hậu Hắc Học của tôi, không những chứng minh được học thuyết của chư tử Chu Tấn cũng không ngoại lệ. Các vị độc giả, những người có chí hãy nghiên cứu thật tỉ mỉ.

Dạy dỗ học trò, cần phải dùng hình thức dẫn gợi, tự học, cách tệ nhất chính là nhồi nhét. Tôi phát biểu Hậu Hắc Học năm Dân Quốc thứ nhất, chỉ lấy vài người làm ví dụ như Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền, Lưu Bang, Tư Mã Ý, còn những người khác thì độc giả tự đi tìm hiểu, tôi viết Hậu Hắc Học và Hậu Hắc tập lục, cũng chỉ đưa ra dàn bài đại cương đơn giản, không nói rõ từng ý, e rằng sẽ rơi vào hình thức nhồi nhét, làm giảm khả năng tự nghiên cứu của độc giả. Tôi nói: Học thuyết của các chư tử Chu Tần đều hàm chứa triết lý Hậu Hắc, cũng chỉ có thể nói đại khái, để cho độc giả tự mình nghiên cứu.

Các sách như Thi Kinh, Thư Kinh, Dịch Kinh, Chu Lễ, Nghĩa Lễ... đều là kinh điển của nhà Nho, phàm muốn nghiên cứu Nho học, nhất định phải đọc kỹ những sách này. Sách của chư tử Chu Tần là kinh điển của Hậu Hắc Học, nếu không thể đọc hết được, có thể đọc trước hai quyển *"Lão Tử"* và *"Hàn Phi"*, biết được thể dụng cảu Hậu Hắc, sau đó đọc sách của chư tử, tự nhiên sẽ rõ ràng rành mạch. Phàm là người nghiên cứu học thuyết Nho gia, mở miệng là *"thi nói, thư nói"*, bỉ nhân nói về triết lý Hậu Hắc, thỉnh thoảng cũng nói vài câu *"Lão Tử nói, Hàn Phi nói"*.

Tứ thư Ngũ kinh tuy là sách ngaoij đạo, giả như có thể dùng cách nhìn chân chính để xem. cũng có thể tìm ra được rất nhiều triết lý Hậu Hắc. Nếu như chương "trẻ con yêu cha mẹ" trong sách của Mạnh Tử, há chẳng phải là nền tảng của học thuyết Nho gia sao? Bỉ nhân tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng hai chương này để làm thành nền tảng triết học của Hậu Hắc Học, đây là bí quyết trị Hậu Hắc Học của bỉ nhân. Các vị có chí, có thể nghiên cứu thêm.

Phần Ba

TÔI HOÀI NGHI CÁC THÁNH NHÂN

Những người kiệt xuất được coi là thánh trong thế gian đã được sinh ra rất nhiều từ thời Tam đại về trước, khi ấy sao có thể sinh ra nhiều thánh nhân đến thế. Sau thời tam đại thì đã tuyệt chủng, đâu có sinh ra thêm một thánh nhân nào nữa. Sau thời Tần, Hán không biết bao nghìn, bao trăm vạn người học để trở thành thánh nhân, kết quả chẳng có ai thành thánh nhân được cả, cao nhất thì chẳng qua chỉ đạt tới địa vị hiền nhân mà thôi. Xin hỏi có thể học để trở thành thánh nhân được không? Nếu nói có thể học được, thế thì sau Tần, Hán có biết bao nhiêu người học, ít nhất cũng xuất hiện được một thánh nhân chứ! Nếu học không nổi, tại sao chúng ta lại phải khổ luyện ngày đêm, học sách vở của họ, liều chết mà học?

Trước thời tam đại có các thánh nhân, sau thời tam đại không có thánh nhân, đó là một việc hết sức kỳ quái từ xưa tới nay. Những thánh nhân mà chúng ta thường gọi là Nghiêu, Thuấn Thang, Chu Văn Vương, Chu Võ Vương, Chu Công, Khổng tử (*theo truyền thuyết là thời kỳ trước Tam Đại. Nghiêu chết truyền ngôi cho Thuấn, không phải là con hoặc anh em – có lẽ là chế độ tù trưởng, nhưng con người thời đó chất phác lắm. Ngày thời kỳ nhà Hạ, nhà Thương cũng không nhường ngôi cho con, mà thường là em hoặc em họ. Từ thời nhà Chu mới hình thành dần chế độ phong kiến, Ngu công là một thủ lĩnh một bộ lạc cổ đại, tương truyền có công trị thủy, nhân dân ái mộ. Thành Thang sau Chu Võ Vương, đã khắc mấy chữ: "Nhật Tân" vào một cái kỷ của Võ vương để lại. Nay được coi là một bảo vật quý giá. Chu Văn Vương, Chu Võ Vương trước công nguyên khoảng trên 1000 năm, có công lớn giải thích và sáng tạo hình bát quái của Phục Hy – Phục Hy sáng tạo hình bát quái bao gồm mấy cái vạch, khi Trung Quốc chưa có văn tự- thành kinh sách. Khổng Tử là học giả sống vào thế kỷ 6 và 5 trước công nguyên*). Chúng ta thử phân tích về họ một chút, trong đó chỉ có Khổng Tử là người bình dân, những người còn lại đều là những vua có công khai quốc cả, là những thủy tổ các học phái đời sau, đó là lỗ hổng đã hiện ra

Các Chư tử đời Chu, Tần mỗi người định ra một học thuyết, tự cho mình đã tìm ra chân lý tự tin nếu cứ theo họ mà thực hiện lập tức có thể cứu nước, cứu dân nào ngờ người ta lại coi thường, chẳng mấy ai tin theo

Vậy tâm tưởng của họ ra sao? Nhân loại đã thông minh rồi, đều biết họ là những người dựa vào quyền thế. Phàm những lời của những người có quyền thế nói ra thì mọi người nhất định phải nghe theo, quyền thế lớn nhất trong thế gian thuộc về một ông vua, nhất là ông vua khai quốc, các sách ở thời đó chỉ khắc trên những mảnh tre, hiếm người đã có thể đọc được sách, cho nên người sáng tạo một học thuyết mới, đều

nói rằng: "*Chủ trương của ta, láy từ sách một vị quân vương có công khai quốc nào đó di truyền lại. Cho nên Đạo gia dựa vào Hoàng Đế, Mặc gia dựa vào Đại Ngu, đề xướng việc chia ruộng đất để canh tác dựa vào Thần Nông, việc viết cuốn bản thảo vấn đáp cũng dựa vào Thần Nông, viết sách về y học, binh pháp, đều dựa vào Hoàng Đế. Ngoài ra, trăm nghề khéo léo và các loại phát minh đều không thể không quy công cho các quân vương khai quốc, không thể không quy công cho các quân vương khai quốc. Khổng Tử sống ở thời đó nên đương nhiên cũng không đi ngược với phép tắc này. Những người được ông ta dựa ngoài Nghiêu, Thuấn, Ngu, Thang, Chu Văn Vương, Chu Võ Vương ra, còn dựa thêm Chu Công là người mở mang ra nước Lỗ nữa, nên ông là người thành công lớn nhất. Các Chư Tử thời Chu, Tần ai nấy cũng đều dùng cách làm đó, nêu ra một vài lời hay đức tốt thêm vào cho các đế vương thời xưa. Thế là các đế vương thời xưa được hưởng thêm nhiều danh thơm. Không một ai trong ấy lại không trở thành tổ sư của một học phái để lại cho đời sau*".

Các Chư Tử thời Chu, Tần ai cũng tuyên bố học thuyết của họ, tập hợp một số môn đồ giảng dạy, các môn đồ của họ đều nói thầy họ là bậc thánh nhân. Nghĩa gốc của hai chữ thánh nhân thời xưa không phải là cao quý lắm. Theo Trang Tử thì thiên hạ nói rằng: "*Trên Thánh nhân còn có những bậc thiên nhân, thần nhân, chí nhân, thánh nhân được liệt vào hàng thứ tư, nghĩa của chữ thánh, chẳng qua là: "Mới nghe họ đã hiểu thấu sự tình, không việc nào không thông hiểu cả", thế thôi. Thật ra những người thông minh thấu hiểu nhiều sự việc thì có thể gọi là "Thánh" được; nói ví như chữ "Trẫm" thời xưa, ai cũng có thể tự xưng được. Về sau, được thánh hóa, dùng riêng cho vua, không cho phép những người bình thường được mạo xưng chữ "Trẫm", nó mới trở thành cao quý. Các môn đồ Chư tử thời Chu, Tần đều tôn xưng thầy mình là bậc thánh nhân cũng không là quá đáng. Các môn đồ của Khổng Tử gọi Khổng Tử là thánh nhân, Các môn đồ của Mạnh Tử gọi Mạnh Tử là thánh nhân. Các vị Lão Tử, Trang Tử, Dương Châu và Mặc Địch đương nhiên cũng có người gọi là thánh nhân; đến thời Hán Vũ Đế, quần thần dâng biểu xin xóa bách gia, từ trong số các Chư Tử thời Chu, Tần; chỉ chọn ra Khổng Tử, thừa nhận một mình ông là thánh nhân; danh hiệu thánh nhân đều bị nhất loạt tước bỏ hết. Khổng Tử đã trở thành thánh nhân được ngưỡng mộ. Khi Khổng Tử trở thành thánh nhân thì Nghiêu, Thuấn, Ngu công, Thành Thang, Chu Văn Vương và Chu Võ Vương mà ông ta vẫn tôn ngưỡng, đương nhiên cũng trở thành thánh nhân cả. Cho nên các thánh nhân của Trung Quốc chỉ có một người bình dân, còn lại đều là các vua chúa có công khai quốc cả*

Học thuyết của các Chư tử thời Chu, Tần phải dựa vào các vua chúa thời cổ cũng chỉ là những thứ bất đắc dĩ mà thôi. Có thể lấy một số ví dụ: Thời "Nam Bắc Triều – Triều phương Nam và triều phương Bắc, sau thời kỳ Đông Tấn ở Trung

Quốc- có một người tên là Trương Thiên Giản đưa bài văn của ông đến cho Lỗ Nạp xem, Lỗ Nạp bảo là thứ dỏm nên vứt vào sọt rác. Sau đó Thiên Giản viết lại, lấy tên là Thẩm Ước, lại đưa cho Lỗ Nạp xem, đọc câu nào ông đều tán thưởng câu ấy. Trần Tu Viên triều đại nhà Thanh viết một bài Tam Tự Kinh y học, lúc đầu ký tên là Diệp Thiên Sỹ, khi quyển sách đã được lưu hành rồi mới dám đổi tên mình. Điều này trong lời tựa của Tu Viên có thể chứng minh rõ. Xem xét hai sự việc trên, giả sử các Chư tử thời Chu, Tần không dựa vào các vua chúa có công khai quốc, e rằng các học thuyết của họ đã bị tiêu diệt rồi, đầu còn truyền đến ngày nay nữa. Các Chư tử thời Chu, Tần có ý muốn cứu đời, phải dùng các biện pháp ấy, học thuyết của họ mới có thể tiến hành được. Không ít những người sau đã được khích lệ, chúng ta cần phải cảm ơn họ, thế nhưng để nghiên cứu cho ra chân lý không thể không xé toạc cái màn che chắn bên trong

Sau Khổng Tử, cũng có một thánh nhân trong đám bình dân ra đời. Người này là Quan Vũ mà ai nấy đều đã biết! Phàm người đã chết rồi thì sự nghiệp kết thúc, duy nhất có Quan Vũ sau khi chết còn liên quan đến nhiều sự nghiệp, vẫn tự dành lấy danh hiệu thánh nhân lại, đã viết nên "*Đào Viên Kinh*" (Ý nói về những lời thề của chuyện kết nghĩa Đào Viên: Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi thời Tam Quốc), "*Giác Thế Chân Kinh*" (Chân kinh để giác ngộ cho đời) lưu truyền đời sau. Trước thời Khổng Tử, sự nghiệp và sách kinh điển của những thánh nhân ấy cũng giống như Quan Vũ mà thôi

Ngày nay ở một làng quê hẻo lánh nào đó, ngẫu nhiên có một người được hưởng giàu sang một tý chút; nói theo thuyết nhân quả, tức là người đó đã tích nhiều công lao ở dưới âm phủ. Nói rất hay: "*Nào là phần mộ của ông ta rất tốt, đã phát rồi; xem tướng đoán số mệnh đều nói là tướng mạo anh ta khác thường so với mọi người*", tôi nghĩ lòng người thời thượng cổ không khác bao nhiêu so với hiện tại, đại khái cũng có người nói về thuyết nhân quả; nhìn thấy các đế vương mở mang lập nghiệp, thì nói hành vi của các đế vương ấy là rất đạo đức rất tốt, cách nói này cũng được lưu truyền , trở thành tái hiện của những sách vở các Chư tử thời Chu, Tần. Thêm nữa, con người ta đều có thành kiến, trong lòng đã có thành kiến, khi nhìn các vật thì hình tượng sẽ bị thay đổi. Người đeo kính màu xanh, nhìn mọi vật sẽ trở thành màu xanh; người đeo kính màu vàng, nhìn mọi vật đều trở thành màu vàng. Các Chư tử thời Chu, Tần sáng tạo ra một học thuyết, dùng con mắt của mình để quan sát người xưa, người cổ xưa tự nhiên đã thay đổi hình tượng, sao cho phù hợp với học thuyết của ông ta

Chúng ta hãy thử nghiên cứu Đại Ngu trong các thánh nhân. Đùi ông ta không có bắp, cẳng chân không có lông, đầu trọc đen, sắc mặt đen bóng, thế mà lại là nhà Kiêm Ái vì "*mọi người mà không ngại gian khó*". Hàn Phi Tử nói: "*Ngu triệu các vương hầu đến họp, họ đề phòng đến chậm bị Ngu giết chết*", ông ta lại trở thành một đại pháp gia, chấp pháp vững như núi vậy. Khổng Tử nói: "*Ta không ưa Ngu mấy, chẳng*

thích ăn uống mà lại hiếu với quỷ thần, ghét quần áo mà lại thích mũ miện đẹp, không ưa ở nhà mà lại tận lực ở chốn ao chuôm". Rõ ràng là một bậc rất thuần Nho, thế mà Khổng Tử lại có cái khẩu khí châm biếm bất đắc dĩ như vậy. Đọc những bài văn về nhường ngôi sau thời Ngụy, Tấn thì thấy bước đường ông đi như Tào Phi, Lưu Dục. Các vị Tống nho đã nói: Ông ta (chỉ Đại Ngu) trở thành nhà lý học rộng lớn. Trong tập thư có nói ông ta lấy một cô gái Đồ Sơn, là một hồ ly tinh, phảng phất giống như một thư sinh công tử ở Liêu Trai. Nói rằng ông ta thoa phấn mong làm thay đổi cô gái họ Đồ Sơn, lại phảng phất như khoe khoang sự phong lưu của đôi lông mày được vẽ ra. Lại nói ông ta trị thủy, đã lừa dối được quỷ thần, có điểm giống như Tôn Hành Giả trong "**Tây Du Ký**", giống Khương Tử Nha trong truyện "**Phong Thần**". Theo con mắt nhận xét của Tôn Ngô này, ông ta lúc đầu đã quên người thân thờ kẻ thù, tiếp đó lại cướp đoạt thiên hạ của người thù địch. Cuối cùng bức tử người thù cũ, chôn ở Thượng Ngô giống như những nhân vật quan trọng trong **Hậu Hắc** vậy. Con người này thật vô cùng quái dị, giả thật chẳng biết quái gì cả, những thánh nhân khác khéo cũng chẳng kém ông ta là bao, nếu chúng ta suy nghĩ thêm một chút, vứt bỏ cái màn che bên trong cũng có thể làm rõ ra được. Bởi vì các thánh nhân là những nhân vật được kết thành bởi những hoang tưởng của người đời sau. Sự hoang tưởng của mỗi người đều không giống như nhau cho nên hình dạng của các thánh nhân có biết bao nhiêu cái khác nhau.

Tôi đã viết **"Hậu Hắc Học"**, từ thời nay đi ngược lại thời Tần, Hán thấy tương hợp, đủ thấy từ thời Xuân Thu Chiến Quốc đến nay, tâm lý của con người nói chung cũng tương đồng. lại truy cứu từ Nghiêu, Thuấn, Ngu, Thang, Văn, Võ, Chu Công thì biết được tâm lý của họ, thật là thần diệu khôn lường, làm theo lệ trời, tinh vi duy nhất, quả là **"Hậu Hắc Học"** không sao áp dụng cho được. Mọi người đều nói lòng người sau thời Tam Đại không cổ xưa, phảng phất như lòng người trước thời Tam Đại với lòng người sau thời Tam Đại đã trở thành hai phái khác biệt lắm, thế thì không kỳ quái lắm sao? Thật ra đâu có gì là kỳ quái; giả dụ ở thời Văn Cảnh, cũng dùng các biện pháp của Vũ Đế, xóa bỏ tên tuổi Bách gia Chư Tử vốn là thánh nhân, chỉ để lại một mình Lão Tử là thánh nhân mà thôi. Lão Tử đã tôn xưng Hoàng Đế thì Hoàng Đế cũng là thánh nhân. Trong đám bình dân chỉ có Lão Tử là thánh nhân thì trong các vua khai quốc chỉ có Hoàng Đế là thánh nhân. Tấm lòng của Lão Tử "*Huyền Thông kỳ diệu, sâu sắc khôn lường*". Tấm lòng của Hoàng Đế cũng là "*Huyền Thông kỳ diệu, sâu thẳm không thể biết được*", "*Chính sách chủ trương của họ luôn luôn thầm lặng, dân của họ luôn thuần nhất*", sau Hoàng Đế nhân tâm không cổ hủ nữa. Thiên hạ mà Nghiêu đã cướp của người người anh, thiên hạ mà Thuấn đã cướp của bố vợ, thiên hạ mà Ngu đã cướp của kẻ thù, văn võ quần thần của Thành Thang đã phản lại vua. Chu Công là em đã giết anh, cuốn **"Hậu Hắc Học"** mà tôi viết ấy cũng chỉ có thể xét người lại tới thời Nghiêu, Thuấn thôi. Lòng người ở trước thời Tam Đại, lòng

người ở sau thời Tam Đại đều dung hòa làm một mối. Nếu chịu khó tìm ngược về trước thì thấy lòng người ở thời đại Hoàng Đế và lòng người sau thời Nghiêu, Thuấn bị cắt thành hai mảnh. Giả dụ Lão Tử quả nhiên gặp vận may như Khổng Tử, ông đã trở thành một thánh nhân được vua ban. Tôi nghĩ cái danh hiệu Á Thánh của Mạnh Kha, nhát định sẽ bị Trang Tử cướp đi. Tứ Thư mà chúng ta đọc nhất định là của Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử, Y Tử; kinh thư mà chúng ta đọc nhất định là Linh Khu Tố Vấn, sách của Khổng – Mạnh cùng với sách của Quản, Thương, Thân, Hàn đều là dị đoan để nơi gác tía, chỉ có ai hiếu kỳ mới tình cờ giở ra xem, lễ ký trong Đại Học, Trung Dung giống với Mệnh Lệnh. Quy chế của vua; nhân tâm chỉ sợ 18 chữ, nếu tiềm ẩn những nét cổ xưa cũng chẳng có gì tinh vi kỳ diệu cả

Người đời sau giảng đạo nhất định hướng theo Đạo Đức Kinh, một môn huyền diệu sâu kín, cứ việc cặm cụi nghiền ngẫm, nhất định sẽ tạo ra cái thiên huyền, nhân huyền, lý tẩn dục tẩn…v.v.. Theo tôi nghĩ, chân tướng của thánh nhân chẳng qua là như thế cả (***Sau này tôi ngẫu nhiên giở Thái Huyền Kinh có thấy từ ngữ thiên huyền nhân huyền, duy chưa thấy từ ngữ "Lý tẩn dục tẩn"***)

Học thuyết chung của Nho gia đều lấy nhân nghĩa làm xuất phát, định ra một điều chung: "*Người làm theo nhân nghĩa thì tốt đẹp, người không làm theo nhân nghĩa thì chết", những thành bại xưa nay có thể hợp với điều chung này, thì gác qua một bên không bàn nữa. Xin nêu một ví dụ để nói: Thái Sử Công nói trong sử nhà Ân: "Tây Bá về rồi vẫn tu âm đức làm việc thiện*", sử nhà Chu thì nói: "*Âm đức Tây Bá tốt đẹp làm việc thiện*", có thể thấy tác dụng của hai chữ "***Âm***". Các thế gia đời Tề nói toạc ra: "*Tây Bá siêu thoát quy vào đạo nghĩa, cùng với Lã Thượng mưu tu đức, nhằm lật đổ chính quyền nhà thương, việc ấy là thuật nắm binh quyền đầu phải thực lòng vì dân, các Nho gia thấy Văn vương đã thành công nên đã suy tôn ông hết cỡ. Từ Yễn Vương đứng lên làm việc nhân nghĩa, 36 nước chư hầu Đông Hán đều theo, Kinh Văn Vương ghét người hại mình đem binh tiêu diệt, đó là sự thất bại của kẻ làm việc nhân nghĩa, các nho gia lại tuyệt nhiên không nêu lên. Luận điệu của họ hoàn toàn giống như sự báo ứng của thuyết nhân quả được truyền tụng trong nhân gian, thấy người ta giàu sang thì nói người ấy có âm đức, thấy ai bị điện giật chết thì bảo người ta là kẻ nghịch tử bất hiếu, tâm của họ khuyên mọi người làm việc thiện, nhưng đạo lý chân chính thực sự đâu phải như vậy*

Thánh nhân đời xưa quả là vô cùng kỳ quái, Lưu Bỉnh tán thưởng nơi mà thánh nhân đặt chân lên, lập tức thay lòng đổi mặt, thánh nhân cảm hóa con người, có sự thần diệu như thế? Tôi không lý giải được bố của Quảng Thái là thánh nhân, mẹ là thánh nhân, anh em điều là thánh nhân, vì bốn phương tám hướng đều bị các thánh nhân vây chặt, làm sao ở giữa lại có thể đẻ ra họ hàng cú vọ nhỉ!

Lý Tự Thành là tên giặc phiêu bạt khắp nơi, tiến vào Bắc Kinh, tìm thi thể Sủng Trinh Hoàng Hậu cho tắng ở bên cửa hoàng cung, liệm quan tài gỗ liễu, đặt tại cửa

Đông Hoa, để cho mọi người đến cúng tế. Vũ vương là bậc thánh nhân, ông ta đến chỗ Trụ vương chết, bắn vào Trụ vương ba mũi tên, rút chiếc kích vàng lớn chém xuống, treo đầu lên lá cờ màu trắng, các cụ, các ông của Vũ vương là những người đã từng xưng thần trước cung điện Trụ vương, thế mà ông ta lại có những hành động ấy, phẩm chất và hành vi của ông ta, rõ ràng cũng là một vị thánh nhân tài tình duy nhất, quả là cực khó khăn lắm thay? Giả dụ cái án ấy không được phơi trần ra thật đầy đủ, Ngô Tam Quế đã đầu hàng, thì Lý Tự Thành sao không trở thành Thái Cao Tổ Hoàng Đế nhỉ?

Thái vương ngày từ đầu đã trừ tận gốc nhà Thương, Vương, Quý Văn Vương nối ngôi, Khổng Tử tôn xưng các vị Vũ vương, Thái vương, Quý Văn Vương, thật ra có khác gì Tư Mã Viêm, Tư Mã Ý, Tư Mã Sư, Tư Mã Chiêu chỉ khác là những người sống ở thời trước Khổng Tử được cái danh thánh nhân truyền lại đời đời, còn người sống sau Khổng Tử đều được cái danh nghịch thần cả

Người đời sau thấy các thánh nhân đã làm những việc không đạo đức, tìm trăm phương nghìn kế để giải thoát cho họ, đến lúc có những chứng cớ xác đáng, không có cách gì giải thoát được nữa, mới nói đến các sự tích kể trên, lại phụ họa với người đời sau. Mạnh Tử đã nói rõ dẫn chứng này, ông nói: "*Đến lúc phải lấy nhân để đánh kẻ bất nhân, sẽ không thể không có chuyện đổ máu. Các chuyện Sở Thành Vương đổ máu trần ngập ấy chắc chắn đâu phải là chuyện giả. Từ chuyện dân chúng nhà Ân làm Tam Phản, chúng ta thấy có quá nhiều chiếu chỉ thông báo, cứ xem những chữ viết trong đó, đủ thấy khi phạt trụ thì máu đổ đầy tràn không phải là chuyện giả, chỉ e rằng: "Lấy nhân đán kẻ bất nhân", câu nói này có phần giả dối chăng?*

Tử Cống nói: "*Trụ vương không phải là kẻ thiện, chẳng qua nói quá vậy thôi, lấy danh nghĩa quân tử mà làm ác với nhứng kẻ hạ lưu, lại quy tội thiên hạ là ác vậy sao?*", tôi cũng nói: "*Cái thiện của Nghiêu, Thuấn, Ngu, Thang, Văn vương và Chu công chẳng là quá xá sao, rõ ràng đều lấy danh nghĩa quân tử ngồi trên đám hạ lưu, lại quy cho thiên hạ đều là đẹp cả sao*?". Nhược bằng đổi chữ hạ lưu thành thất bại, đổi hai chữ thượng lưu thành thành công, còn cảm thấy xác thực hơn

Người xưa khi bày ra các đạo, các giáo, lập đàn tế lễ, lấy một người chết, chỉ cho chúng dân: "*Đây là thần cúng tế*", chúng dân hướng vào đó gục đầu lễ bái. Đồng thời lại lấy đạo thánh giảng dạy, nói với chúng dân: "*Học thuyết của ta là do các thánh nhân truyền lại". Có người hỏi: "Đâu là thánh nhân?*". Người ấy tiện tay chỉ vào Nghiêu, Thuấn, Ngu, Thang, Văn vương và Chu công nói rằng: "*Đây là các thánh nhân*". Chúng dân coi đó là những thi thể nói chung, hướng vào đấy gục đầu lễ bái. Về sau đã tiến hóa rồi, khi tế lễ đã bỏ đi những thi thể, duy chỉ có sự mê muội đối với các thánh nhân thì hàng nghìn năm vẫn chưa tỉnh được. Nghiêu, Thuấn, Ngu, Thang, Văn vương, Chu Công vẫn được sùng bái hàng bao nghìn năm

Những người giảng thuyết nhân quả, nói có Diêm vương, hỏi Diêm vương ở đâu?

Họ nói: "*Ở dưới đất*", những người giảng lý học, nói có nhiều thánh nhân, hỏi thánh nhân ở đâu? Họ nói: "*Từ thời cổ*". Những quái vật ấy đều chỉ là tưởng tượng ra mà thôi, không thể nhận thấy, không thể chứng thực. Cái mà có thể chứng thực. là đạo lý của họ, càng huyền diệu, những người tinh lại càng nhiều. Những người sáng tạo ra những nghị luận này, vốn chỉ khuyên người ta làm việc mà không xác thực có thể gây ra nhiều tệ nạn. Các tệ nạn của thuyết nhân quả sẽ gây ra nạn quyền phỉ (*Một hội bí mật đời thanh, luyện tập quyền thuật rất tinh thông, tức là Nghĩa Hòa Đoàn – Les leoxers*), cái tệ của các thánh nhân khiến chân lý không thể xuất hiện được

Sau khi Hán Vũ Đế tôn Khổng Tử là thánh nhân, dư luận trong thiên hạ từ đáy lòng đều chẳng ưa gì, nhưng không dám trái lệnh. Khổng Dung chỉ sơ lược bàn luận một vấn đề với bố mẹ, Tào Tháo đã giết ông ta. Kê Khang bài báng Thương Vũ, Tư Mã Chiêu đã giết ông ta. Nho giáo truyền bá được, đều phải dựa vào quyền lực nói chung như Thào Tháo, Tư Mã Chiêu. Về sau cho dù mở trường, tìm tòi kẻ sỹ, người đi học nếu không đọc sách của nho gia, sẽ chẳng còn đường để tiến thân. Một khổng tử đã chết, ông ta vẫn có thể tay trái nắm các tước quan, tay phải nắm lấy giang sơn, sao lại không trở thành người thầy của muôn đời được. Những nhân vật trong những học phái của các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh, trong tâm khảm của họ, nếu là những nhân vật đứng dưới chân ngựa của thánh nhân Khổng Tử cả, đã bị thánh nhân dẫm đạp, nên những nghị luận của họ đâu dám xa rời những điều vô căn cứ, đâu dám tránh những con đường quanh co khó hiểu

Các thánh nhân của Trung Quốc là những kẻ cực kỳ chuyên quyền độc đoán. Những điều mà họ chưa hề nói, người sau không dám nói, nếu nói ra, dân chúng nghe thấy đều coi là dị đoan, sẽ công kích họ ngay. Chu Tử phát minh được một thứ học thuyết, không dám nói là tự mình phát minh được một thứ học thuyết, không dám nói là tự mình phát minh được, đành phải nói là một thứ cách vật trí tri ở cửa Khổng Tử đem lại, giải thích thêm chút ít, nói học thuyết của ông ta đích thực là di truyền của Khổng Tử. Về sau mới có người tin. Vương Dương Minh phát minh một thứ học thuyết mà ai nấy đều biết, cũng đành phải nói là một thứ cách vật trí tri, có giải thích thêm, về sau nhận là học thuyết, bảo rằng Chu Tử đã nói sai, học thuyết của anh ta mới đích thực là của Khổng Tử di truyền lại. Học thuyết của hai vị Chu, Vương vốn dương ngọn cờ độc lập, không cần, không cần dựa vào Khổng Tử thì học thuyết của họ tài gì mang ra áp dụng được. Hai người ấy đã tốn bao tâm lực để tìm chỗ dựa, thế mà người thời ấy còn nói là thứ ngụy học, bị công kích mạnh mẽ. Sự chuyên quyền của thánh nhân đến mức vậy thì làm sao nghiên cứu ra chân lý được?

Hàn Phi Tử - một nhà luật học thời chiến quốc – đã nói đùa rằng: "Người Dĩnh (tên địa phương, Thời Văn Vương nước sở dựng đô ở đất Dĩnh) gửi thư cho tướng quốc nước Yên (tên một nước thời chiến quốc, trong lịch sử Trung Quốc còn có cái tên: Tiền Yên, Hậu Yên, Nam Yên, Tây Yên và Bắc Yên; tên cũ của Bắc Kinh là Yên

Kinh), khi viết trời tối xầm lại, kêu lên rằng: "thắp đuốc", người viết thư bèn viết hai chữ thắp đuốc. Thư được đưa đi, tướng quốc nước Yên xem khá lâu, nói rằng: "*Thắp đuốc thì sáng lên, sáng lên là ý nói biết dùng người hiền*", lời nói ấy được tâu lên vua nước Yên, vua nước Yên nghe theo lời tâu, đất nước trở thành đại trị, tuy có hiệu quả nhưng sai với bản nghĩa của lời thư", cho nên Hàn Phi Tử nói: "*Tiên vương có sách Dĩnh, hậu thế có nhiều thuyết về Yên*". Rốt cuộc bốn chữ cách vật trí tri sẽ giải thích ra sao, e rằng chỉ những người viết sách Đại Học mới rõ được mà thôi, trong hai ông Chu, Vương ít nhất cũng có một người không tránh khỏi sự phê bình của thuyết Yên trong sách Dĩnh. Đâu phải chỉ có bốn chữ "*Cách vật trí tri*", e rằng cả Thập Tam Kinh (***Kinh dịch, Kinh thi, Kinh thư, Kinh lễ, Kinh xuân thu, Chu lễ, Nghi lễ, Công dương, Cốc Lương, Luận ngữ, Nhĩ nhã, Mạnh Tử***) trong các kho sách của Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều có nhiều luận thuyết khéo léo, cũng không tránh khỏi sự phê bình của "*Thuyết Yên trong sách Dĩnh*"

Cái màn đen trong học thuật cũng giống như cái màn đen trong chính trị. Thánh nhân và vua chúa là một cái thai sinh đôi, đều là bầy lang sói dựa dẫm vào nhau ở khắp nơi cả. Thánh nhân không chịu phục tùng uy quyền cẩu cái gậy vua chúa thì thánh nhân đã không được tôn sùng nhường ấy. Vua chúa không tuân theo cái gậy của học thuyết các thánh nhân thì vua chúa cũng chẳng thể làm càn, bậy bạ như vậy được, vì thế vua chúa đem danh hiệu của mình giao cho thánh nhân mới có thể xưng vương được. Thánh nhân đem danh hiệu của mình chia cho vua chúa, sẽ xưng thánh được. Vua chúa kiềm chế mọi hoạt động của nhân dân, thánh nhân kiềm chế tư tưởng của nhân dân, vua chúa phát ra một mệnh lệnh, nhân dân đều phải tuân theo. Nếu có người nào làm trái đều bị coi là kẻ đại nghịch, vô đạo, pháp luật sẽ không tha. Thánh nhân đưa ra một loại nghị luận nào, các học giả đều phải tin theo, nếu có ai phỉ báng đều bị coi là kể phi thánh, vô pháp, dư luận không tha thứ. Nhân dân Trung Quốc đã bị sự áp bức tàn khóc của chế độ quân chủ hàng bao nghìn năm, ý dân không thể được nêu ra, không trách nền chính trị luôn rối loạn. Các học giả Trung Quốc chịu sự áp bức tàn khốc của các thánh nhân hàng bao nghìn năm, tư tưởng không thể được độc lập; không trách học thuật bị chìm đắm. Vì học thuật có sai lầm, nền chính trị mới đen tối, cho nên phải cải cách mệnh chế độ quân chủ, cái mệnh của các thánh nhân cũng phải cải cách luôn thôi.

Tôi không dám nói nhân cách của Khổng Tử không cao, cũng không dám nói học thuật của Khổng Tử không tốt, tôi chỉ nói ngoài Khổng Tử ra, cũng còn có những nhân cách khác, những học thuyết khác. Khổng Tử không thể áp chế chúng ta, cũng chưa nói đến cấm chỉ những học thuyết khác lạ do chúng ta sáng tạo, không như những người đời sau chỉ biết đề cao Khổng Tử, áp đặt tất cả, khiến tư duy của các học giả không dám vượt ra ngoài phạm vi của Khổng Tử

Tâm khảm của các học giả bị Khổng Tử khống chế đã lâu rồi, đáng lẽ phải đẩy

ông ta ra, tư tưởng mới có thể độc lập, mới có thể nghiên cứu ra được chân lý của vũ trụ. Thời trước, có người đã đẩy Khổng Tử ra, thời này, những người như Đác-uyn đã xông ra, chiếm cứ được tâm khảm của các học giả, dư luận thiên hạ lại nghiêng sang phía những người theo học thuyết Đác-uyn, trở thành một Khổng Tử biến hình, chấp hành nhữngnhiệm vụ của thánh nhân. Đã có những người chống lại học thuyết của họ, lại bị coi là đại nghịch vô đạo, bị chửi bới ầm ĩ trên các trang báo, tạp chí. Nếu những người theo học thuyết Đác-uyn phải ra đi, lại có thể có người nhảy ra, chấp hành các nhiệm vụ của thánh nhân, học thuyết của người ấy cũng sẽ không cho phép ai trái ngược được. Theo tôi nghĩ: Học thuật là nhiệm vụ chung của thiên hạ, cần phải nghe người ta phê bình, nếu tôi có nói sai, phải sửa đổi theo học thuyết của người khác, sẽ không hại gì cho tôi cả, hà tất phải áp dụng thái độ quân phiệt, cấm người ta phê bình

Phàm những việc đều lấy bình đẳng làm gốc, chế độ quân chủ không bình đẳng đối với các học giả, nên trong học thuật sinh ra rối loạn. Thánh nhân không bình đẳng đối với các học giả, nên trong học thuật sinh ra rối ren. Tôi chủ trương hạ bệ Khổng Tử xuống, cho ngang hàng với các Chư Tử thời Chu, Tần. Tôi và các chư vị độc giả cùng nhau tham gia, ngồi ngang hàng cùng với họ, hoan nghênh các vị theo học thuyết Đác-uyn, đối lập với nhau, tranh luận với nhau, không cho phép các vị theo học thuyết Khổng Tử hay Đác-uyn ngồi trên chúng ta, chúng ta cũng không ngồi trên chốc họ, ai nấy đều độc lập về tư tưởng, mới có thể nghiên cứu ra được chân lý

Tôi vốn đã hay hoài nghi các thánh nhân, cho nên mỗi khi đọc sách của các thánh nhân, không thể không hoài nghi được, vì thế đã định ra ba bước đọc sách để định rõ những bước đi của mình, tiện đây xin trình bày như sau:

Bước thứ nhất: Coi những điều cổ xưa là địch thủ; đọc các sách của những người xưa đều coi họ là những kẻ kình địch của tôi, có họ sẽ không có tôi, không thể không có trận huyết chiến với họ, tường bước tìm cho ra những kẽ hở của họ, nếu thấy kẻ hở nào thfi xông ra công kích; lại tìm ra các cách kháng cự những người thời cổ đại, càng đánh càng mãnh liệt, càng công kích càng sâu hơn, đọc sách như thế mới có thể hiểu được mọi nghĩa lý

Bước thứ hai: Coi những điều cổ xưa là bạn, tôi phải chịu khó đọc mới thấy, tức là nêu một chủ chương, chủ trương đối kháng với người xưa, lại coi người xưa là bạn tốt của mình, cùng nhau cọ sát. Nếu chủ trương của tôi sai, sẽ không nề hà sửa theo người xưa; nếu chủ trương của người xưa sai, thì dựa theo chủ trương của tôi, nghiên cứu tiếp thêm nữa

Bước thứ ba: Làm học trò của người xưa, những người xưa đã trước tác các sách, học thức rất sâu sắc, nếu tôi tin vào học lực của các vị thời xưa ấy, thì không nề hà đọc sách của họ, đem sách ra đọc và bình phẩm như một học sinh bình văn nói chung, nói lên được cái đúng, sẽ khuyên mấy vòng khuyên thật kín đặc; nói lên được cái

không đúng, sẽ gạch mấy gạch thật đậm. Ngôn ngữ dung tục thế gian hàm súc nhiều ý hay, thú vị, nhưng không nhiều, huống hồ là sách của người xưa, đương nhiên có rất nhiều điều có lý chứa đựng trong đó. Phê bình càng nhiều tự nhiên tri thức càng cao, đó là điều nhờ đó mà lớn lên trong học tập phổ thông đã từng nói. Nếu gặp một người xưa mà tri thức tương đương với tôi, tôi mời người ấy và đối đãi như một người bạn già. Nếu gặp người có trí thức hơn tôi, tôi lại coi người này như một kẻ kình địch, tìm những khe hở của họ, để xem có thể công kích vào những khe hở đó được hay không

Tôi tuy đã định ra ba bước như vậy, kỳ thực vẫn chưa làm được, tự mình cảm thấy hổ thẹn. Tôi hiện nay mới làm được bước thứ nhất, muốn tiến lên bước thứ hai, vẫn chưa thể đạt được, còn lượng sức mình có lẽ suốt đời không thể đạt tới bước thứ ba. Giả dụ, tuy đã tìm ra được con đường phải đi, song con đường ấy quá dài, sức chân có hạn, đành phải cố gắng cất bước, đi từng đoạn lại tính cho đoạn bước tiếp sau vậy

Phần Bốn

TÂM LÝ VÀ LỰC HỌC

Chúng ta không thể quên được, năm Dân Quốc thứ 9 là kỷ nguyên mới trong sự phát triển tư tưởng của Tôn Ngô, **"Hậu Hắc Học"** của ông thực ra mà nói là bắt nguồn từ thuyết tính ác của Tuân Tử, về mặt lý luận không thể không nói rằng không dựa vào đấy, nhưng lúc ấy tự ông cũng cảm thấy chỗ dựa ấy không đủ. Một hôm, ông cùng một người bạn là Tào Kinh Chiêm ngồi nói chuyện phiếm ở quán trà, Kinh Chiêm bèn hỏi Tôn Ngô rằng: "*Bạn bè đều coi tư tưởng của ông là rất sắc bén, tại sao chỉ dừng ở mức độ đùa vui châm chọc thôi? Nên đi sâu nghiên cứu thành một học thuyết, nếu có phát minh cũng là vẻ vang cho bè bạn*"

Nghe lời nói đó ông rất cảm động, lại từ **"Hậu Hắc Học"** đi sâu nghiên cứu thêm một bước. Ông cho rằng **"Hậu Hắc Học"** có quan hệ với tâm lý học, bèn tìm các sách tâm lý học trong và ngoài nước để đọc nhưng mãi vẫn không thể thu nhận được gì thêm. Ông đã hoang mang không biết theo ai, và theo bản tính ông gạ hết những lời thuyết của người xưa, đời nay, rồi dùng những quy luật của vật lý học để nghiên cứu tâm lý học. Một hôm đang đi ngoài phố, bỗng thấy linh tính lấy chữ **"Tôi"** làm chủ thể, phảng phất trước mặt có nhiều cái vòng vây lấy chữ **"Tôi"**, rồi mở rộng dần ra như cái nam châm vậy. Sự biến đổi nhân tâm đều theo quy luật của lực học, các sự tích cổ kim, việc chính trị ngày nay, việc vặt thường ngày, trong tâm khảm của mình, ở lý hóa số học, ở các thuyết phương tây đều biểu hiện rõ ràng, cảm thấy có thể thông được. Cũng lúc ấy, thấy ánh hào quang giác ngộ hiện lên ở người phật, và cũng lúc ấy "Thuyết tương đối" của AnhsTanh và thuyết của Niu-Tơn ứng dụng vào tâm lý học, rồi tìm ra một dự đoán "*Tâm lý dựa vào quy luật của lực học biến đổi*". Trong năm ấy tôi viết một chuyên luận, tiêu đề là **"Tâm lý và lực học"** rồi dùng lực học và số học để giải thích mọi sự biến đổi của con người. Qua hơn mười năm nghiên cứu, bổ sung và chỉnh lý mới mở rộng thành một cuốn sách ra mắt người đời, cuốn sách này được xem là trung tâm tư tưởng của tôi. Đương thời, tôi đã tìm ra một dự đoán , muốn biến nó thành dẫn dụ. Đầu tiên tôi bắt đầu nghiên cứu "***nhân tính luận***" của Mạnh Tử và Tuân Tử. Mạnh Tử nói: "*Đứa bé đang bế trên tay không đứa nào không yêu mẹ, đến khi lớn lên đứa nào cũng kính yêu anh*". Tôi cho rằng lời nói ấy chưa hẳn đã đúng. Thử mời một bà mẹ bế đứa con của mình làm thí nghiệm trước công chúng, nếu bà mẹ bế con và cho nó ăn cơm, đứa bé sẽ đưa tay kéo cái bát cơm trên tay mẹ, nếu không chú ý cái bát có thể rơi vỡ. Hiện tượng ấy sao có thể gọi là yêu mẹ được, rồi bà mẹ cầm trong tay một miếng bánh ngọt, đứa bé trông thấy vội giơ tay giằng lấy, nếu bà

mẹ không có nó mà bỏ vào miệng mình, đứa bé ấy sẽ đưa tay móc miếng bánh ra rồi bỏ vào miệng nó. Hiện tượng ấy có gọi là yêu mẹ được không? Khi đứa bé đang được mẹ bồng bế trong lòng mà ăn cái gì đó, thằng anh đến gần, đứa bé đẩy anh ra và đánh anh, hành động này sao gọi là kính yêu anh? Trẻ em ở nước nào, châu nào cũng vậy. Sự thật có hiện tượng như thế thì thuyết "*Tính thiện của Mạnh Tử rõ ràng là không đúng chăng*?" nhưng câu nói: "*Đứa bé đang bế trên tay không đứa nào không yêu mẹ, đến khi lớn lên đứa nào cũng kính yêu anh*" rốt cuộc từ đâu mà ra. Muốn giải thích vấn đề này đành phải dùng phương pháp vật lý học để nghiên cứu

Thiên tính của con người lấy **"Tôi"** làm chủ thể. Tôi và mẹ đối lập nhau, đứa bé chỉ biết có cái **"Tôi"** nên móc miếng bánh từ trong miệng mẹ ra bỏ vào miệng mình. Mẹ là người cho tôi bú, anh là người anh là người mang thức ăn đên cho tôi, so sánh giữa mẹ và anh thì mẹ gần gũi hơn anh. Cho nên đứa bé yêu mẹ. Lúc lớn lên, **"Tôi"** tiếp xúc với hàng xóm, so sánh giữa anh với hàng xóm, thì anh gần gũi tôi hơn nên kính yêu anh

Từ đó suy ra, nếu đi ra khỏi làng thì yêu hàng xóm, nếu đi ra tỉnh khác thì yêu người tỉnh mình, nếu đi ra nước ngoài thì yêu người nước mình, nó có một quy luật nhất định. Quy luật đó là cách tôi càng gần, tình yêu càng đằm thắm, tình yêu thương và khoảng cách tỷ lệ nghịch với nhau. Ta thấy trong câu nói "Đứa bé đang bế trên tay không đứa nào không yêu mẹ, đến khi lớn lên đứa nào cũng kính yêu anh" của Mạnh Tử đã chứa đựng chữ "Tôi" chẳng qua nói rõ ra thôi. Nếu bổ sung chữ tôi vào vẽ hình xem tự nhiên sẽ sáng tỏ ngay.

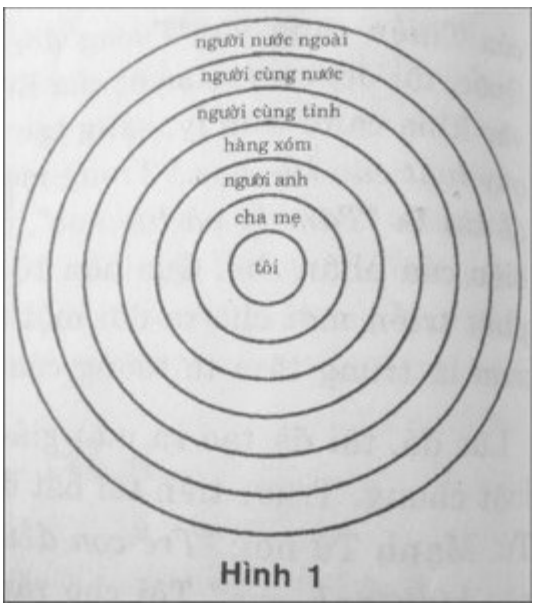

Hình 1

Ở hình trên, Vòng thứ nhất là **"Tôi"** , vòng thứ hai là mẹ, vòng thứ 3 là Anh, vòng thứ 4 là Hàng Xóm, Vòng thứ 5 là Người cùng Tỉnh, vòng thứ 6 là Người cùng Nước, vòng thứ 7 là Người Ngoài Nước. Các vòng ấy ấy là hiện tượng của nhân tâm, rấ**"Tôi"** giống với sức hút của tâm quả đất. Từ đó ta có thể biết tâm tính của con người giống với điện từ, giống với sức hút của tâm quả đất, cho nên định luật của Niu

– tơn có thể vận dụng vào Tâm lý học.

Nhưng hình vẽ trên có chính xác không, còn phải khảo nghiệm. Ví dụ vào tiết tháng 3, chúng ta cùng người bạn đi chơi thấy non xanh nước biếc, trong người thấy thoải mái, nhưng đến chỗ đồi núi khô cằn, trong lòng cảm thấy buồn, nguyên do tại đâu? Bởi vì sông núi là vật, tôi cũng là vật, là chủ thể, cho nên gặp vật tốt thì vui, gặp vật xấu thì buồn, lại đi đến một nơi khác thấy trên đất có nhiều mảnh đá vỡ. Tại sao vậy? Bởi vì đá là vật vô sinh, còn hoa và **"Tôi"** là vật hữu sinh. Cho nên người thấy hoa rơi đã tức cảnh làm thơ phú mà không làm bài ca về đống đá đã vỡ kia. Các bài thơ cổ kính vịnh về hoa rụng được coi là hay, điều đó được gắn với tình cảm của con người. Nếu như trên đám hoa rụng lại có con chó sắp chết đang kêu thảm thiết làm kinh động lòng người, thì cảm xúc về hoa rụng bị đứt quãng, tại sao vậy? vì hoa là thực vật, chó cùng với **"Tôi"** là động vật, nên tự nhiên đồng cảm với chó hơn.

Lại ví dụ trên đường tôi gặp con chó dữ tợn đang cắn người, người ấy cầm gậy đánh chó, lúc ấy đang cắn người, chúng ta chỉ giúp người đánh chó, tại sao? Bởi vì chó là loài thú còn người kia là loài người, nên dĩ nhiên phải ủng hộ với người

Ta và bạn chia tay về nhà. Vừa về đến nhà đã có người bạn bảo ông bạn vừa chia tay ấy đi trên phố đang cãi nhau với một người, chưa biết phân giải ra sao. Ta nghe nói vội chạy đi cứu, do quan hệ bạn bè nên ta phải cứu bạn, ta kéo bạn về nhà hỏi nguyên nhân cãi nhau, lúc đang nghe nói bỗng nhiên trần nhà bị đổ, ta vội nhảy ra ngoài, quay đầu gọi bạn: "Sao không chạy đi?" thử hỏi thấy trần nhà đổ tại sao không gọi bạn trước mà mình chạy trước rồi mới quay đầu gọi bạn. Điều ấy chứng minh đó là thiên tính con người, là cái **"Tôi"** là chủ thể

Chúng ta đem sự việc nói trên vẽ thành hình 2

Vòng thứ nhất là **"Tôi"**, vòng thứ 2 là bạn, vòng thứ 3 là người khác, vòng thứ 4 là chó, vòng thứ 5 là hoa, vòng thứ sau là đá. Quy luật của nó là: "***Càng cách xa tình yêu càng giảm, tình yêu tỷ lệ nghịch với khoảng cách***"

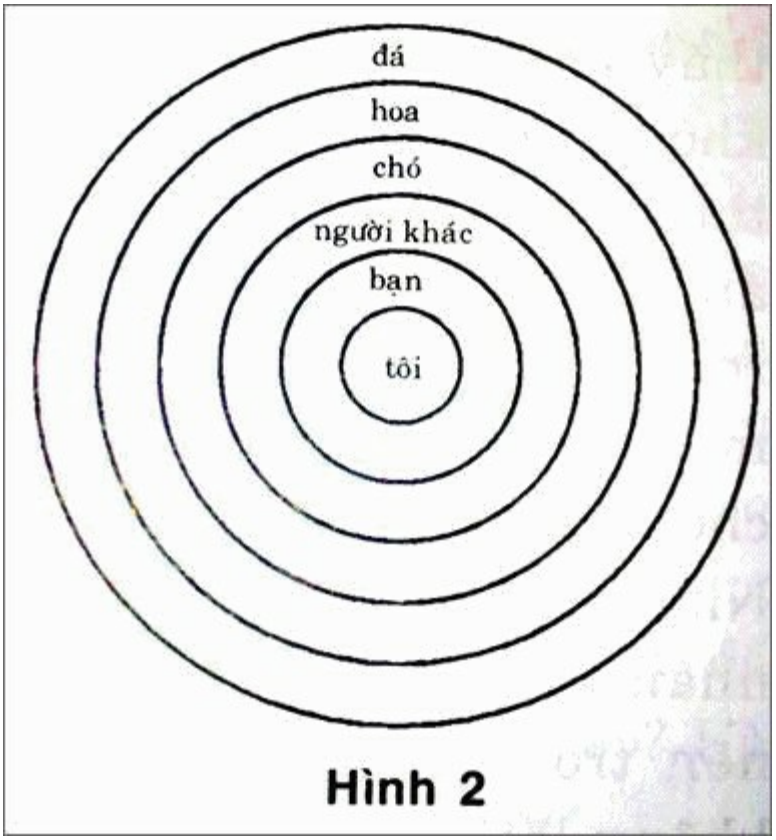

Hình 2

Việc sắp xếp vị trí hình 2 khác hẳn với hình 1 nhưng kết quả thu được lại giống nhau, đủ để chứng minh luật của tạo hóa là như vậy. Tóm lại nếu có hai vật hiện ra trước mắt ta, ta không cố tình sắp xếp thì dĩ nhiên cái **"Tôi"** là chủ thể. Tùy theo khoảng cách ta xa hay gần mà tình yêu đậm hay nhạt giống như sức hút của tâm quả đất

Còn một chứng cứ nữa để nói lên thuyết tính thiện của Mạnh Tử, ông nói: "*Hôm nay, chợt thấy một gã rơi xuống giếng thì cảm thấy xót xa thương tiếc*". Cứ xem chữ nghĩa thấy câu nói này có gì chưa ổn. Ở trên ông nói hai chữ "*Xót xa*", tại sao ông nói "*thương tiếc*" xuống dưới mà không nói "*xót xa*", chỗ chưa ổn là ở đây. Xót xa có hàm ý kinh sợ, nguồn gốc của chữ "**Tôi**". Lúc chợt thấy một gã rơi xuống giếng, trước mắt có 3 vật, một là "**Tôi**", hai là "**gã**", ba là "**giếng**". Ta và gã là tính người, giếng là vật vô sinh, thấy gã ấy rơi xuống giếng, cái "chết" hiện ra trước mắt ta cho nên cảm thấy xót xa, tiếp đó đồng cảm với gã bị rơi chứ không đồng cảm với giếng; tất nhiên đầu tiên là "**Tôi**" rồi mới đến gã, vì "**Tôi**" sợ chết nên mới cảm thấy gã ấy rơi xuống giếng là chuyện bình thường, sẽ không cảm thấy xót xa. Không có "**Tôi**" thì không có gã, không có xót xa, không có thương tiếc. Gã là ảnh phóng to của "**Tôi**", thương tiếc là ảnh phóng to của xót xa. Mạnh Tử dạy người ta là mở rộng lòng thương tiếc là rất tốt, chỉ hiềm ông nói thiếu một câu: "*Thương tiếc từ xót xa mở rộng ra*". Do đó người đời sau lại hiểu lầm sai lệch đi. Nhất là đám Tống nho nhận ra điểm này, cho rằng thương tiếc là gốc của nhân tính, quên mất rằng ở trên thương tiếc còn hai chữ xót xa, cho nên trong mọi cuộc bàn luận đều lấy thương tiếc làm điểm xuất phát, khác nào hủy diệt nhân tính vậy. Học vấn của họ tập trung vào việc "*Khử nhân dục tồn thiên*

lý", cho nên coi xót xa là nhân dục, ra sức khử bỏ đi thì đâu còn thương tiếc nữa. Họ đâu biết xót xa là nguồn gốc của thương tiếc, nếu bỏ xót xa thì làm gì có thương tiếc

Học trò Trình Tử chuyên làm việc "*Khử nhân dục*" tức là chuyên việc "*Khử xót xa*". trong đám học trò có Lữ Nguyên Minh đi kệu qua sông ngã xuống nước những người đi theo chết đuối, riêng ông ta vẫn bình thản ngồi trong kiệu, không hề cử động, ông ta fà người đã khử mất xót xa, cho nên thấy người chết đuối không động lòng thương tiếc. Học phái của Trình Tử truyền đến Nam Đô, bố của Trương Nam Hiên là Trương Ngụy Công đi trận mạc ở Phù Li, quân tướng chết hơn chục vạn người, đêm đến vẫn ngủ ngon gáy to như sấm mà Nam Hiên còn khoe bố ông ta rất tinh thông tâm học. Trương Ngụy Công là người khử mất xót xa, coi người chết như rơm rác nên không động lòng thương tiếc. Bản thân Trình Tử cũng là người khử mất xót xa nên mới nói: "*Đàn bà chết đói là chuyện nhỏ, thất tiếc mới là chuyện lớn*", trách gì Đái Đông Nguyên nói Tống nho là bọn dùng "***Đạo lý giết người***". Tâm lý của loài người biến đổi theo quy luật của lực học. Lực có hai loại là Ly Tâm và Hướng Tâm. Ở hình 1 các vòng phát triển ra ngoài, đó là hiện tượng Ly tâm. Hình 2 các vòng thu vào trong, đó là hiện tượng Hướng tâm. Mạnh Tử đứng trong hình 1 nhìn ra ngoài, thấy thiên tính của con người lúc nhỏ thì yêu mẹ, lớn lên yêu anh, lớn nữa yêu hàng xóm, rồi yêu người trong tỉnh, yêu người trong nước, nếu mở rộng ra hơn nữa còn có thể yêu cả loài người, loài vật nữa, từ đó đoán được tính người là thiện rồi kêu gọi người ta đem tính thiện vốn có ấy phát triển lên. Tuân Tử đứng ở hình 2 nhìn vào tỏng thấy tâm tính của con người thấy hoa thì quên đá, thấy chó thì quên hoa, thấy người thì quên chó, thấy bạn thì quên người khác, thu hẹp lại đến lúc trần đổ xuống chỉ còn mình ta, thậm chí quên luôn cả bạn hiền. Từ đó đoán định tính người ta là ác, rồi kêu gọi người ta dập bớt tính ác cố hữu đi. Hiện tượng ấy không liên quan đến tính thiện tính ác, chỉ cần giả định "Tâm lý biến đổi theo quy luật của lực học", đem định luật sức hút của Niu - tơn, thuyết tương đối của Anhstanh ứng dụng vào tâm lý học, đem vật lý sánh cùng tâm lý để nghiên cứu, không đơn giản và rõ ràng hơn hay sao? Cứ phải đem cái tính thiện, tính ác ra tranh luận mãi không thôi cho khổ

Mạnh Tử nói yêu mẹ kính anh, nói xót xa thương tiếc, trong đó ẩn chứa chữ "Tôi" nhưng ông bắt đầu từ vòng thứ hai, còn cái "**Tôi**" ở vòng thứ nhất lại bớt đi không nói. Dương Chu theo thuyết "**Vị Ngã**", ý muốn vạch rõ vấn đề ở vòng thứ nhất, nhưng ông chỉ chuyên nghiên cứu ở vòng thứ nhất mà không chú ý đến vòng thứ hai và các vòng khác nữa. Còn Mặc Địch leo cao nhìn xuống bỏ mất cái "**Tôi**" ở vòng thứ nhất, chủ trương "*Yêu không sai"* là không biết phân ra vòng lớn vòng nhỏ, chỉ vẽ một vòng cực lớn. Dương Chu chỉ có vòng nhỏ không nắm được vòng lớn. Mặc Địch có vòng lớn không nắm được vòng nhỏ. Hai người đều không biết rằng: hiện tượng thiên nhiên là có vòng lớn vòng nhỏ, tầng tầng lớp lớp bao quanh

Mạnh Tử, Tuân Tử nhìn thấy tầng lớp các vòng bao quanh, nhưng học thuyết của

Mạnh Tử là các vòng mở rộng dần ra còn học thuyết của Tuân Tử là các vòng thu hẹp dần nên không tránh khỏi hiện tượng thiên lệch một bên. Chúng ta lấy cái "**Tôi**" của Dương Chu làm tâm điểm, bên ngoài thêm một số chữ yêu nữa thì phù hợp với hiện tượng thiên nhiên. Cũng cần nghiên cứu và phân tích thuyết "**Tự tư**" của Tống nho. Tư đối lập với công nhưng không tuyệt đối. Giả sử chỉ biết đến ta mà không dòm ngó đến vợ con, vẽ riêng ta đứng trong vòng , vợ con ta sẽ nói ta tự tư. Bây giờ xoa cái vòng ấy đi. Khoanh cả vợ con vào trong vòng thì anh em sẽ ở ngoài vòng, anh em lại nói ta tự tư. Bây giờ ta xóa cái vòng cả vợ con đi, vẽ cái vòng khác có cả anh em trong ấy, làng xóm ở vòng ngoài, họ lại nói ta tự tư, ta lại xóa cái vòng anh em trong ấy, rồi vẽ vòng khác có cả hàng xóm trong ấy, những người trong nước ở ngoài vòng lại nói tự tư. Cho nên cuối cùng phải xóa cái vòng có người trong nước ở đấy rồi vẽ một cái vòng thật lớn chưa cả nhân loại mới có thể gọi là "Công"

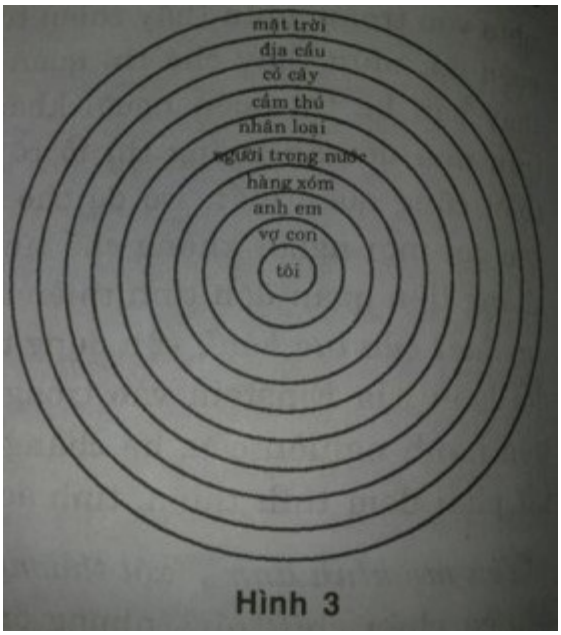

Hình 3

Nhưng vẫn chưa thể gọi là công nếu như động vật, khoáng vật biết nói. Cầm thú nhất định nói: "Tại sao loài người các anh lại giết hại chúng tôi? Thế chẳng hóa ra là tự tư quá chăng"; thảo mộc sẽ hỏi cầm thú: "Tại sao các người lại ăn chúng tôi? không phải tư lợi sao?". Đất lại hỏi thảo mộc: "Tại sao các người lại hút hết chất dinh dưỡng của tôi?Chẳng tự tư tự lợi sao?". Đất cát sỏi đá lại hỏi tâm quả đất: "Ta dắt nười bay vòng quanh, có lúc người chạy ra ngoài và ngầm muốn điều khiển ta nữa, ngươi tự tư quá đấy. Nói thêm nếu như mặt trời sợ quả đất bảo mặt trời tự tư, mặt trời bỏ quả đất thì quả đất sẽ bị tiêu diệt ngay

Cứ suy diễn theo cách ấy thì khắp thế giới này không thể tìm đâu ra chữ "Công". Gọi là công trong phạm vi nào đó, người trong phạm vi ấy cho là công, người ngoài phạm vi cho là "tư" đi khác nào trừ bỏ mọi sức hút, trừ bỏ hết thì sẽ không có loài người, không có thế giới. Thuyết tự tư của Tống nho không thể nào không được

Thử hỏi chữ tư không từ bỏ được, mà để chữ tư thì có hại, phải xử lý như thế nào?

Xin thưa có cách: Tự tư của con người như muôn vàn sức hút, chúng ta dùng cách trị sức hút để trị tính tự tư của con người. Theo hình vẽ trên, các vòng lớn vòng nhỏ tầng lớp bao quanh đều là hiện tượng sức hút của quả đất, tự nhiên là tất nhiên. Ta theo quy luật ấy để sắp xếp mọi sự vật trong thế gian này theo trật tự, giống như các tinh cầu trong thế gian này theo trật tự, giống như các tinh cầu trong vũ trụ hút đẩy nhau để tồn tại, thì sự đời sẽ bình an vô sự

Từ các sự tích cổ xưa, ta tìm quỹ đạo của tâm lý

Nhân tâm tuy khó lường, nhưng qua việc họ có thể xem xét tâm lý của họ được, 24 bộ sử ấy là dấu ấn lưu lại tâm lý của nhân loại, ta rút các sự tích lịch sử ra, so với quy luật lực học rồi vẽ thành hình, thấy sự việc con người mênh mông lộn xộn, đều có quỹ đạo nhất định. Cách vẽ hình là: Nếu trong tâm ta nghĩ đến việc gì thì coi vật ấy là một vật thể. Trong tâm thích nó là muốn nó đến gần, nếu không thích nó là muốn đẩy nó ra xa. Từ quy luật đẩy hút nhau có thể tìm ra quỹ đạo

Khổng Tử nói: Người Ngô người Việt ghét nhau khi họ đi cùng thuyền gặp sóng gió thì lại cứu nhau như anh em. Lý do là thuyền sắp chìm, người Ngô người Việt đều muốn cứu thuyền khỏi đắm, trở thành tuyến hợp lực giống nhau, thường ngày là kẻ thù, giờ đây trở thành bạn bè cứu nhau trong hoạn nạn

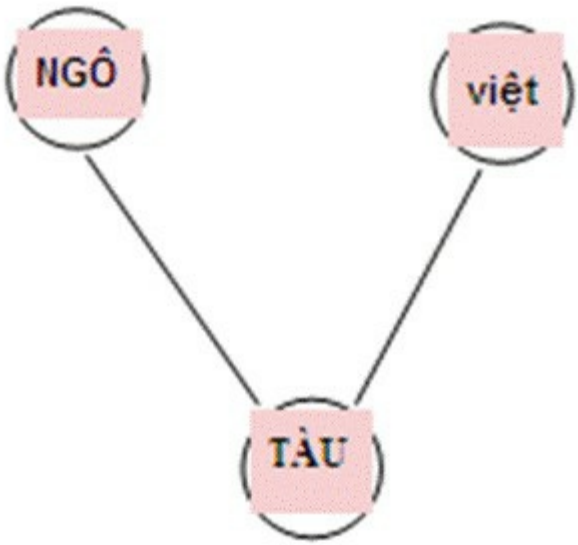

Hình 4

Trận bội thủy (Trận Hàn Tín dàn quân quay lưng ra sông đánh ngược trở lại, giành thắng lợi) của Hàn Tín đặt ở đất chết mà sống lại. Hán binh của Trần Dư vây ép, trước mặt là sông lớn, là đường chết, chỉ có quay người lại, đẩy lính Trần Dư ra mới là đường sống. Mọi người đều nghĩ vậy, trở thành tuyến hợp luật giống nhau, toán quân ô hợp trở thành đoàn kết thống nhất. Hướng lực tuyến hợp với Hàn Tín, nên Hàn Tính giành thắng lợi

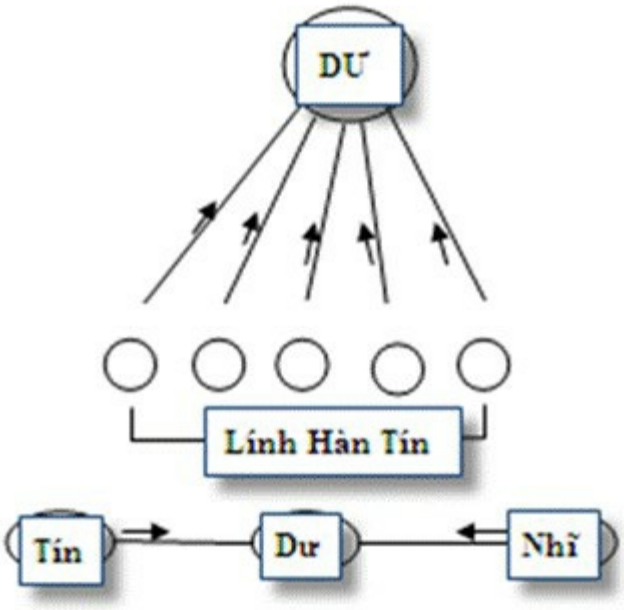

Hình 5

Trương Nhĩ, Trần Dư là bạn tâm giao ruột thịt. Khi Trương Nhĩ bị quân Tần vây khốn, cho người đi cầu cứu Trần Dư, Trần Dư sợ Tần không dám đến cứu, hai người trở nên thâm thù. Lúc đó Trương Nhĩ đẩy quân Tần về phía Trương Nhĩ, hướng lực tuyến đẩy nhau, để bọn ruột thịt biến thành kẻ thâm thù. Kết quả Trương Nhĩ giúp Hàn Tín giết chết Trần Dư chìm xuống nước

Cuối đời Tàn Doanh Chính, chính quyền nhà Tần hà khắc tàn bạo, Trần Thiệp hô hào các hào kiệt phương Đông nhất tề nổi dậy, chẳng ai liên lạc tự nhiên kết thành. Đó là do dân chúng bị áp bức đã lâu, mọi người đều muốn đánh đổ nhà Tần, quyền lợi giống nhau, tạo thành tuyến hợp lực đồng hưởng, tự nhiên hợp lại. Lưu Bang, Hạng Vũ lúc đầu khởi binh, ý chí cùng diệt Tần, mục đích giống nhau trở thành hợp lực tuyến, dù người khác họ có thể kết thành anh em. Sau khi diệt Tần, mục đích đạt rồi, chỉ còn lại giang sơn, Lưu Bang muốn đoạt lấy, lực tuyến ngược nhau, anh em khác họ đánh giết lẫn nhau. Lúc Hạng Vũ xưng bá, Lưu Bang nghĩ: Diệt được Hạng Vũ là xong. Hàn Tín, Bành Việt cũng nghĩ: Diệt được Hạng Vũ là yên ổn. Tử tưởng của ba người giống nhau, tự nhiên thành hợp lực tuyến nên hội quân ở Cai Hạ và diệt Hạng Vũ. Hạng Vũ bị diệt rồi, vua tôi không còn nhu cầu hợp lực, tư tưởng mỗi người nghĩ đến quyền lợi. Nói đến quyền lợi, anh được nhiều tôi chỉ được ít, lực tuyến xung đột, cho nên Hán Cao Tổ đã giết hại công thần

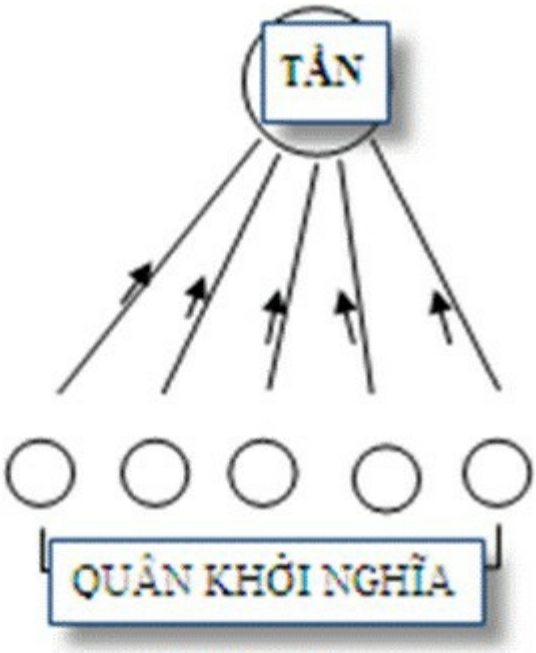

Hình 6

Đường Thái Tông giành ngôi nhà Tùy, Minh Thái Tổ giành nhà Nguyên, mới khởi đầu khởi binh giống nhau như Triều Hán. Sau khi thành công, anh em nhà Đường giết nhau, còn nhà Minh thì công thần bị diệt cả họ, khác nào Hán Cao Tổ

Sau khi dành được thiên hạ, lực tuyến vua tôi trở nên xung đột, vua tôi không diệt bề tôi, bề tôi sẽ diệt vua, xem hai lực mạnh yếu mà đoán được sự tồn vong của ai. Lý Tự Nguyên phò tá Đường Trang Tông diệt Lương, diệt Khiết Đan, lực của Trang Tông không áp chế nổi ông ta, ông ta bèn đoạt ngôi vua của Trang Tông. Triệu Khuôn Dẫn phò Chu Thế Tông phá Hán diệt Đường, lực của Vua kế vị không áp chế nổi ông ta, ông ta bèn đoạt lấy giang sơn nhà Chu. Đó là gương phản chiếu nếu Lưu Bang không giết Hàn Tín vậy

Sau khi Hán Quan Vũ bình thiên hạ, Đặng Ngu Cảnh Hạp đem binh quyền giao hết, ở nhà đóng cửa đọc sách, đó là nhìn rõ con đường đi của Quan Vũ mà nhường bước. Tống Thái Tổ dùng chén rượu để giải giáp bình quyền, đó là cách đi riêng của ông ta, kêu gọi người khác lui ra. Thực ra tâm lý của Hán Quang Vũ, Tống Thái Tổ cũng giống như Hán Cao Tổ. Chúng ta không thể nói Hán Cao Tổ là tàn bạo, cũng không thể nói Hán Quan Vũ, Tống Thái Tổ là khoan dung mà chỉ có thể nói đó là quy luật của lực học

Nhạc phi muốn đem Trung Nguyên đổi cho sứ Nam, Tần Cối đem Trung Nguyên đẩy lên sứ Bắc; Nhạc phi muốn đưa Vi Khâm Nhị Đế tiếp sứ Nam. Tần Cối muốn đưa Vi Khâm Nhị Đế tiếp sứ Bắc. Cao Tông, Tần Cối thành tuyến hợp lực có hướng giống nhau, hướng đó ngược chiều với hướng của Nhạc Phi, lực của một mình Nhạc Phi không địch nổi hợp lực của Cao Tông, Tần Cối cho nên phê mấy chữ là vào tù, Nhạc Phi không thể không chết

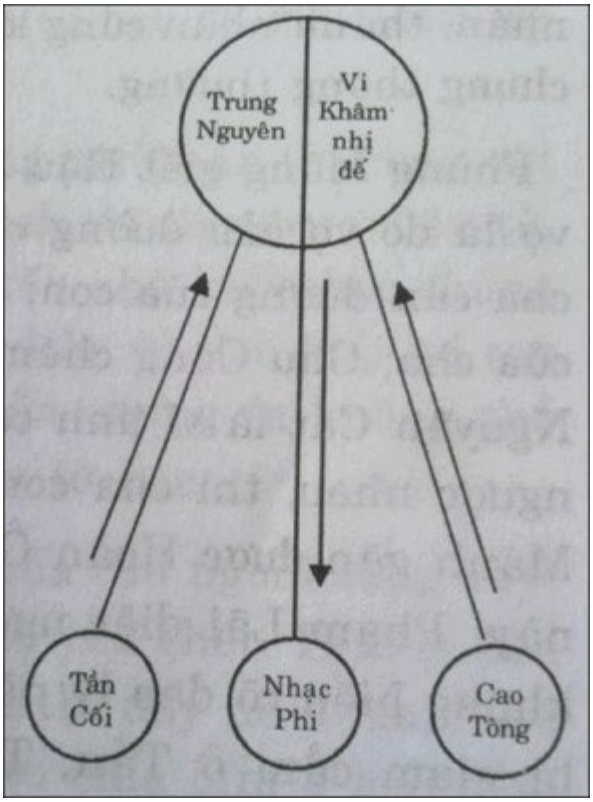

Trên lịch sử ai cản trở đường đi đều mang họa vào thân. Lưu Tiên Đế giết Trương Dục, Gia Cát Lượng hỏi: "*tội gì*?", tiên đế nói: "*Học trò của Phương Lan không thể không từ bỏ*". Phương Lan tội gì? tội tại học trò đâu phải tại đất. Triệu Thái Tổ đánh Giang Nam, Từ Huyền Sinh thư thả hãy xuất quân, Thái Tổ nói: "*Nằm ngủ há để người ngáy to bên cạnh*!". Ngáy to có tội gì? Tội do ngủ ngày đâu phải do đất. Xưa nay còn có chuyện lạ lùng: Hai anh em Địch Thích, Hoa Sỹ trên không thờ Vua, dưới không làm bạn với Chư Hầu, cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, ở nơi heo hút, nằm dưới gối của mình mà ngủ tưởng rằng tránh được tai họa. Thái Công đến Dinh Khâu, đem họ ra giết ngay, thế còn gì là đạo lý nữa. Bởi vì lúc ấy Thái Công đang muốn dùng tước lộc, để sai khiến hào kiệt, chỉ có hai người này không chịu nhận tước lộc, nghêng ngang trước mặt. Họ đã cản đường đi, dung làm sao nổi? Thái Công là Thánh nhân, Địch Thích và Cao Sỹ là bậc cao sỹ, cao sỹ cản trở đường đi, thánh nhân cũng không dung được. Đó là lẽ thông thường. Phùng Mông giết Thăng do thầy cản đường học trò. Ngô Khởi giết vợ do vợ cản đường đi của chồng. Hán Cao Tổ chia đất Nghiệp do bố cản đường đi của con. Nhạc Dương Tử ăn phân do con cản đường đi của cha. Chu Công giết Quảng Thái, Đường Thái Tông giết Kiến Thành, Nguyên cát là anh cản đường của em. Có thể nếu tuyến đi xung đột thì cha con, anh em và vợ chồng có cớ giết nhau

Vương Mãng gặp Hoàng Ôn thì bỏ phụ tần, Ân Hạo không rõ lẽ đó; Phạm Lãi diệt Ngô xong bèn trèo thuyền đi Ngũ Hồ, Văn Chủng không rõ lẽ đó nên thất bại. Ngoài ra còn chuyện Hàn Phi là tù nhân của Tần, Tử Tế đấu kiếm, Kê Khang bị diệt, Nguyễn Tịch thoát họa; ta thử đem bọn Hàn phi ra nguyên cứu một chút, chuyện Lý Tư thử Hàn Phi, chuyện sai tính giết Tử Tế, chuyện chứa chấp Nguyễn Tịch, chuyện Tư Mã

Chiêu giết Kê Khang, tìm ra điểm cần chú ý trong tâm mỗi người, khảo sát đường đi trải qua của họ, thì biết có xung đột hoặc không xung đột, chắc không ra ngoài luật định.

Vương An Thạch nói: "*Thiên biến chẳng đáng sợ, người nói chẳng đáng nghe, tổ tông chẳng sợ phép*". Câu nói này muốn hợp với đạo lý, ngày đó nhờ ba câu mà ông được trọng dụng. Ngày nay chúng ta đọc câu này, cảm thấy ông ta đang bực bội mắng người, trong lòng không được thư thái nếu chúng ta vào thời ấy, hẳn sẽ không tránh khỏi xung đột với ông ta. Trần Hoành Mưu nói: "*Phải trái phải xem xét mình, bỏ danh dự phải nghe người khác, được mất là tại số*". Ba câu nói này về ý nghĩa giống với Vương An Thạch, nhưng khi chúng ta đọc lên thấy ông này hòa nhã đáng gần. Tại sao vậy? bởi vì Vương An Thạch đi nghênh ngang trên đường dù trên đường có thiên biến, người nói, tổ tông, ông ta vẫn gạt phăng mà đi còn Trần Hoành Mưu đặt chữ "*Mình*", chữ "*Người*", chứ "*Số*" thành ba tuyến song song, cái nọ không xung đột với cái kia. Chúng ta nghe Vương An Thạch tự nhiên đặt mình vào chữ "*Người*" ở câu "*Người nói chẳng đáng nghe*". Nghe Trần Hoành Mưu nói tự nhiên đặt mình vào chữ "*Người*" ở câu "*Bỏ danh dự, phải nghe người khác*". Lực tuyến tâm chúng ta thích người ta nhường mình, cho nên tình cảm của ta đối với hai ông Vương, Trần cũng khác nhau. Nếu hiểu được lẽ này, gặp việc tiếp vật sẽ có cách xử lý thích hợp. Theo quy luật của lực học và điện từ học, nói rõ thêm về quỹ đạo tâm lý học. Chúng ta đem phân tử một vật thể tìm ra nguyên tử, đem nguyên tử phân tích thì tìm ra điện tử, điện tử là một loại lực, các nhà khoa học đã chứng minh rồi. Người là một loại vật thể, không thể chúng ta do điện tử tập hợp lại mà thành, thân và tâm vốn cùng một vật cho nên tâm lý của tâm không thoát khỏi quy luật của luật học, của điện từ học. Tác dụng của điện từ là sức đẩy và sức hút, tâm lý con người cũng vậy. Con người ta có bảy tình, khác hẳn nhau. Chỉ có hai loại Yêu và Ghét. Tâm ta yêu cái gì thì hút nó lại gần, tâm ta ghét cái gì thì đẩy nó ra xa. Hiện tượng giống với điện từ. Tâm của người chia làm ba loại: Biết, Tình, Ý; Ý là vật hỗn hợp giữa Biết và Tình. Điện Từ đồng tính đẩy nhau, khác tính hút nhau, tác dụng đẩy nhau hút nhau của nó là hiện tượng của tính. Có thể phân biệt đồng tính, khác tính lại chứa đựng cả tác dụng Biết nữa, nên ta thấy điện từ cũng có Biết và Tình. Loài người trai gái yêu nhau là khác tính hút nhau; đồng nghiệp ghét nhau là đồng tính đẩy nhau. Lúc điện dương gần điện âm, nếu có một luồng điện dương khác đến muốn chia điện âm, tự nhiên điện dương trước sẽ đẩy điện dương sau đó, điện âm đẩy điện âm, lý lẽ cũng vậy trẻ con lúc ăn thấy anh nó đến nó lấy tay xua anh đi. Điện âm dương gặp nhau, hợp mong muốn nên hút nhau mạnh, hiện tượng đó giống với tính người.

Trong Vũ Trụ, dù là vật hữu hình hay là vật vô hình đều chứa lực hút vào trong, thông thường gọi là tâm. Với con người lực ấy phát ra từ ngũ quan hút các sự vật từ bên ngoài vào, tập hợp lại. Ví dụ có một vật ở trước mắt ta, ta chú ý nhìn tức là lực hút

từ mắt phóng ra nối liền với vật thể ấy. Ta nhắm mắt lại có thể hình dung ra hình dáng của vật ấy tức là lực đã hút vật ấy về phía tâm, chúng ta xem xét nguồn gốc những tri thức mà tâm có được đều là từ bên ngoài đưa vào. Nó phải đi qua mắt, tai, mũi, lưỡi, da mà khi vào tâm rồi có thể phát minh ra cái mới nhưng vẫn phải dựa vào trì thức thu nhận từ bền ngoài làm nền tảng. Như ta xây nhà tất cả gạch ngói đá đều phải mua từ bên ngoài. Giả định ra xét tất cả tri thức mà ta có, nếu từ mắt vào rồi lại từ mắt tuôn ra, vào con đường nào ra đường ấy thì tâm của chúng ta sẽ trống rỗng chỉ còn một lực tự nhiên thôi

Chúng ta xem xét tâm mình, mọi sự việc biến đổi đều dựa theo quỹ đạo của lực học, lúc vui mừng, lực tuyến phát triển ra ngoài, lúc lo sợ, lực tuyến co rút vào trong, gặp lúc sợ sự bất ngờ, muốn đi phía đông, phía đông gặp trở ngại, muốn đi sang phía tây, phía tây gặp trở ngại, lực tuyến không biết đi đâu, tâm trở nên hoảng loạn. Với học thuyết nào đó thừa nhận tự nó sẽ hút vào mà tiếp nhận, nếu ta phủ nhận nó sẽ đẩy ra. Gặp một học thuyết thấy vừa có lý, vừa không có lý, hút vào không được, đẩy ra không xong, nên có trạng thái hồ nghi. Tâm người ta khi nghiên cứu lý lẽ sự vật theo trực tuyến mà đi, đến điểm A lý không thông suốt, quay sang điểm B lại không thông suốt, quay sang điểm C. Ba đường gãy khúc của tâm như vòng xoáy của nước suối. Nước suối chảy theo đường thẳng, tuy xoáy lượn quanh co vẫn không thoát khỏi quy luật của tự nhiên học, tâm của chúng ta cũng thoát khỏi hai tác dụng đẩy và hút. Có lúc thanh tâm tĩnh tọa, bỏ mặc sự đời, không đẩy và hút ai và không bị ai đẩy hút giống như cái hồ mênh mông sâu thẳm, gió yên sóng lặng, mình cảm thấy lâng lâng nhẹ nhõm. Tâm lúc này tuy không hiện rõ tác dụng gì, thực ra bao nhiêu tác dụng đều ẩn náu vào trong. Tâm lý con người thông với điện từ, lúc điện khí trung hào không có tác dụng gì, khi có tác dụng sự biến động thật ghê gớm, nếu hiểu rõ quy luật của điện từ thì sẽ hiểu được tâm lý con người

Mỗi người có một tâm tức là mỗi người có một lực tuyến, các lực tuyến điều phát triển ra phía ngoài hễ gặp cản trở là xung đột, tại sao lúc bình thường việc xẩy ra xung đột không nhiều? Bởi vì các lực tuyến có nhiều nguyên cớ khác nhau, như lực này và lực kia không giao nhau, người này làm việc này, người kia làm việc khác nhưng không can thiệp vào nhau. Có khi lực này tiêu hủy lực khác như có người muốn hại người khác, ý đồ rất lớn nhưng ta không chơi với họ nên cắt đứt. Có khi lực hợp nhau như người khiên kiệu đi nhanh hay chậm đều phải ăn ý với nhau. Có khi lực với lực cần nhau như người bán vải với thợ may, hai bên cần nhau cho nên yên ổn. Có khi lực lớn chèn ép lực nhỏ như trẻ con đang chơi đùa vui thú, bố mẹ sai đi làm việc gì đó, đứa bé tuy không muốn nhưng vẫn cứ phải làm, đó là lực của bố mẹ chèn ép lực của con. Lại như bạn bè chơi với nhau rất thân, có điều khác ý nhỏ có thể bỏ qua được. Lại có khi lực lớn thu hút lực nhỏ như có người có sức hút rất lớn, ông ta có thể thu hút những người xung quanh thành một đoàn thể nhỏ, do tác dụng hợp lực, lực càng

lớn sức hút ra ngoài càng lớn thì khuynh đảo được thiên hạ. Chúng ta quan sát kỹ thì thấy người với người tiếp xúc với nhau, lực tuyến đan xen như lưới, có nhiều tuyến nếu không xung đột thì do cần nhau mà hợp thành. Loài người chung sống với nhau là do nhu cầu tồn tại trên quả đất, lẽ đời là vậy. Mọi sự biến đổi trên đời đều do con người tiếp xúc với nhau mà tạo ra. Một cá nhân, một cái "Tôi", giả định về số học là nhị nguyên, một là X, một là Y, theo giải thích hình học có thể tìm ra 5 loại tuyến:

1. **Trực Tuyến**
2. **Tuyến hình tròn**
3. **Tuyến cầu vòng**
4. **Tuyến bầu dục**
5. **Tuyến gấp khúc**

Việc con người thiên biến vạn hóa, vẫn là chuyện người và người tiếp xúc với nhau nhưng không ra khỏi quỹ đạo 5 loại tuyến. Những ví dụ lịch sử nêu ở trên đều thuộc "**Hai loại tuyến**". Lấy "**Tôi**" làm trung tâm vẽ hình có 3 vòng, đó thuộc "Tuyến hình tròn", ngoài ra còn có Tuyến cầu vồng, Tuyến bầu dục, Tuyến gấp khúc, xin nói rõ như sau:

Tuyến cầu vồng là gì? Ta ném đi một hòn đá, đó là một loại lực ly tâm, sức hút của tâm quả đất hút vào hòn đá ấy, đó là loại lực hướng tâm. Lực ly tâm của đá không vượt lực hút của quả đất, nên phải rơi xuống. Tuyến đường mà hòn đá từ chỗ bay đến chỗ rơi gọi là tuyến cầu vồng. Tuyến đi của nước nhỏ với nước lớn là như vậy. Ví dụ nhân dân Ấn Độ muốn độc lập, đó là lực ly tâm của nước Anh, nước Anh dùng sức mạnh trấn áp họ, họ không chống trả phá được sự trấn áp của nước Anh, cũng giống như hòn đá ném ra không thoát khỏi sức hút của tâm quả đất nên rơi xuống

Tuyến đi của quả đất xoay quanh mặt trời là tuyến bầu dục là do lực ly tâm và lực hướng tâm kết hợp tạo thành. Đứng về số học mà nói, cự ly từ một điểm đến hai điểm xấp xỉ bằng nhau, quỹ đạo của điểm ấy gọi là bầu dục

Ví dụ trong mua bán, khách mua trả tiền, chủ tiệm giao hàng trị giá của hai thứ đó ngang nhau, coi như là một vật. Vật khách mau ném ra qua tay chủ tiệm trở về vị trí cũ; đứng về phía chủ tiệm mà xét, chủ tiệm ném ra qua tay khách trở thành hình bầu dục, người bán người mua rất hài lòng. Khách mua có tiền chưa hẳn định đến tiệm ấy mua, đó là sức ly tâm. Nhưng hàng hóa ở tiệm ấy lại hấp dẫn khách nên có sức hút, chủ tiệm có hàng chưa hẳn định bán cho ông khách ấy. Đó là sức ly tâm nưhng tiền trong túi khách lại hấp dẫn chủ tiệm nên có sức hút. Do sức đẩy và sức hút kết hợp, khách mua trả tiền, chủ tiệm giao hàng, hai người thỏa mãn, mua bán xong, đó là trạng thái hình bầu dục; như việc hôn nhân tự do, người con gái nọ không định lấy người con trai kia, nhưng do tình yêu nồng cháy của người con trai mà hấp dẫn người con gái; người con trai nọ không định cưới cô gái kia làm vợ, nhưng cô yêu tha thiết mà hấp dẫn anh ta, sức đẩy sức hút cân bằng. Đó cũng ở trạng thái hình bầu dục

Quả đất xoay quanh mặt trời, sức đẩy sức hút cân bằng trở thành trạng thái hình bầu dục nên vũ trụ muôn đời như mới. Mọi tổ chức xã hội phải tuân theo trạng thái ấy mới không mục nát. Chế độ hôn nhân cũ nước ta, do bố mẹ chủ trì mà thành vợ chồng, suốt đời gắn bó, thiếu lực đẩy nên cả nam lẫn nữ đều đau khổ. Nếu có sức đẩy mà không có sức hút cũng không được. Thời xa xưa nam nữ tạp giao. Con cái chỉ biết mẹ mà không biết bố, đó là thiếu sức hút. Các đoàn thể nước ta nếu rã rời như cát cũng là do thiếu sức hút. Các nhà chính trị định ra chế độ cũng là đem lực ly tâm và hướng tâm bố trí cân bằng

Tuyến gấp khúc là gì? Cự ly một điểm đến hai điểm hằng đẳng số sai nhau, quỹ đạo của điểm này gọi là điểm gấp khúc, hình dáng nó như hai cánh cung chĩa ngược nhau. Hai học thuyết khác nhau, hai việc làm khác nhau đi theo hướng ngược nhau thì có thể gọi là đi theo quỹ đạo tuyến gấp khúc. Ví dụ hai thuyết tính thiện, tính ác chống nhau, hai bên đều giữ ý kiến của mình nên thành lý lẽ, càng nói càng tinh vi, cách nhau càng xa như tuyến gấp khúc càng kéo càng dài. Cũng như tuyến nhập thế và xuất thế, hai thuyết đi ngược chiều nhau, chủ nghĩa lợi mình, lợi người đi ngược nhau, như vậy đều thuộc tuyến gấp khúc

Ta xem xét các loại lực tuyến, thấy có bốn tuyến có thể giữ cho mình và người bình an vô sự:

1. ***Tuyến không giao nhau, mục đích giữa ta với người khác nhau, đường đi khác nhau, mỗi người theo một mục đích, không có quan hệ với nhau. Tuyến song song không bao giờ giao nhau, có lúc không song song nhưng không tiếp xúc, không phát sinh quan hệ***
2. ***Tuyến hợp lực, ta với người có quyền lợi giống nhau, cùng đi theo một mục đích như ví dụ trên đã nói người Ngô Việt cùng đi trên một chiếc thuyền thì giúp nhau***
3. ***Hình tròn: Các sự vật trong vũ trụ được sắp xếp trật tự, mỗi việc đều trong phạm vi nhất định, giữa ta và người có giới hạn nhất định, mỗi người đều đứng trong phạm vi của mình không xâm phạm lẫn nhau, như vậy tự nhiên yên ổn với nhau***
4. ***Hình bầu dục: Việc gì quyền lợi nghĩa vụ bằng nhau đều thuộc loại này. Trong 4 loại tuyến này, loại thứ nhất và thứ ba là lợi mình mà không hại người hoặc lợi người mà không hại mình. Loại thứ hai, thứ tư là mình và người đều có lợi. Khi gặp việc, ta quan sát tuyến đi giữa mình và người, nếu đi theo bốn tuyến nói trên sẽ không xẩy ra xung đột***

Trong sách triết học cổ Trung Quốc chất chứa nguyên lý có thể dẫn chứng, sau đó kết luận: lực của vũ trụ đầy ăm ắp, ở khắp thế giới, không sinh không diệt, không tăng không giảm, chúng ta sống giữa nó, có lúc phát hiện ra quy luật của nó. Ví dụ nhìn hoa quả rơi xuống đất thì phát sinh ra sức hút, nhìn nắp rung động thì phát sinh ra hơi

nước; nhìn tác dụng của đá nam châm thì phát sinh ra kim chỉ nam; nhìn con ếch chết cử động thì phát sinh ra điện khí. Các loại phát sinh đều cùng nguồn gốc. Hoa quả rơi xuống đất là lực hút vào trong, nắp vung rung động là lực đẩy ra ngoài; từ khí, điện khí là hai tác dụng vừa đẩy vừa hút. Đác – Uyn xem lực của vũ trụ phát triển về trước như nước chảy ở sông có thể thích ứng với hoàn cảnh mà tìm ra thuyết tiến hóa. Lại thấy trong thuyết tiến hóa có tác dụng thu hút nhưng không lớn nên nói là có tính di truyền. Các loại khoa học, các loại triết học đều từ những lực của vũ trụ mà ra. Ví dụ có người ở trên cây hái quả, có người ở dưới cây hái hoa, laoị có người ở bên cây hai lá, vật tuy khác nhau nhưng đều hái ở một cây mà ra. Học thuyết trăm nhà quy về một mối, học thuyết đông tây có thể thông nhau. Đó là thu hoạch lớn nhất của tôi vào năm Dân Quốc thứ 9, tư tưởng tôi cũng chuyển biến từ chống đến xây

TÍNH LINH VÀ ĐIỆN TỪ

Một đối tượng nghiên cứu khác của Tôn Ngô là vấn đề **"Tính linh và điện từ"**. Vấn đề này là sự tiếp tục nghiên cứu của **"Tâm lý và lực học"**, là sự phát triển cao nhất của ông. Từ "Thuyết tính ác" ông mạnh dạn nêu lên thuyết "Mặt dày tâm đen tôi", nhưng vẫn không ngừng tiếp tục nghiên cứu "Thuyết tính người". Trong quá trình nghiên cứu, ông không chỉ phủ nhận "Thuyết tính ác" và cũng phủ nhận thuyết "Thiện ác lẫn lộn", thuyết "tính có thiện ác" và thuyết "ba mặt của tính tình". Sau này, ông phát hiện tính con người không gọi là thiện, không gọi là ác mà nó có một "lực", "lực" này có thể đẩy và hút, giống như hiện tượng của vật lý, do đó ra đời cuốn sách **"Tâm lý và lực học"**

Về sau, ông lại sáng tạo ra một giả thuyết: Tính linh của người do điện từ quả đất chuyển đến. Giả thuyết này nếu được chứng minh đầy đủ thì sẽ có cuộc tranh luận giữa khoa học và huyền học, tranh luận giữa duy vật và duy tâm, đẻ ra nhiều chuyện. Nhưng do trình độ học vấn và tuổi tác của ông hạn chế, không thể đem giả thuyết này chứng minh đầy đủ, ông chỉ có thể đem những điều mình suy nghĩ viết thành một bài **"Tính linh và điện từ"** để các học giả sau này có thể bác bỏ hoặc công nhận

Ông cho rằng vật chất không bị tiêu diệt, năng lực không bị tiêu diệt, đó là định luật của khoa học. Theo định luật này người ta khi chết đi, cơ thể rữa thành bùn đất, còn tính linh hóa thành điện từ. Nếu coi đó là tính linh của cơ thể, sinh ra tự có, chết đi chạy mất, liên hệ với thuyết vật chất không bị tiêu diệt, năng lực không bị tiêu diệt thì có thể thông được. Đó là duyên cớ có người tu luyện thành tiên thành phật, hoặc có người tu luyện để điện từ ngưng tụ không tan. Hoặc có người nói "*Oan hồn không tan*" tức là lòng thù hận giữ điện tích tụ, đến khi oán thù đã báo, lòng hận thù mất đi, điện từ không tích tụ thì hồn ma sẽ mất.

Nếu theo giả thuyết "*Tính linh do điện từ chuyển biến mà thành*", thì vấn đề này giải đáp được. Người ta chết đi, vật chất trên người trả cho quả đất, tính linh hóa thành điện từ thì linh hồn coi như bị tiêu diệt, nhưng cơ thể con người tuy chết, vật chất còn tồn tại, điện từ thì có thể nói linh hồn vẫn tồn tại. Trang Tử nói: "*Trời đất sinh cùng thời với ta, vạn vật với ta là một*" có lẽ theo cái lý nêu trên

Người theo đạo phật rất coi trọng 4 chữ "*Liễu liễu thường tri*". Người ta lúc ngồi tĩnh tâm thì lòng dạ minh mẫn, đến khi gặp việc bề bộn thì lòng dạ không còn minh mẫn nữa. Người có học lực sâu tuy gặp việc bề bộn, lòng dạ vẫn minh mẫn, nhưng đêm ngủ thì mê mẫn. Người có học lực sâu hơn khi ngủ vẫn minh mẫn đó gọi là thức ngủ như một. Người có học lực rất sâu, chết rồi vẫn minh mẫn, đó gọi là "*Sống chết như một*", chết rồi vẫn còn minh mẫn tức là nói linh hồn tồn tại lâu dài

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Chữ Vạn từ não đức Như Lai toát ra hào quang quý báu,

tia nhấp nháy có muôn vàn màu sắc, tỏa khắp thập phương, phật truyền thế giới, trong chốc lát. Hào quang quý báu ấy là điện quang. A Nạn nói về Phật rằng: "*Ta thấy Như Lai có 32 tướng đẹp đẽ tuyệt trần, hình thể lấp lánh như ngọc lưu ly, thường ngồi tư duy, tướng ấy không đẻ ra lòng dục ái. Sao vậy? Dục khí vẩn đục, tập chất giao thông, huyết dịch hỗn loạn, không thể tĩnh tâm minh mẫn được, kinh quang không thể ngưng tụ thoát ra được. Đó là nói Thích Ca tu dưỡng rất công phu, đã đem huyết nhục biến thành chất ngưng tụ của điện từ, nên phát ra hào quang quý báu, tỏa khắp thế giới. Người theo đạo phật có thuyết mắt thông thiên, bây giờ phát minh vô tuyến điện đã có thể chứng minh cho cách nói này. Bản thân Thích Ca là một đài vô tuyến điện, tương lai điện học phát triển lên có thể chứng minh lời trong kinh phật không phải là hư vô, cũng có thể chứng minh giả thuyết "Tính linh do điện từ chuyển biến mà thành*"

Lão Tử khi nói thường lấy nước làm ví dụ, Phật cũng thường lấy nước làm ví dụ. Chúng ta không lấy không khí làm ví dụ, nhưng cho rằng không khí không diệt, không bẩn không sạch, không tăng không giảm, không cổ không kim, không biên giới, không trong ngoài, các tố chất ấy không khí đều có đủ. Thêm một bước lấy điện từ trung hòa làm ví dụ lại càng chính xác. Nếu nói giả thuyết "*Tính linh của người do điện từ chuyên biến mà thành*" mà đọc sách đạo Phật, đạo Lão cũng có thể giải thích được

Con người thường cho mình cao hơn vạn vật, đó chẳng qua chỉ là cách đề cao con người. Thực ra người và vật đều do quả đất sinh ra, mọi nguyên tố trên cơ thể đều là vật chất của quả đất. Từ quả đất mà nhìn nhận thì người và vật đâu có khác nhau, giống như bố mẹ sinh ra hai người con, con trưởng là "*Người*", con thứ hai là Vật, chẳng qua con trưởng thông minh, con thứ hai ốm đau câm điếc mà thôi. Vật chất ở người, vật chất ở quả đất đều do điện từ cấu thành, người có linh hồn, quả đất cũng có linh hồn, linh hồn của quả đất là điện từ. Vật chất của quả đất biến thành thực vật, đồng thời điện từ của quả đất cũng biến thành bộ máy nuôi thực vật. Con người ăn thực vật, vật chất biến thành râu tóc, xương thịt mỗi lần biến chuyển càng cao hơn, điện từ của quả đất biến thành bộ máy nuôi thực vật, biến thành tính linh của con người, càng biến càng cao vậy. Tuy qua mấy lần biến chuyển, tính chất vốn có vẫn tồn tại, cho nên nguyên tố của con người với nguyên tố của quả đất giống nhau, cảm ứng tâm lý địa từ giống nhau. Nhưng qua mấy lần biến chuyển, râu tóc thịt xương của người khác với bùn đất cát sỏi của quả đất, tính linh người khác với điện từ của quả đất. Tại sao vậy? Vì quả đất là vật chết, con người là vật sống, cho nên vận dụng quy luật của lực học để quan sát sự việc con người, phải thích hợp chứ không cứng nhắc được

Lão Tử nói: "*Các vật hỗn thành, trước tiên trời đất làm chủ, đứng riêng không đổi, xoay quanh không dừng, coi là mẹ của thiên hạ, ta không biết tên nó nên gọi là*

Đạo, nói mạnh hơn là Đại". "*Đạo*" mà Lão Tử nói tức là "*Chân như*" mà Thích Ca nói: "*Núi sông đất đai, mặt trăng mặt trời tinh tú, thân khí trong ngoài đều do chân như không giữ tính của nó, biến hiện mà ra". Cách nói ấy giống với Lão tử. Chân như không giữ được đặc tính của nó, biến thành điện từ trung hòa, từ đó biến thành khí thể, bay cuộn trong thái không, qua mấy lần chuyển biến mà hình thành núi sông đất nước, mặt trăng mặt trời, các vì sao. Từ đó sinh thực vật, sinh động vật, sinh loài người. Mà Phật nói trạng thái "A lại gia thức"*. Tương tự nói trạng thái điện từ trung hòa, khi là A lại gia thức của người, do cùng là vật chất, ở quả đất là bùn đất cát sỏi, ở người là râu tóc xương thịt. Người bây giờ nói tính linh của người không giống với sự hồi chuyển của điện từ là do thiếu kiến thức khoa học, thấy râu tóc xương thịt không giống với bùn đất cát sỏi. Điện từ trung hòa là biển hiện sơ khai của chân như, chân như không nhìn thấy được. Chúng ta đọc sách của Lão và Phật, đứng ở điện từ trung hòa thì thấy "*Đạo*" và "*Chân như*" phảng phất ở trạng thái như vậy

Chúng ta giả định "*Tính linh điện từ do điện chuyển biến mà đến". Trong nhiều thuyết pháp của Phật và Tống nho thương nói: "Cá ở dưới nước, nước ở ngoài cũng như nước ở trong bụng cá chép vậy*". Nhà Nho đời Minh nói: "*Khắp trời đất đều tà tâm*". Các cách nói ấy không cần nhiều lời giải thích. Sách Trung Dung nói: "*Mừng giận buồn vui chưa phát ra gọi là Trung*". Đại Tổ nói: "*Lúc nào không nghĩ thiện, không nghĩ ác, lúc đó bộ mặt lộ rõ nhất*". Trang Tử nói: "*Tâm không vui buồn, các đức đến vậy, một khi không động, cái tĩnh đến vậy, đó đều là hiện tượng A lại gia thức, đó cũng là hiện tượng trung hòa điện từ. Phát động trung hòa điện từ lên, gây tác dụng đẩy hút nhau thì sự việc cũng ào ào nổi dậy. Cho nên muốn nghiên cứu các sự biến của người đời, đầu tiên phải tọa ra một ước đoán tính linh của người, từ điện chuyển biến mà đến, nhưng nghiên cứu điện từ không thoát ly được lực học, do đó phải tạo ra ước đoán mới "Tâm lý theo quy luật lực học mà biến hóa*". Các ước đoán đó, các sự vật mới có quỹ đạo mà theo. Các học thuyết khác nhau trên thế giới mới có thể hội quy thành một

PHÁT MINH RA

"TUYẾN QUAY VỀ GỐC"

Ta còn nhớ điều ông phát minh ra: "Sự biến đổi của tâm lý là đi theo luật của lực học", cho nên ông muốn tuân theo định luật đó để tìm ra quỹ đạo sự diễn biến của học thuật mà quỹ đạo phải theo. Nếu biết được học thuật trước đây diễn biến như thế nào thì có thể đoán được tương lai học thuật sẽ phát triển theo con đường nào. Ông nói: Từ lúc khai thiên lập địa, loài người đi lại trên quả đất, mới biết rằng dù mình đi như thế nào đều bị sức hút của tâm quả đất chi phối. Tư tưởng của loài người tự cho rất được tự do, nếu đem học thuyết Niu - tơn khuyếch đại lên, ứng dụng vào tâm lý học thì biết rằng tư tưởng nào dù rất tự do đều phải có quỹ đạo đi theo. Mọi sự biến đổi trong đời người theo thói quên mà không quan sát, cũng như con người sống trước Niu - tơn không biết có sức hút của tâm quả đất. Vì vậy, ông có cách nhìn đặc biệt với xu thế học thuyết Trung Quốc với sự giao lưu học thuật của thế giới

Ông nói: Học thuật của nước ta trước kia có hai thời kỳ, thứ nhất là kẻ sỹ thời Chu, Tần; thứ hai là nhà Nho thời Triệu, Tống. Học thuật của hai thời kỳ này có tính sáng tạo. Năm đời Hán, Ngụy, Tống, Nam bắc triều, Tùy, Đường là kế thừa học thuật thời Chu Tần mà nghiên cứu sâu hơn; triều Nguyên là kế thừa học thuật thời Hán, Tống mà nghiên cứu sâu hơn; Triều Thanh là kế thừa học thuật của Trung Quốc độc lập phát triển; Triệu Tống là thời kỳ học thuật Trung Quốc dung hợp với học thuật Ấn Độ, kẻ sỹ thời Chu, Tần nói chung lấy Khổng Tử là người đại diện, ai không lấy Khổng Tử là người đại diện mới lấy Lão Tử là người đại diện. Các nhà Nho thời Triệu Tống nói chung lấy Chu Tử là người đại diện, nếu không lấy Chu Tử là người đại diện mới coi Trình Minh Đạo là người đại diện. Bây giờ đã bước sang thời kỳ thứ ba, thế giới giao lưu, bốn bể là anh em, thời kỳ mà học thuật Trung Quốc, Ấn Độ, Phương Tây dung hợp thì có thể tìm ra quỹ đạo tiến hóa của học thuật. Biết được do học thuật Trung Ấn dung hợp mà hình thành phương thức nào đó thfi cũng sẽ biết được do học thuật Trung-Ấn-Tây phương dung hợp tạo nên. Ta dùng cánh chim vỗ cánh bay lên không trung hoặc nhìn nước sông chảy ra biển, thì có thể nhìn thấy xu thế lớn của học thuật

Ông nói, cuốn sách Lão Tử là cương lĩnh chung của học phái thời Chu, Tần; sách các Chư Tử là tiểu đề mục. Chư Tử nêu lên một bộ phận trong cương lĩnh, phát huy thêm, chỉ có thể nói lả họ nghiên cứu rất tinh tế nhưng không ra phạm vi của Lão Tử. Chân lý vũ trụ là một cái có thật, ban đầu mờ mịt như một ngọn núi hoang cực lớn, không người khai phá. Về sau tình cờ có người nhặt được ở núi đó một vài của quý, mọi người thấy lạ mới rủ nhau lên núi tìm kiếm, có người được bạc, có người được đồng, sắt, thiếc. Tuy không giống nhau vẫn là có bắt được của quý; người làm sách Hà

Đồ, Lạc Thư là tình cờ bắt được của quý; Chư tử thời Chu Tần là người lên núi khai thác của quý, Lão Tử là người được nhất trong bọn họ. Lão Tử đem chân lý vũ trụ, sự biến cổ kim dung hợp lại, tìm ra quy luật biến hóa quy luật biến hóa của nó, đặt tên là "**Đạo**". Đạo là đường, tức là nói vạn vật trong vũ trụ không thể không đi theo con đường ấy. Đem quy luật ấy viết thành quyển sách đặt tên là "***Đạo Đức Kinh***". Căn cứ vào sự biến từ trước, đoán được sự biến cố tương lai nên nói: "*Giữ đạo xưa để chế ngự cái hiện có*"

Lão Tử hiểu rằng quỹ đạo của mọi sự vật có ở tâm nên Lão Tử nói "**Đạo đức**". Khổng Tử sinh sau Lão Tử hiểu rõ lẽ này, dùng nó để dạy người nên Khổng Tử nói "Nhân", Mạnh Tử nối tiếp Khổng Tử nên nói "**Nhân**" phải thêm chữ "**Nghĩa**". Tuân Tử nối tiếp Mạnh Tử, chú trọng chữ "**Lễ**". Hàn Phi học Tuân Tử thấy chữ Lễ chưa đủ khoanh con người lại nên nói: "Pháp thuật hình danh". Những điều ấy theo thời phát triển, tự nhiên như vậy, người đời gọi "***đạo đức***" thành "***pháp luật hình danh***", đầu tiên là Lão Tử nêu lên, nào có biết từ đạo đức đến nhân nghĩa, từ nhân nghĩa mới đến pháp luật hình danh. Người nói nhân nghĩa không có tội, người nói đạo đức không có tội không thể không kêu oan cho Lão Tử. Đạo đi mà thành đức, đức đi mà thành nhân, nhân đi mà thành nghĩa, nghĩa đi mà thành lễ, lễ đi mà thành hình, hình đi mà thành binh. Đạo đức đứng đầu, hình binh đứng cuối. Tôn tử nói binh, Hàn Phi nói hình nhưng gốc của nó đều từ Lão Tử. Ba pháp bảo của Lão Tử: một gọi là Từ, hai gọi là Kiệm, ba là không dám bước đi trước thiên hạ. Năm điều Ôn, Lương, Cung, Kiệm, Nhượng của Khổng Tử thì chữ Kiệm giống với Lão Tử, chữ Nhượng giống với không dám đi trước thiên hạ của Lão Tử, 3 chữ Ôn, Lượng, Cung là cụ thể hơn chữ Từ, đó đủ cho ta thấy các nhà Nho xuyên thông với Lão Tử. Kiêm Ái của Mặc Tử là Từ của Lão Tử, Tiết dùng của Mặc Tử là Kiệm của Lão Tử. Lão Tử nói về binh: "*Không dám làm chủ mà làm khách, không dám tiến tấc mà lui thước*". Lại nói: "*Giữ thì vững*", Mặc Tử nói: "*Không công mà giỏi thủ*" thì cũng giống như Lão Tử ở trên. Các nhà thuyết khách thời Chiến Quốc, Tô Tần được coi là đứng đầu. Sách ông đọc là Âm Phù Kinh, đó là sách của đạo sỹ gần giống với Lão Tử. Lão Tử nói: "*Đạo của trời như trương cung vậy, người cao đè xuống, người dưới giơ lên*". Câu này của Lão Tử theo lập luận chữ "**Bình**". Tô Tần làm tướng 6 nước, mỗi khi dùng câu "*Thà làm đầu gà, không làm đuôi trâu*" là muốn kích động lòng bất bình của 6 nước trong đó chứa đựng nguyên lý đạo trời trương cung hợp với cái lẽ tự nhiên, cho nên lời nói của Tô Tần mới mê hoặc được lòng người. Câu nói: "*Dục thủ cô dữ*" của Lão Tử được các nhà chính trị, các nhà quân sự đời sau tôn thờ. Dương Chu, Trang Tử, Liệt Tử, Quan Y là những người trực tiếp thừa kế học thuyết của Lão Tử. Chử Tử Chu Tần thường công kích nhau nhưng không công kích Lão Tử, chứng tỏ học thuyết của Lão Tử không xung khắc với Chư tử, tức là xuyên thông với nhau. Thời xuân thu chiến quốc, các nước tranh giành nhau, đồng thời trong giới học thuật cũng đẻ ra trăm nhà đua

tiếng. Từ Tần về sau, thiên hạ thống nhất, học thuyết cũng là ý của vua, cũng thống nhất. Thời Tần chỉ có học thuyết pháp gia được tồn tại, các học thuyết khác bị bãi bỏ. Đầu nhà Hán, đổi sang theo Hoàng Lão, đến Hán Vũ Đế, chuyên theo học thuyết Khổng Tử, nhưng học thuyết Lão Tử vẫn còn rất mạnh, nên xuất hiện 2 dòng đạo Khổng, đạo Lão. Về sau đạo Phật truyền vào Trung Quốc ngày một hưng thịnh trở thành 3 dòng đạo trong cùng một khu vực, dựa nhau đẩy nhau, qua một thời gian dài tự nhiên có một xu thế hợp nhất, học thuyết Tống Nho theo xu thế ấy sinh ra

Muốn nói về học thuyết Tống Nho, trước tiên phải nghiên cứu sự giống và khác nhau của 3 đạo giáo. Sự giống khác nhau này người xưa đã nói nhiều, nhưng điểm quan trọng nhất là 3 đạo giáo phải "*Quay về gốc*". Mạnh Tử nói "*Gốc của thiên hạ là nước, gốc của nước là nhà, gốc của nhà là thân*". Nhưng quay về đến thân vẫn chưa dừng được nên ông lại nói: "*Đứa bé không đứa nào không yêu mẹ, khi lớn lên không đứa nào không kính anh*". Ta thấy nhà Nho quay về gốc; quay đến đứa bé nhóc mới thôi. Sách của Lão Tử thường nói "**Anh nhi**", anh nhi là đứa bé đẻ rơi xuống đất. Mạnh Tử nói đứa bé bế trên tay biết yêu kính là có trí thức rồi. Lão Tử quay về gốc, đi sâu hơn quay đứa bé mới đẻ ra rơi xuống đất chưa có dục vọng gì mới thôi

Lời của Lão Tử tuy vô tư vô dục nhưng còn có tâm, nên nói: "*Tâm thánh nhân không thường có, lấy tâm trăm họ làm tâm mình*". Thích Ca coi tâm ấy là không có, không có người, không có ta, chỉ có Niết Bàn. Nhà Phật thường răn người: "*Xem khuôn mặt trước khi bố mẹ sinh*", tức là nhìn thấu cái thai trong bụng mẹ, còn tiến bộ hơn "Anh nhi" của Lão Tử. Ba đạo giáo Nho, Phật, Lão đều trên một tuyến như hình vẽ:

Trước	
Canh	Thiên hạ
Kỷ	Nước
Mậu	Nhà
Đinh	Thân (ta) lúc thành người
Bính	Bé bế trên tay (biết yêu kính)
Ất	Anh nhi (Vô tri vô dục)
Giáp	Trước khi bố mẹ sinh (Không người không ta)

Nhà Nho từ Canh quay về Đinh, lại từ Đinh quay về Bính. Lão Tử từ Đinh quay về Ất, nhà Phật từ Đinh quay về Giáp; Tôn Ngô gọi tuyến này là "*Tuyến quay về gốc*". Từ đó ta có thể thấy sự giống nhau và khác nhau của ba đạo giáo. Nói họ giống nhau là học đều là tuyến quay về gốc đi về phía sau; nói họ giống nhau thì nhà Nho đều quay đến điểm Bình là dừng, Lão Tử quay đến điểm Ất thì dừng, nhà Phật quay đến điểm Giáp mới dừng, đó là điểm họ khác nhau

Theo hình trên, hình như cảnh giới của Phật, chỉ có Lão Tử mới đến được, cảnh giới của Lão Tử chỉ có Khổng Tử mới đến được. Phật nói "*Diệu thường*", Lão Tử cũng nói "Hậu mệnh là thường", lại nói "Huyền chi lựu huyền, chúng diệu chi môn". Cảnh giới diệu thường của Phật, Lão Tử không sao đến được. Phật chủ trương "*Phá ngã chấp, phá pháp chấp*", Khổng Tử nói "*Vô ý vô tất vô cố vô ngã*", Phật gọi là ngã chấp pháp chấp, Khổng Tử không sao phá được? Ba đạo giáo cùng trên một tuyến, nhưng từng đạo đứng riêng, tôn chỉ của đạo giáo đều khác nhau. Phật muốn xuất thế, muốn đi tìm đến trước lúc bố mẹ sinh ra, đến hạt nhân của tâm cũng phải phá mới xuất thế được. Vì muốn xuất thế nên không nghiên cứu đến lễ nhạc hình chính của đời. Khổng Tử muốn trị thế nên hết sức lo việc đời, mọi sự phát sinh đều lấy ý niệm làm khởi điểm, mà ý niệm thuần túy nhất là đứa bé bế trên tay, nghiên cứu từ đứa bé bế trên tay lấy thành ý là tâm đắc nhất nên đề ra chính tâm tu thân, cho đến tề gia trị quốc bình thiên hạ. Tôn chỉ của đạo Khổng là trị thế cho nên không quan tâm đến Niết Bàn diệt độ. Lão Tử muốn thám sát bản nguyên của tạo hóa, nên bỏ tâm bỏ trí, vô tri vô dục, đi vào cõi hư, cõi tĩnh, lĩnh hội các lẽ hay là lặng yên không động, cảm

thấy mà dần thông nên ý nghĩ đến đứa trẻ sơ sinh. Đi về phía sau là cách xuất thế, đi về phía trước là cách nhập thế. Ông nói: "*Đa ngôn sở cùng, bất như thủ trung*". Chữ trung này chỉ là điểm Ất, là đứng ở giữa nhập thế và xuất thế

Mười hai bộ kinh tam tạng của Phật, các sách Thi Thư Lễ Nhạc Dịch Xuân Thu của Khổng Tử quả là rất nhiều. Lão Tử không muốn nói nhiều, chỉ giản đơn có 5000 chữ, lấy điểm Ất làm lập luận, chỉnh ẩn ý mà không nói rõ ra. Ông muốn đem nhập thế xuất thế xuyên thông thành một, tìm ra nguyên lý để người ta tự nghiên cứu mà không muốn nói nhiều. Nói xuất thế không ai nói giỏi hơn Phật, nói nhập thế không ai nói giỏi hơn Khổng Tử. Tóm lại Phật nói xuất thế, Khổng nói nhập thế, Lão muốn xuyên thông thành một, đó là chỗ khác nhau giữa ba đạo

Tình người thường chán cũ thích mới. Thời Ngụy, Tấn nói suông lâu rồi cảm thấy chán, gặp lúc đạo Phật truyền vào Trung Quốc, càng truyền càng thịnh, về học thuật mở ra một thế giới mói, từ vua quan đến thứ dân đều hoan nghênh. Đến thời Đường, kinh phật phổ biến khắp nước, đền chùa mọc khắp nơi. Thiền Tông có phái Nam, Phái Bắc rất giỏi, đó là thời cực thịnh của đạo Phật giáo. Nhà Đường tự xưng là con cháu cảu Lão Tử, truy tôn Lão Tử là Huyền nguyên hoàng đế nên đạo Lão cũng rất thịnh. Đạo Khổng được tôn sùng qua mấy triều đại, cũng rất thịnh hành, 3 đạo này nương dựa nhau, đẩy nhau, tự nhiên có xu thế hợp nhất. Các nhà nho thời ấy, nhiều người nghiên cứu học thuyết của Phật, Lão, họ làm việc hợp nhất ba đạo giáo nhưng chưa làm được, cho đến thời Tống Nho, nhất là Trình Minh Đạo mới hoàn thành công việc này

Trước Trình Minh Đạo, tuy có Tôn Minh Phú, Hồ An Định, Thạch Thủ Đạo, Chu Liên Khê là những nhà Nho đi tiên phong mở đường ở thời Tống nhưng chỉ là thời kì manh nha; đến Minh Đạo mới thu hút được tinh hoa của ba đạo giáo, lấy tư tưởng Lão Tử làm chủ đạo, sắp xếp thành hệ thống mà ta gọi là Tống học. Về sau học phái Trình, Chu, Lục, Vương đều là từ Minh Đạo chia ngành ra. Minh Đạo là ông tổ của Tống học, học thuyết của ông dáng dấp như các nhà nho tho Lão Tử thời Triệu Tống. Tống Nho lấy học thuyết của Phật trị Tâm, học thuyết của Khổng trị Thế, ba đạo giáo cùng theo lẽ thuận mà đi, đem trị tâm trị thế gộp thành một là đi vào con đường của Lão Tử. Do đó ta thấy không chỉ học thuyết của Lão Tử mà làm thông suốt các Nhà Nho thời Tống Minh. Tóm lại, nói lại học thuyết của Lão Tử xuyên thông các học thuật toàn Trung Quốc cũng không sai. Mặc dù giới Tống Nho nói rằng học phái của họ là theo Khổng Tử, không liên quan đến Phật Lão, thực tế do dung hợp ba đạo giáo mà thành, học thuyết của họ còn đó, che dấu sao được? Thực ra dung hợp ba đạo giáo thành một, đó là thành công lớn nhất của học thuật. Họ có công trồng cây, đáng phải tự hào, lại phủ nhận, àm nhận là dòng phái của Khổng Tử, khác nào nhận nhầm cửa ngõ. Thực ra theo xu thế tiến hóa, 3 đạo Phật, Nho, Lão đến thời Tống tự nhiên hợp lại, các nhà Tống Nho làm theo xu thế ấy như người ta cầm mái chèo thuyền trên

sông, các nhà Tống Nho muốn đi ngược dòng lên thượng nguồn nhưng ngược lại bị đẩy trôi ra biển. Giả dụ hai ông Trình, Chu định hợp nhất ba đạo giáo là họ nhìn thấy xu thế tự nhiên; đằng này họ cực lực phản đối ba đạo giáo hợp nhất, nhưng thực tế là hoàn thành hợp nhất, thế mới biết xu thế tự nhiên là vĩ đại. Học thuyết Tống Nho không bị lu mờ là do đã hoàn thành việc hợp nhất 3 đạo giáo; họ như người có bệnh, bên trong là tam giáo hợp nhất, ngoài mặt chỉ nói đến đích học phái Khổng Tử, khác nào kẻ treo đầu dê bán thịt chó vậy

Học thuyết Tống Nho vốn có tinh thần cách mạng. Họ lập lại tất cả cách nói của Hán Nho. Sáng lập ra thuyết mới là có phá có xây. Họ không dám nói là mình sáng lập ra học thuyết mới, vẫn nói dựa vào Khổng Tử, giả lả phục cổ thực là cách tân. Tôn giáo mới của Mi-tin-lôt, văn nghệ phục hưng Châu Âu đều đi con đường này. Học thuyết Tống Nho có tính sáng tạo, người tin theo đông, người phản đối không ít, hiện tượng đó thường thấy khi học thuyết mới ra đời. Giới Tống Nho có nhược điểm khá lớn, đi sâu vào chi tiết nên sinh rắc rối, bộ lộ 2 điểm:

1. *Về con người Khổng Tử, Trình Tử và Chu Tử nói không đúng*
2. *Cũng là người tôn sùng Khổng Tử, Trình Tử và Chu Tử nói là đúng, người khác nói không đúng*

Hợp hai điểm này lại, mới bày ra thuyết "đạo đức" của Hàn Dũ. Những người như Trình, Chu rất sợ học học sàu này nhiễm phải thói xấu ấy. Từ Tống, Nguyên, Minh, Thanh cho đến bây giờ còn tranh luận mãi không thôi. Nguồn gốc căn bệnh đó là thiếu chữ "Lượng". Giới Tống Nho đều đủ tài đức duy thiếu chữ "***Lượng***". Bọn họ trên lĩnh vực chính trị thế này, ở lĩnh vực học thuật cũng như vậy. Quân tử bài xích quân tử nên đẻ ra tranh cãi về Lạc Thục, tín đồ của Khổng Tử bài xích tín đồ Khổng Tử nên đẻ ra tranh cãi về Chu Lục

Nếu không có cái nhìn hạn hẹp, mở rộng lượng ra, vỗ cánh bay cao mới là theo xu thế tự nhiên. Khổng Tử là người thuật việc mà không làm, thuật chuyện Nghiêu Vũ, viết lời văn võ, dung hợp các thuyết trở thành một phái. Trong sách Lão Tử thường trích dẫn lời cổ, ông cũng là người thuật việc mà không hay làm, học thuyết của ông cũng là dung hợp các học thuyết trở thành một phái. Ấn độ có 96 đạo, qua Thích Ca nghiên cứu, sau đó lập ra thuyết mới, cũng là dung hợp các thuyết, hiện tượng đó là hiện tượng phân ra trong học thuật

Một học thuyết khi trở thành một phái, phái đó lại chia làm nhiều phái nhỏ. Hàn Phi nói: "*Nho chia 8, Mặc chia 3*" là tuân theo quỹ đạo ấy. *Hán nho nghiên cứu các kinh để lại, lập nên hán học, sau đó lại phân ra nhiều phái. Học phái của Lão Tử cũng phân ra nhiều phái. Phật học Ấn độ chia ra nhiều phái, truyền vào Trung Quốc lại phân ra mấy phái. Đơn cử thuyết Phật tự thiền tông của Tống nho nêu lên, truyền đến 5 ông tổ lại chia ra bắc nam hai phái. Phái bắc Thần Tú, phái nam Tuệ Năng. Tuệ Năng truyền đến 6 ông tổ, bọn họ lại chia làm 5 phái: Minh Đạo sáng*

lập ra phái lý học, đến Trình (Y Xuyên) Chu và Lục lại phân ra 2 phái. Học trò của Y Xuyên lại chia ra nhiều phái, học trò của Chu Tử cũng chia ra nhiều phái, học trò Lục Vương cũng chia ra nhiều phái. Hiện tượng đó là hợp mà phân trên học thuật

Chân lý vũ trụ là hỗn nhiên, trí thức của nhân loại là nông cạn, không thể nhìn thấy hết được, phải phân rồi hợp, hợp rồi phân để nghiên cứu, mới nghiên cứu ra chân lý của vũ trụ. Hễ khi nào bung ra nhiều học thuyết, sẽ có người xuyên thông quy hợp lại, đó là việc làm phân đến hợp. Sau khi quy hợp lại mọi người lại chia ra nghiên cứu, đó là việc làm từ hợp đến phân, ai cũng muốn tìm ra chân lý, nhưng còn lệ thuộc vào kiến giải chủ quan của mình. Dù phân mà hợp, dù hợp mà phân, về học thuật mà nói là có công. Chỉ có tầm nhìn trong cửa ngõ thống nhất một đạo là không thể được

Chúng ta đang ở thời đại học thuyết phương tây truyền vào Trung Quốc, xung đột với học thuyết vốn có từ trước, đương là thời đại nhan nhản học thuyết, chúng ta nên đem học thuyết đông tây dung hợp xuyên thông, làm công việc từ phân đến hợp, có như vậy mới phù hợp với xu thế từ phân đến hợp. Sau khi đã dung hợp xuyên thông, lại đưa ra nghiên cứu, làm công việc từ hợp đến phân

Nhưng muốn làm được việc dung hợp văn hóa đông tây, phải phân chủ khách, không thể đem văn hóa đông tây nhào thành một cục, lung tung lộn xộn, làm ảnh hưởng đến tư tưởng và hành động của chúng ta, chẳng có gì thích hợp, đó là hiện tượng hỗn loạn mấy năm gần đây. Cần lấy văn hóa dân tộc đã ăn sâu vào lòng người mấy nghìn năm qua làm trọng tâm, rút cái hay của người bổ sung cho cái thiếu của ta, hoặc thu hút tinh hoa của người bổ sung cho sức sống của mình. Xưa kia có truyện: Nước Lỗ có chàng trai sống độc thân, hàng xóm có người đàn bà góa sống độc thân. Đêm mưa nhà đổ, người đàn bà sang xin ở nhờ, gã đàn ông đóng cửa không cho vào, người đàn bà nói: "*Anh không học Liễu Hạ Huệ sao*?", gã đàn ông nói: "*Liễu Hạ Huệ thì được còn ta lại không được, đem cái không được của ta học cái được của Liễu Hạ Huệ*". Khổng Tử nghe được chuyện này thì khen rằng: "*Người thích học Liễu Hạ Huệ không ai bằng gã đàn ông nước Lỗ*!". Triết học nước ta do người xưa sáng lập, bỏ ngoại mạo lấy tinh thần, đó là đặc sắc lớn nhất của giới học thuật nước ta, họa sỹ, nhà viết sách đều phải như vậy, trên tinh thần đó ta tiếp thu văn hóa phương Tây chỉ có lợi không có hại

Phật học Ấn Độ truyền vào Trung Quốc, chúng ta ra sức nghiên cứu, sửa chỉnh hoặc phát huy nên có tông phái Thiên Thai, Hoa Nghiên, Tỉnh Thổ trở thành văn hóa Trung Quốc nên được nhiều người hoan nghênh, trở thành đạo giáo rất thình hành; Chỉ thiền tông mà tông phái chỉ ở Ấn Độ, nên có cũng như không. Chỉ có tông phái Duy Thức mang màu sắc Ấn Độ quá đậm từ đời Đường đến nay coi như thất truyền. Từ đó ta thấy học thuyết Ấn Độ truyền vào Trung Quốc, càng Trung Quốc hóa càng thịnh hành, càng màu sắc Ấn Độ càng không thịnh hành thậm chí tiêu vong. Từ nay về sau, chúng ta ứng dụng văn hóa phương Tây như ứng dụng văn hóa Ấn Độ, khiến

nó trở thành Trung Quốc hóa, giống như sao tẩm bào chế dược liệu, bỏ đi chất độc, chỉ còn lại chất hữu ích là được. Bước thứ nhất, dùng phương pháp của Lão Tử, cái gì phù hợp với xu thế tự nhiên thì dung nạp, cái gì không hợp thì bỏ đi; bước thứ hai dùng phương pháp của Khổng Tử, trước tiên việc gì cũng qua lương tâm phán xét, vào tâm mình mà yên thì sau đó mới truyền ra. Nếu biết cách dung nạp như vậy, văn hóa đông tây có thể dung hợp, con đường chúng ta đi là theo nguyên tắc này

Người phương Tây dùng cách ngửa lên cúi xuống để tìm ra quy luật tự nhiên của vũ trụ, nên đẻ ra các môn lý học, hóa học. Người Trung Quốc cổ xưa cũng dùng cách ngửa lên cúi xuống tìm ra quy luật tự nhiên của vũ trụ mà định ra các chế độ của đất nước, một bên tìm ra quy luật tự nhiên dùng vào sự vật, một bên dùng vào việc người, văn hóa hai bên tất có sự thông nhau

Người Trung Quốc xưa định chế độ, nhiều chổ tưởng như chẳng có lý lẽ gì, mà lại rất có lý lẽ như nói: cha hiền con hiếu, anh nhường em kính, đó là nói người trên thì nhân từ, người dưới thì tôn kính, giống như luật cảm ứng của điện từ, quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người đều có ở trong ấy, tạo nên mối thích thú giữa người với người. Người phương Tây vạch ra nhiều giới hạn trong mối quan hệ giữa người với người, quyền lợi nghĩa vụ của bố con, vợ chồng, đều theo phương thức thẩm kế để tính toán, quyền lợi nghĩa vụ rất rạch ròi nhưng tình cảm hứng thú với nhau giảm đi nhiều. Luân lý phương Tây nếu được cắm dòng điện từ vào mới xua tan đi không khí lạnh lẽo. Nhưng làm thế không tránh khỏi hồ đồ, vì còn phải xem cách tổ chức gia đình của họ. Hiểu như vậy, văn hóa Đông Tây sẽ dung hợp được. Nghiên cứu học vấn cũng như đào hầm mỏ, người Trung Quốc, người Ấn Độ, người phương Tây, mỗi người đạo một hố và đào về phía trước. Hố của người Trung Quốc thông với hố của người Ấn Độ trước, bây giờ đang chạm với hố của người phương Tây. Chân lý vũ trụ là một cái gì hỗn nhiên, người Trung Quốc, người Ấn Độ, người phương Tây đều nghiên cứu, từ việc của người nghiên cứu đi, hoặc từ vật lý nghiên cứu đi, chia thành mấy phái, các phái phân ra rồi lại hợp lại, hợp rồi phân. Theo xu thế hiện nay thì ba học thuyết Trung Quốc, Ấn Độ, phương Tây nên được dung hợp xuyên thông, học thuyết về vật lý nên được dung hợp xuyên thông. Chúng ta sinh ở thời đại này cần đi theo trào lưu, làm công việc dung hợp, sau khi dung hợp không ngại chia ra nghiên cứu cứ phân rồi hợp, hợp rồi lại phân qua mấy lần như thế mới đem cái hỗn nhiên. Xung đột là triệu chứng của dung hợp. Không nói xung đột là không nói dung hợp; ví dụ mấy cục bùn đặt ở trên mâm, không cho chạm nhau, làm gì có xung đột. Mấy cục bùn đứng riêng thì làm gì trở thành một cục được, nếu đem nó đặt vào một chỗ, nắm lại thành từng viên. Bây giờ thế giới cạnh tranh kịch liệt, giống như thời đại thất hùng thời chiến quốc. Học thuyết phương Tây truyền vào Trung Quốc xung đột với học thuyết cũ như thời đại nam bắc triều, Tùy Đường, Phật Giáo được truyền vào nhiều người tỏ ra bi quan với tình hình xung đột ấy thế mà không biết đó là lúc mấy cục bùn đang được

vo viên lại, là động cơ đưa thế giới đến đại đồng, là động cơ dung hợp học vấn Đông Tây. Điều khác nhau là, sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất các nước lại, chỉ có một ông vua ngự ở trên cao, tương lai Thế giới Đại Đồng sẽ biến quân chủ thành dân chủ, Lý học của Tống Nho, tuy dung hợp các thuyết khác, nhưng để thực hành học thuyết ấy là dựa vào uy lực của vua, bắt nhân dân phải theo. Giờ dung hợp các học thuyết Trung Quốc, Ấn Độ, phương Tây là kết quả tự do nghiên cứu cảu các học giả không cưỡng bức người ta theo, các hiện tượng trên thế giới, trên học thuật điều là xu thế tự nhiên, sức người không chống lại được như nước chảy ra biển, muốn chống lại chỉ uổng công vô ích, làm theo xu thế ấy mới không đi ngược lại trào lưu

Nhưng xung đột giữa văn hóa Trung Quốc và phương Tây, căn bệnh do phương Tây gây ra. ví dụ: người phương Tây lấy "Cái tôi" làm khởi điểm, lấy chữ "thân mình" làm khởi điểm để xử lý việc xã hội, việc nước. Các nhà nho Trung Quốc nói trị quốc bình thiên hạ. Bắt đầu từ chính tâm thành ý, lấy chữ "tâm" làm khởi điểm, hai bên đều muốn bồi dưỡng khởi điểm tốt lên, cho nên người phương Tây thấy ai đó vô công rỗi nghề thì bảo họ làm việc, bồi dưỡng thân thể tốt lên. Người Trung Quốc thấy kẻ vô công rỗi nghề thì bảo họ đọc sách để bồi dưỡng cái tâm tốt lên. Người phương Tây muốn bồi dưỡng bản thân mình, người Trung Quốc muốn bồi dưỡng tâm mình; người phương Tây dạy chú trọng bốn chữ "Có ích bản thân", người Trung Quốc dặn người chú trọng bốn chữ "Hỏi tâm hổ thẹn". Smith đề xướng tự do cạnh tranh, Đác – uyn đề xướng cường quyền cạnh tranh, người phương tây để ủng hộ vì theo học thuyết "Có ích bản thân". Các thánh hiền Trung Quốc không có loại học thuyết này, vì nêu nó lên sẽ lợi mình hại người, hỏi tâm có thẹn. Chúng ta tìm trong Tứ thư Ngũ kinh, Bách gia chư tử, rất khó tìm thấy học thuyết giống như Smith, Đac – uyn. Chỉ trong sách của Trang Tử lúc bàn về trộm cướp có nói gần như thế, nhưng người Trung Quốc rất căm ghét chủ trương này. Học thuyết của Khổng Tử "Muốn tu thân mình, trước tiên phải chính tâm mình, muốn chính tâm mình, trước tiên phải thành thật với ý mình". Chữ "Thân" của Khổng Tử đi vào phía trong hai vòng tìm ra chữ "Ý", lấy thành ý làm khởi điểm rồi phát triển ra ngoài. Giống như xây nhà vậy, gạt hết lớp bùn đi, tìm đến đất mới xây móng. Từ tu thân đến trị quốc bình thiên hạ. Xã hội tạo nên là "Lấy thiên hạ làm một nhà, lấy Trung Quốc làm một người"; người với ta không xung đột, đó là chỗ tinh hoa nhất của học thuyết Trung Quốc. Người phương Tây tự do cạnh tranh, gây mồng mống thế giới đại chiến, người chết mấy người vạn; sau đại chiến vẫn không giải quyết được, lại phải có chiến tranh thế giới thứ hai, về kinh tế tạo thành chủ nghĩa tư bản, gieo mầm cho cách mạng xã hội, kết cục tương lai không còn biết đổ bao nhiêu máu nữa

Chúng ta xem "Tuyến quay về gốc" vẽ ở trên, càng thấy rõ cái hay cái dở của văn hóa Trung Tây. Nước ta chủ trương đứa bé lúc còn nhỏ đã được gia đình bồi dưỡng tâm lý yêu mẹ kính anh, sau đó mở rộng ra, yêu người thân thì có nhân với dân, có

nhân với dân thì yêu loài vật, tạo thành thế giới giới nhân ái. Có thể nói gia đình Trung Quốc là "Nơi bồi dưỡng nhân ái", phương Tây từ chữ "Ta" đến chữ "nước", ở giữa thiếu chữ "Nhà", nên không có "Nơi bồi dưỡng nhân ái", thiếu hẳn đoạn từ chữ "Đinh" đến chữ "Bính", thiếu "Công phu thành ý" tức là "Sự phán xét của lương tâm". Cho nên học thuyết phương Tây phát huy lên, thế giới trở nên tàn khốc

Về văn hóa vật chất, Trung Quốc dĩ nhiên kém phương Tây nghìn lần, nhưng về luân lý xã hội thì lại hơn nhiều điểm. Về mặt này phương Tây nên theo cách của Trung Quốc, chứ Trung Quốc không nên làm theo phương Tây

Cuối cùng đứng ở trí văn hóa Trung Quốc, Tôn Ngô chủ trương học thuyết Trung Quốc có thể cứu được cái dở của phương Tây và Ấn Độ. Ông lấy Lão Tử đại diện cho học thuyết Trung Quốc đã nói ở phần trên. Ông cho rằng cách nói của phương Tây là thuyết nhập thế cực đoan. Cách nói của Ấn Độ là thuyết xuất thế cực đoan, cách nói của Lão Tử là xuyên thông nhập thế và xuất thế làm một. Các nhà Nho thời Tống Minh đều làm công việc của Lão Tử, coi như đã nghiên cứu hai đến ba nghìn năm, mở ra con đường rộng thênh thang. Nếu đem học thuyết này, phát huy lên làm tỏa hào quang thì có thể dung hợp ba nền văn hóa Trung - Ấn – phương Tây thành một

Theo thuyết "Tuyến quay về gốc", người phương Tây lấy khởi điểm từ "Đinh" đi về phía trước, đến điểm "Kỷ" hoặc điểm "Canh" thì dừng, không quay đầu lại. Người Ấn Độ lấy khởi điểm từ "Đinh" đi về phía sau, đến điểm "Giáp" thì dừng, không hề quay đầu lại. Lão Tử lấy khởi điểm từ "Đinh" đi về phía sau, đến điểm "Ất", lại quay đi về phía trước, đến điểm "Canh" thì dừng, lại chiếu cố cả đôi bên. Lão Tử nói: "Tiết căn phục mệnh" là thông với học thuyết Ấn Độ

Cách nói "Lấy chính trị quốc, lầy kỳ dùng binh" là thông với học thuyết phương tây. nói về cách xuất thế thì ông nói không sâu bằng Ấn Độ, nói về nhập thế thì ông nói không kỹ bằng phương Tây, nhưng hình như học thuyết ông là cầu nối giữa học thuyết phương Tây và học thuyết Ấn Độ xuyên thông là một

Học vấn phương Tây coi trọng phân tích, học vấn Trung Quốc coi trọng hội thông. Người phương Tây bất kể việc gì đều chia thành khoa nghiên cứu, người Trung Quốc cổ xưa hễ mở miệng là nói trời đất vạn vật, theo cách nói tổng quát toàn thể. Lấy "Tuyến quay về gốc" mà nói, người phương Tây nó cá nhân chủ nghĩa chỉ thấy điểm "Đinh" (ta) ở tuyến mà không thấy các điểm khác. Nói đến chủ nghĩa quốc gia chỉ thấy điểm "Kỷ" (nước), nói đến chủ nghĩa xã hội chỉ thấy điểm "Canh" (thiên hạ) nghĩa các chữ xung đột nhau. Học thuyết của Khổng Tử tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ là nhất quán. Lão Tử nói: "Tu thân mình đức sẽ chân, tu nhà mình đức sẽ dư, tu làng mình đức sẽ trường, tu nước mình đức sẽ phong, tu thiên hạ đức sẽ phổ". Khổng Tử, Lão Tử đều nhìn thông suốt tuyến này cho nên cách nói: "Coi thiên hạ làm một nhà, coi Trung Quốc làm một người". Như thế dù nói cá nhân, quốc gia, xã hội đều không cảm thấy xung đột. Học vấn Trung Quốc coi trọng hội thông nhưng lại

mênh mông khái quát, người phương Tây nghiên cứu rất tỷ mỷ nhưng lại không quán thông. Đem cách nghiên cứu phương Tây quán thông với cách nhìn Trung Quốc. Các loại chủ nghĩa sẽ không xung đột, văn hóa Trung Quốc phương Tây sẽ dung hợp làm một

Người phương Tây nói cạnh tranh, nói siêu thân, thực ra là cái tôi ở cuối trào lưu, thử hỏi 3 nhà triết học Hy Lạp sao không là những nhân vật cùng dòng với Khổng Tử, Lão Tử, Trung Quốc là nước Đạo Giáo Nho, Phật, Lão cùng tồn tại nhưng các sư sãi, đạo sỹ , cử nhân tú tài thời nay mấy ai theo kịp Thích Ca, Khổng Tử, Lão Tử trào lưu cuối kỳ giống như phương Tây vậy. mọi xung đột trên thế giới từ tư tưởng mà có, xung đột tư tưởng lại bắt nguồn từ xung đột học thuyết, gọi là xung đột những học thuyết cuối kỳ, còn ban đầu Thích Ca, Khổng Tử, Lão Tử, Xo – crat… có xung đột đâu. Tương lai nhất định sẽ có người đem học thuyết Nho, Phật, Lão, triết học Hy Lạp, học thuyết thời Minh, học thuyết cận đại phương Tây hợp lại nghiên cứu, dung hội quán thông sáng tạo ra học thuyết mới. Việc làm này giống như Trình Minh Đạo dung hợp 3 đạo Phật, Nho, Lão thành môn lý học. nếu công việc này hoàn thành tư tưởng thế giới sẽ nhất trí, hành động nhất trí, có hy vọng thế giới Đại Đồng

Những điều nói trên là nội dung tóm tắt giới thiệu cuốn sách "Xu thế học thuật Trung Quốc" của Tôn Ngô, Ngoài ra cuốn sách này còn nói đến mối quan hệ giữa "Tống Học" và "Thục học" chỉ rõ học thuyết của ông họ Trình chịu ảnh hưởng rất sâu sắc của Thục học thời bấy giờ, nhất là dịch học của Trình Y Xuyên. Đồng thời đạo Lão, đạo Phật một thời ở Tứ Xuyên, 2 ông họ Trình chịu ảnh hưởng sâu, cho nên sau này họ mới làm được công việc dung hợp 3 đạo giáo. Thêm nữa Thục Chủ Mạnh Kinh lúc đó nhiệt tình với văn hóa và nên chính trị cũng trong sáng, coi như đứng đầu thiên hạ. Tô Tử nghiên cứu học thuyết Lão Tử là người trước đây chưa có ai, tất cả sự kiện ấy đủ để chứng minh Tứ Xuyên có thể là cái nôi văn hóa của Trung Quốc từ đó về sau

Tôn Ngô khảo chứng và thuyết minh về các vấn đề trên mà những nhà nghiên cứu lịch sử học thuật Trung Quốc chưa từng chú ý đến

Ông nêu lên Lão Tử nhằm quán thông toàn bộ học thuyết Trung Quốc; ông lại nói học thuyết phương Tây và Ấn Độ đều cực đoan chỉ có học thuyết Trung Quốc có thể điều chỉnh hai cực đoan ấy, quan điểm ông có chủ quan phiến diện không, mong đọc giả cho ý kiến

BÀI VĂN HAY Ở TUỔI SÁU MƯƠI

Bỉ nhân năm nay (năm dân quốc thứ 28) vừa tròn 60 tuổi. Lúc này dù có buông xuôi tay nằm giữa chính tẩm hoặc bị máy bay Nhật ném bom chết, thì trên bài văn tế phải viết đã lên thượng thọ sáu mươi có lẻ. Khi có sống không một ai biết, sau khi chết tôi nói khắp cả mọi người ai nghe nói đều phải chúc mừng tôi. Tôi nói: "Thôi đừng hao tâm tổn sức làm gì, nhiều người làm quan, họ tự dựng bia công đức, tự sửa lấy nhà thờ, thế thì bài văn khải sự không dám phiền bạn bè, tôi sẽ tự làm lấy"

Viết bài thọ văn phải viết sự nghiệp văn chương công đức của người ấy, những cái khác có thể lược đi, Bỉ nhân là kể thất phu vươn lên làm thánh nhân **Hậu Hắc**, sáng lập ra một đạo giáo, khác với Nho, Phật, Lão đó là đặc điểm riêng nhất. Nhưng làm việc này mọi người đã biết, nhà nhà đã học, có nhiều người dốc sức thực hiện, đặc điểm này không cần khen ngợi nữa. Điều bây giờ chẳng qua muốn nêu rõ trọng trách của Bỉ nhân để về sau tự khen mình mà thôi

Bỉ nhân sinh ngày 13 tháng giêng năm Kỷ Mão tức là năm thứ năm Triều Quang Tự, ngày hôm sau mới lập xuân. Thày tướng số bảo: "Người sinh năm Kỷ Mão đoán mệnh Mậu Dần". Cho nên ai sinh năm Kỷ Mão là đồng tuế với tôi, ai sinh năm Mậu Dần cũng là đồng tuế với tôi, Năm Kỷ Mão thời Quang Tự là năm 1879 dương lịch, Anhstanh sinh ngày 19 tháng 3 sau tôi một chút, cói là em đồng tuế với tôi thế mà trong thuyết tương đối của ông ta đã chấn động toàn cầu. Còn **"Hậu Hắc Học"** của tôi mới phổ cập ở tứ xuyên, tôi không khỏi hổ thẹn với người em đồng tuế của tôi. Sau này chỉ có tuyên truyền mạnh mẽ học thuyết do tôi phát minh mới không uổng phí cuộc đời. Ngày 13 tháng giêng trên lịch ghi rõ: "Ngày dương công sự kỵ, mọi việc không thành". Khổng Tử sinh ngày 27 tháng 8 cũng là ngày dương công sự kỵ, số tôi giống như Khổng Tử, vận làm quan không hanh thông, chỉ được coi là giáo chủ, trời sinh ra tôi, đãi ngộ giống như Khổng Tử, tôi đâu dám phỉ báng

Cách tính ngày dương công sự kỵ, lấy 13 tháng giêng làm khởi điểm, sau đó lùi hai ngày cho đến ngày 21 tháng hai, mồng 9 tháng 3 … đến tháng 8 lại biến đổi lấy ngày 13 làm khởi điểm, mỗi tháng lùi 2 ngày tức là ngày 25 tháng 9, ngày 23 tháng 10… đến tháng giêng bỗng lấy ngày 13 làm khởi điểm. Mời các vị giở lịch sử ra xem sẽ thấy tôi không nói khoác. Hễ là giáo chủ đều ứng vận sinh ra, ngày sinh của Khổng Tử là ngày 27 tháng 8 cho nên ngày sinh của tôi không thể không là ngày 13 tháng giêng. Như vậy hàng nghìn năm trước dương công đã đoán được rồi

Ngày sinh của Khổng Tử là ngày 27 tháng 8 âm lịch, các nhà nghiên cứu lại nói khác đi, đổi thành 27 tháng 8 dương lịch, người thường lơ mơ đâu biết. Hàng nghìn hàng vạn năm sau, tín đồ tôi uống nước nhớ nguồn, sẽ dựng cho tôi cái miếu **Hậu Hắc**, cúng tế vào ngày sinh thánh, phải tra biểu đối ngày tháng âm dương thêm phiền

phức. Thôi thì coi ngày 13 tháng giêng năm này (năm quốc dân thứ 28) là ngày sinh giáo chủ **Hậu Hắc**, sau này mỗi năm đến ngày ấy vào miếu cúng tế chẳng tốt lắm sao

Tứ xuyên từ Hán triều, sau khi Văn ông hưng học, văn hóa so với Tề, Lỗ thời Tấn, Đường có phần sáng sủa hơn. Thực học hưng thịnh lên đủ cạnh tranh với các tỉnh Giang, Triết. Cuối thời Minh, giặc Hiến chà đạp đất Thục, gây nên thảm sát chưa từng có. Các hào kiệt nổi lên tập võ, gây nên khí thế, đến đời thanh, có nhiều danh tướng được phong tước công, hầu, bá, tử, nam đủ cả. Thời gia đạo, cả nước có 19 trấn tướng thì Thục chiếm đến 7 – 8 người. Do đó võ công đất Tứ Xuyên rất thịnh còn văn học không lên được. 60 năm trước, Trương Văn Tương lập lên Tôn kinh thư viện, sau đó Vương Nhân Thu tiên sinh đến Tứ Xuyên dạy học, cùng các học trò ông là Giao Tú Bình, Tống Văn Tử viết nhiều sách để lại cho đời, văn chương lại thịnh lên. Theo nhật ký Tương Y Lâu, ngày 12 tháng giêng năm Kỷ Mão là ngày Vương tiến sinh tiếp nhận Tôn kinh thư viện, ngày sau thì sinh tôi, ngày sau nữa lập xuân, vạn vật đổi mới, thế mới biết thạo háo ứng vận thật kỳ diệu

Đế vương hưng nghiệp tất phải khu trừ người đi trước, giáo chủ hưng đạo cũng phải khu trừ người đi trước, trật tự bốn mùa cứ thế mà đi. Khổng Giáo hưng thịnh đã hơn hai ngàn năm, đỉnh cao vời vợi, giờ lại chọn đất Tứ Xuyên làm nơi sinh ra giáo chủ mới khiến cho thánh nhân Đông Lỗ đối lập với thánh nhân Tây Thục. Người Tứ Xuyên đã khu trừ thói chuộng võ đến tôi là đỉnh cao

Dân quốc năm thứ nhất mở ra kỷ nguyên mới về chính trị, giờ đây đã là Dân quốc năm thứ 28 cũng tức là 28 năm kỷ nguyên **Hậu Hắc**. Tiến hóa của Tứ Xuyên có thể phân ra 3 thời kỳ: Thời kỳ thứ nhất, khai quốc hoang sơ, chưa có gì sâu sắc, sau khi Tần thông với Thục, do Tư Mã Tương Như đời Hán rồi đến Dương Thuận đời Minh, người Tứ Xuyên coi văn học là thế mạnh, đó là công lao của các văn ông vậy. Đến thời Thanh, người Tứ Xuyên lấy võ công làm thế mạnh, đó là thời kỳ thứ hai, công lao ấy thuộc về Trương Hiến Trung vậy. Từ Dân quốc đến nay, người Tứ Xuyên lấy **"Hậu Hắc Học"** là thế mạnh, đó là thời kỳ thứ ba, công lao ấy thuộc về tôi vậy

Từ Dân quốc năm thứ nhất trở về trước, tôi cùng con cháu và học trò ra sức truyền bá, biến Tứ Xuyên thành một nước **Hậu Hắc**, cho nên kẻ sĩ Trung Quốc lớn tiếng hô rằng: "Tứ Xuyên là căn cứ phục hưng dân tộc. Sao nghĩ muốn phục hưng dân tộc, cần đánh đổ Nhật Bản, bỏ qua học thuyết này, còn có cách gì khác?". Cho nên trong cuốn "**Hậu Hắc Tùng Thoại**" tôi viết ra, gào lên khẩu hiệu "Hậu Hắc cứu quốc" nêu lên Việt Vương Câu Tiễn là nhân vật điển hình. Ban đầu Câu Tiễn sang nước Ngô, nếu bản thân mình không chịu xưng thần, vợ là thiếp phục vụ Phù Sai, sẽ bị chết thôi, đó gọi là Hắc. Từ 918 đến nay, nước ta từng bước thoái nhượng, đó là phương thức Câu Tiễn diệt Ngô. Cục thế nước nhà, định ra quốc sách, nếu có chỗ nào ngầm hợp với học thuyết của tôi thì là may mắn lắm

Bỉ nhân phát minh **"Hậu Hắc Học"**, là bí mật xưa nay chưa được truyền lại, từ

nay về sau ra sức tuyên truyền đến chết mới thôi. Đối với xã hội, bỉ nhân có cống hiến vô cùng to lớn, nhân sỹ trong xã hội cần biểu dương Bỉ nhân. Con Cháu, học trò Bỉ nhân cần làm thơ văn ca ngợi công đức ngày sinh giáo chủ. Theo con mắt Bỉ nhân, lễ trái ở đời, vinh dự đều có giá trị ngang nhau. Ngoài học trò con cháu ra có người tâm đầu ý hợp như Dật Bá Ngọc, có người đi theo hướng khác hoặc có người chống đối lại như Sở Cuồng Thả Trúc, Chinh Sinh Miêu… nên cố gắng viết đôi lời dù khen ngợi hay chửi bới, Bỉ nhân đều kính cẩn tiếp nhận. Sau này, tập hợp thành một cuốn sách tên là "**Hậu Hắc giáo chủ vinh lục**". Nghìn vạn năm sau, **"Hậu Hắc Học"** sáng giữa trời quan thì sõng cũng vinh mà chết cũng vinh. Trung Hoa dân quốc vạn tuế, **"Hậu Hắc Học"** vạn tuế. Ngày 13 tháng 3 năm thứ 28 kỷ nguyên **Hậu Hắc**, Lý Tôn Ngô kính cẩn thưa rằng: ***Ngày này tức là ngày trước một ngày ông em đồng tuế Anhstanh tròn 60***

GHI CHÉP VỀ KHỔNG TỬ MỞ TRƯỜNG HỌC

Trường học họ Khổng không đâu không có. Tài liệu giảng dạy thuần lấy từ "**Luận ngữ**". Tác giả Tôn Ngô dùng cách cắt đoạn trong văn bát cổ, tùy ý bớt đi thêm vào, chữ nghĩa viết sai cũng mặc, thời đại nói sai cũng mặc, có thể nói là một việc làm cực kỳ hài hước. Bây giờ chép lại một đoạn nói về lúc trường sắp đóng cửa xem

Khổng Tử mở trường học, mới đầu phân các khoa như: *Tu thân do Nhan Uyên, Văn Tử Ngang, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung phụ trách; về ngôn ngữ do Tể Ngã, Tử Cống phụ trách; Quốc văn do Tử Du, Tử Hạ phụ trách; cách trí do Tăng Tử phụ trách; số học do Nhiễm Hữu kiêm nhiệm; thể thao do Tử Lộ kiêm nhiệm, lịch sử do Khổng Tử tự đảm nhiệm*, về sau các giáo viên kẻ chết, người bỏ đi. Thầy hiệu trưởng Khổng Tử là một thầy vạn năng, hễ thiếu giáo viên là thầy dạy thay. Trừ khoa ngôn ngữ ra, các khoa khác đều do Khổng Tử dạy thay, ở trường chỉ có một nữa giáo viên, tại sao lại nói chỉ còn có một nữa giáo viên? Vì tất cả trường chỉ có một mình Tể Dư là giáo viên, hàng ngày ông ta ngủ suốt, đến giờ lên lớp Khổng Tử phải đến phòng ngủ gọi ông ta dạy. Mỗi giờ chỉ dạy không quá 30 phút, cho lớp tan rồi đi ngủ, nên gọi là một nữa giáo viên

Giảng bài không nghiêm túc, tự nhiên sinh ra lỏng lẻo. Học trò suốt ngày uống rượ nhậu nhẹt, dọa nạt ra lệnh nhưng rất có cảm tình với thầy hiệu trưởng. "*Có rượu thịt mời thầy xơi*". Khổng Tử rất khách khí "*Thấy món ăn ngon biến sắc mặt mà ngồi*", thầy trò chóng quên nhau. Có lúc họ trò mời thầy đánh cờ, đánh bài, lúc đầu học trò lên mời thầy, lâu lâu về sau, Khổng Tử thấy thích thú, hàng ngày sau khi ăn sáng xong bèn nói với học trò "*Suốt ngày ăn uống, chẳng làm gì, khó chịu thật", "Ăn no rồi không có việc gì làm, ngày đó buồn thật*". "*Trong hòm các người có quân cờ, mạt chược, tú lơ khơ không, đem ra chơi đi, ngồi không chẳng có việc gì làm*". Làm như vậy trong trường tự nhiên yên tĩnh, không ngờ bên ngoài có người dị nghị, có người có viết ca dao chửi bới họ

Ngoài ra Tôn Ngô còn định viết một cuốn tiểu thuyết đặt tên là "**Khổng cáo đại chiến trật văn**" nhưng chưa xong. Những đoạn tôi đọc được ở một hồi, tài liệu toàn lấy ở Luận Ngữ và Mạnh Tử, linh tinh lộn xộn chẳng định hiểu nói gì. Theo ông ta nói, văn bát cổ, nhất là những người giỏi văn bát cổ châm biếm vừa dùng văn phụ lục. "**Khổng cáo đại chiến trật văn**" bắt đầu như sau: Cuối thời mãn Thanh, "*Quảng ích tùng báo*" ở Trùng Khánh đăng bài: "*Luận tội vua Thuấn*" kể mười mấy tội lớn của Thuấn, chứng cớ xác đáng, lâu ngày chỉ còn nhớ mang máng. Nói Thuấn đục thông bốn núi, cướp ngôi vua Nghiêu, đó là tội lớn không cần nói nữa. Hay nhất là nói, Thuấn cho ta già rồi, mốc đồng tử mắt ta ra, nhét vào mắt ông ta, cho nên ta bị mù còn ông ta mỗi mắt có hai đồng tử, đó là một tội lớn. Nga Hoàng Nữ Anh là tổ cô của

Thuấn, tộc phả còn ghi, ông đã lấy làm vợ, đó là tội lớn thứ hai. Thời vua Nghiêu, thiên hạ có 12 châu, sách của Thuấn viết: ta có 12 châu. Thuấn sai người đốt 3 châu, đến thời Ngu chỉ có 9 châu, đó là tội lớn thứ 3…

Toàn bài văn viết rất mùi mẫn, chỉ tiếc không nhớ rõ, lúc ấy, tờ báo nọ còn đăng một thiên tiểu thuyết, nói Đường Tam Tạng cùng các đồ đệ Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới, Sa Hòa Thượng đi du học nước ngoài…

Còn có người viết tiểu thuyết nói Mạnh Tử đi lấy kinh ở Đông Thiên, giữa đường gặp Cáo Tử, tay cầm "*lá liễu*" miệng ngậm "*nước sông*", Mạnh Tử không giết nổi hắn, đi cầu cứu Tăng Tử, Tăng Tử tay cầm "*Chùy thận chung*" cưỡi rùa "*dân đức*" miệng nói "*Thận chung đuổi xa, dân đức quy hậu*" vẫn không thắng được Cáo Tử, bèn cầu cứu Khổng Tử, Khổng Tử tay cầm "*Thương nhân hồ*" cỡi "*bất vấn mã*" hô: "*Thương nhân hồ, bất vấn mã*", nhưng vẫn bị Cáo Tử đánh bại. Bỗng nhiên từ không trung bay đến một người, cỡi "*lợn ốm*" hô lớn: "*ta họ Nghiêu tên Thuấn, bắt Cáo Tử phải hàng*". Tôi nghĩ: "*Khổng Tử là giáo chủ lớn nước ta, làm sao bị thua dễ dàng thế?*" Phải có một trận ác chiến mới đúng nên mới viết bổ sung cho cuốn "**Khổng cáo đại chiến trật văn**", chép ra để mọi người xem

Chính văn của tiểu thuyết bắt đầu từ lúc Khổng Tử nhận được thư cấp báo của Tăng Tử, ông liền điểm ba nghìn quân mã, bảy mươi hai đại tướng, oai phong lẫm liệt tiến đánh dinh Cáo Tử. Cáo Tử nhìn thấy quân Khổng kéo đến liền dẫn binh ra ứng chiến, hai bên dùng vũ khí, quân mã xông vào đánh giáp lá cà, mọi danh từ dùng cho chiến sự ấy đều lấy từ thành ngữ của Luận ngữ và Mạnh Tử, lựa chọn giai âm dễ nghe. Giờ trích một đoạn mô tả chiến sự ác liệt ấy

Khổng Tử nổi giận, rút bên người ra một đoạn bùa thiêng gọi là "Bùa giết người" quẳng lên không hô lớn: "Lục *đinh lục giáp đâu?*" Chỉ thấy trên không bay đến một người cưỡi ngựa "*Bất vấn*" lớn tiếng: "*Ta là thần lửa đây*". Nói xong xua rồng lửa, ngựa lửa, vịt lửa, chuột lửa xông ra dập tắt ngọn lửa. Dòng nước chảy mãi, tràn ngập mênh mông trong chốc lát nhấn chìm ngựa của họ Khổng. Khổng Tử thấy vậy nói rằng: "*Không sợ, chờ ta niệm chân ngôn tránh nước*". Nhan Uyên hãy dẫn người ngựa từ nước chui ra. Nói xong miệng Khổng Tử đọc: "*A, A, nước A từ nước mà ra*". Nhan Uyên đang định chui ra bị Cáo Tử trong thấy hét lớn: "*Định chạy đi đâu*?" giơ tay chỉ một cái, nước biến thành bức tường sắt, hô một cái Nhan Uyên ngã lăn ra đất, nhìn lên thấy nước đã cao trăm trượng, Nhan Uyên than rằng: "*Nước ơi mày cao quá, quá cứng quá tao chết mất*". Đến lúc này Khổng Tử vô kế khả thi, Tử Lộ đang bị thương nằm dưới đất kêu lên: "*Tôi có tài làm nước đóng băng nhưng bị thương rồi không làm gì được. Thầy ơi thầy có pháp thuật ngồi trên nước sao không dùng*?". Câu nói làm Khổng Tử tỉnh ngộ, bèn dẫn môn sinh nổi lên mặt nước chay đi; Sai Nhiễm Hữu, Tử Cống đi sau cùng. Cáo Tử dẫn người đuổi theo, Nhiễm Hữu, Tử Cống giơ đại đao lên, huơ tay định chém hai lần, Cáo Tử trông thấy sợ quá, ôm đầu chạy

trốn. Anh em Cáo Tử trông thấy chẳng hiểu đầu đuôi vì sao bèn xúm quanh Nhiễm Hữu, Tử Cống hỏi: "*Chúng tôi học đạo Ni Sơn, 18 môn võ nghệ đều tinh thông mà vẫn chưa biết đao pháp này, các vị học ở đâu vậy*?". Hai đứa cười tít: "*Binh pháp này các người không biết được, chỉ có Nhiễm Hữu và Tử Cống biết được thôi*". Chuyện dông dài không nói nữa. Khổng Tử về đến dinh thấy quân mã mất một nữa rất là đau xót, bèn hạ lệnh, gọi Tể Dư đến dặn rằng: "*Tướng sĩ toàn dinh mệt mỏi lắm rồi, hôm nay cần được nghỉ ngơi, ngày mai sẽ tiếp tục đại chiến. Chỉ lo rằng Cáo Tử nửa đêm cướp trại, người ban ngày ngủ nhiều rồi (Tử Dư vốn ngủ ngày) nên ban đêm thức và đi tuần*". Khổng Tử nói xong, gục đầu xuống rồi, gáy o o ….

CHỦ TRƯƠNG KHẢO THI BỊ ĐÁNH

nNăm Dân quốc thứ 11, Tôn Ngô cùng Du Tử là đốc học của tỉnh đi khảo sát giáo dục thấy thành tích của các trường ở các tỉnh phía Nam, phía Bắc so với tỉnh mình không kém là mấy nhưng do chế độ giáo dục hiện hành bị gò bó thì không thể phát triển tốt đẹp được. Vì vậy sau khi đi khảo sát về ông ra sức thực hành chế độ khảo thi mong sao thoát khỏi sự tồi tệ này. Học kỳ 2 năm thứ 12, Thành Đô mở hội nghị bàn về chế độ học mới, ông cùng mấy vị Đốc học khác trong tỉnh và nhiều người trong hội nghị nêu ra đề án thi cử, thảo luận ở hội nghị nhưng chưa được thông qua. Sau hội nghị, một mình ông làm tờ trình, chủ trương học sinh các trường tốt nghiệp do Hội đồng nhà nước khảo hạch, mười năm sau, Bộ giáo dục mới ban hành chế độ hội khảo toàn quốc. Tờ trình của ông nêu lên 16 điều và xin cho được làm thử ở Phú Thuận, sau khi tỉnh phê duyệt cử ông làm chánh chủ khảo vào mùa hè năm thứ 13 sau đó mở rộng ra các huyện tỉnh phía nam tỉnh Tứ Xuyên. Mùa hè năm thứ 14, học sinh trung học liên lập phủ thúc châu tốt nghiệp, ông lại làm chánh chủ khảo qua mấy đợt thi. Một buổi tối nhiều học sinh tây cầm gậy gộc que sắt đến nhà lôi ông ra khỏi phòng ngủ, đánh một trận thật đau. Theo ông kể lại, lúc chúng nó đánh trật tự rất nghiêm, khắp trường im lặng, học sinh không nói câu nào, ông cũng ngậm miệng không kêu, học sinh đánh ông chịu đòn. Khi chúng nó đánh chán rồi, bỏ đi mới chửi một câu: "*Mày là đồ con chó, còn chủ trương khảo thi nghiêm khắc nữa không?*". Ông nằm dưới đất nghĩ thầm: "*Nếu không bị đánh chết, lại làm*". Học sinh đi rồi, ông mời Tri huyện Nghi Tân đến khám nghiệm vết thương viết thành bệnh án, gậy gộc que sắt tập trung lại làm chứng cớ. Sáng hôm sau, lại mời thầy hiệu trưởng trường ấy đến bên giường. Ông đọc cho viết bức điện gửi cấp trên, tường thuật sự việc xảy ra, cuối cùng nói: "*Quan lần bạo động này thấy cần phải khảo thi. Đốc học bị đánh trọng thương, sông chết không quản, nếu không khỏi được, mong cứ cho thi để thay đổi bồi phong bại tục. Chủ trương của tôi nếu được các vị thực hành, dù chết về nơi chín suối cũng lấy làm vinh hạnh*"

Viết thương vừa đỡ lại tuyên bố tiếp tục khảo thi, ông băng vết thương lên phòng thi, hạ lệnh tất cả học sinh đã đánh ông. Nội quy trường thi càng chặt chẽ hơn trước, học sinh đành phải theo quy củ dự thi. Sau vụ việc này, ông viết một bài "***Bàn về chế độ khảo thi***" nói rõ sự cần thiết phải thi, chú trọng đến cải cách chế độ học tập do Nhà giáo dục in phát cho các huyện thảo luận. Ông thường nói với mọi người: "*Nếu không bị trận đòn đau thì bài viết này không ra đời, tôi phải cảm ơn những học sinh ấy!*"

Ông cho rằng lần đánh đòn ấy là đáng đời vì bấy giờ học sinh các nơi đang vận động bỏ chế độ thi mà ông lại chủ trương thi rất chặt chẽ, lại không tuyên truyền nói

rõ lý do, tránh sao thoát khỏi bị đòn. Sau lần bị đòn ấy, ông mới giác ngộ một điều, việc quan trọng phải thực hành thì càng cần phải tuyên truyền; nguyên nhân ông bị đánh là do nhiều người hoài nghi chế độ thi nên mới có việc chống đối lại

Pháp chế mới của Vương An Thạch vốn đúng, khi ông làm quan ở Đồng huyện đã làm thử, mọi người đều khen là tiện lợi, đến khi ông làm tể tướng, pháp chế này thực hành trong cả nước nên bị thất bại lớn. Nói ông không có nghị lực chăng? Ông không sợ trời không sợ người, gánh vác cả tầm vóc vũ trụ, là một nhân vật xưa nay hiếm. Nói rằng pháp chế mới của ông không tốt sau? Sau khi ông chết, cách làm của ông được người ta sử dụng, có những luật còn áp dụng đến ngày nay, chẳng qua là đổi tên đi và sửa sang một chút mà thôi. Tại sao Vương An Thạch lại bị thất bại? Tại ông thiếu công việc tuyên truyền. Những danh nhân đương thời như Tư Mã Quang, Tô Đông Pha đều không hiểu nên phản đối ông, mỗi người đi một hướng, kết quả hai bên đều tổn thất, không riêng nhân dân bị thiệt thòi, đất nước thiệt thòi gây ra mầm mống mất nước, thật là điều không may. Nếu Vương An Thạch không im lặng tiến hành, trước tiên làm việc tuyên truyền nêu lên cách làm của ông cho mọi người góp ý, loại trừ thái độ cố chấp, dung nạp ý kiến đúng đắn, sửa sang viết lại đưa cho các vị hiền nhân nghiên cứu, chắc họ cugnx khôgn cố giữ pháp luật xưa kia, qua tranh luận để đưa đến nhất trí, mọi người đồng tâm hiệp sức thi hành, đó không phải là việc tốt sao?

Tôn Ngô suy nghĩ như vậy mới đem ý kiến chủ trương khảo thi của ông phát biểu ra

TRIẾT HỌC SỢ VỢ

Giáo chủ Hậu Hắc lúc sinh thời thích viết văn hài hước, hoặc dùng thể tạp văn, hoặc dùng thể tiểu thuyết. Bất cứ bài viết hay thiên truyện nào cũng đều gây ra tiếng cười vui, mắng mỏ, đầy hàm ý chế giễu. Có người nói: "Khi **giáo chủ Hậu Hắc** còn sống là một người châm biếm cay đắng trong thiên hạ", tôi cũng nói như vậy. Ông không chỉ là chế giễu người đời, có khi cũng tự chế giễu mình. Nhưng khi ông tự chế giễu mình, lại là sự chế giễu đọc ác người đời hơn, đó là tài ứng biến nhất quán của ông. Tỷ dụ, ông đề xướng **"Hậu Hắc Học"** rõ ràng là ông mượn đó để chửi người đời, nhưng lại chỉ một mình ông đơn phương cáng đáng, tự coi là giáo chủ của **"Hậu Hắc Học"**. Ông còn viết cả "**Hậu Hắc kinh**", "**Hậu Hắc truyện**", "**Tạp lục Hậu Hắc truyện**" nữa. Nếu có người chất vấn ông: "Tại sao ông chửi người ta?", tất nhiên ông trả lời: "Tôi đâu dám chửi người ta! Tôi chửi chính tôi đấy". Thử hỏi bạn có cách gì xử sự với ông ta? Bài viết này chủ yếu giới thiệu bài "Triết học sợ vợ" của ông đã viết. Ở đây muốn làm rõ một điều nên biết, động cơ của việc ông viết bài này để kiểm định lại luân thường của nước ta đang ngày càng tồi tệ. Cái gọi là năm đạo luân thường (theo lý luận đời xưa của các nho gia Trung Quốc, có 5 đạo luân thường: Quân

thần (Vua Tôi), phụ tử (Cha con), phu phụ (Vợ chồng), huynh đệ (Anh em), Bằng hữu (bạn bè) cơ hồ đã bị phá tan hết, trong xã hội không nơi nào không đầy rẫy những kẻ hám của và hám gái. Nhưng tác phong của ông lại không giống những học giả khác, chỉ nhất quán thốt lên những từ ngữ than thở "Đạo lý ở đời không cổ hủ, nhưng sự vật ngày càng thoái hóa". Ông đã đưa lời than thở bằng khẩu hiệu "sợ vợ", như là một sự đề xướng và viết thành chuyên luận, với danh nghĩa triết học, cuối cùng còn nêu thành "Phạ Kinh"(phạ là sợ), để so với "Hiếu kinh" của các nho gia. Sự chế giễu này có thể nói là rất độc ác! Bản thân ông có sợ vợ hay không, chúng tôi quả thật không biết, nhưng ông đã từng cùng một số bạn bè nam giới tích cực chủ trương thành lập "Hội nghiên cứu khoa học sợ", để cùng nhau nghiên cứu khảo luận, nghiễm nhiên ông là Hội trưởng nghiên cứu "Khoa học sợ". Chẳng lẽ đây không phải là thuyết pháp thể hiện chính ông hay sao?

Ông tự coi luận văn này là triết học, đại ý muốn nói: Phần lớn sự kiến lập một quốc gia tất phải có một trọng tâm nhất định. Nước ta đã tuyên bố là xử sở của lễ giáo, cái chủ yếu trước hết là 5 đạo luân thường, coi là cái gốc của mọi hành động. Cho nên nói: "Thờ vua mà không trung thành là bất hiếu", "Không tin bạn bè là bất hiếu", "Ra chiến trận mà không dũng cảm là bất hiếu". Trọng tâm của cả nước được kiến lập trên một chữ "hiếu", do đó đã sản sinh ra biết bao sự văn minh. Nước ta nhóm ngó với đầy uy quyền vùng Đông Nam Á đã mấy nghìn năm, đâu phải là không có nguyên nhân. Từ khi cơn gió từ Châu Âu tràn vào trời đông, nói chung các học giả đều lớn tiếng kêu lên "Lễ giáo là giết người", trước hết đả đảo chữ "Hiếu", cả nước mất hẳn trọng tâm. Vì thế những người lo việc nước đã không trung thành nữa, không tin bạn bè nữa, ra chiến trận không dũng cảm nữa. Đó là những hiện tượng như vậy, quốc gia làm sao mà không suy kém, tránh sao khỏi nạn xâm lăng từ bên ngoài? Vì vậy, phải tìm một chữ khác làm trọng tâm cho việc lập quốc, để thay thế cho chữ "Hiếu" xưa kia. Chữ này vẫn phải tìm trong 5 đạo luân thường, thì vua tôi đã cách mạng rồi, cha con đã bình đẳng rồi, anh em bạn bè đã bỏ đi rồi (Có lẽ tác giả viết bài này sau cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc, mới có những lời lẽ như trên), may mà trong đạo luân thường vẫn còn tồn tại đạo vợ chồng. Chúng ta phải coi tất cả mọi thứ cấu nền văn hóa kiến lập trên đạo luân thường này. Con trẻ trong thiên hạ có đứa nào không yêu người thân của chúng, tích ái thành hiếu, cho nên nền văn hóa thời xưa đã được kiến tập trên chữ "Hiếu". Những người chồng trên thế gian, không ai lại ít yêu vợ, thế là "Tích ái thành phạ" (Yêu nhiều thành sợ). Cho nên nền văn hóa từ nay trở đi phải kiến lập trên chữ "sợ". Do đó, chữ "Sợ" trong từ sợ vợ không thể không thành trọng tâm của cả nước

Ông nói, người tiên tiến trong "Học thuyết sợ" phải nói trước hết ở Tứ Xuyên. Trần Quý Thường ở triều đại nhà Tống là người cự phách nổi tiếng nhất của giới sợ, câu chuyện về tiếng gào thét của sử tử Hà Đông đã trở thành giai thoại của giới sợ.

Cho nên Tô Đông Pha đã tán thưởng bằng thơ rằng: "Sư tử Hà Đông bỗng gầm vang, hồn xiêu phách lạc, chân tay rụng rời" (dịch nguyên văn: "Bỗng nghe tiếng gầm thét của sư tử Hà Đông, tâm hồn rụng rời, làm rơi cả chiếc gậy trong tay"). Đó là ông hình dung trạng thái sợ vợ, coi như không làm chủ được tâm hồn, lục giác tiêu tan cả, nhưng Trần Quý Thường đâu phải kẻ mềm yếu, ông là ẩn sỹ nổi tiếng cao đạo. Người cao đạo ở ẩn đều sợ vợ như thế cả, cho nên chuyện sợ vợ, có thể được coi là đạo lý muôn thuở. Đông Pha lại kể về ông Trần rằng: "Quanh vách đều vắng lặng và ông có ý là tự đắc được làm người hầu cho vợ". Điều này đã chứng minh, Trần Quý Thường rõ ràng là một đấng ông chồng ngồi trên chữ "sợ", cho nên trong gia đình mới thu được hiệu quả như vậy

Còn một vị nữa là Lưu Tiên Chủ vốn ở Tứ Xuyên vào thời sớm hơn nữa, có thể nói ông là nhà phát minh kiêm thực hành của môn "Khoa học sợ". Đêm tân hôn, ông quỳ dưới chân Tôn phu nhân, về sau bị lưu giữ ở Đông Ngô. Mỗi khi gặp điều gì không may đều giữ vợ lại khóc lóc, hơn nữa luôn quỳ gối. Gặp phải điều ác lại hóa điều lành, gặp nạn lại thành may mắn. Nhưng ông ta phát minh kỹ thuật loại này quả thực có thể nói làm một đấng nam nhi phải vượt qua muôn trùng bể khổ. Phàm những người đã nghe tiếng gầm thét của sư tử Hà Đông có thể dùng bảo pháp của Lưu Tiên Chủ, thì dù ở trogn khuê phòng cũng có được dáng vẻ yên vui, vợ vui thì cũng vui, thậm chí vợ vui cũng thút thít khóc được

Tác giả còn lấy trong lịch sử để chứng minh: Sau thời Đông tấn, nam bắc đều ngang sức với nhau, trải qua Tống, Tề, Lương, Trần cho đến khi Tùy Văn Đế xuất hiện mới thống nhất được nam bắc, thế mà Tùy Văn Đế lại là người sợ vợ nhất. Một hôm, một mình Hoàng Hậu nổi giận, Văn Đế sợ quá, chạy vào trong núi, trốn hai ngày, nhờ có các đại thần khuyên giải được Hoàng Hậu, mới dám trở về. "Phạ Kinh" nói: "Gặp vợ thì như chuột, gặp kẻ địch thì như Hổ". Tùy Văn Đế thống nhất được thiên hạ ai dám nói là không xứng đáng?

Cuối đời nhà Tùy thiên hạ đại loạn, Đường Thái Tông quét bọn vương hầu hùng bá bốn phương, bình được thiên hạ, mưu thần được dùng là Phòng Huyền Linh cũng là một người rất sợ vợ, ông thường bị vợ áp bức, vô kế khả thi, bỗng nhiên một hôm ông nghĩ: "Thái Tông nay là thiên tử, đương nhiên có thể chế phục được bà ta", do đó ông đã tố khổ với Thái Tông, Thái Tông nói: "Khanh gọi bà ấy đến, đợi trẫm xử lý". Nào ngờ Phòng phu nhân chỉ nói vài câu đã làm Thái Tông câm miệng không nói được lời nào, bèn nói riêng với Phòng Huyền Linh: "Trẫm mới gặp đã sợ bà ấy rồi, từ nay về sau cứ theo đúng mệnh lệnh của bà ấy là được". Thái Tông mới gặp của một bầy tôi đã sợ, thật không đáng hổ thẹn là một anh quân khai quốc

Trong lịch sử nước ta, không những phải là người sợ vợ mới có thể thống nhất được toàn quốc; mà chính những kẻ an phận ở một góc trời nào đó nếu không sợ vợ, không thể chống đỡ được những nguy kịch. Những người an phận thời Đông Tấn

thuở xưa đều dựa vào Vương Đạo để được yên thân, dựa vào ông ta; nhưng cải hai bên đều là những phần tử tiên tiến của giới "Phạ học" cả. Vương Đạo với chức phận tể tướng, kiêm chức chủ tịch những cuộc họp bàn suông. Một hôm tay cầm một sợi lông bẩn, ngồi trên chức vị chủ tịch, chính lúc đang trò chuyện phấn khởi nhất, bỗng nhiên được báo: "Phu nhân đã đến!", ông ta vội vàng nhảy lên xe chạy, làm như gặp lang sói không bằng. Nhưng công lao của ông ta trong triều đình rất lớn, đã giành được sự sủng ái với chín lần ban thưởng của thiên tử. Xét cho đến cùng toàn là nhờ vào sức mạnh của chữ sợ cả. Phù Kiên dùng vạn quân đánh nhà Tấn, bị Tạ An vây chặt ở một nơi vắng lặng, mà Tạ An không hề thay đổi sắc mặt, đã đánh bại và giết Phù Kiên, cũng là nhờ sức mạnh của chữ sợ. Bởi vì mọi người đều người: Bà vợ Tạ An dùng lễ giáo của Chu Công sửa đổi để trói buộc chồng bà, Tạ An từng phải trải qua sự huấn luyện nghiêm khắc của phu nhân đã quen với tập quán dù núi Thái Sơn có đổ xuống trước mặt cũng không hề biến sắc. Phù Kiên làm sao biết được địch thủ của mình

Tác giả chủ trương tầm quan trọng của chữ sợ vợ như vậy, khó tránh khỏi sự hoài nghi của người đời. Cho nên có người hỏi ông rằng: "Tai họa từ ngoài đưa đến nghiêm trọng như vậy, nều lại đề xướng "Phạ học" nuôi thành thói quen, nếu kẻ địch đến, sẽ sợ hãi như tâm lý sợ vợ, làm sao tránh khỏi vong quốc?". Ông nói: "Không phải thế đâu!". Ngày xưa có viên đại tướng rất sợ vợ, một hôm nổi hứng lên nói: "Sợ gì?", bèn ra tướng lệnh, tập trung cả ba quân lớn bé, lệnh cho người mời phu nhân ra, định lấy quân pháp xử lý, phu nhân của ông ta tới, thét hỏi: "Mời gọi tôi có việc gì?", ông ta hốt hoảng phục xuống dưới đất nói: "Mời phu nhân ra duyệt binh". Việc này đã được tác giả tra cứu nhiều lần, mới biết chuyện đó nói về Thích Kế Quang triều đại nhà Minh. Nhưng ông ta không hề cảm thấy lạ lùng, Kế Quang tuy làm việc quân cực kỳ nghiêm, con ông ta vi phạm quân lệnh, bèn ra lệnh chém đầu; nhưng phu nhân tìm ông ta và làm ầm lên, ông ta tự biết không có gì khuất phục được, không dám lên tiếng biện hộ, thế là nuôi thành thói quen sợ vợ, nào ai có biết một khi đã sợ thì thường cái mật to lên, về sau Nhật Bản đến, ông ta đã không sợ, trở thành một anh hùng kháng Nhật. Bởi vì Nhật Bản thật đáng sợ, nhưng lại không đáng sợ bằng vợ, cho nên ông ta dám xông lên chiến đấu. Phàm những ai đã đọc lịch sử Hy Lạp đều biết chàng trai Spắc-tắc mỗi khi xuất trận, vợ bèn nói với ông ta: "Anh trở về không chiến thắng, thì không được phép gặp mặt tôi nữa". Cứ lần này qua lần khác anh dũng chiến đấu tiêu diệt địch, Spắc-tắc đã tung hoành khắp cả tiểu quốc, rồi vươn lên xưng hùng, nếu ngày thường không thành tập quán sợ vợ thì làm sao thu được hiệu quả như vậy

Tác giả tử trong lịch sử chứng minh danh ngôn cần phải sợ vợ, ông còn khảo sát cả những nhân vật trên vũ đài chính trị, đã rút ra kết luận rằng cấp quan càng cao thì mức độ sợ vợ càng sâu, cấp quan và mức độ sợ vợ tỷ lệ thuận . Vì thế những sự vật từ xưa đến nay được quy nạp thành định lý rõ ràng, nên đặc biệt đã viết thành một số

điều về "Phạ Kinh" để răn dạy cho đời sau

Giáo chủ nói: "Sợ vợ là đạo lý muôn thuở phải theo, người dân đã làm như vậy. Trong tội ngũ hình (năm hình phạt:tội chết, tội đày có thời hạn, tội đày không thời hạn, tội giam, tội phạt tiền), có ba ngàn điều nhưng không có hình phạt nào lớn hơn tọi không sợ vợ"

Giáo chủ nói: "Ai là người cũng đều sợ vợ, thế mà dám là người không sợ thì làm sao tốt đẹp được. Ai là người không dám sợ, có thể nói là kẻ không giúp nước hưng thịnh được. Người quân tử có nghĩa vụ chính là tự mình phải là học trò của đạo, cũng là người sợ vợ, đấy là cái gốc để phục hưng trung quốc!"

Giáo chủ nói: "Duy chỉ có các ông lớn là có thể có cái tâm sợ vợ, hễ sợ vợ là ổn định đất nước"

Giáo chủ nói Đạo của "Phạ học" dẫn đến điều thiện, làm người vợ chỉ có nghiêm, làm người chồng chỉ có sợ, trong nhà có nghiêm quân, tức là nói tới người vợ. Vợ phát lệnh ra ở bên trong, chồng phải bôn ba ở bên ngoài, đó là đạo lý muôn thuở"

Giáo chủ nói: "Coi vợ là lớn mới phải đạo! Duy chỉ có vợ cao vời vợi, lớn lao như trời, kẻ không có tài cán gì mới lơ mơ không hiểu! không hiểu không biết thì cứ tuân theo vợ"

Giáo chủ nói: "Cứ làm rồi khắc được, tập cho quen chứ không phải xem xét nữa, suốt đời sợ vợ, và khôgn biết sợ chúng dân nữa"

Giáo chủ nói: "Người quân tử thấy vợ nổi giận thì ăn vị ngọt không thấy ngọt, nghe nhạc chẳng thấy vui, ở không thấy yên, tất phải thành kính, không phải để chướng tai nữa"

Giáo chủ nói: "Mỗi khi vợ có lỗi, thì phải bình tĩnh khuyên can, nói năng nhã nhặn, vẻ mặt hòa nhã, khuyên can không nghe tỏ ra kính trọng ắt sẽ được dài lâu. Ba lần khuyên can không được thì tất phải khóc sụt sùi theo. Nếu vợ nổi giận không vui, có đánh chảy máu cũng không oán giận, tỏ ra kính trọng và biết sợ"

Giáo chủ nói: "Làm người chồng khi vắng nhà mà không về, thì vợ tựa cửa ngóng trông, khi đã xa mà không về thì vợ ở nhà sốt ruột mong đợi không yên. Cho nên vì vợ mà không đi chơi xa, đi chơi phải có hướng"

Giáo chủ nói: "Việc gì của người quân tử, nhìn không thấy gì, nghe không thấy tiếng. Vào phòng thì phải cung cúc lễ độ. Không có lệnh cho ngồi thì không dám ngồi, không có lệnh cho lui thì không dám lui. Vợ lo buồn thì cũng phải lo buồn, vợ vui mừng thì cũng vui mừng"

Giáo chủ nói: "Mưu việc nước mà không trúng cũng chưa đáng sợ, không tin bạn bè cũng chưa đáng sợ, nhưng hễ hành động thì không dám quên, nói ra điều gì cũng không dám quên vợ. Làm việc không thiện nghĩ đến uy danh của vợ, ắt có hiệu quả. Làm việc không thiện nghĩ đến sự tủi nhục của vợ ắt không làm

Giáo chủ nói: "Người sợ vợ tức là nói về thân phận suốt đời của người chồng.

Thân thể có phát phù cũng thuộc vào người vợ, không dám kêu đau, thế là bắt đầu biết sợ. Muốn lập thân hành đạo để lại tên tuổi cho đời sau, phải tỏ rõ với vợ là vợ suốt đời"

Theo tác giả chương 12 của "Hữu Kinh": "Người mới nhập môn phạ học, sẽ thấy thú vị vô cùng. Là người chồng phải tìm hiểu bằng được, áp dụng suốt đời, quả là vô tận". Cuối cùng tác giả kiến nghị với các sử gia sau này: Lễ giáo cũ chú trọng chữ "Sợ". Nếu tôi có một người nào đó sợ vợ, thì người đó vinh dự như trung thần hiếu tử, là rất vinh quang. Người có hiếu với bố mẹ là "Người con có hiếu", người trung với vua là "bầy tôi trung", người sợ vợ thật xứng danh là "Người chồng sợ", sử sách ngày xưa có "Những chuyện về bầy tôi trung", có "Những chuyện về những người con có hiếu". Lịch sử Trung Quốc tương lai nhất định phải viết "Những chuyện về những người chồng sợ vợ"

ĐÙA VỚI ĐÁC – UYN

Tôn Ngô mỗi khi có vấn đề gì muốn nêu lên, đều suy nghĩ đi nghĩ lại, nghiên cứu nhiều lần, đến lúc tự tin rồi mới viết thành văn, mong sẽ lập được một giả thuyết mới. Lại lấy chứng cứ từ nhiều nguồn, dù chính diện hay phản diện, ông đều chuyên tâm nghiên cứu, tiếp thu hoặc bỏ đi những đều người ta phê phán, lại bổ sung sau đó mới viết thành sách hay chuyên luận. Nhiều tác phẩm của ông được viết ra một cách chậm chạp như vậy. Lấy cuốn **"Tâm lý và lực học"** mà nói, mới đầu ông viết thành một luận văn rất dài, đến năm Dân Quốc thứ 9 bổ sung thêm nhiều, cho đến Dân Quốc thứ 16, mới công khai phát biểu với đời, cho đến lúc chính thức in thành sách đã là năm Dân Quốc thứ 27, trước khi cuốn sách xuất bản mấy năm, qua những năm nghiên cứu ông thêm vào ba chương, đến năm Dân Quốc thứ 31 ông thêm vào một chương nữa, nếu như ông không mất sớm, chắc đến bây giờ còn thêm nữa. Việc ông viết thêm không giống như "Vải quấn chân của bà già vừa thối vừa dài", mà thêm bao nhiêu chữ đều nhằm phục vụ cho giả thuyết "Tâm lý biến đổi theo quy luật của lực học", chương sách ông thêm lần cuối cùng tạm thời không nói ở đây, chỉ đem chương ông thêm lần thứ hai giới thiệu sau đây:

Xét lại học thuyết của Đác – Uyn

Đác – Uyn nghiên cứu sinh vật học mấy năm, nghiên cứu hết côn trùng, thảo mộc, chim muông, cầm thú, rút ra được mấy kết luận, giới khoa học coi đây là những phát kiến quý báu. Nhưng trong phòng thực nghiệm của Đác – Uyn có một động vật cao cấp không được nghiên cứu cho nên học thuyết của ông còn nhiều sơ hở. Động vật cao cấp ấy là bản thân của Đác – Uyn. Đác – Uyn bỏ qua xã hội loài người, sao không lấy Đác – Uyn làm tiêu bản để nghiên cứu bổ sung thêm. Do đó, Tôn Ngô dùng những từ ngữ rất thú vị, thiết tưởng rằng Đác – Uyn sinh ra cho đến lúc ông già chết đi, sự phát triển tâm lý và hành vi ấy là lấy học thuyết Đác – Uyn chống lại Đác – Uyn, từ đó rút ra 5 điều kết luận trong xã hội loài người:

1. Cùng một con người, tri thức càng tiến bộ, tầm mắt nhìn càng xa, cạnh tranh càng ít
2. Cạnh tranh lấy sinh tồn làm giới hạn, quá giới hạn sẽ bị tổn hại
3. Cùng là một người trong một nước, người đạo đức thấp kém đối với đồng loại, càng gần càng cạnh tranh, người đạo đức cao thượng với đồng loại càng gần càng khiêm nhường
4. Con đường cạnh tranh có hai loại: Một con đường dùng lực ra bên ngoài tấn công người khác, một con đường dùng lực bên trong tìm sức mình. Người dùng lực ra bên ngoài xung đột với lực tuyến người khác, lực của hai người không cân bằng thì một được một thua, hai lực bằng nhau thì cả hai cùng đều bị thương tổn. Người

dùng lực vào bên trong không xung đột với lực tuyến người khác, lực của ta và người cân bằng thì cùng bay bổng, ai dùng lực sâu hơn thì người đó chiếm ưu thế

5. Làm việc gì cũng phải theo nguyên tắc người và ta cùng có lợi, cả hai không được thay thế nhau, thì lợi người và không hại mình hoặc lợi mình mà không hại người

Căn cứ 5 điều luật nói trên thì cần sửa lại 8 chữ "Cạnh tranh sinh tồn mạnh được yếu thua" của Đác – Uyn. Điều luật của Đác – Uyn rút ra từ xã hội cầm thú, nó mâu thuẫn với xã hội loài người, luật của Đác – Uyn nếu ứng dụng trong xã hội loài người, làm nền tảng tạo ra một thế giới loài người chém giết lẫn nhau, nên không thể bác bỏ được

Đác – Uyn nói nhân loại tiến hóa là do cạnh tranh với nhau, nhưng quan sát từ nhiều mặt thì thấy nhân loại tiến hóa là do nhường nhau. Ví dụ: Tôi đi đường lang thang chạy thật nhanh thì thấy phía trước có người đâm bổ tới, tôi phải né tránh ra mới không bỏ lỡ cuộc hành trình. Nếu theo cách nói của Đác – Uyn thay ai đâm bổ tới, tôi phải quật ngã hắn nằm ra đất, đi đường phải đánh mở đường máu mà đi. Thử hỏi trên thế gian này có ai dùng đường ấy để mà đi hay không? Nếu như muốn nói: "Thích nghi để tồn tại" thì phải hiểu lẽ nhường nhau mới thích nghi, mới tồn tại được

Cách nhìn của Đác – Uyn, trong giới sinh vật đầy rẫy hiện tượng cạnh tranh nhau, cách nhìn của tôi trong giới sinh vật đầy rẫy hiện tượng nhường nhau. Thử đi vào rừng mà xem, các cành cây đều nhường nhau, cành lá đều phát triển lên không trung, cành nọ chèn cành kia rất ít. Cây cỏ là vật vô tri còn biết nhường nhau thì thấy nhường nhau là bản tính của giới sinh vật, không nhường nhau thì không phát triển được. Các sinh vật khác cũng vậy, chim muông cũng hót với nhau, các thú vật quần tụ bên nhau, thời gian chung sống hòa bình nhiều hơn, thời gian tranh nhau ít hơn

Do đó có thể rút ra một điều "Giới sinh vật nhường nhau là chuyện thường, tranh nhau là chuyện hiếm". Đác – Uyn biến thường thành hiếm, có lẽ không đúng chăng? Cành là của cây, nếu như xung đột chống nhau, sẽ níu kéo nhau thành một khối, sẽ không phát triển được. Đại chiến ở Châu Âu làm nhân loại níu kéo nhau thành một khối. Học thuyết của Đác – Uyn nói hiện tượng này là tiến hóa, nghe ra khó thông

Cách nói của Đác – Uyn, ai mạnh thì kẻ đó tồn tại. Nhưng trên thực tế, có lúc kẻ mạnh bị tiêu diệt. Thời đại hồng hoang, hổ báo ở khắp nơi, sức chúng còn mạnh hơn người. Nếu loài người không chiến thắng chúng thfi sao càng ngày chúng càng ít dần đi? Chiến tranh Châu Âu, sức đế chế Đức rất mạnh, muốn bá chủ thế giới, tại sao thất bại? Dân Quốc năm thứ nhất, thế lực Viên Thế Khải rất mạnh có thể thống nhất Trung Quốc, tại sao thất bại?

Sự thực là như vậy, cho nên cần xét lại cách nói của Đác – Uyn. Ta đi sâu nghiên cứu thì biết, hổ báo bị tiêu diệt là vì toàn nhân loại muốn đánh đuổi chúng. Đế chế Đức thất bại là vì thế giới muốn đánh chúng. Viên Thế Khải thất bại là do toàn Trung

Quốc muốn đánh hắn. Tư tưởng giống nhau trở thành tuyến hợp lực của hai tướng giống nhau. Hổ báo, Đế Chế Đức, Viên Thế Khải đều do hợp lực mà đánh bại được. Do đó có thể nói "Sinh tồn do hợp lực". Biết hợp lực thì sinh tồn, chống lại hợp lực thì bị tiêu diệt. Quan sát như vậy thì thấy ai dùng quyền áp bức người khác, tự nhiên sẽ bị đào thải

Quan điểm sai lầm của Đác – Uyn có thể lấy một ví dụ khác để nói rõ: nếu như chúng ta nói với người nào đó: sinh vật tiến hóa như chiều cao của thân người, ngày một lớn lên. Có người hỏi: "Làm thế nào để lớn lên?", trả lời: "Nếu nó không chết, nó sẽ sinh tồn và lớn lên"; Hỏi: "Làm thế nào để sinh tồn?", trả lời: "Phải ăn cơm mới sinh tồn"; Hỏi: "Làm thế nào để có cơm ăn?", chúng ta đứng bên chưa kịp trả lời, Đác – Uyn đưng bên đã trả lời: "Anh thấy người khác có cơm phải cướp lấy mà ăn, có cơm ăn càng nhiều, thân thể càng mau lớn"

Cách trả lời của Đác – Uyn sai hoặc không sai? Chúng ta nghiên cứu thấy Đác – Uyn nói sinh vật tiến hóa không sai, nói tiến hóa nhờ sinh tồn không sai, nói sinh tồn nhờ thức ăn cũng không sai, chỉ câu cuối cùng nói muốn có thức ăn do tranh dành (cướp đoạt) là sai, sửa câu cuối cùng của ông ta là đúng vậy

Hỏi sửa như thế nào? Rất thông thường: có cơm mọi người cùng ăn

Bình tâm mà nói: Đác – Uyn một mực dạy người cạnh tranh nên bị thiên lệch, chúng ta một mực dạy người nhường nhau cũng bị thiên lệch? Ở đây phải đề ra một định lý: "Nhường người, nhường đến mức không nổi hại đến sinh tồn của ta thì thôi, cạnh tranh với người, cạnh tranh đến mức ta sinh tồn được thì thôi". Học thuyết của Đác – Uyn có thể chia hai phần để xem xét: Ông nói "Sinh vật tiến hóa" phần này nêu lên sự thực. Ông muốn "Sinh tồn phải cạnh tranh, mạnh được, yếu thua". Phần này phải thích nguyên nhân tiến hóa có nhiều, tranh giành nhau thì tiến hóa hơn, nhường nhau thì tiến hóa, không nhường, hướng lực vào bên trong cũng có thể tiến hóa, hoặc có đủ điều kiện khác cũng chưa chắc là không tiến hóa. Đác – Uyn chỉ lấy cạnh tranh để tiến hóa làm nguyên nhân duy nhất, nên bị lệch lạc vô cùng

Tóm lại, Đác – Uyn phát minh sinh vật tiến hóa cũng như Niu - tơn phát minh ra "Sức hút tâm quả đất" là công thần lớn của giới học thuật, điều ông nói: "Muốn sinh tồn phải cạnh tranh mạnh được yếu thua" không khỏi lệch lạc, cần uốn nắn lại

XÉT LẠI HỌC THUYẾT CỦA CƠRUPOTXKIN

Tôn Ngô nói rằng chỗ sai của Cơ-ru-pot-xkin giống như của Đác – Uyn lấy tình trạng xã hội cầm thú định luật cho xã hội loài người, học thuyết của ông bị sai lệch. Cơ-ru-pot-xkin muốn chỉ trích cái sai của Đác – Uyn nên đã quan sát các loài động vật suốt một giải Mãn Châu và Xi-bê-ri so sánh với loài người nguyên thủy, phát minh ra thuyết dựa nhau để phản bác lại học thuyết cạnh tranh của Đác – Uyn. Ông còn chú ý đến nhân loại, nên coi thắng Đác – Uyn một keo

Nhưng xã hội nguyên thủy không giống như xã hội của loài người văn minh. Cơ-ru-pot-xkin lấy tư cách của người văn minh để quan sát tình trạng xã hội người nguyên thủy, nên kết luật rút ra không tránh khỏi sai lệch. Học thuyết của Cơ-ru-pot-xkin có thể chia ra hai phần, ông chủ trương "**Thuyết dựa nhau**" là không sai, nhưng từ dựa nhau mà chủ trương vô chính phủ là sai

Cầm thú tiến hóa thành loài người, nên loài người vốn có thú tính, đã mang danh là "***Người***" ngoài thú tính ra còn có một phần tính người. Đác – Uyn chỉ nhìn thấy phần thú lại không tránh khỏi lược bỏ mất phần tính người. Người nguyên thủy tiến hóa thành người văn minh, nên người văn minh còn mang trạng thái người nguyên thủy, đã trở thành người văn minh thì ngoài trạng thái người nguyên thủy còn có cả trạng thái văn minh. Cơ-ru-pot-xkin chỉ nhìn thấy phần trạng thái nguyên thủy tránh sao khỏi lược bỏ mất phần trạng thái văn minh

Cầm thú thì cạnh tranh không biết nhường nhịn, Đác – Uyn bỏ qua mất điểm này, loài người nguyên thủy sống hỗn độn, không có tổ chức, ở trạng thái vô chính phủ, người văn minh có tổ chức, có chính phủ, điều mà Cơ-ru-pot-xkin bỏ qua là ở điểm này

Về vật thể, tính chất một phần tử giống tính chất một vật thể, xã hội là góp phần mà nên, con người là phần của xã hội, nếu đem cách tổ chức của thân thể vận dụng vào xã hội, nhất định có một xã hội rất tốt. Đạo đức trị quốc nếu dùng chủ nghĩa cạnh tranh thì sai, dùng chủ nghĩa dựa vào nhau cũng sai, tất nhiên phải dùng chủ nghĩa hợp lực

Tổ chức cơ thể con người là chủ nghĩa hợp lực, cơ thể là do nhiều tế bào hợp thành, mỗi tế bào đều có tri giác như con người trong một nước, đại não coi như là chính phủ trung ương. Thần kinh cơ thể đều có thể đi thẳng tới não cũng như 400 triệu dân, lực tuyến của mỗi người đều có thể chạy tới trung ương, tạo thành chính phủ hợp lực. Mắt không cạnh tranh với tai, miệng không cạnh tranh với mũi, hoạt động ăn ý với nhau, nên thuyết cạnh tranh của Đác – Uyn không dùng được. Mắt dùng hết năng lực nhìn, tai dùng hết năng lực nghe, miệng mũi tay chân dùng hết năng lực của nó, nếu tập hợp các năng lực ấy lại thì trở thành một cơ thể rất hoàn hảo, đó là

chủ nghĩa hợp lực

Quốc gia có chính phủ trung ương, chính phủ địa phương thì cơ thể con người cũng vậy, chân ta bị con muỗi đốt, chính phủ chân báo cáo chính phủ não, cử tay phải đánh chết con muỗi. Nếu tay phải bị con muỗi đốt, tự mình không giải quyết được báo cáo chính phủ não, cử tay trái đánh chết muỗi. Lúc đang ngủ, chính phủ não không phát huy tác dụng, chân bị muỗi đốt, chính phủ tủy cột sống làm thay chức vụ, điện cho chính phủ tay đánh chết muỗi, chính phủ não vẫn chưa hay

Tai và mũi bị hơi xâm nhập, nhiệt độ thấp xuống, các nơi được báo cáo đưa huyết mạch đến cứu tế, tiếp máu nhiều lần, hơi lạnh vẫn xâm nhập, chính phủ các bộ phận bàn với nhau rằng; chúng ta có tiếp máu nữa cũng vô ích, chi bằng giữ lại phòng phủ cho ta, nên cắt nguồn tiếp máu, tai và mũi trở nên nhợt nhạt

Cơ thể người có chính phủ trung ương, chính phủ tỉnh huyện, những việc mà não nhớ được do các chính phủ báo đến, các chính phủ vẫn có hồ sơ điều tra. Người dùng thuật thôi miên là che mờ chính phủ trung ương mà điều động chính phủ tỉnh huyện, nói lại chuyện cũ, cho nên người bị thôi miên có thể nói chuyện xẩy ra trong ngày, khi tỉnh dậy lại thì quên hết. Người điên nói lung tung là chính phủ não bị bệnh, chính phủ trung ương mất tác dụng, chính phủ tỉnh huyện tự ra lệnh loạn xị, lời người điên nói ra đều là việc xảy ra thường ngày, chẳng qua không được chính phủ trung ương thống nhất và điều khiển

Đêm nằm mộng là lúc chính phủ trung ương nghỉ việc, người các nơi kéo đến nhảy lên vũ đài trung ương. Khi tỉnh dậy, chính phủ trung ương làm việc trở lại, đám người ấy lại lẩn trốn đi. Có lúc chính phủ trung ương nhìn thấy, có thể nhớ một hoặc hai việc xảy ra trong mộng, chúng ta có thể nói cuồng điên cũng như nằm mộng đều là hiện tượng vô chính phủ

Xưa nay khi bị mất nước, nhiều người nói xả thân quyết tử, nhưng khi ra trận co lại, bởi vì xả thân là lý trí từ não phát ra, là mệnh lệnh chính phủ trung ương phát ra, ra trận co lại là cơ bắp co rút, là nhân dân cả nước không muốn

Ông Văn Thiên Tường khảng khái chịu chết là vì hàng ngày ông làm việc giáo dục nhân dân, nhân dân và chính phủ trung ương vốn đã hành động nhất trí. Nhiều người thường ngày nói không ham sắc, khi đứng trước gái đẹp lại thường không kìm nén được, bởi vì không ham sắc là chủ trương của chính phủ não, không kìm nén được là chủ trương của bộ phận khác. Chúng ta đi đường, trong bụng nghĩ đi hướng này, một hai bước đầu còn chú ý, về sau cứ thế mà đi, đó là chính phủ trung ương phát ra mệnh lệnh nhân dân cứ thế mà làm; nếu từng bước phải chú ý khác nào việc gì lớn nhỏ địa phương đều làm mệt trung ương. Người xưa làm thơ, tình cờ được câu hay, ngờ có xuất thần, sau khi say chữ viết ra thường hay hơn khi tỉnh, đó là do chính phủ trung ương thường ngày huấn luyện tốt nhân dân, gặp việc không cần chỉ phát huy, nhân dân tự động làm việc có khi còn tốt hơn trung ương chỉ huy. Sách tâm lý

học nói "*Ngoài ý thức*" tức là nói chính phủ não ra, còn có chính phủ khác. Qua đó ta thấy tổ chức cơ thể con người rất giống tổ chức nhà nước. Xem xét bản thân, thấy não và năm giác quan rất ăn ý biết học thuyết sáng lập ra có sự hiệp đồng giữa lý trí và tính cảm, đừng để não nghĩ viễn vông mà làm khổ năm giác quan; cũng đừng thả lỏng năm giác quan mà không bị lý trí phán xét

Xây dựng một đất nước, nhân dân và chính phủ phải hiệp tác với nhau, chính phủ không thể dùng uy lực của mình mà áp chế nhân dân, còn nhân dân cũng không thể có hành vi đối địch với chính phủ. Tổ chức cơ thể con người, mỗi dây thần kinh đều có thể thông với não, não là tổng đài của dây thần kinh, sẽ cùng năm giác quan tự nhiên hiệp đồng chặt chẽ

Vì vậy, lực tuyến của mỗi người phải thấu suốt với trung ương, trung ương là tổng đài trực tuyến của cả nước, chính phủ và nhân dân tự nhiên hợp đồng ăn ý với nhau. Làm được như vậy là chủ nghĩa hợp lực, mới bổ cứu được chỗ thiếu sót của Đác – Uyn và Cơ-ru-pot-xkin, mới hợp với quy luật tự nhiên

LỜI TỰA CUỐN THỰC PHẢ
(SÁCH DẠY NẤU ĂN)
Ở TIỆM CÔ CÔ DIÊN

Lúc này cả nước biết tiếng ông Hoàng Kính Lâm – chủ tiệm kiêm bếp trưởng tại tiệm Cô Cô Diên là một người kỳ lạ của thời đại. Ông từng được Từ Hy Thái Hậu biết đến, từng làm tri huyện, được tiếng tốt ở chính trường, bỗng nhiên từ một viên quan lui về làm biếp trưởng, nếu không phải là người có hoài bão thì hẳn phải là người bất tài. Sau khi ông làm bếp trưởng, lúc rỗi rãi ông liên tục đọc sách cổ 15 năm liền không hề gián đoạn, người thường không mấy ai theo kịp cách tu dưỡng này. Các sách mà ông chép lại như bộ "*Tư trị thông dám*" đã chép xong phải tới mấy nghìn vạn chữ. Một nhân vật có nghị lực như vậy, trước đây đã có kinh nghiệm hoạt động chính trị, nếu ra làm việc gì đó cho xã hội, quốc gia chắc hẳn sẽ có thành tích. Nhưng ông cam chịu rút về mở hàng cơm, làm đầu bếp, không thể nói không liên quan đến hoàn cảnh thời đại

Ông Tôn Ngô không kết giao với ngài Vương Công, không làm bạn với Tiệu Viêm Phụ, vậy mà chỉ chơi với Kính Lâm, nên viết cho ông lời tựa đề cuốn thực phả: *Tôi có ông học trò già 62 tuổi là Hoàng Kính Lâm yêu cầu được vào* ***miếu Hậu Hắc*** *để cùng hưởng, tôi đã đồng ý viết tên ông vào* ***Hậu Hắc Tùng Thoại***. Mọi người còn nhớ ông ở Thành Đô cạnh Bắc Hoa Đàm, mở tiệm Cô Cô Diên, có đủ món ăn cực ngon, thịnh soạn, khách đến ăn đông. Hôm qua, tôi đến tiệm thấy ông đang tập trung tinh thần chép sách "*Tư trị thông giám*", thấy lạ bèn hỏi: "*Tại sao ông làm việc này*?", ông nói: "*Từ năm 48 tuổi trở đi, tôi chỉ có thể chép sách, tôi đã chép Thập tam kinh, chép thêm Tân cựu đường thi hợp cảo, Lý thiện chú văn tuyển, Tương đài lễ ký, Pha môn xướng hào tập, bây giờ định chép bộ "Tư trị thông giám" mới thỏa lòng*", tôi nói: "*Chủ ý ông sai rồi, trước đây ông làm tri huyệ Xạ Hồng, Vu Khuê, Vinh Kinh. Tôi từng đến đấy hỏi dân, họ khen ông lắm, cho rằng ông nỗ lực ở chốn quan trường, nhất định sẽ làm nên sự nghiệp vang dội. Nào ngờ, tôi về đây hỏi ra mới biết ông lui về làm đầu bếp, tự làm lấy mà ăn, bất giác than rằng "đúng là học trò của ta rồi*". Cho phép ông được vào **miếu Hậu Hắc** cùng hưởng, không ngờ ông lại làm cái trò này! Phải biết rằng xưa này người làm việc nhiều đến mức lấy xe mà chở, lấy đấu mà đong, không có đất đặt chân đâu? Nấu bếp là nghề riêng của ông rất giỏi, lại bỏ đi mà tranh được thua với người khác, khổ sở biết bao. Bỉ nhân chuyên về **"Hậu Hắc Học"** nên chuyên giảng **"Hậu Hắc Học"**; ông chuyên nghề nấu bếp, sao không đem Thập tam kinh, Văn tuyển, Tư trị thông giám đốt đi, viết một cuốn phả về món ăn không hay hơn sau

Kính Lâm nghe nói, giữ vẻ tự nhiên nói rằng: "*Năm ngoái, ở Thành Đô lập*

trưởng sư phạm nữ, tôi nhậm chức thầy dạy nấu ăn, từng phân ra 10 cách: hầm, chưng, nấu, nướng, rán, ninh, sấy, hấp, rang, thui dạy cho học trò với ý định đem 10 cách nấu này phân tích, viết thành sách giáo khoa, nhưng nay thấy công việc lớn quá, lại không có thời gian rỗi, làm sao được!". Tôi nói: "*Ông câu thúc quá, làm sao một lần có thể xong ngay. Tôi mách nước cho ông, mỗi ngày lúc nào có hứng, ông viết 1 -2 đoạn theo dạng tùy bút, lâu ngày tích cóp, rỗi rãi ông lại phân từng môn t HoHHừng loại, nếu không rỗi rãi đã có bản gốc sau này sẽ có người thay ông chỉnh lý. Nếu không sớm viết ra, sau này già yếu ốm đau nằm xuống, ông muốn viết cũng không còn sức nữa, hối cũng không kịp nữa*!", Kính Lâm cảm tạ lời tôi nói, bắt tay vào viết

Môn nấu ăn của Kính Lâm vốn gia truyền. Ông nội ông ta từ Giang Tây về làm quan ở Tứ Xuyên, nấu món ăn rất giỏi, chọn con dâu, ai nấu nướng tồi là không chọn. Nghe nói người con gái họ Trần biết chế biến 300 món ăn khác nhau, bèn hỏi làm dâu, đó là mẹ Kính Lâm. Sau đó đúc kết cách nấu ăn của hai nhà Hoàng – Trần thành một lò. Cuối nhà Thanh, Kính Lâm lên Bắc Kinh làm quan, Từ Hy Thái Hậu ban thưởng cho ông hàm tứ phẩm, 3 năm giữ chức Quang lục tự, lấy khẩu vị ăn ở bếp nhà vua dung hợp với khẩu vị nam bắc, nên nghề nấu ăn của Kính Lâm có thể gọi là đại tài, nên nghề riêng xuất sắc như vậy, tự mình không coi trọng, nếu không công bố với đời, không truyền cho người sau, quả là đáng tiếc?! Kính Lâm đáng khen thay

Người xưa có công đức với dân thì được dân thờ. Tôi thường nói đùa rằng những người được thờ trong miếu Khổng Tử, quá nửa không có lai lịch, nói về công đức cứ xem ngôi thứ trên dưới thì biết, ngồi trên cao ăn thịt lợn nguội là quá đáng rồi. Kính Lâm soạn cách nấu ăn để lại cho đời sau, công đức ấy đủ ngồi ở miếu nấu ăn nghìn đời. Lúc sống làm món ăn ngon cho người ăn, sau khi chết người ta đem món ăn ngon đến thờ cúng, sự báo đáp ấy rất công bằng, chẳng cần dựa vào **giáo chủ Hậu Hắc** mà danh đã thơm rồi. Người ta quý sự tự lập, Kính Lâm đáng khen thay

Sau này Tôn Ngô chết đi, có Kính Lâm ngồi cùng, người đời sau không thể nào không cúng món ăn ngon. Ta có thể kiêu ngạo với mọi người rằng: "*Môn phái ta có Kính Lâm, không phải nhét thịt lợn nguội vào miệng đâu*"

Lý Tôn Ngô viết lời tựa này ngày 6 tháng 12 năm Dân Quốc thứ 24 ở Thành Đô

TÔN NGÔ BÀN KINH TẾ

Ông cho rằng phải cải cách chế độ kinh tế, trước tiên tiền của vật chất trên thế gian, cái nào quy công hữu, cái nào quy tư hữu phải phân định rõ ràng. Của công thuộc công, của tư thuộc tư, xã hội mới yên ổn được

Điều 1: Sức sản xuất của quả đất. Thời hồng hoang, quả đất là vật công hữu của cầm thú, sau này co người xuất hiện, quả đất trở thành vật công hữu của loài người. Quả đất này phải do toàn nhân loại hưởng thụ, không được dùng tiền bạc để mua bán. Nhà tư bản mua nó, khoang ruộng thu tô là chiếm dụng công hữu. người lao động mua nó, tự cày cấy cũng là chiếm dụng công hữu. Tại sao vậy? Giả dụ người thuê nhân công trồng cây trên núi, một ngày trả hai đồng, công nhân nhận tiền thù lao, sức lao động coi như bị xóa. Cây trồng ở núi, sau mấy năm lớn lên, đem bán có thể thu được 100 đồng hoặc 1000 đồng. 98 đồng hoặc 998 đồng phải do toàn nhân loại quản lý. Người lao động chỉ được hưởng cái giá tương đương với sức lao động mà không hưởng được sức sản xuất này. Cho nên nói, nhà tư bản mua đất khoanh ruộng tô, người lao động mua đất cấy cày đều là chiếm vật công hữu. Do đó, đất đai của quốc gia nhất luật phải quy công hữu, do nhà nước cho thuê, toàn xã hội được hưởng lợi ích mới là hợp lý

Điều 2: Sức sản xuất của máy móc. Làm thợ đứng máy một ngày được 2 đồng, làm thủ công mỗi ngày thu nhập tương tự như vậy, đó là tiền trả công lao động. Nếu thay đổi máy móc, mỗi tháng có thể thu 100 đồng hoặc 1000 đồng thì 98 đồng hoặc 998 đồng thu được là sức sản xuất của máy móc, không phải sức lao động của cá nhân. Những người đầu tiên phát minh ra máy móc đã bỏ mất quyền phát minh nên máy móc trở thành vật công hữu của nhân loại. 98 đồng hoặc 998 đồng đó phải thuộc về quyền quản lý của nhân loại. Trước đây tiền đó thuộc chủ nhà máy, đó là xâm chiếm vật công hữu nên cần công hữu, công lao động của người thợ được trả ngang giá ngang sức, lợi nhuận do máy móc sinh ra quy toàn xã hội sử dụng mới là hợp lý

Điều 3: Lao động trí óc và lao động tay chân: Trên đời chỉ có thân thể cá nhân là vật tư hữu. Nhưng thân thể có hai loại lao động: Sức lao động bằng trí óc và lao động bằng tay chân. Hai lao động bằng trí óc và lao động bằng tay chân. Hai loại lao động đó là vật tư hữu của cá nhân. Xã hội muốn dùng nó phải thù lao thỏa đáng và các cá nhân có toàn quyền muốn bán hay không, không ai được ép buộc

Theo cách nhìn nhận ở trên, ta có thể định ra một nguyên tắc: Sức sản xuất của quả đất và sức sản xuất của máy móc quy công hữu xã hội, sức lao động của trí óc và tay chân quy tư hữu cá nhân. Theo nguyên tắc ấy để cải cách chế độ kinh tế thì xã hội và cá nhân yên ổn với nhau

Smith chủ trương tự do kinh doanh, lao động trí óc và lao động chân tay của cá

nhân được phát triển hết mức, chủ trương này hợp lý nhưng đồng thời ông chủ trương người có tiền có thể mua đất để phát canh thu tô, mua máy móc để mở nhà mày thì tránh sao khỏi vật công hữu biến thành vật tư hữu. Chỉ có chủ nghĩa dân chủ của Trương Sơn tiên sinh là của công quy công, của tư quy tư, hay hơn Smith và Mác, cho nên kinh tế thế giới chia thành 3 trường phái: Phái Smith là cá nhân chủ nghĩa, phải của Mác là xã hội chủ nghĩa, Trung Sơn tiên sinh dung hợp cá nhân chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa thành một phái

Mác nói cộng sản, Trung Sơn tiên sinh nói cộng sản; Mác là "Cộng sản hiện tại", Trung Sơn tiên sinh là "Cộng sản tương lai", Mác là "Thu quy công hữu", Trung Sơn tiên sinh là "Mua quy công hữu"; bây giờ theo di huấn của Trung Sơn tiên sinh, ta định ra một quy tắc "Tiền tệ có thể tư hữu, đất đai và máy móc không thể tư hữu". Vì vậy đất đai, xưởng máy của tư nhân phải quy công hữu. Đó là "Cộng sản tương lai không phải là cộng sản hiện tại". Trong cả nước có biết bao nhiêu nhà máy, đất đai vô cùng rộng lớn, tiền để trưng mua từ đâu mà có?

Do vậy đầu tiên phải đinh ra một pháp lệnh: "Ngân hàng do nhà nước lập ra, tư nhân không được lập ngân hàng. Nhân dân có tiền gửi ở ngân hàng, người cần tiền vay ở ngân hàng. Người nào tư túi cho mượn tài khoản vay, pháp luật không cần bảo vệ, do mượn tài khoản mà đến kiện tụng thì tịch thu quy công. Có khoản tiền lớn để ở nhà mà bị mất cướp, dù kẻ trộm cướp bị bắt, khoản tiền ấy cũng bị tịch thu. Người có tài khoản gửi ngân hàng nước ngoài, sau khi xét rõ tước quyền quốc tịch. Hoa kiều ở nước nào sẽ lập chi nhánh ngân hàng quốc gia ở nước ấy, tài khoản Hoa kiều gửi vào đấy, ngân hàng nhà nước sẽ chuyển sang ngân hàng nước ngoài, tư nhân không được lưu giữ tài khoản ấy". Như vậy tiền của nhân dân tập trung vào ngân hàng quốc gia thì sẽ có tiền dùng vào mọi việc. Lãi suất hàng tháng của ngân hàng tùy tình hình mỗi lúc mà ổn định. Ví dụ: Tiền gửi vào lãi suất là 1%/tháng mà cho vay lãi suất là 1,5 – 2% tháng thì khác nào có tiền cho vay và nộp thuế, chênh lệch lãi suất giữa tiền gửi và cho vay thuộc về của công

Ở Thủ đô có ngân hàng trung ương, tỉnh có ngân hàng tỉnh, huyện có ngân hàng huyện, dưới huyện có ngân hàng thôn và khu. Khi ngân hàng đã được xác lập thì sẽ có tiền thu mua những gì thuộc về công hữu

1. Bãi bỏ tất cả ngân hàng tư nhân, cổ phần còn lại nhập ngân hàng quốc gia tính theo lãi suất hàng tháng
2. Tất cả các nhà máy, tàu thuyền, đường sắt tàu lửa, hầm mỏ đều quy công hữu, tính thành vốn tồn nhập ngân hàng quốc gia. Giám đốc và viên chức vẫn là người cũ, lợi nhuận nộp vào ngân sách nhà nước, thủ tục rất đơn giản
3. Mậu dịch quốc tế quy công, mậu dịch trong nước quy tư. Hàng xuất khẩu dân bán cho nhà nước, nhà nước bán cho nước ngoài. Hàng nhập khẩu nhà nước bán về cho dân, việc tiêu thị hàng hóa ấy không cần đánh thuế nữa. Người nước ngoài đặt

hàng nhà máy trong nước, nhân dân không được trực tiếp giao dịch với họ. Như vậy không cần đánh thuế, hàng ngoại nhà nước mua vào 100 đồng bán ra cho dân 150 đồng hoặc 200 đồng thì đã lời 50 đồng hoặc 100 đồng rồi. Hàng ngoại nên mua thứ gì, không mua thứ gì, nhà nước cần tính toán, xuất nhập khẩu cân bằng, nước ta và nước ngoài hai bên cùng có lợi. Sau khi đã định ra được 4 biện pháp ấy thì định ra nguyên tắc theo nhân khẩu trong nước mà cấp sinh hoạt phí để duy trì được mức sống thấp nhất. Nhân dân đã nộp lợi nhuận ruộng đất, máy móc, ngân hàng, mậu dịch cho nhà nước thì nhà nước phải bảo đảm quyền sinh tồn cho nhân dân. Cách mạng nước Pháp về chính trị đòi hỏi nhân quyền, chúng ta cải cách chế độ kinh tế phải chú trọng quyền sinh tồn. Trung Sơn tiên sinh chia mức độ sinh hoạt thành 3 bậc:

1. Cần thiết tức sinh tồn
2. Dễ chịu
3. Xa xỉ

Chế độ kinh tế bây giờ, nhân dân một khi gặp rủi ro thì sẽ chết đói chết rét, chữ "Chết" là điểm dừng chân rồi mới mong sinh tồn, mong dễ chịu, mong xa xỉ. Sinh tồn là trong tâm của xã hội, mọi người có sinh tồn thì trọng tâm mới ổn định. Cải cách xã hội giống như chữa bệnh, đau bộ phận nào chữa bộ phận ấy, chỗ không đau đừng đụng dao kéo vào. Trong chế độ kinh tế cũ, đem đất đai, máy móc, ngân hàng, mậu dịch quốc tế quốc hữu hóa, đó là chữa bệnh từng phần; còn những bộ phận khác tuy thủ cựu, sinh hoạt cá nhân không hại đến xã hội thì đừng can thiệp, đó là cách không đụng dao kéo vào những chỗ không đau trong chữa bệnh. Theo cách này thì chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa xã hội được điều hòa, chủ nghĩa dân chủ của Trung Sơn tiên sinh có thể được thực hiện

Trung Sơn tiên sinh nhiều lần có nói: "nước Trung Hoa là công ty lớn của 450 triệu dân, chúng ta là những cổ phần trong công ty đó". Cách nói đó rất là hay, thế thì 450 triệu dân là 450 triệu cổ phần, mỗi người một cổ phần, sinh thêm một người thì thêm một cổ phần, chết đi một người bớt đi một cổ phần, quyền cổ phần rất rõ ràng. Cấp sinh hoạt phái là theo lợi nhuận các cổ phần thu được trong năm. Những người phục vụ xã hội, lao động trí óc, lao động chân tay được trả lương phù hợp, tức là do phục vụ trong công ty cổ phần, ngoài các sinh hoạt phí ra, còn được thù lao thỏa đáng. Cách tổ chức này không chỉ theo chế độ lao động và tư liệu sản xuất mà theo quy luật tự nhiên. Xin nói rõ như sau:

I. ***THEO CÁCH PHÂN PHỐI HUYẾT DỊCH TRONG THÂN THỂ CON NGƯỜI***:

Bộ phận trong cơ thể con người càng lao động nhiều thì huyết dịch rót đến càng nhiều, bù đắp phần mất đi và có dự thừa. Do vậy bộ phận lao động ấy càng nẩy nở, đó là phương pháp thân thể thưởng công cho lao động. Do vậy với người lao động trong nước cũng cần được thù lao tốt hơn. Ở thân thể con người có những bộ phận vô dụng như cái vú của đàn ông không dùng làm gì, nhưng đã sinh ra vẫn phải cung cấp huyết dịch, nhưng vì nó khônglàm gì nên cung cấp ít thôi, do vậy dần dần cái vú của đàn ông teo đi. Cũng vậy, bất cứ người Trung hoa nào đều được cấp sinh hoạt phí để duy trì mức sống tối thiểu, kẻ không lao động không chết là được. Ăn uống từ miệng vào, nôn mửa từ miệng ra, ăn uống rồi ở trong bụng tiêu hóa ra sao, vận chuyển thế nào, gân não đều không biết. Cũng như vậy mậu dịch quốc tế do nhà nước chi phối, mậu dịch trong nước do nhân dân kinh doanh là lẽ như vậy

II. ***THEO CÁCH BẦU TRỜI PHÂN PHỐI MƯA MÓC***:

Trong thiên nhiên, ánh sáng mặt trời chiếu xuống ao hồ, sông biển, cây cỏ trên đất, hút hơi nước nên biến thành mưa rồi rơi xuống đất làm cho đất không khô mà nhuần nhị. Dù đất đai, sông ngòi, ao hồ, không cần mưa vẫn theo quy luật tan hợp ấy. Hay nhất là cây cỏ ngậm hơi nước, bốc lên, được trả lại, qua nhiều lần như vậy bỗng lớn lên. Những cành khô cây mục, cũng theo quy luật tan hợp ấy nhưng không lớn lên được là tự tước mất quyền được hưởng mưa móc rồi. Nước mưa rơi xuống đất, được rễ của cây cỏ hút lại, không có hạn chế, hút được nhiều hay ít là tự gốc cây, thiên nhiên là hào phóng. Cũng vậy thu nhập từ đất đai, nhà máy, ngân hàng và mậu dịch quốc tế đều rút ra từ mỗi người dân ra, ngoài chi phí công cộng ra thfi người giàu người nghèo, người già, người trẻ, người lao động hoặc không lao động đều được cấp sinh hoạt phí còn cơ hội làm giàu thì ai cũng có, đó là cách phân phối theo mưa vô tư nhất

Nếu hiến pháp quy định đất đai, nhà máy, ngân hàng và mậu dịch quốc tế đều được công hữu hóa thì chế độ binh dịch, chế độ lao dịch, thuế thu nhập, thuế di sản cần được bãi bỏ. Ai đi lính, ai đi lao dịch cần được trả công phù hợp, áp dụng chế độ binh dịch, lao dịch là xâm phạm quyền tư hữu về thể lực. Do lao tâm lao lực, mới kiếm tiền của để lại cho con cháu, đó là chính đáng, nếu thu thuế di sản là xâm phạm quyền tư hữu lao động tay chân và lao động trí óc

Có người lo rằng không đánh thuế di sản sẻ đẻ ra nhà tư bản, điều đó không liên can. Các vu ngân hàng, vua ô tô, vua dầu mỏ, vua buôn bán của nước Mỹ, trừ vua ngân hàng Móc – gan ra, đều từ con nhà rất nghèo lên, sự làm giàu của Móc – gan cũng không dựa vào di sản. Họ giàu là do nỗ lực của bản thân, từ kinh doanh đất đai, nhà máy, ngân hàng, mậu dịch quốc tế mà giàu lên. Nếu hiến pháp quy định 4 loại nói trên công hữu hóa, tư nhân không được mua bán thì các vua ấy không làm ăn được,

đó là phương pháp căn bản chứ không phải nhờ thu thế di sản

Quy công hữu đất đai, nhà máy, ngân hàng, mậu dịch quốc tế, nhà đại tư bản không thi thố được đã là hạn chế bớt kẻ giàu, mọi người có sinh hoạt phí không ai chết đói, đời sống nhà nghèo được nâng lên, khoảng cách giữa của giàu và nghèo là mảnh đất cho nhân dân hoạt động

Chủ nghĩa dân chủ của Trung Sơn tiên sinh không chủ trương bình đẳng hàng đầu mà chủ trương bình đẳng là chỗ đứng chân. Do đó kẻ tổ chức kinh tế cũng không chủ trương bình đẳng bằng đầu, mọi người giàu nghèo như nhau mà chủ trương lấy bình đẳng làm chỗ trú chân, ai cũng bình đẳng trong cơ hội làm giàu, muốn nhà nông thuê đất làm công mà làm, muốn người thợ đến nhà máy tìm việc, muốn quan lại, thầy giáo, nhà buôn được tự do làm việc không hạn chế. Có rất nhiều loại lao động khác nhau, người giàu kẻ nghèo là do sự nỗ lực của cá nhân mà có. Có như vậy mới thúc đẩy người ta vươn lên xã hôi mới ngày càng tiền hóa. Đất do địa thế cao thấp không đều, nước mới cuồn cuộn chảy ra biển, nếu mặt đất bằng phẳng và nước không chảy trở thành nước chết

TÔN NGÔ BÀN CHÍNH TRỊ

Nói đến quy hoạch cỡ lớn của một quốc gia tầm mắt ít nhất phải nhìn thấy 500 năm về sau, không thể chỉ là cỡ vài chục năm hoặc một vài trăm năm. Smith viết một quyển sách, thiếu tầm mắt nhìn ấy không tới trăm năm, bao chuyện đã xảy ra, cách mạng xã hội đã thành hình; do chủ nghĩa tư bản phát triển chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã nổ ra, tiếp đó là chiến tranh thế giới lần thứ hai. Nếu tầm mắt ông ta nhìn thấu ngày nay có lẽ ông không nêu ra học thuyết ấy. Khổng Tử vận dụng thuyết nước lớn, tầm mắt nhìn tới mấy nghìn năm sau, nhưng khi bắt tay vào làm từng chi tiết nhỏ, tức là từng bước vẽ ra kiểu dáng kiến trúc cho tất cả nhà cửa. Khổng Tử đã chết hơn hai nghìn năm, thế giới lý tưởng của ông chưa xuất hiện nhưng giá trị học thuyết của ông không vì thế lưu mờ mà càng thấy vĩ đại. Ông nêu lên một mục tiêu. Mấy nghìn năm đi chưa đến, nhưng người mấy nghìn năm sau có đường để đi, không giống như đường Smith, Đác – uyn đi được vài chục năm, một trăm năm là hết. Đi đâu cũng vấp, đảnh phải gây ra chiến tranh, mà chiến tranh đâu giải quyết được vấn đề. Cho nên nước ta ngày nay ban hành hiến pháp, phải có kế hoạch tầm xa, trong đó có những điều nhất thời chưa thực hiện được, định ra mục tiêu, mọi người theo đó đi, bước đi không lập chập mới không vấp ngã

Về chính trị, Tôn Ngô cho rằng cần theo chế độ dân chủ cộng hòa. Biện pháp rất đơn giản, chỉ đem chế độ quân chủ chuyên chế đích thực đảo ngược lại thành chế độ dân chủ cộng hòa đích thực. Nước quân chủ chuyên chế, một người làm vua, còn nước dân chủ cộng hòa thì 450 triệu người làm vua. Đem quyền một ông vua, cắt thành 450 triệu mảnh ghép lại thành một ông vua, thì phải nghiên cứu cách điều hành của mỗi mảnh ông vua ấy như thế nào

Ông Vua ngày xưa muốn cải cách một việc thì đem chủ trương của ông giao cho viện quân cơ, các đại thần ở viện quân cơ bàn và quyết rỗi cho các tỉnh, huyện, thôn, xã thực hiện, cách làm đó từ trên xuống dưới. Nước cộng hòa dân chủ lấy thôn xã làm nghị hội, nhân dân làm viện quân cơ, các nghị viện của thôn xã là đại thần của viện quân cơ của dân. Nhân dân muốn cải cách một việc quốc gia thì giao cho nghị hội thôn, các nghị viện của nghị hội thôn sau khi bàn bạc nghị quyết giao cho nghị viện khu rồi lên nghị hội huyện, nghị hội tỉnh đến quốc hội nghị quyết thi hành. Biện pháp này từ dưới lên trên, trái người với hình thức quân chủ chuyên chế

Thời quân chủ chuyên chế, các nghị quyết án của cơ quan đại thần được vua phê chuẩn mới thi hành. Thời cộng hòa dân chủ, nghị quyết của quốc hội phải qua nhân dân bỏ phiếu công nhận mới được thi hành, việc nhỏ do quốc hội thông bàn và thi hành, việc cực lớn do nhân dân bỏ phiếu quyết định nhưng khó khăn nhất là làm thế nào để 450 triệu dân bỏ phiếu, bày tỏ ý kiến của mình mà không bị thao túng mua

chuộc, việc này cần nghiên cứu thêm

Việc cần làm là chỉnh đốn hộ tịch. Mỗi huyện phân mấy khu, mỗi khu phân mấy thôn, mấy thôn phân mấy bảo, mỗi bảo phân mấy giáp, mỗi giáp là 10 nhà. Mỗi người không phân biệt giả trẻ trai gái đều có quyền bỏ phiếu cho đến chết thì thôi. Mỗi nhà do chủ hộ làm đại diện. Ví dụ nhà ông A có 10 người thì lá phiếu ông A bỏ là 10 phiếu, nhà ông B có 8 người thì coi là 8 phiếu, dùng tờ phiếu kép ghi tên bỏ phiếu, nhà ông B 8 phiếu phủ quyết… cộng lại giáp này có bao nhiêu phiếu biểu quyết, bao nhiêu phiếu phủ quyết, các gia đình mang phiếu lưu trữ đến đối chiếu lại thấy không sai thì trưởng giáp đưa lên trưởng bảo, trưởng bảo yết bảng, giáp 1 có bao nhiêu phiếu biểu quyết, bao nhiêu phiếu phủ quyết, giáp 2 có bao nhiêu phiếu… sau đó đưa lên trưởng khu, rồi lên huyện, lên tỉnh, lên trung ương, từng nơi đều yết bảng, cuối cùng theo số đông quy định. Đó là nói chuyện lớn quốc gia, còn chuyện của tỉnh huyện cugnx làm theo cách ấy

Nhân dân nước ta đều ít quan tâm tới quốc sự, muốn họ quyết định việc lớn, phân định đúng sai, họ thường không hiểu, nên cần huấn luyện chính trị. Trách nhiệm huấn luyện chính trị là các nghị viện thôn. Nghị viện thôn vừa là đại thần cơ mật, vừa là thái sư, thái phó, thái bảo. Họ là những người có tri thức cao hơn nông dân, họ hiểu rõ việc nước hơn. Trước khi quyết định việc lớn của đất nước, đầu tiên các nghị viện thôn giảng giải nội dung để nhân dân hiểu rõ nguồn gốc, còn việc bỏ phiếu do từng người tự viết vào phiếu, trưởng giáp đến thu, nhân dân có việc gì đề xuất cùng nêu kiến nghị với nghị viện thôn, chỗ nào không rõ thì chất vấn, cách này rất tiện lợi cho dân

Bầu tổng thống do 450 triệu dân bỏ phiếu, lúc bỏ cũng lấy chủ hộ làm đại biểu. Mỗi phiếu nêu 3 người, nếu người bỏ phiếu chỉ ưng 1 – 2 người làm tổng thống thì chỉ viết 1 – 2 người đó. Ví dụ trên phiếu ghi nhóm ông Triệu Nhất 3 người, nhà Ông A có 10 khẩu đồng ý thì nhóm ông Triệu Nhất được 10 phiếu, nếu trên phiếu nêu nhóm ông Tiền Nhị, 2 người nhà ông B có 8 người đồng ý thì ông Tiền Nhị được 8 phiếu. Dùng tờ kép ghi tên bỏ phiếu. Trưởng giáp đến các nhà thu phiếu, yết bảng công bố ông Triệu Nhất được x phiếu, ông Tiền Nhị được y số phiếu… Giáp thứ hai, ông Tôn Tam được x phiếu, ông Lý Tứ được y phiếu.. cộng lại gửi lên bảo, bảo gửi lên khu, lên trung ương, người nào được nhiều phiếu nhất là tổng thống, người nhiều phiếu thứ hai là phó tổng thống. Nhiệm kỳ tổng thống 4 năm, nếu giữa chừng ốm chết hoặc bị bỏ phiếu bãi chức thì phó tổng thống thay cho đến hết 4 năm thì thôi. Tổng thống thứ nhất từ ngày này tháng này nhận chức, đủ 4 năm sau, cũng ngày ấy tháng ấy tổng thống mới nhận chức. Tổng thống cũ nếu được nhiều phiếu thì tái nhận chức. Nhân dân muốn chất vấn tổng thống, thì nêu vấn đề chất vấn ở hội nghị thôn, nếu được biểu quyết đồng ý thì đứng danh nghĩa toàn thôn gửi lên hội nghị khu; nếu hội nghị khu biểu quyết thì đứng danh nghĩa toàn khu gửi lên huyện, cũng vậy mà lên tỉnh, lên

quốc hội; quốc hội thảo luận biểu quyết thì thành lập bản chất vấn đưa cho tổng thống để ông ta trả lời. Sau đó quốc hội đem bản chất vấn và bản trả lời của tổng thống in thành sách, phát cho toàn dân xem và phán quyết. Với tổng thống lưu nhiệm hoặc bãi nhiệm đều do bỏ phiếu, theo cấp yết bảng, cuối cùng theo số đông. Việc lựa chọn, bãi nhiệm tỉnh trưởng, huyện trưởng cho tới bảo trưởng, giáp trưởng có thể theo phương pháp này

Tổng thống làm trái hiến pháp, qua bỏ phiếu có thể bãi chức. Sau đó giao cho tòa án xử tội, có thể tới mức xử bắn. Nhưng khi Tổng Thống chưa bị bãi chức, tất cả mệnh lệnh của ông ban bố trong phạm vi chức quyền, ai không phục tùng làm trái lại, tổng thống xử lý theo luật

Nước cộng hòa dân chủ theo nguyên tắc luật pháp của chế độ quân chủ, nhưng lấy quyền của vua đặt vào tay nhân dân. Thời quan chủ, tri huyện có quyền tư pháp. Bây giờ và sau này vẫn giao quyền tư pháp cho huyện trưởng. Huyện trưởng mời một vị tinh thông pháp luật làm quan tư pháp, quan tư pháp chịu trách nhiệm trước nhân dân. Nếu xét xử không công minh, nhân dân khiếu tố hoặc đòi thay huyện trưởng. Ngày xưa cửa quan đen tối, dân ai cũng biết, ngày nay, cơ quan tư pháp cũng dễ mua chuộc. Thông thường sự thật các vụ án nhân sĩ địa phương đều biết mà kết quả điều tra của pháp quan có khi ngược lại. Từ nay về sau, trách nhiệm đều tra và hòa giải nên giao cho khu trưởng và thôn trưởng. Tuy nhân dân có việc tranh chấp, trước tiên báo cáo với thôn trưởng, thôn trưởng điều tra minh bạch thì hòa giải, nếu không chấp thuận thì báo khu trưởng. Thôn trưởng làm tờ báo cáo nói rõ kết quả điều tra, tình hình hòa giải gửi cho khu trưởng, khu trưởng điều tra lại, lại hòa giải, nếu không chịu thì báo cáo lên huyện trưởng. Khu trưởng cũng gửi văn bản lên huyện trưởng, nếu ở huyện giải quyết vẫn không chịu thì đưa lên tỉnh, lên trung ương. Thôn trưởng, khu trưởng khi hòa giải có thể theo luật của tỉnh mình, từ huyện trở lên giải quyết theo luật pháp nhà nước

Với cơ quan nào có dân nghi vấn, có thể xin được điều tra. Ví dụ giáp nào thấy cục mậu dịch quốc tế hoặc ngân hàng trung ương có điều gì khuất tất thì có thể nêu với nghị hội thôn "cục này hoặc ngân hàng này có điểm nghi vấn, chúng ta phải điều tra". Nghị hội thôn tìm hiểu kỹ ra nghị quyết gửi lên khu nghị hội thôn là thôn tôi muốn cử giáp này đi điều tra sự việc

Khu nghị hội quyết định gửi lên huyện, rồi lên tỉnh, lên trung ương. Quốc hội họp ra nghị quyết thfi báo cho cục ấy, ngân hàng ấy chờ kiểm tra. Giáp ấy kiểm tra thấy có tội thì làm bản khởi tố, nếu không có khuyết điểm thì công bố lên báo chí "Điểm chúng tôi nghi vấn, đã kiểm tra, không có sai sót". Nếu không khởi tố và không công bố trên báo là cơ quan ấy không có khuyết điểm thì giáp ấy phải chịu xử phạt. Với các cơ quan, nhà máy trong tỉnh, trong huyện cũng có thể làm theo cách này

Hiện nay có hai trào lưu là chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa độc tài xung đột với

nhau. Nếu không đem hai chủ nghĩa ấy dung hợp lại thì không tránh khỏi xung đột. Trung Sơn tiên sinh thường nói: "Nước Mỹ khi bắt tay xây dựng hiến pháp, kẻ chủ trương phân quyền cho địa phương cho rằng tính người không thiện, kẻ chủ trương tập quyền vào trung ương cho rằng tính người không phải tất cả điều thiện; cho nên xung đột của chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa độc tài là sự xung đột cái thiện và cái ác". Nhưng tính người vừa không thiện vừa không ác, cho nên lúc xây dựng hiến pháp nên kết hợp giữa phân quyền cho địa phương và tập quyền cho trung ương

Nếu biện pháp nói trên được thực hiện thì 450 triệu dân nước ta có 450 triệu lực tuyến, các lực tuyến này chạy thẳng tới trung ương, thành một chính phủ có hợp lực rất mạnh mẽ. Mệnh lệnh do Tổng thống đương chức ban ra, nhân dân phải tuyệt đối phục tùng giống như một Hoàng Đế chuyên chế, đó là chủ nghĩa độc tài. Việc Tổng thống đi hay ở nằm trong tay dân, công việc cải cách quốc gia do dân quyết, đó là chủ nghĩa dân chủ. Như vậy, hai trào lưu có thể dung hợp

Ngày nay chính đảng nào cũng muốn giành chính quyền, việc tranh đoạt đầu tiên là ghế Tổng thống, nên việc bầu Tổng thống nên để lại sau cùng; những điều hiến pháp ban hành nên thực nghiệm ở thôn, ở khu trước. Ở thôn, ở khu thông thuận thì ở huyện, ở tỉnh, ở quốc gia cũng thông thuận

Thực hiện hiến pháp, lấy thông làm khởi điểm, toàn quốc là điểm cuối cùng, cho dân chọn thôn trưởng làm khởi điểm, chọn Tổng thống làm điểm cuối cùng. Như vậy thúc đẩy những người nhiệt tình tham gia chính quyền trở về hàng xóm đứng chân làm việc, có vậy nền móng chính trị dân chủ mới thực sự vững chắc. Từ đó phát triển dần lên huyện, lên tỉnh, lên trung ương. Sau khi hoàn chỉnh hệ thống tổ chức này, các chính đảng tự nhiên tự thủ tiêu. Nếu còn chính đảng cũng chỉ là một dạng đoàn thể mang tính học thuật, không thao túng được chính quyền quốc gia. Họ đem chính kiến của mình viết thành sách, tuyên truyền rộng rãi trong cả nước để nhân dân tìm hiểu thu nạp. Các đảng phái có quyền cạnh tranh bình đẳng với nhau. Nó giống như các sách học thuyết của Khổng Tử, Mạnh Tử được chu du ở các nước, các vị ấy được đi du thuyết ở các nước chư hầu

CHÂM BIẾM TRUNG Y

Bản tính của Hắc chủ vốn là thật thà chất phác, lúc nhỏ không nói gì, ngốc nga ngốc nghếch, đối với bạn bè cũng hết lòng nhường nhịn. Cho nên, cha của ông gọi ông là *"vu phu tử",* còn bạn bè thì gọi ông là *"lão hiếu nhân".* Từ khi học ở trường tư thục, bị ảnh hưởng tính hay đùa của thầy Kiến Hầu, ông mới dần dần bắt đầu trở nên hài hước. Ban đầu vẫn chỉ là mang tính chất hài hước, dần dần trong hài hước có mang sự châm biếm, cuối cùng thì vui cười giận mắng, hễ phát ra là không thể dừng lại được. Tác phong này của ông không những thể hiện trong lĩnh vực ngôn ngữ văn học, mà còn được biểu hiện thông qua hành vi của mình.

Lúc nhỏ, suốt ngày vốn không thể xa rời được ấm sắc thuốc. Ngoài căn bệnh hen suyễn, tứ chi không linh động được ra, đôi khi mặc quần áo cũng cần người giúp, đi lên lầu nhưng không thể tự đi xuống được, đại tiện không thể ngồi xuống. Mỗi lần tắm rửa, mẹ nhìn thấy tấm thân gầy guộc của ông mà không thể cầm được nước mắt. Khi ông đang theo học tại Bỉnh Văn thư viện, bạn bè đều nói ông chết sớm. Lôi Thiết Nhai, Lôi Dân Tâm bèn chủ trương tế sống ông. Nhưng ông hoàn toàn không bi quan mà vẫn sống an nhàn thoải mái. Vì mấy thầy lang ở quê không trị khỏi bệnh, nên ông muốn tự nghiên cứu sách Y để tự mình chữa trị. Thế là ông mượn sách Y của Trần Tu Viên, Từ Linh Thai, Dụ Gia Ngôn... để xem, nào ngờ càng xem càng không hiểu. Trong lòng nghĩ: *"Mình dốc sức nghiên cứu như vậy cũng không thể hiểu rõ được, mà mấy thầy lang băm, chữ nghĩa không bao nhiêu, sao có thể đã học qua sách Y? Mình không bị chúng giết chết cũng thật là may mắn!"* Thế là thất vọng não nề, đem vứt sách Y đi, bản thân không uống thuốc nữa, nhưng cơ thể lại dần trở nên tráng kiện. Kể từ đó, nếu có mắc bệnh thì không bao giờ uống thuốc. Chủ trương của ông chính là thà chết vì bệnh chứ không chết vì thuốc. Trong đó chỉ có một lần cơ hồ phá vỡ chủ trương này: Khi ông theo học ở Cao đẳng học đường, ở chân có một vết lở loét, giống như là nhọt, trong học đường có trồng cây hoa cúc, ông nhai lá của cây cúc và đắp lên nó. Bạn học là Lục Quỳ Cửu biết về y học, nhìn thấy sắc mặt khó coi của ông, bèn bảo ông lè lưỡi ra cho xem, anh ta kinh ngạc nói rằng: Nấm lưỡi của anh đen cả rồi, mau đến bệnh viện chữa trị đi! Nói đến nỗi ông cảm thấy sởn cả gai óc và bảo ông phẫu thuật, ông xưa nay không hề xin nghỉ phép, lúc này đành phải xin nghỉ ngơi tịnh dưỡng, khi đang nằm nghỉ, trong lòng nghĩ: *"Chỗ đó có bệnh, tại sao nấm lưỡi bị đen?"* Thế là dường như tỉnh ngộ, vội chạy đến tìm Lục Quỳ Cửu nói rằng: "Ngoài nhọt ở chân ra, tôi thấy mình không bị bệnh gì nữa cả, đầu lưỡi của tôi bị đen có phải là vì tôi nhai lá cúc không?"

Lục Quỳ Cửu bảo ông lè lưỡi ra để xem, liền nói: *"Đúng vậy! Đúng vậy!"* Họ

nhìn nhau cười, hoàn toàn không cố tình. Đó chính là ông dùng hành động để châm biếm Trung y vậy.

TỰ SÁNG TẠO RA "VÔ CỰC QUYỀN"

Ở Tứ Xuyên có rất nhiều phái nói về tĩnh công (Cách tĩnh toạ tu dưỡng của Đạo gia) như các học phái Thiện Xạ, Lưu Môn, Quan Long, Ngô Tiêu Tử... ông đều từng bái môn để làm đồ đệ. Ông có một quyển sách nói về tĩnh công tên là *"Lạc Dục Đường Ngữ Lục",* là tác phẩm của Phong thành Hoàng Nguyên Cát khi đến giảng đạo ở Tứ Xuyên, người giảng về tĩnh công của các phái đều tôn làm thiên thư, nên đương nhiên ông cũng nghiên cứu đọc qua. Ban đầu ông cho rằng, giảng tĩnh công sẽ tốt hơn nhiều so với uống thuốc, nhưng kết quả thì như thế nào? Theo ông, từ khi chưa ngồi được 30 phút, thì càng muốn tĩnh tọa thì tâm tư càng rối loạn, bắt mình trấn tĩnh thì cũng giống như khổ hình. Cách làm của phái nào ông cũng thử qua, đều vô hiệu cả. Đó chính là ông dùng tĩnh hành động để châm biếm tĩnh công.

Ông học Trung y không thành, học tĩnh công cũng không xong, bèn muốn luyện quyền thuật. Trước tiên ông học khí công của nhà quyền thuật, tiếp theo học thái cực quyền. Kinh nghiệm mà ông thu hoạch được chính là: ông cho rằng môn khí công chẳng qua là làm bộ làm tịch, hoàn toàn vi phạm động tác tự nhiên. Còn thái cực quyền thì động tác không mạnh mẽ, dường như khá thích hợp, nhưng ông học không bao lâu thì cũng bỏ ngang, vì trong đó vẫn phải theo một quy luật nhất định, ông không chịu được. Cuối cùng ông tự mình phát minh ra một loại quyền thuật, lấy tên là "vô cực quyền". Nghe nói, ông đem tĩnh công và thái cực quyền kết hợp thống nhất với nhau, động tác tùy ý, học ý nhưng không học cử chỉ thái độ, góp vào một chút Hoàng đế nội thị pháp, Thiên ẩn tử tồn tưởng pháp và hội thông đạo lý *"người tu đạo hít thở dựa vào gót chân chạm đất"* mà Trang Tử đã nói, để tạo thành quyền pháp này. Ông nói quyền pháp này, khi ngủ, khi ngồi, đọc sách viết lách, khi trò chuyện cùng người khác đều có thể thực hiện. Ông nói sau này nếu quyền thuật này được truyền ra ngoài, thì ông không chỉ là Hậu Hắc giáo chủ mà còn là tổ sư của vô cực quyền. Khi chúng tôi gặp nhau, tôi hỏi ông tỉ mỉ chi tiết về vô cực quyền, ông nói: *"Đã gọi là vô cực quyền, thì còn nói gì nữa chứ? Chẳng qua là mơ mơ màng màng mà thôi."* Lịch sử đoạn quyền thuật này của ông, không biết là châm biếm sự không kiên trì của mình hay là châm biếm quyền thuật quốc gia oai hùng nữa?

CHIẾN THIÊN GIÁO CHỦ

Ngã đại thanh tảo khởi,
Trạm tại nhân gia ốc giác thượng nha nha đích để.
Nhân gia thảo yếm ngã,
Thuyết ngã bất cát lợi,
Ngã bất năng ni ni nam nam đích thảo nhân gia hoan hỷ.

Hồ Thích - Quạ đen

(Dịch nghĩa: *Ta thức dậy từ rất sớm, đậu trên góc nhà kêu quàng quạc, mọi người ghét bỏ ta, bảo ta không cát lợi, ta không thể lẩm bẩm ghét mọi người vui sướng*.)

Bài thơ này được tác giả tự thêm vào "Thường thí tập" vào 30 năm trước. Lúc đó, tiến sĩ Hồ rõ ràng là mượn hình ảnh "Quạ đen" không ghét người vui sướng để ví với mình, cho đến nay, người làm bài thơ này cũng lưu lại nó để ví với bản thân mình, chi bằng mang tặng cho những kẻ chợ búa, ông hoàn toàn tha tội cho kẻ vạch trần bộ mặt của chúng, hiểu rõ nội tâm của chúng, làm cho lũ yêu ma quỷ quái trên thế gian này đều phải hiện hình. Tiếng kêu quàng quạc như vậy của nó, thật làm cho người ta tức giận, bồn chồn khắc khoải, cho nên nói, ông ta mới chính là con quạ đen thật sự! Tôi muốn tặng cho ông một bài thơ như sau:

Cú... cú... meo,
Cú... cú... meo,
Khà... khà.. khà ...khà...
Cú... cú... meo,
Cú... cú... meo,
Khà.... khà... khà... khà...

Nếu hỏi đây là thơ gì? Đây chính là *"thơ cú mèo". "Cú... cú... meo..."* chính là chim cú mèo đang kêu, *"khà... khà... khà..."* chính là chim cú mèo đang cười. Người dân quê chúng tôi nói rằng: "Không sợ cú mèo kêu, chỉ sợ cú mèo cười" Truyền thuyết kể rằng: Khi cú mèo kêu đương nhiên là không tốt lành, nhưng như vậy cũng chẳng hề gì, nhưng khi cú mèo cười thì nhất định sẽ có người chết, hoặc dự báo điềm vô cùng hung hiểm. Nụ cười nhạt của Hắc chủ lúc còn sống đều làm cho mọi người sởn gai óc, lo lắng bất an, giống như nghe thấy tiếng cú mèo kêu và cười vậy. Do đó nói rằng, ông ấy không chỉ là con quạ đen mà còn là một con cú mèo!

Đồng thời, nếu nói ông là "tuệ tinh của giới tư tưởng", thì ông cũng phải chịu cảnh trời giận người oán. Tuệ tinh thường gọi là sao chổi, nó xuất hiện sẽ báo hiệu thiên biến nhân họa. Không chỉ những kẻ ngu muội sợ nó, vương công đại nhân sợ nó, mà ngay cả những nhà thiên văn học có khoa học tinh thâm cũng phải cảnh giác

chú ý đến động tĩnh của nó. Giả như trên các tinh cầu khác cũng có con người sinh sống, thì mức độ kinh sợ của họ cũng không thua kém gì thế giới này. Vì nó tồn tại trong giới tự nhiên nhưng không tuân theo quỹ đạo của tự nhiên, kéo một cái đuôi dài, xông xáo dọc ngang, cho nên loài người cùng không thể đo đạc được nó, vô cùng đáng sợ! Tuệ tinh trong giới tư tưởng, đóng vai trò phát triển tư tưởng cũ. Tư tưởng của Hắc chủ, không tuân theo truyền thống, không theo lệ thường, cũng không tin vào ý kiến của người trong và ngoài nước, bất luận là đối với thiên đạo nhân sự, ông ấy cũng khăng khăng làm theo ý mình, đề ra cách nhìn và giải thích của mình, tư tưởng chống lại như vậy, nếu không phải giống như tuệ tinh thì là gì? Chẳng trách chuốc lấy trời giận người oán, xã hội cho là vật không tốt lành.

Ông ấy vừa là con quạ đen kêu đi kêu lại, vừa là con cú mèo vừa kêu vừa cười, thì sao có thể làm cho mọi người không ghét bỏ, không căm giận chứ? Cho nên nhân sĩ quan tâm đến thế đạo, rất lo sợ học thuyết của ông truyền ra ngoài, làm hại xã hội, cũng có tác phẩm phê phán ông, trong đông đảo mọi người cũng chửi mắng thậm tệ ông. Tôi nhớ, 5 năm trước có một Vị giáo chủ thiên chúa giáo đã chửi mắng thậm tệ ông khi tiến hành diễn thuyết công khai. Tôi nói cho ông biết chuyện này, ông lập tức xuất mã ứng chiến, đã viết một chiến thư với tiêu đề như sau: *"Hậu Hắc giáo chủ đáp lại... sách... của giáo chủ Thiên Chúa giáo"*. Tình tiết của bài tôi đã quên mất, chẳng qua là châm biếm sâu cay mà thôi. Chỉ còn nhớ phần mở đầu nói như sau: *"Tôi là Hậu Hắc giáo chủ, anh là chủ giáo của Thiên chúa giáo, chủ giáo thấp hơn giáo chủ một bậc, Thiên chúa giáo của các người rất coi trọng đẳng cấp, anh lại dùng thân phận là chủ giáo để phê phán học thuyết của giáo chủ, anh thật quá không biết tự lượng sức.. Sự cầu nguyện của các người chẳng qua chỉ là vào hai nhũ hoa mềm mại ở trước ngực, bịa đặt làm mê hoặc lòng người..."* Lúc đó ông muốn đăng lên báo chí, tôi nhiều lần ngăn cản, ông mới thu hồi bản tuyên chiến. Vài năm gần đây có một vị Thẩm Vũ tiên sinh, viết quyển *"Hậu Hắc phê phán",* tấn công mạnh mẽ *"Hậu Hắc Học",* tiếc là giáo chủ không nhìn thấy, ai đúng ai sai, đành phải nhờ người thứ ba phán xét thôi.

Giáo chủ qua đời đã hơn ba năm rồi, mồ mả cây cối chắc cũng đã mọc đầy rồi, cô hồn nơi hoang dã, ai có thể đồng điệu? Bóng nguyệt chiều tà con quạ kêu, nửa đêm chim kêu, không biết có thể an ủi phần nào hay không? Nay tôi tiếp tục hát lên khúc ca tiến về phía trước, dùng để cúng viếng linh hồn của Hậu Hắc:

Cú... cú.... meo,
Cú... cú... meo,
Khà ...khà... khà... khà...
Cú... cú.... meo,
Cú.... cú... meo,
Khà.... khà... khà... khà....

BẠC BẠCH HỌC

Tôn Ngô nói nhiều về cách làm Hậu Hắc, tự xưng làm giáo chủ, đương nhiên là vô cùng kỳ quái. Thế là bạn bè khuyên ông rằng: *"Anh nên bớt nói những lời vớ vẩn đó đi! Bên ngoài có rất nhiều người đang chỉ trích anh, anh cũng nên yêu lấy cái danh dự của mình."* Ông nói: *"Ngô yêu danh dự, Ngô càng yêu chân lý. Lòng tôi quyết định tại tâm, khi chưa đặt bút viết, tôi phải suy xét cẩn trọng; tôi đã nói ra rồi, nếu người nghe công kích, tôi hoàn toàn không biện hộ. Nhưng những lời của kẻ công kích nói, tôi vẫn thể nghiệm một cách tỉ mỉ, nếu có thể làm cho tôi cảm phục, tự tôi sẽ sửa đổi."* Đôi lúc bạn bè trách mắng ông mà không hề khách sáo rằng: *"Anh hà tất ngày nào cũng nói những lời quỷ quái đó chứ*?" Ông nói: *"Tôi gặp người nói tiếng người, gặp quỷ nói tiếng quỷ. Xin hỏi, thế giới ngày nay, nếu không nói tiếng quỷ thì nói gì chứ? Nhưng rất nhiều bài văn của tôi cũng có thể nói rằng: người xem thì là tiếng người, quỷ xem thì là tiếng quỷ."* Nếu có người nói với ông: "Người nào đó có lỗi với anh, anh ta sẽ như thế nào?" Ông nói: *"Nếu là bạn bè tôi, đương nhiên anh ấy làm như vậy. Nếu anh ấy không làm như vậy, Hậu Hắc Học của tôi còn có thể giảng nữa không? HậuHắc Học mà tôi phát minh là nguyên tắc lớn của nhân loại, bạn bè tôi đương nhiên không thể ra khỏi nguyên tắc này."*

Sự vui cười giận mắng của ông không kiêng dè gì cả, nên đương nhiên là đắc tội với xã hội. Nghe nói có một quan nhân quan tâm thế đạo, trước tiên ra mặt lên án kết tội và viết một bài *"Bạc bạch học",* liên tục đăng trên một tờ báo ở Thành Đô, đặc giọng đạo đức, công kích mạnh mẽ học thuyết của ông, đồng thời nói rằng: *"Lý Tôn Ngô này! Anh hãy mau thu hồi Hậu Hắc Học của anh đi*!" Nhưng sau khi đọc xong, ông lại không đoái hoài gì, rất nhiều người khuyên ông viết bài bác bỏ, ông bèn nói: *"Có cần thiết không? Học vấn trên thế gian, ai nấy đều giảng học thuyết của mình, tin hay không, nghe theo mọi người. Ví như hạt giống của cây cối, tôi nói của tôi tốt, anh nói của anh tốt, đôi bên không cần tranh giành, chỉ cần đem nó trồng xuống đất, sau này nhìn thấy thu hoạch là biết rồi."* Họ nói: *"Anh không biện luận, có thể thấy anh bị đuối lý, học thuyết của anh đã bị đánh đổ, chúng tôi không tôn anh làm thầy nữa, mà đi bái ông ấy làm thầy để học Bạc bạch học".* Ông nói: *"Các người có thể đi bái ông ta làm thầy, nhưng tôi muốn chân thành khuyên các anh vài câu: "Hậu Hắc kinh nói rằng: Người có Hậu Hắc, có thể gánh vác quốc gia, giả như không có Hậu Hắc, thì dù được lòng dân cũng không thể có được quốc gia.' Sau này các người có đói khát ăn xin, cũng đừng trách ta."* Sau này, nhà phát minh Bạc bạch học vì mắc tội tham ô hung hăng thô bạo, nên bị mọi người chặt đầu đem treo ở trên bia tưởng niệm của công viên ở Thành Đô để thị chúng trong vài ngày, mọi người vô cùng khoái chí, đây đúng là chuyện lạ.

Ông cho rằng, *"Bạc bạch học"* có thể thực hiện ngầm trong tâm, không cần phải nói ra miệng; *"Hậu Hắc Học"* cũng có thể làm như vậy nhưng tuyệt đối không được nói ra miệng. Điều mà Vương Giản Hằng nói Hậu Hắc Học chính là cái *"làm được nói không được" lại* được thừa nhận là lời nói chí lý. Nhưng ông ta đã công nhiên phát biểu Hậu Hắc Học, hơn nữa còn sỉ nhục không ngớt, thế là lại biến thành một quy tắc mới, đó chính là Hậu Hắc *"nói được làm không được"*. Cho nên từ khi ông ta phát biểu Hậu Hắc Học, lại biến thành thiên địa quỷ thần, lâm tại thượng, chất tại bàng, mỗi khi nghĩ đến làm việc gì, hề vừa động não là tự nghĩ rằng: *"Nếu làm như vậy, người khác há chẳng phải nói mình thực hành Hậu Hắc sao?"* Do đó, phàm là làm việc gì cùng không dám lơ là. Anh nghĩ, giám sát cửa ải Trùng Khánh là chức quan béo bở biết bao! Nhưng ông ấy không muốn làm, có người khuyên cũng không làm.

CÂU ĐỐI VIẾNG NGƯỜI CHẾT NGÔ TÔN

Tôn Ngô vừa chết vài ngày, các báo ở Thành Đô liền sử dụng danh hiệu *"Hậu Hắc giáo chủ"* để đăng tin thông báo về cái chết của ông. Vài ngày sau, các giới nhân sĩ ở Tự Lưu Tỉnh đã làm lễ truy điệu cho ông và nhận được câu đối viếng tang, nó cũng được lập luận theo "*Hậu Hắc giáo chủ"*. Nào ngờ, khi còn sống ông dùng những lời giễu cợt để chế nhạo người khác, lại trở thành thụy hiệu sau khi chết của mình. Câu đối đó như sau:

(1) Giáo chủ về âm phủ, tiếp tục tuyên truyền Hậu Hắc, làm cho cô hồn đá quỷ nói chung, sớm được thăng quan phát tài;

Tiên sinh từ giả cõi trần, không còn châm biếm xã hội, khiến cho bọn tham quan thối nát, làm ra những việc vong ân bội nghĩa!

(2) Ngầm châm biếm Hậu Hắc, lòng dạ tiên phật, trước sau chiếu rọi 5000 chữ; dồn hết tâm sức để viết lách, hiền triết phẩm học, muốn cùng nổi tiếng muôn đời cùng Tứ sử.

(3) Cống phẩm thường làm phiên án, bày tỏ tư tưởng bằng lời quái lạ, nỗi cô phẫn trong lòng, thư hùng hoàng nguyên hài hước.

Tính tuổi tác thì kém hơn tôi, luận học vấn thì hơn tôi một bậc, viết văn trả về đất, chớ giỡ trò Hậu Hắc nơi cõi u minh.

(4) Đã có tấm lòng sắt đá, hỏi rằng ông độc tôn ở nơi đâu? Thử nhìn Hắc khí phủ đầy trời, đến chết vẫn còn mối di hận;

Dẫu rằng có mặt trơ trán bóng, nhìn thấy tôi phút chốc về chầu tiên tổ, đành phải mặt dày về đất, chiêu hồn đọc kinh sợ vợ.

TÔN NGÔ TRẢ LỜI PHỎNG VẤN

Hỏi: Tiên sinh có thể tạm thời không nói **"Hậu Hắc Học"**, chuyên đi vào viết sách và phát huy học thuật văn hóa, howngs dẫn người đời có hơn không?

Trả lời: Không thể được. Hơn mười năm qua, nhiều bạn bè đã khuyên tôi đừng nói **Hậu Hắc** nữa. Nào ai biết **Hậu Hắc** chỉ "Nói được không làm được", chúng ta không ứng dụng được thì không thể không nói: Không nói trong lòng thấy ấm ức. Nếu muốn khuyên tôi không nói "**Hậu Hắc**" khác nào khuyên Công Tôn Long không nói: "Ngựa trắng không phải là ngựa", điều đó không thể được. Tôi vốn theo tín điều "Nói được không làm được" ra sức phát huy triết lý **"Hậu Hắc Học"** để lập học phái mới, thử hỏi có ai độc tôn , đáng tự hào hơn tôi không? Xưa nay chân lý chỉ có một, người nhân gặp nhân, người trí gặp trí; nhân nghĩa của Khổng Mạnh, đạo đức của Lão Tử, từ bi bác ái của Phật và GiêSu, **Hậu Hắc** của Lý Tôn Ngô đều là một chân lý, chỉ có cách nói không giống nhau. Nếu mỗi người có phát minh riêng, mỗi người lập một học thuyết, không vay mượn của nhau thì sẽ lưu lại muôn đời. Như vậy so với người gặp thời đắc chí còn hơn nhiều lần, hà tất phải bon chen với đời. Mấy lần anh viết thư khuyên tôi đừng nói **Hậu Hắc**, sợ rằng tiền đồ của tôi bị trở ngại, tôi nghĩ rằng bây giờ những người truyền đạo gia tô gặp muôn vàn khó khăn, có khi phải "Tử vì đạo", tại sao giáo chủ lại không dám nói **Hậu Hắc** nhỉ?

Hỏi: Tiên sinh kinh luân đầy bụng, là một Khổng Minh Gia Cát thời nay, tiên sinh tự đánh giá như thế nào?

Cười và trả lời: Khổng Minh không đáng để nói, tên tuổi của ông ta cao quá rồi, chỉ riêng việc dùng binh mà nói, ông ta không bằng tiên đế, chẳng qua tiên đế mượn ông ta để khuất phục những người đầu óc giản đơn Quan, Trương, Triệu, Hoàng mà thôi; thực ra ông ta còn bị tiên đế nắm trong lòng bàn tay. Chiến dịch phạt Ngô, tiên đế sao không sai Khổng Minh đem quân đi? Khổng Minh dùng Mã Tốc giữ Nhai Đình thật là sai lầm lớn (Đáng lẽ dùng Ngụy Diên); quân bị thua bèn giết Mã Tốc, sai lầm càng lớn hơn; thế nước Thục mất, lúc giết Mã Tốc đã thấy nguyên nhân. Khổng Minh bất tài như vậy, có gì đáng nói

Hỏi: Theo tiên sinh, từ xưa đến nay ai đáng noi theo?

Trả lời: Tôi đã từng nói lời của Khương Thái Công mà. Xưa đến nay người đáng noi theo chỉ có mình ông ấy, Thái Công tuổi đã 80 còn giúp được Chu diệt Thương, đó là một kỳ tích. Về sau Tô Tần đọc kinh Âm Phù của ông ấy mà hợp sáu nước, Trương Lương dùng binh pháp của ông ta để diệt Tần Sở. Thử hỏi: "Ông Tổ **Hậu Hắc**, không phải Thái Công còn ai nữa? Bỉ Nhân là học trò con cháu trăm đời sau của ông ta, muốn vạch ra bí quyết nghìn năm không truyền lại, mong sao sáng trước rạng sau thôi"

Hỏi: Có thể nói con đường nghiên cứu học thuyết của tiên sinh không?

Trả lời: Cách nghiên cứu của tôi, theo cách Bát Cổ, giải đề cắt nghĩa phù hợp với lôgic biện chứng pháp. **Hậu Hắc** và mọi tác phẩm của tôi đều từ đấy suy luận ra

Hỏi: Tiên sinh không nói đùa chứ!

Trả lời: Không phải nói đùa, đúng thực tôi có pháp bảo của Bát Cổ. Nếu không tin, sau này cứ nghiên cứu cách giải nghĩa của Bát Cổ xem

Hỏi: Tác phẩm của tiên sinh, cái đã xuất bản, cái chưa xuất bản có bao nhiêu?

Trả lời: Đã xuất bản có **"Hậu Hắc Học"**, "**Hậu Hắc Tùng Thoại**", "**Tôn Ngô Ức Đàm**", "**Bàn về vấn đề xã hội**", "**Lập hiến pháp và kháng Nhật**", "Xu thế học thuật của Trung Quốc", "**Tâm lý và lực học**", "Ghi chép về Khổng Tử mở trường học", "Kỳ án đánh Hiệu Trưởng", "Khổng Tử đại chiến", "Triết học sợ vợ". Hiện nay đang viết và đã viết xong chưa xuất bản có "Nghiên cứu đặc tính dân tộc Trung Quốc", "Tôi hiểu về chính trị và kinh tế", "Ghi chép mở đầu kết thúc cách mạng ở trung học tư thục Tữ Tỉnh", "Linh Tính và điện tử", "Vu lão tùy bút".v.v… nói đạo lý chính thống có năm cuốn "Bàn về vấn đề xã hội", "Bàn về chế độ thi cử", "Lập hiến pháp và kháng Nhật", "Xu thế học thuật Trung Quốc", **"Tâm lý và lực học"**. Những sách đạo lý khác, chưa ra đời nên không nói. Thực ra tôi già rồi, còn viết sách gì được nữa? Thật không tự lượng sức mình

Hỏi: Thân thế và cảnh ngộ tiên sinh trước nay ra sao?

Trả lời: Khi còn nhỏ tôi là học trò thầy Tô Lượng là một nhà Bát Cổ nổi tiếng ở Phú Thuận, sau lên Thành Đô học toán lý ở trường cao đẳng, từng tham gia Đồng Minh hội

Từ thời Dân Quốc đến nay, làm trưởng khoa đóc học, làm trưởng phòng thanh lý tài sản các quan trong tỉnh, được cử làm giám đốc hải quan trùng khánh nhưng chưa nhận chức, sau làm huyện trưởng huyện Phú Thuận, tỉnh Cẩm Dương. Sau lại làm đốc học tỉnh nhiều năm, đi khảo sát công tác giáo dục ở các tỉnh ngoài Tứ Xuyên. Sau Bắc phạt, làm ủy viên biên soạn đại chí huyện, tỉnh, năm ngoái từ chức về nhà. Lúc nhỏ sinh ra trong gia đình nghèo, qua một thời gian phấn đấu tích cóp tạm gọi là đủ ăn. Sinh được hai con, con trưởng có tài năng, từng nhận chức cục trưởng giáo dục Phú Thuận rồi làm hiệu trưởng trường trung học Tự Tỉnh, con thứ từng học trường công nghiệp Thành Đô. Không may mấy năm gần đây hai con lần lượt chết cả, hiện còn bà vợ, con dâu góa bụa, ba cháu trai, bốn cháu gái, mời gia sư dạy các cháu ở nhà. Tình hình gia cảnh của tôi đại khái là như vậy

HẬU HẮC GIÁO CHỦ TRUYỆN

GIA THẾ TÔN NGÔ

K

hoảng thời Nam Tống, ở huyện Trường Lạc, Gia Ứng châu, Quảng Đông nổi lên một nhà họ Lý. Gia trưởng là Lý Tử Mẫn và con trai là Lý Thượng Liên tạo dựng sự nghiệp, gia đạo dần hưng vượng, con cháu đông đúc và trở thành một dòng họ nổi tiếng. Về sau, đời đời nối tiếp , đến đời thứ 10 tức năm Ung Chính thứ 3 triều đại nhà Thanh, có một người tên là Lý Nhuận Đường dời nhà đến Tứ Xuyên, lúc đầu ở Tiêu Gia Kiều, Long Xương, sau dời đến Tự Lưu Tinh ở Phú Thuận và định cư tại đó. Sau cuộc thảm sát lớn của Trương Hiến Trung vào cuối đời Thanh, Tứ Xuyên trở nên đất rộng người thưa, dân Hồ Quảng ào ạt kéo đến cư trú, nhà họ Lý di cư cũng chính là vì nguyên nhân này. Từ khi Lý Nhuận Đường đến Tứ Xuyên, gia dạo lại dần hưng thịnh, con đàn cháu đống, đến đời thứ 8 thì xuất hiện một ngôi sao trong giới tư tưởng, đọc sách tìm tòi, thích nêu lý thuyết mới, đó chính là Lý Tôn Ngô, người đã sáng lập ra thuyết "mặt dày tâm đen" từ thời Dân Quốc đến nay đã trở thành danh nhân của đất Tứ Xuyên.

Tôi vì tránh giặc mà đến Tứ Xuyên, đọc được rất nhiều tác phẩm của nhà họ Lý, do có thư từ trao đổi, nên hiểu nhau kết thành bạn bè, thông qua việc làm và tư tưởng ngôn luận lúc sinh thời mới biết được rằng ông ta không phải là quái thánh viển vông như người ta lưu truyền, mà ông là người có lập ý kỳ quái đến kinh ngạc, quan niệm *"vì người"* của ông ta không mặt dày thì cũng tâm đen; nhưng ông chỉ đề xướng *"Hậu Hắc Học"* và tự xưng là *"Hậu hắc giáo chủ",* tác phong *"nói ngược lập chính thuyết của ông"* rốt cuộc có từ đâu? Thế nhân chớ nên cười ông, chửi ông mà trước tiên nên tự xem xét lại mình. Thích Ca không đáng vào địa ngục, Giê-su không nên đóng trên thập tự giá, nhưng Thích Ca nói: *"Ta không vào địa ngục, thì ai sẽ vào đây?"* Giê-su lại nói: "Ai không vác cây thập tự mình mà theo ta, thì cũng chẳng đáng cho ta". Điều đó cũng từ đâu mà ra? Chúng ta cũng nên tự xem xét lại mình. Lý thị bàn về giáo dục, chính trị, tư tưởng có hơi kỳ lạ, luôn phát hiện ra những điều chưa được phát hiện, nói ra những điều chưa ai nói, nên các học giả truyền thống thường chửi ông là kẻ bàng môn ngoại đạo. Đến nay Lý thị đã là người thiên cổ, bằng không e rằng ông ấy sẽ đưa ra những ý kiến sáng suốt. Thế nhưng, những việc làm lúc sinh thời của ông vẫn còn nhiều người chưa biết, nhiều tư tưởng lập ngôn thời sinh tiền cũng bị bỏ qua. Để kỷ niệm người bạn đã mất này, tôi không tiếc bút mực xin viết về tiểu sử của Hậu Hắc giáo chủ, nhờ người đời đánh giá công tội của ông.

Lý Tôn Ngô sinh ngày 13 tháng giêng năm Quang Tự thứ 5. Hai chữ "Tôn Ngô" vốn không phải là tên của ông, đây là tên gọi mà sau này ông đã đổi thành. Ông đã thay đổi tên gọi vài lần: Lúc nhỏ do tính tình ngang ngược, chẳng theo lề thói, người ta gọi là Nhân Vương "…."; cha ông bèn gộp hai chữ "Nhân Vương" thành chữ Toàn "…", thêm vào chữ Thế "…", nên ông có tên là Thế Toàn "…". Thầy tướng số nói trong số mệnh của ông thiếu chữ Kim "…" nên thêm vào bộ Kim, trở thành Thế Thuyên "…". Sau này gia sư lại nói trong mệnh ông thiếu Mộc, mà không hề thiếu Kim. Ông cũng cảm thấy không thích cái tên mà cha ông đã đặt, nên tự mình sửa thành Thế Giai, tự là Tôn Nho, mang ý nghĩa là tín đồ của Khổng Tử. Năm 25 tuổi, tư tưởng có sự thay đổi lớn, ông cảm thấy rất bất mãn với Nho giáo, trong lòng nghĩ nếu theo Tông pháp Khổng Tử, chi bằng hãy theo Tông pháp của mình, do đó đổi tên thành Tôn Ngô. Ông thường nói: *"Hai chữ Tôn Ngô này là ngọn cờ độc lập tư tưởng của tôi"*. Về sau người ta chỉ biết có Tôn Ngô, còn Thế Giai thì dường như không ai biết cả. Tôn Ngô có 7 anh em trai và 2 chị em gái. Trong các an hem thì ông là người thứ 6, ba người anh chết sớm, những người còn lại đều thành gia lập thất. Ngoài ông ra thì các anh em còn lại đều làm nghề nông; chỉ có người em thứ 7 của ông sau này mở cửa hàng buôn bán. Tôn Ngô tin vào di truyền và thai giáo[20], ông nói, ông thích đọc sách là do bản chất thiên tiên quyết định, vì năm ông chào đời cũng chính là lúc cha ông đóng cửa đọc sách. Đồng thời ông còn dẫn chuyện cha con họ Tô ra làm chứng cớ. Ông nói: Năm 27 tuổi Tô Lão Tuyền mới ham đọc sách. Xem xét thì thấy Tô Lão Tuyền sinh năm Ất Dậu, Tống Chân Tông Tường Phù thứ 2, Nhân Tôn Minh Đạo thứ 2 Ất Hợi tròn 27 tuổi. Tô Đông Pha sinh ngày 19 tháng 2 năm Bính Tý. Tô Tử Do sinh ngày 20 tháng 2 năm Kỷ Mão. Hai an hem họ đều được sinh ra vào những năm mà Tô Lão Tuyền đam mê đọc sách. Trong lịch sử chỉ có Tô Lão có Tô Lão Tuyền là người say mê đọc sách khi đà 27 tuổi và sinh ra hai văn hào; chỉ có cha tôi là người đam mê đọc sách khi đã 40 tuổi và sinh ra được một giáo chủ, chẳng phải là chuyện lạ sao. Đông Pha tài khí ngang dọc, văn chương hào phóng; Tử Do là người trầm tính, thích đọc học thuyết Hoàng Lão, đem chú giải những tác phẩm của Lão Tử thành kiệt tác sau này. Rất có thể lúc đầu Tô Lão Tuyền chỉ đọc lướt, qua sau đó mới đi sâu vào nghiên cứu, nên dần trở nên điềm tĩnh, cũng vì vậy mà tính khí của Đông Pha và Tử Do hoàn toàn khác nhau. Tôi sinh ra vào năm cuối cùng cha tôi hứng thú đọc sách, do đó tính tình của tôi trầm tình thích Lão Tử, rất giống với Tử Do; chỉ tiếc tôi nhà nông không được học hành chu đáo, khó tránh khỏi thua kém Tử Do. Ông nói về tư tưởng kỳ quái của mình là được di truyền từ cha ông, thực ra tính cách của mấy đời nhà ông đều có chút đặc biệt. Ta không truy ngược về tổ tông của ông để nói, mà hãy xem xét một chút về huyết thống của ông.

Tằng tổ của Tôn Ngô tên là Cầu Phương, tính cách vô cùng nghiêm khắc tuy là ông chủ một cửa hàng tạp hóa, nhưng rất đạo mạo đàng hoàng, ai cũng kính sợ ông.

Con cháu trong nhà nếu đến cửa hàng ông mà quần ảo lôi thôi, say rượu là ông mắng ngay, không dám đến nữa. Nhưng đối với mọi người ông rất hòa nhã, hiền từ ôn hòa. Sinh thời chưa từng làm việc gì thẹn với lòng, hưởng thọ 70 tuổi; trước khi chết, lệnh cho người nhà mang nước và khăn, tự mình rửa mặt, mũ áo chỉnh tề, sau đó mới nhắm mắt.

Tổ phụ của Tôn Ngô tên là Lạc Sơn, một đời làm nông, trồng rau đem bán, lúc rỗi rảnh, mua đèn dầu và giày rơm đi bán dọc bên đường. Thân hình khôi ngô, tính tình chất phác, khi đi gánh phân trên đường, có người trò chuyện với ông, ông vẫn đứng thẳng để đáp lời, gánh phân trên vai không hề buông xuống; gặp kẻ xảo huyệt, cố tình nối chuyện vui vẻ, kéo dài thời gian, ông phải đổi từ vai này sang vai khác, làm cho mọi người đi trên đường đều ôm bụng cười.

Ăn cơm tối xong là ông liền đi ngủ, đến lúc mọi người đi ngủ thì ông thức dậy, sau đó thì không ngủ lại nữa. Khi ngủ say, gọi sao cũng không tỉnh, nếu nói "Có trộm!" là ông lập tức tỉnh dậy ngay. Khi ông không ngủ nữa, bèn sắp xếp rau cải để ngày mai bán, khi làm xong, ông cầm một cây gậy ra giữ vườn rau. Vườn rau nằm ở gần đường cái, bọn trộm hay đi qua đây, thường bị ông đoạt lại, giao trả cho người mất. Cho nên, kẻ trộm rất sợ ông, thưởng phải đi vòng đường khác. Trong nhà ông không mấy khi ăn thịt, đến cuối năm ông mới mua 10 cân thịt để muối. Tự tay ông cắt thịt, cắt ra khoảng 0,5 cân đưa cho vợ ông nấu canh củ cải; đồng thời còn dặn bà rằng: *"Củ to để lại bán, củ nhỏ để lại cho lớn, phải chọn những củ sinh đôi hay nứt đi không thể bán được mới nhổ lên ăn."* Bà tìm khắp trong khu vườn, nhưng không nhổ được củ nào như thế, ông mới chịu cho nhổ lên để ăn. Khi canh chín, ông đích thân cầm môi múc ra bát rồi lại đổ lại vào trong nồi, múc ra rồi lại đổ vào. Bà bèn hỏi: *"Ông làm gì thế?"* Ông đáp: *"Tôi muốn chia cho người nhà và người làm, khổ nỗi không thể chia đều được!"* Không lâu sau, ông mắc bệnh mà chết. Bà cắt một miếng thịt cúng trước bài vị của ông, nhìn thấy là đau lòng, tự nói rằng: *"Nước mắt nhiều hơn cả thịt!"* Vì thương tiếc khôn nguôi, bà bèn mang cất chiếc đòn gánh mà khi sinh thời ông vẫn dùng và nói: *"Con cháu sau này nếu làm ăn phát đạt, phải lấy vải đỏ bọc đòn gánh lại, treo ở chính đường để làm vật kỷ niệm!"* Nghe nói, chiếc đòn gánh ấy được con cháu ông lưu truyền đến năm Dân Quốc thứ 9 lại bị bọn giặc tiêu hủy. Vợ ông là Tằng thị, là con gái của một nhà giàu có ở Cao Sơn trại, sau khi xuất giá, quanh năm theo chồng làm việc, gánh nước gánh phân, không hề than oán. Đôi lúc về nhà ngoại, nhìn thấy thức ăn chó mèo ăn còn thừa lại, thầm nghĩ, nhà mình sao có được thức ăn thừa như thế này? Lúc Tôn Ngô còn bé, nghe cha mẹ nhiều lần kể về chuyện này và răn dạy con cái rằng: *"Các cụ ngày xưa rất khốn cùng, kiếm được miếng ăn vô cùng cực khổ, con cháu đời sau tuyệt đối không được quên!"*

Cha của Tôn Ngố tên là Cao Nhân, tự là Tịnh An. Ông vốn ra ngoài làm ăn, khi cha qua đời, ông quay về cày ruộng, cùng vợ làm việc quần quật suốt ngày, giống như

cha mẹ ông vậy. Thường lấy chiếc đòn gánh do cha ông dể lại để răn dạy mình, do đó gia dạo dần hưng vượng, tậu được ruộng vườn. Không may, năm 40 tuổi, do lao lực quá độ nên bị ốm, bác sĩ khuyên rằng: *"Mau chóng gác việc nhà lại, an tâm tịnh dưỡng, nếu không nhất định sẽ chết!"* Ông bèn giao hết việc nhà cho vợ, chuyên tâm chữa bệnh, ba năm sau bệnh tình đã khỏi. Trong thời gian dưỡng bệnh, ông mới có dịp dọc sách, lúc đầu ông tìm đọc những sách như Tam Quốc diễn nghĩa, Liệt Quốc diễn nghĩa.., sau đó dọc Tứ Thư giảng chương, đọc đi đọc lại và tìm ra được dạo lý rằng: *"Sách là thế sự, thế sự là sách."* Về sau ông chỉ xem ba quyển: "Thánh Dụ Quảng Huấn" do vua Càn Long ban hành khắp thiên hạ, phía sau có kèm theo lời cách ngôn trị gia của Chu Bá Lư: *"Quệ Tâm Yếu Lâm"* trong cuốn này chì xem những danh ngôn của Tư Mã Quang và Đường Dực Tu… , ỏng gọi đó là sách cách ngôn; *"Tờ tấu 10 tội ác và 6 tội gian của Dương Kế Thịnh Tham Nghiêm Tùng",* phía sau có kèm theo di chúc (lời dạy con cháu cách xử thế của Tiêu Sơn Phó, Nghĩa Tiên Tịch). Ngoài ra còn có quyển Tam Tự Kinh chú giải, nhưng rất ít xem. Đó chính là ba quyển sách lớn, hai quyển đầu là không rời tay, trước khi chết vài ngày, ông vẫn còn không nỡ bỏ xuống. Ông thường nói: *"Đọc nhiều sách làm gì. Trong mỗi quyển, tự mình cảm thấy chương nào hay thì nhớ cho kỹ, theo dó mà làm; những chương khác nếu không thích thì không cần xem."* Ông rất thích ngâm đọc thật to, trong *"Thánh Dụ Quảng Huấn"* có hai câu sau: *"Con cái không biết hiếu thảo cha mẹ, ích kỷ không biết cha mẹ yêu thương con cái đến nhường nào?"* Trong *"Quệ Tâm Yếu Lăm"* có mấy câu: *"Nghèo hèn sinh cần kiệm, cần kiệm sinh phú quý, phú quý sinh kiêu sa, kiêu sa sinh dâm dật, dâm dật lại sinh nghèo hèn."* Ông đọc sách như vậy, suốt đời không viết một chữ, nghĩ cũng thật lạ. Khỉ Tôn Ngô được 7-8 tuổi, xảy ra việc gấp, nên bố ông bảo ông mang bút nghiên đến để viết thư, Tôn Ngô mang đến xong, ông ấy lại nói không viết nữa. Nhưng Tôn Ngô nói: *"Tư tưởng quái lạ của tôi có nguồn gốc từ cha tôi, cách đọc sách cũng bắt chước theo cha tôi."* Việc này sau này càng được chứng minh.

Cha của Tôn Ngô sau khi mắc bệnh, không dám làm những cống việc nặng nhọc nữa, thỉnh thoảng ông cũng tước lá mía hoặc bón tro cho đậu tằm thôi. Những lúc rỗi rảnh, ông thường đọc sách, tự nhiên cảm thấy thích những cuốn sách đó, khi người làm ra đồng làm việc, ông bèn mang theo lồng ấp hoặc sách ngồi bên bờ ruộng, có lúc trò chuyện cùng người làm, có lúc ngồi đọc sách. Ông rất thông thạo nghề nông, mỗi buổi sáng phải đi thăm ruộng một lần, thường nói rằng: *"Ta ngủ trong nhà, nhưng ờ ngoài đồng ai làm việc gì, ta đều biết cả"*. Lúc người làm quay trở về nhà, ỏng thường hỏi: *"Làm tới đâu rồi?"* Nếu lơ là, trả lời không đúng, ông cười và bảo: *"Đừng có nói dối!"* Cả đời ông chú trọng việc dậy sớm, ông nói đã từng đọc lời cách ngôn trị gia của ba người đều chủ trương dậy sớm, Chu Bá Lư nói: *"Lề minh tức khởi" (bình minh phải dậy)*; Đường Dực Tu nói: *"Ngủ sớm thức sớm, siêng năng việc*

nhà"; Hàn Ngụy Công nói: *"Trị gia phải dậy sớm, mọi việc tự nhiên tốt đẹp; vui chơi thâu đêm, e rằng hỏng việc."* Do đó, tuy Tôn Ngô không dậy sớm như cha, nhưng ông luôn thức khi gà gáy, ngày nào cũng vậy, cho dù tuyết rơi giá rét vẫn thế. Lúc ấy chưa có diêm, mỗi sáng thức dậy đều đánh đá châm lửa, rồi quạt than nóng lồng ấp, hâm rượu uống một mình, sau đó miệng ngậm tẩu thuốc, ngồi cho đến sáng. Khi đó, ông mới phân việc cho từng người, rõ ràng đâu ra đấy. Cho nên, ông quản lý việc nhà hợp lý rõ ràng, người làm làm việc cũng không lãng phí thời gian. Ông sợ người làm dậy muộn, trễ nải công việc, nên mỗi sáng nếu gọi ko dậy thì cảm thấy bất tiện, thế là ông làm cửa chính cho thật khít, khi vừa nhìn thấy ánh nắng bên cửa sổ, lập tức mở toang cửa, tiếng mở cửa vang động nên người làm tự nhiên sẽ thức.

Vì ông thích dậy sớm, thích suy nghĩ nên khi giao tiếp với mọi người, ông chừa hề sai sót. Ông thường nói: *"Phàm là giao tiếp với mọi người, cần phải nghĩ xem họ sẽ hỏi ta những gì, ta sẽ đáp lời ra sao, nghĩ hết mọi cách, khi sắp xếp gặp nhau, cho dù họ hỏi gì, ta cũng đều có thể ứng phó được."* Sau khi ông ta khỏi bệnh, hàng xóm có một trạch viện muốn bán cho ông, ông cũng rất muốn mua, nhưng giá tiền quá cao, bèn cố ý nói với người bán rằng: *"Giá cao quá, tôi không mua nổi."* Tìm cách kèo nài nhau, không dứt điểm được. Người hàng xóm oán ông giá cả hợp lý mà không chịu mua, đánh tiêng kiện lên quan phủ, ông cũng mặc kệ; thậm chí chặn lối đi của nhà ông lại, ông bèn đi vòng theo đường phía sau nhà, cũng không thương lượng gì hết. Kết quả, trạch viện đó bán cho ông. Lúc ấy lai nảy sinh rất nhiều tranh chấp nhưng ông vẫn giành được thắng lợi cuối cùng. Tôn Ngô nói với tôi rằng, người em thứ 7 của ông (tên là Thế Bản) được sinh ra vào lúc cha ông có xảy ra tranh chấp với hàng xóm. Quả nhiên Thế Bản là người xử thế rất khôn ngoan mưu trí, sau này khi cha mẹ anh chị mất, tang sự đều do một mình Thế Bản lo liệu đâu vào đấy. Thế Bản còn nói với mọi người rằng: *"Khi nhàn rỗi, tôi ngồi là ngủ gật; khi có việc thì tinh thần tôi vô cùng minh mẫn. Mấy năm nay, may mà trong nhà có vài người chết, xem như là có việc để làm; nếu không, những ngày này quả thật là nhàm chán!"* Do đó Tôn Ngô lại căn cứ vào đó mà chứng minh tính di truyền và thuyết thai giáo của mình, ông hy vọng khoa học sẽ nghiên cứu kỹ vấn đề này. Khi cha ông chết, hưởng thọ 69 tuổi, lúc đó gia đình đã trở nên sung túc.

Người Quảng Đông rất coi trọng việc thờ cúng tổ tiên, quý mến đồng hương, tinh thần đoàn kết rất mạnh. Nhà họ Lý từ khi vào đất Thục rất coi trọng phần mộ tổ tiên và sự an toàn của dòng họ. Cho nên thỉnh thoảng họ hay cử người về Quảng Đông để tảo mộ và thăm hỏi họ hàng. Ở Tứ Xuyên còn có xây nhà thờ họ, việc xây nhà thờ họ nghe nói người tỉnh khác đến Tứ Xuyên thường bị người dân bản địa ức hiếp, thế là họ hẹn nhau: Những người nhà họ Lý ở Quảng Đông sẽ thành lập một hội, lấy tên là *"Bổng bổng hội"*, nếu có người đến ức hiếp thì nhất tề dứng lên liều mạng với chúng. Sau này có người nói *"Bổng bổng hội"* là vi phạm pháp luật, nên chuyển sang xây

nhà tổ. Người Quảng Đông đến Tứ Xuyên, trai gái dựng vợ gả chồng đều chọn người Quảng Đông; đôi khi cũng có phá lệ lấy vợ người Tứ Xuyên, nhập môn cũng phải học nói tiếng Quảng Đông. Gia đình và thân thích họ hàng đến, càng phải nói tiếng Quảng Đông, nếu không sẽ nói là bán rẻ tổ tong. Nhà họ Lý từ Nhuận Đường đến đời của Lý Tôn Ngô đã truyền được 8 đời, anh chị em có 9 người đều kết hôn với người Quảng Đông. Tính dân tộc mạnh mẽ như vậy, thì việc sinh ra một người có tư tưởng quái dị - Lý Tôn Ngô – cũng không có gì lạ lạ.

Phần Năm

TÁC GIẢ TỰ TRUYỆN
VU LÃO TÙY BÚT

Ngày 3 tháng 3 năm ngoái (năm 28 Dân Quốc), tôi tròn 60 tuổi, trên tờ Tân Tân ở Thành Đô có đăng một bài rằng: *"Thông báo kêu gọi gửi bài Hậu Hắc giáo chủ 60 tuổi",* bên dưới ký tên là *"Lý Tôn Ngô"*, độc giả đều cười lớn. Ngày 3 tháng 3 năm nay (năm 29 Dân Quốc), tại Tự Lưu Tỉnh nhận được bức thư ám tả của Trương Quân gửi từ Trùng Khánh, bảo tôi hãy viết một bài tự truyện, đã làm tôi có hứng thú, liền để bút viết, nhưng nếu nói là tự truyện thì thật không dám.

Ngày 9 tháng 8 năm 27, trên tờ báo tối Tân Thục ở Trùng Khánh có nói: *"Vài tháng gần đây, báo có đăng tác phẩm 'Khổng cáo đại chiến' và 'Ghi chép về việc Khổng Tử mở trường học' của Lý Tôn Ngô tiên sinh, quả thực đã làm chấn động xã hội, do đó, 'Lý Tôn Ngô tiên sinh rốt cuộc là ai?' vẫn là vấn đề mà đông đảo bạn đọc ồ ạt gửi thư đến hỏi....."* Bạn bè đọc xong, hỏi tôi rằng: *"Nếu độc giả đã ồ ạt gửi thư đến hỏi như vậy, anh cũng có thể bắt chước cách làm của các học giả viết một bài tự truyện."* Tôi nói: *"Điều này, sao tôi dám chứ? Nếu là học giả, mới có thể viết tự truyện, tôi là tu nghiệp sinh của trường Bát cổ, cũng công nhiên mà viết tự truyện, ngộ nhỡ bị các học giả Trung Quốc tẩy chay thì chẳng phải tự chuốc lấy phiền phức sao?"*

Tôi là người không viết tự truyện, đương nhiên không dám trèo cao, nhưng cũng không hề nhân nhượng. Xét trên toàn giới học thuật thì tôi là tu nghiệp sinh của trường Bát cổ, chẳng dám chen chân vào khu rừng của học giả; nếu xét trong giới Hậu Hắc thì tôi là Hậu Hắc giáo chủ, Hậu Hắc thánh nhân, vị trí này tương đương với Khổng Tử của Nho giáo và Lão Tử của Đạo giáo. Khổng Tử của các người không có viết tự truyện, Lão Đam cũng vậy. Nếu quá tự ti mà viết tự truyện, bỏ không làm giáo chủ, hạ thấp xuống cùng hàng với học giả, há chẳng phải Khổng Lão sẽ cười thầm sao? Chủ trương này của tôi đã từng thanh minh trên tờ báo Thành Du.

Trương Quân và tôi vốn không quen biết nhau, thư đến nói rằng: *"Đọc sách này xong, rất muốn kết bạn với tiên sinh, ông có thể dành thời gian để viết bài tự truyện một cách tỉ mỉ nhằm làm mẫu cho hậu học hay không?"* Thịnh ý sâu sắc, tôi không dám trái, tuy nhiên nếu vì để *"làm mẫu cho hậu học*" thì tôi không dám viết. Tổ phụ của tôi thì trồng rau để bán, cha của tôi thì gánh cỏ bán, thuở nhỏ tôi đã từng làm những việc như dắt bò cho uống nước,... Nếu viết theo sự thật, những người chăn bò ở quê, sẽ nhất tề làm theo, như vậy há chẳng phải khắp nơi đều là giáo chủ sao? Chức vị

giáo chủ này của tôi có còn giá trị nữa không? Hơn nữa tôi xuất thân từ Bát cổ, nếu *"hậu học"* biết được, sẽ bỏ không nghiên cứu Bát cổ phương Tây mà chuyển sang nghiên cứu Bát cổ Trung Quốc, há chẳng phải là chuyện cười sao? Vì vậy cho nên, tôi nhấc bút lên nhưng không dám viết ra.

Tôi trở thành giáo chủ, ít chịu ảnh hưởng của thầy cô bạn bè, mà chủ yếu là chịu ảnh hưởng của cha tôi. Độc giả cho rằng, cha tôi là người học rộng? Hoàn toàn ngược lại. Cha tôi đọc sách rất ít, kể từ khi tôi có chút kiến thức, đến khi được 25 tuổi thì cha tôi mất, tôi thường thấy lúc ông ấy rảnh rỗi là đọc sách, khi được 69 tuổi, lúc bệnh sắp chết mà vẫn còn đọc sách, nhưng sách mà cha tôi đọc, cả đời chỉ có ba quyển mà thôi, đôi lúc xem lướt qua một quyển, còn những quyển khác thì hoàn toàn không xem, tôi có sách mới đem tặng cho ông, nhưng ông cũng không hề xem. Tôi chưa hề thấy ông viết chữ, rất có thể là ông không biết viết. Nhưng tư tưởng kỳ quái của tôi lại bắt nguồn từ cha tôi, cách tôi đọc sách của bắt chước theo ông ấy. Ngày nay tôi đã trở thành Hậu Hắc giáo chủ, hồi tưởng lại cảm thấy thời gian này rất đáng để nghiên cứu, nói thì dài dòng, hay là không nói, hay là khi nào thuận tiện sẽ nói tiếp.

Tổ phụ, anh em tôi đều làm nghề nông, tôi thì lúc nào cùng cầm quyển sách trong tay, cha tôi gọi tôi là vu phu tử, còn ở trường bạn bè thường gọi tôi là lão hiếu nhân. Một ngày nọ, khi cha tôi đang đi trên phố, nghe có người nói đến biệt hiệu của tôi, về nhà báo với mẹ tôi, rồi vỗ tay cười lớn. Ngày đó, tôi vô cùng căm ghét hai cái tên này, đến hôm nay tôi mới biết rằng, chúng là cách xưng hô tốt nhất, tiếc là người bình thường không gọi như vậy, bèn tự làm câu đối như sau:

Hoàng khảo tích gia gọi vu phu tử;
Bạn tốt kính tặng là lão hiếu nhân.

Khi viết thư cho bạn bè, tự xưng là *"Vu lão",* khi sống là hiệu, khi chết là thụy hiệu, do dó lần này viết bài lấy tiêu đề là "*Vu lão tùy bút"*.

Năm trước, Thục Chi (cháu của Hoa Tương Như) và Bắc Tinh (con của Trịnh Vân Phế) đến Thành Đô nói rằng: Cha chú từng nói *"trước đây, ở trường tư thục, chúng tôi thường gọi Lý Tôn Ngô là lão hiếu nhân",* thế là tôi mời một bàn khách, nhờ hai vị ấy thanh minh với mọi người, nghe tôi nói và có thư làm bằng chứng. Năm nay tôi ở Tự Lưu Tỉnh, Hoa Thục mời rượu xuân, chú của Tương Như đang ngồi, tôi nhờ Tương Như chứng minh. Sau đó, Trịnh Bắc Tinh lại mời, Vân Phế cũng ngồi đó, tôi lại nhờ Vân Phế chứng minh. Khi tôi đang ngồi nói trên trời dưới đất, Vân Phế ngạc nhiên nói: *"Trước đây ông trầm lặng ít nói, sao bây giờ nói nhiều như thế?"* Khổng Tử nói: *"Ta không phải sinh ra là có được hiểu biết, chẳng qua là yêu thích văn hóa cổ đại, nỗ lực cố gắng nghiên cứu tìm tòi nó thôi."* Hậu Hắc giáo chủ này của tôi không phải sinh ra là biết, mà cần phải cố chút trình độ, có chí nghiên cứu đạo này và nỗ lực cố gắng.

Người có biệt hiệu hay nhất, đầu tiên chính là thánh nhân, thứ hai là lão hiếu

nhân, thứ ba là vu phu tử, thứ tư là kẻ điên. Liêu Tự Sơ được mọi người gọi là đại thánh nhân, Dương Trạch Phổ được mọi người gọi là lão hiếu nhân, tôi thì bốn tên đó đều có, nhưng trên thánh nhân còn thêm vào hai chữ *"Hậu Hắc"*. Có người gọi tôi là Lý Hậu Hắc, cực kỳ thẳng thắn. Tôi tự cảm thấy ba chữ "*Lý Hậu Hắc*" còn vinh dự hơn nhiều so với những tên như Vương Văn Thành, Tăng Văn Chính, Bành Cương Trực.. .

Có người hỏi tôi: Ông là Hậu Hắc tiên sinh, sao dám ngầm mơ tưởng đến tên vu phu tử và lão hiếu nhân chứ? Tôi đáp: Tôi phát minh ra bí quyết Hậu Hắc, nào dám tự tư, công khai diễn thuyết, nên là vu, là lão hiếu vậy.

Lão Tử nói: *"Lễ, trung tín không đủ, ắt bắt đầu loạn."* Ông chủ trương tuyệt thánh khí trí, tuyệt nhân khí nghĩa, là mũi nhọn tiên phong trong việc hủy hoại lễ giáo, hơn nữa Lão Tử còn vấn lễ, thật là chuyện lạ! Chúng ta đọc thiên *"Tăng Tử vấn"* trong Lễ Ký, theo như Lão Tử trình bày, thì Lão Tử là một người quy củ giữ lề, càng là chuyện lạ! Đó được xem như là công án quan trọng trong lịch sử Thuật học nước tôi. Một trăm năm sau, có người biên soạn Hậu Hắc học án, tìm ra Hậu Hắc giáo chủ, là vu phu tử, là lão hiếu nhân, e rằng lại trở thành công án quan trọng.

Gia Cát Lượng Khổng Minh án cư ở Nam Dương, mọi người gọi ông là thần long, sau này xuất sư phạt Ngụy, Tư Mã Ý sợ như sợ hổ, cả đời tranh giành quyết liệt, tôi thật sự không biết bản lĩnh của ông ta như thế nào, sau này xem sách sử cổ ghi chép rằng Hoàn Ôn phạt Thục, tiểu sử Gia Cát Vô Hầu càng tuyệt vời. Năm 170, Hoàn Ôn hỏi rằng: Gia Cát Công có từng sống chung với người nào không? Lại đáp rằng: Chưa từng sống với ai. Ôn liền cảm thấy tự cao. Rất lâu sau lại nói: Nhưng từ sau Gia Cát Công, thì không thấy có ai như ông ấy. Ôn cảm thấy hổ thẹn. Khổng Minh xuất sư biểu nói rằng: Tiên đế biết thần cẩn thận, nên khi sắp băng hà đã giao việc lớn cho thần. Do đó có thể biết được: Chỗ đứng của long tranh hổ đấu chẳng qua là "*thích hợp",* là "*cẩn thận*" mà thôi. Giáo chủ Hậu Hắc cũng chưa từng sống chung với ai, chẳng qua là "*vu",* là "*hiếu nhân"* mà thôi.

Tôi xuất thân từ trường Bát cổ, biết cách *"giải đề cắt nghĩa", "đề khô khan". "Khổng Tử đại cáo"* và "*Khổng Tử biện học ký"* mà tôi viết là dùng bút pháp giải đề cắt nghĩa, các vị có lẽ đã xem qua. Tôi sinh ngày 13 tháng giêng năm Kỷ Mão đời Quang Tự, năm ngoái tròn 60 tuổi, tự tôi đã viết bài "*kêu gọi gửi bài",* lập luận dựa trên ngày 13 tháng giêng, ngày 12 tháng giêng không dùng được, ngày 14 không dùng được, sinh ở các tháng khác thì càng không thể dùng, mà nhất định phải là ngày 13 tháng giêng năm Kỷ Mão đời Quang Tự mới có thể dùng được, hơn nữa ngày này nhất định Hậu Hắc giáo chủ phải xuất hiện, đây chính là bút pháp đề khô khan vậy. Các vị nếu muốn tôi viết tự truyện, tôi sẽ suy nghĩ thật kỹ, chỉ cần các vị thay tôi viết một bài "*kêu gọi viết bài"* như thế, tôi sẽ tuân mệnh mà viết bài tự truyện một cách rõ ràng cẩn thận. Nếu không như vậy, tôi chỉ viết ra một bài văn mà thôi, tự truyện không thể

viết được.

Bỉ nhân nhận được sự giáo dục nghiêm khắc của Bát cổ, mỗi khi đọc sách của người xưa, thấy có rất nhiều thiếu sót. Văn chương của Khổng Tử đều lấy Bát cổ y pháp để uốn nắn, nhưng đều hơi thiếu thông suốt. Ví dụ như, Khổng Tử nói: *"Quân tử có ba điều cấm, khi còn trẻ, khi huyết chưa ổn định, nên cấm sắc. ....Đến khi già rồi, huyết khí đã suy thoái, nên cấm lòng tham vô đáy."* Con người khi đã già thì khí huyết bị suy thoái, không thể tổn hại, nên nói: *"Khi già rồi, nên cấm sắc."* Thanh niên ngày nay tiêu phí còn hơn quan lại ngày xưa, tham quan ô lại ngày xưa thật không dám nói, nên nói: *"Khi còn trẻ, nên cấm lòng tham vô đáy."* Sửa chữa như vậy, văn chương sẽ thông.

Mạnh Tử vốn là đỉnh cao trong giới Bát cổ, nếu có phục sinh, tham gia thi cử, bảo đảm cả đời không đạt thứ hạng, vì sao như vậy? Vì văn chương không thông. Văn chương mà ông làm: *"Nếu bầy tôi của đại vương, có người nhờ cậy bạn mình chăm sóc vợ con mà đi sang nước Sở. Đến khi quay về, vợ con mình lại chịu đói chịu rét"* Người bạn đó, nếu không phải là Vu phu tử, thì nhất định là lão hiếu nhân. Nếu như ngày nay, thì người đi xa trở về sẽ thấy người vợ ấy nhất định sẽ cùng người bạn đi đến nhà hàng, đi xem kịch, ăn ngon mặc đẹp, tuyệt đối không bị đói lạnh, nếu có thể để cho người vợ ấy đói lạnh, thì được xem là người bạn tốt *"vẫn còn đạo xưa*", nên nói: văn chương của Mạnh Tử thiếu thông suốt.

Việc thế gian quả thật là muôn màu muôn vẻ, bỉ nhân phát minh Hậu Hắc Học, lại có người tranh giành với tôi quyền phát minh. Năm ngoái, có người bạn nói với tôi: một lần nọ, trong buổi hội nghị có bàn đến việc Lý Tôn Ngô phát minh Hậu Hắc Học, chợt có người nói rằng: Khi còn nhỏ, tôi đã nghe nói đến ba chữ Hậu Hắc Học, đâu phải Lý Tôn Ngô phát minh. Người khác hỏi: Anh năm nay bao nhiêu tuổi rồi? Đáp rằng: 30 tuổi. Người đó nói: Hậu Hắc Học của Lý Tôn Ngô đã xuất hiện trên báo Thành Đô năm đầu thời Dân Quốc, đến nay đã là năm 27 Dân Quốc, lúc đó anh đương nhiên là một đứa trẻ rồi.

Trước kia tại Trùng Khánh có gặp gỡ kí giả tin tức Du Mỗ, nói rằng: Tôi đọc tác phẩm của ông, cho rằng ông rất trẻ, nào ngờ ông lại là một ông lão. Tôi nói: Quái lạ! Hậu Hắc Học chỉ có bọn thanh niên các anh mới nói được, còn những ông lão như tôi thì không thể nói được à. Tôi ở công quán của Hầu Khắc Minh tại Thành Đô, Hầu quân giới thiệu một người họ Bành, là người Giang Tô, nói rằng: trước kia ở Nam Kinh có đọc tờ "*Luận Ngữ"* do Thượng Hải phát hành, có đăng "*Hậu Hắc Học"* tôi và bạn bè trộm nghĩ tác giả không ngoài 30 tuổi. Tôi nghe xong rất đỗi bất bình, lão già tôi ngay cả quyền giảng về Hậu Hắc Học cũng bị mọi người tước đoạt, sao được chứ! sao được chứ!

Chu Tần chư tử, như Lão Tử, Khổng Tử, Trang Tử, Mạnh Tử... các học giả nước ngoài như Smith, Marx, Darwin, Kropotkin.... Đạo lý của họ nói hoặc đúng hoặc sai,

tạm thời không bàn, nhưng nếu anh có chất vấn gì, họ đều giải đáp, lời giải đáp đó trước sau nhất quán, bản thân không hề xung đột mâu thuẫn, đó gọi là cùng chung tiếng nói vậy. Hậu Hắc giáo chủ cũng có bản lĩnh đó, lên giảng đường tôi có thể viết trên bảng, bất kỳ học sinh nào nêu câu hỏi trong Tứ thư Ngũ kinh, Chư tử Bách gia, Nhị thập Ngũ sử, tôi đều có thể trả lời cả. Nếu không trả lời được, tôi lập tức tuyên bố không làm Hắc giáo chủ nữa. Đồng thời nói: Anh là thầy của Hậu Hắc giáo chủ, gọi tôi là học trò, đến bái anh làm thầy.

Sách của Khổng Môn như Luận Ngữ, Hiếu Kinh, Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân Thu vô cùng muôn màu muôn vẻ, nếu đọc kỹ thì là nhất quán. Tác phẩm của bỉ nhân, nhìn thì thấy muôn màu muôn vẻ, nhưng nếu đọc kỹ, thì cùng vô cùng nhất quán. Phái Đạo gia xuất phát từ sử quan, phái Nho gia xuất phát từ quan tư đồ, Hậu Hắc Học xuất phát từ Bát cổ.

Một người nọ cùng tôi biện luận rất lâu, đuối lý bèn nói rằng: *"Tôi gặp anh, kiên quyết làm anh hết cách"* Tôi nói: *"Anh đương nhiên có thể làm tôi hết cách, trước kia Nhan Uyên gặp Khổng Tử, thở ngắn than dài rằng: 'Đạo lý của Khổng phu tử, càng nhìn càng cao vời vợi, càng đào sâu nghiên cứu càng thấy thâm hậu; nhìn thấy dường như ở trước mặt, đột nhiên lại giống như ở phía sau.' Cũng chính là làm cho Khổng Tử hết cách. Sự thông minh tài trí của anh, chẳng qua như Nhan Uyên mà thôi, đương nhiên sẽ làm tôi hết cách."* Người đó nghe xong cười to, tôi nói: *"Hậu Hắc Kinh nói rằng: 'Thượng sĩ nghe nói Đạo, nỗ lực phấn đấu thực hiện; trung sĩ nghe nói Đạo, lúc nhớ lúc quên, nửa tin nửa ngờ; hạ sĩ nghe nói Đạo thì phỉ báng chửi mắng.' Anh không chửi mắng mà là cười lớn, tôi đưa anh lên làm chức hạ sĩ."*

Mọi người đều nói: Nếu muốn phục hưng Trung Quốc, nhất định phải bảo tồn quốc túy, điều đó quả thật rất hay, cái mà tôi không hiểu chính là Bát cổ là quốc túy của Trung Quốc, tại sao vứt bỏ nó đi mà không tiến hành nghiên cứu, mà lại suốt ngày nghiên cứu Bát cổ phương Tây? Như vậy nếu muốn phục hưng Trung Quốc, há chẳng phải là hành động ngược với mục đích sao? Mọi người lại nói: Thời cục hiện nay không có những hạng người như Quốc Phiên, Hồ Lâm Dực nhưng họ đều xuất thân từ tú tài Bát cổ, còn người dân hiện nay không biết Bát cổ là gì? Tăng, Hồ xuất hiện từ đâu? Cho nên bỉ nhân ngậm ngùi thương cảm, kiên quyết lấy đề xướng Bát cổ làm trách nhiệm của mình, tiếc rằng những đồng chí Bát cổ ngày xưa hầu hết đã qua đời, con cái đời sau toàn bộ đều không biết Bát cổ nghĩa pháp, bỉ nhân đặc biệt viết hai bài gồm: Khổng Tử đại cáo và Khổng Tử biện học kí, tờ báo đêm Tân Thục của Trùng Khánh nói rằng: "*Thật sự đã làm chấn động xã hội",* đây đều là biểu hiện của người yêu mến quốc túy. Hậu Hắc Học là kết tinh của Bát cổ, do đó tôi đặc biệt luận bàn Hậu Hắc Học với các vị, nói về Bát cổ.

Cuối đời Mãn Thanh, Bát cổ phương Tây truyền vào Trung Quốc, từ đời Thanh đến đời Minh, ra lệnh bãi bỏ thư viện và học đường, tôi rất vui mừng, đem những tập

vân kinh sử cất giữ trong nhà và những bài viết của mình cho vào rổ, đào một hố to trên núi, cho sách vào đốt, có một số tôi có bình phẩm qua, một số tự tay tôi sao chép, khổ tâm nghiền ngẫm, có một số tôi dốc hết tâm huyết làm ra, khi sắp đốt, khó tránh khỏi lưu luyến ngậm ngùi, ngồi bên miệng hố, vừa lật sách đọc, vừa cho vào lửa để đốt, liên tục đốt mấy lần, ngày nay quả thật hối cũng không kịp nữa. Cho nên, tuy tôi kiên quyết lấy việc đề xướng Bát cổ làm trách nhiệm của mình, nhưng thật sự nền tảng rất hạn hẹp, chỉ đành tự xưng là tu nghiệp sinh của trường Bát cổ, không dám nói là đã tốt nghiệp.

Thuở nhỏ, thầy chọn toàn chương Bát cổ "*Hậu sinh khả úy*" trong "*Giang Hán bính linh tập*" đọc tôi nghe, đến nay tôi vẫn nhớ mang máng vài câu *"...Tôi không giao du với ai ngoài tiều phu mục đồng, trong làng khoe khoang học vấn nếu không có cấp bậc mà không đề xuất chủ trương, hậu nhân đọc sử, vẫn không rảnh mà nhớ tên của tể tướng, cho nên một quyển sách có thể lưu truyền, chết yểu cùng thần minh, trăm năm cũng vô ích, lưu lại bộ xương khô..."* Những lời nói này rất đúng, trong bộ Nhị thập Tứ sử, quả thật có quá nhiều tể tướng, thử hỏi độc giả có thể ghi nhớ được mấy tên? Khi đó tôi đọc mấy câu này cứ rầu rầu rơi lệ, mình cũng không biết cái nào đúng, nên tức giận mà viết quyển "*Hậu Hắc Học*", ở góc trời Tứ Xuyên mà khoe khoang học vấn. Ở trường Bát cổ, Trương Ngọc Thư có nói: *"Không ở triều đình sẽ không biết quý trọng chức quan, không ở bản làng sẽ không quan trọng danh tiếng."* Vì vậy, rất nhiều người mắng chửi Lý Tôn Ngô là kẻ xấu, tôi cũng không quan tâm.

Bỉ nhân viết bài chỉ dùng Bát cổ nghĩa pháp, thuở nhỏ thầy dạy tôi làm Bát cổ, có hai câu bí quyết: *"Đề rộng đi đường hẹp, đề hẹp đi đường rộng.*" Ví dụ như, kêu gọi gửi bài về Hậu Hắc giáo chủ 60 tuổi, đề tài này có thể tùy ý phát huy, nên gọi là "đề rộng", nhưng nếu tôi bỏ đi lời nói của mọi người mà chỉ viết từ ngày 13 tháng giêng năm Kỷ Mão, đó gọi là *"đề rộng mà đi đường hẹp*" vậy. Ngày 13 tháng giêng năm Kỷ Mão, là tiểu đề khô khan, mà văn thì phải viết trên dưới xưa nay, đó gọi là "*đề hẹp thì đi đường rộng*" vậy. Các đồng chí Bát cổ ngày nay, vẫn không ít người, hãy đọc bài văn này để xem có phù hợp với Bát cổ nghĩa pháp hay không? Nếu phục hưng chế độ khoa cử, thì còn có thể lấy được danh hiệu tú tài hay không? Xin được trích nguyên văn như sau:

Bỉ nhân năm nay tròn 60 tuổi (năm 28), mặc dầu đã đến lúc thọ chung chính tẩm (già chết tại nhà), hoặc bị máy bay Nhật ném bom chết thì trong tế văn cũng phải ghi hưởng thọ trên 60 tuổi. Ngày tôi sinh ra không một ai biết đến, sau này tôi sẽ thông cáo thiên hạ, người nghe sẽ chúc phúc cho tôi. Tôi nói: Không cần phải như vậy. Họ lại nói: Việc chúc tụng 60 tuổi của giáo chủ Hậu Hắc, chuyện khắp thiên hạ đều chúc mừng, chúng ta nên phát động trưng cầu thơ văn, ca tụng công đức. Tôi nói: Chớ hao tâm tổn sức nữa, rất nhiều quan lại đều tự dựng bia công đức cho mình, ô dù của

muôn dân cũng tự mình tặng, thậm chí tự tu sửa nhà thờ. Việc trưng cầu thơ văn thì không cần phiền đến chư vị bạn bè thân hữu, tôi tự mình làm lấy là được rồi.

Viết bài trưng cầu thơ văn, cần phải viết về công lao sự nghiệp văn chương của người ấy, quan trọng nhất là phải viết ra đặc điểm của họ, những thứ khác có thể bỏ qua. Bỉ nhân là kẻ thường dân nổi lên làm Hậu Hắc thánh nhân, sáng lập ra một giáo phái khác với Nho giáo, Phật giáo và Lão Giáo, đây có thể xem là đặc điểm chính riêng biệt nhất; nhưng những việc này mọi người đều biết cả, những học thuyết này nhà nhà đều đã học, hơn nữa còn có nhiều người dốc sức thực hiện, đặc điểm này cũng không cần khen ngợi nữa. Điều đáng nói bây giờ chẳng qua là biểu thị rõ trọng trách lớn lao của bỉ nhân để sau này tự động viên mình mà thôi.

Bỉ nhân sinh ngày 13 tháng giêng năm Kỷ Mão (tức năm Quang Tự thứ 5) ngày hôm sau là bắt đầu lập xuân, thầy tướng số nói rằng: Người sinh năm Kỷ Mão, đoán mệnh năm Mậu Dần. Cho nên ai sinh vào năm Kỷ Mão là đồng tuế với tôi; ai sinh năm Mậu Dần cũng là đồng tuế với tôi. Năm Kỷ Mão (đời Quang Tự) là năm 1879 dương lịch, Einstein sinh vào ngày 14 tháng 3, nhỏ hơn tôi một chút, xem như là em đồng tuế của tôi. Tương đối luận của ông ta chấn động địa cầu, còn Hậu Hắc Học của tôi, chỉ rộng khắp Tứ Xuyên, tôi không khỏi xấu hổ với người em đồng tuế này. Sau này chỉ có cố gắng tuyên truyền cho học thuyết mà tôi phát minh mới không uổng phí cuộc đời.

Ngày 13 tháng giêng, trên lịch ghi rõ rằng: *"Ngày Dương Công kỵ, mọi việc không thành."* Khổng Tử sinh ngày 27 tháng 8, cũng là ngày Dương Công kỵ, cho nên vận may của đời tôi giống với Khổng Tử, quan vận không hanh thông, chỉ được coi là giáo chủ. Trời sinh ra tôi, đãi ngộ giống như Khổng Tử, tôi sao dám tự coi nhẹ mình!

Cách tính ngày Dương Công kỵ là lấy ngày 13 tháng giêng làm khởi điểm, sau đó mỗi tháng lùi về hai ngày, đến ngày 11 tháng 2, mồng 9 tháng 3. Cho đến tháng 8, đột nhiên xuất hiện thay đổi, lấy ngày 27 làm khởi điểm, mỗi tháng lại lùi hai ngày, đến ngày 25 tháng 9, 23 tháng 10.... Đến tháng giêng, lại đột nhiên thay đổi, lấy ngày 30 làm khởi điểm. Các vị thử giở lịch ra xem thử sẽ biết tôi không nói khoác. Phàm là giáo chủ đều sinh ra gặp thời, Khổng Tử sinh ngày 27 tháng 8 nên nhất định tôi phải sinh ra ngày 13 tháng giêng. Đây là điều mà hàng ngàn năm trước Dương Công đã định sẵn rồi.

Khổng Tử sinh ngày 27 tháng 8 âm lịch, các nhà khảo cứu lại nói khác đi, sau đổi thành ngày 27 tháng 8 dương lịch, người bình thường càng không hiểu ra sao. Hàng ngàn năm sau, tín đồ của tôi, uống nước nhớ nguồn, đương nhiên sẽ xây cho tôi Hậu Hắc miếu, hàng năm cúng tế ngày sinh thánh, phải tra cứu đối chiếu âm lịch dương lịch, khó tránh khỏi phiền phức. Thôi thì xem ngày 13 tháng giêng năm nay (năm Dân Quốc thứ 28) là ngày sinh của Hậu Hắc giáo chủ. Sau này mỗi năm đến ngày ấy vào

miếu cúng tế, chẳng phải sẽ tốt hơn sao?

Ở Tứ Xuyên, từ đời Hán, văn hóa có phần sáng sủa hơn so với Tề, Lỗ, Tấn, Đường. Sự hưng thịnh của Thục học có thể cạnh tranh với các tỉnh Giang, Chiết. Cuối đời Minh, giặc Hiến giày xéo đất Thục, tàn sát thê thảm, xưa nay chưa từng có. Các hào kiệt nổi lên luyện tập võ nghệ, khí thế ngất trời. Đời Thanh, danh tướng lớp lớp xuất hiện, được phong công, hầu, bá, tử, nam đủ cả. Trong số các Đề đốc của cả nước vào thời Gia Đạo, thì Tứ Xuyên chiếm 7-8 người. Do đó, võ công của đất Tứ Xuyên cực thịnh, còn văn học lại rất thấp kém. 60 năm trước, Trương Văn Tương xây dựng Tôn Kinh thư viện, mời Vương Nhâm Thu tiên sinh ở Tương Đàm đến Tứ Xuyên dạy học, cùng với các đệ tử nổi tiếng thiên hạ như Liêu Quý Bình ở Tỉnh Nghiên, Tống Vân Tử ở Phú Thuận, và các học giả viết sách khác, nhiều vô sô kể, phác học đại hưng, văn phong khôi phục trở lại. Xem nhật ký của Tương Y Lâu, ngày 12 tháng giêng năm Kỷ Mão là ngày Vương tiên sinh nhận giấy mời của Tôn Kinh thư viện, ngày hôm sau thì tôi chào đời, ngày kế tiếp là ngày lập xuân, vạn vật đổi mới, thế mới biết sự kỳ diệu của tạo hóa.

Đế vương muốn hưng nghiệp ắt phải tiêu trừ người đi trước, giáo chủ muốn hưng đạo thì cũng phải như vậy, giống trật tự của tứ thời. Khổng giáo hưng thịnh đã hơn 3 ngàn năm, cũng nên thoái lui, thượng đế vĩ đại, vẫn mãi lưu luyến về phương Tây, lựa chọn Tứ Xuyên làm nơi Hậu Hắc giáo chủ sinh ra, làm cho thánh nhân Đông Lỗ và thánh nhân Tây Thục đối lập nhau. Không biết dân Tứ Xuyên sùng võ và đã hình thành phong khí, đặc biệt là có Vương Nhâm Thu đến Tứ Xuyên trước, đã bị trừ bỏ, nên Vương tiên sinh vừa nhận được thư mời là bỉ nhân - một nhân vật lớn - chào đời.

Năm Dân Quốc thứ nhất, bắt đầu xây dựng cộng hòa, mở ra một kỷ nguyên mới về mặt chính trị, hiện nay đã là Dân Quốc thứ 28, cũng chính là kỷ nguyên 28 của Hậu Hắc. Vì vậy, sự tiến hoá của Tứ Xuyên có thể chia thành 3 giai đoạn: giai đoạn thứ nhất, Tàm Tùng Ngư Phù, năm khai quốc đã không thể nói rõ được, sau khi Tần thông với Thục, từ Tư Mã Tương Như đời Hán, cho đến Dương Thận đời Minh, người Tứ Xuyên coi văn học là thế mạnh, là công lao của Văn Ông vậy. Giai đoạn thứ hai, đời Thanh, người Tứ Xuyên lấy võ công làm thế mạnh, đó là công lao của Trương Hiến Trung. Giai đoạn thứ ba, từ năm Dân Quốc đến nay, người Tứ Xuyên lấy Hậu Hắc làm thế mạnh, đó là công lao của bỉ nhân vậy.

Sau năm Dân Quốc thứ nhất, các học trò của tôi nỗ lực làm việc, cố gắng làm cho Tứ Xuyên trở thành một nước Hậu Hắc, kẻ sĩ nhìn xa trông rộng của Trung Quốc lớn tiếng hô rằng: *"Tứ Xuyên là căn cứ địa phục hưng dân tộc!"* Anh thử nghĩ xem, nếu muốn phục hưng dân tộc, cần phải đánh bại Nhật Bản, bỏ qua học vấn này thì còn có cách gì khác nữa? Cho nên trong *"Hậu Hắc tùng thoại"* mà tôi viết có hô to khẩu hiệu *"Hậu Hắc cứu quốc*", lấy Việt Vương Câu Tiễn làm nhân vật điển hình. Lúc đầu, khi Câu Tiễn sang Ngô, xưng thần với Ngô, cống vợ làm thiếp, đó gọi là Hậu. Ban

đầu, chiến dịch diệt Ngô, Phù Sai xin được làm thần, cống nạp vợ làm thiếp như vậy, Câu Tiễn không đồng ý, nhất định phải giết chết ông ta để trừ hậu hoạn, đó gọi là Hắc vậy. Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách. Ta há chẳng phải thích nói Hậu Hắc Học sao? Không thể khác được.

Bỉ nhân phát minh Hậu Hắc Học là bí quyết ngàn năm không truyền lại, từ nay về sau, nỗ lực tuyên truyền, đến chết mới thôi. Đối với xã hội, bỉ nhân đã có cống hiến vô cùng to lớn, các nhân sĩ xã hội, cũng nên biểu dương bỉ nhân. Các học trò của tôi, cần làm thơ văn ca ngợi công đức trong ngày sinh của giáo chủ. Theo tôi, được ca tụng và không được ca tụng thì có giá trị ngang nhau. Ngoài các đệ tử ra, thì có Dật Bá Ngọc là cùng chung chí hướng, hoặc Nguyên Nhưỡng đi theo chí hướng khác, hoặc có người chống đối như Sở Cuồng, Thư Nịch, Chinh Sinh Miêu... đều có thể viết đôi lời dù là ca ngợi hay chửi mắng thì bỉ nhân cũng kính cẩn tiếp nhận. Sau này tập hợp thành một quyển sách có tên là "Hậu Hắc giáo chủ vinh lục". Khổng Tử của các người, lúc sống cũng vinh quang, nhưng chết cũng buồn thương. Ngàn vạn năm sau, Hậu Hắc Học rực sáng giữa bầu trời, có thể nói sống cũng vinh mà chết cũng vinh. Trung Hoa Dân Quốc vạn vạn tuế! Hậu Hắc Học vạn vạn tuế! Ngày 18 tháng 3, năm thứ 28 kỷ nguyên Hậu Hắc, Lý Tôn Ngô xin kính cáo. Ngày này tức là một ngày trước khi người em đồng tuế của tôi Einstein tròn 60 tuổi.

Sau khi phát biểu bài này, tôi đã nhận được rất nhiều bài thơ văn, tác phẩm hay rất nhiều, duy chỉ có người bạn Bát cổ là Nghi Tân Lý Tiểu Đình, năm xưa ông ấy ở Tự Lưu Tỉnh. Bính văn học viện, cùng với bạn học của tôi, viết cho tôi bài thất cổ như sau:

"Huyền chi hựu huyền, huyền nãi Hậu
Hàm đức chi hậu, hậu bất trắc
Lão Tử thủ tả, Hậu Hắc Kinh
Thế tục cường danh vi đạo đức..."

Hai câu 3 và 4 thật tuyệt! Các vị có thể đọc trang 53 của "Hậu Hắc tùng thoại" do bỉ nhân viết sẽ biết được sự vi diệu của những lời nói này. Nếu các vị sẵn lòng, có thể viết một vài bài chúc phúc cho bỉ nhân.

Trong "*Hậu Hắc tùng thoại*" tôi từng nói: Ở cao đẳng học đường Tứ Xuyên, học tập 4 năm, là thời kỳ thai nghén của Hậu Hắc, còn nhớ một ngày nọ, tôi cùng trò chuyện với hai người bạn là Trương Liệt Ngũ và Tạ Thụ Thanh, tôi nói: Xưa nay anh hùng chia làm bốn loại: thứ nhất là Hạng Vũ, thành công thì xưng vương xưng đế, còn thất bại thì giao nộp thủ cấp. Hạng Vũ vượt sông Ô Giang, quay đầu trở lại, cũng có vẻ coi khinh, đây là anh hùng vậy. Thứ hai là Lý Thế Dân, ngày quần hùng nổi dậy, phàm những người có giao chiến với ông ấy mà rơi vào tay ông ta thì không hề sống sót một tên nào. Anh trai phản đối thì giết anh trai, em trai phản đối thì giết em trai, người cha bảo vệ hai người ấy thì ép ông ấy nhường ngôi báu lại cho mình, mời người

cha làm Thái Thượng Hoàng, đó là anh hùng vậy. Thứ ba là Cù Nhiêm Công, vốn dự định huyết chiến ở Trung Nguyên vài năm, chiếm đoạt đế nghiệp, nhưng khi nhìn thấy Lý Thế Dân, tự biết không phải là địch thủ, âm thầm vứt bỏ ý định, không chỉ không ngăn cản bước tiến của Lý Thế Dân, ngược lại đem binh pháp của mình truyền thụ cho Lý Tịnh, tích lũy quân khoản, đem cho Lý Tịnh, bảo ông ta phò tá Thế Dân bình định thiên hạ, còn mình thì chạy đến nước Phù Dư, san bằng chông gai, tự mình xưng vương, đây cũng là anh hùng vậy. Thứ tư là Tiền Đậu Dung, tự biết mình khả năng thấp kém, không tranh giành quần hùng với ai, chỉ bảo vệ biên giới yên ổn dân chúng, chỉnh lý nội chính, đến Trung Nguyên có chủ thì nộp đất quy thuận, đây có thể gọi là anh hùng thuộc loại thứ tư.

Trong học đường, tôi phát minh ra nguyên tắc của bốn loại anh hùng, sau cách mạng Tân Hợi xuất hiện rất nhiều vĩ nhân, tôi cùng họ bình luận đẳng cấp: nhiều người có binh tự vệ, sau khi thất bại tan tác, trốn chui trốn nhũi, bảo anh ta học Hạng Vũ, đem giao nộp thủ cấp, anh ta không làm, nên không thể sánh bằng anh hùng. Nếu đánh thắng rồi, nhiệm vụ hàng đầu chính là bảo vệ tài sản và tính mệnh của kẻ địch, hoặc chạy đến nhà của kẻ địch hỏi thăm bá phụ bá mẫu có bị kinh sợ không? Lý Thế Dân quả thật đáng xấu hổ, càng không đáng được làm anh hùng loại hai. Nếu chưa diết sạch quần hùng, và điều khiển năng lực của quần hùng, thì nên học Cù Nhiêm Công chạy đến nước khác mà xưng vương, hay là học Tiền Đậu Dung, bảo vệ bờ cõi yên ổn dân chúng, ông ta mưu toan cướp ngôi Trung Nguyên, gây loạn không dứt, ông chưa xứng với anh hùng loại thứ ba và bốn. Ngay cả Tề Cảnh Công cũng không xứng đáng, những năm cuối đời Dân Quốc, quấy nhiễu khắp nơi, gây loạn không dứt.

Tôi bàn luận về bốn loại anh hùng, Trương Liệt Ngũ đột nhiên hỏi: *"Sau này tôi sẽ làm loại anh hùng nào?"* Tôi nói: "*Làm anh hùng loại một thì tôi không chắc, làm anh hùng loại hai thì không thể, bất đắc dĩ thì làm anh hùng loại ba và bốn vậy"*. Tôi hỏi thêm Liệt Ngũ: *"Anh làm loại anh hùng nào?"* Ông ta chỉ cười mà không đáp. Thụ Thanh ôm gối lắc đầu, trong miệng niệm đạo "*khoa đầu ki cứ trường tùng hạ, lãnh nhãn khán tha thế thượng nhân*" Sự việc hôm đó, dường như ở ngay trước mắt, sau này lời của tôi đã thực hiện rồi. Về mặt chính trị thì tôi là anh hùng loại bốn, về mặt học vấn thì tôi là anh hùng loại ba. Nhưng dù sao sau này, tôi làm hiệu trưởng của trường trung học ở tỉnh và đốc học tỉnh, họ đánh gậy họ, tôi mở trường của tôi. Đôi khi hai bên lại huyết chiến không thôi, học vụ của hai bên đều xem xét lẫn nhau và cùng nhau hoan nghênh, đây chính là đi theo con đường của Cù Nhiêm Công, là anh hùng thuộc loại thứ bốn. Xưa nay trong ngoài, rất nhiều học vấn không được nói đến, chỉ giảng Hậu Hắc Học mà thôi, đây chính là tôi đã san bằng chông gai, lập nên một nước Phù Dư khác, là anh hùng thuộc loại thứ ba. Liệt Ngũ cười không đáp, đại khái là tự xưng là anh hùng loại một vậy. Năm Dân Quốc thứ tư, tại Bắc Bình, trước lúc hành hình, thái độ của Tuấn Nghĩa còn ung dung hơn cả Hạng Vũ ở Cai Hạ,

thật không hổ thẹn là anh hùng hàng đầu (sự tích về hai người, có thể xem trong Hậu Hắc tùng thoại).

Cùng bị xử bắn với Liệt Ngũ có 4 người: ngoài Trâu Ngụy ra, còn có một người mà tên họ quốc tịch đã bị giấu đi, tạm gọi là A vậy. Tôi xin kể lại đầu đuôi ngọn ngành như sau:

Liệt Ngũ ở Thiên Tân, làm nghề đan vớ, trong chính phủ của Viên Thế Khải, sau khi bị bãi chức Đô đốc dân chính trường, nhất định lưng quấn vạn quan, nếu ông ấy còn giữ chức vụ này nhất định sẽ có tác dụng nào đó, nào ngờ Liệt Ngũ là một thư sinh theo lề lối xưa, nên nào đâu biết giữ tiền, nên sau khi bãi chức, hai ống tay áo sạch không (thanh liêm), nhiều học trò và đồng hương tìm ông kiếm chuyện, ông đành phải ở trong xưởng, muốn mở rộng xưởng sản xuất nhưng lại không có tiền, chính phủ Viên Thế Khải sai Lý mỗ thám thính, mượn danh thương nhân để làm quen với A, sau đó làm quen được Hàn Thanh và Liệt Ngũ, muốn hợp tác làm ăn, qua lại một thời gian khá lâu, một ngày nọ hẹn nhau tại một quán ăn ở ngoài Tô Giới để ký khê ước hợp tác, khi sắp lên xe, Lý mỗ đưa cho Liệt Ngũ một cuộn giấy nói rằng: "Đây là kế hoạch tôi nghĩ ra, tạm thời anh hãy giữ lấy, tôi đi mua một ít thuốc lá." Liệt Ngũ cũng không hề mở ra xem, tiện tay đưa cho Hàn Thanh, Hàn Thanh nhét vào trong túi, Lý mỗ rất lâu không thấy trở về, xe chạy rồi, vừa đến trạm thì binh lính đã vây bủa khắp nơi, cả hai đều bị bắt, tìm được cuộn giấy, mới biết đó là kế hoạch của Huyết Quang đoàn, đưa lên Bắc Bình thẩm vấn, xét hỏi lâu mà không có được khẩu cung, trinh thám nói với A rằng: *"Toàn án trung nhân đã hết cách cứu rồi, ngài có thể nói như thế như thế, không chỉ bảo toàn tính mạng, mà còn có thể làm quan."* A lật lại vu cáo hãm hại, án đã quyết định rồi.

Hoàng Túc Phương từng nói với tôi rằng: Ông ấy cũng từng bị giam cầm ở sở chấp pháp của quân chính, nhìn thấy A đưa vật gì vào và hậu đãi, tức là biết rằng sự tình có thay đổi. Khi phúc thẩm, Hãn Thanh bị A phản cung, nên làm loạn trên công đường, Liệt Ngũ nhìn thấy người bạn làm như vậy cũng im thin thít, nên Liệt Ngũ trước sau không có khẩu cung. Khi sắp xử tội, giám ngoại hô to tên họ của phạm nhân, khi gọi đến Hãn Thanh, Hãn Thanh đang ở phòng phía sau Túc Phương hô lên *"có"*, nhảy ra chạy đi, thở hổn hển, làm náo loạn cả. Liệt Ngũ ở trên công đường, chắp tay đứng bên hầu hạ, mỉm cười không nói, A cũng bị tuyên án tử hình, A mắng chửi rằng: *"Ban đầu đã đồng ý cho ta làm quan, bây giờ lại muốn giết ta sao?"* Liệt Ngũ nói: *"A kia, im ngay đi, chuyện hôm nay, anh vẫn còn đang nằm mộng!"* Tấm lòng của Liệt Ngũ thật bao la rộng lớn. Rơi vào tay kẻ khác, không hề phỉ báng A hay chế nhạo vài câu. Khi sắp ra pháp trường, xe của Hãn Thanh đi phía sau Liệt Ngũ, Liệt Ngũ vẫn hài hước quay đầu lại nói rằng: *"Hãn Thanh này! Sự việc hôm nay, có hơi phí sức!"* Tình hình cụ thể thì hãy xem *"Hậu Hắc tùng thoại*", đây không kể dài dòng.

Liệt Ngũ quả thật xem cái chết như là một vở kịch, mọi người đến thời điểm sống chết mới có thể nhìn thấy được bản lĩnh thật sự, trong bộ Nhị thập Tứ sử, kẻ chết đi một cách khẳng khái, sao có thể đếm xuể. Kẻ Sinh Cầm, Hạ Hầu Sắc có thể lưu truyền thiên cổ chính là vì thái độ ung dung mà thôi. Trương Phi nổi giận chém Nghiêm Nhan, thần sắc không biến đổi nói rằng: *"Chặt đầu thì chặt đầu, tức giận gì chứ!"* Uy dũng như Phi, có thể xưng là thần dũng vậy. Liệt Ngũ so với Nhan, có cái hơn có cái kém. Ông ấy bình sinh có tu dưỡng nên khi chết mới có được thái độ ung dung như vậy, tuy nhiên Liệt Ngũ xuất thân từ tú tài Bát cổ, chẳng phải là chuyện lạ sao! Khi sắp chết, thần sắc bình tĩnh thần dũng chính là xuất phát từ học thuyết của phái Trang Sinh, càng là chuyện lạ! Tôi mong các vị độc giả, dành thời gian rảnh rỗi để nghiên cứu Bát cổ Trung Quốc.

Liệt Ngũ viết thư gửi cho bạn bè, cất giữ trong nhà còn khoảng vài chục bức, con gái của ông ấy là Chung Vân đem chúng in ra và tặng mọi người, bút tích thực của ông chắc sẽ ảnh hưởng đến sau này, chúng được treo trong các đài tưởng niệm. Các vị đọc chúng sẽ thấy nhân cách cao thượng của ông và có thể nhìn thấy được bút pháp tuyệt vời của ông. Cho đến lúc chết cũng có thể nhìn thấy được trong sách của ông, tôi đánh giá tóm gọn trong bốn chữ *"bất học vô thuật"*. Học ở đây chính là Hậu Hắc Học vậy. Hướng Tiên Kiều từng nói với tôi: *"Năm .... nhân sĩ nổi tiếng... mở tiệc mời danh nhân Quốc dân đảng tại, ghế..., mọi người nói: 'Phong thái ngôn luận của Liệt Ngũ không thua kém những danh nhân, chính là bẻ gãy trung đạo'. Vì vậy mà than thở khôn nguôi."* Người đã chết lâu rồi, rất mong các vị độc giả hãy mau chóng nghiên cứu học thuyết của bỉ nhân.

Mười năm trước, có một quân nhân viết *"Bạc bạch học"*, phát biểu trên tờ báo Thành Đô, đặc giọng đạo đức, công kích mạnh mẽ học thuyết của tôi. Đồng thời nói rằng: *"Lý Tôn Ngô này! Anh hãy mau thu hồi Hậu Hắc Học của anh đi!"* Tôi không đoái hoài gì, rất nhiều người khuyên tôi nên viết bài bác bỏ, tôi nói: *"Có cần thiết không? Học vấn trên thế gian, ai nấy đều giảng học thuyết của mình, tin hay không, nghe theo mọi người. Ví như hạt giống của cây cối, tôi nói của tôi tốt, anh nói của anh tốt, đôi bên không cần tranh giành, chỉ cần đem nó trồng xuống đất, sau này nhìn thấy thu hoạch là biết rồi"* Họ nói: "*Anh không biện luận, có thể thấy anh bị đuối lý, học thuyết của anh đã bị đánh đổ, chung tôi không tôn anh làm thầy nữa, mà đi bái ông ấy làm thầy để học Bạc bạch học."* Tôi nói: "*Các người có thể đi bái ông ta làm thầy, nhưng tôi tôi muốn chân thành khuyên các anh vài câu: 'Hậu Hắc Kinh nói rằng: Người rõ Hậu Hắc, có thể gánh vác quốc gia, giả như không có Hậu Hắc, thì dù được lòng dân cùng không thể có được quốc gia.'Sau này các người có đói khát ăn xin, cũng đừng trách ta."* Sau này, nhà phát minh Bạc bạch học vì mắc tội tham ô hung hăng thô bạo, nên bị mọi người chặt đầu đem treo ở trên bia tưởng niệm của công viên ở Thành Đô để thị chúng trong vài ngày, sự việc này người Thành

Đô vẫn còn nhớ rõ. Thông qua vụ án này, độc giả có thể sẽ chợt hiểu ra mọi việc.

Cổ nhân nói: *"Làm việc thiện là điều vui nhất",* nào biết rằng làm việc ác cũng vui, anh hãy xem những kẻ giết người phóng hỏa trên Lương Sơn, ăn thịt uống rượu, vui vẻ xiết bao! Kẻ tầm thường nhất trên thế giới này chính là kẻ không thiện không ác, tuy người tầm thường có thể an phận thủ thừa, nhưng cuộc sống của họ thì trong cái khổ cũng không phải không vui. Duy chỉ có người tầm thường mà không chịu an phận, muốn làm việc thiện, muốn làm việc ác, thì quả thật là đại khổ trong thiên hạ. Bỉ nhân lĩnh hội sâu sắc đạo lý này, nên chỉ an phận thủ thừa, bàn về Hậu Hắc Học, trải qua cuộc sống của kẻ tầm thường, như vậy trong lòng đã có niềm vui rồi.

Việc vui nhất trên thế gian chẳng qua là những việc làm cho lòng mình yên vui, Trương Liệt Ngũ bị áp giải đến pháp trường xử tội, nhà phát minh Bạc bạch học bị bêu đầu thị chúng, cả hai đều phản đối Hậu Hắc Học vậy, (Liệt Ngũ phản đối Hậu Hắc Học, xem trong Hậu Hắc tùng thoại - Tạ Huệ Sinh thọ văn) nên không thể thọ chung chính tẩm được. Nhưng trong lòng của Liệt Ngũ là vui nhất, còn nhà phát minh kia thì khổ nhất. Tại sao lại như vậy? Liệt Ngũ không làm việc xấu, sao lại không vui; còn nhà phát minh kia thì trong lòng không yên ổn, nên sao lại không khổ. Giả như ngày nay có người áp giải Hậu Hắc giáo chủ đến pháp trường xử bắn, tôi sẽ xem như là chuyện Giê-su bị đóng trên thập tự giá, và đạo của tôi sẽ được thịnh hành phổ biến.

Sự việc trên thế gian thật kỳ diệu, học thuyết của Khổng môn chú trọng nhất là lý luận quân thần phụ tử, đối với vấn đề cha mẹ. Khổng Dung cảm thấy hơi nghi ngờ, Tào Tháo bèn giết ông ta đi. Kê Khang, Phi Bạc, Thang Vũ, Tư Mã Chiêu cũng bị ông ta giết chết. Học thuyết của Không Tử, sở dĩ ngàn năm không phai nhạt, công lao của những người như Tào Tháo, Tư Mã Chiêu... thật không nhỏ chút nào. Nhà phát minh Bạc bạch học này, có thể xem là tín đồ của Khổng Tử, là công thần của minh giáo, theo lý thì nên thỉnh vào văn miếu để cùng hưởng thụ. Còn về Liệt Ngũ, sau này là môn đồ của tôi, cùng tôi lập nên Hậu Hắc miếu, nên đành phải mời ông ta vào cùng hưởng thụ vậy.

Phàm là một học thuyết mới ra đời, cần phải chịu nhiều lần đả kích, khi học thuyết của Khổng Tử xuất hiện liền bị cản trở. Bọn Trượng Nhân, Sở Cuồng, Hà Quý, Vi Sinh Mẫu chê bai giễu cợt, Khuông Nhân Hoàn Đồi, tính mệnh cơ hồ khó bảo toàn, chính vì như vậy mới có thể giành được vị trí vạn thế sư biểu. Khi học thuyết của Trình Chu xuất hiện, cũng xôn xao dư luận, châm biếm sâu cay, nghiêm cấm, Y Xuyên chết rồi, các môn nhân ngay cả tang cũng không dám làm điếu tang, chính vì như vậy mới có thể giành được danh hiệu Khổng Môn chính thống. Ngày nay chỉ nghe có người chửi rằng: "Lý Tôn Ngô là kẻ xấu", mà không hề giải tôi đến pháp trường xử tội, cứ như vậy, đạo của tôi sau này sẽ có vị trí giống như Trình Chu vậy, nếu không thì cùng tương đương với vị trí của Nho giáo của Khổng Tử.

Bỉ nhân giảng Hậu Hắc Học, có một quy tắc chung là: *"Làm được nói không*

được”. Danh sĩ nào đó đạt được hàn lâm, đi đến đâu cùng làm tiền, bạn bè viết thư khuyên, trả lời rằng: “*Trời tạo ra cơ hội để nuôi dưỡng hào kiệt.”* Lá thư này được công bố, liền làm xôn xao dư luận, do đó, ít thì cũng thu được chút ít tiền, đây quả thật là làm trái quy tắc. Nhưng lời của vị danh sĩ đó lại trở thành danh ngôn, cổ nhân nói: *“Nhất tướng thành công, vạn cốt khô.” “Nhất tướng*” chính là hào kiệt, “*cốt khô”* chính là cơ hội. “*Trường Bình một hố 40 vạn”,* nên danh tiếng của Triệu Thiệt được lưu danh thiên cổ, vì vậy Triệu Thiệt cũng là hào kiệt vậy, 40 vạn người đó chính là cơ hội. Làm sơn trại đại vương nhất định phải có rất nhiều lâu la phất cờ hò hét. Kẻ ngồi cao trên sơn trại là hào kiệt, còn bọn lâu la là cơ hội vậy. Bỉ nhân không làm hào kiệt, cũng không làm cơ hội, trong cả thế giới đặc biệt mở ra một giới Hậu Hắc, chỉ có một người xưng làm giáo chủ, xưng là thánh nhân, không chịu sự điều khiển của người khác, cũng không cần người khác làm lâu la cho tôi.

Dương Chu nói rằng: “*Trí sở dĩ quý, chính vì có thể bảo tồn thân thể của mình; khí lực sở dĩ thấp kém, chính là vì xâm phạm ngoại vật.”* Đây chính là cách nói không làm cơ hội mà cũng không làm hào kiệt. Lại nói: “Người người chỉ vì lợi ích riêng của mình, sẽ không vơ vét lợi ích của thiên hạ.”(Thông thường bá tánh hi sinh bản thân mình cho lợi ích của quốc gia, điều này không đúng; nếu mang toàn bộ lợi ích quốc gia đem cho một người hưởng thụ, thì càng không đúng; nếu người người đều có thể bủn xỉn đối với lợi ích của mình, thì thiên hạ sẽ được ổn định và phát triển. – N.D chú thích), đây chính là cách nói không làm lâu la cũng không làm đại vương sơn trại. Bỉ nhân viết *“Hậu Hắc tùng thoại”* từng nói rằng *“Đạo Đức Kinh”* của Lão Tử chỉ là triết lý Hậu Hắc. Dương Chu cũng là đệ tử của Lão Tử nên học thuyết mà ông ấy đề xướng có thể tình cờ mà ăn khớp với tôi. Mạnh Tử nói: “*Dương thị vi ngã, thị vô quản dã.”* Anh nghĩ, trên thế giới này nếu không tìm được tên lâu la nào thì làm gì có sơn trại đại vương xuất hiện? Do đó, học thuyết của phái Đạo gia là nhờ vào sự lên án gay gắt của Nho gia. Hậu Hắc Học của bỉ nhân sẽ trở thành học thuyết tinh túy nhất trên toàn thế giới.

Sau khi tôi đổi tên thành Tôn Ngộ, ngày ngày đều lấy *“tư tưởng độc lập*” để tự nhắc nhở mình. Bộ Hậu Hắc tùng thoại có trăm ngàn lời nói, chẳng qua cũng chỉ dạy mọi người phải có “*tư tưởng độc lập*” mà thôi. Tư tưởng có thể độc lập, hành vi mới có thể độc lập. Sau này, học thuật mới không làm nô lệ của cổ nhân, chính trị mới có thể không làm nô lệ của hào kiệt, không độc lập tức là nô lệ và hoàn toàn không có chỗ đứng. Tư tưởng của người dân nước tôi không thể độc lập, đến nỗi đạo lý to lớn bày ngay trước mắt mà cũng không nhìn thấy, cũng nói không được. Hành vi không thể độc lập, đến nỗi cả dân tộc phải chịu sự xâm lăng của chủ nghĩa đế quốc. Các vị độc giả có trách nhiệm chỉ huy quần chúng, bỉ nhân xin cúi đầu lạy tạ, kính dâng bốn chữ “tư tưởng độc lập”.

Lưu hậu chủ đầu hàng Đặng Ngải, Tấn Lý Đặc vào Thục, ngắm nhìn hình thế

sông núi bất giác than rằng: *"Lưu Thiện có giang sơn như thế, mà lại hàng người khác, thật là kẻ bất tài."* Lưu Tống hàng Tào Tháo, Tháo nói: "*Sinh con nên như Tôn Trọng Mưu, chớ như con Lưu Cảnh Thăng thì chỉ là đồ chó lợn mà thôi."* Các vị độc giả, cố lên! cố lên! Nếu như không được, thì con cháu của chúng ta khi lật lại xem lịch sử nhất định than ngắn thở dài rằng: *"Trung Quốc có giang sơn như vậy, mà phải chịu sự kèm kẹp của lân bang mạnh mẽ, tằng tổ phụ của ta, có thể là kẻ bất tài."* Các vị độc giả, cố lên! Cố lên!

Trước kia, A Sài có 20 người con. Lúc lâm chung, lệnh cho mỗi người cầm một mũi tên, lấy một mũi tên ra bẻ thì bẻ gãy ngay lập tức, sau đó bảo lấy 19 mũi tên hợp lại để bẻ thì không bẻ gảy được. Nói rằng: *"Chia ra thì dễ bẻ gãy, hợp lại thì khó phá hoại."* Đó chính là câu chuyện nổi tiếng trong lịch sử. Nhưng cần phải giỏi lĩnh hội, đem 19 mũi tên hợp lại thành một bó, đương nhiên không thể bẻ gãy, vậy xin hỏi, nếu 20 mũi tên hợp lại thành một bó thì có thể bắn chết địch thủ không? Công dụng của mũi tên, chính là bắn người, nếu bây giờ sợ nó bị bẻ gẫy mà hợp lại với nhau, há chẳng phải sẽ làm mất đi công hiệu bắn người. Trong giai đoạn kháng chiến kiến quốc hiện nay, rất nhiều chí sĩ, chạy đôn chạy đáo kêu gọi mọi người, đa số đều theo học thuyết của A Sài, là lý lẽ bất di bất dịch, nếu chỉ làm việc bó lại các mũi tên, thì lại quên việc bắn tên.

Tôi chủ trương quốc gia đại kế, nên giống như bắn tên vậy, treo lên một bia bắn tên, tất cả dân chúng đều cầm tên cùng hướng về nó mà bắn. Nhưng ngày nay lại không thể thực hiện được, có 3 nguyên nhân sau: (1) Chỉ lo bó tên lại, mà quên việc bắn tên, làm cho khả năng của rất nhiều chí sĩ không thể phát huy. (2) Mỗi người cầm một mũi tên, tùy ý bắn lung tung, không biết tấm bia nằm đâu. (3) Nhìn thấy người khác đang cắm mũi tên, hoảng hốt nói rằng: *"Mũi tên của anh e là không thể bắn được kẻ địch, nhất định sẽ bắn vào tôi, mau mau bỏ nó xuống, một mình tôi bắn được rồi."* Ba yếu tố này chính là nguyên nhân lớn nhất làm cho nước tôi thất bại, biết được nguyên nhân ở đâu, tức là có thể tìm được cách trị. (1) Chỉ ra tấm bia, (2) Dạy họ cách bắn tên, (3) Mạnh dạn gan dạ, không cần phải sợ người khác bắn mình, song người khác nhất định là phải bắn kẻ địch, chứ không thể bắn vào mình. Chúng ta cần biết rằng: Cái gọi là làm theo người xưa, tức là học ý không học cử chỉ thái độ. Học theo Liễu Hạ Huệ, chẳng thà học theo chàng trai nước Lỗ nam từ, thì chúng ta có thể thực hiện được ba biện pháp trên, tức có thể gọi là học theo A Sài. Do đó tôi khuyên các vị hãy nhanh chóng nghiên cứu Hậu Hắc Học của tôi.

Hàn Phi Tử là người hiểu rõ Hậu Hắc Học, nói rằng: *"Thượng quán (quân chủ hiền minh) lấy trí lực của dân chúng để trị quốc, Trung quân (quân chủ bình thường) lấy sức lực của dân chúng để trị quốc, Hạ quân (quân chủ hồ đồ) lấy năng lực của mình để trị quốc."* Cái gọi là *"trí lực của dân chúng*" và "*sức lực của dân chúng"* chính là biểu hiện năng lực của từng mũi tên. Còn *"năng lực của mình"*

chính là nói: "*Dân chúng không nên bắn, để một mình tôi bắn thôi.*" Hán Cao Tổ là danh gia Hậu Hắc, có thể sử dụng triệt để trí lực của Trương Lương, Trần Bình... , sử dụng triệt để sức lực của Kình Bố, Bành Việt... Thượng quân và Trung quân cùng nhau bắn, do đó có thể thống nhất thiên hạ. Hạng Vũ có Phạm Tăng mà không sử dụng, than rằng: *"Bách chiến bách thắng, chẳng qua chỉ là dùng hết năng lực của bản thân mà thôi, khi gặp Hán Cao Tổ thì chỉ đành tự vẫn bên sông Ô Giang."*

Chiến Quốc Sách là sách giáo khoa của Hậu Hắc Học, Quách Quỳ nói với Yến Chiêu Vương rằng: *"Người làm nên đế nghiệp thì chung sống với người thầy, người làm nên vương nghiệp thì cùng chung sống với bạn bè, người làm nên bá nghiệp thì cùng chung sống với thần tử, kẻ làm cho vong quốc chỉ có thể cùng chung sống với nô bộc tiểu nhân.... Nếu dựa vào bàn bạc, cầm gậy hung hăng bắt nạt chỉ huy người khác, vậy thì nha lại sai khiến mọi người sẽ đến; nếu buông thả kiêu ngạo ngang ngược, hành vi thô lỗ, gào thét mắng người, lớn tiếng chửi bới, vậy thì chỉ có nô lệ và phạm nhân đến."* Hiện nay là thời kỳ Dân Quốc, không gọi là "*quân"* thì gọi là thần, kẻ có chí nắm quyền hành, chỉ có thể nằm trong bốn loại là người thầy, bạn bè, nô bộc, tiểu nhân. Người thầy và bè bạn rất độc lập, còn nô bộc và tiểu nhân thì không có khả năng độc lập, nên không thể không cúi đầu với người khác. Phàm là đại công cáo thành thì nô bộc và tiểu nhân cũng không thể thiếu, song nếu trái phải trước sau đều là những kẻ này mà không có những người thầy, người bạn thì sẽ như lời của Quách Quỳ nói, chỉ có vong quốc mà thôi.

Chư tử Chu Tần đều nghiên cứu Hậu Hắc học lý, chẳng qua là không có phát minh ra danh từ "*Hậu Hắc"* mà thôi. Quyển "*Lão Tử"* trình bày rõ nguyên lý Hậu Hác (cụ thể hãy xem Hậu Hắc tùng thoại), Tôn Ngô, Quản Thương là những nhà thực hiện Hậu Hắc. Lưu tiên chủ lúc lâm chung, dặn dò hậu chủ đọc Lục thao Thương Quân thư, đọc những sách có ích cho tinh thần và trí tuệ, có thể thấy rằng ông ta cũng có nghiên cứu Hậu Hắc Học. Vì thế ông ta "*tam cố mao lư*" tuyệt đối không dám tỏ thái độ "*bắt nạt chỉ huy*". Nếu không hiểu Hậu Hắc Học, thì sao có thể hạ mình hành lễ như vậy mà chiêu mộ được Khổng Minh, một người "*không màng danh vọng"*.

Gia Cát Khổng Minh là người thuộc phái Pháp gia, viết Thân Hàn để dạy hậu chủ và nghiên cứu sâu sắc Hậu Hắc Học, nên được giữ chức thừa tướng, đoái nghĩ đến lời nói của dân chúng, tập trung trí tuệ của dân chúng, tiếp thu ý kiến có ích, đây chính là năng lực của từng mũi tên đều thể hiện ra, do đó, xuất sư Bắc phạt, Tư Mã Ý không thể không sợ hãi.

Bỉ nhân là tu nghiệp sinh của trường Bát cổ, còn nhớ cuộc thi hương ở Tứ Xuyên năm Nhâm Dần, đề là luận bàn về "*tập trung trí tuệ của dân chúng, tiếp thu ý kiến có ích",* trong nghĩ mặc (Bài văn mẫu do quan chủ khảo làm trong chế độ khoa cử. - N.D chú thích) của Phương Hạc Tề có hai câu: "*Tướng vô tài thiên hạ chi tài giai kỳ tài, tướng vô trí thiên hạ chi trí giai kỳ trí."* Bỉ nhân đọc xong hai câu này, lưu luyến

khôn nguôi, ngâm nga không dứt, chỉ cảm thấy ông ấy nói rất hay, nhưng cũng không biết nó hay chỗ nào. Đến nay tôi mới biết rằng: Trong bản tính của tôi vốn có Hậu Hắc học lý, do đó vô hình trung có sự trùng khớp sâu sắc. Hai câu này của Phương Hạc Tề chính là năng lực của hàng vạn mũi tên, nhất tề biểu hiện ra, phù hợp với Thân Hàn học lý. Sách của Thân Tử không truyền lại, tôi xin trích hai đoạn trong sách Hàn Phi để chứng minh cho cách nói của Phương Hạc Tề là tương hợp với học thuyết của Pháp gia. Nhìn thấy được học vấn của Gia Cát Vô Hầu là có nguồn gốc.

Hàn Phi nói: *"Người có trí tuệ lại không suy nghĩ xem xét, làm cho người khác biết được vị trí của mình; người có tài năng đức hạnh lại không biểu hiện ra, ngược lại đi quan sát người khác làm việc như thế nào; người có lòng dũng cảm lại không thể hiện uy phong của mình, lại bắt quần thần cố gắng thể hiện sự dũng cảm của mình. Do đó, bỏ trí thì có minh, bỏ hiến thì có công, bỏ dũng thì có cường."* Cách nói này há chẳng phải giống như cách nói của Phương Hạc Tề sao?

Hàn Phi lại nói: "*Trịnh Tử Sản sáng sớm ra đi, khi đi qua cửa Đông Tượng, chợt nghe có tiếng khóc của một người đàn bà, bèn sai lính đánh xe đi chậm lại để nghe cho rõ. Một lát sau, sai sứ giả đến hỏi han, hóa ra người đàn bà đó là kẻ tự tay giết chết chồng mình. Ngày hôm sau, người đánh xe hỏi: 'Sao ngài biết được?' Tử Sản đáp: 'Tiếng khóc ấy có sự sợ hãi,phàm là người thân yêu của mình, lúc mới bệnh thì lo lắng, lúc sắp chết thì sợ hãi, khi đã chết thì bi ai, tiếng khóc vì người chồng đã chết hôm nay của bà ta lại không bi ai mà mang vẻ sợ hãi, vì thế biết được người đó dối trá vậy."* Trí tuệ của Tử Sản thật là cao minh. Gian tà, nhất định phải được tận tai tận mắt xem xét mới có thể nhận ra được, vậy thì người nước Trịnh có thể phát hiện ra gian tà thật là quá ít. Do đó người Tống nói rằng: *"Một con chim sẻ bay qua bên cạnh Hậu Nghệ, anh ta đương nhiên sẽ bắn trúng, vậy thì anh ta đang nói hươu nói vượn. Nếu lấy cả thiên hạ làm lưới bắt chim, thì lúc đó không con chim sẻ nào có thể thoát được. Vậy để nhận biết gian trá thì cũng cần phải có cái lưới to, chỉ cần không mất đi phương pháp là được. Nếu không chỉnh đốn pháp chế, lại lấy ức đoán chủ quan cửa mình để làm cung tiễn săn bắt gian tà, vậy thì Tử Sản cùng làm bừa vậy."*

Bài nghĩa luận này của Hàn Phi cũng là cách nói của Phương Hạc Tề. Nếu Hàn Phi có thể lấy thiên hạ để làm tấm lưới to, không con chim nào thoát được, thì nước ta hiện nay, nếu có được những người như Hàn Phi đứng ra chấp chính, nhất định có thể làm cho năng lực của hàng ngàn hàng vạn mũi tên đều nhất tề biểu hiện ra, cho nên, tôi rất mong quý vị độc giả hãy nghiên cứu thật kỹ Hậu Hắc Học của tôi, sau đó xem sách của những người như Hàn Phi... , tự nhiên sẽ hiểu rõ tất cả, khi bước ra đời, bảo đảm bạn sẽ là Gia Cát Võ Hầu thứ hai.

Chỉ cần nghiên cứu một cách triệt để đạo lý của thế gian sẽ nhìn thấy mọi thứ đều như nhau. Xét bề ngoài thì Nho gia và Pháp gia dường như nước với lửa không dung nhau, thật ra không phải như vậy, Tứ thư Ngũ kinh là kinh điển của Nho môn, Tần

Thệ nói: "*Nếu có vị đại thần trung thành thật thà như vậy, tuy không có bản lĩnh gì đặc biệt, nhưng anh ta có tấm lòng độ lượng, thì người khác có bản lĩnh, cũng giống như anh ta có bản lĩnh vậy; người khác có tài lẫn đức, anh ta thật lòng khâm phục, không chỉ là biểu hiện qua lời nói.*" Cách nói này cũng chính là cách nói của Phương Hạc Tề. So với chủ trương của Hàn Phi có gì khác biệt? Chúng ta hãy đọc kỹ một lượt sách của Hàn Phi, sau đó mang truyện của Gia Cát Lượng ra đọc một lượt là biết Khổng Minh và phái Pháp gia là cũng một lò vậy. Ông tự so sánh với Quân Nhạc, viết Thân Hàn, bình sinh tôn sùng đã có thể đại loại nhìn thấy. Cai trị nước Thục nghiêm khắc và không tha tội, tôn chỉ càng không giống với Nho gia. Song trong Khổng miếu ngày nay có sách lớn nói rằng: "*Tiên Nho Gia Cát Lượng chi vị",* nguyên nhân vì sao có thể nghiên cứu thêm.

Phàm là người thủ lĩnh, nếu tự khoe khoang khả năng của mình, biểu hiện tài trí của mình ra, thì sẽ đè ép tài trí của người khác xuống, như vậy sẽ trở thành kẻ thống trị tàn bạo. Ân Trụ vương tài lực hơn người, tay không giết mãnh thú, trí tuệ đủ để không nghe lời khuyên, lời nói đủ để che giấu sai lầm khuyết điểm, tự khoe khoang tài năng của mình trước mặt quần thần, dựa vào thanh uy đi đến đâu cũng nâng cao mình, cho rằng người trong thiên hạ không ai bằng ông ta cả. Rốt cuộc người chết nước vong, đầu treo dưới cờ Thái Bạch. Do đó Hàn Phi cảnh cáo chủ nhân rằng: *"Bỏ trí thì có minh, bỏ hiền thì có công, bỏ dũng thì có cường."* Lại nói: *"Quân chủ thích khoe khoang tài năng của mình, chính là căn cứ để quần thần tiến hành lừa dối."* Đạo lý này các nhà khoa học phương Tây như Darwin đều không thể hiểu được, chỉ có Bát cổ gia tôi đây mới có thể hiểu được.

Khổng Minh viết Thân Hàn, có nghiên cứu sâu sắc Hậu Hắc Học, anh xem ông ấy nằm cao ở Long Trung, ôm gối mà ngân nga mãi, tự so sánh với Quản Nhạc, tự phụ biết bao? Từ Nguyên Trực nói rằng: "*Thần xin tiến cử ba người, có thể làm quan thứ sử, quận thủ."* Hỏi ba người chừng nào đến, chỉ cười không nói. Thái độ này thật là không coi ai ra gì. Nhưng vừa làm thừa tướng là lập tức trở nên khiêm tốn nhã nhặn, dạy rằng: "*Lúc đầu giao cho Châu Bình, nghe nhiều sai sót, sau đó giao Nguyên Trực, siêng năng dạy dỗ."* Lại tự xưng rằng: *"Tư chất bỉ nhân không cao, mọi việc xin được nghe theo."* Hãy xem lúc ẩn cư ở Nam Dương, trước sau xuất hiện có hai người, tại sao vậy? Vì là nhân sĩ nổi tiếng nơi hoang dã, nên có địa vị và thái độ khác với các chính trị gia chốn triều đình. Làm danh sĩ có thể khoác lác, kiêu ngạo không coi ai ra gì mà không gặp trở ngại gì, nhưng một khi chấp chính thì tuyệt đối không thể có thái độ này. Vương An Thạch không hiểu đạo lý này, dùng thái độ thư sinh để làm tể tướng, nên rốt cuộc bị thất bại. Chính sách của Vương An Thạch vốn là đúng, ông ta nói: "*Thiên biến không đáng sợ, lời nói của con người không cần lo lắng, quy củ của tổ tông không nhất định phải noi theo."* Đạo lý này vô cùng chính xác, chỉ là thái độ quá nghiêm khắc, ngoan cố không chịu gần gũi nhân dân, nên đã đè ép những

hiền nhân quân tử mà trong nước đã công nhận như Tư Mã Quang, Âu Dương Tu, Trình Minh Đạo, Tô Đông Pha... , nên nhất định sẽ bị thất bại. Các vị có chí muốn cầm quyền thì nên nghiên cứu kỹ thái độ của Vương An Thạch và Gia Cát Lượng.

Chính trị gia không nên có khí chất của danh sĩ hay thư sinh. Vương Di Phủ, Ân Thâm Nguyên đều là danh sĩ. Chẳng may tham gia chấp chính nên thân bại danh liệt. Trình Y Xuyên, Chu Nguyên Hối đều là thư sinh, may mắn không tham gia chấp chính nên đến nay vẫn ngồi cao trong Khổng miếu để ăn thịt lợn nguội. Trình, Chu, Liên, Tô Đông Pha đều không thể tha thứ, sao có thể đi lại trong chính giới chứ? Bỉ nhân không phải là danh sĩ cũng không phải thư sinh, mà là tu nghiệp sinh của Bát cổ, do đó không thuộc loại cái nào cả. Nhà phát minh Bạc bạch học cũng là người phản đối Hậu Hắc Học của tôi, sau này tôi xây dựng Hậu Hắc miêu sẽ cho ông ta vào trong miếu cùng hưởng thụ. Mọi người chỉ biết Phật môn quảng đại, nào biết rằng cửa ngõ Hậu Hắc càng rộng lớn hơn. Quân tử nói: *"Lý Tôn Ngô xưng giáo chủ, thích hợp thay!"*

Muôn sự vạn vật trong vũ trụ đều quay về với sự bình đẳng, vật bất bình thì kêu la, người bất bình thì tranh nhau. Nhân loại vốn bình đẳng, địa vị vua tướng vốn cao hơn chúng dân, nếu lại thêm thái độ cao ngạo, sao không bất bình chứ? Do đó cần phải khiêm tốn lễ phép với thuộc hạ, mới có thể bước đến sự công bằng được, nên sẽ không bị thất bại. Địa vị của thất phu vốn đã thấp hơn vương hầu, nếu lại thêm tự ti thì đã thấp lại càng thấp hơn, bất bình sẽ càng lớn. Điền Tử Phương nói với Ngụy Hầu rằng: *"Bần tiện nhưng rất tự hào*." Nhan Súc nói với Tề Vương rằng: "*Đầu của vua sống không bằng phần mộ của tử sĩ."* cần phải có thái độ này mới có thể điều chỉnh để quay về với bình đẳng. Tại sao lại như vậy? Chính là do trong lòng tôi luôn ẩn giấu một chữ "*bình"* để làm tiêu chuẩn cân bằng của vạn vật. Lưu tiên đế "*tam cố mao lư",* Gia Cát Lượng dùng thái độ của thất phu đối xử với đế thất, thái độ đó vô cùng cao ngạo. Khi làm thừa tướng thì việc ra lệnh cho thuộc hạ nhất định phải khiêm tốn. Trước sau cũng vận hành theo quy luật của chữ "*bình*". Bỉ nhân viết quyển "*Tâm lý và lực học"* đã vạch ra được điều này, đây có thể xem là một dẫn chứng.

Trong giới chính trị có đế vương, trong giới học thuật có thánh hiền Chiến Quốc Sách nói: "*Đế vương sống cùng với thầy, vương giả sống cùng bằng hữu."* Trong giới học thuật thì thánh hiền sống cùng với thầy và cả bằng hữu. Họ xem cổ nhân làm bạn, xem người hiện nay làm thầy. Bằng chứng đâu? Mạnh Tử nói: *"Nhân tài trong thiên hạ giao kết bạn bè với nhau vẫn chưa đủ, mà còn phải đi ngược dòng lịch sử để bình luận các nhân vật cổ đại."* Đây chính là minh chứng cho việc xem người xưa làm bạn. Khổng Tử nói: *"Trong ba người cùng đi, nhất định có thầy tôi, tôi chọn cái tốt của ông ta để học tập, nếu nhìn thấy cái không tốt của ông ta thì tôi sẽ đối chiếu với mình để sửa chữa khuyết điểm của bản thân."* Đây chính là minh chứng cho việc xem người hiện nay làm thầy. Cổ nhân và người hiện nay đều có hàng ngàn hàng vạn,

Khổng phu tử, Mạnh phu tử, thầy và bạn nhiều vô số kể, nên sẽ trở thành một nhân vật độc nhất vô nhị.

Mạnh Tử sống cùng bạn bè nên trở thành hiền nhân, Khổng Tử sống cùng thầy nên trở thành thánh nhân. Bỉ nhân là thánh nhân của giới Hậu Hắc, nên trong Hậu Hắc Kinh viết năm Dân Quốc thứ nhất có nói: *"Trong ba người cùng đi, nhất định có thầy tôi, chọn một Hậu Hắc mà học tập, nếu nhìn thấy chỗ không Hậu Hắc thi phải đối chiếu với bản thân để mà sửa chữa"* Đây chính là minh chứng cho việc tôi xem người hiện nay là thầy. Tôi từng quan sát các danh nhân đương đại, bạn bè thường hay lui tới, thường thích khen ngợi rằng: "*Sư phụ Ngô ôi! Sư phụ Ngô ôi!"* Bỉ nhân dùng "khốn trí miễn hành" (Tìm được trí thức trong quá trình không ngừng khắc phục gian khó, sau đó cố gắng thực hiện. – N.D chú thích) sẽ nổi lên trở thành Hậu Hắc thánh nhân. Đông Lỗ có thánh nhân, Tây Thục có thánh nhân, đồng tâm hợp ý.

Một vị đại nhân nói với tôi rằng: "Ai đó ngưỡng mộ Hậu Hắc Học của ông, muốn đến gặp ông, nhờ tôi giới thiệu giùm." Tôi nói: Ngài nói lại với ông ấy là không cần phải gặp tôi, tôi truyền thụ cho ông ấy một phương thức giản tiện, mỗi khi gặp tiên sinh nào nghiêm trang đạo mạo và bàn luận Lý học hoặc có người bắt tay bày tỏ tâm huyết, suốt ngày khóc lóc ủ ê, ông ấy hãy nhắm mắt lại niệm thầm câu "Nam mô Lý Tôn Ngô" ba lần, mở mắt ra thấy giống như Lý giáo chủ đang thuyết pháp trước mặt vậy. Các vị có thể chăm chỉ như vậy, thì học vấn sau này đạt được nhất định có thể ngang tầm với bỉ nhân, sao lại như thế? Vì cùng lấy người hiện nay làm thầy, tôi và các vị đều là bạn học đồng môn vậy.

Tôi là người biết cách truyền thụ, khi truyền dạy cho học trò, tôi tuyệt đối không yêu cầu chúng phải Hậu như thế này, Hắc như thế kia, mà chỉ khơi gợi ra cái lương tri lương năng vốn có của chúng, lúc đó tự nhiên chúng sẽ hiểu được Hậu, hiểu được Hắc giống như thầy dạy đào mỏ vậy, chỉ cần chỉ mỏ quặng nằm ở đâu, rồi bảo chúng tự đi đào thôi. Cho nên người thầy không nhất định phải hiền minh hơn học trò, học vấn của học trò thì không nhất định phải bằng người thầy. Ngày xưa, Tử Hạ hỏi Không Tử rằng: "*Nhan Hồi là người thế nào?"* Đáp rằng: "*Cái tin của Hồi hơn ta"* Hỏi: "*Tử Cống là người thế nào?"* Khổng Tử đáp: "*Cái nhanh của Tứ hơn ta."* Hỏi: "*Tứ Lộ là người thế nào*?" Đáp: "*Cái dũng của Do hơn ta*" Hỏi: "*Tử Trương là người thế nào?"* Đáp: *"Nét nghiêm trang của Sư hơn ta."* Tử Hạ nói: *"Thế thì tại sao bốn người đó lại đến học với thầy?"* Khổng Tứ đáp: "*Hồi biết tin mà không biết nghĩ lại, Tứ biết nhanh mà không biết có lúc đáng chậm, Do có dũng mà không biết có lúc nên nhát, Sư có nét trang nghiêm mà không biết ung dung để hòa đồng với mọi người. Gồm hết những nét hay của bốn người ấy mà đổi lấy cái của ta không bằng bốn người ấy thì ta không thuận. Vì thế bốn người ấy phải thờ ta làm thầy mà không có hai lòng vậy."* Bỉ nhân cũng giống như Khổng Tử, nói về tài trí thì quả thật còn kém xa các vị, nhưng các vị nhất định phải bái tôi làm thầy mà xưng làm đệ tử. Khổng

Tử nói: "*Cầu luôn co lại, nên ta khích lệ Cầu; Do luôn dũng mãnh hơn người, nên ta gò bó Do.*" Tuy trong bản tính của các vị vốn đã có Hậu Hắc, nhưng nếu không được ta chỉ điểm, sẽ khó tránh khỏi tiến thoái đều mất chỗ dựa. Hàn Phi nói: "*Bất hiền lại là thầy của hiền nhân, bất trí lại là bậc thầy của trí giả.*" Các vị nhất định phải tôn ta làm thầy mới có thể sửa chữa được khuyết điểm của mình.

Người làm giáo chủ không chú trọng đến việc thể hiện bản lĩnh của mình, mà quan tâm đến việc khơi gợi khả năng vốn có của học trò. Người làm chủ nhân xưa nay cũng đều như vậy, không chú trọng đến việc thể hiện bản lĩnh của mình mà chú trọng đến việc biểu hiện khả năng của thuộc hạ. Hán Cao Tổ nói: "*Định sách lược tác chiến ở trong lều trại mà thắng được giặc ở ngoài ngàn dặm, ta không bằng Tử Phòng. Nói đến an bang định quốc, an ủi thăm hỏi bá tánh, cung ứng vật tư, bảo đảm lương bổng, ta không bằng Tiêu Hà. Thống soái đại quân, đánh tất thắng, công tắt lấy được, ta không bằng Hàn Tín. Ba người này đều là hào kiệt trong nhân dân, ta có thể sử dụng rất tốt họ, nên ta mới có thế lấy được thiên hạ*." Các vị xem lý luận này của ông ta sẽ biết được rằng, bản lĩnh của đế vương trong giới chính trị cũng giống như bản lĩnh của giáo chủ trong giới học thuật, do đó, bỉ nhân gọi Lưu Bang là vị thánh trời ban trong giới Hậu Hắc Học.

Thạch Lặc nói: *"Nếu trẫm gặp Hán Cao Tổ, sẽ hướng về Bắc mà xưng thần, kề vai cùng Hàn Tín, Bành Việt; nếu gặp Quang Vũ, đọ sức săn bắn ở Trung Nguyên, chẳng biết ai được ai thua."* Loáng thoáng nói Quang Vũ không bằng ông ta. Sao ông ta không dám so tài cùng Hán Cao Tổ mà phải quay về Bắc mà quy thuận chứ? Trí Dũng của Thạch Lặc tuy tuyệt thế, nhưng khi gặp Cao Tổ, Cao Tổ lại nói: "*Nếu đấu trí, ta sẽ bảo Trần Bình, Trương Lương đến; nếu đấu sức, ta sẽ gọi Kình Bố, Bành Việt đến; nói đền tính toán trù hoạch, ta sẽ gọi Tiêu Hà đến; nói đến dụng binh, ta sẽ gọi Hàn Tín đến.*" Anh thứ nghĩ: Thạch Lặc chỉ có một người thì làm sao địch nổi, nên đành phải quay về Bắc mà quy thuận vậy.

Sau Tân Hợi, nước ta mưu như Lương Bình, dũng như Kình Bành, tính toán trù hoạch như Tiêu Hà, dụng binh như Hàn Tín, có thể nói là có rất nhiều, nhưng chỉ thiếu một Hán Cao Tổ, cho nên hỗn loạn rối rắm. Phóng khoáng độ lượng, có tài nhìn nhận và sử dụng người chính là nguyên nhân giúp cho Hán Cao Tổ thành công. Khoe khoang tài năng của mình, cho rằng thiên hạ không ai bằng mình chính là nguyên nhân làm cho Ân Trụ vong quốc.

Bản lĩnh của Hán Cao Tổ thật không hiểu nổi, những người khởi sự cùng thời với ông chỉ có vài người là Tiêu Hà, Tào Tham, Phàn Khoái; bên phía Hạng Vũ thì có Hàn Tín, Trần Bình, Kình Bành Việt.. , Trương Lương cũng là người của Hàn Vương. Hạng Vũ giết chết Hàn Vương mới quan tâm đến phía Lưu Bang - người muốn báo thù thay cho Hàn Vương. Có thể nói, các bậc công thần khai quốc của Lưu Bang đều là người do Hạng Vũ xua đuổi đi. Lưu Bang cũng không hề tổ chức đảng phái phản động gì,

chỉ có tập hợp những người bị kẻ địch xua đuổi thành tổ chức đảng của mình. Ngày nay, rất nhiều người biến tổ chức đảng hoạn nạn tương trợ thành kẻ thù oan oan bất giải, đây là đạo lý gì? Có người nói là do không biết đoàn kết nội bộ, chúng ta nên làm theo phương thức đoàn kết của Mussolini và Hitler. Chẳng biết rằng, mô phỏng càng giống thì nội bộ càng tan rã. Ví như việc đóng thùng, Mussolini và Hitler thì càng quấn càng chặt, còn thùng của Trung Quốc thì vừa quấn đã bị nứt bể, càng quấn chặt thì vết nứt càng tệ hại hơn. Đây lại là đạo lý gì? Đây đều có liên quan đến tính dân tộc, nếu muốn nói rõ đạo lý này, thì không phải nói vài lời là hết được, muốn nói rõ ràng, đợi sau này sẽ nói. Lưu Bang là nhân vật trong giới Hậu Hắc, Mussolini và Hitler cũng là nhân vật trong giới Hậu Hắc. Tính dân tộc của nước tôi, thích hợp cho Lưu Bang sử dụng, còn Mussolini và Hitler thì không thích hợp sử dụng. Hậu Hắc Kinh nói rằng: "*Mày là đại Hậu Hắc thì không nên làm tiểu Hậu Hắc.*" Lưu Bang là đại Hậu Hắc, còn Mussolini và Hitler là tiểu Hậu Hắc. Cách quấn thùng của Mussolini và Hitler giống với cách bó tên của A Sài, mong các vị hãy nghiên cứu thật kỹ.

Nếu Sùng Trinh hoàng đế làm quan ở huyện Châu, lại là một quan tốt, không may làm hoàng đế, 17 năm thức khuya dậy sớm, phải thắt cổ tự vẫn mà chết. Làm hoàng đế cần phải có bản lĩnh khác, hoàn toàn khác với khả năng làm quan ở huyện Châu. Làm vua cần phải tinh thông Hậu Hắc Học, Đạo Đức Kinh của Lão Tử, chỉ là nói rõ nguyên lý Hậu Hắc, do đó, hậu nhân nói Lão Tử nói Nam diện chi thuật. Sùng Trinh không hiểu Hậu Hắc Học thì lên làm hoàng đế phương nam, càng nỗ lực cố gắng thì thiên hạ càng đại loạn. Viên Sùng Hoán bị xé xác ở trước cổng kinh thành, Lư Tượng Thăng lâm trận chết ở sa trường, còn bọn Hồng Thừa Trù, Thượng Khả Hỷ, Khổng Hữu Thừa, Tổ Đại Thọ thì cùng chạy đến Mãn Châu, làm bậc công thần khai quốc. Chỉ còn lại Tôn Thừa Tông, Bất Chu Tử là không làm công thần nên kết cuộc cùng tự vẫn mà chết. Thế là Trung Quốc rơi vào tay dân tộc khác 300 năm. Công bằng mà luận tội, thì Sùng Trinh mang tội hại nước hại dân, chết cũng không đền hết tội, không thể vì vậy mà tự vẫn ở Môi Sơn để cầu xin thứ lỗi được. Sử sách còn ghi, sự thật còn đó, nếu như Viên Sùng Hoán, Tôn Thừa Tông được trọng dụng thì Mãn Châu có thể xâm chiếm Trung Quốc không? Trung Quốc có phải chịu cảnh bị chà đạp giày xéo không? Bỉ nhân viết Hậu Hắc Kinh là vì: "*Ta không thấy được Lưu Bang, nhưng có thể thấy được Tào Tháo là được rồi; nếu ta không thấy được Tào Tháo nhưng có thể thấy được Lưu Bị, Tôn Quyền là được rồi* " Xin hỏi: Nếu có bọn người Tào Tháo, Tôn Quyền, thủ hạ của ông ta có Viên Sùng Hoán, Tôn Thừa Tông thì có thể tự vẫn không? Bọn Khổng Hữu Đức, Thượng Khả Hỷ có thể chạy đến phía bên địch mà ra sức, chịu phong vương hay không? Tôi xin khuyên các vị độc giả nên đọc ít Bát cổ của phương Tây, hãy nghiên cứu kỹ Hậu Hắc Học của tôi.

Phàm là người muốn làm việc lớn, thì không cần phải đọc sách gì cả, chỉ cần hiểu được Hậu Hắc Học là được rồi. Lưu Bang là kẻ thất học, nhưng vì tinh thông Hậu Hắc

Học nên lôi kéo được bọn thuộc hạ của Hạng Vũ để tạo thành tổ chức của mình, ngay cả thúc phụ của Hạng Vũ cũng chạy đến để làm bầy tôi nhỏ bé, bản lĩnh lợi hại thật! Khi Sùng Trinh lâm triều, thường than thở không có người dùng, còn hoàng đế Mãn Châu thì chỉ có được vài hàng tướng của Minh triều mà lấy được triều Minh. Bản lĩnh thật lợi hại, nếu so với Lưu Bang thì có chỗ hơn, có chỗ kém. Kỳ lạ nhất là: Bọn người Hồng Thừa Trù, thường ngày đọc nhiều kinh thư, luận bàn trung hiếu, thân mang trọng vọng của quốc gia, đột nghiên khăng khăng quy thuận Mãn Thanh, thống lĩnh đại binh, chém đầu cố chủ. Học thuyết của Khổng thánh nhân không biết đi đâu rồi? Hồng Thừa Trù có thể làm việc này không phải chuyện lạ, mà Mãn Châu hoàng đế có thể khiến cho hắn làm việc này mới là chuyện kỳ lạ. Lẽ nào Mãn Châu hoàng đế đọc có vài quyển sách và nghiên cứu được học lý gì? Chẳng qua là thiên chất thông minh, tinh thâm Hậu Hắc Học mà thôi. Các vị nên nghe lời tôi, nên quét sạch vật lừa dối đó đi thì bản chất của Hậu Hắc tự nhiên sẽ xuất hiện. Lấy nó để chế địch, địch nào mà không thiệt hại chứ? Dùng nó để lập công, trận nào mà không chiến thắng chứ? Năng lực của bọn Hồng Thừa Trù, Khổng Hữu Đức không phát triển được ở triều Minh, nhưng có thể phát triển được ở Mãn Châu, những điều này các vị nên suy nghĩ thật kỹ.

Trung Quốc có hàng ngàn hàng vạn người, thì tại sao năng lực của họ không phát triển được mà phải chịu sự ức hiếp của nước ngoài, tôi ví dụ: các vị là người có học qua môn vật lý học, phàm là thanh sắt thì đều có lực từ, thanh sắt thông thường không phát ra lực từ vì các phân tử bên trong hỗn loạn, cực Nam và cực Bắc triệt tiêu lẫn nhau. Chỉ cần lấy một thanh nam châm dẫn dắt một chút trên thanh sắt, thì các phân tử ở cực Nam và cực Bắc sẽ sắp xếp theo trật tự, lập tức phát ra lực từ. Nước ta có đông dân chúng, vốn có sức mạnh vô cùng to lớn, chỉ vì các phần tử bên trong hỗn loạn, xung đột lẫn nhau, năng lực bị tiêu diệt, nên mới bị nước ngoài ức hiếp. Hỏi: *"Các phần tử bên trong phải như thế nào mới có thể sắp xếp có trật tự?"* Đáp: Chỉ có nghiên cứu Hậu Hắc Học. Bỉ nhân đã từng nói rằng: "*Mày là đại Hậu Hắc thì không nên làm tiểu Hậu Hắc.*" Hàng ngàn hàng vạn mũi tên cùng nhất tề bắn thẳng đến bọn nước ngoài, đó chính là đại Hậu Hắc; còn nếu tìm kiếm trong hàng ngàn hàng vạn người đó ra một người để bắn, đó là tiểu Hậu Hắc vậy. Chỉ cần hiểu được đại Hậu Hắc thì các phân tử trong nội bộ tự nhiên sẽ sắp xếp theo trật tự.

Thợ may thợ mộc trên thế gian này đều bái người làm thầy, học tập ba năm mới có thể may vá quần áo, làm khí cụ cho con người. Con người hiện nay nhảy vào vũ đài chính trị mà không nghiên cứu thuật lãnh đạo của người thủ lĩnh, làm tri huyện mà không nghiên cứu thuật làm tri huyện, cũng như không bái sư để học hỏi liền may vá quần áo, làm khí cụ cho con người, vì thế sau Tân Hợi, nền chính trị nước tôi rối rắm như canh hẹ, vô cùng hỗn loạn. Chính sách chính trị của họ giống với các tiên sinh Bát cổ bước vào thí trường, sao chép Bát cổ phương Tây, chỗ này một chút chỗ kia một chút, sau đó tập hợp thành quy tắc điều lệ, ép buộc người dân thực hiện, nếu thực

hiện không xong thì lớn tiếng chửi mắng: "*Cách làm này Đông dương có thể thực hiện được, Tây dương cũng thực hiện được, chỉ có mỗi Trung Quốc là không thực hiện được, trình độ của dân chúng quá thật rất thấp kém.*" Cách nói này cũng tức là nói: *"Loại quần áo này, con cái Đông gia có thể mặc được, con cái Tây gia có thể mặc được, chỉ có con cái nhà anh là không mặc được, đây chính là vì con cái nhà anh có vóc dáng không thích hợp, nên không trách được người thợ may."* Từ cuộc Biến pháp vào cuối đời Thanh, dân chúng nước tôi phó thác số mệnh mình cho loại người này, trời ôi! Oan ức thay! Trời ôi! Oan ức thay! Làm thế nào để cứu vớt đây? Nói rằng: chỉ có nghiên cứu Hậu Hắc Học.

Các chư tử Chu Tần đều nghiên cứu Hậu Hắc Học, nếu các vị muốn nghiên cứu học thuyết này, chỉ nên đọc sách của tôi, cũng giống như chỉ đọc Luận Ngữ của Khổng Tử, như vậy thì vẫn chưa đủ mà cần phải đọc thêm sách của các chư tử Chu Tần, cũng như Nho gia đọc Lục Kinh vậy. Nếu cho rằng chư từ Chu Tần quá nhiều, không thể đọc hết, thì chỉ cần đọc hai quyển *"Lão Tử*" và *"Hàn Phi Tử"* sẽ biết được tất cả. Lão Tử nói về "*thể*" của Hậu Hắc, còn Hàn Phi Tử thì nói về "*dụng"* của Hậu Hắc. Trong các chư tử Chu Tần, Lão Tử giống như Côn Luân vậy, muôn vạn núi đều bắt nguồn từ đây, học thuật ở thời Chu Tần có thể nói là đều bắt nguồn từ Lão Tử. Hàn Phi Tử giống như Đông Hải vậy, muôn vạn dòng chảy đều hội tụ về, ông là người cuối cùng nhất trong các chư tử Chu Tần, vào thời Xuân thu Chiến quốc, muôn nhà đua tiếng, Hàn Phi nghiên cứu tất cả học thuyết của các phái, sau đó viết thành một quyển sách, có thể nói đây là tập đại thành tập hợp tất cả các học thuyết chính trị thời Chu Tần, cũng chính là tập đại thành của Hậu Hắc Học. Hình danh bắt nguồn từ đạo đức, Đạo gia Pháp gia vốn là nhất quán. Do đó Sử Thiên lấy Lão Trang Thân Hàn cùng liệt vào một truyện. Khổng Tử giảng đạo, mở miệng là thư nói, thi nói, nên khi giảng thuyết với các vị bỉ nhân thỉnh thoảng cũng phải nói: Lão Tử nói, Hàn Phi Tử nói.

Người thủ lĩnh cần phải có thuật lãnh đạo, Hàn Phi nói: *"Kẻ cầm quyền mà nắm được thuật lãnh đạo, sẽ an nhàn ngồi trong triều đình, sắc mặt hồng hào như nữ giới, không hại gì đến việc trị nước. Nếu kẻ nắm quyền mà không có thuật lãnh đạo, thân thể mệt mỏi gầy gò, không ích lợi gì cả."* Sùng Trinh hoàng đế không biết thuật lãnh đạo, nên càng nỗ lực cố gắng thì thiên hạ đại loạn. Bản lĩnh của hoàng đế chính là điều khiển nhân tài. Sùng Trinh hoàng đế không có cách điều khiển nên rất nhiều nhân sĩ kỳ tài không thể phát triển được. Tuy có Lương Mã, cũng không thể phát huy hết được. Mãn Châu hoàng đế có cách điều khiển, ngựa tồi nhìn thấy đường đi cũng sẽ bỏ chạy, nên có được hàng tướng bình thường như Khổng Hữu Đức cũng có thể làm bậc công hầu khai quốc. Bọn Hồng Thừa Trù thường ngày bàn luận trung hiếu, không thể không quay giáo lại, tiêu diệt cố chủ vậy.

Hàn Phi lấy một bằng chứng rằng: *"Dương Hổ nói: 'Chủ hiền minh thì hết lòng*

phụng sự; chứ đốn mạt thì che đậy dối trá mà thăm dò.' Dương Hổ bị trục xuất khỏi Lỗ, ở Tề thì bị nghi ngờ, đi đến nước Triệu, Triệu Giản Vương phong làm tướng, quần thần nói rằng: 'Dương Hổ là kẻ chuyên chiếm đoạt chính quyền của người khác, sao lại cho hắn làm tướng?' Giản chủ nói: 'Dương Hổ dốc sức tranh đoạt chính quyền, ta dốc sức giữ gìn chính quyền.' Thế là sử dụng quyền thuật để điều khiển Dương Hổ, Dương Hổ không dám làm chuyện xằng bậy, hết lòng phụng sự, làm cho Triệu Giản Vương trở nên hùng mạnh và cường thịnh, cơ hồ trở thành bá chủ." Từ câu chuyện này có thể thấy rằng, người thủ lĩnh cũng không cần bắt chước Mussolini và Hitler tổ chức đảng bí mật gì, chỉ cần hiểu được thuật lãnh đạo thì bất kỳ ai cùng có thể điều khiển như ý mình. Nếu không như vậy, thì các học trò đích thân mình đào tạo ra sẽ quay giáo trở lại. Cho nên, nếu người thủ lĩnh nói rằng: "*Người đó là kẻ xấu, nếu sử dụng hắn, nhất định sẽ gây rắc rối cho ta."* Bản lĩnh của người này nhất định quá kém cỏi, không hiểu được Hậu Hắc Học, không xứng đáng làm thủ lĩnh, hãy xem Triệu Giản Hằng quả thật là khác nhau một trời một vực.

Hứa Thiệu phê bình Tào Tháo rằng: "Trị thế năng thần, loạn thế gian hùng." (Về mặt trị thế thì là một công thần trị quốc yên bang, về mặt loạn thế thì là một đầu lĩnh quân sự độc bá một phương) Tháo nghe xong vô cùng vui vẻ. Cuối thời Đông Hán, rõ ràng là loạn thế, rõ ràng là nói Tào Tháo là gian hùng, sao Tháo nghe xong lại vui vẻ chứ? Vì Tào Tháo - nhân vật gian hùng thiên cổ - chính là lũ Dương Hổ vậy. Hai câu này của Hứa Thiệu cũng chính là câu "*chủ hiền minh thì hết lòng phụng sự, chủ đốn mạt thì che đậy dối trá mà thăm dò"* mà Dương Hổ đã nói. Thật chẳng khác nào chảy ra từ trong tâm khảm của Tào Tháo, nên Tào Tháo nghe xong vô cùng vui vẻ.

Mùa xuân năm Kiến An thứ 15 Tào Tháo hạ lệnh rằng: *"Thiên hạ ngày nay lẽ nào không có ai thân mặc áo vải thô mà lòng chứa thực tài thực học giống như Khương Tử Nha ngồi câu cá bên bờ Vị Thủy hay sao? Lẽ nào không có ai như Trần Bình chịu ô danh 'đạo tẩu thụ kim'(Trần Bình được Ngụy Vô Tri tiến cử với Hán Cao Tổ làm mưu thần, sau có người công kích ông, nói ông tư thông với chị dâu, nhận của hối lộ, nhưng Lưu Bang không hề để ý mà vẫn trọng dụng. – N.D chú thích) mà chưa gặp được Ngụy Vô Tri sao? Các ngươi phải giúp ta phát hiện những nhân tài có địa vị thấp hèn đang bị chôn vùi, phải có tài năng mới được tiến cử để chúng ta có thể sử dụng họ."* Người tốt hay xấu đều dùng, kẻ nắm giữ thuật điều khiển thì năng lực của bọn thuộc hạ đều được phát huy, Tào Tháo quả thật xứng đáng là gian hùng nhất thế vậy!

Mọi người đều nói: "*Trung Quốc rối rắm như canh hẹ như vậy chính là do có quá nhiều kẻ xấu."* Người nói câu này chính là không hiểu Hậu Hắc Học. Đất nước Trung Quốc rộng lớn như vậy, người hữu dụng rất nhiều, đâu cần phải đi tìm nhiều người nữa để sử dụng chứ? Chỉ cần hiểu được Hậu Hắc Học, nắm thuật lãnh đạo mà sử dụng, thì kẻ xấu cũng sẽ trở thành người tốt. Hàn Phi nói: *"Nếu muốn có được*

nguyên liệu tự nhiên thẳng đuột để làm mũi tên, thì trăm năm cùng không thể có được. Nếu dựa vào cây gỗ tròn tự nhiên để làm bánh xe thì ngàn đời cũng không có xe. Mũi tên thẳng tự nhiên, cây gỗ tròn tự nhiên, trăm năm khó lòng tìm được, nhưng tại sao mọi người vẫn đang ngồi xe, dùng tên để bắn chim? Vì mũi tên và bánh xe đều dùng 'quát' bằng gỗ để chế thành. Tuy cũng sẽ có những 'quát' không qua gia công mà có thể chế tạo ra được tên thẳng, bánh xe tròn, nhưng người thợ mộc giỏi sẽ không coi trọng, tại sao vậy? Vì người đi xe không chỉ có một, tên bắn ra không chỉ có một mũi vậy." "Quát" mà Hàn Phi nói chính là thuật lãnh đạo. Ông nói rằng: "*Kẻ sĩ kiên trinh tính ra không đầy mười người, quan trong nước có trăm người. Nếu phải dùng kẻ sĩ liêm trinh thì không đủ.*" Hàn Phi sống vào thời chiến quốc, nước nhỏ đất hẹp, do đó nói "*quan trong nước có trăm người*". Trung Quốc ngày nay, quan lại đã có đến ngàn vạn, đi đâu để tìm nhiều kẻ sĩ liêm trinh? Hơn nữa người thủ lĩnh có thể phân biệt được kẻ hiền trong ngàn vạn quan lại hay không? Vì thế cần phải nghiên cứu Hậu Hắc Học để hiểu được thuật lãnh đạo, chỉ cần giỏi điều khiển, kẻ xấu sẽ trở thành người tốt, nếu không giỏi điều khiển, thì người tốt cũng sẽ trở thành kẻ xấu. Trong Nhị thập Tứ sử có liệt kê rất nhiều bằng chứng, các vị hãy tự tìm hiểu, tôi chỉ nêu ra nguyên tắc mà thôi. Còn về thuật lãnh đạo, trong sách Hàn Phi có nói rất cụ thể, ở đây không dẫn chứng cụ thể.

Hậu Hắc Học (phụ lục)

Chiều nay, một buổi chiều đặc biệt nóng bức khó chịu vô cùng. Tôi thấy buồn buồn chỉ muốn sinh sự với ai cho vui. Nhưng nhìn quanh không thấy một bóng ma, mà nếu có cũng không nạn nhân nào đáng chịu cái vạ vịt ấy. Tìm nguyên do, thì ra chỉ vì trời không mưa. Lỗi tại trời trách ai được! Tôi chỉ còn cách nằm lăn ra gạch bông lạnh, thấy cũng dễ chịu phần nào. Gạch mát, trời oi bức, gió hiu hiu, dễ ngủ lạ!

Trong lúc mơ màng, tôi thấy lòng lâng lâng, hồn phiêu phiêu. Hình như tâm tưởng muốn đi đâu là thấy mình ở ngay trong cảnh ấy.

Tôi thấy tôi bay lên không trung, viếng từng vì sao trên trời. Tôi đang bay lang thang, bỗng nhiên nghe ai gọi:

- Linh Bảo, Linh Bảo! Đi đâu phất phơ vậy?

Tôi quay lại nhìn, thấy một cụ già râu tóc bạc trắng, y phục theo lối cổ như người trong tranh Tàu, có vẻ tiên phong đạo cốt lắm. Tôi đang nghĩ ngợi, không biết đã quen cụ ở đâu và bao giờ, thì cụ tiếp:

- Ghé lại đây chơi đã. Đệ tử gặp sư phụ, còn phải đợi sư phụ mời chào đến mấy lần mới chịu dừng chân hay sao?

Tôi thấy ngài ngại, ngập ngừng hỏi:

- Thưa cụ, con có học gì với cụ hồi nào đấy ạ? Trí nhớ con kém quá, xin cụ tha lỗi.

Cụ vuốt râu cười:

- Ta là Lý Tống Ngô. Tác giả phát minh ra HẬU HẮC HỌC đây mà!

Tôi vội vàng vái chào, nói:

- Xin cụ tha lỗi. Con quả thực có đọc qua học thuyết của cụ, con rất bái phục nhưng vì chưa lãnh hội được hết những chỗ cao thâm, nên con không dám nhập môn bái sư.

Thấy tôi có vẻ định "rút lui có trật tự", cụ cười:

- Thì hẵng ngồi chơi một lúc đã. Ta đến đây đánh cờ với Tây Vương Mẫu. Nay mai sẽ trở về động, để nghiên cứu thêm về các anh hùng hào kiệt cận kim. Bộ con tưởng dễ gặp được ta lắm sao?

Tôi rón rén đến gần, ngồi xuống một đám mây bên cạnh. Cụ gọi tiểu đồng đi lấy rượu Hoa Điêu mời tôi uống. Cụ hỏi:

- Sao? Từ hồi rời Trung Hoa đến giờ, chắc không có dịp uống rượu Hoa Điêu hâm nóng đấy nhỉ? Làm ăn có khá không?

- Dạ thưa cụ, cũng qua ngày nào hay ngày ấy

- Con dại lắm. Đã biết đến Hậu Hắc Học của ta, thì cứ gắng ngày đêm mài dũa, nghiên cứu. Lo gì không có ngày phát đạt.

- Bẩm cụ, con ngu quá, không lĩnh hội nổi. Có lẽ con không có tuệ căn.

- Ta biết hết. Con đọc đi đọc lại sách ta cả chục lần. Có nhiều chữ tự vị thiếu, không biết hỏi ai chạy lăng quăng như gà mắc đẻ, tội nghiệp quá, thôi để ta giảng sơ lại cho con hiểu .

Cụ tằng hắng lấy giọng nói:

- Con nghe cho rõ nhé. Hậu Hắc Học của ta phát minh hồi cuối đời nhà Thanh. Sau bao nhiêu năm nghiên cứu ta mới thấy rằng, thì ra Anh hùng Hào kiệt trong thiên hạ xưa nay sở dĩ làm được những chuyện kinh thiên động địa, là chỉ nhờ có hai điều kiện mà thôi: Aáy là MẶT DÀY và TIM ĐEN. Hậu là dày, Hắc là đen. Học là học thuyết. Vì thế nên ta mới gọi là HẬU HẮC HỌC.

- Dạ điểm này con hiểu.

- Kể những anh hùng trong truyện Tam Quốc, người thứ nhất là Tào Tháo. Sở trường của ông là tâm địa đen tối, nghĩa là độc ác. Tào Tháo giết nhà họ Lữ, giết Dương Tu, giết Đỗng Thừa, Phục Hoàn, giết Hoàng Hậu, Hoàng Tử mà không hề ghê tay. Đã thế, lại còn nói thẳng ra: "Chẳng thà ta phụ người, còn hơn để người phụ ta". Tim đen như thế, thật đã đến tột độ. Tào Tháo xưng hùng được là lẽ cố nhiên.

Kế đến nên công nhận Lưu Bị. Sở trường của ông ta hoàn toàn nhờ ở cái bộ mặt dày. Ông ta theo Tào Tháo, theo Lữ Bố, theo Lưu Biểu, theo Tôn Quyền, theo Viên Thiệu. Trốn bên Đông, nấp bên Tây, chầu chực ăn ở nhà người ta hết năm này qua tháng nọ, vẫn không cho là nhục. Đã thế, Lưu Bị lại còn rất dễ khóc. Mỗi khi gặp việc gì khó giải quyết, ông ta bèn khóc một hồi là chuyển bại thành thắng. Vì thế, tục ngữ có câu: " Giang sơn của Lưu Bị nhờ khóc mà ra". Đó cũng là một vị anh hùng có nhiều bản lĩnh. Lưu Bị sánh với Tào Tháo, có thể gọi là " Song tuyệt". Vì thế, lúc hai người đối ẩm luận anh hùng, một người tim đen nhất và một người mặt dày nhất, Tào Tháo đã nói:" Anh hùng trong thiên hạ, chỉ có tôi với ông".

Ngoài ra, còn có Tôn Quyền. Tôn Quyền với Lưu Bị là đồng minh, hơn nữa lại bà con, thế mà bỗng nhiên ông đánh phá Kinh Châu, giết Quan Vũ. Tâm địa độc gần bằng Táo Tháo, chỉ tiếc không độc đến nơi đến chốn. Xong rồi, ông lại xin hòa với Thục để biểu lộ cái mặt dày. Tôn Quyền với Tào Tháo sánh vai xưng hùng, có thể nói là chẳng ai hơn ai kém. Ôâng lại còn hàng Tào Tháo, xin được xưng thần, tuyệt giao với Ngụy, toàn là những việc làm rất " mặt dày" cả. Tuy tim ông không đen bằng Tào Tháo, mặt không dày bằng Lưu Bị, nhưng lại kiêm toàn. Vì thế, ông được liệt vào hạng anh hùng hào kiệt cũng đáng lắm.

Về sau, Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền đều chết cả, có họ Tư Mã nổi lên. Ta có thể nói là Tư Mã đã lĩnh hội được cái Hậu Hắc chân truyền của Tào Tháo và Lưu Bị. Ông ta có thể ức hiếp cô nhi quả phụ, độc như Tào Tháo, có thể chịu được cái nhục " khăn yếm", mặt còn dày hơn Lưu Bị nhiều.

Lúc ta mới đọc sử, đến đoạn Tư Mã Ý chịu nhục, nhận khăn yếm, đã phải vỗ bàn mà khen rằng:" Thiên hạ tất sẽ về tay họ Tư Mã".

Ta lại có thể lấy Sở Hán ra dẫn chứng:

Hạng Vũ là bậc anh hùng vũ dũng bậc nhất đương thời, thế mà phải chịu chết ở Đông Thành cho thiên hạ chê cười. Hàn Tín phê bình sự thất bại của ông là " Phụ nhân chi nhân, thất phu chi dũng". "Phụ nhân chi nhân" tức là lòng nhân của đàn bà, không thể nhẫn tâm. Căn bệnh ở chỗ tim không đen. " Thất phu chi dũng" là cái dũng của kẻ thất phu, không chịu được tức. Căn bệnh ở chỗ mặt không dày.

Lúc Hạng Vũ và Lưu Bang cùng ngồi một chiếu, Hạng Vũ đã rút kiếm ra khỏi vỏ, chỉ cần hoa một lát lên cổ Lưu Bang là xong, thế mà ông ta bồi hồi không nỡ, để Lưu Bang thoát khỏi.

Trận Cai Hạ bị bại, nếu ông quyết định qua sông Ô Giang thì chưa chắc thắng bại về ai. Ôâng lại nói :" Hơn tám ngàn con em ở Giang Đông theo ta sang sông về miền Tây, chẳng còn một ai trở về, gia đình họ sẽ thương khóc con em của họ mà nghĩ đến ta, ta còn mặt mũi nào trông thấy ai! Ví dụ họ chẳng oán trách ta chăng nữa, ta cũng thẹn với lương tâm". Hạng Vũ bại là phải lắm. Đã nói " không mặt mũi nào nhìn ai" lại còn biết " thẹn với lương tâm", thì còn làm ăn gì được nữa!

Trong lúc ấy thì Lưu Bang, cha bị quân địch bắt, dọa đem làm thịt, Lưu Bang thản nhiên trả lời :" Nếu có luộc thì xin dành cho một bát nước xúp". Con bị binh Sở đuổi bắt, ông nỡ đẩy con xuống xe giao cho địch. Về sau còn giết Hàn Tín, giết Bành Việt. " Chim hết bẻ cung, thỏ hết giết chó". Tư cách như thế thì Hạng Vũ " Phụ nhân chi nhân, thất phu chi dũng" làm sao địch nổi!

Ngoài ra, còn nhiều nhân vật có thể dẫn chứng. Như Hàn Tín mặt dày chịu được nhục " bát cơm phiếu mẫu", nhưng tim không đen nên bị thất bại. Phạm Tăng tim thật đen, nhưng mặt không dày, không chịu được tức, đến nỗi làm mất giang sơn của Hạng Vũ lại lụy cả đến cái thân già của mình.

Vì thế, con phải biết rằng: Trời sinh ra ta, cho ta cái bộ mặt, nhưng bề dày, may sao nó lại lộn vào bên trong. Trời cho chúng ta một trái tim nhỏ bé, nhưng cũng may làm sao, sắc đen của nó cũng ở bên trong. Bề ngoài tuy thật tầm thường, nhưng khảo sát cho tinh vi, thấy nó có thể dày đến vô hạn, đen đến vô cùng.

Muốn luyện thành một con người " Hậu Hắc " cũng không khó, miễn phải kiên nhẫn và phải qua ba thời kỳ.

Thời kỳ thứ nhất, là " dày mà cứng, đen mà sáng". Người " Hậu" đã tinh thông, mặc dầu thiên hạ công kích đến thế nào đi nữa, cũng không hề động lòng. Lưu Bị là hạng này, cả đến Tào Tháo cũng đành phải chịu thua cái mặt dày của ông ta.

Người tinh thông " Hắc" học, tim như một tấm " lắc" đen bóng loáng, càng đen người ta càng đổ xô vào phục vụ. Tào Tháo là hạng người này. Ông đã nổi tiếng ác độc, thế mà danh lưu Trung nguyên đều một lòng quy phục. Đúng là tim càng đen thì chiêu bài càng sáng.

Đến thời kỳ thứ hai, tuy đã khá lắm rồi, nhưng vẫn chưa thành công vì còn để lộ

hình tích. Cũng như Lưu Bị, Tào Tháo, mới nhìn qua, người ta xét đoán được ngay họ thuộc vào loại nào.

Thời kỳ thứ ba, là " dày mà vô hình, đen mà vô sắc". Người đã "dày vô tận, đen vô cùng" thì hậu thế vẫn có thể tưởng là không dày, không đen. Thế mới là đi đến tuyệt đích.

Nho-gia giảng Trung-dung, giảng đến " vô thanh, vô xú " mới hết. Phật giáo cũng phải đạt đến " bồ đề vô thụ, minh kính vô đài " mới chứng quả. Như thế, Hậu Hắc Học là một học thuyết bí truyền từ thiên cổ, cố nhiên phải đạt đến chỗ " vô hình, vô sắc" mới hoàn toàn.

- Dạ, như thế là thành công sao?

- Chưa hết đâu con ạ. Còn phép cầu quan nữa!

- Xin cụ dạy nốt cho con hiểu.

- Nếu muốn làm quan mà không thuộc lòng " Bí quyết cầu quan"; cũng như làm được quan rồi mà không biết phép " Duy trì chức quan", thì cũng vô ích.

Người cầu quan, trước hết phải biết rõ sáu chữ:

Rảnh Rang, Luồn cúi, Khoe khoang, Nịnh hót, Dọa nạt, Quà Biếu .

1 -Rảnh Rang. Rảnh rang có hai nghĩa. Một là chỉ sự vụ. Người muốn làm quan, không được bận rộn một việc gì hết. Không làm thợ, không đi buôn, không làm ruộng, không học hành mà cũng chẳng dạy ai học. Phải rảnh rang để nhất tâm nhất trí cầu quan. Hai là chỉ thời gian. Người cầu quan phải nhẫn nại, không được nóng nảy hấp tấp. Hôm nay không xong, đợi ngày mai. Năm nay chưa được, chờ sang năm.

2-Luồn Cúi . Nghĩa là chui luồn. Cầu quan, phải luồn cúi, điều này ai cũng biết. Nhưng họ chỉ mới biết đến trình độ có cửa thì chui mà thôi. Theo ta, nếu phải đợi có cửa mới chui thì hỏng to. Phải làm sao cho có cửa thì chui , mà không cửa cũng phải vào lọt. Có cửa sẵn, ta mở rộng thêm. Không có cửa, ta phá tường đục vách, làm cửa mới.

3 -Khoe Khoang. Khoe khoang cùng đi chung với khoác lác. Khoe có hai lối: khoe trực tiếp bằng lời nói và khoe bằng giấy tờ. Khoe bằng lời cũng chia ra hai loại: khoe lúc bình thường và khoe trước mặt quan trên. Gián tiếp là khoe trên giấy tờ như báo chí, truyền đơn, tạp chí, biểu ngữ, v.v… .

4- Nịnh Hót. Trên sân khấu cải lương, lúc Ngụy Công ra trò, những cử chỉ, dáng diệu, cách ăn nói của bọn này là gương mẫu.

5- Khủng Bố . Tức là dọa nạt. Chữ này nghĩa lý quá cao thâm. Cần phải nhấn mạnh: quan là một nghề rất đặc biệt, đâu có thể tùy tiện muốn cho ai cũng được. Vì thế, có người đã thực hành chữ "Nịnh Hót" chu đáo đến một trăm phần trăm mà vẫn không được làm quan. Đó là vì thiếu chữ "Khủng Bố".

Làm người, ai cũng có nhược điểm và lỗi lầm. Khi tìm được nhược điểm của quan trên, ngắm thật đúng, khẽ điểm một huyệt là quan hoảng hốt sợ hãi, lập tức tìm cho ta

một chức vụ ngay. Nhưng người cầu quan phải hết sức khéo léo khi dùng hai chữ "Nịnh Hót" và " Khủng Bố" kết hợp lại . Nghĩa là, trong nịnh hót có ý ngầm dọa nạt.

Trong mắt mọi người, thấy mình nói chuyện với quan thầy, câu nào cũng toàn là nịnh hót, tâng bốc, kỳ thực bên trong toàn là móc trái, đá ngầm, chỉ một mình quan thầy hiểu. Quan nghe đến đâu, mồ hôi toát ra như tắm đến đấy.

Người giỏi nịnh hót, nói gì, người bên ngoài nghe câu nào cũng thấy toàn là chỉ trích các bề trên, nhưng các " bề trên" nghe thật vui lòng, nở nang từng khúc ruột. Nhưng điều cần biết là dọa phải có giơiù hạn, nếu đi lỡ trớn, để quan thầy thẹn quá, nổi xùng lên thì cũng hỏng bét cả.

6- Quà Biếu là dâng lễ vật. Lễ lớn là tặng biếu tiền bạc, vàng, kim cương, ngân phiếu. Lễ nhỏ là món ngon vật lạ, đồ cổ xưa, mời nhậu nhẹt v. v. . . Người được tặng có khi là quan trên, có khi là kẻ tuy không làm chức gì hết nhưng có cách giúp đỡ mình được.

Sáu chữ này, nếu theo thực đúng, thì sẽ đem đến kết quả cụ thể là, một hôm, quan trên bỗng chợt nhớ ra lẩm bẩm một mình:

- Ông Z muốn làm quan, đã xin từ lâu (Rảnh Rang). Mình với ông ta có đôi chút liên lạc (Luồn Cúi) Ông ấy cũng là kẻ có tài (Khoe khoang). Ông ta đối với mình rất tốt (Nịnh Hót). Nhưng hắn cũng không phải tay vừa, nếu không cho hắn một việc làm, hắn sẽ làm bậy, có hại đến mình (Khủng Bố).

Nghĩ đến đây, nhìn thấy những lễ vật quà cáp chất đầy quanh mình (Quà Biếu), ông không còn biết phải làm gì hơn là ký giấy bổ "đương sự" đi làm quan.

- Dạ thế là thành công rồi, phải không cụ?
- Chưa con ạ. Được chức quan rồi, còn phải biết giữ chức ấy nữa chứ.
- Thưa cụ, cho con nghe nốt.
- Phép giữ chức quan cũng có sáu chữ:
- Trống Rỗng, Cung Kính, Hách Dịch, Hung Ác, Điếc Đui, Hối lộ

1) Trống Rỗng. Trống rỗng trong giấy tờ, báo cáo, diễn văn, tất cả. Điểm này ta không cần nói rõ phải trống rỗng như thế nào, con chỉ cần chú ý xem các diễn văn,thông điệp, báo cáo của các cơ quan, hội đoàn, báo chí thì hiểu rõ. Nghĩa thứ hai, là làm việc không nhất định một hướng nào. Có khi biểu lộ thật cương quyết, độc đoán, nhưng bên trong vẫn có đường ngầm, để nếu cần có thể thối lui rất dễ dàng, nhất là không bị liên lụy bao giờ.

2) Cung Kính nghĩa là nịnh hót. Nịnh có hai thứ, trực tiếp và gián tiếp. Trực tiếp là nịnh ngay quan trên. Gián tiếp là nịnh thân thích, bạn bè của quan. Từ vợ lớn , nàng hầu, nhân tình, con cháu và đến cả mèo, chó của quan nữa.

3) Hách Dịch trái nghĩa với chữ Cung Kính. Chữ này để đối với thuộc hạ hay dân chúng. Một là tỏ ra bằng giáng điệu oai nghiêm hách dịch. Hai là trong ngôn ngữ, tỏ ra ta đây tài giỏi hơn người. Chữ Cung Kính không nhất định đối với quan trên, vì có khi

quan trên không trực tiếp nắm quyền sinh sát mình, thì không sợ. Cũng giống như thế, chữ Hách Dịch không nhất định đối với người dưới, vì nếu người dưới mà có quyền hay ảnh hưởng đến chức phận của mình, thì cũng phải đổi ra cái bộ mặt cung kính đối với họ. Như thế, nghĩa là phải tùy hoàn cảnh, sử dụng cho khéo léo.

4) Hung Ác. Ta chỉ cần đạt đến mục đích, mặc kẻ khác táng gia bại sản, bán vợ đợ con. Nhưng, điều cần chú ý nhất, là bao giờ cũng phải phủ lên trên bộ mặt tàn ác một lớp vỏ nhân nghĩa đạo đức mới được việc.

5) Điếc . " Chúng cười mặc chúng, quan ta, ta cứ làm". Trong chữ Điếc này, lại còn bao gồm cả chữ Đui . Vì có khi thiên hạ chửi bằng báo chí chứ không chỉ chửi bằng miệng. Trong trường hợp này, ta giả Đui nhắm mắt không thèm xem.

6) Hối Lộ tức là ăn tiền. Mười một chữ trước đều sắp đặt để dọn đường cho chữ này: đối chiếu với chữ Biếu Xén. Đã có dâng lên thì phải có thu vào. Nhưng cũng cần phải biết món nào nuốt được, món nào cần nhả thì phải nhả, để khỏi mắc nghẹn.

- Dạ con hiểu rồi ạ.

- Đó là đại cương. Ai muốn học, phải tự mình tìm hiểu, nghiên cứu thêm cho tinh thông.

Tôi hỏi:

- Dạ thế còn đường lối làm việc? Con xin cụ chỉ giáo nhân thể.

- Có hai cách làm việc. Một là " PHÉP CẮT TÊN". Hai là "PHÉP VÁ NỒI".

- Tên nghe lạ quá.

- Đúng lắm con ạ. Để ta kể cho con nghe: ngày xưa có một người bị trúng một mũi tên. Hắn ta đến nhà một vị lương y ngoại khoa xin chữa trị . Oâng ta lấy dao cắt mũi tên bên ngoài, rồi tính tiền khám bệnh và chữa bệnh. Bệnh nhân ngạc nhiên hỏi:

- Ơ kìa, ông đã chữa lành đâu mà đòi tiền? Mũi tên vẫn còn ở trong người tôi.

Lương y trả lời:

- Tôi là thầy ngoại khoa. Tôi chỉ chữa bệnh ngoài da. Còn bên trong không chữa được, bây giờ anh hãy đi tìm một thầy nội khoa mà xin chữa.

Đó là chuyện xưa, còn ngày nay thì cũng nhan nhản cách làm việc như thế. Ví dụ, Trong một công văn nọ được viết:" Theo như lời của ngài thì tên X quả thực có tội, chúng tôi sẽ thông báo cho nha hữu quyền điều tra để nghiêm trị". " Quả thực có tội" là " cắt tên". " Nha hữu quyền" tức là thầy nội khoa.

Hoặc là " sẽ chuyển lên thượng cấp định liệu". " Thượng cấp" đây là " thầy nội khoa". Và ví dụ, nếu có người nhờ ta làm việc gì, ta nói: " Tôi rất tán thành ý kiến của anh, nhưng còn phải thương lượng với ông Z". " Rất tán thành" là " cắt tên". "Ông Z" là thầy nội khoa.

Có những trường hợp bệnh nhân chỉ được cắt tên mà không được mách bảo tìm thầy nội khoa, và cũng có trường hợp chỉ bảo tìm thầy nội khoa, chứ tên cũng không thèm cắt. Chính trị càng cao thì càng biến hóa huyền bí vô cùng vô tận.

Cách thứ hai là HÀN NỒI. Có một người mời bác thợ hàn nồi đến nhà để hàn một cái nồi bị nứt. Bác thợ hàn vừa cạo nồi vừa bảo:

- Xin ông chủ cho tôi ít lửa để tôi nhen bếp hàn.

Trong khi chủ nhà quay lưng đi lấy lửa, bác thợ hàn khẽ đập nhẹ vào đáy nồi cho nứt nhiều thêm. Đợi chủ nhà đến nơi, bác nói:

- Ông chủ xem đây. Nồi của ông nứt dài thế này, nhưng vì bị bồ hóng bám đầy nên không trông thấy. Bây giờ tôi cạo sạch, mới lộ ra rõ ràng.

Chủ nhà kinh ngạc nói:

- Thật may quá, hôm nay may gặp được bác hàn giúp cho. Nếu để ít lâu nữa, chắc là sẽ phải bỏ cái nồi, không còn dùng được nữa. Nồi hàn xong, cả bác thợ hàn lẫn chủ nhà đều vui vẻ mãn nguyện chia tay.

Cổ kim, đông tây, hiện đại cũng như trong lịch sử, nhan nhản đầy những chuyện Cắt tên và Vá nồi như thế. Hành động của cá nhân cũng như biến chuyển của quốc gia, suy luận một lúc là thấy rõ ngay thuộc về loại nào. Cũng có khi bác thợ hàn lỡ tay, đập vỡ nồi của người ta, rồi vá không xong!

Trịnh Trang Công dung túng cho Công Thúc Đoạn làm thực nhiều điều bất nghĩa, rồi mới cứ binh chinh phạt. Đó là phép vá nồi. Trong lịch sử, nếu ta lưu tâm nhận xét một chút thì nhận thấy rõ ngay.

Hai phép mầu nhiệm trên đây là một công lệ để làm việc. Vô luận cổ kim, đông tây, xưa nay vẫn rất thành công.

Quản Trọng là một đại chính trị gia Trung Quốc. Ông làm việc, không bao giờ ra khỏi hai luật này. Rợ Địch đánh nước Vệ, Tề quốc án binh bất động. Đợi đến lúc Địch diệt được Vệ rồi, ông mới làm nghĩa cử, hưng binh vấn tội Địch để cứu Vệ. Đó là phép vá nồi. Quản Trọng không trách Sở tiếm Vương hiệu, chỉ trách Sở không triều cống. Đó là phép cắt tên. Bởi vì lúc bấy giờ thực lực của Sở hơn Tề gấp bội, Quản Trọng xui Tề Vương đem binh đánh Sở, có thể nói là đập vỡ nồi để hàn. Đến khi thấy thái độ phản kháng cứng rắn của Sở, bèn cắt tên, bỏ qua chuyện cho xong. Quản Trọng có thể đập thủng nồi, xong rồi vá lại, vì thế nên được gọi là kẻ anh tài trong thiên hạ.

Đời Minh, Lý Vũ Thần vây khổn Lưu Khấu, sau lại thả ra. Đó là định dùng phép đập nồi. Chẳng ngờ, Lưu Khấu mạnh quá, trị không nổi, nên bị nước mất, vua chết.

- Bẩm cụ, thế có ai dám làm trái công lệ này không?

- Có chứ. Nhưng làm trái thì phải thất bại. Vì trong khi ai cũng chỉ theo phép cắt tên, và mình chỉ là thầy ngoại khoa, lại muốn nhổ cả đầu mũi tên ra, thì thất bại là lẽ cố nhiên. Chẳng hạn, Nhạc Phi muốn khôi phục Trung nguyên, rước Nhị Đế về. Nhưng khi ông vua đương kim có ý định chỉ nhổ đầu tên, thì Nhạc Phi bị hại ngay.

Đời Tấn, Vương Đạo làm thừa tướng, có giặc nổi loạn nhưng ông không cho binh lính tiêu diệt loạn quân, mặc dầu trong khi ấy ông ta vẫn tỏ ra tận trung phò tá ngai

vàng. Đấy là ông ta nuôi giặc để cho nhà Vua cảm thấy ngai vàng lung lay, cần phải có ông phò tá. Đó là giữ nguyên cả mũi tên không cắt, để chờ thầy nội khoa. Cổ kim, đông tây, ví dụ rất nhiều, ta không thể nào nói hết được. Nếu con chịu khó suy luận thì thấy ngay.

Thấy tôi cứ ngồi ngẩn ra không trả lời, cụ dịu dàng hỏi:

- Con còn điều gì thắc mắc nữa không?

Tôi ngập ngừng:

- Dạ có. Con nghĩ rằng, nếu theo như lời cụ dạy, thì chả hóa ra đời đen tối lắm sao? Và những kẻ nào thành công trên đời, vô tình hay hữu ý, cũng đều là môn đồ của cụ cả?

- Con nói thế, tỏ ra con chỉ biết một mà không biết hai, và " Hậu Hắc Học" của ta, con cũng chưa đọc kỹ. Thôi, tiện đây ta cũng nói nốt cho con nghe

Thế giới lúc nào cũng tiến hóa. Hậu Hắc Học cũng phân ra làm ba thời kỳ. Thời kỳ thượng cổ còn lộn xộn, không phân biệt " đen" hay " dày" gì cả, tất cả mọi người đều giản dị thật thà. Trong thời ấy, học thuyết của Khổng Mạnh đề xướng ra, rất thích hợp. Đó là thời kỳ thứ nhất.

Về sau, trí thức dân chúng càng ngày càng mở mang, trong đầu óc người ta, trăm mưu nghìn kế, biến hóa vô cùng. " Hắc" như Tào Tháo, " Hậu" như Luu Bị, bấy giờ mới xuất hiện ra. Lúc ấy, dù Khổng Tử có sống lại, cũng vô ích mà thôi. Đó là thời kỳ thứ hai.

Hiện tại đã đến thời kỳ thứ ba. Bọn người " Hắc" như Tào Tháo, " Hậu" như Lưu Bị, sinh ra càng ngày càng nhiều. Không những thế, nghệ thuật tinh vi của bọn họ, nếu Tào, Lưu trông thấy, cũng phải kinh hoảng. Cũng may là người thành công ít, kẻ thất bại nhiều. Và dù có thành công một thời, kết quả cũng vẫn đi đến thất bại.

Như thế là tại làm sao? Ta đã nói rồi. Vì đây là thời kỳ thứ ba, thời kỳ " Hậu Hắc" toàn thịnh của Tào, Lưu nay đã trở thành quá khứ. Người muốn THỰC thành công bây giờ, ngoài mưu trí thông minh xuất chúng, còn phải kiêm cái đạo đức giống như ở thời kỳ thứ nhất vậy. Kỳ thực, cũng không phải là trở lại thời kỳ thứ nhất hẳn, nhưng là một cái vòng tròn tiến hóa. Nghĩa là phải có cái tâm của Khổng Mạnh để thực hành cái thuật của Tào, Lưu, mới thích hợp với thời đại.

Vật gì hiếm có là vật quí. Thời thượng cổ, dân trí còn chất phác, không ai " Hậu" mà cũng chẳng có ai " Hắc" . Bỗng nhiên sinh ra một người đủ cả " Hậu" lẫn " Hắc", tất nhiên người ấy khống chế thiên hạ, giành phần thắng lợi về mình. Mọi người trông thấy thế, bèn bắt chước theo. Ai cũng thi nhau " Hậu Hắc" không ai trị nổi ai.

Thế rồi bỗng dưng lại nổi lên một người, không rõ là "Hậu" hay " Hắc". Người này cố nhiên sẽ nổi bật hẳn lên về đức độ và tài năng, như thế cố nhiên sẽ phải được thiên hạ tín nhiệm, cảm phục, phần thắng lợi nắm chắc trong tay, không còn ai tranh được.

Ví dụ, cũng như trong thương trường, lúc ban đầu tất cả các gian hàng đều bán một thứ hàng tốt, giá rẻ cả, bỗng nhiên có một người bán lẫn hàng giả và xấu vào, người này bán đầu tiên, nên lừa thiên hạ được một số tiền rất lớn. Mọi người thấy thế đua nhau bắt chước, đến nỗi cả thị trường dần dần đều bán toàn hàng giả, xấu, làm cho khách hàng nghi ngờ, chán nản vô cùng. Thế rồi, bỗng có một nơi bán hàng tốt thật và giá rẻ thật. Khi thiên hạ phát giác sự thật thà của cửa tiệm này, tất cả mọi người đều đổ xô đến mua. Công ty này nhất định sẽ phát đạt và giàu to, vì đã được sự tín nhiệm của khách hàng.

Như thế là trong thương trường, cũng chia làm ba thời kỳ: thời kỳ thứ nhất là hàng tốt và đẹp mắt, thời kỳ thứ hai hàng chỉ đẹp mà không tốt, thời kỳ thứ ba, trở lại bên ngoài trông đẹp mà bên trong chất hàng cũng tốt nữa.

Hậu Hắc Học của ta cũng biến hóa như thế. Môn đồ ta ai không có trí suy xét, không biết biến hóa theo thời kỳ, chỉ còn biết oán trách sinh không đúng thời chứ đừng oán trách ta giảng dạy không chu đáo. Con đã hiểu chưa?

Tôi thưa:

- Bẩm cụ, nhưng con là phận đàn bà con gái, có lĩnh hội được Chính truyền của cụ cũng chẳng ích lợi gì. Con không thích và cũng không thể làm " anh hùng hào kiệt" như cụ dạy. Con chỉ ao ước quê hương được thanh bình, tâm hồn mọi người đều yên tỉnh và . . . .

Cụ có vẻ giận, cắt lời tôi:

- Thật ta tiếc công giảng dạy con. Nam nữ gì cũng giống nhau. Học thuyết của ta thiên biến vạn hóa, ai lĩnh hội được thì thành công tuyệt vời. Ta muốn giảng phép thành "Anh hùng Hào kiệt", mà con chỉ nghĩ đến hai chữ bình an, rõ thật người đầu não thấp kém có khác! Thôi con về đi. Khi nào " tỉnh ngộ" rồi, lên sao Bắc Đẩu tìm ta, ta sẽ giảng Hậu Hắc Kinh cho mà nghe.

Cụ bảo tôi nhắm mắt lại. Cụ thổi một hơi nhè nhẹ bên mang tai làm tôi thấy lạnh toát cả người. Giật mình tỉnh dậy, thì ra một giấc mơ dài.

Đêm đã sang canh .

Chú thích:

[1] Dốc sức nghiên cứu nguyên lý của sự vật, từ đó thu được tri thức. – N.D chú thích

[2] Nghĩa là Phật pháp vô thượng, đạo lý vô cùng sâu sắc, vi diệu khó tưởng tượng nổi. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni là một vạn hai ngàn năm, chỉ có những chúng sinh có duyên với Phật pháp mới có thể nghe thấy, thân thế hiếm có, Phật pháp khó nghe được.

[3] Tức Huệ Năng và Thần Tú. – N.D chú thích

[4] Nghĩa là đem tuổi thật của người ta nói ít đi vài tuổi, mang đồ của người khác thực chất có giá trị 200 đồng lại nói thành 300 đồng. Nếu bạn thường xuyên nói những lời nịnh nọt như vậy,

bạn bè càng xem bạn là người tri kỷ. - N.D chú thích.

[5] *Dùng để châm biếm người đọc sách nhiều nhưng không hiểu ý nghĩa hoặc không giỏi vận dụng. - N.D chú thích.*

[6] *Lộc nhung, Nhân sâm, Thục địa, Câu kỷ tử, Phụ tử. – N.D chú thích.*

[7] *Ý nói nên ở trước cái nhỏ, không nên ở sau cái lớn.*

[8] *Xây Ly cung cho Tần vương để làm nơi dừng chân khi đi tuần du.*

[9] *Tức nhận chức tước và mặc quan phục của nước Tần.*

[10] *Tức dâng tài vật cho nước Tần. – N.D chú thích.*

[11] *Lưu Bị ba lần đến lều cỏ.*

[12] *Thân Bất Hại và Hàn Phi Tử.*

[13] *Tên tục của Lưu Thiện, tức Hán Hậu chủ nhà Thục thời Tam Quốc, một ông vua bất tài hèn nhát.*

[14] *Nghĩa là ngươi làm cho quân tử, không làm nho tiểu nhân; nho quân tử tức là người học đạo Thánh hiền để sửa mình cho thành người có phẩm giá tôn quý, dẫu cho bần cùng cũng không làm điều trái đạo; còn nho tiểu nhân là kẻ mượn tiếng học đạo Thánh hiền để cầu danh lợi, miệng nói đạo đức mà bụng nghĩ nhiều điều bất chính bất nghĩa.*

[15] *Vào đời Thanh, sau khi thi hương, thi hội, quan chủ khảo chọn từ trong những bài thi hợp lệ ra một số bài để cho in, nhằm làm tài liệu tham khảo cho các thí sinh kỳ sau.*

[16] *Đức tính tốt đẹp*

[17] *Khổng Tử dồn tâm sức để viết Xuân Thu, nên ông cho rằng người khác có thể biết được cách nghĩ của ông ta thông qua Xuân Thu; hơn nữa Xuân Thu là công việc của thiên tử, ông cũng sợ người trách mắng ông là bao biện lạm quyền.*

[18] *Sách tra cứu, ghi chép các tài liệu hữu quan ở trong các sách và sắp xếp phân loại theo nội dung, như Thái Bình ngự lãm, Cổ Kim đồ thư tập thành...*

[19] *Tức Tư Mã Thiên.*

[20] Khi mang thai người phụ nữ chú ý đến chế độ dinh dưỡng, thuốc men sao cho hợp lý, tâm trạng thoải mái sẽ ảnh hưởng tốt đến thai nhi. – N.D chú thích

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách : Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google :http://bit.ly/downloadsach